

CÁNH CỬA MỞ RỘNG

Quốc
phiêu lưu
kỹ diệu
của

Nils

Truyện thiếu nhi



SELMA LAGERLÖF



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Selma LAGERLÖF

Hoàng Thiếu Sơn dịch

Quộc
phiêu lưu
kỹ diệu
của
Nils

Truyện thiếu nhi



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Cuộc Phiêu Lưu Kỳ Diệu Của Nils

Selma Lagerlöf

Nguyên tác: Nils Holgerssons underbara resa genom Sverige

Dịch giả: Hoàng Thiếu Sơn

Nhà xuất bản: NXB Trẻ

Số trang: 552 trang

Ngày xuất bản: 11-2011

∞ ∞ ∞ ∞ ∞

Nguồn pdf: cxz27

Thực hiện ebook: Bồ Bửu Xi

Ngày hoàn thành: 22/04/2016

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁCH ĐỌC TÊN THỤY ĐIỂN

* Trong tiếng Thụy Điển, nguyên âm cuối *e* trong các từ *Sirle*, *Gripe*, *Smirre*... vẫn được phát âm, đọc gần như *â* trong tiếng Việt (*Xirlè*, *Gripè*, *Xmirrè*...).

* Bảng chữ cái tiếng Thụy Điển có 29 chữ cái, với các chữ đặc biệt *å*, *ä*, *ö* xếp sau cùng trong bảng:

- **å** – phiên âm quốc tế 'o:' hoặc 'o' đọc gần như *ĩ* trong tiếng Việt.

Ví dụ, *Åsa* đọc là *Ĩxa*, *Skåne* đọc là *Xkĩnâ*.

- **ä** – phiên âm quốc tế /ɛ:/, /ɛ/ hoặc trước *r* là /æ:/, /æ/, đọc gần như *e* trong tiếng Việt.

Ví dụ, *Närke* đọc là *Nerkâ*.

- **ö** – phiên âm quốc tế /ø:/, /ø/ hoặc trước *r* là /œ:/, /œ/, đọc gần như *ơ* trong tiếng Việt.

Ví dụ, *Öland* đọc là *O'landđ*, tác giả *Selma Lagerlöf* đọc là *Xelma Layerlop*.

(Vui lòng tham khảo thêm cách phát âm tiếng Thụy Điển ở trang: http://conservapedia.com/Swedish_language)

Mục lục

- [1: Nils Holgersson](#)
- [2: Akka núi Kebnekaise](#)
- [3: Được đi với ngỗng Trong cái trai](#)
- [4: Tòa lâu đài cổ](#)
- [5: Hội múa chim hạc](#)
- [6: Tiết trời mưa](#)
- [7: Một đêm chống ba kẻ thù](#)
- [8: Cảng Karlskrona](#)
- [9: Chuyến đi Oland](#)
- [10: Mũi đất cực nam đảo Oland](#)
- [11: Con bướm lớn](#)
- [12: Trên hòn đảo nhỏ](#)
- [13: Hai thành phố](#)
- [14: Truyền cổ về tỉnh Småland](#)
- [15: Lũ qua khoang](#)
- [16: Bà lão nông dân](#)
- [17: Câu chuyện giữa tầng mây với mặt đất](#)
- [18: Con chim mồi](#)
- [19: Chiếc thuyền con cũ](#)
- [20: Lời tiên đoán](#)
- [21: Miếng vải len thô](#)
- [22: Khu vườn xinh đẹp](#)
- [23: Chó Karr và nai lông xám](#)
- [24: Băng tan](#)
- [25: Việc chia gia tài](#)
- [26: Ở các khu mỏ](#)
- [27: Con gấu với nhà máy thép](#)
- [28: Đêm lễ nữ thánh Valborg](#)
- [29: Trâu lut](#)

[30: Truyền cổ về tỉnh Uppland](#)

[31: Thành phố bơi trên nước](#)

[32: Gorgo, chim đại bàng](#)

[33: Ngày hội rừng](#)

[34: Qua miền rừng](#)

[35: Đây miền Bắc](#)

[36: Åsa, cô bé chặn ngõng, và bé Mats](#)

[37: Ổ xứ sở của người Lapps](#)

[38: Về Nam! Về Nam!](#)

[39: Truyền cổ do con qua kẻ](#)

[40: Cái trại nhỏ](#)

[41: Lên đường ra biển](#)

[42: Trở về Vemmenhög](#)

1

Nils Holgersson

Chúa nhật 20 tháng ba

Có một chú bé khoảng mười bốn tuổi, người cao, lẻo khoẻo, tóc vàng như sợi gai. Chú chẳng được tích sự gì. Chỉ thích ăn và ngủ, lại còn bày ra những trò nghịch ác nữa.

Một buổi sáng chúa nhật, bố mẹ sắp sửa đi lễ nhà thờ, chú mặc chiếc sơmi, ngồi ở một góc bàn. Chú hí hửng thấy bố mẹ sắp đi và mình sẽ được tự do chẳng ai cai quản trong hai giờ. Chú nghĩ bụng: “Mình có thể lấy súng của bố xuống, bắn vài ba viên đạn, chẳng ai biết cả”.

Có thể nói là bố đã đoán được ý định của chú. Lúc ra đi bố dừng lại trên bậc cửa và nói:

- Con đã không muốn theo bố mẹ đi nhà thờ thì có thể đọc kinh ở nhà. Con có hứa với bố như vậy không?

- Vâng, nếu bố muốn. Nhưng trong bụng chú thì nghĩ là chỉ đọc cái gì chú thích mà thôi.

Chưa bao giờ chú thấy mẹ chú nhanh nhẹn đến thế. Chỉ nháy mắt mẹ đã đến trước cái giá nhỏ treo trên tường, lấy cuốn sách thuyết giáo của Luther, đặt lên cái bàn kê trước cửa sổ, giở ra đúng trang có bài giảng hôm ấy. Mẹ lại tìm cả đoạn kinh Phúc âm sẽ đọc hôm chúa nhật ấy, đặt luôn bên cuốn thuyết giáo. Sau cùng, mẹ kéo sát vào bàn chiếc ghế bành lớn mua năm trước, hồi bán đấu giá cái nhà mục sư ở Vemmenhug, cái ghế mà thường chỉ có bố mới được ngồi.

Chú bé nghĩ rằng mẹ chú đã quá nhọc công trong việc dàn cảnh ra như vậy vì chắc là chú sẽ đọc chỉ một hai trang thôi. Nhưng hình như bố lại đoán biết ý định của chú. Bố nói, giọng nghiêm nghị:

- Cố đọc cho kĩ đấy. Lúc về bố sẽ hỏi từng trang, cứ bỏ bớt thì liệu hồn.

- Bài thuyết giáo những mười bốn trang rưỡi, mẹ nói thêm. Muốn đọc hết thì hãy bắt đầu ngay đi.

Cuối cùng bố mẹ ra đi. Qua cửa chú bé nhìn bố mẹ đi xa dần và chú thấy như mình bị mắc mưu vậy. Chú lẩm bẩm: “Biết mình phải chúi mũi vào

quyền sách suốt cả buổi mà họ vắng mặt thế này, bố mẹ chắc bằng lòng lắm đấy”.

Nhưng mà bố mẹ chẳng bằng lòng chút nào, trái lại còn rất phiền muộn. Bố mẹ là những nông dân nghèo, mảnh đất làm ăn chẳng rộng hơn một chéo vườn chút nào. Khi mới đến đây, cái trại chỉ nuôi được có một con lợn và mấy mái gà. Nhờ chịu khó, siêng năng, tháo vát, giờ đã có mấy con bò cái và đàn ngỗng. Nghĩa là họ làm ăn đã khá, và nếu như không phải nghĩ gì đến đứa con trai thì buổi sáng đẹp trời hôm ấy họ đã đi lễ nhà thờ rất vui vẻ. Bố phiền lòng vì thấy con lười quá sức, ỳ quá sức, chẳng muốn học hành gì ở trường cả, may ra chỉ có thể đi chăn ngỗng được mà thôi. Mẹ cũng thấy đúng như thế, nhưng mẹ buồn nhất là thấy nó độc ác, quá nhẫn tâm, quá tàn bạo với súc vật, xấu bụng với mọi người. Mẹ than thở: “Lạy Chúa bẻ gãy cái tính độc ác của nó đi và phú cho nó một tâm tính khác, nếu không chính nó sẽ gây ra bất hạnh cho nó và cho cả nhà nữa”. Sau khi suy nghĩ một hồi lâu, chú bé quyết định lần này nên vâng lời bố mẹ thì hơn. Chú ngồi vào chiếc ghế bành lớn và bắt đầu đọc lẩm nhẩm. Chưa được bao lâu giọng chú đã như ru chú ngủ. Chính chú cũng thấy là mình cứ thế thiếp đi.

Bên ngoài, trời xuân đẹp tuyệt. Mới hai mươi tháng ba, nhưng làng Vemmenhug ở tận cùng miền nam tỉnh Skåne^[1] đã vào xuân hẳn rồi. Tiết trời chưa làm cây cối xanh lại, nhưng khắp nơi đã đâm chồi và sáng lên. Con mương nào cũng đã có nước, hoa tử uyên đã nở bên những vệ đường. Tất cả rêu và địa y mọc trên tường đá đã chuyển sang màu nâu và ánh lên. Rừng dẻ gai ở phía tận cùng, lớn lên trông thấy, và như mỗi lúc một thêm um tùm. Bầu trời dường như cao thăm thẳm và xanh một màu trong vắt. Cửa ngôi nhà nhỏ vẫn để mở hé, nghe lọt tiếng ríu rít của chim sơn ca. Ngoài sân, gà và ngỗng đang kiếm mồi; những con bò cái cảm thấy không khí mùa xuân đến tận cuối chuồng, thỉnh thoảng rống lên một tiếng dài.

Chú bé đọc, thiếp đi, giật mình tỉnh dậy và cố chống lại cơn buồn ngủ. “Mình không muốn ngủ, vì ngủ thì hết cả buổi sáng cũng chẳng đọc xong”. Nhưng dù quyết tâm như vậy, cuối cùng chú cũng phải nhượng bộ cơn buồn ngủ.

Chú ngủ đã lâu hay chỉ mới một lúc, chú cũng chẳng biết nữa, nhưng một tiếng động khê ở đằng sau đánh thức chú dậy.

Trên bậc cửa sổ, trước mặt chú, có tấm gương nhỏ phản chiếu gần hết căn phòng. Chú ngẩng đầu lên thì nhìn ngay vào tấm gương, và thấy chiếc hòm lớn của mẹ đã mở nắp.

Bố mẹ có một cái hòm gỗ sồi lớn tướng, nặng và đóng đai sắt, không cho

phép ai mở ra bao giờ. Mẹ cất vào đó tất cả những vật thừa hưởng được của mẹ mình và rất quý những thứ ấy. Đó là những chiếc áo dài thôn nữ kiểu cổ bằng dạ đỏ, thân ngắn, váy gấp nếp và trước ngực thêu ngọc trai. Đó là những chiếc mũ trắng, túi xách và những chiếc hoa tai nặng, những sợi dây chuyền bằng bạc. Giờ người ta không muốn mặc những áo kiểu cổ ấy nữa, và nhiều lúc mẹ đã nghĩ đến việc bỏ đi hết, nhưng rồi cũng không quyết được. Những thứ ấy đối với lòng mẹ thân thiết quá.

Thế mà chú bé trông thấy rõ ràng trong gương là nắp hòm bị mở. Chú không hiểu tại sao lại có thể như thế được vì chắc chắn là mẹ đã khoá hòm trước khi đi. Chẳng bao giờ mẹ lại bỏ ngõ khi chỉ có mình con trai mẹ ở nhà.

Chú thấy khó chịu hết sức. Chú sợ có tên trộm nào đã len vào nhà. Không dám cựa, chú ngồi yên nhìn chăm chăm vào tấm gương.

Chú chờ tên kẻ trộm lộ mặt ra. Bỗng chú tự hỏi cái bóng đen vừa rơi xuống nắp hòm kia là cái gì. Chú nhìn, nhìn mãi mà vẫn không tin được mắt mình. Nhưng dần dần cái mà lúc đầu chỉ là một bóng đen kia, đã hiện rõ ra, và chú liền hiểu ngay rằng đó là một vật có thật. Trước mặt chú là một ông *tumté*^[2] không hơn không kém, đang ngồi như cưỡi ngựa trên mép hòm.

Tất nhiên chú đã nhiều lần nghe nói đến các gia thần, nhưng chưa bao giờ chú lại nghĩ rằng họ bé nhỏ đến thế. Vị thần này không cao hơn gang tay. Mặt thần già nua, nhăn nheo và không có râu. Thần mặc chiếc áo đen rất dài, cái quần chần, đôi chiếc mũ đen rộng vành; trang phục rất chải chuốt: hai cổ tay áo và cổ áo đều viền đăng ten trắng, đôi giày có những cái vòng đẹp, và bít tất thật nơ to. Thần lấy một chiếc yếm thêu trong hòm ra, ngắm nghía cái công trình ngày xưa ấy say mê đến nỗi không thấy chú bé đã thức giấc.

Thấy gia thần, chú bé rất ngạc nhiên nhưng chú không sợ lắm. Làm sao mà chú phải sợ một kẻ bé tí tẹo như thế? Và trong khi thần đang mải mê đến mức chẳng trông mà cũng chẳng nghe thấy gì cả, thì chú bé nghĩ là chơi ông ta một vố thì thích quá. Chẳng hạn đẩy ông ta vào hòm rồi đập nắp lại, hoặc là một trò gì đại loại như vậy. Tuy nhiên chú cũng không đủ can đảm đến mức đưa tay ra sờ vào thần. Bởi vậy chú đưa mắt tìm một vật gì có thể dùng để nện thần một cái. Chú nhìn từ giường sang bàn và từ bàn đến lò sưởi. Ngược nhìn lên xoong chảo và ấm cà phê để trên cái giá gỗ nhỏ; nhìn khẩu súng của bố treo trên tường giữa những bức chân dung của vương thất Đan Mạch, lại nhìn tới những cây phong lữ nở hoa trước cửa sổ, rồi cuối cùng chú dừng mắt lại nơi cái vọt bắt bướm cũ treo ở cửa sổ con.

Thoáng thấy chiếc vọt bắt bướm là chú vớ ngay lấy, vọt lên và úp sập xuống mép hòm. Chính chú cũng ngạc nhiên vì sự may mắn của mình, vì

chú đã bắt được gia thần, rõ mười mười. Vị thần bé nhỏ đáng thương nằm gọn ở đáy vọt, đầu lộn ngược xuống, không sao chui ra được. Mới đầu chú bé không biết làm gì con mồi của mình.

Chú chỉ lắc lắc chiếc vọt cho gia thần không trèo ra được thôi.

Thần liền lên tiếng và hết sức van xin chú trả lại tự do cho mình. Thần nói là trong bao nhiêu năm qua đã đem cho gia đình chú những điều tốt lành; và đáng được đối xử khác thế này. Nếu chú thả ra, thần sẽ biếu chú một cái thìa bạc, và một đồng tiền vàng to bằng cái đồng hồ của bố.

Chú bé cho là những thứ ấy chẳng nhiều nhận gì, nhưng từ khi bắt được thần chú lại đâm ra sợ. Chú thấy mình đang liên quan đến một cái gì lạ lùng, khủng khiếp, không thuộc về thế giới của mình, và chỉ mong sao ra khỏi cuộc phiêu lưu này.

Vì vậy chú đồng ý tức thì với đề nghị của gia thần, và ngừng tay lắc vọt để cho kẻ bé nhỏ kia trèo ra. Nhưng đúng lúc tù nhân của chú ra gần khỏi vọt thì chú chợt nảy ra cái ý là phải nắm lấy những của cải lớn và đủ mọi thứ khác nữa. Để mở đầu, ít ra chú phải bắt rằng bài thuyết giáo cứ tự nhiên nhập vào óc chú. Chú nghĩ, “để cho ông ta thoát thì mình ngu thật”, và thế là đột nhiên chú lại lắc lắc cái vọt.

Nhưng đúng vào lúc ấy chú bị một cái tát dữ dội, đến nỗi tưởng như đầu sắp nổ toang ra. Trước tiên chú bị bắn vào tường, rồi bật sang tường bên kia, sau cùng ngã vật xuống đất và nằm bất tỉnh nhân sự.

Lúc tỉnh lại chú chỉ còn một mình trong phòng, chẳng hề thấy chút dấu vết nào của gia thần cả. Nắp hòm đã đập lại; chiếc vọt bướm treo ở chỗ cũ, nơi cửa sổ. Nếu không thấy đau rát ở má thì chú đã có thể cho rằng tất cả những chuyện ấy chỉ là chiêm bao. Chú tự nhủ: “Dù sao đi nữa thì bố mẹ cũng vẫn cho rằng đó chỉ là giấc chiêm bao. Bố mẹ sẽ chẳng vì gia thần mà tha cho mình bài thuyết giáo. Vì vậy tốt nhất là mình hãy đọc lại đi”. Nghĩ vậy chú đi lại phía bàn, bỗng chú nhận thấy một điều gì khác lạ. Lẽ nào cái nhà lại to ra thế này. Nhưng mà giải thích bằng cách nào khác được, vì chú phải đi bao nhiêu bước mới tới cái bàn. Và cái ghế thì làm sao thế này? Hình như cái ghế không to ra; thế mà trước hết chú phải đu mình lên thanh gỗ bên dưới rồi từ đó mới leo lên được chỗ ngồi. Cái bàn cũng vậy, có trèo lên tay ghế bành mới trông thấy được mặt bàn.

Chú nghĩ: “Thế này là thế nào? Mình cho là gia thần đã hóa phép thay đổi cái ghế bành, cái bàn và cả nhà rồi!” Cuốn thuyết giáo vẫn để mở trên bàn và hình như không biến đổi gì. Thế mà rõ ràng là trên sách vẫn có cái gì kì quái, vì chú không thể nào đọc được một chữ nếu không đứng hẳn lên trên cuốn

sách.

Chú đọc vài dòng, rồi ngẩng đầu lên. Mắt chú lại bắt gặp tấm gương, và chú kêu to lên: “Kìa, lại một gia thần nữa!”

Trong gương, chú thấy rõ ràng một người bé nhỏ, bé tí tẹo, đội mũ nhọn, mặc quần chèn bằng da.

“Tay này ăn mặc hết như mình”, chú reo lên, hai tay chấp lại vì ngạc nhiên. Thế là con người bé nhỏ trong gương cũng làm động tác như thế.

Chú bé liền bứt tóc mình, tự cắt mình, xoay người mình như chong chóng, tức thì người trong gương cũng làm đúng động tác như chú.

Chú liền chạy vòng quanh cái gương xem có kẻ nào nấp đằng sau không. Nhưng chẳng thấy ai cả. Thế là chú bắt đầu run, vì chú chợt hiểu ra rằng gia thần đã lừa chú, và hình người phản chiếu trong gương chính là hình của chú đó.

Đàn ngỗng trời

Tuy nhiên, chú bé vẫn không thể tin rằng mình đã bị biến thành gia thần. Chú nghĩ: “Chỉ có thể là một giấc mơ hay là mình tưởng tượng ra đó thôi. Đợi lúc nữa, mình sẽ biến lại là một con người”.

Chú đứng trước gương nhắm mắt lại. Vài phút sau chú mới mở mắt ra mong cho phép thuật hết tác dụng. Nhưng không, chú vẫn bé tí tẹo như thế. Ngoài kích thước ra thì chú vẫn hoàn toàn như trước. Vẫn mớ tóc vàng nhạt, vẫn những tàn nhang trên mũi, vẫn những miếng vá trên chiếc quần da, và chỗ vá ở bít tất, chú thấy đủ tất cả nhưng đều nhỏ xíu hết.

Chờ đợi cũng chẳng ích gì. Phải hành động. Và tốt hơn cả là đi tìm gia thần, để cố làm lành với thần.

Chú bèn nhảy xuống đất, và bắt đầu tìm. Chú nhìn phía sau các ghế tựa và các tủ, dưới gầm giường và trong bếp lò. Chú lách cả vào mấy cái lỗ chuột, nhưng vô ích. Vừa tìm chú vừa khóc, vừa van, hứa hẹn đủ điều; nào là không bao giờ làm sai lời hứa nữa, không bao giờ độc ác nữa, nào là không bao giờ ngủ trong giờ thuyết giáo nữa. May mà chú được trở lại thành người thì chú sẽ là đứa bé biết vâng lời nhất, hiền lành nhất và đáng yêu nhất. Nhưng chú cứ việc hứa hẹn, việc đó vẫn chẳng ích gì.

Bỗng chú chợt nhớ là có nghe mẹ nói rằng các gia thần thường quen ở chuồng bò, thế là chú quyết ra đấy. May mà cửa ra vào vẫn để ngỏ, nếu

không thì chẳng bao giờ chú có thể mở nổi cái then. Chú đi ra chẳng vương mắc gì.

Ra đến bậc cửa, chú đưa mắt tìm đôi giày gỗ^[3] của chú, vì ở trong nhà thường chú đi lại bằng giày vải. Nhưng mà chú sẽ mang thế nào nổi đôi giày gỗ to và nặng của chú đây? Vừa đúng lúc ấy chú thấy trên ngưỡng cửa một đôi giày gỗ bé tí tẹo. Việc phát hiện này chỉ làm chú thêm sợ; nếu thần đã lo trước đến việc thay đổi cả kích thước đôi giày gỗ của chú thì chẳng phải cuộc phiêu lưu tai hại này sẽ còn kéo dài nữa sao?

Một con chim sẻ nhảy nhót trên cái bậc bằng gỗ sồi đã cũ ở trước cửa. Vừa trông thấy chú bé là nó đã ríu rít kêu lên:

“Chuyt, chuyt, nhìn kìa. Nhìn Nils, thằng bé chặn ngõng kìa! Nhìn thằng bé Tí Hon kìa! Nhìn Nils Holgersson Tí Hon kìa!”

Những con ngõng và những con gà mái lập tức quay về phía Nils, tiếng cục cục và cà kiu, cà kiu liền nổi lên ầm ĩ. Con gà trống gáy:

“Cúc cù cu cu! Đáng lắm!” “Cục cục cục, đáng lắm!” Bọn gà mái cũng kêu lên và cứ nhắc đi nhắc lại mãi cái câu ấy. Các con ngõng tụ tập lại, chen chúc nhau, tất cả đều vươn dài cổ ra cùng hỏi: “Ai gây ra việc này? Ai gây ra việc này?”

Điều kì diệu nhất là chú bé hiểu tiếng nói của chúng nó. Ngạc nhiên, chú đứng lại một lúc trên bậc cửa để nghe chúng nó nói.

Chú nghĩ bụng: “Bởi vì mình đã biến thành gia thần nên biết tiếng nói của loài chim”.

Chú thấy các con gà mái thật là khó chịu, cứ cục cục và kêu mãi: “đáng kiếp”. Chú ném về phía chúng một hòn đá để bắt chúng im. “Có im mồm đi không, đồ vô lại”. Khôn thay, chú quên mất rằng chú không còn đủ sức để làm cho bọn gà mái sợ nữa. Cả bọn chạy xô đến, vây lấy chú và cứ cục cục. “Cục cục cục, thật đáng đời! Cục cục cục, thật đáng đời”.

Chú tìm cách chạy trốn, nhưng đám gà mái đuổi theo và kêu đến điếc cả tai. Chú chẳng tài nào thoát nổi đàn gà nếu lúc đó con mèo nhà không hiện ra. Vừa trông thấy nó, đàn gà liền im tiếng và làm bộ mãi miết bới đất tìm sâu.

Chú chạy lại phía con mèo và nói: “Này Miu bé nhỏ của mình, cậu biết rõ mọi hang lỗ ngõ ngách trong trại, cậu làm ơn bảo cho mình biết đi tìm gia thần ở chỗ nào đây”.

Mèo không trả lời ngay. Nó ngồi lại, xếp cái đuôi quanh mình thật duyên

dáng, rồi chăm chăm nhìn chú bé. Miu là một con mèo đen to, ngực trắng. Bộ lông mượt ánh lên dưới tia mặt trời. Móng nó quắp lại hết. Mắt nó toàn một màu xám, có một khe rất hẹp ở giữa. Nó có vẻ hiền lành.

Mèo nói giọng rất dịu dàng: “Tất nhiên mình biết gia thần ở đâu, nhưng cậu tưởng mình sẽ nói cho cậu biết đấy à?”

- Miu thân mến ạ, phải giúp mình tí. Miu không thấy là mình bị ông ấy lừa đấy à?

Con mèo hé mắt ra, ác ý lộ qua ánh mắt màu lục. Nó gầm gừ, thích chí mãi rồi mới nói: “Cậu muốn mình giúp cậu để cảm ơn cậu cứ thường thường kéo đuôi mình ấy à?”

Chú bé nổi giận và quên hẳn rằng mình bé nhỏ và bất lực, hét lên: “Tao ấy à, tao vẫn rất có thể kéo đuôi mày nữa. Đợi đấy tí!”

Trong nháy mắt con mèo thay đổi đến nỗi khó mà nhận ra nó. Mỗi sợi lông trên mình nó tua tủa lên. Lưng cong vòng lại, chân duỗi ra, móng cào cào đất, cái đuôi xù lên và co lại, đôi tai rụt sát vào đầu, mồm nhỏ dãi, cặp mắt mở to rực lên một ánh lửa đỏ.

Chú bé không muốn để cho một con mèo lại dọa mình. Chú bước lên một bước. Thế là con mèo vọt lên, nhào thẳng vào chú bé, hất chú ngã xuống đất và đứng chặc trên mình chú, hai chân trước đè lên ngực, mồm há to ngay trên cuống họng chú.

Chú thấy các móng của mèo đang cắm vào thịt mình qua lần áo vét và áo sơ mi; những chiếc răng nhọn cọ vào họng chú buồn buồn. Chú lấy hết sức kêu cứu.

Nhưng chẳng ai chạy tới cả, và chú tưởng rằng giờ cuối cùng của đời chú đã đến. Sau cùng chú bỗng thấy mèo thu móng lại và thả chú ra.

“Đấy! Thế là đủ. Lần này tớ tha cho cậu vì tớ nghĩ đến bà chủ. Tớ chỉ muốn cho cậu hiểu là cậu với tớ ai khỏe hơn thôi”.

Nói xong mèo bỏ đi, vẫn uyển chuyển và hiền lành như trước. Chú bé xấu hổ đến nỗi không thốt nên lời, nhưng chú cứ đi về phía chuồng bò tìm gia thần.

Trong chuồng chỉ có ba con bò cái. Thế mà khi chú bé hiện ra là tiếng rống lên huyên náo tưởng chừng ít ra cũng phải có đến ba chục con bò.

- Mò! Mò! Mò! - con Hoa Hồng Tháng Năm kêu - sừng thay là trên đời này có công lí!

- Mòo! Mòo! Mòo! Cả ba con bò cái cùng kêu tiếp. Chú bé không thể nghe rõ chúng nói gì vì con nọ cổ rỗng to hơn con kia.

Chú muốn nói chuyện gia thần, nhưng không làm thế nào cho chúng nghe tiếng được. Mấy con bò cái đang giữa cơn nổi loạn. Chúng nhón nháo lên như lúc chú đem một con chó lạ vào chuồng vậy. Chúng tung cả lên đá, lắc lắc dây xích, quay đầu ra đằng sau và giương sừng ra dọa.

- Cứ lại đây! - Con Hoa Hồng Tháng Năm hét - Tao sẽ cho mày một cái đá, không quên ngay được đâu!

- Lại đây! Con Hoa Kèn Vàng nói - Ta sẽ cho nhảy lộn trên đôi sừng này!

- Lại đây đi, lại gần đây tí! Con Ngôi Sao gầm lên - Ta ấy à, ta sẽ cho biết là ta đã đau như thế nào lúc mày lấy giày gỗ ném ta mùa hè năm ngoái.

- Lại đây! Con Hoa Kèn Vàng rống lên - Ta sẽ cho đền cái tội đã bỏ ong bò vẽ vào tai ta!

Hoa Hồng Tháng Năm, con bò lớn tuổi và khôn ngoan hơn cả, lại là con bò tức giận hơn cả. Nó nói: “Lại đây, ta sẽ thưởng công cho về việc bao lần kéo chân chiếc ghế đầu lúc mẹ mày sắp vắt sữa chúng ta, về tất cả những lần ngáng chân mẹ mày lúc bà ấy xách những xô sữa đi qua, về tất cả những giọt nước mắt đã phải khóc vì mày, ngay tại đây”.

Chú bé muốn nói với chúng là chú hối hận vì đã độc ác với chúng, rằng chú sẽ không bao giờ chơi ác lại như vậy nữa, chỉ cần chúng bằng lòng cho chú biết gia thần ở đâu thôi. Nhưng mấy con bò làm âm ỉ và vùng vằng dữ quá đến nỗi chú sợ là dây buộc sẽ đứt mất, nên chú nghĩ tốt nhất là cứ lên ra khỏi chuồng.

Ra ngoài sân, chú nản lắm. Chú thấy rõ là chẳng một ai sẵn lòng giúp chú tìm gia thần cả. Và lại tìm thấy được thần có lẽ cũng chẳng ích gì cho lắm.

Chú trèo lên bức tường đá xếp quanh trại mà từng quãng bị phủ kín những cây mâm xôi và những bụi gai. Chú ngồi đấy ngẫm nghĩ về những gì sẽ xảy ra nếu chú không được trở lại thành người bình thường. Trước hết bố mẹ ở nhà thờ về sẽ ngạc nhiên đến thế nào! Phải rồi, tất cả các xứ sẽ kinh ngạc, và người ta sẽ kéo nhau từ Vemmenhug Đông, từ Torp, từ Skerup, từ các xã đến để xem chú. Và có thể là bố mẹ sẽ đưa chú tới chợ phiên Kivik bày cho thiên hạ xem nữa.

Khủng khiếp thật! Chú những muốn từ nay không một ai trông thấy chú nữa. Thật bất hạnh quá! Chẳng có ai đáng phàn nàn như chú! Chú không còn là một con người nữa, mà là một quái vật.

Dần dần chú hiểu ra rằng: không còn là con người thì sẽ như thế nào? Từ nay chú bị xa cách tất cả. Chú không còn được chơi với những trẻ khác nữa; không thể lĩnh canh cái trại sau khi bố mẹ qua đời, và chắc chắn là sẽ không bao giờ tìm ra một cô gái muốn lấy mình làm chồng. Chú nhìn cái nhà mình. Một túp nhà tranh nhỏ, tường đất, trông như tụt vào lòng đất dưới sức nặng của cái mái rạ cao và dốc. Những buồng phụ cũng đều nhỏ tí, rẻo đồng ruộng thì hẹp đến nỗi một con ngựa cũng khó có đủ chỗ quay mình. Nhưng dù có bé nhỏ và tồi tàn đến đâu thì giờ đây chỗ ở này đối với chú cũng tốt đẹp quá rồi. Chú không còn có quyền đòi hỏi gì hơn một cái lỗ nhỏ dưới sàn chuồng ngựa.

Trời đẹp lạ lùng. Xung quanh chú nước chảy tràn trề, cành cây đâm chồi, chim chóc ríu rít. Riêng chú mang một nỗi buồn ghê gớm. Chú chẳng còn thấy vui với cái gì nữa cả.

Chưa bao giờ chú thấy trời xanh đến thế. Những loài chim di cư bay qua từng đàn. Chúng từ nước ngoài về, vượt biển Baltic, bay thẳng đến mũi Smygahuk, và giờ đây đang bay lên phương Bắc. Có nhiều loài chim khác nhau, nhưng chú chỉ nhận ra những con ngỗng trời bay theo hai hàng dài, hợp lại thành một hình chữ nhân.

Đã nhiều đàn ngỗng bay qua rồi. Chúng bay rất cao, nhưng chú vẫn nghe tiếng chúng kêu: “Chúng tôi bay lên các cao nguyên băng tích. Chúng tôi bay lên các cao nguyên băng tích”.^[4]

Khi trông thấy những con ngỗng nhà lững thững đi trong sân gà vịt, thì đàn ngỗng trời bay thấp xuống, và gọi to: “Đi với chúng tớ đi! Đi với chúng tớ đi! Chúng tớ bay lên các cao nguyên băng tích!”

Những con ngỗng nhà không thể không ngẩng đầu lên nghe. Nhưng chúng đáp lại, rất khôn ngoan: “Ở đây chúng mình sướng rồi. Ở đây chúng mình sướng rồi”.

Như đã nói, hôm ấy là một ngày đẹp tuyệt vời, không khí mát mẻ làm sao, nhẹ nhàng làm sao, như mời người ta bay lên. Những đàn ngỗng trời khác càng bay qua thì những con ngỗng nhà càng bồn chồn. Có lúc chúng vỗ cánh như đã quyết bay theo bọn ngỗng trời. Nhưng mỗi lần như thế lại có một mục ngỗng già lăm mồm nào đó lên tiếng nói: “Này, đừng có điên rồ thế. Bọn chúng nó rồi sẽ phải khổ vì đói, vì rét đây”.

Nhưng lại có một con ngỗng đực, nghe tiếng gọi của các ngỗng trời, tỏ ra rất khát khao được bay đi. Nó nói: “Nếu còn một đàn nữa đến, tôi sẽ theo ngay.”

Một đàn nữa bay tới, lại gọi như những đàn trước. Thế là ngỗng đực đáp: “Đợi tí, đợi tí. Tôi đi ngay”.

Nó dang cánh bay lên, nhưng vì chẳng quen bay tí nào nên lại rơi xuống đất.

Nhưng hình như những con ngỗng trời đã nghe tiếng ngỗng đực. Chúng thông thả bay lộn lại, xem ngỗng đực có theo chúng không. “Đợi tí! Đợi tí!”, ngỗng đực kêu, rồi lại cố bay lên.

Ngồi nấp trên bờ tường, chú bé nghe thấy tất cả: “Ngỗng đực mà bay đi thì thiệt quá! Đi lẻ về mà thấy ngỗng bay mất rồi, bố mẹ sẽ buồn lắm”.

Lại một lần nữa, chú quên rằng mình nhỏ bé và yếu đuối. Chú nhảy vào giữa đàn ngỗng nhà, vòng tay ôm lấy cổ ngỗng đực, miệng hét: “Mày phải ở lại đây nghe chưa”.

Nhưng đúng lúc ấy, ngỗng đực hiểu là phải làm thế nào để bay lên khỏi mặt đất. Nó không thể ngừng lại để hất chú bé xuống, và thế là chú bị mang theo lên không. Chú bị mang đi nhanh đến chóng cả mặt. Chưa kịp nghĩ đến việc bỏ tay ôm cổ ngỗng ra thì chú đã lên cao đến nỗi nếu ngã xuống đất thì sẽ chết ngay.

Chú chỉ còn cách là cố trườn lên lưng ngỗng. Chú đã lên được, nhưng thật là vất vả. Lại cũng chẳng phải dễ dàng gì mà ngồi yên được trên cái lưng nhẵn mượt và trơn tuột, giữa đôi cánh đập liên hồi. Chú phải thọc sâu hai tay vào bộ lông, đến tận lông tơ của ngỗng để cho khỏi bị lao nhào xuống đất.

Tám vài kẻ ô

Chú bé bị chóng mặt một hồi lâu, chẳng nhận ra cái gì hết. Không khí rít lên, quật vào chú, cánh ngỗng đập, lông ngỗng rung âm âm như bão. Mười ba con ngỗng bay quanh chú. Tất cả đều kêu cà-kiu, và vỗ cánh. Mắt lóa, tai ù, chú chẳng biết là chúng bay cao hay thấp, cũng chẳng biết cái đích của cuộc lữ hành này là gì.

Sau đó, chú trấn tĩnh lại, và hiểu là mình phải cố tìm cho biết xem chúng đưa mình đi đâu. Nhưng làm sao mà chú có đủ can đảm nhìn xuống đất được?

Đàn ngỗng trời không bay cao lắm, vì bạn đồng hành mới sẽ không thể thở nổi không khí quá nhẹ. Và cũng vì nó mà đàn bay cũng không nhanh như thường lệ.

Sau cùng, chú bé dám táo bạo nhìn một cái xuống đất. Chú ngạc nhiên thấy dưới ấy trải ra như thể một tấm vải rộng, chia thành vô số những ô vuông lớn nhỏ.

“Minh ở đâu thế nhỉ?” Chú tự hỏi.

Chú lại nhìn. Chỉ toàn những ô vuông. Có những ô hẹp và dài; vài ô nằm chéo, nhưng chú thấy nhiều nhất là những góc vuông và những bờ thẳng. Chẳng có cái gì tròn cả, chẳng có một đường cong nào.

“Tấm vải kẻ ô to tướng kia là cái gì thế nhỉ?” Chú nói lầu bầu, chẳng đợi ai trả lời.

Nhưng những con ngỗng trời đang bay xung quanh liên lên tiếng: “Những đồng ruộng và những đồng cỏ. Những đồng ruộng và những đồng cỏ”.

Bấy giờ chú mới hiểu rằng tấm vải kẻ ô là đồng bằng tỉnh Skåne mà cả đàn đang bay qua. Và chú cũng hiểu tại sao trông nó sặc sỡ đến thế. Những ô màu lá mạ, chú nhận ra trước tiên. Đó là những cánh đồng lúa mạch^[5] gieo từ mùa thu trước và vẫn còn xanh dưới tuyết phủ. Những ô vàng nhạt pha xám là chân rạ của lúa mì mùa hạ, những ô màu nâu là những cánh đồng trước đây trồng cỏ chẻ ba, những ô đen là ruộng trồng củ cải đường đã thu hoạch hết, nay trơ trụi, hay là những đám đất bỏ hoang. Những ô màu nâu viền vàng chắc là những rừng dẻ gai, vì trong những rừng ấy, mùa đông những cây cao mọc ở quãng giữa đều trụi lá. Trái lại những cây non ở ven rừng giữ được lá vàng khô trên cành đến tận mùa xuân. Cũng có những ô màu sẫm điểm cái gì màu xám ở giữa. Đó là những trại lớn mà nhà lợp rạ đã đen, bao quanh những cái sân lát gạch. Lại còn những ô khác, ở giữa thì xanh, chung quanh viền nâu. Đó là những mảnh vườn với những bãi cỏ đã xanh, dù còn trông thấy lớp vỏ trần trụi của những bụi cây và những hàng rào.

Chú bé ngấm tất cả những ô đó mà không sao nhận được cười.

Nhưng nghe chú cười, những con ngỗng trời liền kêu to, giọng trách cứ: “Đất nước tốt lành và màu mỡ, đất nước tốt lành và màu mỡ”.

Chú liền trở lại nghiêm chỉnh và nghĩ thầm: “Làm sao mà mày dám cười khi vừa gặp phải bước phiêu lưu ghê gớm nhất có thể xảy đến cho một con người như thế?”

Chú tập nghiêm được một lát, rồi trở lại vui vẻ ngay. Chú quen liền với kiểu du hành này, với tốc độ lớn, và có thể nghĩ đến việc khác ngoài việc cố ngồi cho vững trên lưng con ngỗng đực. Chú bắt đầu nhận thấy không gian có biết bao đàn chim, tất cả đều đang bay lên phương Bắc. Và những tiếng

kêu lên, tiếng gọi nhau từ đàn này qua đàn khác. Đàn này kêu:

- A, các bạn đây à, các bạn vừa vượt biển hôm nay à?

- Vâng, vâng, đàn ngỗng đáp. Mùa xuân ở đây thế nào rồi?

- Không một chiếc lá trên cây và nước các hồ thì lạnh như băng - những chim khác trả lời.

Bay qua một nơi, trông thấy những gà nhà, đàn ngỗng gọi và hỏi: “Trại này tên là gì? Trại này tên là gì?”. Thế là con gà trống vươn dài cổ ra và gáy: “Trại tên là Đồng Nhỏ. Năm nay cũng như năm ngoái! Năm nay cũng như năm ngoái”.

Phần lớn các trại đều mang tên chủ cả, theo tục lệ ở tỉnh Skåne, nhưng đáng lẽ nói đây là trại của Per Matssons hay của Ola Bossons thì lũ gà trống đặt ra những tên mà chúng cho là hợp hơn. Nơi nhà tranh nghèo nàn, và trại nông dân nhỏ thì kêu: “Trại này tên là Hạt Bay”. Ở những nơi nghèo khổ nhất thì: “Trại này tên là Nhai Ít! Nhai Ít! Nhai Ít!”

Những trại lớn của nông dân giàu thì được những tên đẹp, như: “Đồng Giàu Có”, “Đôi Trứng”, “Thị Trấn Bạc”. Những bọn gà trống ở các lâu đài và các trang ấp lớn thì kiêu ngạo lắm, chẳng thêm đùa. Một con trong bọn ấy lên giọng gáy thật to như muốn làm cho mặt trời cũng phải nghe tiếng: “Đây là lâu đài Dybeck. Năm nay cũng như năm ngoái! Năm nay cũng như năm ngoái!”.

Xa tí nữa, một con khác kêu: “Đây là Swanholm. Mọi người đều biết”.

Chú bé nhận thấy rằng đàn ngỗng không bay thành đường thẳng. Chúng bay và lượn trên khắp đồng bằng rộng lớn tỉnh Skåne, dường như vui sướng được trở về, chúng muốn chào mỗi một ngôi nhà bên dưới.

Chúng đến một nơi mọc lên mấy tòa nhà lớn nặng nề, trên có những ống khói cao và bao bọc xung quanh có nhiều ngôi nhà nhỏ.

“Đây là nhà máy đường Jordberga!” Bọn gà trống kêu. “Đây là nhà máy đường Jordberga!”. Chú bé giật mình. Làm sao mà chú không nhận ra nơi này nhỉ? Có cách nhà chú bao xa, hè năm ngoái chú còn đến đây chăn ngỗng mướn nữa cơ mà. Nhưng từ trên cao nhìn xuống, mọi thứ đều khác cả.

Jordberga! Jordberga! Và Åsa, con bé chăn ngỗng và thằng bé Mats đều là bạn chú! Chú rất muốn biết chúng có còn ở đây không. Chúng sẽ nói gì nếu biết rằng lúc này Nils đang bay trên đầu chúng.

Nhưng chẳng mấy chốc đã mất hút Jordberga. Đàn ngỗng bay về phía

Svedala và Skaber để trở về phía nhà tu Buringe.

Chỉ trong có một ngày hôm nay mà chú bé thấy được nhiều thứ trên tỉnh Skåne hơn tất cả bao nhiêu năm chú đã sống.

Những lúc ngỗng trời gặp ngỗng nhà chính là lúc chơi đùa vui nhất. Chúng bay rất thông thả và gọi: “Chúng tớ đang trên đường lên những cao nguyên băng tích. Có đi không?”.

Nhưng các ngỗng nhà đáp: “Trong xứ đang còn là mùa đông. Các bạn đến sớm quá. Trở lại đi! Trở lại đi!” Đàn ngỗng trời xuống thật thấp, để cho ngỗng nhà nghe thật rõ. Chúng kêu: “Lên đây, chúng tớ sẽ bảo cho mà bay, và bơi!”

Bực mình, các ngỗng nhà chẳng thềm đáp lại một lời. Đàn ngỗng trời lại sà xuống thấp nữa, đến là sát mặt đất, rồi lại bay vụt lên như những mũi tên, vừa bay vừa làm ra vẻ sợ hãi: “Ai, ai, ai! Chúng kêu lên. Nào phải là ngỗng. Chỉ là những con cừu! Chỉ là những con cừu!”.

Đến lúc ấy thì các ngỗng nhà tức giận và hét lên: “Mong cho người ta bắn chúng mày và hạ cả lũ chúng mày, cả lũ chúng mày!”

Nghe những lời bông đùa đó, chú bé cười. Rồi lại nghĩ đến nỗi bất hạnh của mình, chú khóc, để rồi một lát sau lại cười. Từ trước đến nay, chưa bao giờ chú được đi nhanh như thế. Chú thường vẫn thích phi ngựa đi nhanh, thật nhanh. Nhưng tất nhiên là chú không bao giờ tưởng tượng ra là ở trên cao không khí lại mát mẻ, thú vị đến thế, cũng như trên này ta được hít những hương thơm đến thế của đất ẩm và nhựa cây, từ mặt đất bốc lên. Mà cũng chẳng bao giờ chú có thể biết là bay cao đến như thế thì sẽ ra sao. Có thể nói là đã bay xa những nỗi lo lắng, những mối phiền muộn, và những điều buồn bực, đủ mọi thứ.

2

Akka núi Kebnekaise

Buổi chiều

Lao theo đàn ngỗng trời, con ngỗng đực to rất lấy làm tự hào được cùng các bạn đi khắp đất nước, và được trêu ghẹo, giễu cợt các gia cầm khác. Nhưng dù vui sướng đến đâu, chiều đến nó cũng bắt đầu thấy mệt. Nó cố thở thật sâu và đập cánh mau hơn nhưng vô ích, nó vẫn tụt lại sau mấy sải.

Khi những con ngỗng đi tập hậu trông thấy ngỗng đực không thể theo chúng được nữa, liền gọi con đầu đàn đang bay ở mũi nhọn của đội hình: “Akka núi Kebnekaise! Akka núi Kebnekaise!”^[6]

- Gì thế?

- Con trắng tụt lại đằng sau! Con trắng tụt lại đằng sau.

- Bảo nó bay nhanh để hơn bay chậm! Akka đáp và cứ tiếp tục bay như trước.

Ngỗng đực cố theo lời khuyên ấy, bay nhanh lên, nhưng chẳng mấy chốc đã mệt hết hơi và tụt xuống thấp, là là sát những rừng liễu bị xén ngọn ở hai bên đường và ven những cánh đồng.

- Akka, Akka, Akka núi Kebnekaise! Những con ngỗng tập hậu lại gọi khi trông thấy những cố gắng vất vả của ngỗng trắng.

- Lại gì nữa đây? Ngỗng đầu đàn hỏi, giọng giận dữ.

- Con trắng rơi! Con trắng rơi!

- Bảo nó bay cao để hơn bay thấp! Akka đáp. Nó chẳng giảm tốc độ chút nào, vẫn bay như trước.

Ngỗng đực lại cố làm theo lời khuyên ấy, nhưng khi muốn bay cao lên, nó hụt hơi, tưởng như sắp vỡ tung lồng ngực.

- Akka, Akka! Những con ngỗng bay ở hai bên lại gọi.

- Các người không thể để ta yên được sao? Một giọng bức tức hơn bao giờ hết đáp lại.

- Con đực trắng sắp chết! Con đực trắng sắp chết!

- Kẻ nào không theo nổi đàn thì quay về đi! Con ngỗng đầu đàn trả lời, và không một lúc nào nó có ý bay chậm lại.

“À! Ra thế đấy!” Ngỗng đực nghĩ bụng. Nó vừa chợt hiểu là bọn ngỗng trời không bao giờ nghĩ đến việc đưa nó tới Lapland.^[7] Chúng chỉ muốn làm cho nó rời khỏi nhà để cho vui thôi.

Ngỗng đực tức giận thấy sức mình phản lại mình, và mình không thể tỏ cho bọn lang thang kia thấy rằng ngỗng nhà này cũng chẳng thua kém gì chúng. Cái bực tức nhất là nó lại gặp đúng Akka ở Kebnekaise. Dù chỉ là một con gia cầm, không phải nó không nghe nói đến một con ngỗng đầu đàn tên là Akka, đã sống trên trăm năm. Akka nổi tiếng đến mức những con ngỗng trời cừ nhất cũng muốn được nhập vào đàn của nó. Nhưng chẳng có ai mà khinh bỉ ngỗng nhà hơn cái mẹ Akka và cả đàn của nó, vì vậy mà ngỗng đực lại càng muốn tỏ cho chúng biết là mình chẳng thua kém gì chúng.

Vừa nghĩ đến việc quyết định làm, ngỗng trắng vừa bay chậm lại, tụt sau đàn một chút. Bỗng cái con người bé một mẩu mà nó cõng trên lưng lên tiếng nói: “Ngỗng đực Mårten thân mến à, cậu cũng thừa hiểu là cậu chẳng bao giờ bay cả thì không thể nào theo bọn ngỗng trời đến tận Lapland được. Trở ngay về nhà, đừng tự làm khổ mình có phải hơn không?”

Vả lại đưa con trai nhà này, cái thằng mất dạy ấy, ngỗng đực vốn ghét quá. Cho nên vừa hiểu rằng thằng bé tưởng nó không thể nào theo nổi chuyến đi này, nó bèn nhất quyết không bỏ cuộc. “Cậu nói thêm tiếng nữa là tớ quẳng xuống hầm đá sét gặp đầu tiên đấy”, ngỗng đực rít lên như vậy. Con giận đem cho nó sức mạnh, khiến nó bay ngay chẳng kém gì những con ngỗng trời kia.

Nhưng dù thế nào đi nữa thì chắc là nó cũng không thể tiếp tục bay lâu được. May thay cũng chẳng cần bay làm gì nữa, mặt trời đã xuống nhanh, và khi nó vừa lặn thì đàn ngỗng liền lao thẳng xuống đất. Chưa kịp nghĩ gì thì ngỗng đực và chú bé đã thấy mình ở bên bờ hồ Vomb. “Chắc là bọn mình sẽ ở đây nay tại đây”, chú bé vừa nghĩ như vậy vừa nhảy xuống đất.

Chú ở trên một dải cát hẹp, trước mặt trải ra một cái hồ khá rộng, chẳng có vẻ gì làm cho người ta yên tâm cả. Một lớp băng phủ gần kín mặt hồ, đen, lổn nhổn, đầy kẽ nứt và lỗ thủng như thường thấy trên mặt băng mùa xuân. Người ta thấy rõ băng ấy nhất định phải tan đến nơi rồi. Đã tách khỏi bờ, băng nằm giữa một dải nước rộng, đen và phẳng. Tuy vậy nó vẫn còn đấy, và nó mà còn đấy là còn tỏa khí lạnh và nổi buồn mùa đông lên tất cả cảnh vật.

Bên kia hồ hình như là một vùng quang đặng và sáng sủa, nhưng ở nơi

đàn ngỗng lao xuống là một khu tròng thông rộng. Có thể nói là rừng cây có nhựa này có uy lực giữ mùa đông lại. Khắp nơi mặt đất trơ trụi, nhưng dưới những cành lá chằng chịt này, tuyết đã tan ra rồi đông lại nhiều lần, và đã rắn như băng.

Chú bé nghĩ rằng mình đã đến một hoang mạc trên xứ sở của mùa đông, và thấy lòng khắc khoải tưởng như phải kêu lên.

Chú đói, cả ngày có ăn chút gì đâu. Nhưng mà tìm đâu ra được cái gì? Vào tháng ba, mặt đất cũng như cây cối chẳng có cái gì ăn được cả.

Phải rồi, chú kiếm cái ăn ở đâu được? Và ai sẽ cho chú trú nhờ? Ai sẽ dọn giường trải đệm cho chú? Ai sẽ cho chú sưởi trước lò sưởi của họ? Ai sẽ bảo vệ chú chống lại các thú dữ?

Bây giờ mặt trời đã lặn. Khí lạnh dường như bốc lên. Đêm đen buông xuống, nổi kinh hoàng trườn theo bước đi của đêm tối, và trong rừng thoáng nghe thấy những bước chân rón rén và những tiếng sột soạt. Thế là tiêu tan cái can đảm vui vẻ mà chú bé đã biểu lộ khi ở trên trời. Trong cơn khắc khoải, chú quay về với các bạn đồng hành, chú chỉ còn có chúng nữa mà thôi.

Chú thấy ngỗng đực lại còn khổ sở hơn mình. Nó ở nguyên tại chỗ nó lao xuống, và như là sắp chết. Cổ nó vươn dài ra, bất động trên mặt đất, mắt nhắm lại và hơi thở chỉ là một tiếng rít thoi thóp.

“Ngỗng Mårten thân yêu này, chú nói, cố uống lấy một ngụm. Hồ nước chỉ cách có hai bước”.

Nhưng ngỗng đực không hề nhúc nhích.

Chú bé trước đây vốn độc ác với mọi vật, và với cả ngỗng đực nữa. Nhưng bây giờ chú nghĩ rằng ngỗng đực là chỗ dựa độc nhất của chú, nên chú rất sợ mất nó. Chú bèn đẩy nó xuống nước. Ngỗng đực to và nặng, và chú bé phải vất vả lắm, nhưng cuối cùng cũng làm được.

Ngỗng đực rơi xuống hồ, đầu lao tới trước. Nó nằm im lìm một lát trong bùn, nhưng chẳng bao lâu nó ngóc đầu lên, lắc cho hết nước đã làm mờ mắt nó, và thở ra. Rồi nó bắt đầu bơi, khỏe mạnh, giữa những cỏ lác và lau sậy. Những con ngỗng trời đã lao xuống nước trước ngỗng đực. Chúng chẳng bận tâm gì đến ngỗng đực, cũng như người cuời lên lưng nó, mà cứ nhào hết xuống hồ. Chúng tắm tấp, rửa ráy; rồi giờ thì đang thông thả nhai cây nhãn tử thái đã thối một nửa và cỏ chẻ ba lá dưới nước. Ngỗng trắng may mắn trông thấy một con cá măng nhỏ. Nó đớp vội lấy bơi vào bờ và đặt trước mặt chú bé. “Này, để cảm ơn cậu đã đẩy mình xuống nước”, nó nói. Lần đầu tiên

trong ngày hôm nay, chú bé được nghe một lời nói thân tình. Chú vui sướng quá, đến nỗi muốn nhảy lên ôm lấy cổ ngỗng đực, nhưng lại không dám. Chú hài lòng về món quà. Thoạt tiên chú cho rằng không thể nào mà ăn nổi một con cá sống, nhưng rồi chú lại muốn thử xem sao.

Chú tự hỏi không biết mình có còn con dao nhỏ nữa không. May sao, chú thấy con dao còn lủng lẳng ở thắt lưng, nhưng bé tí tẹo, không dài hơn một que diêm, tuy thế cũng đủ để đánh vảy và moi ruột cá. Chẳng mấy chốc con măng đã bị nuốt sống.

No bụng rồi, chú bé thấy xấu hổ quá vì đã ăn tươi một vật sống. “Rõ ràng mình không còn là một con người nữa, mà là một gia thần thực sự rồi”.

Trong khi chú bé ăn, ngỗng đực đứng yên lặng bên cạnh. Chú ăn xong miếng cuối cùng thì nó khẽ nói:

- Chúng ta gặp phải một đàn ngỗng trời kiêu ngạo, khinh miệt các loài gia cầm.

- Đúng, mình cũng thấy thế.

- Thật là vinh dự lớn nếu tôi có thể theo chúng đến tận Lapland và tỏ cho chúng thấy rằng một con ngỗng nhà không phải là vô tích sự.

- Phải đấy, chú bé ngập ngừng đáp lại, vì không tin là ngỗng đực sẽ làm nổi việc ấy, nhưng chú không muốn nói trái lời nó.

- Nhưng tôi không tin là mình có thể vượt nổi khó khăn trong một chuyến đi như thế này - ngỗng đực nói. Tôi muốn hỏi xem cậu có thể cùng đi để giúp tôi được không?

Tất nhiên chú bé không có một dự định nào khác hơn là quay về nhà cho thật nhanh. Chú ngạc nhiên và chỉ biết trả lời: “Mình cứ nghĩ rằng mình với ngỗng vốn là kẻ thù cơ mà”.

Nhưng hình như ngỗng đực không nhớ đến chuyện ấy nữa. Nó chỉ nhớ là chú bé vừa cứu nó khỏi chết.

- Mình phải về nhà bố mẹ mình chứ, chú bé nói.

- Tôi sẽ đưa cậu về nhà trong mùa thu - ngỗng đực nói, tôi sẽ không bỏ cậu trước khi đặt cậu xuống ngưỡng cửa nhà cậu.

Chú bé nghĩ rằng tốt nhất là nên để một thời gian rồi hãy ra mắt bố mẹ. Dự định của ngỗng đực không phải làm cho chú không thích, và chú sắp đáp lại là mình nhận lời thì bỗng nghe tiếng ồn ào sau lưng. Những con ngỗng trời đã cùng nhau ra khỏi mặt nước tất cả, và đang giữ cánh. Rồi chúng xếp

thành hàng dài, con đầu đàn đi trước, tiến về phía chú bé và ngỗng đực.

Nhìn kĩ đàn ngỗng trời, ngỗng đực thấy khó chịu. Nó cứ tưởng ngỗng trời giống ngỗng nhà nhiều hơn, và thấy mình họ hàng với ngỗng trời gần hơn. Hóa ra chúng nhỏ hơn nó nhiều, lại chẳng một con nào trắng, tất cả đều màu xám có những vạch nâu nhạt, và mắt chúng gần như làm nó phát sợ. Mắt vàng và sáng rực như có lửa cháy ở đằng sau. Bấy nay ngỗng đực vẫn được dạy dỗ rằng đi thì phải bước thong thả và đừng đưa thân hình mới là đúng mực. Thế mà chúng nó thì không đi từng bước, lại cứ chạy. Nhất là nó ngại ngại khi trông thấy bàn chân của chúng. Những bàn chân to, gan bàn chân mòn và rách xơ. Rõ ràng là ngỗng trời không bao giờ quan tâm đến việc chân mình đi trên cái gì. Chúng chẳng bao giờ đi quanh, đi vòng tránh cái gì hết. Chúng ăn mặc thì đẹp và rất trau chuốt, nhưng nhìn bàn chân người ta thấy ngay rằng chúng là những dân nghèo sống ở các hoang mạc.

Ngỗng đực chỉ kịp rí tai chú bé: “Cứ mạnh dạn trả lời phần cậu, nhưng đừng có xưng mình là ai”.

Chúng đã đến cả đấy. Đàn ngỗng trời gật gật cổ chào nhiều lần, và ngỗng đực chào lại đúng như vậy, nhưng lâu hơn. Chào nhau đủ rồi, ngỗng đầu đàn nói: “Chúng ta muốn biết các người là ai?”

- Về phần tôi, chẳng có gì đáng nói nhiều, ngỗng đực đáp. Tôi sinh ở Skanur mùa xuân năm ngoái. Đến mùa thu tôi bị bán cho Holger Nilsson ở Vemmenhug, tôi ở nhà ông ta từ đó đến nay.

- Hình như anh chẳng có một ai để nhận là gia đình cả, ngỗng đầu đàn nói. Vậy thì cái gì khiến anh muốn cùng đi với ngỗng trời?

- Có lẽ là để tỏ cho ngỗng trời thấy rằng ngỗng nhà cũng có thể làm được cái gì đó.

- Chúng ta chẳng đòi hỏi gì hơn, Akka nói. Giờ chúng ta đã biết là về môn bay anh có thể làm được gì rồi. Nhưng có lẽ về các môn thể thao khác anh còn giỏi hơn chẳng. Chẳng hạn anh có muốn đấu với chúng ta về bơi lội không?

- Tôi không dám khoe là biết bơi, ngỗng đực đáp (nó cứ tưởng rằng Akka đã quyết đuổi nó đi và không để ý tới lời nó nói nữa). Tôi chưa bao giờ bơi xa quá chiều rộng của một cái ao.

- Vậy ta cho rằng anh chạy rất giỏi đi, ngỗng trời nói.

- Chưa bao giờ tôi trông thấy một ngỗng nhà chạy cả, và chính tôi, tôi cũng chưa bao giờ chạy thử cả. Ngỗng đực ngang nhiên đáp lại như vậy.

Giờ thì ngỗng đực chắc mẩm rằng Akka sắp bảo nó là đàn ngỗng không muốn cho nó đi theo. Vì thế nó rất ngạc nhiên khi Akka reo lên: “Anh trả lời các câu hỏi bạo dạn lắm, và ai mà dũng cảm thì có thể làm người bạn đường tốt, dù lúc đầu chẳng biết gì đi nữa. Anh nghĩ thế nào nếu chúng ta mời anh ở lại với chúng ta ít ngày cho đến khi thấy rõ anh có thể làm được những gì?”

- Tôi muốn thế lắm, ngỗng đực đáp, hết sức hài lòng. Tức thì Akka đưa mỏ chỉ chú bé, hỏi:

- Anh mang theo ai thế kia? Ta chưa bao giờ trông thấy một vật như kẻ ấy đây.

- Bạn đường của tôi đây, ngỗng đực nói. Cả đời cậu ấy đi chăn ngỗng. Tôi nghĩ là cậu ấy sẽ có thể có ích cho chúng ta.

- Có lẽ có ích cho một ngỗng nhà thôi. Akka đáp. Anh gọi cậu ta là gì?

- Cậu ta có nhiều tên, ngỗng đực trả lời, hơi lúng túng và chỉ còn cách ứng khẩu bịa ra một cái tên (nó không muốn phản chú bé và tổ giác chú có một cái tên người). Sau cùng nó nói: “Cậu ấy tên là Tí Hon”.

- Cậu ta dòng họ gia thần à? Akka lại hỏi.

Ngỗng đực không trả lời, hỏi một câu khác để ngắt câu chuyện:

- Mấy giờ ngỗng trời các người mới đi ngủ? Giờ này mắt tôi đã díp lại vì buồn ngủ rồi.

Con ngỗng đang nói chuyện với ngỗng đực đã già lắm, điều này dễ thấy thôi. Bộ lông nó toàn xám, một màu xám bóng không có một vạch sẫm màu nào. Đầu nó to hơn, chân khỏe hơn, bàn chân mòn nhiều hơn những con ngỗng khác. Lông nó cứng, vai nhô lên, cổ gầy. Tác động của thời gian mà. Chỉ có đôi mắt là tuổi tác không thể thắng nổi. Đôi mắt sáng lên, trong hơn, và có phần nào trẻ hơn mắt các con ngỗng khác. Nó quay lại phía ngỗng đực, vẻ hết sức kiêu kì: “Anh phải biết rằng ta là Akka ở núi Kebnekaise. Bay bên phải ta là Yksi ở Vassijaure, bên trái là Kaksi ở Nuolja. Thứ hai bên phải là Kolmi ở Särjaktjokko và thứ hai bên trái là Neljä ở Svappavaara. Đằng sau, bên phải là Viisi ở cao nguyên Oviks và Kuusi ở Sjangel. Anh phải biết rằng: tất cả chúng ta, và cả đến sáu ngỗng con bay đằng sau, ba bên phải và ba bên trái, tất cả chúng ta đều là ngỗng núi cao và thuộc những dòng họ lớn nhất cả. Đừng làm tưởng chúng ta là những kẻ lang thang, cứ nhận bất kì ai làm bạn đường, và hãy tin chắc rằng chúng ta sẽ không chia sẻ nơi trú đêm của chúng ta với kẻ nào không muốn nói rõ họ hàng nguồn gốc của mình ra”.

Akka nói đến đây thì chú bé liền bước nhanh tới một bước. Chú rất bức thấy ngỗng đực trả lời về phần nó rất trôi chảy, mà về phần chú thì lại rất băng quơ.

“Tôi là ai, tôi không giấu, chú nói: tên tôi là Nils Holgersson; và tôi là con trai một người chủ trại nhỏ. Cho tới ngày hôm nay, tôi vẫn là một con người, nhưng sáng nay...”

Chú không có thì giờ nói thêm nữa. Chú vừa mới nói ra cái tiếng “người” thì ngỗng đầu đàn liền lùi lại ba bước, và những ngỗng khác còn lùi xa hơn nữa. Và cả đàn ngỗng đều vươn dài cổ và rít lên, tức giận.

“Đúng như ta đã ngờ khi vừa trông thấy mây trên bờ, Akka nói. Và giờ thì cút đi! Chúng ta không chịu được cái giống người ở với chúng ta”.

Nhưng mà ngỗng đực liền can thiệp: “Có thể nào các vị là ngỗng trời, lại đi sợ một sinh linh bé nhỏ như thế. Ngày mai chắc chắn cậu ấy sẽ trở về nhà, nhưng mà đêm nay các vị có thể để cậu ấy ở lại với chúng ta chứ. Làm sao mà chúng ta có thể để mặc kẻ bé nhỏ đáng thương này một mình chống chọi với những con cáo, con cầy được?”

Ngỗng đầu đàn lại gằn, nhưng với vẻ nghi ngờ ra mặt. Akka nói: “Ta đã hiểu được là phải ghê sợ tất cả cái gì thuộc về loài người, dù lớn dù bé. Nhưng nếu anh bảo đảm cho nó, ngỗng đực à, thì nó có thể ở lại đây. Và lại chẳng lấy gì làm chắc là nơi trú đêm nay của chúng ta thích hợp với anh và với nó, vì chúng ta sẽ ngủ giữa tảng băng nổi trên mặt hồ”.

Hắn là ngỗng đầu đàn nghĩ rằng ngỗng đực sẽ do dự, ngại đi theo đàn của nó ra đấy. Nhưng mà ngỗng đực chỉ nói: “Các vị chọn nơi trú đêm chắc chắn như thế là khôn lắm”.

Akka hỏi thêm: “Nhưng anh hứa là ngày mai nó sẽ trở về nhà nó đấy chứ?”

- Thế thì tôi cũng sẽ phải từ biệt các vị, vì tôi đã hứa không bỏ rơi cậu ấy, ngỗng đực nói.

- Anh tự do, có thể đi đâu tùy anh, ngỗng trời đáp.

Nói xong, ngỗng cất cánh bay ra tảng băng. Những ngỗng khác, con trước con sau, lần lượt bay theo.

Chú bé ngao ngán quá vì thấy mơ ước đi đến Lapland của mình thế là không thành; thêm nữa chú lại sợ đêm tối. Chú nói: “Mỗi lúc lại một xấu thêm, ngỗng đực ạ. Chúng ta sẽ chết rét trên tảng băng mất thôi”.

Nhưng ngỗng đực vẫn can đảm, nó nói: “Chẳng có gì nguy hiểm cả. Nhờ cậu nhanh tay nhặt lấy thật nhiều cỏ và rạ. Mang được bao nhiêu nhặt hết lấy bấy nhiêu”. Khi chú bé đã nhặt được một ôm to cỏ khô, ngỗng đực liền cấp lấy cổ áo sơ mi của chú, nhắc bổng chú lên và bay về phía tảng băng. Ở đây những con ngỗng trời đã ngủ, con nọ đứng cạnh con kia, mỏ rúc vào dưới cánh. “Giờ cậu trái cỏ ra cho tôi để chân lên, khỏi dính vào băng. Cậu giúp tôi, và tôi giúp lại cậu”, ngỗng đực nói. Chú bé làm theo lời nó, và làm xong thì ngỗng đực lại cấp lấy cổ áo sơ mi của chú và vùi chú vào dưới cánh nó. “Tôi tin là ở đó cậu sẽ ấm lắm”, ngỗng đực vừa nói vừa khép cánh lại.

Chú bé được vùi kín trong lớp lông tơ đến nỗi không trả lời được. Đúng vậy, chú được ấm thật, và vì mệt quá, chẳng bao lâu chú đã ngủ thiếp đi.

Ban đêm

Băng là thứ tráo trở, tin vào là sai lầm, đó là một sự thật vẫn được công nhận xưa nay. Vào lúc nửa đêm mảng băng nổi của hồ Vomb đổi chỗ và, như một chiếc tàu, giạt vào mắc cạn bên bờ. Lại phải lúc Smirre, con cáo, hồi đó đang ở bên phía đông, trong vườn cây Uvid Cloister, trông thấy trong khi đang săn mỗi ban đêm. Smirre đã thấy đàn ngỗng trời từ chập tối nhưng không hi vọng gì bắt nổi một con, nên nó tức khắc lao đến. Những con ngỗng trời choàng dậy và đập cánh bay lên, nhưng Smirre nhanh hơn. Nó nhảy vọt lên, ngoạm lấy cánh một con, rồi tha mỗi tẩu thoát về phía đất liền.

Nhưng đêm hôm ấy, đàn ngỗng trời không phải cô độc, giữa chúng có một con người, dù nhỏ bé đến thế nào đi nữa. Khi ngỗng đực dang cánh ra thì chú bé tỉnh dậy. Chú bị rơi xuống và ngã ngòai trên mặt băng, ngơ ngác vì phải thức giấc đột ngột. Chú chẳng hiểu tí gì về việc báo động này trước khi trông thấy một con chó nhỏ, chân ngắn, chạy tháo thân qua mảng băng, mồm ngoạm một con ngỗng.

Chú bé liền lao theo để bắt con ngỗng lại từ mồm con chó độc ác ấy. Chú nghe rõ tiếng ngỗng đực hét phía sau: “Coi chừng! Tí Hon! Coi chừng!”.

Nhưng Nils thì không thấy tại sao mình lại phải sợ một con chó nhỏ như thế, và chú cứ đuổi theo nó.

Con ngỗng trời bị Smirre cắp đi, nghe tiếng giày gỗ dội trên băng mà không dám tin vào tai mình. “Làm sao mà thằng bé ấy nghĩ là có thể giật mình ra khỏi miệng con cáo được?” Nó tự nhủ. Và mặc dù đang ở trong thế nguy, nó cũng không sao kìm nổi một tiếng “tục tục” nhỏ tạt trong đáy họng, giống như một tiếng cười. “Trước tiên là nó sẽ ngã vào một cái khe băng nứt”, ngỗng nghĩ thế.

Nhưng dù đêm tối, chú bé vẫn phân biệt rất rõ những kẽ nứt và những hồ lõm, và tránh được hết. Bây giờ chú đã có đôi mắt của gia thần, nhìn rõ trong bóng tối.

Smirre ra khỏi mảng băng ở chỗ dính vào đất liền, và sắp sửa leo sườn dốc của bờ hồ, thì chú bé hét to bảo nó: “Mày có nhả ngay con ngỗng ra không, đồ vô lại!”

Smirre không cần biết ai đã gọi mình, nó chẳng buồn mất thì giờ ngoái lại nhìn mà càng chạy nhanh hơn.

Nó chạy vào một khu rừng dẽ gai toàn những cây cao tuyệt đẹp, theo sau là chú bé vẫn chưa lường được nỗi nguy hiểm. Nils nghĩ đến cách đón tiếp khinh thị của đàn ngỗng đối với mình lúc tối. Chú nóng lòng muốn tỏ cho chúng thấy rằng con người là cái gì hơn hẳn các sinh vật khác.

Chú thét nhiều lần bắt con chó phải nhả con ngỗng ra: “Có ai thấy bao giờ một con chó trâng tráo đến thế, ăn trộm một con ngỗng to mà không biết xấu hổ.” Chú bé thét lên: “Mày có nhả nó ra không, nếu không mày sẽ như đòn. Nhả ra, bằng không tao mách chủ mày cho”. Khi Smirre thấy nó bị trông lắm là một con chó nhát đòn thì điều ấy đối với nó buồn cười quá sức, đến nỗi nó suýt để xổng mất con ngỗng. Smirre là một tên côn đồ đáng gờm, không chỉ sẵn bắt chuột đồng, chuột trũi ngoài đồng mà thôi, mà còn liều mạng vào tận các ấp trại bắt trộm gà mái và ngỗng nữa. Nó là mối khiếp sợ của cả vùng này. Từ lúc còn bé tí, nó chưa hề nghe cái gì khôi hài hơn câu vừa rồi.

Chú bé chạy nhanh đến mức những thân cây dẽ gai to lớn như lao vào người chú. Khoảng cách giữa chú với cáo rút ngắn lại. Sau cùng chú đến sát, rồi nắm được đuôi nó: “Tao sẽ lấy được con ngỗng của mày đây”. Chú vừa hét vừa đem hết sức ra kéo con cáo lại. Nhưng chú không thể nào hãm Smirre lại được. Con này lôi chú đi nhanh đến nỗi lá khô cuộn lên như cơn lốc xung quanh nó. Sau cùng Smirre nhận ra là kẻ tấn công chẳng thể làm gì được nó. Nó dừng lại, đặt con ngỗng xuống đất, hai chân trước giữ lấy và sắp sửa cắn đứt họng con này nhưng nó không thể cưỡng lại cái ý thích trêu chú bé một tí trước đã. Nó nói: “Mày chạy nhanh đến ông chủ mà kiện đi, vì tao sắp giết con ngỗng đây”. Nils kinh ngạc biết bao khi trông thấy cái mũi nhọn và nghe cái giọng khàn khàn điên cuồng của con chó kì quặc này. Nhưng đồng thời chú lại tức giận quá sức vì bị con cáo chế giễu, đến nỗi quên cả sợ nó. Chú bám chặt hơn vào cái đuôi của kẻ thù, gò người tì vào một rễ cây dẽ gai, và đúng lúc cáo há mồm nhằm vào họng con ngỗng thì bất thành linh chú đem hết sức ra giật mạnh. Smirre bị bất ngờ đến nỗi phải để cho Nils kéo lùi lại mấy bước, và thế là con ngỗng trời được tự do. Nặng nhọc nó bay lên, một cánh bị thương và gần như không cử động được nữa.

Vả lại nó như mù trong bóng tối dày đặc của khu rừng và không thể giúp chú bé được chút gì. Nó tìm một khe hở trong tán cây và bay về phía hồ.

Smirre vọt một cái đến bắt chú bé. “Đứa nọ thoát, tao bắt đứa kia”, nó nói, giọng run lên vì giận.

- Mày tưởng thế à? Vậy là mày lầm rồi, chú bé nói, phần chân hẫng lên vì thăng lợi. Chú vẫn không thả đuôi cáo ra.

Thật là một cuộc nhảy múa điên loạn dưới tán rừng, giữa đám lá khô cuốn lên như cơn lốc. Smirre quay vòng tròn, đuôi nó cũng quay theo, và chú bé thì bám vào cái đuôi.

Mới đầu Nils chỉ cười giễu con cáo, nhưng Smirre có cái kiên trì dai dẳng của một tay thợ săn già, và chú bé bắt đầu lo rằng cuộc phiêu lưu sẽ trở thành bất lợi cho mình.

Chợt chú trông thấy một cây dẻ non thân mảnh như một cái sào dài, vươn cao lên bầu không khí tự do trên tán lá mà những cây dẻ già trùm lên đầu nó. Thành linh chú bé buông đuôi con cáo ra và trèo ngay lên cây dẻ non.

Giữa lúc hăng máu, Smirre chưa biết ngay được cứ tiếp tục múa vòng tròn mất một lúc nữa. “Mày múa đủ rồi đấy hiểu chưa”, chú bé cất to tiếng bảo nó.

Smirre không chịu nổi cái nhục để cho một con người tí tẹo chẳng ra cái gì lừa và giễu. Nó liền nằm xuống gốc cây chờ.

Chú bé ngồi như cưỡi ngựa trên một cành cây nhỏ và yếu, thấy khó chịu quá. Cây dẻ non chưa cao tới tán rừng do những cành dẻ già hợp thành. Như vậy Nils không thể trèo sang một cây khác, mà cũng không thể tụt xuống đất được. Chẳng mấy chốc chú rét cóng, đến nỗi khó mà ngồi cho vững, lại còn phải chống cơn buồn ngủ, chẳng dám chớp mắt sợ ngã xuống đất.

Vào giờ này giữa đêm khuya, rừng ảm đạm khủng khiếp. Trước đây, chưa bao giờ chú hiểu rõ bóng đêm là thế nào. Toàn thể thế giới như tê cóng lại, vĩnh viễn. Cuối cùng, trời hửng sáng. Chú bé sung sướng thấy mọi vật đã trở lại quang cảnh bình thường, dù cái rét càng buốt hơn.

Khi mặt trời mọc lên thì không vàng mà lại đỏ. Có thể nói rằng mặt trời đỏ là vì tức giận, và chú bé tự hỏi vì lẽ gì mà tức giận như vậy. Phải chăng vì trong lúc vắng mặt trời, bóng đêm đã làm cho mặt đất tối tăm và rét buốt đến thế.

Tia mặt trời lóe thành những chùm lớn, chạy khắp nơi để xem cho kĩ những mối hại của đêm tối; và mọi vật đều đỏ mặt lên, tựa hồ lương tâm

không được thanh thản. Những đám mây trên trời, những thân dẻ gai mượt mà, những cành cây mảnh dẻ chằng chịt trong rừng, băng phủ lên lớp lá rụng trên mặt đất, mọi thứ đều rực lên một màu đỏ thắm.

Mỗi lúc một nhiều thêm, những chùm tia sáng tỏa khắp không gian. Chẳng mấy chốc nỗi khủng khiếp của bóng đêm không còn gì nữa. Cảnh tê cóng cũng chấm dứt, và khắp nơi hiện ra không biết bao nhiêu là sinh vật. Chim gõ kiến lông đen mào đỏ, bắt đầu gõ mỏ vào một thân cây. Con sóc ra khỏi tổ, mang theo một hạt dẻ, và ngồi lên một cành cây để bóc vỏ. Chim sẻ đá chọt đến, mổ ngậm một rễ cây, và chim mai hoa đang hót trên một ngọn cây.

Chú bé hiểu rằng mặt trời đã nói với tất cả những sinh vật nhỏ bé ấy: “Dậy đi! Và ra khỏi nhà đi! Có ta đây. Chẳng có gì mà phải sợ nữa”.

Bên phía hồ, nghe tiếng đàn ngỗng đang xếp hàng để bay đi. Lát sau cả mười bốn con bay qua khu rừng. Nils cố gọi, nhưng chúng bay cao quá, tiếng chú không thấu. Có lẽ chúng tưởng rằng cuối cùng con cáo đã ăn thịt chú rồi... Thậm chí chúng không tìm chú nữa.

Lòng khắc khoải, chú bé muốn khóc. Nhưng giờ đây, mặt trời sáng rực trên trời; màu vàng như vàng thật, và vui vẻ như đem nỗi phấn chấn đến cho toàn thể tạo vật. “Nils Holgersson, mặt trời nói, mình mà có mặt ở đây thì chú chẳng có gì phải phiền muộn và lo ngại cả,” chú hiểu thế.

Cái trị của đàn ngỗng

Thứ hai, 21 tháng ba

Trong khoảng thời gian tạm đủ cho một con ngỗng đi ăn sáng, không có gì xảy ra trong rừng nữa. Nhưng vào quãng gần trưa, một con ngỗng lẻ loi bay qua, len xuống dưới tán rừng dày những cành cây. Dường như nó tìm đường bay giữa những thân cây và cành lá um tùm, và tiến rất chậm. Vừa trông thấy nó, Smirre liền bỏ chỗ đang nằm dưới gốc dẻ non, và trườn về phía nó. Ngỗng không tránh con cáo, mà lại bay đến sát cạnh cáo. Smirre liền nhảy vọt lên bắt, nhưng hụt. Và ngỗng tiếp tục bay về phía hồ.

Một lúc sau, một con ngỗng khác hiện ra. Nó bay theo đường của con trước, mà còn thấp hơn và chậm hơn. Nó cũng bay lướt sát Smirre, và con cáo vọt cao lên bắt. Đôi tai nó đã gần chạm vào chân ngỗng, nhưng ngỗng cứ bay tiếp về phía hồ, im lặng như một cái bóng.

Lại một lúc nữa trôi qua, và kia, lại một con ngỗng nữa, bay thấp hơn,

chậm hơn, hình như thấy vất vả hơn khi tìm đường giữa những thân cây bạch dương. Smirre vọt lên, chỉ cao hơn một ngón tay nữa là tóm được con ngỗng. Lần này nữa, con ngỗng lại bay thoát về phía hồ. Nó vừa bay khuất thì con ngỗng thứ tư hiện ra. Nó bay chậm và thấp đến nỗi Smirre nghĩ rằng nó mà muốn là có thể tóm gọn, chẳng chút khó khăn gì, nhưng nó sợ trượt một lần nữa và quyết định để mặc cho ngỗng bay qua. Ngỗng vẫn bay theo đường như những con trước, rồi khi đến đứng trên đầu Smirre liền hạ xuống thấp đến nỗi con cáo không cưỡng nổi cái thèm liên nhảy lên bắt.

Cáo nhảy khá cao, chân đã chạm vào con ngỗng, nhưng bỗng nó lao sang một bên rồi thoát mất.

Smirre chưa kịp thở thì ba con ngỗng bay tới thành một hàng. Chúng cũng làm như những con trước và Smirre lại nhảy cuống cuống lên.

Rồi thì những năm con ngỗng hiện ra. Chúng bay giỏi hơn những con trước, và dù chúng như muốn nhử Smirre, nó cứ để mặc cho chúng bay qua, không cố bắt nữa.

Một lúc khá lâu trôi qua, một con ngỗng đơn độc hiện ra. Đây là con thứ mười ba. Nó già quá, đến nỗi mình nó xám tuyền, không một vạch sẫm nào cả. Hình như nó không sử dụng được một cánh, và nó bay một cách thảm hại, loạng choạng. Có lúc nó là sát mặt đất, Smirre không buồn vọt lên bắt, mà đuổi theo, vừa chạy vừa nhảy cho đến tận bờ hồ, nhưng lần này nữa, những cố gắng của nó đều vô hiệu.

Khi con ngỗng thứ mười bốn bay tới thì thật là một cảnh đẹp. Nó trắng muốt, khi nó vẫy đôi cánh rộng, người ta có thể nói là một khoảng trời lóe sáng chạy dài trong rừng âm u. Trông thấy nó, Smirre dồn hết sức nhảy lên, nhưng con ngỗng trắng bay thoát, bình yên vô sự như những con kia.

Dưới bóng những cây dẻ gai, được một lúc yên tĩnh. Chợt Smirre nhớ đến tù nhân của nó và ngược mắt nhìn lên cây. Cậu bé Tí Hon không còn đó nữa như người ta có thể đoán được.

Smirre không thể ngẫm nghĩ lâu về sự tồn thất của nó vì con ngỗng thứ nhất đã từ phía hồ bay trở lại, bay thấp dưới các cành lá. Mặc dù vừa mới gặp sự không may, Smirre cũng bằng lòng thấy ngỗng trở lại, bèn lao lên đuổi. Nhưng nó không tính kĩ đà nhảy và lại vô hụt. Sau con ngỗng ấy lại đến một con khác, rồi một con thứ ba, con thứ tư, con thứ năm, cho đến khi cả loạt chấm dứt với con ngỗng già lông xám như ánh thép và con ngỗng trắng to. Tất cả bay đến rất thông thả và rất thấp. Khi đến phía trên đầu Smirre, chúng còn hạ thấp xuống, như mời nó nhảy lên bắt. Và Smirre nhảy, nó vọt lên nhiều lần, và lao theo chúng, nhưng không sao bắt được lấy một

con.

Hôm ấy là ngày xấu nhất mà Smirre đã sống trên đời. Những con ngỗng trời cứ bay mãi trên đầu nó. Chúng bay đi, bay lại, rồi bay lại nữa. Cứ như thế, những con vật đẹp tuyệt đã lớn lên và béo ra trong những cánh đồng và truông trắng bên Đức, bay suốt ngày qua khu rừng, dưới những cành cây, thường chạm nhẹ vào cáo, mà nó không thể nào bắt được một con để làm dịu bớt nỗi đói lòng.

Mùa đông vừa mới chấm dứt, và Smirre nhớ lại những ngày và những đêm mà nó vô công rồi nghề, rình mò, chẳng gặp được con mồi, những loài chim di cư đã bay đi cả rồi, giống chuột đã lẩn xuống dưới mặt đất đóng băng, bọn gà mái thì còn bị nhốt trong chuồng. Nhưng mà nạn đói trong mùa đông nào ăn thua gì so với những nỗi thất vọng của ngày hôm nay.

Smirre không còn là một con cáo non nữa, biết bao phen nó đã bị chó đuổi sát đất và nghe đạn rít bên tai. Nó đã từng nằm bẹp dưới đáy hang, trong lúc những con chó lùn tai dài, bò vào các ngạch ngầm, chỉ chút nữa là tìm thấy nó. Nhưng mà nỗi khắc khoải đã siết chặt lấy họng nó trong những cuộc săn đuổi mệt mỏi cũng chẳng thể nào sánh được với những gì mà nó cảm thấy lúc này sau mỗi cái vồ hụt.

Sáng nay, khi cái trò này mới bắt đầu, Smirre trông đẹp mã đến mức tưởng chừng đàn ngỗng phải lóa mắt. Smirre thích vẻ lộng lẫy: bộ lông nó đỏ rực, ngực nó trắng, mõm nó đen, và đuôi nó dày, phong phú như lông đà điểu vậy. Nhưng chiều tối cũng ngày hôm nay, bộ lông của Smirre rũ từng túm rồi chẳng chịt, mình nó đầm mồ hôi, đôi mắt mất hết vẻ sáng, và lưỡi thè ra khỏi cái mõm hồng hồng, sùi những bọt.

Buổi chiều, Smirre đã mệt lả, đến mức như bị mê sảng. Đâu đâu nó cũng chỉ trông thấy những con ngỗng đang bay. Nó chòm vào những vệt sáng mặt trời thấy trên mặt đất, chòm vào một con bướm tội nghiệp mới từ nhộng nở ra quá sớm.

Thế nhưng những con ngỗng trời vẫn không thôi, cứ bay qua rừng và hành hạ Smirre. Chúng chẳng chút thương hại nào, dù Smirre đã bị đánh bẹp, đang run lẩy bẩy, điên loạn lên rồi. Chúng vẫn cứ tiếp tục, dù biết rằng Smirre chỉ còn trông thấy chúng lơ mờ và vồ theo bóng của chúng mà thôi.

Chỉ đến lúc mà Smirre gục xuống một đồng lá khô, kiệt sức và đờ đẫn, sắp trả lại linh hồn, thì chúng mới chấm dứt trò chơi.

“Cáo này, từ nay mày đã được biết là tấn công Akka núi Kebnekaise thì phải trả giá như thế nào!”. Chúng kêu to vào tai con cáo, sau cùng khi buông

tha cho nó.

Được đi với ngỗng Trong cái trại

Thứ năm, 24 tháng ba

Đúng trong những ngày ấy, ở tỉnh Skåne xảy ra một việc được bàn tán nhiều, cả báo chí cũng nói tới, mà nhiều người cho là chuyện huyền hoặc, vì không thể giải thích được.

Câu chuyện như thế này, người ta bắt được một con sóc cái trong khu rừng trần^[8] thừa trên bờ hồ Vomb, mang về một cái trại gần đó. Từ già đến trẻ, mọi người trong trại đều thích thú ngắm con vật bé nhỏ, xinh quá với cái đuôi đẹp, đôi mắt tò mò và thông minh, những cái chân xinh xắn. Người ta tính sẽ được giải trí suốt mùa hè với những động tác nhanh nhẹn, cách cắn vỏ hạt dễ mau lẹ và những trò chơi vui vẻ của nó. Người ta cho nó vào một cái lồng sóc cũ, gồm một chiếc nhà nhỏ sơn màu lá cây và một chiếc bánh xe bằng dây thép. Chiếc nhà nhỏ có cửa lớn và cửa sổ, làm phòng ăn và phòng ngủ; trong đó người ta xếp lá thành một chiếc giường nhỏ, để một bát sữa và một nắm hạt dẻ. Chiếc bánh xe phải là cái phòng chơi, nơi con vật bé nhỏ có thể chạy nhảy và leo trèo.

Những người trong trại thấy là đã thu xếp cho con sóc tất cả mọi thứ rất chu đáo, và lấy làm lạ rằng chỗ ở của nó dường như chưa làm con sóc hài lòng. Nó cứ buồn bã và khó tính, trong một góc của chiếc nhà nhỏ, thỉnh thoảng lại thốt ra một tiếng kêu đau khổ nhưc nhối. Nó không đụng đến thức ăn. Người ta bảo: “Nó còn sợ, mai kia quen chỗ ở rồi nó sẽ ăn và chơi”.

Cũng vào độ ấy, các bà nội trợ bận rộn sửa soạn một bữa tiệc, và cái hôm bắt được sóc, người ta đang nướng bánh mì. Hoặc do một sự không may nào đó làm cho bột không nở, khiến công việc chậm lại, hoặc vì người ta uể oải nên phải ở lại coi bánh rất khuya.

Trong bếp, công việc tíu tít và tất nhiên người ta không có thì giờ nhớ đến con sóc. Nhưng trong nhà có một bà cụ già, vì tuổi cao quá không giúp việc nướng bánh được. Bà cụ già hiểu rõ như thế lắm, nhưng bà cụ không thể chấp nhận được ý nghĩ là mình bị gạt ra ngoài công việc. Buồn quá, không thể đi ngủ được, bà cụ già ngồi bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Vì trời nóng, cửa nhà bếp để ngỏ, ánh sáng từ cửa ấy chiếu ra sáng cả sân. Cái sân bốn mặt đều có nhà bao quanh, cái nhà trước mặt được chiếu sáng đến nỗi bà cụ già có thể phân biệt rõ các lỗ hổng và kẽ nứt trên mặt tường đất.

Bà cụ cũng trông thấy cái chuồng sóc treo đúng chỗ sáng nhất.

Bà cụ chú ý thấy con sóc chạy suốt đêm, không lúc nào nghỉ, từ cái nhà nhỏ đến chiếc bánh xe, rồi từ cái bánh xe về cái nhà nhỏ. Bà cụ nghĩ rằng con vật không ngủ được vì đang bị một nỗi lo ngại lạ thường dày vò, nhưng rồi bà lại cho là vì cái ánh sáng quá chói chang. Giữa chuồng bò và tàu ngựa có một lối đi rộng lợp mái, ăn thông ra cổng cho xe ngựa ra vào. Cái lối đi ấy nằm theo hướng được chiếu sáng. Đêm cũng khá khuya, bà cụ già chợt thấy một con người bé tí, không cao hơn một gang tay, từ dưới mái vòm đi ra từng bước thận trọng. Người ấy đi giày gỗ, mặc quần chần bằng da như một người thợ. Bà cụ già biết ngay rằng đó là gia thần và bà không sợ. Bà vẫn nghe nói là gia thần thường ở những chỗ như thế, và biết rằng thần đến đâu là mang lại hạnh phúc đến đó.

Vừa vào đến sân, gia thần liền chạy ngay đến chiếc lồng sóc. Không với tới lồng được, thần đi kiếm một cái sào đem dựa vào lồng, rồi leo theo sào mà lên như một người thủy thủ leo sợi dây thừng vậy. Thần lắc cánh cửa cái nhà nhỏ màu lá cây, nhưng bà cụ già rất yên tâm, bà biết rằng bọn trẻ con đã khóa cửa lại vì sợ trẻ hàng xóm đến lấy trộm con sóc của chúng.

Gia thần không mở được cửa, bà cụ già thấy con sóc đi ra chỗ chiếc bánh xe. Ở đó hai bên thì thầm với nhau một hồi lâu, rồi thần theo cây sào tụt xuống đất và ra cửa biến mất.

Bà cụ già nghĩ là chẳng còn thấy lại thần trong đêm hôm nay nữa, tuy vậy bà vẫn ngồi bên cửa sổ. Một lát sau, bà thấy thần trở lại. Thần vội đến mức chân đi như không chạm đất. Thần chạy đến bên chiếc lồng. Với đôi mắt viễn thị, bà cụ trông thấy thần rất rõ. Bà thấy cả thần cầm vật gì trong tay, nhưng không thể nhận ra là cái gì. Thần đặt vật cầm trong tay trái xuống sàn và mang vật cầm trong tay phải lên tận chiếc lồng. Thần lấy chiếc giày gỗ đá vào cánh cửa sổ nhỏ, phá vỡ ra và đưa vật đang cầm cho con sóc. Rồi thần tụt xuống cầm lấy vật đã để dưới đất và lại trèo lên lồng đưa cho sóc. Túc khắc sau đó thần chạy trốn, nhanh đến nỗi bà cụ nhìn theo không kịp.

Thế là bà cụ già không thể ngồi yên trong nhà được nữa; bà rón rén đi ra cửa và nấp vào bóng tối của cái bơm nước để rình gia thần. Một vật khác cũng đã trông thấy thần và nổi tính tò mò. Đó là con mèo. Nó lướt nhẹ đến tận bức tường và dừng lại ở gần chỗ có ánh sáng một chút. Bà cụ và con mèo đợi một lúc lâu trong đêm tháng ba giá lạnh. Bà đang định trở vào thì nghe có tiếng động trên sàn, và thấy gia thần lon ton trở lại. Cũng như lần trước, hai tay thần đều mang vật gì và vật thần mang kêu rít rít và vù vù. Bà cụ hiểu ra là thần đã đi kiếm những đứa con của con sóc ở trong rừng trần và mang đến cho nó, để chúng khỏi phải chết đói.

Bà cụ già đứng yên không động đậy, để gia thần khỏi sợ, và hình như thần không trông thấy bà. Thần định đặt một con sóc con xuống đất để mang nhanh con kia lên lòng thì thấy lóe lên ngay cạnh mình đôi mắt xanh của con mèo. Thần đứng không nhúc nhích, bối rối, mỗi tay cầm một con sóc con. Rồi thần quay lại nhìn khắp chung quanh và trông thấy bà cụ già. Thần chẳng do dự, chạy lại chỗ bà và chìa một con sóc con, đưa cho bà.

Bà cụ già không muốn tỏ ra không xứng đáng với lòng tin cậy ấy. Bà cúi xuống, đỡ lấy con sóc con, và giữ nó cho đến lúc gia thần đã mang được con sóc kia lên lòng và trở lại lấy con sóc đã gửi cho bà.

Sáng hôm sau, khi mọi người trong trại tụ tập lại ăn sáng, thì bà cụ không thể giấu mà không kể lại những việc bà đã trông thấy đêm qua. Tất nhiên là mọi người đều chê bà cụ già, và cho là bà cụ đã nằm mê. Vào độ này trong năm, làm gì mà có sóc con.

Nhưng bà cụ tin chắc ở lời mình nói, và bà mời mọi người đến lòng sóc mà xem. Họ làm theo lời bà. Ở đấy, trên một lớp lá trải làm giường, có bốn con sóc con, mình nửa trần trụi và mắt chưa mở hết, ra đời ít nhất cũng hai ba ngày rồi.

Khi trông thấy lũ sóc, người chủ trại nói: “Dù sao đi nữa, có điều chắc chắn là chúng ta phải lấy làm xấu hổ”. Rồi ông ta mở lòng lấy con sóc cùng lũ con nó ra, đặt vào tạp dề của bà cụ già và nói: “Mang chúng vào rừng trăn, trả lại tự do cho chúng”.

Đó là sự kiện mà người ta nói đến nhiều, cả trên các tờ báo, mà nhiều người không chịu tin vì họ không thể giải thích nổi.

Trong khu vườn cây^[9]

Suốt cả ngày, trong lúc đàn ngỗng trêu cợt con cáo thì Nils ngủ trong một tổ sóc bỏ không. Đến tối khi thức giấc, chú rất lo. “Mình sắp bị đuổi về nhà, và không thể tránh mặt bố và mẹ được”, chú nghĩ thế. Nhưng khi chú đến tìm đàn ngỗng trời đang tắm trong hồ Vomb thì không một con nào nói với chú về việc phải trở về cả. Chú nghĩ bụng: “Có lẽ chúng nó nghĩ rằng ngỗng trắng mệt quá, không đưa mình về tối nay được”.

Sáng hôm sau, đàn ngỗng đã thức giấc lúc mới tảng sáng, trước khi mặt trời mọc khá lâu.

Nils tin chắc rằng thế nào chúng cũng đuổi chú đi, nhưng lạ thay, cả chú lẫn ngỗng đực trắng đều được theo đàn ngỗng trời dạo chơi buổi sáng.

Chú không hiểu nguyên nhân của sự trùng trùng này, chú tự nhủ rằng đàn ngỗng trời không muốn đuổi chú đi trước khi chú được ăn thật no. Dù sao chú cũng cứ hưởng lấy mỗi phút giây người ta cho chú, trước lúc quay về gặp bố mẹ.

Đàn ngỗng trời bay trên áp Uřid Cloister, có vườn cây đẹp tuyệt nằm ở mạn đông hồ. Đây là một trang ấp đẹp, có tòa lâu đài lớn, một sân danh dự rộng lát đá. Bao quanh có thành lũy và đình tạ, một khu vườn cổ trồng những cây cắt xén, uốn lại thành vòm, những lối đi có lợp mái, những bể nước, những vòi phun, những cây đại thụ, những bãi trồng cỏ ngay thẳng; bên rìa điểm các loài hoa mùa xuân.

Khi đàn ngỗng bay trên trang ấp vào lúc rất sớm thì chưa một ai dậy. Biết chắc như vậy, đàn ngỗng sà xuống một cái cũi chó, và kêu: “Cái lều con này tên là gì? Cái lều con này tên là gì?”

Con chó giữ nhà lao ngay ra khỏi cũi, giận dữ, sủa inh lên trời: “Chúng mày bảo đây là cái lều à, những quân lang thang khốn khổ kia? Chúng mày không thấy đây là một tòa lâu đài bằng đá cao lớn à? Chúng mày không thấy những bức thành đẹp kia à, tất cả những cửa sổ, cửa lớn và cái sân thượng tráng lệ kia à? Gâu, gâu, gâu, gâu. Chúng mày bảo đây là cái lều à? Chúng mày không thấy khu vườn, các nhà ươm trồng cây, những tượng cẩm thạch à? Chúng mày bảo đây là cái lều à? Từ bao giờ mà các cái lều lại có vườn cây với những khu rừng trồng dẻ gai, những rừng trồng cây trăn, những chòm cây sồi, những bãi cỏ xanh, và những trang trồng đầy thông, nhưng nhúc những con hoẵng. Gâu, gâu, gâu! Chúng mày bảo đây là cái lều à? Có ai thấy những cái lều mà lại có bao nhiêu là tòa ngang, dãy dọc, có thể nói như là một cái làng thế không? Chúng mày đã thấy cái lều nào mà có nhà thờ riêng, và nhà mục sư riêng, ngự trị trên những gia trạch, những trang trại, và những ấp phát canh, những nhà ở cho người làm công như thế à? Gâu, gâu, gâu! Chúng mày bảo đây là cái lều à? Cái lều ấy có những vùng đất rộng nhất cả tỉnh Skåne đấy. Đồ ăn mày khốn nạn! Chúng mày có ở đâu nữa chúng mày cũng không thể trông thấy một vạt đất nào mà không thuộc quyền cái lều này! Gâu, gâu, gâu!” Con chó sủa lên một tràng như vậy, không ngừng, cũng không nghỉ lấy hơi; còn những con ngỗng thì cứ lượn trên cái sân, đợi lúc mà nó buộc phải ngừng lời. Bấy giờ chúng mới kêu lên: “Vì sao mà cậu giận? Chúng mình có nói tòa lâu đài đâu, chúng mình nói cái cũi của cậu cơ mà”.

Nghe câu đùa này, lúc đầu chú bé cười thỏa thích, rồi một ý nghĩ chiếm lấy tâm hồn chú, khiến chú trở nên nghiêm trang. “Hãy nghĩ xem, nếu người ta để cho mày đến tận Lapland thì mày còn được nghe bao nhiêu chuyện vui đùa như thế nữa. Trong hoàn cảnh của mày hiện tại, một chuyến đi như thế

sẽ là cái hạnh phúc nhất có thể đến với mày đấy”.

Đàn ngỗng trời bay tiếp, rồi hạ xuống một trong những cánh đồng rộng ở phía đông tòa lâu đài để ăn rể cỏ, như thế mất mấy tiếng đồng hồ. Trong thời gian ấy, chú bé đi sâu vào khu vườn rộng bên cạnh, tìm đến một khoảnh trồng cây trăn, rồi bắt đầu đi kiếm những hạt dẻ còn sót lại. Nhưng ý nghĩ về chuyến du hành vẫn trở lại trong óc chú mãi. Chú hình dung ra tất cả những niềm thích thú sẽ được, nếu chú đi theo đàn ngỗng. Có thể là đôi lúc phải chịu đói chịu rét, nhưng bù lại chú sẽ không phải làm lụng, mà cũng không phải học hành gì.

Trong khi chú lang thang trong khu vườn cây, con ngỗng đầu đàn già đến hỏi chú đã kiếm được cái gì ăn chưa. Không, chú chẳng kiếm được gì cả. Nó bèn giúp chú. Chính nó cũng không tìm thấy hạt dẻ, nhưng có trông thấy những quả dẻ tường vi dại. Chú bé ăn ngon lành, vừa ăn vừa nghĩ mẹ chú sẽ bảo sao nếu biết chú ăn những cá sống và quả cây đã cứng vì băng.

Khi đã ăn no rồi, đàn ngỗng lại đến gần hồ và vui chơi đến tận giữa trưa. Những con ngỗng trời mời ngỗng đực thi với chúng: thi bay, thi bơi, và thi chạy. Ngỗng đực có cố hết sức cũng vô ích, những con ngỗng trời lan lện vẫn thắng luôn luôn. Chú bé suốt buổi ngồi trên lưng ngỗng đực và động viên nó, vui chơi không kém gì những ngỗng khác. Tiếng reo, tiếng cười, tiếng cà kiu ầm ĩ, cũng lạ là những người ở trong lâu đài không nghe thấy gì cả.

Chơi đùa đã chán, đàn ngỗng mới bay qua mặt hồ và đậu lên tảng băng để nghỉ trong hai tiếng đồng hồ. Buổi chiều cũng qua đi như buổi sáng. Trước tiên chúng ăn cỏ hai hay ba tiếng, rồi tắm và chơi đùa trong hồ, bên cạnh tảng băng cho đến khi mặt trời lặn; sau cùng thì chúng đi ngủ.

“Đúng là cuộc đời thích hợp với mình, Nils nghĩ bụng lúc trườn vào dưới cánh ngỗng đực. Nhưng ngày mai họ sẽ đuổi mình”.

Trước khi đi ngủ, chú còn kiểm lại tất cả những cái lợi sẽ được nếu chú đi theo đàn ngỗng. Chú sẽ không bị mắng vì lười biếng nữa, sẽ có thể suốt ngày đi đông dài chẳng phải làm gì hết. Chỉ có mỗi lo duy nhất là tìm lấy cái ăn. Nhưng mà bây giờ chú chỉ còn lo đến thế này, thì việc ấy cũng chẳng khó gì lắm.

Hôm sau, thứ tư, chú vẫn luôn luôn chờ bị đuổi, nhưng ngày hôm ấy nữa, đàn ngỗng vẫn chẳng nói gì hết. Lại một ngày trôi qua như hôm trước; cuộc đời hoang dã mỗi lúc một làm cho chú thêm thích. Chú thấy hình như cả khu rừng lớn Uvid Cloister là của riêng mình chú. Chú chẳng còn chút ý muốn nào trở về cái nhà nhỏ hẹp với những mảnh đồng bé tí của quê hương nữa.

Chú bắt đầu hi vọng đàn ngỗng sẽ giữ chú lại với chúng. Nhưng hôm thứ năm chú lại mất hi vọng.

Ngày hôm ấy, bắt đầu cũng như mọi ngày, đàn ngỗng ăn cỏ trong những cánh đồng rộng, và chú bé thám sát khu rừng kiếm thức ăn. Được một lúc, Akka đến hỏi xem chú đã tìm được gì ăn chưa, và khi biết chú chưa tìm được chút gì, liền đưa cho chú một thân cây thìa là còn cả hạt. Khi chú bé ăn xong, Akka bảo rằng chú đã chạy chơi trong rừng quá táo bạo. Chú có biết là chú có bao nhiêu kẻ thù, khi mà chú bé nhỏ thế không? Không biết, phải không? Và Akka liền kể ra cho chú nghe.

Đi chơi trong rừng, trước hết phải đề phòng con cáo và con cây lông hoe. Trên bờ nước thì phải nhớ đến những con rái cá. Đứng trên những bức tường đá thì không nên quên con cây mình dài thường chui qua bất kì lỗ thủng nào; và muốn nằm trên một đồng cỏ thì xin phải xem kĩ có con rắn độc nào ngủ mùa đông ở đó không đã. Bước chân ra những cánh đồng quang đãng là phải dò xem bọn chim cắt và chim điêu, những đại bàng và chim ưng bơi lội trong không trung. Ở trong những khu rừng trăn, có thể bị con cắt trông bắt cóc; ác là và quạ thì đâu cũng có, tốt nhất là đừng tin gì ở bọn chúng cả; đêm tối thì phải gióng tai lên cổ đoán xem ở đâu có những con cú mèo to và những con vọ bay nhẹ đến nỗi ở ngay bên cạnh chúng cũng chẳng nghe thấy gì.

Nghe nói đến bao nhiêu giống vật muốn sát hại mình, Nils thấy như là không sao thoát nổi được chúng. Không phải ý nghĩ phải chết làm cho chú sợ lắm đâu, mà ý nghĩ bị ăn thịt. Vì vậy chú hỏi Akka là phải làm gì để tự vệ. Akka khuyên chú nên ăn ở tử tế với những con vật nhỏ trong rừng ngoài nội, với tộc đoàn các con sóc và tộc đoàn các con thỏ rừng, với những giống chim tước và những chim sẻ núi, những chú chim gõ kiến, và những chim sơn ca. Nếu chú thành bạn của chúng thì chúng sẽ có thể báo cho chú biết trước những mối nguy hiểm, giúp chú những nơi ẩn náu và nếu cần thì liên minh lại để bảo vệ chú nữa.

Nhưng chiều hôm đó, khi muốn rút lợi ích từ lời khuyên của Akka, chú ngỏ lời với Sirle, con sóc, xin nó che chở cho mình, thì con này từ chối không chịu giúp. Nó nói: “Đừng có bao giờ chờ đợi gì ở tôi, cũng như ở những con vật nhỏ khác. Tưởng tôi không biết cậu là Nils chặn ngỗng ấy à? Năm ngoái cậu đã phá các tổ én, cậu đập nát trứng chim sẻ đá, cậu bắt những quạ con ra khỏi tổ và ném xuống ao, cậu đánh bầy những chim sáo, và bắt những con sóc nhốt vào lồng. Hãy tự giúp lấy mình đi. Chúng tôi mà không hợp nhau lại để đánh cậu, đuổi cậu ra khỏi đây, và bắt cậu phải quay về gia đình, thì cậu cũng đã phải lấy làm hài lòng lắm rồi”.

Đó là một trong những câu trả lời mà trước kia, hồi còn là Nils, tay chăn ngỗng, chú không thể nào bỏ qua mà không trùng trệ được. Nhưng bây giờ thì chú rất sợ những con ngỗng trời biết rằng chú đã độc ác như thế nào. Vì sợ bị đuổi, chú chẳng dám giở một trò chơi khăm nhỏ nào ra từ khi ở cùng đàn ngỗng. Thật ra thì chú không có khả năng làm việc ác, vì bé nhỏ như thế, nhưng nếu muốn thì cũng có thể đập vỡ mấy quả trứng chim. Không, chú ngoan lắm, không nhổ đến cả một cái lông ở cánh các con ngỗng, không một lần nào trả lời một câu vô lễ, và mỗi buổi sáng chào Akka, chú đều bỏ mũ ra.

Suốt ngày thứ năm, chú nghĩ xem có thể làm gì để những con ngỗng quyết định đưa chú đi theo đến Lapland. Buổi tối, được biết vợ của Sirle bị bắt, và mấy đứa con của nó sắp chết đói, chú quyết giúp gia đình này. Chúng ta đã kể là chú thành công như thế nào rồi. Ngày thứ sáu, bước vào vườn cây, chú nghe tiếng những con chim mai hoa hót khắp nơi trong các bụi mâm xôi, và thuật lại chuyện vợ Sirle đã bị những kẻ tàn ác bắt đi như thế nào, và Nils, chú chăn ngỗng, đã liều mình vào giữa loài người để mang những con sóc con đến cho nó như thế nào.

Bầy chim mai hoa hót: “Giờ đây trong vườn cây Uvid Cloister, ai được chúc mừng, hậu đãi bằng chú bé Tí Hon, kẻ mà tất cả đều ghê sợ lúc còn là Nils, tay chăn ngỗng? Sirle, con sóc, sẽ cho Tí Hon hạt dẻ; các chú thỏ rừng dễ thương sẽ chơi với chú, các con hoẵng sẽ cõng chú trên lưng và đưa chú chạy trốn khi Smirre, con cáo, đến gần; các chim sơn tước sẽ báo cho chú biết lúc chim ưng đến, giống chim tước và các chim sơn ca sẽ hót lời ca tụng chú”.

Chú bé tin chắc rằng Akka và những con ngỗng trời khác đều nghe thấy tiếng chim mai hoa. Nhưng cả ngày thứ sáu trôi qua mà đàn ngỗng chẳng nói gì với chú về chuyện giữ chú lại với chúng cả.

Đến tận thứ bảy, đàn ngỗng có thể ăn cỏ trong những cánh đồng chung quanh Uvid Cloister mà không bị Smirre, con cáo, quấy nhiễu gì. Nhưng sáng thứ bảy, khi chúng kéo nhau ra đồng, thì con cáo đã rình sẵn, và rượt chúng từ đồng này sang đồng khác, không cho chúng có thì giờ ăn nữa. Khi hiểu ra rằng cáo sẽ không để cho chúng yên, Akka liền tức khắc quyết định cùng cả đàn bay lên và dẫn đàn bay xa nhiều dặm, qua vùng truông hoang Pherx, và những ngọn đồi thưa cỏ trên cao nguyên Linderuds. Đàn ngỗng chỉ dừng lại ở vùng lân cận Vittskurle gần biển Baltic thôi.

Lại đến chúa nhật. Cả một tuần lễ trôi qua tự lúc Nils bị biến thành gia thần, và chú vẫn cứ bé nhỏ như vậy. Và lại, chú chẳng có vẻ gì lo lắng về việc đó cả. Buổi chiều chú ngồi trên cành cây liễu lớn um tùm bên bờ nước, thỏ ống sậy chơi. Khắp chung quanh chú, đến đâu những chim sơn tước,

mai hoa, sê đa. Bụi liểu chịu được bao nhiêu, chúng đến đậu bấy nhiêu, và đàn chim hát những điệu mà chú cố thổi theo. Nhưng mà chú không giỏi trong nghệ thuật này lắm. Chú thổi sai đến nổi lông trên mình tất cả những thầy giáo nhỏ bé của chú đều dựng đứng cả lên, và chúng kêu lên, và đập cánh thất vọng. Chú bé vui thích vì nhiệt tình của chúng, đến nỗi để rơi cả ống sậy.

Rồi chú thổi lại, cũng vẫn tồi như trước. Tất cả những con chim nhỏ đều than phiền: “Hôm nay cậu thổi tồi hơn bao giờ hết, Tí Hon ạ. Cậu không thổi đúng âm thanh trong treo của tôi. Đầu óc cậu để cả đâu thế, Tí Hon?”

- Để ở chỗ khác, chú bé trả lời; mà đúng thế thật. Chú vẫn luôn luôn tự hỏi, là đàn ngỗng còn giữ chú lại với họ được bao lâu nữa.

Bỗng chú bé quăng ống sậy đi và nhảy xuống đất. Chú vừa thấy Akka và những con ngỗng trong đàn xếp một hàng dài, đi về phía chú. Chúng đi thong thả và trịnh trọng. Chú hiểu ngay là cuối cùng chúng cũng phải nói cho chú biết điều mà chúng đã quyết định về chú.

Khi đàn ngỗng dừng bước, Akka nói: “Cậu có quyền ngạc nhiên về cách xử sự của ta, Tí Hon ạ. Ta đã không cảm ơn cậu cứu ta thoát khỏi Smirre, con cáo. Nhưng ta thuộc cái hạng thích cảm ơn bằng việc làm, chứ không phải bằng lời nói. Và đây, Tí Hon ạ, ta tưởng đây là lúc đến lượt ta giúp lại cậu một việc. Ta đã cử tín sứ đến vị gia thần đã chài cậu. Thoạt đầu thần không muốn nghe nói đến việc trả lại cho cậu hình dáng ban đầu của cậu; nhưng ta đã gửi đến thần hết tin này đến tin khác, để nói cho thần biết là, sống với chúng ta, cậu đã xử sự tốt như thế nào. Cuối cùng, thần tin cho cậu biết là sẽ để cậu trở lại làm người, ngay khi cậu trở lại nhà”.

Khi ngỗng trời bắt đầu nói, chú bé vui mừng bao nhiêu thì nghe xong chú càng phiền muộn bấy nhiêu. Chú không nói một lời, ngoảnh mặt đi và bắt đầu khóc. “Thế là nghĩa thế nào? Akka nói. Có thể nói là cậu còn chờ đợi ở ta nhiều hơn những gì ta đã hiến cho cậu ư?” Nils đang nghĩ đến những ngày sống vô tư và những trò đùa vui vẻ, những cuộc mạo hiểm và cảnh tự do, và những chuyến lữ hành trên đất nước, mà nay phải bỏ đi, chú buồn quá, kêu rống lên: “Tôi không muốn trở lại làm người. Tôi muốn đi Lapland với đàn”.

- Nghe kĩ đây, Akka nói. Ta sắp nói với cậu một điều. Gia thần dễ tức giận lắm, ta lo đấy, cậu mà không nhận lời ngay bây giờ, thì lần khác khó mà lay chuyển được lòng thần.

Lạ thay, suốt đời chú bé ấy chưa bao giờ thương yêu ai cả. Chú chưa bao giờ yêu bố chú, cả mẹ chú, cả thầy giáo, cả các bạn học; cả những đứa bé trong các trại lân cận. Tất cả những gì người ta muốn bảo chú làm, dù là trò

chơi hay là công việc, đối với chú đều đáng chán. Bởi vậy chú chẳng thấy thiếu thốn ai cả, và chú chẳng nhớ tiếc ai cả.

Chỉ có vài kẻ ít ỏi hợp với chú một chút, đó là Åsa, và chú bé Mats, hai đứa cùng chặn ngõng ngoài đồng như chú. Nhưng chú có thực sự yêu thương gì chúng đâu, còn lâu.

“Tôi không muốn trở lại làm người,” chú bé gào lên, “tôi muốn theo đàn đến Lapland. Vì thế mà tôi đã ngoan ngoãn suốt một tuần.”

- Ta không muốn từ chối không cho cậu theo chúng ta đi xa đến đâu mà cậu muốn. Akka nói, nhưng trước hết, hãy nghĩ kĩ lại xem, có phải cậu không muốn về nhà không. Có thể một ngày kia cậu sẽ hối hận về quyết định ấy.

- Không, tôi sẽ không hối hận gì hết, chú bé đáp. Tôi chưa bao giờ thấy sung sướng như ở đây với đàn.

- Vậy thì như ý cậu muốn thôi.

- Cám ơn, Nils đáp. Chú sung sướng quá đến nỗi òa lên khóc vì vui mừng, cũng như trước đây chú đã khóc vì buồn bực.

Tòa lâu đài cổ^[10]

Chuột đen và chuột xám Miền nam tỉnh Skåne, không xa biển, có một tòa lâu đài cổ gọi là Glimminge. Lâu đài chỉ có một tòa nhà bằng đá, cao, rộng, kiên cố. Trong đồng bằng, ở cách xa nhiều dặm vẫn trông thấy. Lâu đài không quá bốn tầng, nhưng trông đồ sộ đến nỗi một cái nhà bình thường xây trong sân trông có vẻ như một cái nhà búp bê.

Những bức tường ngoài, những bức tường trong và những mái vòm của lâu đài dày đến nỗi trong lòng nhà chẳng còn mấy chỗ cho những thứ khác. Các thang gác thì hẹp, các gian xép thì nhỏ, các phòng lại ít. Để cho các bức tường được hết sức vững chắc, chỉ một ít cửa sổ được mở ở những tầng trên, tầng dưới cùng chẳng có chiếc nào, mà chỉ có những lỗ thông rất hẹp. Trong những thời chinh chiến xưa kia, người ta bằng lòng được giam mình trong một tòa nhà kiên cố và đồ sộ như vậy, cũng như ngày nay người ta vui lòng được khoác một chiếc áo lông giữa mùa đông. Nhưng khi thời bình tốt lành đến thì họ không muốn sống trong những buồng bằng đá âm u và lạnh lẽo của tòa lâu đài cổ nữa. Đã từ lâu, họ bỏ lâu đài Glimminge rộng lớn để đến ở những ngôi nhà mà ánh sáng và khí trời dễ lưu thông.

Vào thời mà Nils Holgersson lang thang đây đó với những con ngựa trời thì chẳng có một con người nào ở Glimminge, tuy lâu đài chẳng thiếu kẻ cư trú. Trên nóc nhà, mùa hè đến, một đôi vợ chồng sếu chiếm một cái tổ rộng; trong kho thóc sống hai con cú mèo. Những con dơi treo mình trong những ngõ ngách bí mật giữa các bức tường; một con mèo già đến ở trong lò sưởi nhà bếp; và dưới tầng hầm thì có vài trăm con chuột thuộc giống chuột xưa màu đen.

Giống chuột vốn không được các loài vật khác quý trọng lắm, nhưng những chuột đen ở Glimminge lại là ngoại lệ. Người ta nhắc đến chúng bao giờ cũng với lòng kính trọng, vì chúng đã tỏ ra rất dũng cảm trong các cuộc chiến đấu với kẻ thù, và có một sức chịu đựng rất lớn sau những nỗi bất hạnh đã giáng xuống tộc đoàn của chúng. Chúng thuộc một tộc đoàn chuột xưa kia rất đông và rất mạnh, nhưng nay đang chết dần chết mòn. Bao nhiêu năm ròng, những chuột đen đã làm chủ tỉnh Skåne và cả xứ. Người ta gặp chúng trong tất cả các nhà hầm, các kho, các vựa lúa và các sân phơi, các kho thực phẩm và các xưởng làm bánh mì, các chuồng bò và tàu ngựa, các nhà thờ và lâu đài, các nhà xay bột và xưởng cất rượu, trong tất cả mọi công trình do

con người xây dựng. Nhưng bây giờ thì chúng bị đánh đuổi khắp nơi và gần như là bị diệt chủng. Lác đác đó đây ở những nơi hẻo lánh và hoang vắng, hãn hữu người ta mới trông thấy vài con. Nhưng ở Glimminge thì chúng còn lại khá đông.

Khi mà một tộc đoàn giống vật mất đi thì nói chung là chính tại con người, nhưng trường hợp này thì không phải như vậy. Dĩ nhiên là con người đã đánh giết bọn chuột đen, nhưng không thể làm chúng tổn hại nhiều lắm. Những kẻ đã đánh bại chúng là một tộc đoàn những đồng loại với chúng; những con chuột xám.

Những chuột xám này không phải đã định cư trong xứ từ thuở xưa chẳng ai nhớ là bao giờ như lũ chuột đen. Chúng là con cháu của vài dân di thực khốn khổ, trước đây độ trăm năm đã từ một chiếc tàu thủy ở Lübeck đổ bộ lên Malmur.^[11] Chúng là những kẻ nghèo khổ tội nghiệp, đói khát, không cửa không nhà, sống lay lắt ngay trong cảng, bơi lội giữa những cọc nhà sàn trên mặt nước, dưới những găm cầu, và sống nhờ những thứ rửa trôi người ta vứt xuống nước. Chúng chẳng bao giờ dám liều thân mò vào thành phố do giống chuột đen chiếm cứ.

Tuy nhiên, dần hồi số lượng chuột xám tăng lên, chúng trở nên táo bạo hơn. Để bắt đầu, chúng đến ở trong mấy căn nhà cũ hoang phế mà chuột đen đã bỏ đi. Chúng kiếm cái ăn quanh những rãnh nước và những rác rưởi, nhặt nhanh tất cả những thứ vụn vãi mà lũ chuột đen không thèm. Chúng có sức chịu đựng, yên tâm với cảnh bần hàn và rất táo bạo. Chỉ ít năm là chuột xám đã đủ đông để đánh đuổi chuột đen khỏi Malmur. Từng bước, từng bước, chúng cướp của chuột đen những vựa lúa, những nhà hầm và những kho tàng. Vây cho chuột đen đói, buộc phải đầu hàng, hoặc giết đi vì chuột xám vốn không sợ đánh nhau.

Chiếm được Malmur rồi, chuột xám từng đàn lớn, đàn nhỏ, đi chinh phục cả nước. Cũng khó hiểu là tại sao giống chuột đen lại không tập hợp nhau lại để diệt hết chuột xám trong một cuộc chiến tranh lớn trước khi bọn này đông lên quá sức. Có lẽ chuột đen quá tin ở nền thống trị của chúng đến nỗi không nghĩ được rằng chúng có thể bị tước mất quyền lực. Chúng cứ ở yên trong các lãnh địa, trong khi chuột xám cướp của chúng hết trại này đến trại khác, hết thôn này đến thôn khác, hết thành phố này đến thành phố khác. Chúng phải nhượng bộ từng bước, từng bước vì bị hãm vào cảnh đói kém, bị săn đuổi, bị tiêu diệt. Trong tỉnh Skåne, chúng chỉ còn giữ lại được có một tòa thành Glimminge.

Tòa lâu đài cổ này có những bức tường thật kiên cố và lối đi xuyên qua các tường lại rất ít, nên giống chuột đen giữ được đường vào. Năm này qua

năm khác, đêm nọ qua đêm kia, cuộc chiến đấu cứ kéo dài giữa những kẻ giữ thành và những kẻ vây thành; chuột đen canh phòng cẩn mật và chiến đấu với tinh thần coi thường cái chết đến cao độ. Nhờ tòa lâu đài cổ, chúng đã chiến thắng. Phải nói thật rằng trong thời hùng cường của chúng, bọn chuột đen cũng đã bị tất cả các sinh linh khác thù ghét chẳng kém gì lũ chuột xám ngày nay, và thế là có lí do. Chúng đã tấn công những người tù khốn khổ bị xiềng trong ngục tối, chúng đã tham tàn nhai ngấu nghiền những xác chết, chúng đã ăn trộm đến củ cải cuối cùng trong hầm nhà người nghèo khổ, chúng đã cắn chân những con ngỗng đang ngủ, tàn phá các ổ gà mái, cướp đi nào trứng nào gà con. Tóm lại, chúng đã phạm muôn nghìn tội ác. Nhưng từ khi chúng sa vào cảnh bất hạnh, mọi việc như đã được quên đi, và người ta không thể không khâm phục những con cuối cùng của giống nòi chúng đã bám trụ vững vàng, chống kẻ thù được lâu dài đến thế.

Những con chuột xám ở trang viên Glimminge và các vùng lân cận, vẫn tiếp tục cuộc chiến tranh, rình cơ hội chiếm tòa lâu đài. Hình như chúng có thể dễ yên cho cái bộ lạc chuột đen bé nhỏ ở Glimminge vì bây giờ chúng đã chiếm được tất cả phần đất nước còn lại rồi, nhưng ý của chúng tuyệt nhiên chẳng phải như thế. Chúng nói rằng việc đánh bại những con chuột đen đối với chúng là một điểm danh dự. Nhưng những ai hiểu chúng, đều biết rằng bọn chuột xám mà nóng lòng muốn đánh chiếm chỗ này đến thế là chỉ đơn giản vì con người đã dùng Glimminge làm kho chứa ngũ cốc.

Con sếu

Thứ hai, 28 tháng ba

Một buổi sáng, vào lúc tinh mơ, những con ngỗng trời đang ngủ đứng trên tảng băng ở hồ Vomb thì được những tiếng kêu, giọng rất cao, từ trên trời vẳng xuống đánh thức dậy: “Trirop, Trirop! Trianut, chim hạc xin chào Akka, ngỗng trời, và cả đàn”. Nó báo cho Akka biết rằng ngày mai là hội mùa lớn của chim hạc ở Kullaberg.

Akka liền vươn cổ lên đáp: “Xin chào và xin cảm ơn”. Đàn chim hạc lại bay tiếp, nhưng đàn ngỗng trời vẫn nghe tiếng chúng còn kêu gọi và báo tin trên các cánh đồng và rừng cây: “Trianut loan báo rằng mai là ngày hội mùa chim hạc ở Kullaberg”.

Đàn ngỗng trời rất vui thích vì được tin này.

- May cho anh - chúng bảo con ngỗng đực trắng to, anh được xem hội mùa lớn của chim hạc.

- Được xem hạc múa thú đến thế cơ à? Ngỗng đực hỏi.

- Đó là cái mà anh có nằm mơ cũng chẳng thể thấy được, các con ngỗng trả lời.

- Ta phải nghĩ xem là có thể làm gì cho Tí Hon ngày mai, để không xảy ra bất hạnh cho cậu trong lúc chúng ta đi Kullaberg, Akka nói.

- Tí Hon sẽ không ở lại một mình đâu, ngỗng đực đáp. Nếu chim hạc không cho phép cậu ấy xem họ múa, thì tôi cũng sẽ không đi nữa.

- Chưa từng có một con người nào đã được dự cuộc họp mặt của các loài vật ở Kullaberg cả, Akka nói. Và ta sẽ không dám dẫn Tí Hon đến đó. Nhưng ta sẽ bàn lại chuyện ấy sau. Giờ phải nghĩ đến việc có cái gì ăn đã.

Akka hạ lệnh khởi hành. Lần này nữa nó dẫn đàn đi ăn rất xa, vì sợ Smirre, con cáo; và đàn ngỗng chỉ đỗ xuống những cánh đồng lầy ở phía nam Glimminge. Suốt cả ngày, Nils ngồi bên bờ một cái ao nhỏ, thổi ống sậy chơi. Chú cáu vì người ta không muốn đem chú đi xem hội múa chim hạc, và chú chẳng nói năng gì với ngỗng đực, cũng như với các con ngỗng kia. Chú giận vì Akka không tin chú. Khi một đứa con trai đã từ chối không trở lại làm người để cùng đi với những con ngỗng trời khôn khổ, thì chúng phải hiểu rõ rằng nó không có ý muốn nào phản lại chúng chứ. Khi nó đã hi sinh tất cả để đi theo chúng thì bổn phận chúng là phải cho nó xem tất cả những gì lạ lùng có thể xem được chứ. “Phải nói cho họ biết ý nghĩ của mình”, chú làu bàu như thế. Nhưng hàng tiếng đồng hồ trôi qua mà chú vẫn không thể tự quyết được. Điều này có thể như là lạ lùng, song chú cảm thấy một nỗi kính trọng đối với ngỗng già đầu đàn. Người ta chẳng ai chống lại ý muốn của Akka cả.

Viên một bên cánh đồng cỏ lầy, nơi đàn ngỗng đang kiếm ăn, là một bức tường đá xếp khá rộng. Thế là buổi tối, khi chú bé ngẩng đầu lên định nói với Akka, thì mắt chú bỗng nhìn lên bức tường ấy. Chú thốt lên một tiếng kêu nhỏ vì kinh ngạc, và tất cả các con ngỗng đều ngước mắt lên cùng nhìn về phía với chú. Thoạt đầu, người ta có thể nói là những hòn cuội màu xám dùng để dựng bức tường đều có chân, và đang chạy. Nhưng chẳng bao lâu chúng thấy rằng đó là những đàn chuột đang chạy trên mặt tường. Chúng phi rất nhanh, và hàng ngũ chúng dày và đông đến nỗi che kín cả bức tường một lúc lâu. Khi còn là một chú con trai cao lớn và khỏe mạnh, Nils cũng đã sợ chuột rồi. Bây giờ lại càng tệ hơn, chú bé nhỏ đến nỗi hai hay ba con chuột cống cũng đủ đánh bại chú. Chú thấy rùng mình suốt sống lưng. Lạ thay, những con ngỗng hình như cũng sợ lũ chuột như chú. Chúng chẳng nói gì với lũ chuột, và khi chuột đã đi qua hết, chúng liền giữ thân hình tựa hồ lông

của chúng bị lâm bùn vậy.

“Bên ngoài biết bao nhiêu là chuột xám! Yksi ở Vassijaure nói, không phải là điềm tốt!”.

Nils nghĩ đây là lúc thuận tiện để nói với Akka là phải để cho chú cùng đến Kullaberg với đàn ngỗng, nhưng một con chim rất to vừa bay đến làm chú không nói được. Nhìn con chim người ta có thể nói là nó đã mượn thân hình, cái cổ và cái đầu của một con ngỗng trắng nhỏ. Nhưng thêm vào, nó lại còn kiếm được đôi cánh to màu đen, đôi chân cao màu đỏ và một chiếc mỏ dài, dày, quá to so với cái đầu nhỏ của nó. Cái mỏ rất nặng này làm cho đầu nó gục về phía trước, đem đến cho nó cái vẻ tư lự và u sầu.

Akka vội xếp lại những chiếc lông to ở đôi cánh mình, gật cổ chào nhiều lần, và tiến lên đón con sếu. Akka không quá ngạc nhiên thấy sếu đã về đến Skåne rồi, vì biết rằng mùa xuân đến thì những chim trống về đến nơi rất sớm. Chúng về để xem cho chắc là chiếc tổ đã không bị quá hư hại trong mùa đông, trước khi những con mái chịu cất công vượt biển Baltic. Nhưng mà Akka ngạc nhiên vì thấy con sếu đến gặp mình, loài sếu nói chung vốn chỉ đi lại với những kẻ cùng nòi giống với chúng mà thôi.

“Mong rằng cái tổ của ông không đến nỗi hư hỏng gì, ông Ermenrich ạ”, Akka nói.

Một lần nữa, hình như người ta không nói dối khi xác nhận rằng một con sếu không thể há mỏ mà không kêu rên được. Con này hình như lại còn rên rĩ hơn nữa, vì nó thấy rất khó khăn khi phải phát ra một tiếng. Nó lập cập làm cái mỏ kêu lạch cạch một lúc khá lâu, rồi mới nói được với cái giọng khàn khàn và yếu ớt. Nó than vãn đủ điều; nào là cái tổ ở trên nóc lâu đài Glimminge đã bị những cơn bão mùa đông làm hỏng nhiều, nào là thời buổi này ở Skåne chẳng còn cách nào tìm ra một thức gì ăn được nữa. Người dân tỉnh Skåne càng ngày càng chiếm đoạt hết của cải của nó, họ làm khô cạn những đồng cỏ thấp của nó và trồng trọt lên những đầm lầy của nó. Nó tính sẽ bỏ xứ này, đi không trở lại nữa.

Trong lúc sếu than vãn thì Akka, ngỗng trời, dù không tìm đâu ra được nơi che chở và trú ẩn, cũng không thể không nghĩ thầm: “Ông Ermenrich ạ, nếu tôi được sung sướng như ông mà còn than phiền thì tôi sẽ xấu hổ lắm. Ông vẫn là một con chim trời tự do, nhưng ông lại có quan hệ tốt với giống người lắm, nên chẳng ai bắn ông một phát súng hay lấy trộm ở tổ ông một cái trứng nào”. Nhưng Akka giữ kín những ý nghĩ ấy, không nói ra, chỉ nói là không thể tin được rằng gia đình sếu đã ở cái tổ đó từ lúc mới xây dựng, mà lại bỏ đi.

Đột nhiên sếu hỏi đàn ngỗng có trông thấy lũ chuột xám đang tiến đến Glimminge không. Khi nghe Akka trả lời là có, ông Ermenrich bèn kể cho nghe chuyện những con chuột đen dũng cảm đã bao năm cố thủ tòa lâu đài, rồi thở dài kết luận:

- Nhưng đêm nay Glimminge sẽ vào tay lũ chuột xám thôi.

- Tại sao đêm nay, ông Ermenrich à? Akka hỏi.

- Tất cả chuột đen đều đã đi Kullaberg từ chiều hôm qua, tin chắc rằng tất cả mọi giống vật đều cùng đi cả. Nhưng các bác thấy là chuột xám đều ở nhà hết, giờ đang tập hợp để đêm nay xông vào lâu đài; chỉ còn có mấy con chuột già nua khốn khổ, không đủ sức đến nổi Kullaberg ở lại bảo vệ thôi. Lũ chuột xám sẽ làm được việc đó, nhưng tôi đã sống với chuột đen bao nhiêu năm, tôi không thích sống với kẻ thù của họ.

Akka hiểu rõ là sếu tức giận về cách hành động của giống chuột xám, đã tìm đến đây để thổ lộ nỗi lòng. Nhưng theo thói quen của loài sếu thì chắc là đã chẳng làm gì để chống lại tai họa cả.

- Ông đã báo tin cho chuột đen biết chưa, ông Ermenrich? Akka hỏi.

- Không. Ích gì? Họ chẳng đủ thì giờ trở về trước khi lâu đài bị chiếm.

- Không chắc như vậy đâu, ông Ermenrich ạ, Akka nói. Tôi biết có một ngỗng trời già chẳng mong gì hơn là ngăn chặn một việc thâm độc đến thế.

Nghe nói đến đây, sếu ngẩng đầu lên, tròn xoe mắt ra nhìn Akka.

Thật vậy, ngỗng già Akka chẳng có móng, chẳng có mỏ có thể chiến đấu được. Ngoài ra, Akka là một con chim ăn ngày, trời mới tối, dù muốn hay không, là đã buồn ngủ rũ ra rồi. Mà loài chuột thì lại chiến đấu trong đêm tối.

Nhưng Akka đã quyết giúp loài chuột đen, nên gọi Yksi ở Vassijaure và ra lệnh dẫn đàn ngỗng về hồ Vomb. Đáp lại ý kiến phản đối, Akka nói, giọng quyền thế: “Ta nghĩ rằng tốt hơn hết cho tất cả chúng ta là người hãy nghe lời ta. Ta phải bay đến tận cái tòa nhà đá kia kia, và nếu cả đàn theo ta thì không thể nào những người trong trại lại không trông thấy và không bắn chúng ta được. Ta sẽ chỉ mang một người là Tí Hon. Cậu ấy có thể giúp ta, vì có đôi mắt tốt và có thể thức đêm được”. Ngày hôm đó, chú bé vẫn ương ngạnh. Nghe lời Akka nói, chú ưỡn thẳng người cho cao được đến đâu hay đến đâu, và bước lên, hai tay chấp sau lưng, mũi héch lên trời, để nói rằng chú không muốn đánh nhau với loài chuột một chút nào. Tốt hơn là Akka nên tìm một bạn chiến đấu ở nơi khác.

Nhưng chú bé vừa ló mặt ra là sếu liền linh hoạt hẫng lên. Cho đến lúc ấy, sếu vẫn cúi đầu, mở tựa vào cổ, theo thói quen của loài sếu. Thế mà, bỗng nghe phát ra một tiếng ồng ọc từ tận đáy họng, tựa hồ nó cười vậy. Rồi thỉnh linh nó chia mở ra, cắp lấy chú bé và tung lên cao khoảng hai, ba mét. Nó làm đi làm lại bảy lần liền cái trò này, chẳng quan tâm đến tiếng kêu rú của chú bé, cũng như tiếng cà kiu ầm ĩ của đàn ngỗng; “Ông làm gì thế, ông Ermenrich? Đâu phải là con nhái. Con người đây chứ, ông Ermenrich ạ”.

Sau cùng, sếu đặt chú bé xuống đất, bình yên vô sự. Rồi quay về phía Akka, sếu nói: “Tôi trở về Glimminge đây, mẹ Akka ạ. Tất cả những ai ở đó đều rất lo khi tôi chia tay với họ. Bà có thể tin chắc rằng họ sẽ rất mừng khi được biết là Akka, ngỗng trời, và Tí Hon, chú nhóc, sẽ đến cứu họ”.

Nói xong, sếu vươn dài cổ, dang đôi cánh và bay vút đi như một mũi tên bật ra từ một cái cung căng hết mức. Akka thừa hiểu rằng ông Ermenrich giấu mình, nhưng không để lộ ra chút ý gì. Akka đợi chú bé nhặt xong đôi giày gỗ mà sếu đã làm vắng đi, rồi nhắc chú lên lưng mình và bay theo sếu. Về phần mình, chú bé không cưỡng lại, và không nói một lời về ý định không muốn đi. Chú tức sếu quá chừng, nên cứ thở phì phì, vẻ giận dữ. Cái loài cao căng, đồ chân kia rõ ràng là đã tưởng rằng Nils là đồ vô tích sự bởi vì bé nhỏ, nhưng chú sẽ tỏ cho nó biết rõ rằng Nils Holgersson ở Vemmenhug có thể làm được gì.

Một lúc sau, Akka đỗ xuống cái tổ sếu lớn trên nóc lâu đài Glimminge. Cái tổ tuyệt đẹp. Tổ đặt trên một cái bánh xe, và gồm nhiều lớp cành cây và cỏ khô. Cái tổ lâu đời đến nỗi rất nhiều cây nhỏ và cây bụi đã mọc rễ ở đây, và khi áp trứng trong cái hốc tròn ở giữa tổ, thì mẹ sếu không những có thể thưởng ngoạn quang cảnh một phần lớn tỉnh Skåne, mà còn được ngắm ngay trước mắt những hoa tường vi dại và những dây thường xuân nữa. Thoạt nhìn, Akka và chú bé thấy ngay rằng mọi thứ trong toàn thể tòa nhà đều lộn tùng phèo lên hết. Trên mép tổ, ngồi hai con cú mèo, một con mèo xám và một tá chuột lồm khồm, vầu rắng, mắt suốt mướt lệ. Thật chẳng phải chút nào những con vật thường thấy trong các cuộc hội họp thanh bình.

Không một con nào trong bọn quay nhìn và chào đón Akka cả. Hoàn toàn bị hút vào mỗi bận tâm của mình, chúng đưa mắt nhìn theo những đường dài màu xám thấp thoáng trong những cánh đồng trơ trụi vì mùa đông. Những con chuột đen, lặng như câm, đăm đuôi trong một niềm tuyệt vọng cùng cực. Chúng hiểu rất rõ là chúng không thể bảo vệ được tính mạng mình, cũng như tòa lâu đài. Hai con cú mèo đảo lia lịa đôi mắt tròn xoe, làm thay đổi màu sắc của hai vòng lông quanh mắt, nom như hai mắt kính, và nói đến sự hung tàn độc ác của loài chuột xám, giọng thô thảm và chua chát. Chúng thấy bắt buộc phải bỏ tổ mà đi, vì nghe nói rằng bọn chuột xám không tha cả đến

những quả trứng và những con chim non. Con mèo già lông vằn thì tin chắc rằng, chuột xám sẽ giết mình vì chúng kéo đến đông như thế, và nó cứ mãi trách móc độc ác những con chuột đen: “Sao các người lại có thể ngu dại để cho các chiến sĩ giỏi nhất của mình đi mất cả? Sao các người lại có thể đi tin loài chuột xám? Thật không thể tha thứ được!”

Mười hai chuột đen không đáp lại một lời, nhưng sếu dù đang buồn, cũng không thể không trêu mèo một chút: “Đừng sợ, miu ạ” - sếu nói. “Không thấy mẹ Akka và Tí Hon đã đến cứu lâu đài đấy à? Miu có thể tin chắc rằng họ sẽ thành công. Giờ thì tôi đi ngủ đây, và tôi sẽ ngủ hết sức yên tâm. Ngày mai khi chúng ta thức giấc, chắc chắn sẽ không còn lấy một con chuột xám nào ở Glimminge nữa”.

Chú bé nháy mắt với Akka, và ra hiệu cho biết là chú muốn chờ lúc sếu ngủ say, đứng một chân ở cuối mép tổ thì đẩy cho ngã xuống đất, nhưng Akka ngăn lại. Akka chẳng có vẻ bức mình chút nào cả: “Ngần ấy tuổi đầu rồi, mà không biết cách thoát khỏi những khó khăn tệ hại như thế thì thật là bất hạnh. Chỉ cần cái cặp cú mèo có thể thức suốt đêm kia, sẵn lòng mang giúp mấy lời nhắn tin của ta đi thì chắc là mọi việc sẽ ổn cả”.

Hai con cú mèo nói là sẵn sàng thi hành lệnh của Akka. Ngỗng bèn cử cú chồng đuổi theo những con chuột đen đã ra đi, và bảo chúng trở về ngay lập tức. Vợ cú thì được phái đến gặp Flammea, con chim lợn ở nhà thờ Lund, mang một tin tối mật mà Akka chỉ hơi dám thăm thì nói nhỏ vào tai nó thôi.

Người dụ chuột

Sau cùng, gần nửa đêm thì những con chuột xám mới tìm ra một cái lỗ thông gió dưới hầm nhà để ngủ. Lỗ ở khá cao trên mặt tường, nhưng lũ chuột chồng nhau lên, và chẳng bao lâu con táo bạo nhất trong bọn đã lên đến cái lỗ, sẵn sàng chui vào lâu đài, mà trước đây bao ông cha chúng đã ngã quì dưới chân tường.

Con chuột xám đứng một lúc không động đậy, ở lỗ thông, chờ bị tấn công. Bộ phận chủ lực của toán quân bảo vệ lâu đài chắc đã đi rồi, nhưng con chuột xám cho rằng những chuột đen để lại giữ lâu đài sẽ không đầu hàng mà không chiến đấu. Tim đập hồi hộp, nó nghe ngóng những tiếng động nhỏ nhất, nhưng tất cả đều im lặng. Thế là chỉ huy bọn chuột xám mạnh dạn lên và nhảy vào trong hầm tối.

Những chuột khác, con trước con sau, lần lượt theo con đầu đàn. Chúng luôn vào lâu đài rất thận trọng, đề phòng những sự bất ngờ. Chúng chỉ không

tiến lên nữa khi trên sàn không còn đủ chỗ đứng chân cho những kẻ xâm lược mới đến.

Dù chưa bao giờ vào lâu đài, chúng cũng chẳng khó khăn gì mà không tìm ra đường. Nhanh chóng thôi, chúng tìm ra giữa các tường những ngõ ngách mà bọn chuột đen đã theo để lên những tầng trên. Nhưng trước khi bước vào những ngõ ngách ấy, chúng còn lắng tai nghe ngóng nữa. Những con chuột đen vắng bóng thế này còn làm cho chúng lo ngại hơn một trận chiến đấu công khai nhiều. Chúng không dám tin ở hạnh phúc của chúng khi chúng lên được tầng trên.

Ngay cửa vào, mùi lúa mì chất từng đống, xộc vào mũi chúng. Nhưng chưa đến lúc hưởng thụ cuộc chiến thắng. Trước tiên, chúng phải xem xét thật tỉ mỉ những gian phòng trống trải, mênh mông. Chúng leo lên lò sưởi ở giữa căn bếp rộng, và suýt chết đuối trong cái giếng ở một gian cuối nhà. Chúng xem xét từng chiếc cửa sổ nhỏ trên mái nhà, nhưng chẳng tìm thấy bọn chuột đen ở một xó nào cả. Khi đã làm chủ được tầng gác này, chúng bắt đầu chiếm lấy gác hai, cũng vẫn thận trọng như thế. Lại một phen leo trèo gian khổ và nguy hiểm giữa những bức thành cổ; mỗi lúc một lo bị tấn công bất ngờ. Mặc dù bị hương thơm dễ chịu của lúa mì thu hút, chúng buộc lòng phải giữ hết sức trật tự, khám xét gian phòng rộng của lính canh gác ngày xưa có những cột to, chiếc bàn đá của họ, cái lò sưởi, những hốc sâu của các cửa sổ, và cái lỗ khoét giữa sàn, mà ngày xưa người ta dội nước chỉ đun chảy xuống đầu quân địch.

Chuột đen vẫn đâu cả chẳng thấy. Quân chuột xám liền đánh bạo lên tầng ba. Phòng lớn của chúa lâu đài cũng lạnh lẽo chẳng trang hoàng gì, như tất cả các phòng khác. Cuối cùng, chúng lên đến tầng cao nhất, chỉ là một phòng duy nhất rất rộng và trống không. Nơi độc nhất mà chúng không hề nghĩ đến việc khám xét là cái tổ sêu to trên nóc nhà. Đúng lúc ấy, trên tổ mụ cú mèo đánh thức Akka dậy, báo cho biết là Flammea, chim lợn, đã chuẩn y lời thỉnh cầu của Akka và gửi đến cho cái mà ngỗng mượn.

Sau khi đã kiểm soát toàn bộ lâu đài cẩn thận như thế, lũ chuột xám thấy yên tâm. Chúng biết là chuột đen đã tềch cả rồi, không chống cự lại chúng nữa. Và thế là hết sức vui mừng, chúng nhảy bổ đến những đống lúa mì. Chúng vừa ngấu nghiến nhai được mấy hạt lúa thì nghe tiếng sáo thổi lạnh lạnh dưới sân. Chúng ngẩng đầu lên lắng tai nghe, vẻ lo sợ, nhảy mấy cái như muốn bỏ các đống lúa mà đi, nhưng rồi lại ăn tiếp.

Tiếng sáo lại nổi lên, gay gắt và nhức nhối. Thế là một việc rất lạ lùng xảy ra: một con, hai con, rồi một đàn chuột bỏ lúa mà chạy, theo con đường ngắn nhất, xuống nhà hầm để ra khỏi lâu đài. Tuy vậy, nhiều con vẫn không

nhúc nhích. Chúng nghĩ đến nỗi khó nhọc để chiếm Glimminge, và không muốn rời khỏi chốn này. Nhưng chúng lại nghe những điệu sáo, và phải chạy theo đồng đội. Chúng chen lấn nhau như điên, chạy theo các hành lang hẹp giữa các bức tường, xô đẩy nhau để ra cho thật nhanh.

Giữa sân, một con người bé tí đang thổi sáo. Chúng quanh quýt đứng thành vòng tròn, lắng nghe, ngạc nhiên và mê mẩn. Cứ mỗi phút lại những chuột khác kéo đến. Một lúc, con người hạ ống sáo xuống, xòe bàn tay ra, để ngón cái vào mũi, nhạo lũ chuột. Bây giờ tưởng như lũ chuột sắp chồm lên vỗ con người bé nhỏ ấy và nhai ngấu nghiến, nhưng nó lại bắt đầu thổi thì chúng đều khuất phục uy lực của nó.

Khi đã nhử được tất cả những con chuột xám ra khỏi Glimminge thì con người bé nhỏ ấy bắt đầu đi thong thả trên đường, và tất cả đều đi theo. Điệu sáo bên tai chúng dịu dàng đến nỗi không làm sao mà cưỡng lại được.

Con người bé nhỏ đi trước lũ chuột, kéo chúng về phía Vallby. Nó đưa chúng đi ngoằn ngoèo, không biết bao nhiêu khúc quanh co, qua bao hàng rào, bao hào hố, khắp nơi, nó đi đâu chúng đi theo đó. Nó vẫn thổi chiếc sáo, hình như làm bằng sừng của con vật nào đó, nhưng nhỏ lắm, đến nỗi chẳng một con vật nào mà ngày nay có sừng bé đến thế. Chẳng ai có thể nói được kẻ nào đã chế ra chiếc sáo đó. Flammea, chim lợn, đã tìm được chiếc sáo trong một chỗ lõm vào tường ngọn tháp nhà thờ ở Lund.^[12] Nó đem cho Bataki, con quạ, xem và cả hai đều cho rằng đây là một trong những chiếc sừng ngày xưa người ta dùng để trấn áp các giống chuột cống và chuột nhắt. Quạ là bạn của Akka, và chính nhờ quạ mà Akka biết được rằng Flammea có một bảo vật như thế. Và dĩ nhiên là lũ chuột không thể nào chống lại nổi chiếc sáo. Ánh sao còn chiếu, là chú bé còn đi trước chúng nó, vừa đi vừa thổi, và chúng nó cứ đi theo không ngớt. Chú thổi đến hừng đông, thổi đến lúc mặt trời mọc, và đám đông chuột xám vẫn đi theo chú mãi, càng đi càng bị cuốn xa những vựa lúa mì rộng lớn của Glimminge.

Hội mùa chim hạc^[13]

Thứ ba, 29 tháng ba

Kullaberg là một quả núi thấp, dài, chẳng to lớn mà cũng chẳng hùng vĩ chút nào. Trên đỉnh rộng có những cánh đồng, những khóm rừng và vài truông nhỏ; lác đác những mô đất phủ đầy thạch thảo, và những khối đá trơ trụi. Trên ấy chẳng có gì đẹp lắm, quang cảnh cũng như phần lớn những vùng đất cao ở tỉnh Skåne thôi.

Ai đi theo đường lên đỉnh núi cũng đều thất vọng một tí. Nhưng mà ra xa con đường mòn ấy, đến gần những sườn núi và hãy đưa mắt nhìn về phía những vách núi dốc đứng, thì sẽ tìm thấy bao nhiêu cái lạ, và sẽ tự hỏi làm sao mà có thể nhìn xem cho hết được. Thật vậy, Kullaberg không tựa lên mặt đất như bao nhiêu núi khác xung quanh có đồng bằng và thung lũng, mà nhòai ra biển xa thật hết mức. Chẳng có lấy một dải đất nào trải ra dưới chân núi để bảo vệ núi chống lại sóng biển. Những sóng ấy vỗ vào vách núi, và tha hồ xói mòn các vách ấy, tạo ra những hình dáng theo ý thích của chúng. Bởi vậy, các vách núi cứ đứng đó để cho biển và kẻ trợ lực của biển là gió, đục đẽo và chạm trổ. Có những vực sâu khoét vào vách đá và những chóp đen bị mài nhẵn vì gió quạt liên hồi. Có những cột đá trơ trọi nhô lên khỏi mặt nước, và những hang đá âm u lối vào chật hẹp có những bờ dốc thẳng đứng, trơ trụi và những sườn thoải thoải mọc đầy cỏ cây. Có những núi đá cao nho nhỏ và những vũng nho nhỏ, những bờ biển đầy những hòn cuội thật nhỏ bị những đợt sóng lăn đi lăn lại, tiếng lạo xạo không ngừng. Có những công đá đẹp tuyệt vời, hình mái vòm mở ra trên mặt nước; có những mỏm đá ngầm nhọn chốc chốc lại bị một đám bọt trắng vùi kín, và những mỏm khác vĩnh viễn đứng yên lặng soi mình trong làn nước màu lục pha lam và đen. Có những “nồi của khổng lồ”^[14] được đào trong đá khối; có những khe núi dài rộng như giục du khách đánh bạo đi sâu vào lòng núi, đến tận động của con quỷ lùn ở Kullen.

Những bụi gai và cây đại bò lan, leo lên leo xuống những vách biển ấy, những mỏm đá ấy và những khe núi ấy. Cây cối đã mọc lên, nhưng sức mạnh của gió buộc chúng phải biến thành cây bụi để có thể bám chắc được vào những sườn núi. Những cây sồi bị đè sát mặt đất, và những cây dẻ gai thân thấp lè tè, hợp thành những chiếc rạp rộng xanh rờn trong những chỗ lõm và những hầm hố.

Những vách núi tuyết vời ấy với biển xanh bao la ở bên dưới, và không khí lạnh buốt, rục rờ bên trên, đã làm cho Kullaberg thân thiết với con người hết sức, khiến họ lũ lượt kéo nhau đến đây suốt cả mùa hè. Khó mà nói được hơn là cái gì đã thu hút các loài vật đến đây, nhưng mà năm nào chúng cũng tụ tập về đây thành một cuộc họp mặt vui chơi lớn. Đây là một tục lệ xưa lắm, đã từ những thời nào chẳng ai nhớ nữa. Phải có mặt ở đây vào lúc ngọn sóng biển đầu tiên phủ bọt trắng lên bờ mới giải thích được lí do của sự lựa chọn này.

Khi mà cuộc hội họp sắp mở ra thì nai, hoẵng, thỏ, cáo và các vật bốn chân khác liền lên đường vào ban đêm để loài người khỏi trông thấy. Trước lúc mặt trời mọc một chút, chúng đến địa điểm các cuộc chơi, một truông hoang ở bên trái đường, không xa cái mỏm tận cùng của hòn đảo.

Khắp chung quanh bãi họp đều có những hòn núi tròn trặn bao bọc, nên chỉ đến gần sát mới trông thấy bãi. Vào tháng ba, khó có thể có người nào lạc bước đến chốn này. Những người khách lạ trong mùa nắng đẹp, dạo chơi qua những ngọn đồi và leo quả núi, thì mùa thu bị những cơn bão xua đuổi. Người gác đèn biển trên mũi đất, bà cụ già trên rẫy cao, người chủ trại với đám gia nhân, đều đi theo lối đi quen thuộc của họ, không lần quất trong những truông hoang vắng.

Đến bãi chơi, những vật bốn chân đều lên yên vị trên những ngọn đồi, loài nào theo loài ấy, dù là một ngày như ngày hôm ấy, mà hòa bình đến giữa mọi vật, và chẳng vật nào còn có gì phải sợ nữa. Ngày hôm ấy, một con thỏ con có thể đi qua quả đồi của những con cáo mà không sợ mất một mẩu của đôi tai dài của nó. Tuy thế các loài vật vẫn ở thành từng nhóm. Tục lệ là như vậy. Khi tất cả đã yên chỗ rồi thì bắt đầu chờ các loài chim đến. Hầu như năm nào ngày hôm ấy trời cũng đẹp. Loài chim hạc giỏi đoán thời tiết. Nếu trời có thể mưa, chúng sẽ không triệu tập các loài vật.

Vậy mà, dù trời trong vắt, và không có gì che khuất tầm mắt, các thú bốn chân vẫn không thấy các loài chim bay đến. Thật là lạ vì mặt trời đã mọc rồi, và chim đáng lẽ đã phải lên đường rồi. Chỉ thấy những đám mây đen nhỏ bay qua trên cánh đồng. Nhưng kia rồi! Một trong những đám mây ấy tiến về phía Kullaberg, dọc theo bờ biển Uresund.^[15] Đến trên bãi biểu diễn, đám mây ngừng lại, và bỗng nhiên cả đám mây chỉ là lời ca và tiếng hát, và âm nhạc. Đám mây lên cao, rồi xuống thấp, rồi lại lên cao, rồi lại xuống thấp, và chỉ là lời ca và tiếng hát, và âm nhạc. Cuối cùng, cả đám mây ấy sà xuống một ngọn đồi, tất cả ập xuống nhanh như chớp, và chỉ loáng một cái, ngọn đồi đã biến mất dưới những chim sơn ca lông xám, những chim mai hoa đẹp lông đỏ, xám và trắng, những chim sáo sậu lông tím xanh và những chim sơn

tước lông màu lá chuối non.

Chẳng bao lâu lại có một làn sương khói nhẹ bay qua đồng bằng. Làn sương bay chậm lại trên những khóm nhà, trên những mái tranh và những lâu đài, những xóm làng và những thành phố, và mỗi lần như thế lại hình như hút từ mặt đất lên một cột những hạt bụi xám xoay tròn thành lốc. Làn sương lớn dần, lớn dần, và sau cùng lúc tiến về phía Kullaberg thì không còn là một làn sương mong manh nữa, mà là một đám mây dày đặc, rộng lớn đến nỗi bóng râm phủ lên mặt đất từ Huganäs đến Mulle. Lúc dừng lại trên bãi biểu diễn, đám mây che khuất cả mặt trời, và mưa xuống toàn chim sẻ, một hồi lâu trước khi những con bay ở giữa đám mây trông thấy ánh sáng trong treo của ban ngày.

Nhưng kìa, đám mây chim lớn nhất đang đến, gồm những đàn chim từ khắp mọi nơi. Đám mây màu xám xanh nặng nề, không để lọt qua lấy một tia mặt trời. Mây đến, tối sầm và dữ dội như một đám mây dông, vang lên tiếng huyên náo khủng khiếp, những tiếng kêu ghê gớm nhất, những tiếng cười trêu ghẹo nhất, những tiếng quàng quác thê lương nhất. Người ta lấy làm mừng khi thấy mây tản ra thành một trận mưa lả tả và quang quác những quạ đen, quạ khoang, quạ nhỏ và quạ bé. Sau đó, ngoài những đám mây, trên nền trời còn hiện lên bao nhiêu những hình và dấu. Ở phía đông và phía đông bắc mọc lên những đường thẳng và chấm chấm, đó là những chim rừng tỉnh Guringe bay tới: đa đa và gà rừng bay thành hàng dọc, con nọ cách con kia hai, ba mét. Các giống chim nước sống trên đảo Måklappen ở phía trước Falsterbo, ngược eo biển Uresund lên, bay thành những hình lạ lùng: hình tam giác và hình cây lao dài, hình móc xiên và hình bán nguyệt.

Cái năm mà Nils đi với ngỗng trời thì Akka và đàn của mình đến sau tất cả mọi giống chim khác, vì đã phải bay suốt qua tất cả chiều ngang của tỉnh Skåne để tới Kullaberg. Ngoài ra, trước khi lên đường, còn phải đi tìm chú bé đã thổi sáo từ nhiều tiếng đồng hồ cho lũ chuột xám nghe và kéo chúng ra xa Glimminge. Cú mèo chồng đã trở về, báo tin các chuột đen sẽ trở về ngay sau lúc mặt trời mọc. Vì vậy có thể không cần thổi chiếc sáo của Flammea mà chẳng sợ nguy hiểm gì nữa.

Vả lại, chẳng phải Akka là kẻ đầu tiên tìm thấy Nils đang lững thững đi, theo sau là đàn chuột xám; lại cũng chẳng phải Akka đột nhiên lao xuống như một mũi tên, cắp lấy chú và lại bay vút lên không với chú, mà chính là ông Ermenrich, con sếu. Vì ông Ermenrich đã đích thân đi tìm Tí Hon. Sau khi đặt chú vào tổ, liền xin lỗi chú là tối hôm trước đã cư xử khinh thị với chú.

Nils rất hài lòng, chú với sếu đã tức khắc thành đôi bạn. Akka cũng tỏ ra

rất tử tế, cứ cọ cái đầu già vào cánh tay chú bé và khen chú đã cứu giúp những kẻ đang cơn hoạn nạn.

Cũng phải biểu dương chú bé là dù vậy, vẫn không muốn nhận nhiều lời khen hơn chú đáng được khen. Chú nói: “Không, không, mẹ Akka à, đừng nghĩ rằng tôi kéo lũ chuột xám đi ra xa là để giúp bọn chuột đen. Tôi chỉ muốn tỏ cho ông Ermenrich biết là ít nhất tôi cũng làm được việc gì”.

Bấy giờ Akka liền quay lại hỏi sều xem là mang Tí Hon đi theo đến Kullaberg thì có nên không. “Theo ý tôi,” Akka nói, “chúng ta có thể tin cậy chú bé như tin vào chúng ta vậy”.

Ông Ermenrich nhiệt thành khuyên Akka đem chú đi theo.

“Nhất định rồi, mẹ Akka ạ, phải đưa Tí Hon đến Kullaberg chứ. Chúng ta phải lấy làm sung sướng vì có thể thưởng cho Tí Hon về những thử thách cậu ấy đã phải chịu đựng đêm qua vì chúng ta. Và vì tôi vẫn còn tự giận mình là đã cư xử không tốt với cậu tối qua, nên chính tôi sẽ công cậu trên lưng đến cuộc họp mặt”.

Ít có những lời khen ngợi nào mà dễ chịu bằng những lời khen ngợi của những kẻ thông minh và giỏi giang: chưa bao giờ Nils thấy sung sướng như thế. Vậy là chú lên đường, hai chân vắt hai bên cổ ông Ermenrich, con sều. Dù đó là một vinh dự lớn đối với chú, có lúc không phải chú không thấy khá lo ngại, vì ông Ermenrich là một bậc thầy trong nghệ thuật bay, và bay nhanh hơn các ngỗng trời. Trong khi Akka bay theo đường thẳng tắp, cánh vỗ đều đều thì ông Ermenrich lại thích biểu diễn những trò xảo diệu. Lúc thì sều cứ bất động ở một độ cao đến chóng mặt, lượn trên không mà không hề nhúc nhích cánh; lúc thì lao vút xuống thấp như một hòn đá, nhanh đến nỗi tưởng phải tan xác trên mặt đất. Hoặc là sều lại đùa, bay vòng tròn quanh Akka, cứ thu hẹp mãi vòng bay lại, trông như một cơn lốc. Chưa bao giờ chú bé được thấy một cảnh nào như vậy, và tuy lúc nào cũng nơm nớp sợ, chú cũng phải thú nhận rằng từ trước đến lúc ấy, chú chưa biết thế nào là một đường bay đẹp. Trên đường đi, chỉ dừng lại có một lần ở hồ Vomb, để nhập với đàn ngỗng của Akka. Rồi thì bay thẳng tới Kullaberg.

Cả đàn đổ xuống đỉnh ngọn đồi dành cho ngỗng trời. Đưa mắt nhìn những đồi cao chung quanh, chú bé nhận thấy trên một ngọn, những bộ gạc có nhiều chạc của các con nai, trên một ngọn khác những chùm lông xám trên đầu như cái mào của những con diệc. Một ngọn đồi đỏ những lông cáo, ngọn khác chỗ đen chỗ trắng đầy những loài chim biển, lại một ngọn khác xám một màu chuột nhắt và chuột đồng. Một ngọn đồi do bọn quạ đen chiếm, chúng luôn mồm kêu quạ quạ. Một ngọn khác đầy chim sơn ca, chúng không

tài nào ở yên chỗ, cứ mỗi lúc lại lao vút lên không, hót lên thật hoan hỉ.

Theo lệ thường thì những con quạ nhỏ mở đầu các trò vui và các cuộc biểu diễn trong ngày hội bằng một điệu múa trên không. Quạ chia làm hai nhóm mà người ta thấy từ hai phía bay lại với nhau, gặp nhau rồi tách nhau ra, rồi lại bắt đầu lại như thế. Điệu múa này gồm nhiều hồi lặp đi lặp lại, đối với những khán giả không biết luật lệ thì có vẻ hơi đơn điệu. Đàn quạ rất tự hào về điệu múa, nhưng các loài vật khác thì đều mừng lúc nó chấm dứt. Đối với chúng, điệu múa ấy cũng tẻ ngắt và vô nghĩa chẳng kém gì những trận bão mùa đông đùa với những nắm tuyết vậy. Nó làm cho mọi người buồn bã, người ta nóng lòng chờ một cái gì vui hơn.

Chẳng phải chờ lâu, đàn quạ vừa múa xong thì những con thỏ rừng đã vút tới. Chúng lao mình chạy thành một hàng dài, không trật tự gì lắm, khi thì từng con đơn độc, khi thì ba bốn con chạy hàng ngang. Tất cả đều đứng hai chân sau, rồi chạy như bay đến nỗi những đôi tai dài của chúng cứ quay tròn đủ mọi phía. Chúng không ngừng chạy, vừa chạy vừa xoay tròn mình, và lấy hai chân trước vỗ vào ngực bôm bốp. Mấy con nhào lộn liên tiếp nhiều loạt, mấy con nữa gập đôi mình lại và lăn lông lốc như những bánh xe. Người ta thấy có những con đứng một chân và quay tròn, những con khác đi hai chân trước. Tất cả những trò này đều lộn xộn, chẳng chút trật tự nào hết, nhưng điệu múa của loài thỏ trông vui quá, và những vật đứng xem bắt đầu thở gấp lên. Đang là mùa xuân, niềm vui và các lạc thú sắp trở lại. Mùa đông đã qua, mùa hạ sắp đến. Chẳng bao lâu nữa, đời sống sẽ chỉ là một trò chơi.

Khi đàn thỏ rừng đã xong những trò nhảy nhót rồi, thì đến lượt những loài chim lớn trong rừng trở tài khéo léo. Độ một trăm con gà rừng áo đen bóng loáng, lông mày đỏ chót, đậu trên một cây sồi lớn ở giữa bãi. Con đậu trên cành cao xù lông, rũ cánh, và xòe đuôi thành hình quạt, cốt để lộ ra cho thấy rõ lông cánh, lông đuôi màu trắng. Rồi nó vươn cổ, và phát mấy âm thanh rất trầm từ cái họng bạnh ra: “Chi-ec, chi-ec, chi-ec”. Nó chỉ kêu lên được có thế rồi người ta chỉ nghe thấy vài tiếng khàn khàn như rút ra khó khăn từ đáy họng nó. Nó nhắm mắt lại, và thì thầm: “Xì, xì, xì! Hãy lắng nghe, hay biết mấy! Xì, xì, xì”. Rồi như lên một cơn vui mừng, nó không còn biết gì hết về mọi việc xảy ra quanh mình nữa.

Trong khi con gà rừng đầu tiên còn đang huýt xì xì thì ba con khác đậu bên dưới nó bắt đầu gáy. Và chúng chưa gáy xong thì đến lượt mười con đậu ở những cành bên dưới nữa bắt đầu, và cứ như thế, lần lượt từ cành này đến cành khác, và cuối cùng thì cả trăm con gà rừng đều gáy lên, đều cục cục và xì xì. Tất cả đều cùng một cơn vui thú như nhau, và điều đó tác động lên các loài vật khác như một niềm say sưa lan truyền. Máu mới đây còn lưu thông khoan khoái và nhẹ nhàng, thì giờ đã nặng và nóng bỏng. “Thật ra đang là

mùa xuân, các con vật tự nhủ. Giá lạnh mùa đông đã tiêu tan rồi. Ngọn lửa xuân mới đang cháy trên mặt đất”.

Trông thấy thành công của đàn gà rừng, lũ đa đa không thể ngồi yên được. Vì không có cây cho chúng đậu, chúng bèn lao ra bãi biểu diễn. Ở đây thạch thảo mọc cao đến nỗi chỉ còn trông thấy những bộ lông đuôi uốn cong duyên dáng và những chiếc mỏ to của chúng mà thôi, và chúng bắt đầu hát “Orr, orr, orr”.

Trong lúc bấy đa đa vào thi với đàn gà rừng thì một việc kì quái phi thường xảy ra. Lợi dụng lúc tất cả các loài vật đang chú ý xem trò vui của đàn gà rừng, một con cáo đã lén về phía đồi của đàn ngỗng trời. Nó bò rất thận trọng và đã lén gần đến đỉnh đồi thì một con ngỗng chợt trông thấy. Vì nghĩ chắc chắn rằng một con cáo không lén vào giữa đàn ngỗng với một dụng ý tốt, con ngỗng bèn kêu lên:

“Coi chừng, ngỗng trời! Coi chừng!”

Con cáo lao đến vỗ con ngỗng, và cắn vào cổ nó, có lẽ chỉ để buộc nó im đi, nhưng những con ngỗng khác đã nghe tiếng kêu và tức khắc bay lên không. Bấy giờ các loài vật khác trông thấy trên đồi mà ngỗng vừa bỏ đi, Smirre, con cáo ngậm một con ngỗng chết trong mồm. Con cáo đã phá tan cảnh đình chiến trong ngày hội vui chơi. Nó bị kết tội phải chịu một sự trừng phạt nghiêm khắc, đến nỗi trọn đời nó sẽ hối hận vì đã không nén được ý muốn báo thù Akka và bày ngỗng. Một bày cáo liền tức khắc vây lấy nó, và theo tục lệ cũ, tuyên án nó phải đày biệt xứ. Không một con cáo nào cố thử giảm nhẹ án phạt, vì tất cả đều biết rằng làm như thế thì chúng sẽ mãi mãi bị đuổi khỏi bãi chơi này, và không bao giờ người ta còn cho phép trở lại nữa. Bởi vậy, tất cả chúng đều đồng ý tuyên án đày Smirre, con cáo. Cấm nó không được lưu lại tỉnh Skåne. Nó buộc phải từ giã vợ con và họ hàng, rời khỏi những khu săn mồi, nhà ở, nơi ẩn náu và trốn tránh mà nó đã có được, để đi kiếm ăn nơi khác. Và để cho tất cả loài cáo đều được biết là Smirre đã bị đày, con cáo cao niên nhất cắn đứt cái đầu nhọn bên tai phải của nó. Tức khắc những con cáo non bắt đầu kêu ăng ẳng vì say máu, và nhảy bổ cả vào Smirre. Con này chỉ còn một cách là chạy trốn và bị cả bày cáo non rượt theo, nó bèn chạy ào xuống những sườn dốc của núi Kullaberg.

Trong lúc đó, những con đa đa và gà rừng vẫn tiếp tục trò vui của chúng. Nhưng vì mãi mê quá sức với bài hát của mình, nên chẳng trông thấy, nghe thấy gì cả.

Cuộc thi của chúng vừa xong thì đến lượt những con nai ở Håckeberga tiến lên. Nhiều cặp nai to cùng đấu với nhau một lúc. Chúng lao hết sức vào

nhau, làm cho những bộ sừng chẳng chịt những chạc chạm vào nhau đôm đốp, và cứ thế con nọ cố sức đẩy lùi con kia. Móng nai cào nát cả đất của các đồng thạch thảo. Hơi thở của chúng bốc thành một làn khói tỏa quanh mình chúng, những tiếng kêu khan phát ra từ cổ họng chúng và bọt sùi ra chảy dọc vai chúng.

Một cảnh im lặng hồi hộp bao trùm các ngọn đồi khắp chung quanh. Những cảm xúc mới khuấy động tấm lòng các giống vật. Tất cả đều thấy mình can đảm và dũng mãnh, được một sức mạnh tái sinh làm cho linh hoạt, được mùa xuân làm cho khỏe lại, tất cả đều nhanh nhẹn và sẵn sàng lao vào mọi cuộc mạo hiểm. Chúng chẳng chút tức giận gì nhau. Tuy vậy những đôi cánh và những lông cổ dựng lên, những chiếc móng thành sắc nhọn ra. Nếu đàn nai còn tiếp tục nữa thì đấu võ sẽ nổ ra khắp nơi trên các ngọn đồi, vì mọi vật đều lên cơn ham muốn tỏ ra mình dồi dào sinh lực, rằng cái bất lực trong mùa đông đã bị đánh bại, rằng sức mạnh đang sôi sục trong thân thể chúng.

Những đàn nai đã ngừng các cuộc đấu, và một tiếng xì xào lan từ đồi nọ sang đồi kia. “Đàn chim đang đến”. Thật thế, chúng đang đến, những con chim màu xám khoác áo hoàng hôn, cánh trang sức những lông dài phấp phới, một chiếc mào đỏ dài trên gáy. Những con chim lớn chân dài, cổ thon thon, mảnh dẻ, đầu nhỏ nhắn, sà xuống sườn dốc như lướt đi trong một cơn chóng mặt khó hiểu. Vừa lướt về phía trước, chúng vừa quay tròn mình, nửa bay nửa múa. Những đôi cánh cong lên một cách thanh lịch, chúng di chuyển với một tốc độ không thể nào hiểu được. Điệu múa của chúng có một cái gì độc đáo và kì dị. Có thể nói đó là những cái bóng màu xám biểu diễn một trò vui mà mắt nhìn khó dõi theo kịp, và cái trò ấy hình như bày chim đang học được ở những đám sương mù bông bành trôi trên những đầm lầy hoang vắng. Cái trò ấy như từ yêu thuật mà ra.

Tất cả những ai đến núi Kullaberg lần đầu, rồi thế nào cũng sẽ hiểu tại sao cuộc họp mặt này lại gọi là hội mùa chim hạc. Trong điệu múa này có vẻ hoang dại, nhưng không phải vì thế mà tình cảm nó gợi lên trong lòng khán giả lại chẳng phải là một nỗi đau khổ triền miên mà dịu dàng. Không còn con vật nào nghĩ đến việc đấu chọi nữa. Nhưng tất cả những vật có cánh và những vật không có cánh, đều khát vọng bay bổng lên cao, lên những tầng mây, mong tìm xem có cái gì sau các tầng mây, mong vứt bỏ cái thể xác nặng nề đã kéo chúng xuống mặt đất để bay vút lên trời cao.

Lòng ai hoài cái không thể vươn tới được, cái ẩn tàng bên kia cuộc đời, các loài vật chỉ cảm thấy mỗi năm có một lần, và chính vào lúc được xem hội mùa chim hạc.

6

Tiết trời mưa

Thứ tư, 30 tháng ba

Hôm nay là ngày trời mưa đầu tiên trong cuộc lữ hành. Lúc đàn ngỗng còn ở trong vùng quanh hồ Vomb thì trời còn đẹp. Nhưng hôm chúng lên đường bay về miền Bắc, trời bắt đầu mưa. Trong nhiều tiếng đồng hồ chú bé phải ở trên lưng con ngỗng đực, ướt sũng, rét run.

Buổi sáng, khi ra đi, trời trong và lạnh. Đàn ngỗng bay rất cao, đều đều, không vội và rất trật tự. Akka bay đầu, những ngỗng khác theo hai hàng thành hình chữ nhân. Chúng chẳng mất thì giờ để gào những lời quái ác với các con vật dưới đất, nhưng vì không thể cứ hoàn toàn im lặng được, chúng luôn mồm gọi theo nhịp cách: “Bạn ở đâu? Tôi đây! Bạn ở đâu? Tôi đây!”

Chuyến đi thật đơn điệu. Khi những đám mây kéo đến, Nils nghĩ rằng đây thật là một trò giải trí. Những đợt mưa xuân đầu tiên vừa đập xuống đất là tất cả những loài chim nhỏ liền cất tiếng kêu hoan hỉ trong những chòm cây và những rừng thưa. Không gian vang tiếng chiêm chiếp, và Nils bỗng chốc giết mình.

Lũ chim hót: “Mưa đây rồi, mưa cho ta mùa xuân. Mùa xuân cho ta hoa thắm và lá xanh, hoa thắm và lá xanh cho ta ấu trùng và sâu bọ. Ấu trùng và sâu bọ cho ta lương thực. Lương thực ngon lành và phong phú là cái tốt nhất trên đời”.

Những con ngỗng trời cũng hớn hởi vì mưa sắp thức tỉnh cây cỏ, và đào ra nhiều lỗ trong lớp băng trên các mặt hồ. Chúng không thể cứ lằm lỉ mãi, và bắt đầu tung xuống vùng này những câu đùa cợt. Khi bay trên những cánh đồng khoai tây rộng lớn, vốn rất nhiều trong vùng Christianstad, lúc đó còn trơ trụi một màu đen, chúng kêu: “Dậy đi nào, và tỏ ra có ích đi. Kẻ đánh thức các bạn đã đến đây. Các bạn lười biếng đã khá lâu rồi”.

Trông thấy những người vội vã trú mưa, chúng réo lên: “Vội vã mà làm gì? Không thấy hay sao mưa ra bánh mì và bánh ngọt, bánh ngọt và bánh mì”.

Một đám mây lớn và dày bay nhanh lên phía Bắc và theo sát đàn ngỗng. Chúng như muốn tưởng tượng ra rằng chúng đang kéo cả đám mây theo mình. Khi thấy những vườn tược rộng rãi, chúng kêu lên tự hào: “Chúng tôi

mang hoa bạch đầu ông đến, chúng tôi mang hoa táo và nụ anh đào đến, chúng tôi mang đậu đũa và đậu cove đến, củ cải và bắp cải đến. Ai muốn lấy thì lấy, ai muốn lấy thì lấy”.

Đó là những lời đàn ngỗng rêu rao trong những đợt trút nước đầu tiên, khi mọi người vui mừng thấy mưa. Nhưng khi trời cứ mưa tiếp suốt cả buổi chiều, thì đàn ngỗng sốt ruột, hét lên với những khu rừng khát nước quanh hồ Ivr: “Các bạn uống đã sắp đủ chưa? Sắp đủ chưa?”

Bầu trời mỗi lúc một tối, và mặt trời nấp kín quá, chẳng ai có thể đoán ra nó ở đâu. Mưa rơi nặng hạt, đập mạnh lên cánh, và len vào giữa những chiếc lông nhòn bóng bên ngoài, thấm vào tận mình chúng. Mặt đất bị phủ dưới một màn mưa mờ như sương. Hồ, núi và rừng lẫn lộn vào nhau trong một mớ hỗn độn dị hình. Chẳng làm sao phân biệt những điểm mốc được nữa. Đàn ngỗng bay chậm lại, những tiếng reo vui im bật. Nils mỗi lúc một thấy lạnh thêm.

Tuy vậy, chú vẫn giữ nguyên lòng can đảm, chừng nào còn cưỡi lưng ngỗng bay trên không. Chiều tối, đàn ngỗng hạ xuống dưới bóng một cây thông nhỏ cằn cỗi, giữa một bãi lầy rộng, ở đấy tất cả những gì cũng ẩm và lạnh, ở đấy có vài bụi rể bị tuyết vùi, ở đấy vài bụi khác hiện lên trơ trụi từ một vùng nước lạnh buốt do băng mới hơi tan. Bảy giờ chú vẫn chưa nản lòng chút nào. Chú vui vẻ, chạy nơi nọ nơi kia, tìm quả nham lê, và nham lê đầm lầy đã bị cứng lại vì băng giá. Nhưng tối đến, bóng đêm ập xuống dày đặc đến nỗi mắt Nils cũng không thể nhìn thấu qua được. Chỗ hoang vu này trở nên thê thảm đáng sợ lạ thường. Nils chui vào dưới cánh con ngỗng đục, nhưng không tài nào ngủ được vì ướt và lạnh. Chú nghe thấy bao nhiêu tiếng sột soạt, tiếng chạm khẽ, tiếng chân lướt và tiếng kêu đe dọa; chú cảm thấy kinh hãi đến nỗi không biết trốn vào đâu. Chú phải đi đến nơi nào có lửa và ánh sáng mới khỏi chết vì khiếp sợ.

Chú nghĩ thầm: “Giá mình đánh liều tìm đến những con người, chỉ riêng đêm nay thôi, đến chỉ để ngồi một lúc cạnh ngọn lửa, và ăn lấy một miếng! Mình có thể trở lại với đàn ngỗng trước lúc mặt trời mọc lắm chứ”.

Chú gỡ mình ra khỏi cánh ngỗng, và tụt xuống đất. Chú không đánh thức ngỗng đục, cũng không đánh thức ai cả, lặng lẽ lách ra khỏi bãi lầy. Chú hoàn toàn không biết mình đang ở đâu, đang ở Skåne, ở Småland hay ở Blekinge. ^[16] Lúc ra khỏi bãi lầy, chú thoáng thấy một thị trấn lớn, chú đi đến phía ấy. Chẳng bao lâu, chú thấy một con đường và đi đến một phố dài có cây trồng, nhà cửa san sát hai bên. Nhà bằng gỗ và dựng rất thanh nhã; phần lớn đều có đầu hồi và mi nhà chạm trổ, và những hàng hiên có kính mờ. Tường quét sơn dầu màu tươi, khung cửa lớn và cửa sổ sơn xanh lục hay sơn

đỏ nữa. Vừa đi vừa ngắm nghía các ngôi nhà, từ ngoài phố Nils nghe tiếng người nói cười trong những ngôi nhà ấm cúng. Chú không nghe rõ từng lời, nhưng nghĩ rằng được nghe tiếng người là tốt rồi. “Không hiểu nếu mình gõ cửa và xin người ta cho vào nhà thì người ta sẽ bảo sao?”

Đúng là chú có ý định làm thế, nhưng nỗi sợ hãi bóng tối đã tiêu tan từ lúc chú trông thấy những cửa sổ sáng đèn. Bấy giờ chú lại thấy nhút nhát như thường ngày khi ở gần bên cạnh loài người và chỉ đành lăm băm một mình: “Mình hãy đi chơi trong làng một lát nữa trước khi hỏi xin vào nhà một người nào đó”.

Một ngôi nhà có bao lơn. Khi Nils đi qua, cửa bao lơn mở ra, một luồng ánh sáng vàng chiếu qua những bức màn mỏng và nhẹ. Một người đàn bà trẻ, đẹp bước ra và nghiêng mình trên lan can. “Trời mưa, chẳng bao lâu nữa mùa xuân sẽ đến”, người ấy nói. Trông thấy người ấy, Nils cảm thấy khắc khoải lạ thường. Chú tưởng là mình sắp phát khóc. Lần đầu tiên, chú xót xa vì đã tự tách mình ra khỏi loài người.

Rồi chú đi qua một cửa hàng. Trước cửa có một cái máy gieo hạt sơn đỏ. Chú đứng lại xem, trèo lên ghế người lái và ngồi vào. Yên vị ở đó rồi, chú bập bập môi và làm như đang lái xe. Chú nghĩ là được lái một chiếc máy đẹp như thế này trên một cánh đồng lúa mì thì thích thật. Trong chốc lát chú đã quên mất thân phận hiện tại của mình, nhưng rồi chú nhớ lại ngay. Thế là chú vội nhảy xuống đất. Mỗi lúc chú lại một thấy lo sợ thêm: kẻ sống mãi giữa các loài vật đã phải từ bỏ biết bao nhiêu thứ. Con người ta quả là giỏi và đáng phục.

Chú đi qua trước nhà bưu điện và nghĩ đến những báo chí hàng ngày đem tin tức từ khắp bốn phương trên thế giới đến. Chú thấy cửa hàng ông dược sĩ, nhà ông thầy thuốc, và nghĩ rằng con người có đủ uy lực chống lại bệnh hoạn và cái chết.

Chú đến nhà thờ, và tự nhủ là con người đã xây dựng nó lên để đến đây mà nghe nói đến một thế giới khác, đến Chúa, đến sự tái sinh và đến đời sống vĩnh hằng.

Càng đi, chú càng yêu mến con người. Chú sợ không bao giờ có thể lấy lại được hình dạng ban đầu của chú nữa. Làm thế nào để trở lại thành người? Chú trèo lên một bậc thềm, ngồi dưới trời mưa như trút, và suy nghĩ. Chú ngồi đó một giờ, hai giờ, mãi miết suy nghĩ, đến nỗi những nếp nhăn hằn lên trên trán.

Bỗng Nils thấy một con cú to đến đậu trên một cái cây trong phố. Một con cú mèo ẩn dưới một ống máng liền cựa quậy, và kêu lên: “Kivitt, Kivitt!

Bác lại về đây à, bác cú? Ở nước ngoài bác thoải mái chứ?”

- Cảm ơn bác cú mèo, thoải mái lắm. Ở nhà có việc gì xảy ra trong lúc tôi đi vắng không?

- Ở Blekinge này thì không có việc gì, bác cú ạ, nhưng ở Skåne có xảy ra việc một chú bé bị biến thành gia thần, và thu nhỏ lại chỉ bằng con sóc. Sau đó, chú ta đi Lapland với một con ngỗng nhà.

- Thật là một tin lạ, một tin lạ. Nó có thể bao giờ trở lại thành người nữa không, bác cú mèo? Nó có thể bao giờ trở lại thành người nữa không?

- Đó là một điều bí mật, bác cú ạ, tuy vậy bác cũng sẽ được biết thôi. Gia thần đã tuyên bố là nếu chú bé trông nom con ngỗng đực và đưa nó về nhà bình yên vô sự thì...

- Thì sao, cú mèo? Thì sao, sao?

- Bác hãy bay với tôi lên gác chuông, bác cú ạ, rồi tôi sẽ nói với bác hết. Tôi sợ ở trong phố thế này, có kẻ nghe thấy câu chuyện của chúng ta.

Hai con chim đêm liền bay đi. Nils tung chiếc mũ lên không. “Nếu mình trông nom ngỗng đực và đưa nó về bình yên vô sự thì mình sẽ trở lại thành người. Huara! Huara! Mình sẽ trở lại thành người!”

Thật là lạ, người ở trong các nhà kia không nghe thấy tiếng, dù chú reo to lắm. Chú liền ba chân bốn cẳng chạy về với đàn ngỗng trời trong đầm lầy ẩm ướt.

Một đêm chống ba kẻ thù^[17]

Thứ sáu, 1 tháng tư

Sau khi rời tỉnh Skåne, cả Smirre, con cáo lẫn đàn ngỗng trời, chẳng bên nào tin là còn gặp lại nhau nữa. Nhưng mà, chúng ta thấy là, những con ngỗng trời đã phải chọn con đường Blekinge, và chính đây là nơi Smirre ẩn náu. Nó đã lưu lại ở miền bắc tỉnh này, nhưng chẳng hề thấy ở đây những vườn cây rộng lớn của các lãnh chúa có đầy những hoẵng và nai tơ. Nó bực mình hết sức. Một buổi chiều, đang đi la cà trong một vùng hoang vắng và nghèo nàn, không xa con sông Ronneby, nó trông thấy một đàn ngỗng bay ngang trời. Nó để ý ngay đến một con màu trắng trong đàn, và hiểu rằng mình đang có việc với ai đây. Nó thấy đàn ngỗng bay về phía đông, đến tận trên dòng sông. Rồi chúng đổi hướng và bay dọc sông về phía nam. Nó hiểu rằng đàn ngỗng đang tìm chỗ trú đêm bên bờ nước, và hi vọng sẽ chộp được một hay hai con trong bọn, chẳng khó nhọc gì.

Nhưng cuối cùng, khi Smirre đến nơi trú của đàn ngỗng, thì nó hiểu là đàn ngỗng đã tìm được một chỗ mà ở đó nó không thể nào với tới chúng được.

Ronneby không phải là dòng sông lớn và chảy mạnh, nhưng nổi tiếng vì hai bờ đẹp. Có nhiều chỗ sông chảy giữa hai bờ dốc thẳng đứng trên mặt nước, rồi lại lặn mình dưới những cây kim ngân hoa, sơn trà, trăn, thanh lương trà và lê liễu; và không còn gì thú hơn là bơi thuyền trên dòng sông nhỏ, nước sẫm màu ấy, vào một ngày hè đẹp trời, và ngắm tất cả đám lá xanh tươi, mềm mại, bám vào bờ sông dốc đứng ấy.

Nhưng lúc này còn là mùa đông hay mới vào xuân, trời còn lạnh và mây còn xám, tất cả cây cối còn trơ trụi, và chẳng một ai nghĩ đến việc ngắm xem bờ sông đẹp hay xấu. Đàn ngỗng thì tự cho là sung sướng vì đã tìm được dưới bờ dốc cao một rẻo cát nhỏ, vừa đủ để có thể đậu xuống. Trước mặt, dòng sông âm âm chảy xiết như thác, và lũ vì tuyết tan. Phía sau, khối núi đỏ thẳm tuột không thể vượt qua được, và những cành cây rủ xuống che khuất và giấu kín đàn ngỗng. Chẳng có thể tìm được nơi nào tốt hơn.

Đàn ngỗng ngủ ngay tức khắc, nhưng Nils thì không sao chợp mắt được. Mặt trời vừa khuất, nổi kinh hãi bóng đêm và khiếp sợ thiên nhiên hoang dã tấn công chú, và khiến chú nhớ loài người. Ẩn dưới cánh con ngỗng đực, chú

chẳng có thể trông thấy gì hết, chỉ nghe lơ mơ, và chú sợ có gì đó xảy ra cho ngỗng đực, mà chú không thể báo cho nó biết nỗi nguy hiểm được. Những tiếng sột soạt và rì rầm từ mọi phía đến tai chú một cách hỗn độn, cuối cùng nỗi lo lắng khiến chú gỡ mình ra khỏi cánh ngỗng, và ngồi xuống đất bên cạnh đàn ngỗng.

Từ trên ngọn vách đá, Smirre vươn mõm ra, và tức tối nhìn đàn ngỗng. “Săn đuổi như thế này thì thà bỏ cuộc ngay đi còn hơn,” nó nói. “Không phải mày là kẻ có thể đỗ xuống được một ngọn núi dốc đứng như thế này, lại cũng không phải là kẻ có thể bơi trong một dòng thác dữ dội như thế, và ở dưới chân vách đá lại không có một rẻo đất mọn nào có thể đến được chỗ chúng trú. Tốt nhất là ngừng cuộc săn lại thôi”.

Nhưng cũng như tất cả mọi con cáo, Smirre khó bỏ được một công việc đã bắt đầu. Vì vậy nó nằm dài ở ngay mép ngọn vách đá, mắt không rời những con ngỗng trời. Nhìn đàn ngỗng, nó tổng kết lại tất cả những sự đau khổ mà chúng đã gây ra cho nó. Chẳng phải là vì chúng mà nó bị trục xuất khỏi tỉnh Skåne giàu có, và bắt buộc phải sống trong tỉnh Blekinge nghèo nàn ư? Càng nghĩ, nó càng tức giận. Được thấy những con ngỗng kia chết đi thì nó hả dạ quá, dù chính nó không được ăn thịt chúng đi nữa.

Lòng căm thù của Smirre đang cứ thế dâng lên thì chợt nó nghe một tiếng rít trên một cây thông lớn và thấy một con sóc lao xuống, một con cây xừ lạnh đuôi theo sát. Chẳng con nào trông thấy Smirre, và nó bèn nằm không nhúc nhích, xem cuộc săn đuổi từ cây này sang cây khác. Nó nhìn con sóc chuyển giữa các cành cây lẹ làng, tưởng như là nó bay. Nó nhìn con cây, tuy không có hoàn toàn cái điều luyện, nhưng cũng leo lên và tụt xuống các thân cây với cái chắc chắn như rong ruổi trên các lối đi bằng phẳng trong rừng. “Giá mình trèo giỏi bằng nửa nó thôi, thì những con ngỗng đằng kia sẽ chẳng ngủ yên được lâu đâu”, nó nghĩ như vậy. Lúc con sóc đã bị bắt và cuộc săn chấm dứt, Smirre tiến lại phía con cây, nhưng ngừng lại cách nó vài bước để tỏ rõ là không hề có ý định cướp cái mồi của nó. Smirre biết nói những lời ngon ngọt, như tất cả mọi con cáo. Con cây thì trái lại, với cái mình thon dài và mềm dẻo, cái đầu thanh thanh, bộ lông mịn màng, màu nâu tươi, trông quả là một kì công nho nhỏ về sắc đẹp, nhưng thật ra chỉ là một thú rừng man dã. Nó âm ừ chẳng buồn trả lời.

“Tôi lấy làm lạ,” Smirre nói tiếp, “là một tay săn tài giỏi như anh mà lại chịu bắt những con sóc, trong lúc ngay tầm tay của anh có cái mồi ngon hơn nhiều”. Nó ngừng lại một tí, nhưng vì con cây cười, khinh nó một cách hỗn xược, nó lại nói tiếp: “Có thể nào mà anh không trông thấy những con ngỗng trời đằng kia, dưới chân vách đá ấy? Hay là anh không đủ tài để leo xuống tận đây được?”

Lần này thì nó không cần chờ một câu trả lời. Con cây nhảy bỏ tới phía nó, lưng cong lại, và lông dựng lên tua tủa. “Mày có trông thấy những con ngỗng trời à?” Nó rít lên. “Chúng nó đâu? Nói đi, không tao móc họng ra bây giờ.”

- Từ từ, từ từ đã nào, cậu nên nhớ là mình to gấp đôi cậu đấy, và phải lễ độ chứ. Mình không mong gì hơn là chỉ cho cậu thấy những con ngỗng.

Một lát sau, con cây đã lên đường. Smirre dõi theo cái thân hình mềm mại như mình rắn của con cây lướt trôi chảy từ cảnh này sang cảnh khác. Nó nghĩ bụng: “Con thú săn tài nghệ chốn rừng xanh này có tấm lòng độc ác nhất trong rừng rú. Mình tin rằng bọn ngỗng kia sẽ ơn mình một cảnh tỉnh giấc đầm máu”.

Nhưng đúng lúc mà Smirre tưởng được nghe những tiếng kêu hấp hối của đàn ngỗng, thì nó thấy con cây lặn từ một cành cây, rơi xuống sông, làm cho nước tung tóe lên tứ phía. Rồi thì tiếng cánh vỗ mạnh, và tất cả đàn ngỗng vụt bay lên, hồi hả tẩu thoát.

Mới đầu, Smirre tính đuổi theo, nhưng nó tò mò muốn biết cái gì đã cứu đàn ngỗng, và nó đợi con cây trở lại. Con vật khốn nạn này ướt sũng, và chốc chốc dừng lại, đưa hai chân trước lên xoa đầu.

- Tớ đã nghĩ trước là cậu vụng về và sẽ ngã xuống sông, Smirre khinh bỉ nói.

- Tao không vụng về, mày không có gì phải nói. Tao đã ở trên một cành cây cuối cùng và đang tính cách làm thế nào giết được nhiều con, thì một thằng người bé tí, không to hơn một con sóc đâu, nhảy lên, ném tao một hòn đá vào đầu, mạnh đến nỗi tao ngã xuống nước. Trước khi tao có thì giờ ra khỏi mặt nước thì...

Con cây không cần kể tiếp nữa, không còn có ai nghe nó nói nữa. Smirre đã chạy xa, đuổi theo đàn ngỗng.

Trong lúc ấy Akka đã cùng đàn ngỗng bay về phương Nam, tìm một chỗ trú khác. Hầy còn một ít sáng trời, và trăng thượng tuần rất cao, cũng cho chúng trông rõ đôi chút. Cũng may là Akka biết rõ vùng này, vì đã nhiều lần bị gió thổi bạt đến bờ biển tỉnh Blekinge, những khi mùa xuân tới bay qua biển Baltic.

Akka bay dọc theo con sông chùng nào mà còn trông thấy sông uốn lượn qua cảnh thiên nhiên được ánh trăng chiếu sáng, trông tựa một con rắn đen bóng. Cứ thế ngỗng đến Djupafors, ở đó dòng sông biến vào một cái khe ngầm, rồi nước trong suốt như gương, lao xuống một cái hẻm núi, vỡ ra

thành những giọt nước lóng lánh và những bọt sủi bông bênh. Bên dưới thác đổ trắng xóa là mấy tảng đá lớn, nước chảy xiết qua thành một dòng cuộn cuộn, âm ầm. Akka hạ cánh xuống đây. Chỗ này thật tuyệt vời, nhất là vào lúc khuya khoắt thế này, mà mọi người đều đã về nhà hết. Sớm hơn thì đàn ngỗng đã không tài nào dừng lại đây được, vì Djupafors không phải ở vùng hoang vu. Một bên bờ thác nước, mọc lên một nhà máy bột giấy, và bên bờ kia, cao và có rừng là vườn cây Djupadal, nơi người ta thường đến dạo chơi trên những lối đi dốc đứng và trơn tuột, để thưởng ngoạn vẻ đẹp của dòng thác điên cuồng ở bên dưới, trong khe núi. Ở đây, cũng như ở nơi khác, những khách lữ hành của chúng ta chẳng hề nghĩ đến vẻ đẹp của cảnh trước mặt, mà lại còn thấy hơi nguy hiểm vì bắt buộc phải ngủ đứng trên những tảng đá trơn, ở giữa một dòng thác. Nhưng cũng phải lấy làm bằng lòng vì tránh được những con vật đi săn mồi.

Cả đàn ngỗng ngủ ngay tức khắc. Còn chú bé, vì quá lo lắng nên không ngủ được, ngồi cạnh chúng để trông cho con ngỗng đực.

Chẳng mấy chốc Smirre chạy đến dọc theo bờ nước. Nó trông thấy ngay những con ngỗng ở giữa những đám bọt nước xoáy tròn, và hiểu rằng lúc này nó lại càng không thể bắt được chúng. Nó ngồi trên bờ và nhìn chúng một hồi lâu. Nó cảm thấy bị nhục mạ trong danh dự thiện xạ của nó.

Bỗng nó thấy một con rái cá bò ra khỏi nước, miệng ngậm con cá. Smirre tiến lại phía rái cá, dừng lại cách rái cá hai bước để tỏ ra không hề có ý định cướp mồi của rái.

“Đằng ấy thật là một thân xác đáng buồn cười, đành phải đi bắt cá trong khi có đây cả ngỗng trời đằng kia, trên các mỏm đá”, Smirre mở đầu như vậy. Lần này nó phần kích quá, không nhả nha mà lựa lời cho khéo như thường lệ được. Con rái cá cũng chẳng buồn quay đầu lại nhìn dòng thác. Nó là một con lang thang như tất cả mọi con rái cá. Nó đã nhiều lần bắt cá trong hồ Vomb và biết rõ Smirre lắm. Nó nói: “Tớ biết rõ cậu làm thế nào để đánh lừa người ta mà cướp một con cá hương rồi, Smirre à”.

- A, đằng ấy đấy à, Gripe, Smirre nói, nó rất hài lòng vì biết cái con rái này là một tay bơi lội táo bạo và khéo léo lắm. Tớ chẳng lấy làm ngạc nhiên khi đằng ấy không thích nhìn những con ngỗng, bởi vì đằng ấy không đủ sức để bơi đến chỗ chúng nó.

Con rái cá có những chân có màng, nó có một cái đuôi đẹp và cứng, chắc như một mái chèo, và một bộ lông không thấm nước. Nó không muốn ai nói với nó rằng có một dòng thác nào mà nó không thể bơi ngược lên được. Nó quay nhìn về phía sông, trông thấy đàn ngỗng, liền quăng con cá hương đi

và, từ trên bờ dốc đứng, nhào luôn xuống nước.

Giá mùa xuân đến sớm hơn và những con chim họa mi đã trở về vườn cây Djupadal thì chúng đã ca tụng bao đêm trường cuộc vật lộn của Gripe với dòng thác. Vì nhiều lần con rái cá bị những ngọn sóng cuốn và đưa đi theo dòng nước, nhưng nó ngoan cường bơi ngược lại. Nó lợi dụng những chỗ nước cuộn, bò qua những tảng đá, dần dần đến gần đàn ngỗng. Thật là một chuyến ra quân nguy hiểm, xứng đáng được chim họa mi ca tụng.

Smirre nhìn theo cuộc hành quân của con rái cá. Cuối cùng nó trông thấy rái nhô lên sát cạnh đàn ngỗng. Nhưng lúc đó bỗng vang lên một tiếng kêu chói óc dữ dội. Con rái cá ngã ngửa xuống nước, và dòng nước cuốn nó đi như một con mèo con mù. Rồi tiếng ngỗng đập cánh. Đàn ngỗng bốc mình lên và tẩu thoát đi tìm một nơi trú khác.

Chẳng bao lâu, con rái trở lại bờ sông. Nó chẳng nói chẳng rằng, chỉ liềm liềm một bên chân trước. Đến khi Smirre tự cho phép giễu nó thì nó mới hét lên: “Không phải vì không biết bơi đâu, Smirre à. Tớ đã đến tận chỗ đàn ngỗng đứng và sắp trèo lên tảng đá, thì một thằng người bé tí tẹo lao vào tớ, cầm một miếng sắt nhọn đâm tớ một phát vào chân. Đau quá tớ phải buông tay ra, thế là lăn xuống dòng thác”.

Nó chẳng cần kể tiếp câu chuyện, Smirre đã chạy xa rồi.

Lại một lần nữa, Akka và đàn ngỗng phải bay trong bóng đêm. May là trăng chưa lặn, và nhờ ánh trăng, Akka có thể tìm một chỗ trú thứ ba mà nó biết ở trong vùng. Akka lại bay theo dòng sông về hướng nam, bay trên trang viên Djupadal, trên những mái nhà màu sẫm và thác nước đẹp của thành phố nhỏ Ronneby. Hơi quá về phía nam thành phố một chút, không xa biển mấy, là khu nghỉ mát Ronneby với những nhà tắm, suối nước, khách sạn lớn, và biệt thự của khách nghỉ hè. Trong mùa đông, tất cả đều đóng cửa, trống rỗng và vắng vẻ; và tất cả các loài chim đều biết rõ vì vào những khi thời tiết xấu, rất nhiều những đàn chim đến tìm chỗ trú ẩn trên những bao lon và hành lang của những ngôi nhà hoang vắng.

Đàn ngỗng trời đậu trên một bao lon và ngủ ngay, theo thói quen. Chỉ mình Nils là không ngủ được, vì không muốn rúc vào dưới cánh ngỗng đực.

Bao lon quay về hướng nam, và từ đó chú bé có thể trông thấy biển. Không ngủ được, chú ngắm cái cảnh rất đẹp mà ở Blekinge này đất và biển gặp gỡ nhau.

Thật ra, đất và biển có thể gặp nhau bằng rất nhiều cách. Nhiều khi đất tiến ra đón biển bằng cách trải ra những đồng cỏ thấp và phẳng, cỏ mọc

thành chùm, và biển gặp đất với những hạt cát di động mà nó chắt lên thành bãi, và thành cồn. Người ta bảo rằng biển và đất ít yêu nhau lắm, nên chỉ muốn phô ra với nhau cái gì ít đẹp nhất của chúng. Cũng có lúc, đến gần biển, đất dựng lên một lũy núi, như để chặn bước một kẻ thù, thế là biển lao những ngọn sóng điên cuồng vào, biển quật, biển gầm, biển lay như muốn xé cả bờ ra.

Nhưng ở Blekinge thì lại khác hẳn. Đất rải rác ra thành đảo lớn, đảo nhỏ, và mũi đá, và biển, len lỏi vào giữa những thứ ấy, làm thành vịnh, thành vũng và thành eo biển; tựa hồ đất và biển gặp nhau trong cảnh hòa hợp và hoan hỉ.

Về mùa đông, người ta không thấy rõ tất cả những cái ấy, nhưng Nils cũng nhận thấy rằng ở đây thiên nhiên dịu dàng và tươi tắn, và chú bắt đầu cảm thấy yên tâm hơn. Bỗng chú nghe một tiếng eng éc chói óc và hung gờ từ vườn cây vọng tới. Chú đứng dậy và dưới ánh trăng sáng trắng, trông thấy một con cáo ở dưới bao lơn; Smirre lại vẫn đi theo đàn ngỗng. Nhưng hiểu rằng lần này, không có cách nào bắt được chúng, nó không kìm được một tiếng rú dài tức giận.

Tiếng rú đó làm Akka thức giấc. Mặc dù chẳng trông thấy gì, ngỗng đầu đàn cũng nhận ra cái tiếng ấy.

- Mày đây à, Smirre, mày rình trong đêm tối đây à?

Akka hỏi.

- Phải, Smirre đáp, chính ta. Ta muốn được biết đàn ngỗng nghĩ thế nào về cái đêm hôm nay mà nhờ ta, đàn đã được hưởng.

- Mày muốn nói là chính mày đã phá con cây, con rái cá đến chỗ chúng ta đây à?

- Tại sao lại phải chối không nhận một chiến công đẹp? Chúng mày đã có lần đem cái trò ngỗng ra trêu ta. Bây giờ ta bắt đầu chơi cái trò cáo với bọn mày và sẽ chưa ngừng cái trò này chừng nào mà còn một đứa trong bọn mày sống sót, dù có phải đuổi theo chúng mày qua suốt cả đất nước.

- Này Smirre, một đứa có nào rằng, nào vượt như mày, lại đuổi theo những kẻ không có gì để tự vệ như thế, thì có hay gì?

Smirre nghĩ rằng Akka nói thế là vì sợ, nó liền vội vàng đề nghị: “Akka này, nếu mày đồng ý quảng cho tao cái thằng Tí Hon đã bao lần chống lại tao ấy, tao hứa sẽ giảng hòa với mày. Tao sẽ không bao giờ đuổi theo một con nào trong đàn mày nữa”.

- Nộp Tí Hon cho mày à! Akka kêu lên, mày nói dễ nghe nhỉ! Từ con non nhất đến con già nhất trong đàn chúng ta, chúng ta đều vui lòng hi sinh tính mạng cho nó!

- Chúng mày yêu nó đến thế cơ à, Smirre nói, vậy thì tao hứa với mày rằng, nó sẽ là đứa đầu tiên tao trả thù trong bọn chúng mày.

Akka không đôi đáp gì nữa. Smirre rú lên mấy tiếng dài nữa, rồi cảnh yên tĩnh trở lại. Nils vẫn mãi không ngủ được. Lần này thì chính là câu trả lời của Akka với con cáo đã làm cho chú thao thức. Không bao giờ chú có thể ngờ sẽ được nghe một câu như thế, cũng như nghe một ai tuyên bố sẵn sàng liều chết vì chú. Kể từ lúc đó, người ta không thể nói được về Nils rằng chú không yêu thương một ai cả.

Cảng Karlskrona

Thứ bảy, 2 tháng tư

Ở Karlskrona^[18] một tối có trăng. Đẹp trời và yên tĩnh, nhưng ban ngày một cơn bão đã nổi lên. Trời có mưa, người trong thành phố nghĩ chắc rằng thời tiết vẫn còn xấu, vì chẳng có một ai ngoài phố cả.

Thành phố tưởng chừng hoang vắng khi Akka và đàn ngỗng đến. Đã khuya rồi, và ngỗng đi tìm một chỗ trú chắc chắn trong các đảo. Chúng không dám ở lại trên đất liền, sợ Smirre, con cáo.

Đàn ngỗng bay rất cao, và Nils ngắm biển và đảo bên dưới, thấy mọi thứ có một vẻ hư ảo, huyền hoặc. Trời không xanh nữa, và như một cái chuông thủy tinh màu lục úp lên mặt đất. Mặt biển trắng như sữa. Nhìn xa tới đâu cũng thấy cuộn cuộn những sóng nhỏ bạc đầu. Ở giữa tất cả các màu trắng ấy, những hòn đảo rất đông, đứng trước bờ biển, tựa hồ màu đen.

Đêm đó Nils đã tự hứa là phải dừng cảm, nhưng bỗng chú trông thấy một vật gì làm chú sợ khiếp. Đó là một hòn đảo đá cao, phủ những khối vuông to tướng; giữa những khối ấy có không biết bao nhiêu hạt vàng nhỏ gieo rắc xuống. Chú liền nghĩ đến hòn đá của Magle ở Trolle-Ljungby mà thỉnh thoảng các yêu lùn^[19] giương lên trên những cột cao bằng vàng. Đây phải là một cái gì như loại ấy. Nhưng cái làm chú sợ hơn nhiều là trông thấy không biết bao nhiêu vật kì quái dưới nước, chung quanh hòn đảo. Có thể nói đó là những cá voi và cá mập hay những thủy quái khác, nhưng chú bé hiểu rằng đó là những yêu lùn dưới biển đang tụ tập nhau lại để tấn công hòn đảo. Thật vậy, trên chóp đảo, một ông khổng lồ đang đứng thẳng dang hai cánh tay thất vọng lên trời. Nils lại càng sợ hơn nữa khi thấy đàn ngỗng bắt đầu hạ xuống. “Không, không, đừng xuống đây! Đừng xuống đây!”. Chú kêu lên.

Nhưng đàn ngỗng không để ý đến tiếng kêu của chú và chẳng mấy chốc chú bé đã rất ngạc nhiên và hổ thẹn vì đã nhìn lầm cái kiểu ấy. Các khối đá lớn kia chỉ là những cái nhà, những hạt vàng rực rỡ chỉ là những đèn lồng thấp ngoài phố và những cửa sổ được chiếu sáng. Ông khổng lồ đang hai tay là một ngôi nhà thờ có những ngọn tháp vuông, các quái vật và các yêu lùn dưới biển là những tàu và những thuyền đủ các loại, thả neo và buộc chặt quanh đảo. Về phía đất liền thì nhiều nhất là những chiếc thuyền có chèo, những chiếc mảnh thon dài có một cột buồm, những tàu chạy hơi nước để đi

lại dọc bờ biển. Nhưng phía bên kia thì có những chiến hạm thiết giáp, chiếc thì rộng, ông khói to tướng nghiêng về phía sau; chiếc thì thon dài và đóng theo kiểu có thể đi xuyên qua nước như những con cá.

Thành phố nào đây? Nils tìm ra câu trả lời khi trông thấy các tàu chiến. Suốt đời chú vẫn thích các thứ tàu, nhưng chưa bao giờ chú được trông thấy thứ nào khác ngoài những chiếc thuyền con nhẹ, thon thon mà chú cho bơi trên mặt nước các con hào bên cạnh đường cái. Tuy vậy chú hiểu ngay rằng một thành phố mà có nhiều tàu chiến đến thế thì chỉ có thể là Karlskrona mà thôi.

Ông ngoại Nils nguyên là một thủy thủ hải quân, thuở còn sống ngày nào cũng nói đến Karlskrona, đến công trường đóng tàu lớn của hải quân và đến tất cả những gì có thể trông thấy ở đây.

Nils chỉ vừa đủ thì giờ nhìn qua các ngọn tháp và các công trình phòng ngự chắn ngang lối vào cảng, thì Akka với đàn ngỗng đã đổ xuống nóc của một trong các ngôi nhà thờ. Rõ ràng đây là một chỗ chắc chắn để tránh thoát một con cáo, và chú bé nghĩ rằng đêm nay chú có thể dám chui vào dưới cánh con ngỗng đực. Được ngủ thích lắm chứ. Rồi sau chú sẽ cố đi xem công trường và những chiếc tàu, khi trời đã sáng.

Nhưng chính Nils cũng không hiểu nữa là tại làm sao mà chú lại không thể nằm yên, chờ đến sáng để đi xem tàu. Chưa chợp mắt được lấy ngoài năm phút là chú đã gỡ mình ra khỏi cánh ngỗng đực, và tụt xuống đất dọc theo cột thu lôi và các ống máng.

Một lát sau chú đã ở giữa một quảng trường, trước mặt nhà thờ. Những ai đã quen với chỗ hoang vắng hay đã ở một xó xỉnh xa xôi nào thì bao giờ cũng cảm thấy lo lo, khi đến một thành phố mà nhà cửa dựng lên thẳng tắp và phố xá mở rộng thênh thang, chẳng có lấy một chỗ trú ẩn. Vì thế chẳng mấy chốc Nils đã mong được cứ ở lại trên kia, trên ngọn tháp với đàn ngỗng. Cũng may là chẳng có bóng người nào trên quảng trường; chỉ có một người bằng đồng đen đứng sững trên chiếc bệ cao. Đó là một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh, đội cái mũ ba góc, mặc cái áo chên dài, cái quần chên ngắn và đi đôi giày to. Ông ta cầm một cái gậy và có vẻ biết dùng đến nếu cần, vì ông ta có bộ mặt nghiêm khắc ghê gớm với cái mũi khoằm dài, và cái mồm rất xấu.

“Đứng mà làm gì đây, cái ông này, với cái môi dày chảy thòng xuống thế kia?”, chú bé nói. Chưa bao giờ chú tự thấy bé nhỏ hơn, khốn khổ hơn tới hôm nay. Chú cố tự đem đến cho mình chút ít can đảm bằng cách làm ra vẻ bạo dạn. Rồi chú không nghĩ gì đến pho tượng nữa, và đi vào một đường phố

rộng, xuống phía bờ nước. Mới đi có vài bước thì nghe tiếng ai đi đằng sau mình. Những bàn chân nặng nề nện xuống đá lát đường, và một cái gậy đập xuống đất. Có thể nói là chính con người bằng đồng đen đã xuống đường.

Nils nghe trộm các bước đi, rồi liền chạy trốn, chỉ một lát chú đã tin chắc rằng đó chính là con người bằng đồng đen. Mặt đất rung chuyển, và các nhà đều bị lung lay theo. Chỉ có người ấy mới có thể đi đứng nặng nề đến thế, và Nils đâm ra sợ vì câu nói của chú lúc nãy. Chú không dám quay đầu lại.

“Có lẽ ông ta dạo chơi cho vui thôi, chú nghĩ. Ông ta không thể trù mình vì điều mình đã nói được. Mình nói không ác ý gì”.

Đáng lẽ tiếp tục đi thẳng thì Nils rẽ sang một đường ngang. Như thế chú hi vọng thoát được ông bạn đường. Nhưng chỉ một lát là chú nghe tiếng người đồng đen cũng đi vào con đường ấy, và chú sợ quá sức. Làm sao tìm được một chỗ ẩn nấp trong một thành phố mà tất cả mọi nhà đều đóng cửa? Chú trông thấy bên phải một ngôi nhà thờ cổ bằng gỗ, có một công viên rộng bao quanh.

Không do dự, chú chạy bỏ vào đây. “Chỉ cần đến được đây là mình sẽ được che chở.”

Bỗng chú trông thấy ở giữa lối đi vào nhà thờ một người đàn ông đang ra hiệu cho chú. Sung sướng quá, chú vội vàng đến gần. Tim chú đập dữ dội.

Nhưng khi đến cạnh con người đứng trên một chiếc ghế đầu nhỏ, ở lối đi ấy, chú bỗng dừng lại, chẳng biết nói năng gì, chú nghĩ bụng: “Chắc không thể là cái người này đã ra hiệu cho mình được, vì ông ta bằng gỗ cơ mà”. Chú lặng nhìn người ấy một hồi. Đó là một người hiền hậu, thấp lùn và khỏe mạnh, mặt rộng, hồng hào và tươi tắn, tóc đen và bóng, và có bộ râu đen dài. Trên đầu, ông ta đội một cái mũ bằng gỗ đen, mình mặc chiếc áo len dài bằng gỗ màu nâu sẫm, quanh mình đeo một dây lưng bằng gỗ đen, mặc cái quần rộng bằng gỗ màu xám và đi đôi tất bằng gỗ, chân đi đôi giày cao cổ bằng gỗ màu đen. Ông ta vừa mới được sơn, vừa mới được đánh bóng nên sáng rực lên dưới ánh trăng, việc đó làm tăng thêm vẻ phúc hậu của ông ta, và làm cho chú bé tin cậy. Tay trái ông ta cầm một tấm bảng gỗ, Nils đọc ở đây:

“Kính cần van xin, dù giọng thấp bé, xin đặt vào đây một chút nghĩa quyên, nhưng trước hết hãy gỡ mũ tôi lên đã”.

Nils hiểu: con người kia chỉ là một cái cây để quyên tiền giúp kẻ khó. Chú thất vọng. Chú đã mong chờ gì nhiều hơn thế. Chú nhớ lại ông ngoại chú đã nói đến con người gỗ phúc hậu này, nói rằng trẻ con ở Karlskrona

đều yêu mến ông ta. Nils hiểu rõ điều đó lắm. Người ấy có cái vẻ phúc hậu ngày xưa, đến mức người ta có thể cho rằng ông ta đã mấy trăm tuổi rồi. Đồng thời, ông ta có vẻ khỏe mạnh, tự hào, cương quyết, và vui vẻ như người ta thường tưởng tượng ra những người ngày xưa.

Cứ nhìn ông người gỗ, Nils gần như quên mất cái ông đang đuổi mình. Nhưng mà kìa, chú bỗng nghe tiếng ông ấy đến. Ông ấy đi vào nghĩa trang. Ông ấy tới gần. Nấp đâu bây giờ được?

Đúng lúc đó, Nils thấy ông người gỗ cúi xuống và chìa cho chú bàn tay to và rộng của ông. Không thể nào mà không tin ông ta được; Nils liền nhảy vào bàn tay người đang ra giúp chú. Và người gỗ đưa chú lên cao, đến tận cái mũ của mình và chuôi chú vào trong mũ.

Chú bé vừa ẩn xong, người gỗ vừa đủ thì giờ hạ cánh tay xuống và trở lại thế đứng như trước, là người đồng đen đã đứng dừng lại trước mặt ông ta, lấy cây gậy đập đập xuống đất và thét lên, giọng to và vang xa: “Người là ai?”

Cánh tay của người gỗ giơ lên với một độ chính xác làm cho cái sườn gỗ già của ông ta kêu răng rắc; các ngón tay của ông ta đặt vào mép mũ, và ông ta trả lời: “Rosenbom, tàu Bệ hạ bỏ lỗi cho. Ngày trước, trung sĩ trên chiến hạm Táo bạo; mãn hạn phục dịch chiến thời, về hưu, giữ nhà thờ Bộ Tư lệnh hải quân; cuối cùng được tạc vào gỗ và đặt trong nghĩa trang làm cây nghĩa quên góp giúp kẻ khó”.

Nghe người gỗ “tàu Bệ hạ”, chú bé giật nảy mình. Nghĩ lại, chú hiểu ra rằng cái pho tượng đặt ở quảng trường lớn là tượng của người đã lập ra thành phố. Thì ra chú đã phải nói chuyện với vua Karl XI^[20], đơn giản thế thôi. Người đồng đen nói: “Người nói năng rõ ràng đấy. Người lại có thể nói cho ta biết là người có trông thấy một đứa bé con chút xíu, chạy khắp thành phố đêm nay không? Đó là một thằng bé tinh nghịch và một đứa xác láo. Ta mà bắt được thì sẽ dạy cho nó liệu mà hồn láo”.

- “Tàu Bệ hạ, xin bỏ lỗi, thần có thấy nó,” người gỗ nói. Nghe câu trả lời đó, chú bé ngồi co ro trong cái mũ và nhìn vị quốc vương qua một khe gỗ, phát sợ đến nỗi bắt đầu run. Nhưng chú yên tâm ngay khi nghe người gỗ nói tiếp: “Bệ hạ theo dõi dấu vết sai rồi. Thằng bé hình như có ý định chạy trốn vào công trường để nấp trong ấy”.

- Người tin thế à, Rosenbom? Vậy thì đừng đứng im trên ghế của người nữa, mà đi theo ta và giúp ta tìm nó! Bốn mắt nhìn rõ hơn hai mắt chứ, Rosenbom.

Nhưng người gõ trả lời giọng than vãn, rên siết: - Thần kính cần cầu xin bệ hạ để cho thần ở yên chỗ. Thần có vẻ tươi tắn và bóng lộn là nhờ nước sơn, chứ thần già nua và mục nát, cử động một cái mạnh cũng không chịu nổi”.

Con người đồng đen dường như không thuộc những kẻ chịu để người khác trái ý mình.

“Chuyện nhảm nhí gì thế? Đi ngay, Rosenbom!”. Nhà vua giơ cao cây gậy lên và nện người kia một phát trên vai, nghe vang lên, và nói: “Người thấy là người còn vững đấy chứ, Rosenbom”.

Nhà vua dứt lời là họ đi ngay. Cao lớn, hùng dũng, họ đi qua các phố của Karlskrona, và sau cùng đến một cánh cổng nặng dẫn vào công trường. Một thủy thủ đang gác, nhưng người đồng đen không để ý đến chút nào. Ông ta lấy chân đẩy cổng, và hai người đi vào.

Trước mặt họ trải ra một cảng rộng có những cầu tàu đặt trên cọc, chia ra làm nhiều ngăn. Các bể đều có tàu chiến đậu.

- Bắt đầu tìm đâu trước thì hơn, Rosenbom? Người đồng đen hỏi.

- Một người tí tẹo như nó chắc phải nấp trong phòng bày các vật mẫu.

Trên một lối đất hẹp chạy phía bên phải, dọc theo suốt bề dài của cảng, có mấy ngôi nhà cũ kĩ. Người đồng đen đến gần một ngôi có những cửa sổ nhỏ và mái rất cao. Ông ta lấy gậy đập vào cửa và cửa mở; rồi nặng nề leo lên một thang gác cũ mà các bậc đã mòn. Hai người đi vào một gian phòng rộng chứa toàn những chiếc tàu nhỏ, đầy đủ cả cột buồm, dây nhợ. Chú bé biết rằng đó là hình mẫu của những chiếc tàu đã đóng cho hải quân Thụy Điển.

Có đủ tất cả các loại tàu; những chiến hạm cổ, sườn đầy ắp đại bác; đầu mũi, đầu lái đều có những công trình dựng cao lên, và các cột buồm phải đỡ những cánh buồm cùng dây nhợ chằng chịt; những chiếc tàu canh phòng bờ biển nhỏ, có ghế băng cho các tay chèo ngồi suốt cả bề dài thân tàu; những pháo hạm không có boong và những tàu buồm cổ mạ vàng lộng lẫy, hình mẫu của những chiếc mà ngày xưa vua chúa dùng trong các cuộc lễ hành của họ. Sau cùng còn có những thiết giáp hạm dài và nặng, có nhiều tháp và đại bác trên boong mà ngày nay người ta thường dùng, và những tàu phóng ngư lôi thon thả, mảnh mai, trông tựa những con cá dài. Nils hét sức ngạc nhiên và khâm phục: “Ra người ta đã đóng những chiếc tàu to đến thế, đẹp đến thế ở đây, trên đất Thụy Điển này!”

Chú tha hồ mà ngắm nghía và khâm phục các kiểu tàu, vì cái người đồng

đen cứ thoạt nhìn thấy các hình mẫu là quên hết mọi cái khác. Ông ta đi duyệt qua tất cả. Và Rosenbom, trước kia là trung sĩ trên chiến hạm *Táo bạo*, phải kể lại tất cả những gì đã biết về những người đã đóng các tàu và những người đã chỉ huy các tàu, cùng số phận mà họ đã phải chịu. Ông ta nói đến Chapman, đến Puke, và đến Trolle; đến những trận Hoagland và Svensksund cho đến năm 1809, thời kì mà sau đó ông ta không còn nữa. Ông ta cùng người bạn đường nói chuyện với nhau nhiều nhất là về những chiếc tàu cổ bằng gỗ trang trí thật đẹp. Họ hình như không hiểu các thiết giáp hạm mới.

“Rosenbom, ta thấy rằng nhà ngươi chẳng biết chút gì về những chiếc tàu hiện đại ấy,” nhà vua nói. “Đi xem cái khác đi. Vì tất cả những thứ ở đây đều làm ta thích, Rosenbom à”.

Họ đã thôi tìm chú bé, và chú thấy yên tâm và thoải mái ở trong cái mũ gỗ. Họ đi qua những cơ sở lớn của công trường, những xưởng may buồm, lò luyện sắt, những xưởng chế tạo máy và những xưởng mộc. Họ thăm những căn trực dùng để tán các kim loại, và những bến tàu, những kho vật phẩm dự trữ, xưởng chữa tàu to rộng, đào trong đá núi đã bỏ hoang. Họ đi ra những đập dài, nơi buộc các tàu trận; họ xuống các tàu, xem xét mọi thứ như hai thủy thủ già. Họ ngập ngừng, tuyên án, tán thành và giận dỗi.

Nấp trong cái mũ gỗ, Nils nghe họ nói chuyện. Như vậy chú biết được rằng người ta đã phải phấn đấu và lao động biết bao ở chốn này để có thể vũ trang cho tất cả mọi hạm đội mà người ta phái từ quân cảng ra đi. Chú biết rằng người ta đã không quản xương máu và tính mạng, rằng người ta đã hi sinh đến đồng tiền cuối cùng để đóng ra những tàu chiến này, rằng những người tài giỏi đã đem hết cố gắng của họ ra dùng vào việc cải tiến và hoàn thiện các chiếc tàu đã bảo vệ tổ quốc này. Nghe nói đến tất cả những điều đó, chú bé rơm rớm nước mắt và cảm thấy sung sướng đã được người ta cho biết kĩ càng đến thế về tất cả mọi việc ấy. Sau cùng họ đi vào một cái sân mở rộng. Ở đó dưới một hành lang đã xếp hàng những hình mũi các tàu chiến xưa. Nils chưa bao giờ được thấy cái gì lạ lùng hơn thế, vì tất cả những hình ấy đều có những mặt người hùng tráng và khủng khiếp, không thể tưởng tượng được. Các hình ấy đều to lớn, dũng cảm và hoang dã, bắt nguồn cảm hứng từ chính cái tinh thần tự hào đã vũ trang cho các tàu lớn ấy. Nils tự thấy mình bé nhỏ hơn bao giờ hết. Nhưng lúc ấy, người đồng đen bảo người gỗ: “Cất mũ ra, Rosenbom, chào các mũi tàu kia đi. Tất cả đều đã ra trận vì tổ quốc!”. Rosenbom, cũng như người bằng đồng đen đã quên hẳn là họ đến đây để làm gì. Chẳng suy nghĩ gì, ông ta giơ chiếc mũ gỗ lên và hô: “Xin cất mũ chào, vinh dự thay người đã chọn vị trí cảng này, đã lập công trường này và đã tái tạo ra hải quân của ta. Vinh dự thay nhà vua đã hiến cuộc đời cho tất cả những thứ này”.

- Cảm ơn, Rosenbom. Người nói phải, người là một người chính trực... Nhưng cái gì thế này, Rosenbom?

Ông ta chỉ Nils Holgersson đang đứng trên cái sọ trần của Rosenbom. Nhưng mà Nils không sợ nữa. Chú vẫy mũ và hô: “Huara, huara! Con người có môi dày!”

Người đồng đen lấy gậy đập xuống đất, nhưng chú bé không bao giờ biết được là ông ta đã định làm gì, vì đúng lúc ấy mặt trời mọc lên. Tức khắc người đồng đen và người gõ đều biến mất tựa hồ họ đã được làm bằng sương mù. Trong lúc chú đứng dậy, đảo mắt tìm họ, thì đàn ngỗng trời bay lên từ nóc nhà thờ và bắt đầu lượn trên thành phố. Bỗng chúng trông thấy Nils Holgersson, và con ngỗng đực trắng liền rẽ không khí xuống đón chú.

Chuyến đi Oland

Chúa nhật 3 tháng tư

Đàn ngỗng trời đến ăn cỏ trên một hòn đảo nhỏ bên bờ biển, và ở đây gặp những con ngỗng xám; bọn này rất ngạc nhiên khi trông thấy đàn, vì biết rằng những bà con hoang dã ấy của chúng thường không đến gần bờ. Bọn ngỗng xám tò mò và tọc mạch, và mãi đến lúc những ngỗng mới đến kể xong câu chuyện bị cáo rượt mới chịu thôi. Nghe xong, một con ngỗng xám, hình như ngang hàng với Akka về tuổi tác và kinh nghiệm, bảo các ngỗng trời:

- Con cáo bị đầy đi khỏi xứ sở của nó, là một tai họa lớn cho các bạn. Nó sẽ giữ lời hứa và sẽ theo các bạn đến tận Lapland. Nếu ta là các bạn thì ta sẽ không bay qua tỉnh Småland, mà sẽ theo đường ngoài và bay qua đảo Uland. [\[21\]](#) Con cáo sẽ mất hút dấu vết các bạn. Và để đánh lạc nó hơn nữa, các bạn nên nghỉ lại hai hay ba ngày ở mồm phía nam của đảo thì hơn. Cái ăn ở đó nhiều lắm, và bầu bạn cũng vậy. Tôi tin là các bạn sẽ không ân hận về chuyến đi của mình.

Lời khuyên rất đúng, và đàn ngỗng trời quyết nghe theo. Ăn no rồi, chúng liền lên đường đi Uland. Chưa một con ngỗng nào trong đàn đã đến đó, nhưng ngỗng xám đã chỉ cho những điểm mốc rõ ràng. Chỉ việc bay thẳng về phía Nam cho đến lúc gặp đường lớn của các loài chim di cư thường bay qua, ở ngoài khơi, dọc bờ biển tỉnh Blekinge. Tất cả các giống chim có trú đông trên biển Tây và xuân đến thì bay sang Phần Lan hay sang Nga, đều theo đường ấy. Dọc đường, chúng đỗ lại nghỉ ở Uland. Đàn ngỗng trời sẽ chẳng thiếu kẻ dẫn đường. Hôm ấy là một ngày yên tĩnh và nóng như ngày hè, thời tiết lí tưởng cho một chuyến bay trên mặt biển, chỉ có điều là bầu trời không hoàn toàn quang đãng mà u ám, và hơi bị mây che. Lác đác những đám mây tụ lại, xuống thấp sát mặt nước và ngăn tầm mắt người ta.

Khi các du khách đã bay qua hết quần đảo, thì mặt biển trải ra xinh đẹp và lóng lánh đến nỗi Nils nhìn xuống, tưởng như trái đất đã biến đầu mất. Chỉ còn có mây và trời chung quanh. Chú bỗng thấy chóng mặt và cuống cuống bám chặt lấy lưng ngỗng đực hơn cả hôm bay đầu tiên.

Khi đến đường lớn mà ngỗng xám đã chỉ cho, lại càng sợ hơn nữa. Hàng đàn chim nối đuôi nhau, tất cả đều bay cùng một hướng. Hình như chúng

theo một đường đã vạch sẵn. Đó là những con vịt trời, và những con ngỗng xám, những vịt trời Bắc cực, những con cốc phương Bắc, những con cốc bắt cá, những con cốc trắng có mào, những con ác là biển... Lúc cúi về phía trước, Nils trông thấy bóng tất cả dãy chim dài ấy do mặt nước phản chiếu lại. Đầu óc chú quay cuồng, có thể nói là tất cả đàn chim ấy đang bay, bụng ngửa lên trời. Và lại cái gì đang ở trên cao và cái gì đang ở dưới thấp? Chú chẳng còn biết gì nữa.

Chim đã mệt và mong chóng đến. Chẳng một con nào kêu la hay đùa cợt. Cảnh im lặng ấy làm cho mọi thứ thành hư ảo lạ lùng. “Có lẽ bọn mình đã rời khỏi trái đất rồi! Nils nghĩ bụng. Có lẽ bọn mình đang lên trời”.

Cũng lúc đó, chú nghe hai tiếng súng và thấy hai cột khói nhỏ bay lên.

Đàn chim xôn xao, sợ hãi. “Có người bắn! Có người bắn! Có người bắn ở dưới tàu! Chúng kêu lên. Bay cao lên! Cao nữa lên!”.

Bây giờ Nils mới thấy mình vẫn bay trên mặt biển, chứ không phải đã lên trời chút nào cả. Trên mặt nước có những chiếc tàu nhỏ đi thành một hàng dài, chở đầy người đi săn, họ bắn hết phát này đến phát khác.

Những đàn chim bay đến đầu tiên, không kịp trông thấy họ, và đã bay quá thấp. Nhiều tấm thân màu sẫm rơi nhào xuống. Mỗi con rơi là những con sóng sột kêu lên những tiếng đau đớn.

Sự khiếp sợ và những tiếng kêu rên ấy chẳng có gì đáng lạ đối với kẻ mới một thoáng trước đây còn tưởng mình đang ở trên trời. Akka vút nhanh lên cao và cả đàn bay theo hết sức nhanh. Đàn ngỗng trời thoát khỏi vòng nguy hiểm, nhưng Nils vẫn chưa hoàn hồn. Sao lại có thể như thế! Lại có những người đi bắn vào những vật như Akka, Yksi, Kaksi, ngỗng đực, và các bạn đồng hành của chúng ta? Ra người ta chẳng hiểu gì việc người ta làm cả.

Hàng ngũ đàn chim đã sát lại với nhau và cuộc lữ hành qua bầu không khí bất động cứ tiếp tục. Cảnh im lặng đã trở lại. Thình thoảng một con chim đã kiệt sức kêu lên: “Đã sắp đến nơi chưa? Các bạn có chắc là chúng ta bay đúng đường không?”. Thế là những con bay hàng đầu đáp: “Chúng ta bay thẳng đến Uland, thẳng đến Uland”.

Đàn vịt trời đã mệt, những con cốc đã vượt chúng. “Đừng vội quá thế,” đàn vịt kêu. “Các bạn định ăn hết đấy à? Sẽ có đủ cho các bạn và cho chúng tôi”, đàn chim cốc đáp.

Chưa trông thấy đảo chút nào, chúng đã gặp một làn gió nhẹ mang đầy những đám khói trắng đặc, như có một đám cháy đâu đây.

Lúc đàn chim trông thấy những con lóc trắng đầu tiên, chúng lo lắng và bay nhanh lên. Nhưng những làn khói cuộn cuộn vẫn tỏa ra mỗi lúc một dày đặc, và cuối cùng vây lấy chúng. Không ngửi thấy mùi gì cả, và khói không đen cũng không khô chút nào mà trắng và ẩm. Nils hiểu ngay rằng đó chỉ có thể là sương mù.

Khi sương đã dày đến mức ở ngay trước mặt, cách một thân ngỗng, cũng không trông thấy gì nữa, thì những đàn chim đâm ra hoảng hốt. Cho đến lúc ấy, chúng bay rất trật tự; giờ chúng bắt đầu bay lung tung trong sương mù. Chúng bay về đủ mọi hướng và làm lạc đường nhau. “Coi chừng, chúng kêu. Các bạn đang bay quanh bay quẩn đấy. Quay lại thôi! Sẽ không bao giờ đến được U'land đâu”.

Tất cả đều biết rất rõ hòn đảo ở nơi nào, nhưng chúng ra sức làm cho nhau hoảng hốt lên:

- Kìa trông những con vịt phương Bắc kìa, một tiếng kêu lên trong sương mù. Chúng quay trở lại phía biển Tây đấy.

- Coi chừng, ngỗng xám ạ, một tiếng khác kêu. Cứ bay theo hướng đó, các bạn sẽ đến đảo Rugen^[22] đấy.

Đối với những loài chim quen bay qua biển thì chẳng sợ lạc hướng, nhưng đối với những đám ngỗng trời thì thật là gian khổ. Bọn hay bày trò chẳng lâu la gì mà không nhận thấy rằng chúng không chắc hướng đi lắm.

- Đi đâu đấy, những kẻ cả tin kia? Một con thiên nga hỏi và bay thẳng đến chỗ Akka, vẻ thương hại và nghiêm trang.

- Chúng tôi đi U'land, nhưng chúng tôi chưa bao giờ đến đó cả. Akka đáp, tưởng là có thể tin cậy được con chim ấy.

- Khô chưa, thiên nga nói. Người ta làm các bạn lạc đường rồi. Các bạn đang bay về phía Blekinge đấy. Đi theo tôi, tôi sẽ chỉ đường cho.

Nó lại bay đi, và đàn ngỗng bay theo. Khi đã dẫn đàn ngỗng ra khá xa đường lớn, để không còn nghe thấy tiếng kêu nữa, thì nó biến ngay vào sương mù.

Đàn ngỗng bay loanh quanh hú họa một hồi. Vừa tìm lại được những đàn chim khác thì một con vịt bay tới. “Tốt hơn hết là các bạn đậu xuống nước cho đến lúc sương tan,” vịt nói. “Rõ ràng là các bạn không quen bay xa rồi”. Những giống chim khôn nạn ấy đã làm cho Akka mất bình tĩnh. Cứ theo sự xét đoán của Nils thì đàn ngỗng đã bay loanh quanh một hồi lâu rồi.

Một con cóc bay lướt nhanh bên cạnh kêu: “Coi chừng đấy! Các bạn

không biết là mình cứ bay lên rồi lại bay xuống đây à?”

Nils bám chặt lấy cổ ngỗng đực. Đó đúng là cái điều mà nó sợ từ lúc này.

Chẳng một ai biết được bao giờ thì đến nơi, nếu bỗng nhiên không nghe một tiếng nô to vang rền rền.

Akka vươn cổ ra, đập đôi cánh và lao hết tốc lực. Cuối cùng, nó đã có một cái gì để tự định lấy hướng.

Con ngỗng xám đã bảo nó đừng bay xuống mỏm cực nam của đảo Uland, vì ở đó người ta đã đặt một khẩu đại bác để bắn vào sương mù. Cuối cùng, nó đã biết hướng đi, và từ nay thì không một ai trên đời còn có thể làm cho nó lạc đường được nữa.

Mũi đất cực nam đảo Oland

Ngày 3 đến ngày 6 tháng tư

Trong miền cực nam đảo Uland có một lâu đài cổ của nhà vua gọi là Ottenby, một trang viên khá rộng trải suốt bề ngang của đảo từ bờ nọ đến bờ kia. Đây vẫn là nơi ẩn náu ưa thích của bao nhiêu loài vật. Trong thế kỉ mười bảy, hồi các quốc vương thường đến săn bắn ở Uland thì trang viên chỉ là một khu vườn cây rộng để nuôi hươu. Vào thế kỉ mười tám, ở đây có một trại nuôi những ngựa giống rất quý, và một trại cừu có tới hàng trăm con. Ngày nay ở Ottenby không có ngựa nòi, mà cũng không có cừu cái. Ở đây người ta nuôi rất nhiều ngựa tơ cho các trung đoàn kỵ binh.

Trong cả nước, không thể có một nơi nào thuận lợi cho thú vật bằng ở nơi này. Dọc bờ biển phía đông, đồng cỏ cho cừu ăn xưa kia trải dài ra gần ba cây số. Đó là đồng cỏ rộng nhất của toàn bộ đảo này, súc vật có thể đến đây ăn cỏ, chơi đùa và chạy nhảy thỏa thích. Lại còn có khu rừng nổi tiếng Ottenby, với những cây sồi trăm năm, mà ở dưới gốc, người ta được che nắng và tránh cái gió ghê gớm của Uland. Cũng không được quên bức thành dài Ottenby, chạy từ bờ này sang bờ kia, ngăn trang viên với phần còn lại của đảo, chỉ cho các súc vật biết trang viên xưa của nhà vua rộng đến đâu, và báo cho chúng biết là đừng phiêu lưu đến một đất khác không được bảo vệ như ở đây.

Và cũng chẳng phải chỉ có những gia súc mới thấy thích thú ở Ottenby. Cả đến những thú rừng, người ta nói thế, cũng cảm thấy rằng, trong một trang viên cổ của nhà vua, tất cả không trừ ai, đều có thể được che chở và trú ẩn. Vì thế mà chúng tụ tập ở đây đông đến thế. Ngoài những con nai thuộc dòng giống lâu đời còn sống sót, và những con thỏ rừng, những con vịt nhiều màu, những chim đa đa yêu thích đất này, mùa xuân và mùa thu người ta còn gặp ở đây hàng nghìn chim di cư. Những chim này đổ xuống ăn cỏ và nghỉ ngơi, nhiều nhất là trên bờ phía đông, thấp và lầy, trước mặt đồng cỏ của cừu.

Cuối cùng, đàn ngỗng trời và Nils Holgersson đến Uland và hạ xuống bãi cát sỏi, như tất cả mọi chim khác. Sương mù trùm lên đảo, cũng dày đặc như trên biển vậy. Nhưng cũng không vì thế mà Nils bất ngờ khi thấy bao nhiêu là chim trên cái khoảng đất hẹp mà mắt chú có thể nhìn thấy.

Đây là một bãi biển thấp, rải rác có đá và những vũng nước, có rong biển do sóng ném vào phủ đến một nửa diện tích. Nếu được lựa chọn, có thể là Nils đã không dừng lại đây, nhưng mà đàn chim thì xem ở đây dường như đang ở thiên đường vậy. Vịt và ngỗng xám ăn trên đồng cỏ. Trên bãi cát sỏi, những con chim mỏ nhát con và những loài chim khác sống ở các bờ biển đang chạy nhảy. Những con cóc bơi dưới nước và bắt cá. Nhưng nhộn nhịp hơn cả là trên những bãi rong dài phía trước bờ biển. Ở đây, chim đứng thành hàng sát nhau, mổ những ấu trùng và giun, chắc là nhung nhúc, vì chẳng nghe có tiếng chim nào phàn nàn là thiếu cái ăn cả.

Phần lớn đều phải tiếp tục cuộc lữ hành và chỉ dừng lại để nghỉ. Con đầu đàn khi mới nhận thấy đàn của mình đã ăn lại sức là liền gọi: “Các bạn đã sẵn sàng thì chúng ta lên đường thôi!”

- Không, không, đợi tí! Còn lâu chúng tôi mới no - những con khác đáp lại.

- Các bạn muốn ngốn đến nỗi không thể bay được nữa đấy chắc? Con đầu đàn nói.

Xong, nó đập cánh và lấy đà bay lên. Nhưng thường là nó phải quay lại, vì những con khác không bay theo. Xa nữa, quá những bãi rong cuối cùng, một đàn thiên nga đang bơi. Chúng không nghĩ đến việc đổ bộ vào bờ, mà cứ nghỉ trên mặt nước, để các làn sóng đu đưa mình. Chốc chốc, chúng vươn cổ xuống nước, tìm cái ăn dưới đáy biển. Khi kiếm được cái gì đặc biệt ngon lành, chúng kêu lên những tiếng giống như tiếng kèn trumpet. Được biết là có thiên nga, Nils vội chạy về phía những bãi rong. Chú chưa bao giờ được thấy thiên nga hoang dã cả. Chú được cái may là có thể đến rất gần chúng. Và lại, không phải chỉ có mình chú ngắm đàn thiên nga. Ngỗng trời và ngỗng xám, vịt trời và chim cốc đứng thành vòng tròn quanh chúng. Những con thiên nga xù lông lên, giương cao cánh làm buồm và vươn dài cổ ra. Thỉnh thoảng, một con bơi đến gần một con ngỗng hay một con cóc, và nói với nó một đôi lời; nhưng con kia dường như không dám ngược mỏ lên trả lời.

Nhưng có một con chim nước nhỏ, một con quỳ con đen ngòm mà tất cả các điệu bộ trang nghiêm kia làm cho khó chịu đến ngạt thở. Thình lình nó nhào xuống và biến mất dưới nước. Liền sau đó, một con thiên nga kêu lên một tiếng và bỏ chạy, nhanh đến nỗi nước sủi bọt lên quanh mình nó. Rồi nó dừng lại và lấy lại cái vẻ đường bệ như cũ. Nhưng tức thì một con thiên nga khác lại kêu như con thứ nhất, rồi lại một con thứ ba nữa.

Nhưng không may con chim đen không thể ở dưới mặt nước lâu hơn nữa.

Nó hiện lên, bé nhỏ, đen thui, vẻ tinh quái vô cùng. Đàn thiên nga lao cả vào nó, nhưng thấy mình gặp phải một con chim bé nhỏ quá chừng, chúng bèn dừng ngay lại, tựa hồ chúng cho rằng nó không đáng để chúng bận tâm. Thế là con chim đen lại nhào xuống nước, và lại cắn vào chân chúng. Chắc rằng nó làm cho các con thiên nga phải đau, nhưng cái bức nhất là chúng không làm sao giữ được phong thể đường bệ của chúng nữa. Bỗng nhiên chúng quyết định một điều. Chúng liền đập cánh ầm ầm, lao về phía trước, trông như là chạy trên mặt nước vậy. Sau cùng, có đủ không khí dưới cánh, chúng liền bay vút lên.

Đàn thiên nga đi rồi, các loài chim khác tiếc lắm; những con đã cười vì các trò nghịch tinh của con chim đen, giờ lại trách nó là lão xược.

Chú bé trở lại đất liền, đứng nhìn những con mỏ nhát con. Chúng giống những con chim đang tí xiu. Cũng như chim đang, thân chúng nhỏ, cẳng cao, cổ dài, cử động nhẹ nhàng và uyển chuyển; nhưng lông chúng không xám mà hung hung đen. Chúng đứng thành một hàng trên bãi biển mà các đợt sóng quét vào rửa sạch. Cứ mỗi lần một đợt sóng tràn vào là cả hàng chạy vội về phía sau. Nhưng đợt sóng vừa bị biển hút lại, là chúng lại ra theo. Cứ thế, chúng tiếp tục hàng giờ liền.

Đẹp nhất tất cả các loài chim là những con vịt biển nhiều màu. Loài này đúng là họ hàng với vịt thường, vì thân hình cũng nặng nề và hai vai bè bè, mỏ rộng, chân có màng, nhưng chúng chung diện lông lầy hơn nhiều. Bộ lông chúng trắng, quanh cổ là một dải rộng màu vàng; đôi cánh tô điểm nhiều màu mà nổi lên rực rỡ là màu lục, màu đỏ và màu đen, và các đầu cánh cũng đen; cái đầu thì màu lục sẫm, óng ánh như tơ.

Một con trong bọn xuất hiện trên bãi, những loài chim khác reo lên:

- Nhìn chúng kia kìa! Xem chúng chung diện đến mức thế nào!

- Nếu không đẹp đến thế, chúng đã chẳng cần phải đào đất làm tổ, và đã có thể ấp trứng giữa ban ngày ban mặt như chúng ta đây cả rồi, một con vịt mái nâu nói vậy.

- Cứ để chúng chung diện tùy thích; có làm gì đi nữa, thì cũng chẳng bao giờ trông được, với cái mũi như thế kia, một con ngỗng xám nói.

Mà đúng thế thật. Những con vịt biển nhiều màu có một cái bướu to ngay chỗ mỏ mọc ra, làm hồng cả bộ mặt của chúng.

Dọc bờ biển, những con hải âu và những con én biển đang bay lượn kiếm mồi.

- Các bạn ăn gì vậy? Một con ngỗng trời hỏi.

- Cá ngạnh, cá ngạnh Uland. Ở đời, chẳng có gì ngon bằng, một con hải âu đáp. Có muốn ném thử không? Và nó bay đến chỗ con ngỗng, mổ ngậm đầy cá con.

- Khiếp! Đàng ấy tưởng là ta muốn ăn cái của bản ấy à? - Ngỗng nói.

Ngày hôm sau, sương mù vẫn đặc như thế. Đàn ngỗng trời ăn trong đồng cỏ, Nils ra mép nước nhặt những con trai. Có nhiều trai lắm. Nghĩ rằng ngày mai có thể đến một nơi không tìm ra được cái gì để ăn cả, chú quyết đan thử một cái túi nhỏ để chứa đầy những con trai. Trong đồng cỏ, chú tìm thấy cỏ lách khô, dài và chắc, liền bắt đầu đan túi. Công việc này mất mấy tiếng đồng hồ, nhưng làm xong chú lấy làm hài lòng lắm.

Vào lúc giữa trưa, tất cả các con ngỗng trời trong đàn chạy lại hỏi xem chú có trông thấy con ngỗng đực trắng không.

- Không, ngỗng đực không đi với tôi, Nils đáp.

- Lúc này nó ở với chúng ta, Akka nói, không biết giờ nó ra làm sao rồi.

Nils hoảng hốt đứng vụt lên. Chú hỏi xem có ai thấy một con cáo, hay con chim ưng, hay những con người ở quanh đây không. Chẳng ai thấy cái gì khả nghi cả. Hẳn là ngỗng đực đã lạc trong sương mù rồi.

Đối với Nils, tai họa này không phải là nhỏ; chú liền đi tìm ngỗng đực. Sương mù trùm lấy chú, làm cho chú có thể chạy khắp nơi mà không bị ai trông thấy, nhưng lại ngăn không cho chú thấy gì hết. Chú đi đến tận cái mỏm của đảo, nơi có cây đèn biển và khẩu đại bác để bắn làm hiệu, khi có sương mù. Nơi nào cũng vẫn cái cảnh nhưng nhúc nhích những chim là chim, mà tuyệt không thấy ngỗng đực trắng đâu cả. Chú đánh liều vào tận trong sân trang viên Ottenby, và xem xét tất cả các góc sỏi thân rồng trong vườn. Chẳng nơi nào tìm thấy dấu vết ngỗng đực cả.

Chú tìm đến tận lúc đêm xuống. Bấy giờ chú đành phải quay về bờ đảo phía đông. Chú bước những bước nặng nề, lòng hết sức chán nản. Không có ngỗng đực rồi chú sẽ ra sao? Khi chú đến giữa đồng cỏ rộng, thì một cái bóng trắng hiện lên từ màn sương mù. Đó là ngỗng đực. Nó vẫn bình yên vô sự và rất sung sướng được gặp lại đàn ngỗng trời. Sương mù làm nó lạc hướng đến độ phải bay quanh đồng cỏ rộng suốt cả ngày, nó kể lại như vậy. Nils vòng tay ôm lấy cổ nó, và năn nỉ xin nó nên cẩn thận hơn, và không nên đi xa đàn nữa. Ngỗng đực hứa sẽ không làm lại như thế nữa. Không, không bao giờ. Nhưng sáng hôm sau, lúc Nils đang dạo chơi bên bờ biển, thì các con ngỗng trời lại chạy đến hỏi nó ngỗng đực đi đâu.

Nils chẳng trông thấy ngỗng đực đâu cả. Như vậy là nó lại biến mất một lần nữa. Cũng như hôm trước, nó lại lạc trong sương mù.

Nils rất hoảng sợ, lại đi tìm. Chú tìm thấy một chỗ mà bức thành của Ottenby bị đổ một đoạn. Nhờ chỗ đó, chú trèo qua được. Phía ngoài bức thành, hòn đảo mở rộng ra, và có những cánh đồng, bãi cỏ và áp trại. Chú trèo lên tận cao nguyên ở giữa đảo, nơi chẳng có nhà cửa gì hết, ngoài những cối xay gió. Ở đây cỏ thừa thớt đến mức đá vôi trắng lộ ra mặt đất.

Chẳng thấy dấu vết ngỗng đực nơi nào cả, sắp tối rồi và phải quay về với đàn ngỗng trời, chú tin là ngỗng đực đã mất toi rồi. Chú tuyệt vọng quá đến mức hầu như lê bước đi không nổi.

Chú leo lên thành, rồi chợt nghe tiếng một hòn đá đổ xuống bên cạnh. Quay lại, hình như chú thấy một vật gì cựa quậy trên một đồng đá sát ngay bức thành. Chú bước nhẹ đến gần, và bỗng thấy con ngỗng đực đang nặng nhọc leo lên những hòn đá, mỏ ngậm mấy sợi rễ cây dài. Ngỗng đực không trông thấy chú bé, và chú thì cũng không lên tiếng gọi, vì chú muốn biết tại sao ngỗng đực đã đi mất hút liên liên như vậy.

Chẳng lâu la gì chú đã biết rõ lí do. Tận trên đỉnh đồng đá có một con ngỗng mái tơ màu xám đang nằm nghỉ, trông thấy ngỗng đực, nó reo lên vui vẻ. Nils trườn đến gần hơn nữa để có thể nghe chúng nói gì, và được biết là con ngỗng xám bị thương một cánh, không bay được. Đàn của nó đã bỏ rơi nó, không có ngỗng đực trắng hôm trước nghe tiếng nó kêu, và đến cứu thì nó đã chết đói rồi. Ngỗng đực vẫn tiếp tục mang cái ăn lại cho nó. Cả hai đều hi vọng rằng ngỗng mái sẽ khỏi trước khi ngỗng đực lên đường, nhưng ngỗng mái vẫn chưa thể bay, chưa thể đi được. Nó buồn khổ, ngỗng đực an ủi nó, nói rằng mình vẫn chưa lên đường. Sau cùng ngỗng đực chào nó, hứa ngày mai sẽ trở lại.

Nils để cho ngỗng đực đi, và khi nó đã đi khuất rồi, lại đến lượt chú trèo lên đồng đá. Chú tức giận vì đã bị đánh lừa, và định nói cho cái con ngỗng tơ lông xám này biết rằng ngỗng đực là sở hữu của chính chú. Ngỗng đực sẽ phải đưa Nils đến Lapland, không thể có chuyện để nó ở lại sau vì con này được. Nhưng lúc nhìn gần con ngỗng tơ xám, chú hiểu tại sao ngỗng đực đã mang cái ăn đến cho nó trong hai ngày, và tại sao ngỗng đực lại không muốn nói gì về việc này cả. Ngỗng mái có cái đầu nhỏ đẹp vô cùng; bộ lông như một chiếc áo lụa mềm mại nhất, và đôi mắt hiền từ, như van lơn.

Trông thấy chú bé, ngỗng muốn chạy trốn, nhưng cánh bên trái nó đã bị trật khớp và kéo lê trên mặt đất, không cho nó nhúc nhích được tí nào.

“Đừng sợ,” - Nils nói, cơn giận đã nguôi. “Ta là Tí Hon, bạn đường của

Mårten, ngỗng đực đây”.

Rồi chú ngừng lời, không biết nói gì hơn nữa.

Ở các loài vật, đôi khi có cái gì đó làm cho chúng ta phải tự hỏi xem là mình đang có việc với ai. Gần như ta sợ rằng đó là những con người đã biến hình thành vật. Con ngỗng xám nhỏ này cũng thế đấy. Tí Hon vừa tự giới thiệu, là nó đã nghiêng cổ và cúi đầu về phía chú, duyên dáng vô cùng, rồi nói, giọng hay đến nỗi Nils không thể tin rằng đó là tiếng của một con ngỗng:

- Tôi rất sung sướng được cậu đến giúp đỡ. Ngỗng đực trắng đã nói với tôi rằng không có ai thông minh và tốt bụng bằng cậu.

Nó nói với một phong thái làm cho Nils thấy sợ. Đây không thể là một con chim đực. Nils tự nhủ, chắc rằng đây là một công chúa đã bị pháp thuật biến thành chim. Bỗng Nils rất muốn cứu con ngỗng. Chú lùa đôi bàn tay bé nhỏ vào dưới lông ngỗng, và nắm chiếc xương cánh. Xương không gãy, chỗ đau là ở khớp xương. Ngón tay chú bé vào sâu một chỗ trống. “Can đảm lên một tí!” Chú nói, rồi nắm mạnh xương cánh, nắm nó lại. Chú làm việc đó rất nhanh và rất khéo, dù đây là lần đầu, nhưng chắc đã làm ngỗng đau lắm, vì con chim nhỏ đáng thương kêu lên một tiếng nhức nhối, rồi ngã vật xuống giữa các hòn đá, bất tỉnh nhân sự.

Nils sợ quá. Chú muốn cứu nó, và thế là đã giết chết nó. Chú nhảy xuống chân đồng đá và bỏ chạy. Đối với chú hình như vừa giết chết một con người.

Sáng hôm sau, trời đẹp. Sương mù đã tan, Akka ra lệnh tiếp tục cuộc bay. Chỉ mình ngỗng đực là bàn khác đi, Nils hiểu rất rõ là nó không muốn rời con ngỗng xám nhỏ. Nhưng Akka không chút để ý đến điều đó, và đàn ngỗng lên đường.

Nils nhảy lên lưng ngỗng đực, và ngỗng bay theo đàn, dù chậm chạp và miễn cưỡng. Nils sung sướng được rời hòn đảo. Cái chết của con ngỗng tơ đè nặng lên lương tâm chú, và chú quyết định không kể với ngỗng đực kết quả tai hại của việc cứu chữa của chú. Chú nghĩ là có lẽ cứ để cho Mårten ngỗng đực đừng bao giờ hay biết chút gì cả lại tốt hơn. Đồng thời chú lấy làm lạ là ngỗng đực trắng lại có thể bỏ ngỗng xám mà đi như vậy.

Bỗng nhiên ngỗng đực bay ngoặt trở lại; nghĩ đến con ngỗng tơ nó chẳng tài nào yên tâm được. Chẳng cần gì đi Lapland nữa.

Chỉ mấy cái đập cánh là nó đã tới đồng đá. Nhưng chẳng thấy ngỗng tơ đâu cả.

“Lông Tơ Mìn! Lông Tơ Mìn! Em ở đâu!” Ngỗng đực gọi to.

“Cáo bắt mất nó rồi cũng nên”, Nils nghĩ bụng. Nhưng đúng lúc ấy, chú nghe một tiếng đáp nhỏ:

“Em đây, ngỗng đực, em đây. Em vừa tắm buổi sáng xong”.

Và con ngỗng xám tơ dưới nước đi lên, bình an vô sự. Nó kể rằng Tí Hon đã nấn lại cánh cho nó, và nó đã khỏi, sẵn sàng theo đàn.

Những giọt nước trên bộ lông óng ánh của nó khác nào những hạt trai đang chảy xuống. Và lại một lần nữa, Nils tự bảo rằng đó là một nàng công chúa thật là bé nhỏ, xinh đẹp.

Con bướm lớn

Thứ tư, 6 tháng tư

Đàn ngỗng bay dọc theo hòn đảo hẹp, mà từ trên cao nhìn xuống trông thấy toàn cảnh. Chú bé cảm thấy lòng thanh thản. Tối hôm trước chú chán nản và buồn rầu bao nhiêu, trong lúc lang thang trên đảo tìm ngỗng đực, thì bây giờ chú sung sướng bấy nhiêu. Hình như ở giữa đảo là một cao nguyên trơ trụi, bao quanh là một dải đất rộng giàu có và phì nhiêu, dọc các bờ biển. Nils bắt đầu hiểu ý nghĩa của câu chuyện nào đó mà chú đã nghe kể tối hôm trước.

Chú đang nghỉ dưới chân của một trong các nhà xay chạy bằng sức gió, mọc trên cao nguyên, thì hai người chăn cừu tới gần, có những con chó đi theo, và đi trước là một đàn cừu rất đông. Chú bé không phải đứng lên, vì chú ở rất kín dưới những bậc thang của nhà xay.

Nhưng tình cờ thế nào mà hai người chăn cừu lại đến ngồi ngay trên cầu thang ấy, và Nils đã phải ngồi mãi ở đó cho đến lúc họ bỏ đi.

Một trong hai người chăn cừu là một chàng trai trẻ bề ngoài trông chẳng có chút gì đặc biệt cả, người kia là một ông già kì quặc. Thân hình ông ta cao và gầy gò xương, đầu nhỏ, khuôn mặt có những nét dịu dàng và mềm mỏng. Có thể nói là thân hình và cái đầu ông không hài hòa với nhau. Ông ngồi im lặng một lúc, nhìn vào sương mù với cái nhìn mệt mỏi vô cùng. Rồi ông bắt đầu nói chuyện với người bạn trẻ. Anh này đã lấy bánh mì và pho mát từ cái túi ra để ăn tối. Anh chẳng trả lời câu nào, nhưng hình như nghe ông ta nói không sót ruột chút nào.

“Tôi kể cho anh nghe chuyện này, Erik à,” ông già nói. “Tôi đã suy nghĩ và tôi tin rằng, xưa kia trong cái thời mà người và vật đều to lớn hơn ngày nay nhiều, thì loài bướm cũng phải to mênh mông. Có một lần, có con bướm dài mấy dặm; cánh rộng như hai cái hồ màu xanh với những ánh bạc, và đẹp đến độ tất cả những súc vật khác đều đứng lại ngắm con bướm khi nó bay.

“Khốn nỗi là nó to quá. Đôi cánh đỡ thân nó thật khó khăn. Chỉ cần nó khôn ngoan, cứ bay trên mặt đất thôi thì còn may không xảy ra việc gì. Nhưng nó đã liêu bay trên biển Baltic. Nó bay chưa được bao xa thì bão đã làm lung lay đôi cánh của nó. Anh cũng hiểu, Erik à, cái gì phải xảy đến khi đôi cánh bướm mong manh phải phơi ra trước bão tố biển Baltic. Đôi cánh,

chẳng mấy chốc đã bị những đợt cuồng phong giạt tung và cuốn đi, và con bướm đáng thương rơi xuống biển. Ở đó nó bị những đợt sóng đánh đi đánh lại cho đến khi bị giạt vào mấy tảng đá ngầm trước bờ biển tỉnh Småland. Mắc cạn, nó nằm dài ra đó.

“Tôi cho rằng, Erik ạ, nếu xác bướm mà nằm trên đất liền thì nó đã nhanh chóng thối rữa và tan thành bụi rồi. Nhưng vì nó rơi xuống biển, ở đó nó được chất vôi thấm vào, và đã cứng lại như đá. Anh còn nhớ là chúng ta đã tìm thấy ở trên bờ những hòn là những con giun đã hóa đá. Tôi tin rằng đó là việc đã xảy ra cho thân hình con bướm lớn. Tôi tin là nó đã thành ra một khối đá dài và hẹp nằm giữa biển Baltic. Anh nghĩ thế nào?”

Ông già ngừng lại để chờ một câu trả lời, người trai trẻ lắc đầu.

- Bác kể tiếp đi, và cho cháu biết là bác có ý định gì?

- Này để ý xem, Erik ạ, đất Uland mà anh với tôi đang sống đây, không phải gì khác cái xác bướm ấy. Chỉ cần suy nghĩ là thấy hòn đảo này đúng là một con bướm. Ở mạn bắc, ta thấy cái ngực thắt lại và cái đầu tròn; ở mạn nam là cái bụng, trước mở rộng ngang ra, rồi thu hẹp, và cuối cùng thì thót lại thành mũi nhọn.^[23]

Ông già ngừng lại một lúc và lo ngại nhìn người bạn trẻ, xem anh ta tiếp nhận lời khẳng định của mình như thế nào. Nhưng anh chàng vẫn tiếp tục ăn một cách thản nhiên và chỉ ra hiệu cho ông kể tiếp câu chuyện.

“Con bướm vừa thành ra một khối đá vôi thì rất nhiều hạt giống cỏ cây bị gió thổi đến, đã thử bắt rễ xuống đây. Các hạt giống thấy khó lắm mới bám được vào khối đá trơ trụi và trơn trượt. Một thời gian dài chỉ có cỏ lách là có thể mọc nổi ở đây thôi. Rồi đến một loài hòa thảo và loài hướng dương. Nhưng mãi đến nay nữa, ở đây, trên cao nguyên này, vẫn không đủ cây cối để phủ kín hết được khối đá, vì đá lộ ra khắp nơi. Mà cũng chẳng ai nghĩ đến việc cày bừa cũng như gieo hạt ở đây, bởi vì lớp đất mỏng đến thế.

“Nhưng nếu anh công nhận rằng cao nguyên và các núi đồi là do xác con bướm tạo nên, thì anh có quyền hỏi rằng chỗ đất trải ra bên dưới kia, chung quanh đảo, là ở đâu mà ra.”

- Cháu định hỏi bác điều ấy đây.

- Thế này! Anh nhớ rằng hòn đảo đã lưu lại dưới biển rất nhiều năm, và trong khoảng thời gian ấy, tất cả các thứ mà biển đẩy đi; rong biển, cát, vỏ sò, và vỏ ốc đều chất lại thành đống ở đó. Rồi, từ hai bên sườn cao nguyên, có những phiến đá và đất đỏ lở xuống. Như thế đảo có những bờ rộng để cho lúa mì, và các loài hoa, các loài cây có thể mọc lên được.

Ở đây, chỗ cao, trên lưng bướm, chỉ thấy có những cừ cái, những bò cái và những con ngựa bé tí. Ở đây chỉ có những con chim te te và những con chim óc cau, không có công trình xây dựng nào ngoài những nhà xay gió và những túp lều tồi tàn bằng đá mà chúng ta, những dân chăn cừ trú ẩn. Nhưng, trên các bờ biển có những nhà nông dân lớn, có những nhà thờ và những nhà mục sư, những xóm chài và cả một thành phố”.

Ông già ngừng lời và nhìn người kia. Anh này đã ăn xong và đang lúi húi buộc chặt túi lương thực của mình.

- Cháu muốn biết là, bác có mục đích gì? Cuối cùng anh ta nói.

- À, đây này, ông già hạ thấp giọng, gần như thì thầm và đôi mắt nhỏ, mệt mỏi vì đã cố tìm ra tất cả những gì thực sự không có, nhìn dôi vào trong sương mù. Đây là điều mà tôi muốn biết. Những nông dân ở trong những sân vây kín đàng kia dưới chân cao nguyên, những dân chài đánh cá mòi ngoài biển và những người buôn bán ở Borgholm, những người đi tắm mùa hè nào cũng tới đây, và những du khách đi dạo trong các phế tích của lâu đài Borgholm, những người đi săn cứ mùa thu thì đến đây bắn chim đa đa, và những họa sĩ leo lên ngai trên đỉnh núi này để vẽ những con cừ và những cối xay gió, tôi muốn biết có bao giờ một kẻ nào trong số đó hiểu rằng hòn đảo này nguyên là một con bướm đã từng bay trên không với những cánh rộng lớn, rục rờ không?

- Ô, có chứ, anh chàng chăn cừ nói, một người nào đó trong bọn họ sẽ ngồi trên bờ biển đá vào một buổi chiều, sẽ nghe tiếng họa mi hót trong những rừng cây nhỏ dưới chân mình, và sẽ ngắm eo biển Kalmar, [\[24\]](#) sẽ phải hiểu hòn đảo này không thể được tạo ra như tất cả các đảo khác được.

- Tôi muốn biết, ông già nói tiếp, có một người nào trong bọn họ có ý muốn đem cho các cối xay này những chiếc cánh to đến mức có thể bay lên trời, to đến mức đủ sức nhấc bổng cả hòn đảo ra khỏi biển cả và làm cho nó bay như một con bướm giữa các con bướm không?

- Trong điều bác nói có cái đúng, chàng trai đáp lại, vì trong những đêm hè, lúc bầu trời như một cái vòm xanh bao la trùm lên đảo, đôi khi cháu thấy đúng là hòn đảo đang muốn cất mình khỏi mặt biển và bay lên. Nhưng ông già, cuối cùng đã kéo được chàng trai vào câu chuyện, rồi ông lại không nghe anh ta nói nữa. Ông lại tiếp tục, giọng còn hạ xuống thấp hơn: “Tôi muốn biết rằng có người nào đó có thể giải thích được cho tôi tại sao ở đây, trên cao nguyên, người ta cảm thấy nhớ quê hương như thế này. Tôi cảm thấy thế tất cả mọi ngày, trong suốt cả cuộc đời, và tôi tin rằng cái tình quê hương ấy len vào lòng ngực của tất cả những ai sống ở đây. Tôi muốn biết

rằng, có người nào đó lại không hiểu là có tâm trạng mòn mỏi đó, vì chung toàn thể hòn đảo này là một con bướm đang khát khao được một đôi cánh”.

Trên hòn đảo nhỏ^[25]

Cơn bão

Thứ sáu, 8 tháng tư

Đàn ngỗng nghỉ đêm ở mũi bắc hòn đảo, và đang bay về đất liền. Một luồng gió nam khá mạnh thổi trong eo biển Kalmar, và đẩy chúng giạt về phía bắc. Dù vậy chúng vẫn không bay kém nhanh về phía đất; và đã đến gần những hòn đảo nhỏ đầu tiên bên bờ biển. Bỗng chúng nghe một tiếng động dữ dội, tựa hồ có một đàn chim lớn với những đôi cánh rất khỏe đang bay đến sau lưng; nước chuyển thành màu đen. Akka ngừng đập cánh ngay tức khắc và buông mình rơi xuống biển. Nhưng trước khi đàn ngỗng xuống tới mặt nước thì cơn bão từ phía tây đã ập tới bất ngờ. Bão lửa những đám mây bụi và bọt nước mặn, và những con chim nhỏ đi trước, bão cuốn theo cả ngỗng trời, xô đẩy chúng và ném chúng ra khơi. Thật là một trận bão kinh khủng. Đã nhiều lần, đàn ngỗng cố sức bay ngược lại, nhưng không thể được, và bị cuốn giạt ra biển Baltic. Chẳng mấy chốc, bão cuốn ngỗng ra quá đảo Uland. Trước mặt là biển rộng mênh mông, trống trải và hoang vắng. Chỉ còn biết khuất phục trước sức mạnh của gió nữa mà thôi.

Biết không còn cách nào quay lại được, và để khỏi bị cuốn qua suốt biển Baltic, Akka quyết định thả mình xuống nghỉ ở mặt biển. Sóng biển đã mạnh, và mỗi lúc một to lên. Những lớp sóng trải ra màu lục sẫm, đầu phủ bọt trắng. Ngọn sóng này vượt qua ngọn khác. Có thể nói là sóng tranh nhau vọt lên xem ngọn nào cao nhất, và tung lên nhiều bọt nhất. Nhưng những con ngỗng trời không hề sợ sóng, và không đại gì mà bơi cho mệt. Cứ để cho sóng đưa lên đưa xuống giữa bụng sóng và ngọn sóng, lại đùa nghịch như những đứa trẻ với một cái đu. Mỗi lo ngại duy nhất của ngỗng là bị tan đàn. Những con chim đáng thương sống trên đất liền, bị cuốn vào cơn bão, bay trên cao, kêu lên giọng ganh tị: “Các người có khổ gì đâu, các người biết bơi”.

Tuy vậy, không phải ngỗng trời đã thoát vòng nguy hiểm. Trước hết là sóng biển đang đưa làm cho ngỗng buồn ngủ. Mỗi lúc chúng lại quay đầu ra phía sau, để dứt mỏ xuống dưới cánh và ngủ. Thế nhưng không gì nguy hiểm hơn là không chống lại được buồn ngủ như thế. Akka luôn mồm nhắc:

“Đừng ngủ, ai ngủ thì sẽ lạc đàn. Ai lạc đàn là chết!”

Dù đã cố gắng hết sức, hết con nọ đến con kia cứ ngủ thiếp đi, và chính Akka cũng đã ngủ gà ngủ gật, thì bỗng trông thấy cái gì tròn và đen hiện lên trên một ngọn sóng. “Hải cầu! Hải cầu! Hải cầu!”, nó kêu lên, giọng chói óc và vỗ cánh bay lên thật nhanh. May vừa kịp; con ngỗng cuối cùng vừa bay lên khỏi mặt nước thì suýt bị những con hải cầu đón phải cằm.

Đàn ngỗng trời lại bay vào giữa cơn bão, và luôn luôn bị đẩy ra khơi. Không trông thấy một khoảng đất nào, bốn bề là biển mênh mông, và hoang vắng.

Vừa hết sợ, đàn ngỗng lại hạ xuống mặt biển một lần nữa. Nhưng mới dung đưa một lúc trên mặt sóng, cơn buồn ngủ lại đến. Và chúng vừa thiếp đi là những con hải cầu lại kéo lên. Nếu già Akka không canh gác cẩn mật thì không một con ngỗng nào đã thoát khỏi kẻ thù.

Bão kéo dài suốt cả ngày; và gây nên những tàn phá ghê gớm giữa những đàn chim, vào thời gian này đang hoàn thành cuộc lữ hành hàng năm. Một số rất lớn bị cuốn ra xa đường bay và phải chết đói; những con khác kiệt sức, ngã quỵ xuống những làn sóng biển và chết đuối. Nhiều con bị đập nát vào sườn núi đá, những con khác làm mồi cho hải cầu.

Chiều đến, vì cơn bão như chẳng muốn ngớt chút nào, Akka bắt đầu lo rằng mình và cả đàn sắp chết hết. Cả đàn đã kiệt sức rồi, mà không tìm ra một nơi trú ẩn nào cả. Thậm chí cũng không dám bồng bênh một lúc trên mặt nước, vì biển đã phủ đầy những mảnh băng lớn, các mảnh ấy va vào nhau và có thể kẹp nát tất cả. Đàn ngỗng cũng đã cố đỗ lên mặt băng, nhưng bị gió thổi bật đi; lần khác thì những con hải cầu hung ác trèo tót lên mặt băng.

Lúc mặt trời lặn, đàn ngỗng vẫn còn bay nhưng lòng khắc khoải trước cảnh đêm sắp đến. Bóng tối như buông xuống cái đêm đầy những nỗi nguy hiểm này sớm hơn thường lệ.

Vậy mà vẫn không thấy đất liền đâu cả. Bầu trời u ám, trăng bị che khuất và bóng tối dày đặc. Đêm tối đầy nỗi kinh hoàng và làm cho những kẻ dũng cảm nhất cũng phải run sợ. Những tiếng kêu của các loài chim bay qua trong cơn nguy khốn vang lên suốt ngày trên biển, mà chẳng một ai để ý đến, nhưng lúc này, khi không còn biết những tiếng ấy từ đâu phát ra, thì nghe thật là hung dữ và khủng khiếp. Đàng kia, trên mặt biển, những khối băng va vào nhau ầm ầm. Những con hải cầu rống lên những bài hát sấm mồi hung dữ. Bầu trời và trái đất như muốn sụp đổ.

Bầy cừ

Đã một lúc rồi Nils chăm chú nhìn mặt biển. Bỗng chú thấy như biển kêu to hơn lên. Chú ngược mắt nhìn. Trước mắt chú, chỉ cách vài bước, sừng sững một vách đá trơ trụi; bên dưới, sóng vỡ tan thành bọt tung tóe. Đàn ngỗng trời lao thẳng tới khối đá, và Nils lo là tất cả sẽ bẹp dí vào vách đá rắn, không thoát được.

Nils vừa kịp ngạc nhiên rằng Akka mà không hề trông thấy mối nguy hiểm tí nào cả, thì cả đàn ngỗng đã đến trên núi; và chỉ lúc ấy, chú mới thấy trước mặt mở ra cái cửa hình bán nguyệt của một cái hang. Đàn ngỗng bay tọt vào, và đã thoát nạn.

Trước cả việc nghĩ đến nỗi mừng vì gặp may, chúng làm cái việc đầu tiên phải làm ngay là điểm lại quân số. Akka, Yksi, Kolmi, Neljä, Viisi, Kuusi, sáu ngỗng con, ngỗng đực trắng, Long Tơ Mịn và Tí Hon đều có đầy cả, chỉ còn thiếu Kaksi ở Nuolja, ngỗng bay đầu hàng bên trái, chẳng ai biết đã có việc gì xảy ra.

Tuy nhiên, đàn ngỗng cũng không quá lo: Kaksi đã già và đầy kinh nghiệm, biết các đường đi và các tập quán của đàn, và sẽ biết cách tìm lại đàn.

Bây giờ, đàn ngỗng mới bắt đầu nhìn xem quanh mình trong hang. Ánh sáng bên ngoài còn lọt vào, đủ để có thể thấy hang sâu và rộng. Đang vui mừng vì tìm được chỗ trú tốt như thế, thì bỗng một con ngỗng thoáng thấy mấy đốm sáng màu lục ánh lên trong một góc tối.

- Những con mắt đấy, Akka thốt lên. Ở đây có những loài vật lớn.

Tất cả lao ra phía cửa, nhưng Tí Hon nhìn trong bóng tối tinh hơn cả, liền gọi lại:

- Không có gì nguy hiểm đâu. Chỉ là những con cừu nép sát vách đá thôi.

Khi đã hơi quen với cái ánh nửa tối, nửa sáng, đàn ngỗng nhìn thấy rất rõ những con cừu. Những con to cũng đông gần bằng đàn ngỗng; cũng có cả mấy con cừu non. Một cừu đực to, sừng cong, dài, hình như là đầu đàn. Các ngỗng trời hết sức kính cẩn đi lại phía cừu.

“Tại nơi hoang vắng này, xin kính chào!”. Đàn ngỗng vừa chào vừa nói; nhưng con cừu đực to cứ đứng yên, và không chào lại gì cả.

Đàn ngỗng kết luận rằng, đàn cừu không bằng lòng vì thấy kẻ lạ vào ở trong hang của mình.

“Có lẽ các bạn phật lòng thấy chúng tôi vào nhà các bạn chẳng?” Akka hỏi, “nhưng thật là vạn bất đắc dĩ, vì chúng tôi bị gió thổi giạt vào đây. Chúng tôi đã phải vật lộn với cơn bão suốt ngày, và chúng tôi lấy làm sung sướng được ở đây đêm nay”.

Một lúc lâu đàn cừ mới quyết định trả lời. Người ta nghe tiếng mấy con thở dài thườn thượt. Akka vẫn biết rằng cừ là những con vật nhút nhát và kì quặc, nhưng những con này thì hình như hoàn toàn không biết tí gì về phép lịch sự cả. Sau cùng, một cừ cái già, mặt dài và vẻ sầu muộn, trả lời giọng rên rỉ:

- Tất nhiên là không một ai trong bọn chúng tôi lại từ chối không cho các bạn nghỉ lại đây. Nhưng đây là một cái nhà có tang, và chúng tôi không thể tiếp khách như trước được nữa.

- Xin đừng bận tâm, Akka nói. Giá các bạn biết tất cả những gì chúng tôi đã phải chịu đựng ngày hôm nay, thì các bạn sẽ hiểu rằng chỉ xin được một góc chắc chắn để ngủ là chúng tôi bằng lòng lắm rồi.

Nghe vậy, cừ già đứng dậy nói:

- Tôi nghĩ rằng đối với các bạn, phải bay trong cơn bão ghê gớm nhất còn hơn là nghỉ lại ở đây. Nhưng hãy xin dùng vài thức giải khát mà chúng tôi có thể hiến các bạn đã, rồi hãy lên đường.

Cừ cái dẫn đàn ngỗng đến một chỗ đất trũng đầy nước. Bên cạnh có một đồng rạ bằm nhỏ và cám. Cừ mời đàn ngỗng ăn.

“Chúng tôi vừa trải qua một mùa đông nhiều tuyết, khắc nghiệt hết sức, cừ nói. Những nông dân làm chủ hòn đảo này mang cỏ khô và rơm rạ, kiệu mạch đến cho chúng tôi khỏi chết đói. Và cái đồng kia là tất cả những gì chúng tôi còn đây”.

Đàn ngỗng sà vào ăn, và nghĩ là đã được gặp may, đều lấy làm vui vẻ, nhưng thấy rõ là đàn cừ đang lo lắng. Mặt khác cũng biết rằng cừ rất dễ hoảng hốt, nên không tin là có một mối nguy thật. Ăn xong, sửa soạn đi ngủ, thì cừ đực già đứng dậy và lại gần. Nils nghĩ mình chưa bao giờ trông thấy một con cừ có cặp sừng dài và to đến thế. Cừ lại đặc sắc về nhiều mặt, có cái trán rộng và xuôi, đôi mắt thông minh và tư thế đỉnh đạc của một con vật tự hào và can đảm.

- Tôi không thể yên tâm để các bạn nghỉ ở đây, mà không báo trước là nơi này không chắc chắn - cừ nói. Chúng tôi không thể nhận khách ngủ đêm được.

Akka bắt đầu hiểu là có việc gay go thật.

- Chúng tôi xin đi vậy, vì bạn thấy là phải thế. Nhưng trước hết bạn có thể cho biết là cái gì đe dọa các bạn? Chúng tôi chẳng biết gì cả. Thậm chí chúng tôi cũng chẳng biết là mình đang ở đâu nữa.

- Các bạn đang ở trong đảo Karl Nhỏ, đối diện bờ biển Gottland, [\[26\]](#) - cừ đực đáp, đảo chỉ có cừu và chim biển ở mà thôi.

- Có lẽ các bạn là cừu hoang chăng? Akka hỏi.

- Gần như thế, cừu đực đáp. Chúng tôi hầu như chẳng có việc gì với loài người cả. Có một quy ước từ lâu giữa chúng tôi với nông dân một cái trại ở Gottland: họ phải tiếp cho chúng tôi rơm, cỏ khi mùa đông có tuyết xuống. Ngược lại họ có quyền mang đi vài kẻ trong số chúng tôi, khi chúng tôi sinh đẻ quá nhiều. Đảo nhỏ quá, chỉ có thể nuôi được một số vật nào thôi. Còn lại mọi thứ thì chúng tôi phải tự liệu, bởi thế chúng tôi không bao giờ ở trong các nhà, sau những cánh cửa có khóa, mà ở trong các hang đá.

- Và cả mùa đông, các bạn cũng ở đây ư? Akka ngạc nhiên hỏi.

- Dĩ nhiên, cừu đực đáp. Ở đây chúng tôi có những đồng cỏ tốt suốt mùa đông.

- Nhưng tôi thấy là các bạn sừng hơn tất cả các giống cừu khác, Akka nói. Các bạn đã gặp điều bất hạnh gì?

- Mùa đông năm ngoái, trời rét lắm. Biển đóng băng, và ba con cáo đã nhân đây, đi trên mặt băng đến, rồi ở lại đây. Trừ chúng ra, trong cả đảo, không có một con vật nào nguy hiểm cả.

- Cáo mà cũng dám đánh những vật như các bạn à?

- Ban ngày thì không, vì tôi biết chống lại - cừu đực vừa nói vừa lắc lắc cặp sừng. Nhưng ban đêm, chúng len vào giữa bọn tôi, lúc chúng tôi đang ngủ trong các hang. Chúng tôi cố thức, nhưng cũng có lúc phải chợp mắt chứ, lúc ấy chúng đánh chúng tôi. Trong các hang khác, chúng đã giết đến con cừu cuối cùng, mà ở đây có những đàn cũng đông như đàn chúng tôi đây.

- Thú nhận cảnh khốn đốn của mình đến thế, thật chẳng vui vẻ gì - cừu cái già nói thêm vào. Chúng tôi không có thể tự vệ hơn gì cừu nhà đâu.

- Các bạn có cho là chúng sẽ đến đánh các bạn đêm nay không? Akka hỏi.

- Chắc chắn. Đêm qua, chúng đã đến bắt trộm của chúng tôi một con cừu non. Chúng tôi mà chỉ còn một con là chúng còn đến. Ở các nơi khác, chúng

đã làm thế.

- Nhưng chúng cứ tiếp tục như thế, thì các bạn sẽ bị diệt hết, Akka nói.

- Đúng thế, giống cừu ở đảo Karl Nhỏ này sẽ chẳng còn được bao lâu nữa.

Akka hơi lưỡng lự. Lại lên đường trong bão táp thì chẳng dễ chịu gì, nhưng mặt khác làm sao ở lại được một nơi mà người ta đang phải chờ những khách như thế? Suy nghĩ một lúc, ngỗng quay lại hỏi Nils:

- Cậu có vui lòng giúp chúng tôi như cậu đã làm những lần trước không?

Nils trả lời là chú không mong gì hơn.

- Không được ngủ thì phiền cho cậu quá - Akka nói. Nhưng dù vậy cũng nhờ cậu thức gác, và gọi chúng ta nếu bọn cáo đến, để chúng ta có thể bay đi.

Chú bé không bằng lòng lắm về cách thu xếp như vậy, nhưng dù sao thì cũng vẫn tốt hơn là phải bay trong bão tố như lúc này. Vì thế chú hứa sẽ canh gác.

Chú đến ngồi nấp sau một tảng đá ở cửa hang. Đêm càng về khuya, gió hình như càng dịu đi. Trời quang mây, ánh trăng chiếu giõn trên các làn sóng. Cửa hang mở ra khá cao trên vách núi. Một con đường hẹp và cheo leo đưa đến đây. Chắc là mấy tên kẻ trộm kia sẽ đến theo đường ấy.

Chưa thấy con cáo đâu cả thì Nils đã phát hiện ra cái gì mà mới thấy đã làm chú sợ quá; trên bãi biển hẹp, dưới chân vách núi, có những không lồ hay những yêu tinh, hay hơn nữa những người tầm vóc dị thường.

Thoạt tiên chú tưởng mình nằm mê, nhưng mà chú trông thấy rõ quá, không thể ngờ là một ảo ảnh được.

Vài kẻ đã tiến xuống tận dưới nước, những kẻ khác như đang muốn leo lên vách núi. Vài kẻ có những cái đầu to tròn, những kẻ khác lại không có đầu. Mấy kẻ cụt tay, những kẻ khác lưng gù lại ngực bướng. Chưa bao giờ Nils trông thấy một cái gì kì quái đến thế. Chú nhìn họ mà khiếp đảm, đến nỗi quên băng lũ cáo. Nhưng bỗng chú nghe thấy tiếng một cái móng cào vào đá. Chú thấy ba con cáo len lén lại gần. Vừa thoáng thấy là mình phải đương đầu với một mối nguy hiểm thực sự, chú trấn tĩnh lại ngay, nổi kinh hoàng tiêu tan hết. Chú tự nhủ là nếu đánh thức đàn ngỗng dậy và bỏ chạy lấy thân, phó mặc đàn cừu cho số phận của chúng thì tai hại quá. Chú có thể làm gì hơn không?

Nils trườn nhanh vào cuối hang, nắm sừng cừ đực lay, đánh thức dậy, đồng thời leo tót lên lưng cừ và nói: “Bố già, dậy đi, chúng ta sẽ làm cho bọn cáo kia hoảng một tí!”

Chú đã cố giữ im lặng hết sức, nhưng hẳn là mấy con cáo đã nghe thấy tiếng động. Đến cửa hang, chúng đứng lại bàn bạc.

- Có kẻ nào đã động dậy ở đây? Một con nói. Tao không biết nó có thức không?

- Dào ôi, cứ vào đi! Con khác nói. Mày cho là chúng nó làm gì được mình?

Lũ cáo rón rén bước vào, nhưng lại dừng nữa để đánh hơi.

- Đêm nay bắt con nào? Con đi đầu thì thăm.

- Đêm nay bắt con cừ đực to ấy, con đi sau cùng đáp. Như thế, sẽ đỡ mệt với những con còn lại.

Ngồi trên lưng cừ đực, chú bé thấy chúng nó đến gần. “Húc đầu một cái thẳng về phía trước!”, Nils nói khẽ vào tai cừ.

Cừ đực làm theo lời Nils, và con cáo đi đầu bị xô nhào và hất ra phía cửa hang.

“Giờ húc một cái bên trái”, chú bé vừa nói, vừa quay cái đầu to của cừ đực sang đúng hướng ấy.

Cừ đực húc một cái hết sức mạnh đúng vào sườn con cáo thứ hai; nó lộn đi nhiều vòng, rồi mới đứng lên được và tháo chạy. Nils rất muốn rằng con thứ ba cũng được thanh toán nợ nần, nhưng nó đã bỏ chạy rồi.

- Thế đấy! Tôi mong rằng chúng đã lĩnh đủ cho đêm nay rồi, Nils nói.

- Tôi cũng nghĩ thế, cừ đực đáp. Giờ thì cậu nằm xuống lưng tôi, rúc vào len của tôi. Cậu rất đáng được ngủ ấm cúng và kín đáo, sau khi đã phải chống chọi với cơn bão hôm nay.

Lỗ địa ngục

Thứ bảy, 9 tháng tư

Hôm sau, cừ đực cho Nils ngồi trên lưng và đưa đi một vòng quanh đảo. Đảo chỉ là một khối đá duy nhất và đồ sộ. Có thể nói đó là một tòa nhà lớn, tường thẳng đứng và mái bằng. Trước tiên, cừ đực trèo lên mái để cho Nils

xem những đồng cỏ đẹp trên đó; Nils phải công nhận rằng hòn đảo tưởng như được tạo lập ra với dụng ý dành cho cừu ở vậy. Ở đây chỉ mọc lên vài loài cây nhỏ có hương thơm mà cừu rất thích.

Nhưng còn bao nhiêu thứ khác đáng xem nữa. Trước hết là mặt biển xanh mênh mông, tràn ngập ánh nắng, đầy cuộn cuộn về phía đảo những đợt sóng dài lẫn tăn, đều đặn và phẳng lặng. Chỉ đây đó, đập vào một mũi đất cao, sóng mới vỡ ra, bắn tung lên thành bọt. Thẳng về phía đông, trông thấy rõ đảo Gottland với một dải bờ biển bằng phẳng; và về phía tây nam là đảo Karl Lớn, cấu tạo như đảo Karl Nhỏ vậy. Cừu đực đi đến tận rìa cao nguyên để Nils có thể trông thấy vách núi phủ đầy tổ chim, và mặt biển ở chân vách đá có không biết bao nhiêu là chim: cốc, nhạn biển, vịt bắc cực, chim bắt cá, chim cánh cụt, đang bình yên và hòa thuận với nhau vì mãi bắt cá mồi.

- Đây thật là đất hứa, [\[27\]](#) chú bé nói. Các ông được chỗ ở tốt quá, ông cừu à.

- Phải, đây đẹp thật. Nhưng đi chơi một mình, cậu phải để ý kéo rơi xuống một chỗ nào đó trong các kẽ nứt ngang dọc khắp mặt cao nguyên, cừu đực vừa nói vừa thở dài. Mới đầu, hình như cừu muốn nói thêm điều gì, nhưng rồi lại làm thinh. Đó là lời dặn trước có ích, vì những kẽ nứt nhiều mà sâu. Kẽ lớn nhất gọi là Lỗ Địa Ngục, sâu mấy sải và rộng gần một sải. [\[28\]](#)

“Ai mà ngã xuống đây là chết ở đây”, cừu đực nói.

Hình như đối với Nils, giọng của câu nói ấy ngụ một ý đặc biệt.

Sau đó, cừu đực đưa Nils xuống bãi biển; ở đây Nils có thể trông thấy tận mắt những gã khổng lồ đã làm chú khiếp sợ đêm hôm trước. Đó chỉ là những hòn đá lẻ loi. Cừu đực gọi là những “raukar”. Nils nhìn mãi không chán. Nếu không may mà các yêu tinh bị biến thành đá, thì phải có hình dáng như thế. [\[29\]](#)

Dù cảnh bờ biển rất đẹp, Nils vẫn thích trở lên trên cao. Dưới này khắp nơi thấy cốt của những cừu đã bị giết. Chính ở đây lũ cáo đã đến ăn. Có những bộ xương đã bị gặm thật kĩ, nhưng cũng có những xác mới bị nhai mất một nửa, và những xác khác mà lũ cáo mới đụng qua. Lòng chú thất lại trước cảnh tàn sát mà lũ cáo đã gây ra, phần lớn chỉ vì thích săn bắt và giết chóc.

Cừu đực lại cùng Nils trở lên cao nguyên. Đến đỉnh, cừu dừng lại và nói:

- Nếu ai đó tài trí và thông minh mà thấy cảnh khốn khổ này, thì chưa từng trị được lũ cáo là chưa chịu thôi.

- Nhưng mà chính lũ cáo cũng phải sống chứ, Nils đáp.

- Đúng, những ai chỉ giết để kiếm mồi mà sống thì có quyền được sống, cừ đực nói lại. Nhưng bọn này là quân côn đồ. Chúng đáng tội chết.

- Ôi, bố già! Chẳng lẽ bố lại nghĩ rằng một thằng bé như tôi mà có thể thắng được bọn chúng, trong khi cả bố lẫn các nông dân đều không làm gì nổi sao?

- Ai bé nhỏ mà mưu trí thì có thể làm được khối việc, cừ đực đáp.

Hai bên không nói đến chuyện đó nữa. Nils đến ngồi bên đàn ngỗng trời đang ăn cỏ trên cao nguyên. Tuy không để lộ chút nào ý mình cho cừ biết, chú thành thật xót thương đàn cừ và rất muốn giúp. “Phải nói chuyện này với Akka và ngỗng đực Mårten, chú nghĩ bụng. May ra, họ có thể góp ý kiến với mình.”

Một lát sau, ngỗng đực trắng công Nils trên lưng, đi về phía Lỗ Địa Ngục. Nó bước đi, vô tư, trên mặt cao nguyên quang đãng, và như là chẳng chú nhận thấy rằng màu trắng, cũng như tầm vóc cao lớn của mình, có thể làm cho người ta trông thấy rõ ràng từ rất xa. Càng lạ hơn nữa là trận bão hôm qua tất nhiên đã làm cho nó xơ xác đi nhiều. Nó đi cà nhắc, chân bên phải và cánh bên trái nó kéo lê trên mặt đất. Tuy thế nó vẫn làm như không hề có chút nguy hiểm gì cả, đớp chỗ này chỗ kia một ngọn cỏ, không nhìn gì chung quanh hết. Chú bé Tí Hon nằm dài trên lưng ngỗng đực, mắt mãi nhìn trời xanh. Chú đã quen ở trên lưng ngỗng đến độ có thể nằm, đứng hay ngồi đấy tùy thích.

Vô tâm đến thế thì làm sao chú bé và ngỗng đực lại có thể trông thấy ba con cáo đã lén lên mặt cao nguyên. Lũ cáo biết rằng lại gần một con ngỗng giữa một cánh đồng trống trải là việc gần như không thể làm nổi. Mới đầu chúng không nghĩ đến việc đuổi bắt ngỗng đực. Nhưng mà, chẳng có việc gì làm, chúng nép mình lại trong một khe nứt và rón rén bò về phía ngỗng. Chúng không còn xa nữa thì bỗng ngỗng đực cổ bay lên. Nó đập cánh, nhưng không tài nào cất mình lên được. Thấy thế, lũ cáo càng hăng lên gấp bội, chúng leo lên mặt đồng, và chạy về phía ngỗng, vừa chạy vừa nấp sau những tảng đá và mô đất. Cuối cùng, chúng đã đến sát ngỗng đực, chỉ cần lấy đà một lần chót để nhảy lên vồ lấy ngỗng nữa thôi.

Nhưng đến phút chót, ngỗng đực trông thấy chúng, liền nhảy sang một bên. Lũ cáo vồ hụt. Tuy vậy, thất bại này cũng chẳng quan trọng gì, vì ngỗng chỉ cách chúng có hai sải, và lại còn đi cà nhắc nữa.

Chú bé ngồi trên lưng ngỗng, quay về phía sau, kêu lên nhạo báng chúng.

“Chúng mày đã tọng quá nhiều thịt cừu rồi à? Đến nỗi đuổi bắt một con ngỗng cũng không được nữa”. Chú giễu lũ cáo, đến mức chúng phát khùng lên và bạt mạng đuổi theo ngỗng đực.

Ngỗng đực chạy thẳng về phía khe nứt to. Đến mép khe, nó đập mạnh cánh và vượt sang bên kia.

Bấy giờ, lũ cáo đã gần như tóm được ngỗng.

Sang bờ bên kia, ngỗng chạy tiếp mấy thước nữa, nhưng Nils vuốt ve cổ nó và bảo:

“Đứng lại được rồi đấy, ngỗng đực à!”

Cùng lúc, nghe đằng sau lưng những tiếng kêu hung hãn, tiếng móng sắc kèn kẹt và một tiếng ngã nặng nề. Lũ cáo đã mất tích.

Ngày hôm sau, người gác đèn biển trên đảo Karl Lón trông thấy dưới cửa nhà mình, một miếng vỏ cây có viết mấy chữ, nét vụng về và xương xẩu:

“Lũ cáo ở Đảo Nhỏ đã rơi cả xuống Lỗ Địa Ngục. Bác có thể xuống đây nhặt”.

Hai thành phố

Thành phố chìm dưới biển

Thứ bảy, 9 tháng tư

Đêm sau yên tĩnh và quang đãng. Đàn ngỗng không mất công đi tìm một nơi trú trong các hang đá, mà ngủ ngay trên mặt cao nguyên. Nils nằm trên cỏ bên cạnh đàn. Đêm trăng rất đẹp, đến nỗi Nils khó mà ngủ được.

Chú tự hỏi là đã ở với đàn ngỗng bao lâu rồi, và tính ra là từ nhà ra đi đã ba tuần rồi. Chợt chú nhớ ra rằng ngày mai là lễ Phục sinh.

“Chính đêm nay, các mục phù thủy từ Blåkulla về”^[30] chú nghĩ thầm và cười; vì chú có hơi sợ ông thần sông và các gia thần một chút, nhưng chú không tin là có các mục phù thủy chút nào cả.

Giá có các mục ấy ngoài trời tối nay, thì người ta đã trông thấy rồi.

Tất cả không gian được chiếu sáng đến mức có thể trông thấy một chấm đen bé nhất trên bầu trời.

Trong khi hếch mũi lên không mà nghĩ thế, thì chú bỗng thấy một cái gì đấy rất đẹp. Khuôn mặt trăng tròn trịa và đầy đặn đang ở rất cao trên trời, và ở trước khuôn trăng đang bay một con chim lớn. Nó không vượt khỏi khuôn trăng chút nào; có thể nói là nó từ trăng bay ra. Con chim trông toàn đen trên cái nền sáng, đôi cánh dang ra từ bên này sang bên kia khuôn trăng. Nó bay thành đường thẳng tắp đến nỗi trông như nó được vẽ lên trên cái hình tròn sáng kia. Thân hình nó nhỏ, cổ dài và mảnh; đôi chân thông xuống, cũng rất dài và rất mảnh. Đó chỉ có thể là một con sếu.

Đó là ông Ermenrich. Sếu hạ xuống cạnh Nils và lấy mỏ đẩy chú để đánh thức chú. Nils nhồm dậy ngay. Chú nói:

“Tôi có ngủ đâu, ông Ermenrich. Làm sao mà ông lại ở ngoài trời đêm hôm khuya khoắt thế này? Ở Glimminge nay thế nào? Ông muốn nói chuyện với mẹ Akka chứ?” “Đêm nay sáng quá, ngủ làm sao được,” sếu trả lời. “Vì vậy ta đi một chuyến đến thăm cậu, bạn Tí Hon ạ.

Một con chim âu bảo cho ta biết chỗ cậu ở. Ta chưa dọn về lại

Glimminge. Chúng ta còn ở bên xứ Pommern.”

Nils rất sung sướng được gặp lại ông Ermenrich. Họ nói chuyện với nhau như những bạn cố tri. Sau cùng ông Ermenrich đề nghị Nils bay một chuyến chơi trong cái đêm đẹp này.

Nils chẳng đòi hỏi gì hơn, miễn là được trở về với đàn ngỗng vào lúc mặt trời mọc. Sều hứa là sẽ đưa chú về kịp. Họ liền khởi hành. Ông Ermenrich bay thẳng về phía mặt trăng. Họ lên cao, lên cao, mặt biển trông như hạ xuống, nhưng bay nhẹ lạ thường đến nỗi người ta có cảm giác như đứng im mà nổi bênh bồng trong không khí.

Đối với Nils, hình như họ mới chỉ bay có một chốc thôi, nhưng sều đã hạ xuống đất rồi. Họ đổ bộ trên một bãi biển hoang vắng, phủ cát mịn và phẳng. Dọc bờ biển trải dài một dãy cồn cát di động, chớp phủ những túm cỏ mạch. [\[31\]](#) Cồn không cao, nhưng đã ngăn không cho Nils nhìn thấy gì cả trong phía đất liền.

Ông Ermenrich đậu lên một ngọn cồn, co lại một chân, ngả cổ ra đằng sau để dứt mỏ xuống dưới cánh và bảo Tí Hon: “Cậu có thể dạo chơi quanh đây một tí trong khi ta nghỉ, nhưng đừng đi xa quá để có thể dễ tìm lại ta.” Nils liền quyết leo lên một ngọn cồn để nhìn xem phong cảnh. Vừa đi một bước, chiếc giày gỗ của chú đã chạm phải một vật cứng. Chú cúi xuống và trông thấy trong cát một đồng tiền đồng nhỏ, bị gỉ đồng ăn mòn đến mức gần như nhìn suốt qua được. Đồng tiền xấu đến nỗi chú chẳng nghĩ cả đến việc nhặt lấy nữa, mà lấy đầu ngón chân đá đi.

Lúc ngẩng dậy, chú ngạc nhiên: cách chú hai bước dựng lên một bức thành âm đạm có một cổng lớn giữa hai ngọn tháp.

Ở chỗ lúc này là biển mênh mông và phản chiếu ánh sáng long lanh thì giờ đây chạy dài một bức thành có những chỗ khuyết đặt súng, có nhiều tháp lớn, tháp nhỏ trang trí đẹp. Và trước mặt chú, ở nơi lúc này chỉ có một dải mỏng rong biển, giờ mở ra một cái cổng lớn.

Nils hiểu rằng đã có yêu thuật trong việc biến hóa này, nhưng chú chẳng chút sợ hãi. Cổng và thành đều đẹp tuyệt, khiến chú cứ muốn xem phía bên trong có những gì. Dưới mái vòm sâu, những vệ sĩ mặc quần áo sắc sỡ, vai và ống tay bông lên, đang đánh súc sắc, rìu trận dài để bên cạnh. Họ mãi mê đánh và không để ý đến chú bé đang đi qua nhanh.

Bên kia cổng chú thấy một quảng trường, lát những phiến đá lớn. Khắp chung quanh mọc lên những nhà cao; giữa các nhà mở ra những đường phố hẹp và dài. Trên quảng trường, người đông như kiến. Đàn ông mặc quần áo

lụa, khoác áo dài viền lông thú, đầu đội nghiêng nghiêng những cái mũ cắm lông chim; ngực đeo lòng thòng những dây chuyền bằng vàng nặng. Tất cả đều đẹp như những vua chúa. Đàn bà đội những mũ rất cao và rất nhọn, hoặc những áo dài, tay hẹp. Họ ăn mặc rất đẹp, nhưng không lộng lẫy bằng đàn ông. Tất cả như hiện ra từ cuốn truyện cổ, mà trong những trường hợp rất hiếm, mẹ Nils mới lấy từ hòm của bà ra cho con xem. Chú không thể nào tin ở mắt mình nữa.

Nhưng chính cái thành phố còn kì diệu hơn các cư dân nữa. Mỗi ngôi nhà đều xây để cho bức tường đầu hồi trông ra đường phố. Mà các bức tường đều trang trí đẹp đến nỗi như ganh đua với nhau về vẻ tráng lệ. Khi mà người ta bỗng nhiên phát hiện ra bao nhiêu thứ lạ lùng, thì người ta khó mà nhớ được tất cả, nhưng về sau còn nhớ là có thấy những tường đầu hồi mà đã được đục thành hình răng, có tượng Chúa Cơ đốc và các vị sứ đồ^[32] ở trên các bậc. Những đầu hồi khác phủ kín những tượng đặt trong những khám đục vào tường, những đầu hồi khác nữa thì trang trí những mảnh kính nhiều màu hay những đường thẳng và đường kẻ ô bằng cẩm thạch trắng và đen hợp lại.

Vừa khám phục các thứ tốt đẹp ấy, Nils vừa thấy lòng mình tựa hồ lo ngại. Chú nghĩ: “Chưa bao giờ mắt mình được thấy những thứ như thế, và không bao giờ mình còn được thấy lại những thứ như thế nữa”. Rồi chú liền chạy vào phía trong thành phố, đi lên và đi xuống phố này đến phố khác.

Những phố ấy hẹp và thất dần lại, nhưng không trông trải và buồn bã như phố xá của các thành phố mà chú đã biết. Khắp nơi đều tấp nập, những bà già kéo sợi trên các ngưỡng cửa. Họ không cần xa quay mà chỉ dùng đơn giản có một con cúi. Những cửa hiệu và những quán hàng của người buôn bán trông ra phố như những sạp hàng ở các chợ phiên. Tất cả thợ thủ công đều làm việc ngoài trời. Chỗ này người ta ép dầu, chỗ kia thuộc da, xa một tí thấy có chỗ bện thùng. Giá mà Nils có thì giờ thì chú đã có thể học được tất cả mọi nghề. Những thợ vũ khí nện búa dát kim loại để làm những tấm che ngực mỏng ở áo giáp, những thợ kim hoàn khảm ngọc thạch vào nhẫn và vòng, những thợ giày đóng đế cho những chiếc giày mềm mại màu đỏ, những thợ kéo vàng xe dây vàng, những thợ dệt dệt lụa, thêu những chỉ vàng vào vải. Nhưng Nils không có thì giờ dừng lại. Chú chạy nhanh qua các phố để xem cho thật nhiều thứ trước khi tất cả biến đi.

Bức lũy cao bao quanh thành phố khắp mọi phía, vây kín thành phố như một hàng rào vây kín một cánh đồng; cứ đến mỗi đầu phố lại trông thấy bức lũy có nhiều tháp và quãng trống để đặt súng. Trên mặt lũy, quân lính mặc giáp sắt bóng lộn, đội mũ sắt, đang canh gác.

Đi suốt qua hết thành phố, Nils đến một cổng thứ hai. Bên kia cổng là biển và cảng. Những chiếc tàu kiểu cổ với những ghề dài cho các tay chèo ngồi, và những công trình cao dựng lên ở đằng mũi và đằng lái, đang bốc hay dỡ hàng. Khắp nơi hoạt động náo nhiệt lạ thường. Nhưng Nils vẫn không chịu mất thì giờ dừng chân. Chú quay trở lại và chỉ một lát là đến một quảng trường lớn. Ở đây mọc lên ngôi nhà thờ có ba ngọn tháp rất cao và những cửa vòm sâu hoắm trang trí nhiều tượng. Những người thợ đá đã chạm trổ các tường đẹp đến nỗi chỉ còn mỗi một phiến đá nào đó không được trau chuốt. Trước mặt là một ngôi nhà, trên có một ngọn tháp thanh thanh, vươn thẳng lên trời. Đó chắc là tòa thị chính. Ở giữa nhà thờ với tòa thị chính, chung quanh quảng trường, những nhà có tường đầu hồi đều trang trí đẹp tuyệt vời.

Nils bắt đầu mệt và nóng vì chạy nhiều. Chú nghĩ là đã được xem những thứ đẹp nhất đời. Vì thế chú liền đi thông thả hơn, vào một đường phố; ở đây có lẽ dân thành phố đến mua những quần áo đẹp của họ, vì chú thấy rất đông người tập nập trước các quầy bày hàng; những người bán hàng giở ra trước mặt khách hàng những lụa thêu cành lá, dày và cứng; những tấm hàng nặng, dệt sợi vàng, những nhung óng ánh, những the nhẹ tênh và những đăng ten thanh như tơ nhện.

Chú bé mà còn chạy nhanh qua các phố thì không ai để ý đến chú. Người ta có thể cho đó là một con chuột xám. Nhưng bây giờ chú đi thông thả, thì một người bán hàng trông thấy chú và liền ra hiệu cho chú.

Thoạt tiên chú bé sợ và muốn chạy trốn, nhưng người bán hàng gọi mãi và mỉm cười không thôi, lại trải ra một tấm lụa hoa Đama^[33] tuyệt đẹp như để nhử chú.

Nils lắc đầu. Chú nghĩ: “Mình thì chẳng bao giờ đủ tiền để mua lấy chỉ một mét thứ lụa ấy”.

Giờ thì người ta trông thấy chú ở tất cả mọi cửa hàng trong phố ấy. Chú nhìn tới bất kì đâu là một người bán hàng ra hiệu gọi chú. Họ bỏ rơi những khách hàng giàu có của họ và chỉ quan tâm đến chú. Chú thấy họ chạy bổ đến những xó xỉnh sâu kín nhất trong cửa hàng của họ, và lấy ra những hàng quý nhất. Khi họ trải hàng ra mặt quầy thì tay họ run lên vì sốt sáng và vội vàng. Nils làm bộ tiếp tục đi thì một người trong bọn họ lao ra phố, chạy theo chú, và đặt ngay xuống chân chú một tấm vải thêu chỉ bạc, và những tấm thảm long lanh những màu rực rỡ. Nils không thể không buồn cười. Người bán hàng lại tin rằng một kẻ nghèo rớt mồng tơi như chú mà có thể mua được những thứ như thế ư? Chú dừng lại và dang hai tay không ra, để làm cho người ta hiểu rằng chú chẳng có chút gì cả, và người ta phải để cho

chú yên thân.

Người bán hàng không muốn biết gì hết. Ông ta giờ một ngón tay, gật đầu và đẩy về phía Nils tất cả đồng của cái ấy.

“Có thể nào họ bán tất cả những thứ ấy chỉ lấy một đồng tiền vàng”, Nils tự hỏi.

Người bán hàng rút trong ví ra một đồng tiền nhỏ, nhỏ đến mức cuối cùng, mòn hết, chẳng chút giá trị nào, và giờ cho Nils xem. Và vì ham bán được hàng quá, người ấy lại thêm vào đồng hàng hai cái chén uống rượu to và nặng, bằng bạc.

Sững sờ, Nils liền lục lọi các túi của mình. Chú biết rất rõ là mình không có lấy một đồng tiền, nhưng chú không thể ngăn mình không xem lại có chắc thế không.

Tất cả những người bán hàng khác đều nghênh cổ ra xem kết quả của cuộc vận động ấy. Vừa trông thấy chú bé lục lọi các túi, là cả họ nữa, họ cũng lao qua các quầy hàng; tay nắm đầy đồ trang sức bằng vàng, bằng bạc, họ đưa ra biểu chú. Và tất cả, họ làm cho chú hiểu là họ chỉ xin một đồng xu nhỏ trả giá mà thôi.

Nhưng chú bé phải lộn hết túi áo, túi quần ra để cho họ thấy là mình chẳng có gì hết. Thế là tất cả các thương nhân giàu có ấy, họ đều rùng rùng nước mắt vì thất vọng. Nils xúc động vì cảnh sâu khổ và vẻ mặt khắc khoải của họ quá chừng, chú liền moi óc tìm xem có cách nào giúp họ không. Bỗng chú sực nhớ đến đồng tiền bị gỉ đồng găm mòn mà chú đã trông thấy trên bãi biển. Chú liền chạy đi, và cái may giúp chú; chú tìm ra cái công mà chú đã đi vào. Chú ra khỏi thành phố, đến lại bãi biển và bắt đầu tìm đồng xu nhỏ bằng đồng. Quả nhiên chú tìm thấy đồng xu, nhưng khi đã nhặt lên và muốn trở vào thành phố thì chú chỉ thấy có biển cả ở trước mặt. Chẳng chút thành lũy nào, chẳng tí cổng thành nào, chẳng có lính canh, chẳng phố xá, chẳng nhà cửa, chỉ có mặt biển mà thôi.

Chú bé không cảm được nước mắt.

Đúng lúc ấy, ông Ermenrich thức giấc và đến gần chú. Nils không nghe tiếng, và sếu phải lay mở đẩy chú để bắt chú lưu ý. Sếu nói: “Ta tưởng cậu ngủ như ta?”

- A! Ông Ermenrich! Nils kêu lên. Thành phố nào ở đây lúc này thế?

- Cậu có thấy một thành phố à? Sếu hỏi. Cậu đã ngủ và nằm mơ, đúng như ta đã nói.

- Không, tôi không nằm mơ, Nils quả quyết như vậy, và chú kể lại những gì chú đã trông thấy.

Ông Ermenrich nghe chú kể, rồi nói:

“Về phần ta, Tí Hon ạ, ta tưởng là cậu đã ngủ ở đây trên bãi biển và cậu đã nằm mơ. Nhưng ta không giấu gì cậu, Bataki, con quạ, là con chim thông thái nhất, một lần đã kể cho ta nghe rằng ngày xưa chắc là có ở bên bờ nước một thành phố tên là Vineta. Thành phố đó giàu có và sung sướng đến mức chưa bao giờ có đô thị nào lộng lẫy bằng. Không may cư dân trong thành đã lao mình vào cảnh xa hoa, kiêu bạc. Bị trừng phạt, thành phố Vineta có lẽ đã gặp một đợt sóng thần dữ dội phủ lên và biển nhấn chìm mất, Batakia cho là như vậy. Nhưng mà cư dân của Vineta không thể chết, và thành phố của họ cũng không biến mất được. Cứ một trăm năm, trong một đêm, thành phố từ sóng biển hiện lên một lần với tất cả vẻ huy hoàng, và ở trên mặt đất trong một giờ.

- Đúng, tất phải là đúng, Nils nói. Vì tôi đã trông thấy thành phố đó.

- Nhưng một giờ qua rồi thì thành phố lại chìm xuống biển, trừ phi một người bán hàng ở Vineta đã bán được một vật gì cho một người sống. Giá cậu có một đồng tiền mọn nào đó để trả cho các người bán hàng, Tí Hon ạ, thì Vineta đã ở lại đây trên mặt đất, và cư dân của nó đã có thể sống và chết như tất cả mọi kẻ phù sinh khác rồi.

- Ông Ermenrich ạ, Nils nói, giờ tôi hiểu tại sao ông đã đến tìm tôi vào nửa đêm. Là vì ông nghĩ rằng tôi có thể cứu thành phố cổ ấy. Tôi rất buồn vì dự định của ông đã không thực hiện được, ông Ermenrich ạ.

Chú lấy hai tay che mặt và bật lên khóc nức nở. Người ta không thể nói là ai có vẻ sầu khổ hơn ai, chú bé hay là ông Ermenrich.

Thành phố sống

Thứ hai, 11 tháng tư

Ngày thứ hai lễ Phục sinh, đàn ngỗng trời và Tí Hon bay buổi tối trên đảo Gottland.

Hòn đảo lớn ở bên dưới phẳng lì, không chút nhấp nhô. Đất chia thành ô vuông như ở tỉnh Skåne, và cũng có nhiều nhà thờ và ấp trại. Nhưng ở đây những khu rừng nhỏ giữa các cánh đồng nhiều hơn. Tuy vậy chẳng đâu có những lâu đài với tháp cao và vườn rộng như ở Skåne.

Đàn ngỗng trời chọn con đường đi qua Gottland là vì Tí Hon. Từ hai hôm rồi, chú không còn như trước nữa, và không nói lấy một lời nào vui. Chú cứ mãi nghĩ đến cái thành phố đã hiện ra trước mắt chú một cách huyền bí như thế. Chú chưa bao giờ được thấy cái gì đẹp đến thế, và chú buồn khổ vì không cứu được nó.

Akka và con ngỗng đực to cố thuyết phục Nils rằng chú đã là nạn nhân của một cơn mê hay một ảo ảnh, nhưng không ăn thua, chú chẳng chịu nghe chút gì hết. Chú chắc chắn hết sức là đã thấy thực sự cái mà chú thấy! Không một ai có thể thuyết phục chú được. Chú cứ khẳng khẳng giữ nỗi buồn của mình, đến nỗi các bạn đường phải bắt đầu lo ngại.

Đúng lúc Nils buồn khổ nhất thì ngỗng mái già Kaksi trở về với đàn. Ngỗng bị bão đẩy ra Gottland và đã bay qua suốt bề rộng của đảo, cuối cùng được mấy con quạ cho biết là các bạn đang ở đảo Karl Nhỏ. Biết nguyên nhân nỗi buồn của Nils, ngỗng kêu lên:

- Nếu Tí Hon tiếc thương một thành phố cổ thì chúng ta sẽ biết cách an ủi cậu, cứ đi và ta sẽ đưa các bạn đến một nơi mà ta đã trông thấy hôm qua. Rồi cậu ấy sẽ không buồn lâu nữa đâu.

Nói dứt lời, đàn ngỗng đã từ biệt đàn cừu và lên đường. Thật là một buổi chiều đẹp và tĩnh. Tiết trời mùa xuân mát mẻ, cây cối nảy những nụ to, hoa rụng phủ lên mặt đất trong rừng và ngoài nội. Những chùm hoa dài của các cây bạch dương phát phơ trước gió, và trong các khu vườn nhỏ, trước tất cả các ngôi nhà nhỏ, những cây phúc bồn đã xanh um.

Mùa xuân đến, và các nụ hoa đã nở gọi mọi người ra các sân và các đường cái, và đâu đâu người ta cũng vui chơi. Không những trẻ con mà cả người lớn cũng chơi những trò khéo tay, khéo chân. Người ta tập ném đá, người ta ném những quả bóng mạnh đến nỗi suýt trúng các con ngỗng. Xem những người lớn vui chơi thật là thích, và Nils đã rất vui thích nếu chú đã có thể quên được nỗi buồn vì chú không cứu nổi thành phố Vineta.

Tuy vậy, chú cũng phải công nhận rằng đây là một cuộc đi chơi rất thú. Không trung vang lừng tiếng hát. Trẻ con vừa múa vòng tròn vừa hát. *Đạo quân Cứu thế*^[34] đã xuất hành. Nils thấy một đám đông người mặc quần áo đỏ và đen, ngồi trong một cánh rừng, đàn ghi-ta và thổi kèn đồng. Trên một con đường, những đám đông kéo đi, đó là những người *Đoàn viên Giáo đường Tốt*^[35] trở về sau một cuộc du hành. Chú nhận ra họ nhờ lá cờ thêu chữ vàng của họ. Họ hát hết bài này đến bài khác, và chú mà còn có thể nghe thấy là họ chưa ngừng hát. Từ ngày đó, không lúc nào nhớ đến Gottland mà đồng thời Nils không nghĩ đến những trò chơi và những bài hát ấy.

Nils nhìn xuống dưới một hồi lâu, bỗng chú ngược mắt lên. Ai mà có thể tả được nỗi ngạc nhiên của chú! Đàn ngỗng đã từ giữa trung tâm hòn đảo và đang bay dọc bờ biển phía tây, mà Nils không hề biết. Biển xanh mênh mông trải ra trước mặt chú. Tuy vậy, làm chú ngạc nhiên không phải là biển một tí nào cả, mà là một thành phố ở bên bờ nước.

Nils từ phía đông bay sang và mặt trời đã bắt đầu lặn xuống bên phía tây. Khi chú đến gần thành phố ấy thì thành lũy, tháp cao, đầu hồi và nhà thờ toàn một màu đen, nổi hẳn lên trên nền trời sáng rực. Không thể nhìn thấy rõ những chi tiết, và đối với Nils thì thoạt tiên hình như đó là một thành phố giống hệt về vẻ lộng lẫy với thành phố chú đã trông thấy đêm lễ Phục sinh.

Khi đến sát, chú mới nhận thấy là thành phố này vừa giống thành phố từ biển hiện lên, lại vừa rất khác. Khác nhau như giữa một con người mà ta trông thấy một ngày nọ mặc toàn màu đỏ thắm^[36] và đeo đầy đồ trang sức, rồi ngay hôm sau gặp lại thì rách mướp, trần trụi.

Tất nhiên là thành phố này phải giống thành phố mà chú đã nhớ lại. Nhưng mà những ngọn tháp của thành phố còn lại trên mặt đất này không có mái, trống không và bị bỏ phế. Các cửa không còn có cánh nữa, những người gác và quân lính đã biến đâu mất. Tất cả vẻ lộng lẫy xưa đều đã tiêu tan. Chỉ còn lại có bộ xương bằng đá trơ trụi, màu xám.

Khi Nils đến đứng trên thành phố, thì chú thấy phần lớn là những nhà thấp; giữa các nhà ấy còn lại lác đác vài hồi nhà cao và những nhà thờ cổ. Tường các đầu hồi quét vôi trắng và chẳng trang trí gì cả, nhưng Nils vừa trông thấy thành phố chìm dưới nước, tưởng như đã hiểu là những tường đó đã được trang trí như thế nào. Đối với các nhà thờ cũng thế. Phần lớn đều không có mái và trống không. Các cửa sổ toang hoác không có kính màu, cỏ mọc lên giữa các phiến đá lát và dây thường xuân leo dọc các bức tường. Nhưng mà Nils biết là các nhà thờ trước kia thế nào: đầy những tượng và tranh, gian hát kinh trang trí những bàn thờ và thánh giá mạ vàng, hai bên lăng xăng những mục sư mặc áo thêu vàng.

Chú bé cũng thấy những đường phố hẹp gần như trống trải, chiều tối ngày lễ này. Nhưng chú biết rằng bao nhiêu là người khỏe mạnh và kiêu hãnh ngày xưa đã qua lại ở đây. Chú biết rằng phố xá ấy đã như là những công xưởng to rộng, đông đúc thợ thuyền đủ mọi ngành nghề.

Nhưng cái mà Nils không thấy, ấy là thành phố ngày nay vẫn còn đẹp tuyệt. Chú không thấy cái duyên dáng của những chiếc nhà bé nhỏ đầy đủ tiện nghi ở những phố vắng, với những hoa phong lữ đỏ sau những tấm kính rực rỡ của các cửa sổ, cũng không thấy rất nhiều khu vườn có các lối đi được

chăm sóc cẩn thận, cũng không thấy vẻ đẹp của các phế tích mà cây leo phủ lên từng trảng. Đôi mắt chú bị lóa vì vẻ trắng lè của quá khứ, không thể tìm ra được chút gì tốt đẹp trong hiện tại. Đàn ngỗng bay qua, bay lại hai ba lần trên thành phố, để cho Tí Hon có thể nhìn thỏa thích mọi thứ, rồi cuối cùng hạ xuống và thu xếp để trú đêm trên những phiến đá lát phủ kín cỏ của một ngôi nhà thờ hoang phế. Ngỗng đã ngủ cả rồi, mà Tí Hon cứ còn nhìn mãi, qua các mái vòm đồ nát, nền trời màu hồng nhạt của buổi chiều hôm. Cuối cùng, chú tự nhủ là không nên sâu khở vì đã không thể cứu được thành phố chìm dưới biển kia nữa.

Không, chú sẽ không sâu khở nữa, bởi vì chú đã trông thấy thành phố này đây. Nếu thành phố kia mà không bị biển vùi lại lần nữa, thì có lẽ cuối cùng nó cũng phải suy tàn đi như thành phố này. Chắc rằng nó sẽ không thể chống lại thời gian và sự tàn phá. Chẳng bao lâu rồi cả nó nữa, nó cũng sẽ phơi bày ra những nhà thờ không mái và những nhà ở không trang hoàng và những phố xá trống rỗng, không sinh khí. Thà rằng nó cứ ở dưới vực thăm bí ẩn với tất cả vẻ huy hoàng nguyên vẹn, còn hơn. Rất nhiều kẻ trong đám người trẻ tuổi đều nghĩ như Nils. Nhưng mà khi người ta về già, và đã quen vui lòng với cảnh đặm bạc thì người ta thích cái thành phố Visby^[37] còn tồn tại hơn một thành phố Vineta xinh đẹp ở dưới đáy biển.

Truyện cổ về tỉnh Småland

Thứ ba, 12 tháng tư

Đàn ngỗng đã bay qua biển bình yên vô sự và đổ xuống huyện Tjust, ở mạn bắc tỉnh Småland. Tjust hình như không thể tự quyết định xem mình muốn là đất hay là biển được. Khắp nơi, các fyord^[38] ăn sâu vào nội địa và cắt đất ra thành đảo và bán đảo, thành mũi đất vào eo đất. Biển là một kẻ hay lén vào chỗ không phải của mình, mà chỉ có đồi và núi mới có thể chống lại nổi, còn đất thấp thì đều đã mất biến dưới làn nước cả.

Đàn ngỗng đến nơi vào khoảng xế chiều; vùng này rất đẹp với những đồi thấp, nhỏ được những lạch biển lóng lánh bao quanh. Vô tình, Nils nghĩ đến tỉnh Blekinge; đây cũng lại là một tỉnh nữa mà đất và biển gặp nhau một cách dịu dàng và yên tĩnh, phô ra với nhau những đức tính tốt đẹp nhất của mình.

Đàn ngỗng đã lao xuống một hòn đảo nhỏ trơ trụi, ở tận cùng một vũng sâu. Thoáng nhìn lên bờ, chúng nhận thấy là mùa xuân đã có những tiến bộ đáng kể. Những cây cao và đẹp chưa mọc lại lá, nhưng mặt đất bên dưới đã rục rở những hoa bạch đầu ông, hoa huệ và hoa địa tiền.

Trông thấy thảm hoa ấy, đàn ngỗng trời sợ là đã la cà lâu quá ở miền nam. Akka tức khắc quyết định rằng đàn sẽ không dừng lại trong tỉnh Småland. Ngay sáng hôm sau, đàn sẽ tiếp tục bay lên miền bắc qua tỉnh Ustergutland.

Như thế Nils sẽ chẳng trông thấy chút gì của tỉnh Småland cả; chú vừa buồn vừa giận. Chú không hề nghe nói về một tỉnh nào khác nhiều bằng tỉnh Småland, và chú đã hi vọng chính mắt mình nhìn thấy tỉnh ấy.

Mùa hè năm ngoái, khi chăn ngỗng thuê cho một nhà nông dân ở vùng chung quanh Jordberga, gần như ngày nào chú cũng gặp hai đứa trẻ nghèo tỉnh Småland, cũng đi chăn ngỗng; và đã kích động chú biết bao, với những chuyện kể về tỉnh Småland của chúng.

Tuy vậy nói rằng Åsa, cô bé chăn ngỗng đã trêu chú thì không đúng. Cô bé thật hết sức ngoan, đâu lại làm thế. Nhưng cô ta có đứa em trai, bé Mats thì trái lại là chúa trêu ghẹo người khác.

“Mày có nghe kể chuyện tỉnh Småland và tỉnh Skåne đã được lập ra như thế nào không, thằng chần ngỗng kia?”. Nó hỏi, và nếu Nils trả lời là không thì nó tức khắc kể cái chuyện bông đùa ngày xưa như sau.

“Đó là cái thuở mà Chúa sáng lập ra thế giới. Trong khi Chúa đang ngập giữa công kia việc nọ thì thánh Phêrô^[39] bỗng đi qua. Thánh dừng lại nhìn và hỏi việc đó có khó lắm không.

“Không phải là dễ lắm”, Chúa trả lời.

Thánh Phêrô đứng nhìn hồi lâu, rồi thấy Chúa sắp xếp các vùng đất dễ dàng quá sức, thánh cũng muốn làm thử. Cuối cùng thánh đề nghị:

“Có lẽ Chúa cũng cần nghỉ một tí. Tôi có thể làm tiếp trong lúc ấy”.

Nhưng Chúa từ chối. “Ta sợ người không thạo cái thứ công việc này”, Chúa nói.

Thế là thánh Phêrô giận và tuyên bố rằng thánh nghĩ là mình cũng đủ khả năng lập ra một xứ như chính Chúa vậy.

Đúng lúc đó, Chúa đang tạo lập tỉnh Småland,^[40] Chúa chưa làm được một nửa, nhưng người ta đã thấy hình như cái đó sẽ thành ra một miền phì nhiêu và xinh đẹp tuyệt vời. Chúa của chúng ta cho là khó mà bác lời yêu cầu của thánh Phêrô. Vả lại, Chúa nghĩ là không một ai có thể làm hỏng mất một sự nghiệp đã bắt đầu tốt đẹp như thế này. Chúa nói:

“Vậy thì, nếu người muốn, chúng ta sẽ xem ai trong hai chúng ta thạo hơn cả trong loại công việc này. Nhà người mới tập việc, thì làm tiếp chỗ này. Còn ta, ta sẽ tạo lập ra một tỉnh mới”.

Thánh Phêrô nhận lời, và cùng Chúa chia tay, mỗi người làm việc một đàng.

Chúa đi xa hơn một tí về miền nam và chuẩn bị tạo lập ra tỉnh Skåne. Chẳng phải lâu la gì. Làm xong Chúa bèn hỏi thánh Phêrô đã làm đến đâu rồi, và mời thánh đến xem miền đất mới.

“Phần tôi, tôi đã xong từ lâu rồi”, thánh Phêrô nói, và giọng thánh để lộ ra là thánh hài lòng đến mức nào về sự nghiệp của mình.

Khi thánh Phêrô trông thấy tỉnh Skåne, thánh phải thú thật rằng chỉ còn biết ca tụng nữa mà thôi. Đây là một miền phì nhiêu, dễ trồng trọt, đồng bằng rộng trải khắp bốn phía, và chỉ có ít hay gần như không có núi. Rõ ràng là Chúa đã muốn làm cho xứ này dễ chịu đối với con người.

- Vàng, xứ này tốt đấy, thánh Phêrô nói, nhưng tôi nghĩ là xứ của tôi cũng chẳng kém gì.

- Đến xem đi, Chúa đáp lại.

Khi thánh Phêrô bắt tay vào việc, thì tỉnh này đã được làm xong ở mạn bắc và mạn đông. Vậy là các phần nam và tây là sự nghiệp của thánh Phêrô. Vừa đến nơi, Chúa của chúng ta đã đứng sững lại vì khiếp sợ quá. “Sao thế này? Người đã làm gì thế, thánh Phêrô?”, Chúa hỏi. Thánh Phêrô nhìn mà sững sờ. Thánh tự nhủ là đối với đất đai chẳng có gì giá trị bằng ánh nắng. Thế là thánh đã thu nhặt đá hòn, đá tảng, chồng chất lên, và xây lên một sơn nguyên cao có thể đến gần mặt trời bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Sau cùng, trên cái khối đá ấy, thánh rải lên một lớp mùn mỏng, và tưởng rằng tất cả mọi thứ đều đã hoàn hảo.

Nhưng mà, trong lúc thánh đi Skåne thì mấy cơn mưa rào kéo đến; chẳng cần cái gì hơn nữa để thấy rõ giá trị việc làm của thánh. Khi Chúa đến thăm xứ của thánh Phêrô thì tất cả lớp mùn đã bị mưa quén đi hết, nền đá hoa cương lộ ra khắp nơi. Ở những chỗ thuận lợi nhất, một lớp đất sét và cát thô lẫn cuội sỏi phủ lên đá khối, nhưng người ta cũng thấy rằng đất mà bạc đến thế thì chẳng sinh ra cái gì khác những cây bách tán, thạch thảo và rêu. Nước không thiếu. Nước đầy ắp tất cả các kẽ đá. Khắp nơi thấy những hồ, những sông, những suối, ấy là không nói đến những ao chuôm, những đầm lầy phủ kín những khoảng đất rộng. Cái tệ nhất là nước ấy phân phối rất bậy; vài mạn thì thừa thãi, những nơi khác thì chẳng có chút nào, đến nỗi nhiều cánh đồng mênh mông chỉ là những trũng trắng khô cằn, hơi tí gió là cát và bụi bốc xoáy lên thành cơn lốc.

“Ý nhà người định thế nào mà tạo lập ra một xứ như thế này?”, Chúa hỏi.

Thánh Phêrô tạ sự là mình muốn dựng lên một xứ có thể cao đến đâu thì cứ cao đến đấy, để cho nó có nhiều ánh mặt trời.

“Nhưng mà như thế cũng phải khổ, vì rét và băng giá ban đêm. Chúa đáp lại, vì chính cái lạnh, chính nó cũng từ trên trời xuống cơ mà. Ta rất sợ là có chút gì mọc lên được ở đây thì cũng không khỏi chết cồng mất”.

Ra thánh Phêrô chẳng mảy may nghĩ đến điều đó. “Thôi, đây sẽ là một xứ nghèo và phơi ra sương giá, chẳng làm thế nào được nữa”. Chúa kết luận như vậy.

Chúa rất buồn khổ, nhưng thánh Phêrô thì vẫn không chịu nản lòng. Thánh lại còn muốn an ủi Chúa nữa. Thánh nói:

- Chúa đừng buồn khổ về việc đó đến thế! Và hãy chờ tôi có thời gian tạo

ra nhân dân có khả năng trồng tía trên những đầm lầy và vớ vạc ra những cánh đồng!

Không nhin được nữa, Chúa kêu lên:

- Không, không, người đi sang Skåne mà ta đã làm thành một xứ tốt lành và dễ trồng trọt, và người tạo ra những cư dân tỉnh Skåne ấy, ta muốn tự ta tạo ra cư dân tỉnh Småland này.

Thế là Chúa của chúng ta tạo ra người dân Småland linh lợi, tháo vát, vui vẻ, chăm làm và giỏi giang, và yên tâm trong cảnh đạm bạc để có thể kiếm được kế sinh nhai trên xứ sở nghèo nàn của họ.”

Truyện của chú bé Mats kết thúc như thế. Giá Nils Holgersson biết làm thình thì đã chẳng xảy ra việc gì cả, nhưng Nils lại không thể không hỏi rằng thánh Phêrô đã tạo ra được những người dân tỉnh Skåne như thế nào?

“Thế mà nghĩ về việc ấy thế nào, chính mà ấ ấ?”, bé Mats trả lời vẻ tinh quái, nhưng làm như ngây ngô.^[41] Nils chẳng dằn lòng được, liền lao bỏ vào nó, nhưng Mats chỉ là một thằng nhóc, và Åsa, chị nó, lớn hơn một tuổi, tức khắc chạy đến cứu em. Cô bé dịu dàng thế, nhưng hễ ai mà động đến em thì biến ngay thành một con sư tử cái. Nils Holgersson không muốn đánh nhau với một đứa con gái, chú quay lưng lại, bỏ đi và không thèm nhìn đến chúng nó nữa, suốt cả ngày hôm đó.

Lũ quạ hoang

Chiếc hũ sa thạch

Ở góc tây nam tỉnh Småland là một huyện tên gọi Sonnerbo. Đất này khá bằng phẳng, ai trông thấy trong mùa đông, khi tuyết phủ cũng tưởng rằng dưới lớp tuyết là cánh đồng được cày bừa, những đồng lúa mạch xanh tốt và những đồng cỏ chẽ ba đã gặt. Nhưng mà khi tuyết tan, đầu tháng tư, thì những gì bị che dưới tuyết liền hiện ra, chỉ là những trảng cát khô cằn; những mỏm đá trơ trụi, và những đầm lầy mênh mông.

Dĩ nhiên là có một vài cánh đồng, nhưng khô xấu đến nỗi gần như chẳng ai trông thấy, cũng có những túp lều tranh nhỏ màu xám hay đỏ, nhưng thường là ẩn mình giữa những cụm bạch dương, như sợ phải lộ mặt ra ngoài. Nơi xã này giáp với tỉnh Halland có một trảng cát rộng, đến mức đứng đầu này không trông thấy đầu kia. Ở đáy cây thạch thảo ngự trị toàn quyền, trừ một đồi đá thấp lăm chạy qua giữa vùng, là có những cây đỗ tùng, cây thanh lương trà và cả mấy cây bạch dương cao đẹp. Vào cái thời mà Nils Holgersson đi theo đàn ngỗng trời, người ta cũng thấy ở đáy một túp nhà, xung quanh là một miếng đất vỡ hoang, nhưng những người sống ở đấy đã bỏ đi. Túp nhà ở lại trống không và miếng đất hoang phế.

Khi bỏ túp nhà, họ đã bịt ống khói lại, đóng kín các cửa sổ và cửa ra vào. Nhưng họ đã quên là có một ô kính cửa sổ bị vỡ, được bịt bằng một miếng giẻ. Sau vài năm, mưa đã làm cho miếng giẻ mục đi, và một hôm rơi xuống vì bị một con quạ mổ.

Thật ra, ngọn đồi đá ở giữa trảng không vắng vẻ chút nào như người ta có thể tưởng: cả một tộc đoàn quạ đông đúc ở đấy. Tất nhiên, quạ không ở đấy suốt cả năm. Mùa đông, chúng ra nước ngoài. Mùa thu chúng đến thăm tất cả các cánh đồng ở Gottland để ăn lúa mì. Mùa hạ chúng phân tán ra và sống quanh các ấp trại ở Sonnerbo, ăn trái cây, trứng và ngỗng con; nhưng mùa xuân nào chúng cũng quay về trảng này để làm tổ và nuôi con.

Con quạ đã giật miếng giẻ bịt cửa sổ nọ là một quạ đực đã già, tên là Garm Lông Trắng, nhưng người ta bao giờ cũng chỉ gọi nó là Fumle hay Drumle, hay hơn nữa là Fumle-Drumle^[42] vì nó vụng về, lúc nào cũng làm những việc ngốc nghếch để bị chế giễu. Nó to hơn và khỏe hơn tất cả những

con quạ khác, nhưng sức mạnh của nó chẳng giúp cho nó được việc gì cả. Nó vẫn là đối tượng cho mọi người trêu cợt. Ngay cả cái việc nó thuộc về một dòng dõi rất quý tộc cũng không che chở được cho nó. Cứ công bằng mà nói thì đáng lẽ nó phải là quạ đầu đàn, vì từ rất xưa, không ai nhớ là thuở nào, cái chức vị ấy bao giờ cũng thuộc về đứa con cả của dòng họ Long Trắng. Nhưng từ trước khi Fumle-Drumle ra đời, họ đó đã để mất quyền thế, và bây giờ nắm quyền là một con quạ độc ác và dã man. Nó tên là Cuồng Phong. Việc triều đại thay đổi là do những con quạ đã bỏ lối sống cũ của mình. Có lẽ người ta tưởng rằng tất cả các con quạ đều sống một cách như nhau. Đó là một điều hiểu sai. Có những tộc đoàn quạ sống một cuộc đời lương thiện, nghĩa là chỉ ăn hạt cây cỏ, sâu bọ, ấu trùng và súc vật đã chết; nhưng có những giống khác sống một cuộc đời cướp bóc, bắt những thỏ con, chim non, và cướp phá tất cả những tổ chim trông thấy.

Những tộc trưởng già của dòng họ Long Trắng xưa kia nghiêm khắc và ôn hòa; còn dẫn đạo cả đàn là còn buộc các con quạ khác phải ăn ở làm sao để khỏi bị các giống chim khác chê trách. Nhưng mà quạ thì đông và cảnh nghèo khổ lại trầm trọng quá, và chúng đã nổi dậy chống lại dòng họ Long Trắng và trao quyền hành cho Cuồng Phong, là kẻ phá tổ bắt chim non tệ nhất, và là tên độc ác nhất mà người ta có thể gặp. Tuy nhiên, vẫn còn kém vợ nó là con Gió Lốc. Dưới triều đại của chúng, bọn quạ đã mở đầu một lối sống khiến cho chúng được sợ hãi và bị oán ghét hơn cả những con chim cắt và cú to. Tất nhiên là Fumle-Drumle chẳng có gì phải nói trong đàn cả. Tất cả quạ đều thống nhất để nói là nó chẳng giống gì cha ông nó, và sẽ chẳng bao giờ có thể làm thủ lĩnh được. Và lại cũng chẳng ai nghĩ đến nó cả, nếu nó chẳng luôn luôn làm những việc ngốc nghếch. Có kẻ bảo rằng nó mà vụng về và ngu dại đến thế, ầu là một điều may cho nó; nếu không thế thì con Cuồng Phong và vợ chắc đã chẳng giữ lại trong đàn một con cháu nào của gia đình thủ lĩnh cũ.

Bây giờ thì vợ chồng chúng đã khá tử tế với nó, và hay đem đi theo săn mồi. Những lúc ấy, tất cả đều được thấy vợ chồng chúng giỏi giang và táo bạo hơn nó biết bao nhiêu.

Không một con quạ nào lại ngờ rằng chính Fumle-Drumle đã rút miếng giẻ ở cái cửa sổ; biết được điều đó, chắc chúng sẽ rất ngạc nhiên. Không một ai lại ngờ là nó to gan, đến gần chỗ ở của con người như thế. Chính nó cũng chẳng nói gì về chuyện ấy. Nó có lí do của nó. Con Con Lốc và Cuồng Phong vẫn cư xử tốt với nó ban ngày, và trước mặt những con quạ khác. Nhưng một đêm tối trời, sau khi tất cả những con quạ khác đều đã đậu trên cây để ngủ, nó đã bị hai con quạ tấn công và đánh gần chết. Sau vụ mưu sát đó, nó có thói quen là cứ đêm đến là rời chỗ cũ và đến ẩn trong túp nhà

trống. Nhưng mà một buổi chiều mùa xuân, sau khi đã xếp đặt xong các tổ, đàn quạ phát hiện ra một việc lạ: Cuồng Phong và Con Lóc cùng hai con quạ khác, đã chúi xuống đáy một cái hồ to trong một góc trảng. Đó chỉ là một mỏ cát, nhưng các con quạ không hiểu vì sao người ta đã đào ra. Tò mò, chúng cứ tới đây lật đi lật lại không ngớt từng hạt cát. Bỗng cát sỏi lở ra và đổ xuống chúng nó như mưa. Giữa các tảng đá và túm cây thạch thảo đổ xuống ấy, chúng thấy một cái hũ to, có nắp gỗ đậy kín.

Chúng muốn biết trong hũ ấy đựng gì, nhưng cố mở hay dùng mỏ bới vỡ ra đều vô ích.

Sững sờ, chúng nhìn cái hũ, thì có tiếng nói:

“Có muốn mình giúp một tay không, các bác quạ?”

Chúng ngẩng đầu lên. Bên miệng hồ, một con cáo đang nhìn. Đó là một trong những con cáo có màu lông và dáng vóc đẹp nhất mà chúng chưa bao giờ được thấy. Nhược điểm duy nhất của nó là một tai bị sút.

“Nếu anh muốn giúp, chúng tôi chẳng từ chối đâu.” Cuồng Phong vừa nói, vừa bay nhanh lên cùng cả bọn. Con cáo nhảy xuống đáy hồ, cắn ngay chiếc hũ và kéo cái nắp để giật ra, nhưng cũng không tài nào mở được. “Anh có đoán được cái gì trong đó không?”, Cuồng Phong hỏi.

Con cáo lăn cái hũ và lắng nghe:

“Có lẽ chỉ là những đồng tiền bạc”, nó nói.

Thật là vượt quá những điều mà quạ không dám mong ước.

“Anh tin là bạc thật chứ?” - mấy con quạ hỏi, mắt thao láo vì thèm thuồng; vì, thật là lạ lùng, ở đời chẳng có cái gì mà quạ thích bằng tiền cả.

- Nghe này, kêu loảng xoảng đấy! Con cáo vừa nói, vừa lăn cái hũ lần nữa. Khổ nỗi, mình chẳng biết làm thế nào mà lấy ra được.

- Chịu, chẳng có cách nào cả, lũ quạ thở dài nói.

Con cáo đưa chân trái lên gãi đầu và suy nghĩ. Giá nhờ lũ quạ mà nó có thể tóm được cái thằng mất dạy vẫn bay cùng đàn ngỗng trời, và lần nào cũng thoát khỏi tay nó, thì hay biết mấy! Cuối cùng nó nói:

- Mình biết chắc ai có thể mở được cái hũ cho các bác.

- Cho biết tên kẻ đó đi! Nói đi! Lũ quạ reo lên, và trong lúc hăng hái, chúng sà cả xuống đáy hồ.

- Mình không cho các bác biết, trừ phi các bác nhận những điều kiện của

mình, cáo đáp lại.

Cáo bèn nói với mấy con quạ về Tí Hon, quả quyết rằng chú sẽ đủ sức mở cái hũ, nếu lũ quạ có thể đem được nó đến đây. Để đền ơn vì lời khuyên hay của nó, quạ phải nộp Tí Hon cho nó, sau khi chú đã giúp cho chúng xong việc ấy. Lũ quạ không có chút lí do gì để chừa Tí Hon ra cả, liền nhận lời.

Nhưng cái việc khó nhất đâu đã làm được; phải tìm cho ra đàn ngỗng trời và Tí Hon. Cuồng Phong đích thân lên đường, có năm chục quạ đi theo. Nó hứa sẽ trở về ngay. Nhưng bao ngày đã qua mà đàn quạ vẫn không thấy nó trở về.

Bị quạ bắt cóc

Thứ tư 13 tháng tư

Trời mới hửng sáng, đàn ngỗng trời đã dậy để ăn một chút gì trước khi khởi hành chuyến bay qua tỉnh Ustergutland.^[43] Hòn đảo nhỏ chúng ngủ đêm qua vừa chật hẹp, vừa trơ trụi, nhưng trong vùng nước bao quanh có khá đủ những thứ cây cho chúng ăn no. Chú bé thì không được may mắn như thế, chú đã cố tìm mãi mà chẳng tài nào kiếm ra cái gì có thể ăn được.

Vừa đói vừa rét cóng vì cái lạnh ban mai, chú đang nhìn quanh mình, thì chợt thấy hai con sóc đang chơi đùa trong vòm cây trên một mũi đất đối diện hòn đảo. Nghĩ rằng những con sóc có thể chưa ăn hết lương thực dự trữ mùa đông của chúng, Nils nhờ ngỗng đực cõng mình sang bên đất liền để xin chúng ít hạt phi.

Ngỗng đực trắng làm theo lời chú tức khắc, nhưng khổ thay các con sóc cứ mãi chơi đến nỗi chẳng nghe chú bé nói gì. Nhảy từ cây này sang cây khác, mỗi lúc chúng một đi sâu vào trong rừng. Nils theo chúng và chẳng mấy chốc đã không trông thấy ngỗng đực đứng lại bên bờ nước nữa.

Tí Hon đang vất vả bước đi giữa những cây bạch đầu ông cao đến tận cằm thì bỗng nhiên cảm thấy bị tóm lấy ở phía sau, ai đó đang cố nhấc bổng chú lên. Chú quay lại thì thấy một con quạ khoang. Nó đã quắp lấy cổ sơ mi của chú. Nils vẫy vùng để gỡ ra, nhưng một con quạ thứ hai bay đến giúp sức, tóm lấy một chiếc tất dài của chú và làm chú loạng choạng.

Giá Nils Holgersson kêu cứu ngay thì chắc ngỗng đực trắng đã có thể cứu chú khỏi tay bọn quạ, nhưng chú nghĩ là một mình, cũng đủ sức đánh đuổi được hai con quạ. Chú đá, chú đánh, nhưng hai con quạ không buông ra chút nào, và cuối cùng đã quắp chú bay lên không. Chúng đại đột đến nỗi để đầu

Nils đập vào một cái cây. Bị chạm mạnh quá mắt Nils quáng loạn, và chú ngất đi. Lúc Nils mở mắt ra thì đã xa đất liền rồi. Chú tỉnh lại dần dần, và lúc đầu chẳng biết mình đang ở đâu, cũng như cái gì đã xảy ra. Phía dưới trải ra một thảm lớn như len dệt, màu nâu đen và màu lục. Dưới những chỗ rách và lỗ thủng có ánh rục lên như cửa kính mài, có thể nói là tấm thảm đã được trải trên một mặt gương.

Rồi chú thấy mặt trời đang lên trên bầu trời. Thế là mặt gương lúc nãy trông thấy qua những chỗ tấm thảm bị móc rách, bắt đầu lấp lánh màu đỏ và vàng. Cảnh đẹp tuyệt trần. Bấy giờ, mấy con quạ hạ xuống thấp. Nils nhận ra tấm thảm lớn kia là mặt đất phủ những khu rừng, những lỗ thủng và chỗ rách là những hồ và đầm lầy.

Chú tự đặt cho mình vô số câu hỏi. Làm sao chú lại không ở trên lưng ngỗng đực trắng? Tại sao cả một bầy quạ lại bay chung quanh chú? Và sau cùng, tại sao chú bị lay, bị lắc đến long cả người ra?

Bỗng chú hiểu: những con quạ đã bắt cóc chú. Ngỗng đực trắng đang đợi chú trên bờ biển và đàn ngỗng sắp bay đi Ustergutland ngay hôm nay. Còn chú thì bọn quạ đang đưa về phía tây nam, mặt trời đang ở sau lưng chú. Lũ quạ không cần để ý chút gì đến những lời yêu cầu của chú. Chúng bay hết tốc độ, thẳng về phía trước. Bỗng một con đột nhiên đập mạnh cánh báo hiệu có nguy cơ. Cả đàn liền sà vội xuống một rừng thông, lẩn sâu vào giữa những cành cây chằng chịt. Chúng đặt Nils xuống đất, dưới một gốc cây um tùm. Một con chim ưng cũng không tìm ra chú được.

Năm mươi con quạ vây lấy chú bé, quay những chiếc mỏ đe dọa về phía chú.

- Này quạ, có lẽ bây giờ đã nói được cho ta biết tại sao đã bắt cóc ta chứ?

Chú vừa hỏi xong thì một con quạ to rít lên:

- Im đi, không tao mô mắt bây giờ.

Nils phải làm theo, vì nó như hết sức quyết tâm thực hiện lời dọa của nó. Vậy là chú cứ ngồi chằm chằm nhìn lũ quạ, trong khi lũ quạ cũng chằm chằm nhìn chú.

Càng nhìn Nils càng không ưa chúng. Bộ áo lông của chúng bụi bặm và xóc xếch kinh khủng. Hình như chúng chẳng biết gì đến tắm rửa, đến lau chùi cho bóng bẩy. Chân và móng phủ dày một lớp bùn khô, hai bên mép còn dính thức ăn. Chúng là những con chim khác hẳn những con ngỗng trời. Nils thấy chúng có vẻ độc ác, tham tàn, hung bạo và liều lĩnh như những tên côn đồ hay quân du đảng.

“Mình rơi vào tay một bọn kẻ cướp rồi”, chú nghĩ bụng.

Đúng lúc đó, chú nghe trên đầu tiếng gọi của đàn ngỗng trời:

- Cậu ở đâu? Mình đây. Cậu ở đâu? Mình đây.

Chú hiểu là các bạn đồng hành đang tìm mình nhưng không có thì giờ đáp lại. Con quạ to hình như là con đầu đàn, rít vào tai chú: “Liệu hồn, đôi mắt mày!”, Nils chỉ còn biết im lặng nữa mà thôi.

Đàn ngỗng trời không thể biết là Nils đang ở gần chúng đến thế. Sau hai ba câu, tiếng gọi của chúng mất vào nơi xa. “Thôi rồi, Nils Holgersson à,” chú bé tự nhủ, “giờ thì phải tự xoay xở lấy một mình thôi. Hãy tỏ ra là có học được gì trong mấy tuần sống cuộc đời hoang dã vừa rồi”.

Một lúc sau, lũ quạ làm bộ lên đường lại, nhưng hình như chúng có ý định cho hai con cùng mang Nils đi. Một con quắp chú ở cổ áo sơ mi, con kia quắp ở một chiếc tất, nên chú kêu lên:

- Không ai trong bọn có đủ sức cõng ta sao? Đã hành người ta quá rồi, làm ta như cả người ra. Phải để ta ngồi trên lưng như cưỡi ngựa, ta sẽ không nhảy xuống đất đâu, ta cam đoan như vậy.

- Mày tưởng là chúng tao phải lo cho mày được thoải mái đấy à, mày làm rồi, quạ thủ lĩnh nói.

Nhưng lúc đó, một con to lớn, lù đù, thô kệch, lông lồm chồm, cánh có một chiếc lông trắng, bước ra khỏi đàn và nói:

- Này Cuồng Phong à, giữ cho Tí Hon về đến nơi được nguyên vẹn có phải là tốt cho tất cả bọn mình không. Tôi sẽ cố cõng nó trên lưng vậy.

- Nếu mày làm được, Fumle-Drumle à, thì ta còn đòi gì hơn nữa, quạ cầm đầu đáp. Nhưng đừng để nó ngã đấy. Thế cũng là được rồi, và Nils lấy làm hài lòng. Bị quạ bắt cóc. Chẳng có gì phải sợ, chú nghĩ bụng. Mình nhất định sẽ có cách trị được quân khôn kiếp này.

Lũ quạ vẫn tiếp tục bay theo hướng cũ, về phía tây nam. Buổi sáng đẹp trời, yên tĩnh và chan hòa ánh nắng, khắp nơi, chim chóc cất tiếng hót những khúc hân lễ. Trong một khu rừng cây cao âm u, cả đến con sáo, đôi cánh rũ xuống, cái cổ gập lên, đậu trên ngọn một cây thông, cũng hót: “Em đẹp làm sao! Em đẹp làm sao! Chẳng một ai đẹp bằng em cả. Chẳng một ai đẹp bằng em cả!”. Khúc hát vừa dứt, sáo liền hót lại tức thời.

Bấy giờ Nils bay qua, hai ba lần được nghe bài hát. Chú bèn đưa hai tay lên miệng làm loa và kêu lên như gọi:

- Chúng tôi nghe rồi! Chúng tôi nghe rồi!

- Ai đấy? Ai đấy? Ai giễu ta đấy? Sáo kêu to lên hỏi.

- Chính Kẻ-bị-quạ-bắt-trộm giễu bài hát của anh đấy, chú bé trả lời.

Lập tức, con quạ thủ lĩnh quay lại dọa:

- Liệu đôi mắt mày đấy, Tí Hon!

Nhưng Nils thì nghĩ: “Kệ mày. Tao sẽ cho mày biết là tao không sợ mày đâu.”

Càng bay vào sâu xứ này, khắp nơi đâu cũng có rừng và hồ. Trong một khu rừng bạch dương nhỏ, một con chim gáy mái đậu trên một cành cây trụi lá; trước mặt là con chim gáy trống. Nó xù lông lên uốn éo cái cổ, cúi xuống, rồi uốn mình lên; lông cổ cọ sột soạt vào những cành con, nó gù: “Chính em, em, em là đẹp nhất rừng. Không một ai khác đẹp bằng em, em, em.”

Chú bé bay qua trên cao, không thể làm thỉnh được.

- Đừng tin lời nó. Đừng tin lời nó. Chú kêu lên.

- Ai, ai, ai vu khống ta đó? Con chim gáy vừa gù, vừa cổ nhìn xem ai nói.

- Chính Kẻ-bị-quạ-bắt vu khống anh đấy - chú bé trả lời.

Cuồng Phong lại đưa mắt dọa, và ra lệnh cho chú phải im mồm, nhưng Fumle-Drumle nói chêm vào:

- Cứ để mặc nó. Bọn chim nhỏ kia sẽ tưởng là giống quạ chúng mình đã thành ra khô hài và dí dỏm đấy.

- Chúng chẳng ngu đến thế đâu, quạ thủ lĩnh đáp. Nhưng chắc là ý kiến kia đã làm cho nó thích, vì nó không quở mắng chú bé nữa.

Lũ quạ bay nhiều nhất trên những khu rừng rậm và những cánh rừng nhỏ, nhưng thỉnh thoảng cũng bay qua những làng xóm, nhà thờ và những chiếc nhà nhỏ xây ven một cánh rừng. Chúng trông thấy một trang viên cổ rất đẹp. Ngôi nhà quét màu đỏ, lưng quay vào rừng và có cái hồ phía trước mặt, quanh sân trồng những cây phong lớn, và vườn đầy những cây phúc bồn rậm rạp. Một con chim sẻ đá đậu ngay trên chiếc chong chóng chỉ hướng gió, đem hết sức ra hót để cho con mái đang ấp trứng trong tán lá một cây lê có thể nghe rõ từng điệu: “Chúng ta có những quả trứng nho nhỏ xinh xinh,” chim sẻ đá hót. “Chúng ta có bốn quả trứng tròn tròn, nho nhỏ, xinh xinh. Chúng ta có đầy cả tổ những quả trứng đẹp tuyệt vời”.

Con chim sẻ đá hát đi hát lại đến lần thứ một nghìn thì lũ quạ bay qua.

Nils đưa tay lên miệng làm loa, nói to:

- Con ác là sẽ lấy mất trứng. Con ác là sẽ lấy mất trứng.

- Ai muốn dọa cho ta sợ đó? Sẻ đá lo lắng đập cánh hỏi.

- Chính Kẻ-bị-quạ-cướp-đi làm anh sợ đấy - chú bé đáp. Lần này thì quạ thủ lĩnh không tìm cách bắt chú làm thành nữa. Trái lại, nó và cả đàn khoái chí, quạ quạ inh ỏi vì chúng thấy quá vui mừng.

Càng vào sâu nội địa, những cái hồ lại càng rộng và càng có nhiều cù lao và mỏm đất. Trên một bãi cát, con vịt đực đang làm duyên với con vịt cái:

- Anh sẽ trung thành với em suốt cả đời anh, anh sẽ trung thành với em suốt cả đời anh.

- Không trung thành được đến hết hè này đâu, chú bé nói, khi bay qua.

- Đứa nào đấy? Vịt đực hỏi.

- Ta tên là Tù-nhân-của-lũ-quạ, Nils kêu to lên.

Vào khoảng giữa trưa, lũ quạ lao xuống một đồng cỏ để ăn. không một con nào nghĩ đến việc cho chú bé một chút gì. Bỗng Fumle-Drumle lại gần quạ thủ lĩnh, và đưa cho nó một cành tường vi dại còn vài quả đỏ.

“Phần anh đấy, Cuồng Phong ạ”, nó nói. Cuồng Phong hít hít vẻ khinh bỉ.

- Mày tưởng tao muốn ăn những quả đã lâu ngày, khô khốc ấy à? Nó nói.

- Tôi nghĩ là làm anh vui lòng, Fumle-Drumle thất vọng đáp lại, và ném cành tường vi đi.

Cành tường vi dại rơi ngay trước mặt Nils, chú liền vớ lấy ăn cho đỡ đói.

- Thủ lĩnh nghĩ gì thế, Cuồng Phong à? Hôm nay thủ lĩnh im tiếng thế, một con nói.

- Ta nghĩ đến một con gà mái trước kia ở vùng này. Nó yêu quý mục chủ nó lắm, và để làm vui lòng chủ, nó đẻ một ổ trứng, đem giấu dưới sàn kho thóc. Dĩ nhiên mục chủ ngạc nhiên vì thấy vắng nó. Mục đi tìm, nhưng chẳng thấy đâu. Nay, Dài mỏ, mày có thể đoán được là ai đã tìm ra nó, con gà mái và ổ trứng không?

- Tôi nghĩ là đoán được, Cuồng Phong à. Và lại đến lượt tôi, tôi cũng có một chuyện tương tự để kể cho các vị nghe. Các vị có nhớ con mèo cái to đen trong nhà mục sư ở Hinneryds không? Nó không bằng lòng bọn chủ của nó, cứ lần nào nó đẻ cũng đem những con mới ra đời của nó dìm cho chết

đuổi. Một lần, nó giấu được con, ngay trong một đồng cỏ khô ở giữa đồng. Nó rất mê đàn con nhỏ ấy như ăn phải bùa, nhưng mà tôi nghĩ là tôi còn sung sướng vì chúng nó hơn con mèo mẹ nhiều. Cả lũ quạ, con nào cũng có những chuyện để kể lại cho nhau nghe. Chúng kích động nhau và cả bọn cùng nói một lúc.

“Ăn cắp trứng và bắt mèo con thì có gì đáng để khoe khoang. Làm thế chẳng tài gì - một con nói. Tôi ấy à, đã có lần tôi săn một con thỏ con, đã to gần bằng con thỏ lớn. Tôi rượt nó hết bụi này sang bụi khác...”

Một con quạ khác ngắt lời:

“Làm cho những gà mái và những mèo cái phát điên lên thì cũng thú, nhưng quạ mà có thể làm cho một con người phải lo lắng mới đáng phục hơn. Tôi đã có lần đánh cắp một cái thìa bằng bạc...”

Tức giận, Nils bỗng ngắt lời chúng. Chú nghe đủ lắm rồi.

“Im cả đi, đồ quạ,” chú thét lên, “chúng bay không xấu hổ à? Tao đã sống ba tuần với đàn ngỗng trời và tao chỉ thấy làm và nghe nói toàn những cái hay. Thủ lĩnh chúng bay phải là đồ xấu xa, mới để chúng bay cướp bóc và giết chóc như thế. Vả lại, chúng bay nên bắt đầu một cuộc đời mới đi thì hơn, vì tao có thể nói cho chúng bay biết rằng loài người, đã chán những hành động xấu xa của chúng bay, sẽ tìm đủ cách để diệt sạch chúng bay”.

Nghe thế, Cuồng Phong và đồng bọn giận điên lên, định lao vào xé xác chú bé, nhưng Fumle-Drumle cười, và kêu quạ quạ, đứng chắn ngang trước mặt nói:

- Đứng, đứng, đứng! Nó thét lên, như kinh hãi. Các anh mà giết chết Tí Hon trước khi nó giúp ta việc đó thì Con Lốc sẽ bảo sao?

- Nay Fumle-Drumle, chỉ có mày là sợ giống cái. Cuồng Phong đáp, nhưng mà nó cũng để yên cho Tí Hon.

Tức khắc sau đó, đàn quạ lại lên đường. Đến lúc này, đối với Nils hình như tỉnh Småland chẳng phải là vùng hoang vắng và nghèo nàn như chú được nghe tả chút nào. Đúng là nhiều rừng và sông núi, nhưng mà ở quanh các sông, các hồ, trải ra những cánh đồng đã được trồng trọt; cho đến đây vùng này không phải là hoang vắng. Nhưng từ đây, làng xóm và nhà cửa thưa thớt dần. Chẳng mấy chốc chú chỉ thấy những đầm lầy, những trảng cát và những đồi phủ đầy cây đỗ tùng.

Mặt trời đã lặn, nhưng trông còn rõ lắm, lúc đàn quạ về đến cái trảng rộng của chúng, Cuồng Phong phái một con về trước báo tin chuyển đi thành

công; và vừa nghe tin, là Con Lốc và hàng trăm con quạ đã bay đi đón Tí Hon. Giữa những tiếng quạ quạ đình tai của cả hai đàn quạ, Fumle-Drumle khẽ rĩ tai Nils:

- Trong lúc đi đường, cậu vui vẻ và dũng cảm quá, khiến tôi mến cậu lắm. Vì vậy, tôi khuyên cậu một điều, ngay lúc chúng ta đến nơi, người ta sẽ nhờ cậu một việc, đối với cậu có lẽ dễ thôi. Nhưng cẩn thận, chớ có làm đấy! Máy phút sau, Fumle-Drumle đặt Nils xuống đất một cái hố to. Chú bé để mình ngã xuống đất như đã mệt hết hơi. Bọn quạ bay chập chờn quanh chú, nhiều đến nỗi làm cho không khí ào ào như bão, nhưng Nils vẫn không ngẩng đầu lên.

“Tí Hon,” Cuồng Phong gọi, “dậy đi! Mày sẽ giúp chúng tao một việc mà đối với mày là rất dễ”.

Nhưng Nils không động dậy. Chú giả vờ ngủ. Cuồng Phong bèn quắp lấy cánh tay chú và lôi xềnh xệch trên cát về phía cái hũ kiểu cổ, đặt ở giữa hố.

- Dậy đi, Tí Hon, nó nói, và mở cái hũ này ra.

- Để ta ngủ, chú bé đáp. Mệt quá rồi, tối nay chẳng làm gì được đâu. Để đến mai.

- Mở hũ ra - Cuồng Phong vừa hét, vừa lay chú. Chú bé đứng dậy, và xem xét cái hũ.

- Làm sao mà ta, một đứa bé đáng thương, lại có thể mở được một cái hũ như thế này? Chú nói. Hũ này to hơn ta.

- Mở đi! Cuồng Phong ra lệnh một lần nữa. Mở đi, nếu mày muốn sống!

Chú bé đứng dậy, làm như loạng choạng, bước lại gần cái hũ, nắn nắn cái nắp, rồi buông thõng hai tay xuống. “Thường thì ta không đến nỗi yếu thế này” - chú nói. “Nếu để cho ta ngủ đến sáng mai, ta tin chắc là có thể mở được.”

Nhưng mà Cuồng Phong sốt ruột. Nó lao vào chú bé, và mổ một cái vào chân chú. Phải chịu để cho một con quạ đối xử với mình như thế thì quá lắm, chú bé đột nhiên gỡ mình ra, nhảy lùi lại mấy bước, rút con dao ra cầm, dang thẳng về phía trước.

“Coi chừng!”. Chú thét lên với Cuồng Phong. Giận quá đến nỗi mù quáng, Cuồng Phong chẳng chút để ý đến con dao; nó lao thẳng vào mũi dao, bị dao đâm vào mắt và ngập sâu đến tận óc. Nils nhanh tay rút vũ khí ra, nhưng Cuồng Phong đập mạnh đôi cánh và lăn ra chết. “Cuồng Phong chết rồi. Tên lạ mặt đã giết thủ lĩnh của chúng ta!”

Đàn quạ kêu lên, và tiếp đó là một cảnh huyền ảo khủng khiếp. Vài con rên siết, những con khác đòi trả thù. Cả bọn chạy và bay tới chú bé, đi đầu là Fumle-Drumle. Nhưng cũng như mọi khi, con này vẫn vụng về. Nó vừa bay trên đầu chú bé, vừa đập cánh và chỉ cản trở không cho những con khác lại gần để lấy mỏ mỗ chết chú.

Nils hiểu tình thế nguy hiểm, và tuyệt vọng nhìn quanh tìm một chỗ tránh. Chú đang nghĩ là không tài nào thoát khỏi đàn quạ, thì bỗng trông thấy cái hũ. Chú nắm mạnh lấy cái nắp, nhấc lên và nhảy vào trong hũ để trốn. Chỗ trốn này không tốt, vì hũ đầy những đồng tiền bạc nhỏ đến tận miệng. Chẳng có cách nào chui vào được, Nils bèn cúi xuống và ném tiền ra.

Đàn quạ vây quanh chú thành một đám dày, nhưng khi chú bắt đầu quẳng bạc ra, thì chúng liền quên hết lòng khao khát trả thù, xúm vào nhặt các đồng bạc. Chú bé ném từng vốc, và tất cả đàn quạ, và cả chính Con Lóc nữa, cũng đánh nhau để đớp tiền. Con nào mà cướp được một đồng là liền vội vàng bay đi giấu của.

Mãi đến lúc ném hết sạch tiền trong hũ, Nils mới dám ngẩng đầu lên; trong hồ chỉ còn có một con quạ. Đó là Fumle-Drumle có chiếc lông trắng ở cánh, con quạ đã cõng Tí Hon trước đây.

“Cậu đã giúp tôi một việc lớn hơn cậu có thể tưởng Tí Hon ạ,” nó nói giọng khác hẳn. “Tôi sẽ cứu sống cậu. Leo lên lưng, tôi sẽ đưa cậu đến một chỗ ẩn. Ở đó cậu sẽ an toàn đêm nay. Ngày mai tôi sẽ thu xếp để đưa cậu trở về với đàn ngỗng trời”.

Chiếc nhà nhỏ

Thứ năm, 14 tháng tư

Sáng hôm sau, chú bé thức giấc trên một cái giường, ở giữa bốn bức tường, dưới một mái nhà. Lúc đầu chú tưởng là mình đang ở nhà. “Không hiểu là mẹ có sắp mang cà phê cho mình không?”, chú lẩm bẩm một mình. Rồi chú chợt nhớ ra là mình đang nằm trong một chiếc nhà bỏ hoang, nơi Fumle-Drumle có lông trắng đã đưa chú đến tối hôm qua.

Và người chú còn như như dừa, nên chú thấy là nằm nghỉ thêm một tí, chờ Fumle-Drumle hẹn đến tìm mình, thì dễ chịu quá.

Trước giường có treo những rèm vải bông kẻ ô, chú vén lên nhìn xem căn buồng. Chú nhận thấy ngay là chưa bao giờ chú được thấy một cái nhà xây như thế này. Tường là mấy hàng gỗ dầm, tiếp luôn đến mái. Nhà không có

trần, và có thể nhìn lên tận nóc. Tất cả cái nhà nhỏ đến nỗi hình như làm ra cho những kẻ như chú, chứ không phải cho những con người. Chỉ có lò sưởi và cái bếp là to, to hơn tất cả những cái mà chú đã thấy. Trong nhà gần như chẳng có đồ đạc gì có thể di chuyển được. Chiếc ghế băng nhỏ dọc suốt bề dài của ngôi nhà và cái bàn ở cửa sổ đều đóng liền vào tường. Chiếc giường chú nằm và chiếc tủ con sơn màu lòe loẹt cũng đều gắn vào tường như thế.

Nils tự hỏi không biết ai là chủ nhà, và tại sao nhà lại bỏ trống. Và lại hình như những người trước ở đây đã nghĩ đến việc trở lại. Ấm cà phê và cái nồi vẫn còn để trên lò sưởi, và trong góc lò có củi chẻ nhỏ. Que gạt than lò và cái xẻng để đưa bánh mì vào lò nướng còn dựng trong một góc khác; guồng quay sợi đặt trên một ghế dài. Phía trên cửa sổ, ở cái giá nhỏ có những gói sợi lanh và xơ gai, mấy cuộn len, một cây nện và một bao diêm.

Chắc là những người ở nhà này đã nghĩ đến việc trở về. Họ đã để chăn đệm trên giường, và quanh tường có căng những băng vải dài vẽ ba người cưỡi ngựa tên là Kaspar, Melchior, và Balthazar. Cái nhóm ba người được vẽ đi vẽ lại, suốt chiều dài của băng vải. Họ cưỡi ngựa chạy quanh suốt cả căn phòng, và việc cưỡi ngựa rong chơi của họ tiếp tục lên tận các dầm trên mái nhà.

Nhưng trên cao kia, chú bé chợt trông thấy một cái gì làm chú vụt nhảy ra khỏi giường. Đó là mấy chiếc bánh mì hình vòng tròn, xâu vào một cái gậy đặt ở khoảng giữa các dầm. Tất nhiên bánh trông đã lâu lắm và mốc rồi, nhưng mà là bánh mì, và vẫn là bánh mì. Chú lấy cái que gạt than, đập và làm rơi xuống mấy miếng. Chú ăn và còn nhét đầy vào cái bị của mình nữa. Thật không ngờ bánh ngon đến thế.

Chú lại tìm xem còn vật gì khác có thể có ích cho chú nữa không “Mình rất có thể lấy cái gì mình cần, vì hình như chẳng có ai phiền gì mình cả”, chú nghĩ thầm. Nhưng có gì nhiều đâu mà lấy, phần lớn vật dụng đều quá to và quá nặng, không mang đi được. Chú chỉ có thể lấy được mấy que diêm.

Chú trèo lên bàn và từ đấy lần theo bức rèm, leo lên cái giá ở trên cửa sổ. Trong khi chú đang cho diêm vào bị thì con quạ có chiếc lông trắng bay vào, qua cửa sổ.

- Tôi đây rồi, quạ vừa đỗ xuống bàn, vừa nói. Tôi không thể đến sớm hơn, vì hôm nay người ta bầu một thủ lĩnh kế vị cho Cuồng Phong.

- Người ta đã bầu ai? Nils hỏi.

- Người ta đã lấy một kẻ không cho phép cướp bóc và trộm cắp! Người ta đã chọn Garm Lông Trắng, từ trước đến nay vẫn bị gọi là Fumle-Drumle!

Quạ vừa đáp vừa ưỡn người lên dáng điệu thật uy nghi.

- Chọn thế là tốt, Nils vừa nói vừa chúc mừng quạ.

Bây giờ chú bé nghe phía dưới cửa sổ có giọng nói mà chú tưởng có thể nhận ra.

- Nó ở đây à? Smirre, con cáo hỏi.

- Phải, nó trốn ở đây, tiếng một con quạ đáp.

- Cẩn thận, Tí Hon! Garm kêu lên. Con Lóc đang ở đấy, nơi cửa sổ, với con cáo đang muốn vồ lấy cậu mà ăn thịt đấy.

Đúng thế, Smirre vừa nhảy xổ vào cửa sổ. Gõ đã cũ mục gãy ngay, và Smirre hiện ra; Garm Lông Trắng không kịp chạy đi, Smirre giết nó chết tươi. Rồi cáo nhảy xuống đất, đưa mắt nhìn quanh để tìm chú bé. Nils cố nấp sau một bó xơ gai, nhưng Smirre đã trông thấy chú và thu mình lại để lấy đà. Cái nhà thấp quá, hẹp quá đến mức Nils thấy rõ là con cáo sẽ bắt được chú, chẳng khó gì. Nhưng mà không phải chú không có cách tự vệ: chú đánh ngay một que diêm, châm vào xơ gai, tức thì xơ bốc cháy và chú ném ngay bó xơ vào con cáo. Hoảng hốt, kinh hoàng, cáo vọt ra khỏi nhà. Khốn thay, để thoát một mối nguy, Nils lại tự lao vào mối nguy khác. Bó xơ bốc cháy đã bắt vào các rèm che giường, Nils nhảy xuống đất và cố dập ngọn lửa, nhưng muộn quá rồi, rèm đã bốc cháy. Khói um cả căn nhà, và Smirre, con cáo, còn đứng bên ngoài, dưới cửa sổ, thấy rõ tình hình đó.

“Thế nào, Tí Hon! Nó hết to, mày chọn đường nào bây giờ? Tự để mình được thui hay là ra đây theo tao?”

Chắc là tao thích ăn thịt mày hơn, nhưng mày chết cách nào thì tao cũng chẳng vì thế mà kém phần hả dạ”. Nils nghĩ rằng con cáo sắp được hả dạ, vì ngọn lửa lan ra nhanh khủng khiếp. Cái giường đã cháy rồi, và trên suốt băng vải sơn, các ngọn lửa chạy từ người kị mã này đến người kị mã khác. Nils đã trèo vào lò sưởi thì chợt nghe tiếng một chiếc chìa khóa nhẹ quay trong ổ khóa. Hẳn là có người đến. Trong cơn nguy biến, chú chẳng sợ chút nào, mà lại thấy vui. Chú lao tới lối ra và gần đến ngưỡng cửa thì cửa mở.

Chú thấy trước mặt mình hai đứa trẻ. Chú chẳng mất thì giờ nhìn hai đứa, mà lao ra ngoài.

Chú không dám chạy ra xa lắm, chắc chắn là Smirre, con cáo, còn rình chú; như vậy thì phải ở gần hai đứa trẻ. Chú quay lại, nhưng vừa thoáng trông thấy chúng, chú liền reo lên, và chạy đến với chúng: “Chào Åsa, cô bé

chăn ngỗng! Chào bé Mats!”

Trông thấy hai đứa trẻ, Nils đã quên đứt là mình đang ở đâu. Những con quạ, cái nhà cháy, những con vật biết nói, tất cả biến hết khỏi kí ức của chú. Chú đang ở trên một đồng rơm ở Vemmenhug, và đang chăn một đàn ngỗng trên cánh đồng, bên cạnh hai đứa trẻ người tỉnh Småland đang trông đàn ngỗng của chúng. Tức thì chú trèo lên một bức tường đá xếp và gọi: “Chào Åsa, cô bé chăn ngỗng! Chào bé Mats!”. Nhưng trông thấy cái mẩu người bé tí tẹo đó tiến lại phía mình, tay dang ra, hai đứa bé liền nắm lấy tay nhau, lùi lại mấy bước, lộ vẻ kinh hoàng.

Trước nỗi khiếp sợ của chúng, Nils tỉnh giấc mơ, và nhớ là lúc này chú là ai; chẳng có gì ghê gớm hơn có thể đến với chú bằng cái việc để cho những đứa ấy trông thấy mình dưới dạng một gia thần. Nỗi xấu hổ và đau đớn vì không được là một con người nữa, làm cho lòng chú khắc khoải. Chú quay lại và chạy trốn, không biết mình sẽ đi đâu.

Nhưng ra đến ngoài trăng, chú bé được một cuộc gặp gỡ may mắn. Giữa bụi thạch thảo, chú thoáng thấy một vật gì màu trắng, ngỗng đực có Lông Tơ Mịn đi theo, tiến đến với chú. Thấy Nils chạy đến hấp tấp như vậy, ngỗng đực tưởng là chú bị ai đuổi. Vì vậy nó vội vàng quắp lấy chú, hất chú lên lưng, và mang chú bay vụt lên không.

Bà lão nông dân

Thứ năm, 14 tháng tư

Trời đã khuya mà ba kẻ lữ khách mệt mỏi đang ở ngoài trời, đi tìm một chỗ trú đêm. Họ đi qua một vùng nghèo khổ và hoang vắng của miền bắc tỉnh Småland. Và tất nhiên là họ phải tìm được một nơi nghỉ thích hợp, vì họ không phải là những kẻ sống ẻo lả trong nhung lụa, đòi phải có những chiếc giường êm ấm và những buồng ngủ kín đáo.

Một kẻ nói: “Giá trong số các sống núi dài kia mà có một đỉnh nhọn đủ cao để cho một con cáo không thể leo lên được, thì ở đấy chúng ta sẽ yên ổn mà ngủ đêm”.

- Giá chỉ một trong các đầm lầy rộng kia mà đã tan băng đủ để cho một con cáo không dám liêu thân ra đấy, thì đó sẽ là một nơi trú ẩn rất tốt - kẻ thứ hai nói.

- Giá băng trên mặt một trong các chiếc hồ mà chúng ta đi qua mà đã rời ra khỏi bờ để cho một con cáo không thể với tới được, thì chúng ta sẽ tìm được cái mà ta cần - kẻ thứ ba nói.

Lại không may hơn nữa là mặt trời vừa lặn là hai trong các lữ khách đã hết sức khó mà chống lại được buồn ngủ, đến nỗi cứ mỗi lúc một suýt ngã xuống đất. Kẻ thứ ba có thể thức thì đêm càng khuya càng lo rằng: “Nguy quá, vì mình đến một miền mà hồ và đầm lầy đều còn đóng băng, và con cáo có thể đi qua khắp nơi. Ở những nơi khác băng đã tan, nhưng đây chúng mình lại ở miền cao tỉnh Småland và mùa xuân chưa đến. Làm sao tìm được một chỗ ẩn chắc chắn? Mình mà chẳng tìm được chỗ nào thì trước khi trời sáng Smirre đã nhảy lên cổ mình rồi”.

Kẻ ấy cố nhìn suốt qua bóng đêm, nhưng chẳng một chỗ nào thấy có chôn trú ngụ để đổ xuống. Trời tối và buồn, có gió và mưa nhỏ hạt. Mỗi một lúc các lữ khách càng cảm thấy mỗi một thêm và càng hoảng sợ thêm.

Cuối cùng, đã muộn rồi khi không còn một vệt ánh sáng nào dưới gầm trời nữa thì họ đến một cái trại trơ trọi, rất xa tất cả các trại khác. Không những hẻo lánh, mà hình như hoang vắng nữa; chẳng chút khói nào từ lò sưởi bốc lên, các cửa sổ đều chẳng có ánh sáng và trong sân chẳng một ai nhúc nhích. Khi trông thấy cái nhà thì kẻ trong ba lữ khách có thể thức đêm

kia nghĩ rằng: “Gì thì gì. Chúng mình phải xuống đây thôi. Chẳng kiếm ra chỗ nào hơn nữa đâu”.

Chỉ lát sau là họ đã ở trong sân. Hai trong ba lữ khách, vừa có thể dừng lại là đã ngủ ngay, nhưng kẻ thứ ba đưa mắt tìm một chỗ trú. Cái trại này không nhỏ. Ngoài khu nhà ở, chuồng ngựa và chuồng bò, còn có những vựa thóc rộng, những sân phơi, những nhà xe và những kho đồ vật. Nhưng mà mọi thứ đều có vẻ khổ sở và đổ nát. Các tường nhà xám xịt, địa y găm nát, ngả nghiêng như sắp đổ. Các mái nhà để lộ những lỗ thủng toang hoác, và các cánh cửa nằm treó ngang lưng lửng ở những bản lề gãy. Rõ ràng là đã nhiều năm rồi chẳng ai còn đóng một cái đinh vào tường để giữ cho những nhà cửa kia khỏi xiêu vẹo.

Nhưng mà kẻ lữ khách không ngủ đã ước xem chuồng bò ở đâu. Nó lay các bạn dậy và dẫn họ đến đấy. Cửa chỉ cài then, dùng một cái gậy là mở ra được. Nó đã thở dài một cái như trút được gánh nặng. Nhưng đúng lúc cánh cửa quay, với một tiếng rít ken két, thì một con bò cái kêu lên từ cuối chuồng. Bò nói: “Giờ bà mới đến đây à, bà chủ? Tôi tưởng là bà định không cho tôi ăn tối nay”.

Ba kẻ lữ khách đứng khựng lại khi thấy không phải là chuồng bò bỏ trống, nhưng lúc nhận ra rằng ở đây chỉ có mỗi một con bò cái và ba hay bốn con gà, thì họ bạo dạn trở lại. Một trong ba lữ khách nói:

- Chúng tôi là ba lữ khách tội nghiệp muốn tìm một chỗ trú đêm, mà ở đó con cáo không thể tấn công chúng tôi, và loài người không bắt lấy chúng tôi. Ở đây chúng tôi không được như thế à?

- Tôi nghĩ là được đấy, bò cái trả lời. Các bức tường đều hồng cả, nhưng dầu sao, thì cũng không phải là con cáo đã có thể đi xuyên qua được, và trại này thì chỉ có một bà già thôi, mà bà ta thì chẳng có thể bắt bất cứ một ai được. Nhưng mà các bạn là ai? Bò nói tiếp và quay lại để cố nhìn xem các vị khách.

- Tôi là Nils Holgersson ở Vemmenhug, đã bị biến thành gia thần, kẻ đi vào đầu tiên trả lời. Tôi đem theo một con ngỗng nhà để cưới và một ngỗng xám.

- Đây là lần đầu tiên tôi được tiếp những khách danh tiếng như thế này, bò cái nói. Tôi xin chúc mừng các vị, dù có lẽ là tôi đã mong bà chủ tôi đến mang cho tôi cái ăn bữa tối hơn.

Chú bé đẩy các con ngỗng vào chuồng bò và đặt nằm trong một cái máng ăn bỏ không. Ở đó chúng lại ngủ ngay tức khắc. Rồi thì chú vun cho mình

một ổ rơm nhỏ và sửa soạn làm theo các bạn.

Nhưng chú chẳng làm thế được, vì con bò cái đáng thương chưa được ăn bữa tối, đâu có chịu đứng yên lấy một lát. Nó lắc lắc cái dây xích, giậm chân trong cái khoang của nó và kêu là đói. Nils không thể chộp mất được, hồi tưởng lại tất cả những gì đã xảy ra cho chú trong mấy ngày qua.

Chú nghĩ đến Åsa, cô bé chăn ngỗng, và đến bé Mats, mà chú đã gặp một cách bất ngờ đến thế. Chú hiểu rằng chiếc nhà nhỏ mà chú đã làm cháy chính là nhà cũ của chúng nó ở Småland. Chú nhớ là đã nghe chúng nó nói đến một chiếc nhà nhỏ ở ven một cái truông. Åsa và Mats đã đến thăm nhà cũ của chúng và vừa đến là chúng đã thấy nhà cháy. Chắc chắn là Nils đã làm cho chúng buồn lắm. Chú ngao ngán quá, và quyết tâm nếu may mắn chú trở lại làm người, thì sẽ cố gắng đền bù lại cho chúng hết sức mình.

Rồi chú lại nghĩ đến lũ quạ và đến Fumle-Drumle đã cứu chú, nhưng bị giết chết ngay sau khi vừa được bầu làm thủ lĩnh. Nghĩ mà ứa nước mắt.

Đúng, chú đã đau khổ mấy ngày vừa qua. Và may mà ngỗng đực và Lông Tơ Mịn đã tìm được chú. Ngỗng đực đã kể lại là vừa thấy Tí Hon biến mất, đàn ngỗng trời liền đi hỏi các vật nhỏ trong rừng về số phận của chú. Như vậy họ biết được rằng một lũ quạ tỉnh Småland đã bắt cóc chú. Nhưng chẳng ai biết lũ quạ đã đi về phía nào. Akka liền lệnh cho đàn ngỗng phân tán ra, cứ từng đôi một đi tìm chú, Akka lại hẹn là sau hai ngày tìm tòi, dù có thấy hay không, cũng phải đến gặp nhau ở mạn tây bắc tỉnh Småland, trên đỉnh một ngọn núi nom giống như cái tháp bị phá, ngọn Taberg. Sau khi chỉ dẫn cho họ tường tận cách tìm đến ngọn núi ấy, Akka chúc may mắn, và họ chia tay nhau.

Ngỗng đực đã chọn Lông Tơ Mịn làm bạn đồng hành và lên đường, lòng rất lo ngại. Đi lang thang không có cái gì làm đích, chúng nghe một con sáo, đậu trên chóp một cái cây, kêu và rửa kẻ nào đó xưng tên là Bị-quạ-bắt-trộm, đã chế giễu nó quá đáng. Ngỗng đực và Lông Tơ Mịn đã bắt chuyện với con sáo, và được biết là kẻ Bị-quạ-bắt-trộm đó đã đi về phía nào. Xa ít nữa, chúng đã gặp một con chim gáy, một con sẻ đá, và sau hết một con vịt trời, tất cả đều phàn nàn về một kẻ bất lương đã ngắt bài hát của chúng và làm chúng hoảng sợ tên là Bị-quạ-bắt, Bị-quạ-cướp-đi, Tù-nhân-của-lũ-quạ, cứ thế, chúng đã lần theo dấu vết của Tí Hon đến tận cái truông trong xã Sonnerbo.

Ngỗng đực và Lông Tơ Mịn tìm lại được Tí Hon, là tức khắc lên đường đi Taberg để đến với đàn ngỗng trời. Đường bay xa lắm, và gặp phải đêm tối. “Nhưng mà ngày mai, về với đàn ngỗng là phiền muộn sẽ tiêu tan hết”, Nils

vừa chui vào ổ rom cho ấm vừa nghĩ vậy.

Con bò cái đã thôi vùng vẫy. Bỗng nó cất tiếng nói với chú bé.

- Hình như một trong các vị, khi vào đây, có nói với tôi rằng mình là gia thần. Nếu có thể thì chắc là vị ấy phải biết săn sóc một con bò cái.

- Thế bò thiếu cái gì? Nils hỏi.

- Tôi thiếu đủ mọi thứ, bò cái đáp. Người ta không vắt sữa, cũng không chải lông cho tôi. Rom cũng không trải cho tôi nằm, và người ta cũng không đem cỏ cho tôi ăn bữa tối. Bà chủ tôi có đến một lát lúc hoàng hôn săn sóc tôi, nhưng bà thấy mình ốm quá và lại đi ra, sau đó bà không trở lại nữa.

- Tôi lấy làm tiếc là mình bé nhỏ và yếu đuối như thế này. Tôi không tin là có thể giúp được bò, chú bé nói.

- Thần không làm cho tôi tin được là thần yếu đuối, dù thần có bé nhỏ, bò cái đáp lại. Tất cả các gia thần mà tôi đã nghe nói đều khỏe đến mức một mình kéo cả một xe cỏ khô, và đâm một cái là chết một con bò đực.

Nils không thể không cười được. Chú nói:

- Đó là những yêu lùn thuộc một loài khác tôi. Tất cả những gì tôi có thể làm là tháo xích và mở cửa chuồng cho bò. Như thế bò có thể ra sân uống nước. Trước đó, tôi sẽ leo lên chỗ để cỏ khô và cố ném một ít xuống máng cho bò ăn.

- Thế cũng được, bò cái nói.

Nils làm như đã nói, và khi mà bò đã được yên vị trước máng ăn đầy cỏ, thì chú nghĩ là có thể ngủ được rồi. Nhưng chú vừa chui xuống ổ rom là bò lại nói:

- Tôi chắc làm phiền thần, nếu tôi xin thần một điều nữa.

- Không phiền gì, nếu tôi có thể làm bò vui lòng.

- Tôi muốn nhờ thần vào cái nhà trước mặt, xem bà chủ ốm thế nào. Tôi sợ có điều bất hạnh xảy đến cho bà.

- Không thể được. Tôi không dám ra mắt loài người, chú bé đáp.

- Nhưng mà thần sợ gì một bà lão ốm đau? Bò nói. Vả lại, cũng chẳng cần vào nhà, thần chỉ việc nhìn qua khe cửa.

- Nếu chỉ có thể thì tôi không thể từ chối không giúp bò, sau cùng chú bé bằng lòng như vậy.

Chú dậy và ra sân. Đêm tối thật khủng khiếp, không trăng, không sao, gió rít và gào, và mưa rơi tầm tã. Ghê gớm nhất là tám con cú xếp thành hàng, đứng cạnh nhau trên nóc nhà. Tiếng rúc của chúng, tiếng chúng than phiền về thời tiết nghe thật hung dữ, và Nils tự nhủ rằng một con trong bọn chúng mà trông thấy chú thì thế là chú đi đời.

“Khốn khổ cho ai bé bỏng!”. Chú bé vừa than thở vừa liếc mình đi ra ngoài. Chú nói thật không sai. Hai lần gió quật chú ngã, trước khi chú đến được ngôi nhà, và chú bị xô nhào xuống một vũng nước sâu đến nỗi thiếu tí nữa thì chết đuối. Tuy vậy chú vẫn đến đích.

Chú leo lên mây bậc thêm, khó nhọc trèo qua ngưỡng cửa và bước vào phòng áo.^[44] Cửa gian bếp đóng kín, nhưng một góc phía dưới có khoét một lỗ cho con mèo nhà chui qua, chui lại. Thế là Nils chẳng khó nhọc gì mà không nhìn vào gian phòng được.

Vừa ghé mắt nhìn vào, chú giật mình và vội rút đầu lại. Một bà lão tóc bạc nằm sòng soài dưới đất. Bà không nhúc nhích, cũng không rên siết. Mặt bà sáng lên, trắng một cách dị thường. Có thể nói là được ánh sáng bàng bạc của một mảnh trăng vô hình chiếu vào. Nils nhớ rằng ông mình khi chết cũng có khuôn mặt trắng cái màu lạ thường ấy. Và chú hiểu rằng bà lão nằm dưới sàn kia đã chết rồi. Cái chết chắc đã đến bất ngờ làm bà không kịp nằm xuống giường.

Chú sợ quá khi nghĩ đến cái cảnh phải ở một mình trong đêm tối với một người chết. Chú lao vội xuống thềm nhà và chạy cuống cuồng về chuồng bò.

Chú kể cho bò cái nghe những gì chú trông thấy trong nhà. Bò ngừng lại không ăn cỏ nữa. Thở dài bò nói:

- À! Bà chủ, bà mất rồi. Thế là chẳng bao lâu lại đến lượt tôi.

- Thế nào cũng có ai đó chăm sóc bò chứ. Nils nói để cố an ủi bò.

- Thần không biết rằng tuổi tôi đã gấp đôi tuổi những bò cái mà người ta thường đem làm thịt, bò đáp lại. Và lại bây giờ bà chủ tôi không còn đến săn sóc tôi nữa thì tôi cũng chẳng thiết sống làm gì.

Bò lặng yên một lát, nhưng Nils thấy là bò không ngủ cũng không ăn. Rồi bò lại tiếp tục câu chuyện.

- Thần bảo là bà nằm trên sàn nhà không chần đệm gì à?

- Vâng, Nils đáp.

- Bà có thói quen thường đến đây, trong chuồng này, nói với tôi về những

sự đã làm bà buồn phiền. Tôi hiểu rõ những điều bà nói, dù tôi không thể nào trả lời bà được.^[45] Mấy hôm nay bà nói là bà sợ phải nằm một mình khi bà mất. Bà sợ không có ai đến vuốt mắt cho bà, và để hai tay bà khoanh lại trước ngực sau khi bà mất. Hay là thần có muốn làm giúp không? Nils do dự: chú nhớ rằng khi ông chú chết, mẹ chú đã hết sức thận trọng đặt ông nằm theo đúng lễ thức. Chú biết rằng đó là một việc phải làm. Nhưng mà chú lại tự thấy là không thể nào lại vào bên cạnh người chết được. Chú không vâng cũng không không, nhưng không bước lấy một bước ra phía cửa.

Bò cái già lặng thinh một lúc, như chờ một câu trả lời. Chẳng nghe thấy gì, bò không nhắc lại lời cầu xin, nhưng bắt đầu nói chuyện bà chủ mình.

Bò có nhiều chuyện để nói lắm. Trước hết nói đến tất cả các đứa con mà người chết đã nuôi nấng. Ngày nào họ cũng vào chuồng bò và mùa hè đưa bò đi ăn trên các bãi lầy và đồng cỏ, cho nên bò cái giờ này rất quen họ. Tất cả họ đều rất tốt, vui vẻ, và chăm làm. Một con bò cái hiểu những người chăn nó giá trị như thế nào lắm.

Bò lại còn có bao nhiêu chuyện để kể về cái trại. Dinh cơ này xưa đâu có nghèo như giờ đây. Đất rộng lắm. Phần lớn là đầm lầy, rừng cây và bãi cỏ lẫn đá. Không nhiều cánh đồng để trồng lúa mì, nhưng khắp nơi là những bãi cỏ tốt. Đã có thời mà không một máng ăn nào bỏ trống, và chuồng bò giờ đây bỏ hoang, đã chật những con vật rất đẹp. Chỗ nào cũng vui vẻ và năng nổ. Khi bà chủ đến chuồng bò, bà khe khẽ hát, rồi hát to, và tất cả các bò cái kêu lên vì vui mừng khi nghe tiếng chân bà đến.

Nhưng ông chủ chết, lúc các con đều còn nhỏ và chưa thể làm gì hết, thế là bà chủ đảm đang phải gánh vác cái trại, gánh vác tất cả công việc, và tất cả những mối lo âu. Bà khỏe như đàn ông, và bà đi cày, đi gặt. Buổi tối, đến vắt sữa các bò cái, lắm khi mệt quá bà khóc. Nhưng chỉ nghĩ đến đàn con là đủ để cho bà can đảm trở lại. Bỗng nhiên, quên hết lo phiền, bà lau nước mắt, lắc mình cho hết buồn ngủ và lảm bảm: “Thôi kệ. Đến lúc đám trẻ lớn lên thì cả mình nữa, mình cũng được thanh thoi. À, đến lúc chúng lớn lên...”

Nhưng mà khi các con bà đã lớn, thì thế là một nỗi buồn nhớ lạ lùng xâm chiếm lấy tâm hồn họ. Họ không muốn ở nhà, họ muốn đi ra nước ngoài. Mẹ họ chẳng bao giờ được họ giúp đỡ chút gì. Vài người trong bọn họ lấy vợ lấy chồng rồi mới ra đi, họ để con họ lại nhà. Lại đến lượt những đứa trẻ ấy theo bà chủ chúng tôi vào chuồng bò như chính những đứa con bà trước kia. Chúng đưa bò đi ăn và cũng trở nên những kẻ trung hậu và giỏi giang. Và buổi tối, trong khi vắt sữa các bò cái, gần như ngủ thiếp đi vì mệt, bà chủ chúng tôi lấy lại sức bằng cách nghĩ đến chúng nó: “Mình nữa, mình cũng sẽ được thanh thoi. Khi chúng nó lớn lên”, bà vừa nói vừa lắc lắc mình.

Nhưng, thế là những đứa trẻ ấy, một khi khôn lớn, lại đi theo bố mẹ chúng ở đất khách quê người. Chẳng một ai trở lại, chẳng một ai ở lại. Chỉ bà chủ nhà ở lại trại một mình.

Bà chẳng bao giờ yêu cầu một ai trong bọn họ ở lại nhà. “Thế nào, con Lông Hung à, mày nghĩ rằng ta lại bảo chúng nó ở với ta, trong khi chúng có thể tiến thủ ở bên đó hay sao? Ở đây, ở tỉnh Småland này, chúng chỉ có thể hi vọng cảnh nghèo khổ mà thôi”, bà nói với bọn cái già như vậy.

Nhưng mà khi đứa cháu cuối cùng của bà đã ra đi, là bà chủ chúng tôi liền quỵ xuống. Trông bà bỗng nhiên còng lưng và bạc đầu, bà lão đảo tưởng chừng không thể bước đi được nữa, và bà thôi làm lụng. Bà không trông nom cái trại nữa, bà để nhà cửa tả tơi, bà bán gia súc đi, chỉ giữ lại có con bò cái già nhất. Bà để cho nó sống, bởi vì tất cả các con bà đều đã lần lượt chôn cất nó.

Bà có thể thuê đàn ông, đàn bà đến làm, nhưng mà trông thấy những người lạ quanh bà, trong khi con cháu bà đã bỏ bà mà đi, điều đó bà không chịu nổi. Cái trại có hoang phế đi thì cũng cần gì, bởi vì hết đời bà còn có một đứa con nào của bà sẽ nhận lấy nữa đâu.

Các con bà thường viết thư khẩn khoản mời bà đến với họ, nhưng bà không chịu. Bà không muốn trông thấy cái nước đã cướp các con của bà.

Bà chỉ nghĩ đến đám con, và nghĩ rằng họ phải ra đi để kiếm miếng ăn. Mùa hè đến, bà dắt bò cái ra bãi cỏ trong đầm lầy lớn. Chính bà ngồi suốt ngày bên bờ đầm, hai tay khoanh trên đầu gối, và chiều về bà nhắc lại những ý nghĩ của bà như sau:

- Thấy không, Lông Hung, giá ở đây mà có những cánh đồng màu mỡ chỗ cái bãi lầy rộng lớn mà người ta không thể trồng trọt được ấy, thì chúng đã không cần gì mà phải ra đi.

Bà tức giận cái đầm lầy vì nó lan ra xa đến thế, và không dùng được vào một việc gì hết cả. Bà lắm bầm rủa nó, buộc tội nó đã là nguyên nhân làm cho các con bà bỏ nhà ra đi.

Buổi tối cuối cùng này, bà hình như yếu đuối và lầy bầy hơn bao giờ hết. Bà không thể vắt xong sữa cho con Lông Hung nữa. Bà đã đứng tựa vào cái máng ăn một hồi, và đã nói chuyện với hai người nông dân đến gặp bà để hỏi mua cái đầm lầy. Họ tính tiêu nước cho nó, gieo hạt vào đó, và gặt hái được mùa màng ở đó. “Mày nghe chưa, Lông Hung, mày nghe chưa, họ nói là lúa mạch có thể mọc lên trên đầm lầy. Ta sẽ viết thư ngay lập tức cho con cháu ta để chúng nó trở về. Chúng chẳng cần ở lại nước ngoài làm gì nữa. Chúng

sẽ kiếm được miếng ăn ở đây, tại nhà này”.

Để viết thư bà đã đi vào nhà...

Chú bé không nghe thêm bò cái kể nữa. Chú đã mở cửa chuồng bò, và đã lại lên nhà trên, đến với người chết. Chú đứng một hồi trên ngưỡng cửa, nhìn tất cả mọi vật một lượt. Cái nhà không nghèo như người ta tưởng. Có rất nhiều đồ đạc mà người ta thường thấy ở nhà những người có bà con ở bên Mĩ. Trong một góc có một chiếc ghế “xích đu” Mĩ; cái bàn trước cửa sổ có trải một tấm vải nhung lông dài; giường phủ một chiếc đệm thêu đẹp; trên tường treo những ảnh của các con và cháu bà lão, lồng trong những khung thép vàng đẹp. Trên cái hòm lớn bày những bình to và một đôi chân đèn cắm những cây nến màu dài.

Nils tìm diêm và thấp nển, không phải vì chẳng trông thấy gì, mà vì đối với chú hình như thế là một cách tôn trọng người chết.

Rồi chú đến gần bà lão, vuốt mắt cho bà, khoanh hai tay bà lại trước ngực, và rẽ các món tóc bạc thừa thớt lòa xòa trước trán bà.

Chú không hề nghĩ cả đến việc sợ bà nữa. Nghĩ đến việc bà đã sống tuổi già cô quạnh và buồn bã, lòng chú xót xa sâu sắc. Ít ra là chú sẽ túc trực đêm nay bên cạnh thi hài bà.

Chú tìm tập Thánh thi^[46] ngồi xuống và đọc khe khẽ. Nhưng đến giữa chừng chú ngừng lại, vì bỗng chú chợt nghĩ đến bố mẹ mình.

Ra bố mẹ có thể nhớ thương con cái đến thế! Ra cuộc đời đối với họ hình như đã hết khi con cái bỏ ra đi! Giá ở nhà chú, bố chú và mẹ chú nhớ chú bằng bà lão này đã tiếc nhớ con bà! Ý nghĩ ấy làm chú sung sướng, nhưng mà chú không dám nghĩ thế lâu nữa. Chú đã ăn ở phải chăng được chút nào đâu để cho bất cứ ai cũng có thể tiếc thương chú.

Chú chưa được như thế, nhưng mà rồi có lẽ chú sẽ được. Khắp chung quanh chú, chú trông thấy chân dung của những người vắng mặt. Đó là những người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh và những người đàn bà có bộ mặt trang nghiêm. Đó là những cô dâu trùm khăn voan dài và những ông mặc áo đen dài đi phở, và đó là những trẻ con tóc uốn xoắn, mặc những áo dài trắng đẹp. Và Nils thấy hình như tất cả, họ nhìn chằm chằm trong không, với những đôi mắt người mù không muốn thấy.

“Những kẻ khốn khổ!” Nils nói với các bức chân dung. “Mẹ của các người đã chết. Các người không thể nào chuộc lại cái tội đã ra đi xa mẹ. Nhưng mẹ ta, mẹ của ta, bà đang sống!”

Chú ngừng lại, gật đầu và mỉm cười. Chú nhắc lại: “Mẹ ta còn sống! Bố ta và mẹ ta, cả hai đều còn sống!”

Câu chuyện giữa tầng mây với mặt đất^[47]

Thứ sáu, 15 tháng tư

Chú bé suốt đêm không ngủ, nhưng sáng ra chú thiếp đi và mê thấy bố mẹ. Chú chỉ hơi nhận ra bố mẹ thôi. Cả hai đều đã tóc bạc da mồi. Bố mẹ nói với chú là họ già như thế là vì đã tiếc nhớ chú quá chừng. Chú cảm động và ngạc nhiên, vì chú vẫn tưởng là bố mẹ sẽ hài lòng khi tổng được chú đi.

Lúc Nils thức giấc thì buổi sáng đẹp trời và trong trẻo. Chú ăn một miếng bánh mì tìm được trong bếp, rồi lấy cỏ, rơm cho con bò cái và hai con ngỗng, và sau cùng mở cửa chuồng bò cho bò cái có thể sang cái trại bên cạnh. Những người hàng xóm trông thấy bò liền hiểu rằng đã có việc gì đó xảy ra cho bà chủ nó. Họ chạy sang, thấy thi hài của bà và chôn cất cho bà. Đôi ngỗng và chú bé cất cánh lên không. Chẳng mấy chốc họ trông thấy một quả núi cao, sườn gần thẳng đứng và đỉnh như bị cắt cụt; chúng hiểu rằng đó phải là núi Taberg.^[48] Trên đỉnh, Akka cùng Yksi và Kaksi, Kolmi và Neljä, Viisi và Kuusi, và sáu ngỗng con đang chờ. Thật là vui, những tiếng tục tục, những tiếng kêu và những tiếng vỗ cánh không thể tả được, khi người ta thấy ngỗng đực và Long Tơ Mịn đưa Tí Hon trở về.

Rừng mọc theo các sườn núi lên rất cao, nhưng trên đỉnh thì trơ trọi, và từ đây tầm mắt nhìn ra rất rộng. Phía đông, phía nam và phía tây, chỉ thấy có một cao nguyên khá nghèo với những rừng tùng màu nâu sẫm, những mặt hồ còn đóng băng và những sông núi xanh xanh dần. Những cái đó cho thấy rằng đấng Sáng Thế^[49] đã làm việc vội vàng và không chút chuyên chú. Nhưng mà nhìn về phía nam thì khác hẳn. Ở đây, đất đai tựa hồ được xếp đặt một cách âu yếm và chăm chút hết sức. Khắp nơi, những ngọn núi đẹp, những thung lũng dịu dàng và những dòng sông uốn lượn chảy đến tận hồ lớn Vettern^[50] mà băng đã tan và đang lóng lánh ánh dương quang, tưởng chừng không phải chứa nước, mà chứa đầy ánh sáng xanh lơ.

Hồ Vettern làm đẹp hẳn tất cả mạn bắc; có thể nói rằng một ánh hồi quang màu thanh thiên đã hiện lên từ đó, và tỏa ra khắp mặt đất. Những khóm cây, những ngọn đồi, những mái nhà, những mũi tên, thành phố Järnkuping,^[51] tất cả đều đắm mình trong một ánh quang minh biêng biếc dịu dàng, như vuốt ve mắt người ngắm cảnh.

Ngày hôm sau, tiếp tục cuộc lữ hành, đàn ngỗng bay ngược thung lũng xanh biếc kia. Khí sắc vui vẻ hết sức, chúng kêu không ngớt, đến nỗi chẳng một ai có đôi tai mà có thể tự miễn không nghe chúng được. Với lại, trong miền này, hôm nay là ngày xuân đẹp đầu tiên. Cho đến lúc ấy, mùa xuân đã làm công việc của mình nhờ những cơn mưa và những trận bão. Phải buổi đẹp trời như thế này thì nỗi nhớ nhung mùa hè nắng ấm và rừng xanh mới xâm chiếm lòng người, khiến họ thấy công việc hàng ngày thật là nặng nhọc. Khi các ngỗng trời bay qua, tự do và nhẹ nhàng, nhanh nhẹn trên kia, bên trên mặt đất, thì chẳng một ai là không bỏ dở công việc mà nhìn dõi theo.

Những kẻ đầu tiên ngày hôm đó trông thấy ngỗng là những thợ mỏ ở núi Taberg, đang đào quặng ở sát mặt đất. Nghe ngỗng kêu, họ ngừng đào và một người trong bọn họ kêu lên: “Đi đâu đấy? Đi đâu đấy?”

Đàn ngỗng nghe không hiểu mấy lời ấy, nhưng chú bé nghiêng mình xuống và kêu: “Đi đến nơi không có cuộc chim, cũng không có búa tạ.”

Nghe thấy thế, những người thợ mỏ tưởng rằng chính nỗi nhớ nhung của họ đã làm cho họ nghe tiếng những con ngỗng mà như một tiếng người.

- Cho chúng tôi đi với! Cho chúng tôi đi với! Họ gọi.

- Năm nay chưa được, năm nay chưa được. Nils đáp lại.

Đàn ngỗng trời vẫn kêu ầm ĩ, bay theo dòng sông Taberg sang phía hồ Monk. Trên eo đất dài và hẹp giữa hồ Monk và hồ Vettern mọc lên thành phố Jernkoping với những nhà máy lớn. Trước tiên đàn ngỗng bay trên nhà máy giấy Monk. Đúng là giờ vào làm việc lại sau bữa ăn trưa, và những toán công nhân đi về phía cổng nhà máy. Nghe tiếng ngỗng, họ dừng lại một lát, lắng tai: “Đi đâu đấy? Đi đâu đấy?” Một công nhân hỏi lên. Đàn ngỗng không hiểu, nhưng mà chú bé trả lời:

“Đi đến nơi không có máy, cũng không có nồi hơi”.

Những người công nhân tưởng nghe tiếng của chính nỗi nhớ nhung của họ.

- Cho chúng tôi đi với! Cho chúng tôi đi với! Nhiều người trong bọn họ kêu lên.

- Năm nay chưa được, năm nay chưa được! Nils trả lời.

Đàn ngỗng bay trên nhà máy diêm nổi tiếng nằm bên bờ hồ Vettern, to tựa một tòa thành lũy, đang thẳng lên trời những ống khói cao. Chẳng một ai nhúc nhích ngoài sân, nhưng trong một phòng rộng, những cô thợ trẻ đang đóng diêm vào hộp. Vì trời đẹp, các cô đã mở ra một cửa sổ, và qua cửa sổ

ấy tiếng đàn ngỗng vang đến tận các cô. Một cô gái nghiêng mình ra ngoài, tay cầm cái hộp, hỏi lên: Đi đâu đấy? Đi đâu đấy?

- Đến xứ không cần ánh sáng, cũng không cần diêm! Nils nói xuống.

Cô gái nghĩ là cô nghe rõ tiếng tục tục của ngỗng, nhưng tưởng như có nghe ra vài tiếng người, nên cô đáp lời:

- Cho chúng tôi đi với! Cho chúng tôi đi với!

- Năm nay chưa được, năm nay chưa được, Nils trả lời.

Ở phía đông các nhà máy, Jurnkuring mọc lên giữa một cảnh trí đẹp nhất mà một thành phố có thể ao ước. Hồ Vettern hẹp, bờ cao và dốc đứng bên đông cũng như bên tây, nhưng mà ở mũi phía nam, những lũy cát hình như đã bị phá đi để thông một cái cổng lớn đi ra bờ hồ. Ở chính giữa cổng, thành phố trải ra với núi bên đông và núi bên tây, với hồ Monk phía sau và hồ Vettern phía trước.

Đàn ngỗng bay qua Jurnkuring vẫn kêu inh ỏi như vậy, nhưng mà trong thành phố, chẳng một ai để ý. Đừng mong thấy những người dân thành thị dừng lại giữa đường phố để gọi những con ngỗng trời.

Cuộc lữ hành tiếp tục dọc hồ Vettern. Đàn ngỗng đến trên viện điều dưỡng Sanna. Vài người bệnh ra ngoài sân để hưởng không khí mùa xuân, họ nghe tiếng ngỗng. Một người trong bọn họ hỏi, giọng yếu đến nỗi chỉ khẽ nghe thấy mà thôi: - Đi đâu đấy? Đi đâu đấy?

- Đến xứ không có đau đớn, cũng không có khổ sở - chú bé đáp lại.

- Cho chúng tôi đi với!

- Năm nay chưa được, năm nay chưa được, Nils trả lời.

Xa tí nữa, đàn ngỗng đến Huskvarna ở cuối một thung lũng. Núi đẹp, hiểm trở bao quanh. Một dòng sông đổ xuống thành một chuỗi thác dài và hẹp. Những nhà máy lớn và những xưởng thợ dựa vào các sườn núi; trong thung lũng dựng lên những nhà ở của công nhân, có vườn nhỏ bao quanh, và ở giữa các nhà là trường học. Lúc đàn ngỗng bay đến thì một cái chuông đánh lên, một đàn trẻ con xếp hàng ra khỏi trường. Chúng đông đến nỗi sân chơi chẳng mấy chốc mà chật ních. Nghe tiếng ngỗng, đàn trẻ kêu lên: Đi đâu đấy? Đi đâu đấy?

- Đến nơi không có sách vở, cũng không có trường học, chú bé đáp lại.

- Đem chúng tôi đi với! Đem chúng tôi đi với!

- Năm nay chưa được, năm nay chưa được! Năm khác vậy! Nils trả lời.

Con chim mồi

Chúa nhật, 17 tháng tư

Trong khi Nils đang phiêu lưu trên lưng đàn ngỗng trời thì ở hồ Tåkern, Jarro, chú vịt trời con bị kẹt lại. Nó yếu quá không theo nổi chuyến bay, bị rơi, và được Per Ola, con trai người chủ trại, đón về. Mấy hôm sau, nó đã lại sức để có thể bay quanh trong phòng. Bà chủ vuốt ve nó không rời tay, và Per Ola chạy khắp sân, hái cho nó những ngọn cỏ vừa mới nhú ra khỏi đất. Jarro tự nhủ rằng, dù nay nó đã đủ sức để có thể bay ra hồ Tåkern, nó vẫn không muốn từ biệt loài người, mà sẽ ở lại với họ suốt đời.

Ngày hôm sau, mới mờ sáng, bà chủ buộc vào Jarro một thứ dây thít chặt đôi cánh nó lại. Rồi bà giao nó cho anh người nhà đã bắt được nó trong sân. Người này cặp nó vào nách đem xuống hồ Tåkern.

Băng đã tan trong khi Jarro ốm. Những cây sậy già năm ngoái đã khô, vẫn còn lại dọc bờ hồ và các đảo, và những mầm xanh đã nhú lên trên mặt nước. Hầu hết các loài chim di cư đều đã trở về. Những chiếc mỏ khoằm của chim dễ gà chìa ra giữa các cây sậy. Những chim cốc trắng có mào, bơi đây bơi đó, đã thay vòng lông mới quanh cổ; và những chim mỏ nhát đang nhặt cỏ, tích lại để làm tổ.

Anh người nhà xuống một chiếc thuyền. Anh để Jarro vào lòng thuyền, và đẩy ra giữa hồ. Jarro đã có thói quen chờ đợi ở loài người toàn những sự tốt lành. Nó bảo con chó Cesar đi cùng: “Tôi biết ơn anh người nhà đem tôi ra ngoài hồ quá! Nhưng anh ta đừng ngăn trở hoàn toàn không cho tôi nhúc nhích thế này thì hơn, vì tôi có ý định bay đi đâu!”.

Cesar chẳng đáp lại Jarro lấy một lời. Sáng hôm ấy Cesar này thật rất ít ba hoa.

Cái việc mà Jarro thấy hơi khác thường là anh người nhà đã mang theo cả súng. Nó không thể tin rằng một trong những con người trung hậu ở trong trại ấy lại muốn bắn vào những con chim. Hơn nữa Cesar đã nói với nó là người ta không săn bắn vào mùa này trong năm.

“Giờ là thời gian cấm săn, dù việc cấm ấy tất nhiên chẳng liên quan gì đến mình”, Cesar nói.

Trong lúc ấy anh người nhà đã đến tận một hòn đảo nhỏ lầy lội, chung

quanh toàn là sậy. Anh ta bước ra khỏi thuyền, bẻ những thân sậy úa, xếp lên thành một đồng, rồi ngồi yên vị ở phía sau. Jarro được cởi sợi dây trói cánh và buộc vào thuyền bằng một sợi dây dài, nên có thể đi lại trên mặt nước.

Bỗng nó trông thấy vài con vịt non, trước đây đã cùng nó tung tăng trên hồ, đi về khắp mọi hướng. Chúng còn ở cách khá xa, nhưng Jarro đã kêu to lên gọi. Chúng đáp lời, và một đàn vịt bay rất đẹp đến gần hòn đảo. Đàn chưa đến thật gần thì Jarro đã bắt đầu kể cho chúng nghe việc mình được cứu mạng kì diệu, nói cho chúng biết lòng phúc hậu của loài người. Đúng lúc đó, hai tiếng súng nổ sau lưng nó. Ba con vịt rơi xuống chết trong đám sậy, và Cesar lao đến bắt.

Thế là Jarro hiểu ra.

Người ta đã cứu sống nó để dùng nó làm con mồi như những con chim khác. Và mưu mẹo xảo quyệt đã thành công. Ba con vịt đã chết bởi tại nó. Nó tưởng là phải chết đi vì xấu hổ. Nó nghĩ là chính bạn Cesar của nó cũng nhìn nó khinh bỉ. Và khi cùng nhau trở về nhà, con vịt không dám nằm cạnh con chó nữa.

Ngày hôm sau, người ta lại đem Jarro ra mặt hồ.

Lần này cũng vậy, chẳng mấy chốc nó thấy mấy con vịt. Nhưng mà thấy chúng bay về phía nó, nó kêu lên bảo chúng: “Đi đi! Đi đi! Cẩn thận! Đi nơi khác đi. Một người đi săn nấp sau đồng sậy. Tôi ở đây chỉ để làm mồi!”

Và thế là Jarro đã ngăn được những con vịt bay vào tầm súng. Nó chỉ hơi còn chút thời gian để nhăm nháp một mầm cỏ non, vì quá bận theo dõi khắp chung quanh. Một con chim nào đến gần là nó kêu lên báo động. Nó báo cho cả những con cốc trắng có mào biết mối nguy đang đe dọa, dù nó ghê tởm bọn cốc trắng vì chúng thường đánh đuổi vịt ra khỏi những nơi trú ẩn tốt nhất. Nhưng mà Jarro không muốn là nguyên nhân gây ra chết chóc cho một con chim nào cả. Nhờ việc cảnh giới chu đáo của Jarro mà anh người nhà trở về trại, không bắn một phát súng nào. Điều đó không ngăn được Cesar tỏ vẻ kém bực mình hơn hôm trước. Và, tối đến, nó ngậm Jarro vào mõm, mang lại cạnh lò sưởi, và để cho vịt ngủ giữa hai chân trước của nó. Nhưng Jarro không thấy vui ở trại này nữa. Trái lại, nó hết sức khổ sở. Nó xót xa trong lòng khi nghĩ rằng loài người không bao giờ thương yêu nó cả. Khi bà chủ hay đưa con trai của bà đến vuốt ve nó thì nó dứt mỏ xuống dưới cánh và giả vờ ngủ.

Từ nhiều hôm rồi Jarro làm cái dịch vụ đáng buồn của nó trên mặt hồ, và người ta đã biết nó trên suốt cả hồ Tåkern.

Nhưng một buổi sáng, trong khi theo thường lệ nó kêu: “Cẩn thận, các chim ơi! Đừng đến gần tôi! Tôi chỉ đứng đây để như các bạn!”, thì một cái tổ chim cốc trắng bỗng bỗng bành đến tận chỗ mà Jarro bị buộc. Đó chẳng phải là một vật gì lạ lùng. Cái tổ này có từ năm trước, và những tổ cốc trắng đều làm khéo để có thể nổi trên nước như những chiếc tàu. Và như thế thường cũng xảy ra việc những tổ bị dòng nước nào đó cuốn mãi ra ngoài khơi.

Nhưng Jarro bất động, lặng nhìn chiếc tổ ấy, vì tổ đến thẳng phía hòn đảo. Có thể nói là có ai đó đang hướng tổ đi.

Cái tổ đến gần, và Jarro trông thấy một con người bé tí, bé nhất xưa nay trong các con người mà nó đã gặp. Con người ngồi trong tổ cốc và chèo với hai cành cây con. Con người bé nhỏ đó kêu lên bảo Jarro: “Nhảy xuống nước đi, nếu có thể, Jarro, và hãy sẵn sàng để bay lên! Cậu sắp được cứu thoát!”

Lát sau, chiếc tổ cốc trắng cặp bờ nhưng người chèo bé nhỏ không nhảy xuống đất, mà cứ ngồi im giữa những cành cây con và cọng cỏ. Về phần Jarro cũng vậy, có thể nói là chẳng cử động chút nào. Nó gần như bị tê liệt vì sợ người ta phát hiện ra kẻ đến giải phóng cho nó.

Các việc đầu tiên xảy ra lại là việc một đàn ngỗng trời bay đến. Jarro trấn tĩnh lại, và kêu to báo cho đàn ngỗng biết mối nguy. Tuy vậy, đàn ngỗng vẫn cứ bay trên bờ hồ lầy lội nhiều lần; bay khá cao ở hẳn ngoài tầm súng, nhưng anh người nhà không thể chống lại được nỗi cảm dỗ, cũng bắn vài phát về phía ngỗng.

Mấy phát súng ấy vừa nổ là con người bé nhỏ nhảy ngay xuống đất, rút một con dao tí xíu ra khỏi vỏ và cắt gọn những dây buộc Jarro “Bay nhanh đi, Jarro, trước khi người kia nạp lại đạn!”. Nó kêu lên trong khi chính nó cũng lại nhảy vào chiếc tổ cốc trắng và cố sức chèo, ra xa khỏi bờ.

Người đi săn mãi nhìn theo đàn ngỗng và không để ý đến việc cứu thoát Jarro; Cesar chú ý hơn đến mọi sự xảy ra, liền lao vào Jarro và tóm lấy cổ nó, đúng lúc mà nó vừa xòe cánh ra.

Jarro kêu lên một tiếng thảm thương, nhưng con người bé nhỏ đã cứu thoát nó, bình tĩnh bảo Cesar: “Nếu mày thực sự là con chó lương thiện như trông vẻ ngoài của mày, thì mày không thể có lòng thèm muốn giữ lại đây một con chim trung hậu để nó lôi kéo bao nhiêu con khác vào chỗ chết như thế”.

Nghe những lời đó, Cesar cong cái môi trên lên, nhả mặt một cái thật xấu, nhưng nó nhả Jarro ra tức thì: “Bay đi, Jarro,” nó nói. “Thật ra chẳng phải mày sinh ra để làm con mồi; và cũng không phải là chủ ý của tao muốn

giữ máy lại để làm việc ấy, mà chỉ vì không có máy thì nhà cửa sẽ thật là trống trải!”

Chiếc thuyền con cũ

Thứ tư, 20 tháng tư

Mà thật vậy, cái trại tựa hồ vắng tanh sau khi Jarro đi rồi. Con chó và con mèo thấy ngày dài quá, vì chúng không có dịp để cãi nhau về Jarro nữa, và bà chủ thì nhớ tiếc những tiếng bập mỗ lẹp kẹp vui mừng của nó đón bà mỗi khi bà bước vào phòng. Nhưng kẻ thấy thiếu Jarro hơn cả là Per Ola, đứa bé con, vì suốt đời nó chẳng có bạn chơi nào như thế.

Khi biết Jarro đã trở về hồ Tåkern để lại ở với những con vịt khác, thì nó không chịu để cho vịt đi mất như vậy, mà chỉ nghĩ đến việc làm sao đem Jarro trở về trại. Per Ola đã trò chuyện nhiều với Jarro, những khi con vịt còn nằm trong cái rổ của nó, và nó tin chắc rằng vịt hiểu nó. Nó xin mẹ đưa nó đến bên bờ hồ để có thể tìm thấy Jarro, và nói cho vịt bằng lòng trở về nhà với nó. Mẹ nó không nghe, nhưng đứa bé không chịu chỉ vì chút việc nhỏ ấy mà từ bỏ ý định của mình. Ngay hôm sau cái ngày mà Jarro biến mất, Per Ola ra ngoài sân. Ở đấy nó chơi những trò chơi như mọi ngày. Cesar nằm trên các bậc thềm, và khi phải đi vắng, mẹ nó bảo con chó: “Trông Per Ola, nghe chưa Cesar!”

Cứ như mọi khi thì Cesar đã nghe lệnh bà chủ, và đứa bé đã được trông nom cẩn thận. Nhưng mà đã mấy hôm nay, Cesar không còn là nó nữa. Nó biết rằng những chủ trại, những nông dân, những trai cày ở quanh hồ Tåkern đã bàn nhau về việc tát cạn cái hồ, và họ sắp sửa quyết định thực hiện việc đó. Những con vịt sẽ mất đi và chẳng bao giờ Cesar sẽ còn có dịp đi săn một cuộc săn ra trò nữa. Chỉ nghĩ đến tai họa đó là Cesar đã khổ não đến nỗi chẳng nghĩ đến việc trông nom Per Ola nữa.

Và đứa bé vừa ở lại một mình trong vườn, là liền thấy đã đến lúc đi ra hồ Tåkern và nói chuyện với Jarro. Nó mở một cái cửa nhỏ, và theo lối đi hẹp, băng qua các đồng cỏ, xuống hồ Tåkern. Còn trông thấy ngôi nhà là nó còn đi chậm chậm, nhưng sau đó thì nó rảo bước. Nó rất sợ mẹ nó hay một ai đó gọi lại và cấm nó đi xa hơn.

Per Ola không có ý làm một việc gì có lỗi, nó chỉ muốn làm cho Jarro phải trở về, nhưng nó đoán biết rằng mẹ nó sẽ không tán thành việc nó định làm.

Đến bờ hồ, Per Ola gọi Jarro nhiều lần. Rồi nó chờ một lúc lâu, không

thấy Jarro đến. Per Ola trông thấy nhiều chim giống như con vịt trời. Chúng bay chẳng để ý gì đến nó, cho nên nó hiểu rõ rằng chẳng con nào trong bọn có thể là Jarro cả.

Vì Jarro không đến gặp nó lại, nên đứa bé nghĩ là có thể tìm ra nó dễ hơn ở ngay trên mặt hồ. Ở đây có vài chiếc thuyền tốt, nhưng đều bị kéo lên bờ cả. Chỉ có một chiếc thuyền con cũ, ván đã hở ra cả, đang trôi nổi tự do trên mặt nước, nhưng bởi vì nó hư nát quá sức nên chẳng một ai nghĩ đến việc dùng nó cả. Tuy vậy, Per Ola cứ leo qua mạn, xuống thuyền, không lo rằng nước đã đầy cả lòng thuyền. Nó không đủ sức dùng chèo để bơi, trái lại nó cứ việc dùng đòn đưa thân hình sang phải rồi sang trái ở trong lòng thuyền. Tất nhiên là không một người lớn nào có thể làm cho một chiếc thuyền con đi được trên hồ Tåkern bằng cách ấy cả; nhưng mà khi nước sâu và tai nạn có thể xảy ra, thì những trẻ nhỏ lại có khả năng lạ lùng để đi liêu, không sợ nguy hiểm trên mặt sông. Chỉ một chốc là Per Ola, đã được đưa đi trên mặt hồ Tåkern, mồm gọi Jarro.

Chiếc thuyền con cũ cứ bập bênh giữa hồ, những kẽ hở giữa các tấm ván rộng dần ra, và nước tràn vào. Tuy vậy, Per Ola chẳng chút mảy may lo sợ. Ngồi trên một chiếc ghế nhỏ, đằng mũi, nó gọi tất cả những con chim nó trông thấy, và ngạc nhiên vì Jarro không đến. Dù sao thì cuối cùng Jarro cũng trông thấy Per Ola, nghe gọi nó bằng cái tên mà những con người đã đặt cho nó, thì nó hiểu rằng đứa bé đã đến tìm nó. Jarro sung sướng quá vì thấy có một con người đã thực sự có lòng thương nó. Nó lao xuống với Per Ola như một mũi tên, ngồi bên cạnh, và để cho Per Ola vượt vẹ; cả hai đều rất vui mừng vì được gặp lại nhau. Nhưng bỗng Jarro nhận thấy tình hình chiếc thuyền đã ngập nước đến một nửa và sắp sửa đắm. Jarro cố thuyết phục Per Ola là phải gắng trở vào đất liền, vì Per Ola không biết bơi, cũng không biết bay. Per Ola chẳng hiểu chút gì ngôn ngữ của Jarro. Thế là chẳng do dự nữa, Jarro bay đi tìm cứu viện.

Một lát sau, Jarro đã trở lại với một con người bé tí, bé hơn Per Ola rất nhiều. Nếu con người bé nhỏ kia không biết nói năng và cử động thì đứa bé đã cho rằng đó là một con búp bê.

Con người bé nhỏ ra lệnh cho Per Ola phải tức khắc cầm lấy cây sào dài ở lòng chiếc thuyền con, và cố gắng chống thuyền về một trong các hòn đảo mọc đầy sậy. Per Ola làm theo ngay. Được con người bé nhỏ giúp sức, nó có thể đưa chiếc thuyền con đi. Chỉ chống vài cái là đến một hòn đảo, và Per Ola đặt chân lên đất, chính đúng cái lúc mà chiếc thuyền con ngập nước hoàn toàn và đắm luôn.

Trông thấy thế, đứa bé cũng biết rằng bố mẹ nó sẽ mắng rất dữ, và nó đã

bật ra khóc, nếu không được những ý nghĩ khác làm cho quên ngay điều đó. Thật vậy, một đàn chim to lông xám bay đến đỗ cạnh nó, và con người bé nhỏ kia dẫn cả đàn đến phía nó. Con người nói cho nó biết những chim đó là ai và cắt nghĩa cho nó hiểu những lời nói của chim. Per Ola thích quá đến mức quên hết mọi việc.

Trong lúc ấy ở trại, người ta nhận thấy đứa bé đi đâu mất, và người ta bỏ đi tìm. Người ta tìm trong kho lúa mì, dưới giếng, dưới hầm nhà. Rồi tất cả mọi người kéo nhau lên các đường lớn và các đường hẻm nhỏ, hỏi thăm làng xóm láng giềng có trông thấy nó không. Sau cùng, người ta đến tìm tận hồ Tåkern. Nhưng chẳng thấy nó đâu cả, và Cesar, con chó, chẳng làm chút gì để đưa chủ đi theo dõi dấu vết cả. Trái lại, nó cứ nằm dài hết sức yên tĩnh, tựa hồ việc ấy chẳng liên quan gì đến nó hết.

Trời đã hơi chiều, người ta thấy dấu chân của Per Ola gần bên đò, và người ta nhận thấy là chiếc thuyền con cũ không còn ở chỗ của nó ven bờ nữa. Thế là người ta hiểu những gì đã xảy ra. Chủ trại và các anh người nhà liền đẩy các chiếc thuyền ra giữa hồ, lùng sục khắp nơi để tìm đứa bé. Họ chèo đi khắp mọi phía trên mặt hồ Tåkern, cho mãi đến tận tối mà chẳng tìm thấy dấu vết của Per Ola đâu cả. Chiếc thuyền cũ chắc đã đắm thẳng xuống hồ, và đứa bé đã nằm dưới đáy nước rồi.

Chiều tối, mẹ Per Ola đi lang thang trên bãi cát ven hồ. Tất cả mọi người đều đinh ninh rằng đứa bé đã chết đuối rồi, nhưng bà thì không thể cho là như thế được, và bà cứ tiếp tục đi tìm. Bà tìm giữa các đám lau sậy và cỏ lác; bà đi lại không biết mệt trên các bờ hồ lầy lội, không nghĩ là mình đang lún xuống bùn và lấm be lấm bết. Nỗi tuyệt vọng thật là vô hạn. Bà không khóc, nhưng vận hai bàn tay và gọi tên con nghe đứt ruột. Chung quanh, bà nghe kêu lên nào thiên nga, nào vịt trời, nào dế gà. Bà tưởng là chúng đi theo bà, vừa kêu rên vừa than khóc như bà. “Chúng cũng phải phiền muộn mới kêu than như thế”, bà tự nhủ. Nhưng rồi bỗng bà nhớ ra là bà đang nghĩ đến chim, mà chim thì chắc là không có chút lo nghĩ nào. Tuy nhiên, thật lạ thay, mặt trời đã lặn rồi, mà chúng vẫn không chịu làm thinh. Trái lại, bà nghe tất cả chim chóc đang ở trên hồ Tåkern đều kêu, rồi lại kêu. Nhiều con cứ bay theo bà, dù bà cất bước đến đâu. Những con khác bay qua, cánh khẽ lướt vào bà. Chung quanh bà, không trung chỉ còn là những lời than vãn và oán trách.

Nỗi lo sợ của chính bà làm cho bà cởi mở tấm lòng. Bà hiểu hơn bao giờ hết những tình cảm của các loài chim. Hoàn toàn như bà, chúng cũng lo lắng đến nhà cửa của chúng, con cái của chúng. Giữa bà với chúng nào có khác gì như cho đến nay bà vẫn tưởng.

Và, bà nghĩ đến việc đã quyết định, có thể nói là tước của hàng nghìn

thiên nga, vịt trời, chim cốc những chiếc tổ ấm cạnh hồ Tåkern. Thế là chúng phải biết bao lo lắng! Sau cái việc ấy thì làm sao mà chúng có thể nuôi nấng và dạy dỗ con cái chúng được? Bà đứng im lặng, miên man suy nghĩ. Thoạt mới nhìn thì hình như biến một cái hồ thành đất trồng trọt và đồng cỏ là một công việc hữu ích và tốt lành, nhưng mà cũng phải có một cái hồ nào khác hồ Tåkern, một cái hồ mà không có một số chim đông đến như thế này cư trú chứ.

Bà nhớ ra rằng ngay ngày mai đây thôi, người ta sẽ quyết định tát cạn hồ Tåkern, và bà tưởng là đã thấy trong việc này một lí do của việc con bà mất tích. Bà vội vàng chạy về trại, và nói ngay cho chồng nghe cái điều mà bỗng nhiên bà nghĩ ra. Bà nói với chồng về cái hồ và về các loài chim, và bà nói với chồng rằng cái chết của Per Ola phải là một sự trừng phạt của Chúa cho cả hai vợ chồng họ. Và, tức thì bà thấy chồng cũng cùng ý nghĩ như bà. Họ đã có một dinh cơ lớn, nhưng nếu việc tát cạn hồ mà hoàn thành thì phần lớn đất đai thu được ở đây sẽ thuộc về họ và sản nghiệp của họ sẽ tăng lên gấp đôi. Bởi thế mà họ đã thúc giục việc thực hiện dự định này hăng hái hơn bất kì một người nào trong số các cư dân ven hồ.

Thế là người chồng đứng lặng, tự hỏi có nên xem là một ý Chúa, cái việc hồ Tåkern đã bắt mất con trai họ ngay hôm trước cái ngày mà họ định kí hợp đồng về việc tát cạn hồ không. Vợ ông ta chẳng cần phải nói gì nhiều, thì ông ta đã trả lời:

- Có thể là Chúa không muốn chúng ta xen vào cái mà chính Chúa đã an bài. Mai, tôi sẽ nói với những người kia, và tôi tin rằng chúng ta sẽ quyết định là hiện nay không nên thay đổi chút gì cả.

Trong khi ông bà chủ bàn về dự định tát cái hồ, thì Cesar nằm trước lò sưởi. Nó ngẩng đầu lên và lắng tai nghe hết sức chăm chú. Khi nó đã chắc rằng việc nó làm là đúng, nó bèn chạy đến phía bà chủ. Nó dõng dạc vẫy bà, cắn vào hai hàm răng, và cứ thế đưa bà ra đến cửa.

- Gì thế Cesar! Bà vừa nói vừa muốn gỡ ra.

Rồi bỗng nhiên bà kêu lên: - Mà biết Per Ola ở đâu à?

Cesar sủa một tiếng vui mừng và đâm bổ vào cánh cửa, mở ra, rồi chạy thẳng về phía hồ Tåkern, bà chủ lao theo sau.

Và thế là chưa đến bờ hồ đã nghe tiếng một đứa trẻ khóc ở phía hồ. Per Ola đã sống cái ngày thích thú nhất trong đời nó cùng với chú bé Tí Hon và đàn chim, nhưng giờ đây bỗng nó khóc, vì nó sợ đêm tối. Khi mẹ nó và Cesar đến tìm nó thì nó cảm thấy sung sướng lạ thường.

Lời tiên đoán

Thứ sáu, 22 tháng tư

Một đêm nọ Nils đang ngủ trên một hòn đảo nhỏ của hồ Tåkern, thì bị những tiếng chèo thuyền đánh thức dậy. Vừa mở mắt ra đã bị một ánh sáng chói chang làm cho phải nhấp nháy. Trước tiên, chú không hiểu ánh sáng đó từ đâu trên hồ đến, nhưng chỉ một lát sau chú thấy một chiếc thuyền con đậu sát bờ sậy; đằng lái có một cây đuốc hắc ín to buộc vào một chiếc cột sắt đang cháy. Ngọn lửa đỏ của cây đuốc chiếu xuống mặt nước của hồ đêm, và cái ánh đẹp ấy chắc đang thu hút cá đến, vì khắp chung quanh thấy cử động và vùng vẫy vô số những vệt đen.

Hai ông già đang ở dưới thuyền. Một người ngồi chèo, người kia đứng trên chiếc ghế dài đằng lái, tay cầm một chiếc lao khá ngắn, vót qua loa thành ngạnh. Người chèo có vẻ một dân chài nghèo. Ông ta bé nhỏ, khô khan, da rám nắng, và mặc chiếc vét tông mỏng đã sờn. Người ta thấy rõ là ông ta đã quen ra ngoài trời làm lụng bất kì thời tiết thế nào, và ông ta không biết sợ lạnh. Người kia, áo quần đẹp đẽ, ăn uống đầy đủ, có cái vẻ hách dịch và quan trọng của một chủ trại. “Giờ hãy dừng lại đây!” Người chủ trại nói khi họ đến ngay trước hòn đảo nhỏ, nơi mà chú bé nằm. Nhanh như cắt, ông ta phóng chiếc lao xuống nước. Rút lên thì một con lươn to đang quần quai ở mũi lao. Gỡ lươn ra, ông ta nói: “Đấy. Lại một con không phải là nhỏ. Tôi cho là tối hôm nay chúng mình kiếm được thế là vừa, và có thể về được rồi”.

Ông bạn không cất mái chèo lên, mơ màng nhìn ra chung quanh.

“Đêm nay trên hồ đẹp quá”, ông ta nói.

Và đúng thế thật. Tất cả đều yên tĩnh; mặt nước trải ra lặng như tờ, trừ vệt nước phía sau chiếc thuyền mà ánh đuốc làm cho long lanh tựa hồ một con đường trắng vàng. Bầu trời trong và xanh, lấp lánh muôn nghìn tinh tú. Các bờ hồ đều bị các đảo nhỏ đầy lau sậy che khuất, trừ bên phía tây. Ở đấy núi Omberg nổi cao lên, âm u, hùng tráng hơn lúc ban ngày, bóng phủ lên nền trời một hình tam giác lớn.

Người chủ trại quay đầu đi, cho khỏi lóa mắt vì cây đuốc, và nhìn quanh, rồi cuối cùng nói:

- Đúng, xứ này đẹp, nhưng vẻ đẹp chẳng phải là nét quý nhất của tỉnh

Ustergutland của chúng ta.

- Thế tỉnh ta có cái gì quý hơn? Người chèo thuyền hỏi.

- Ustergutland xưa nay vẫn là một tỉnh được quý mến và tôn trọng.

- Có thể là thế, người kia thừa nhận.

- Với lại rồi sẽ mãi mãi như vậy.

- Biết thế nào được? Người chèo thuyền nói. Người chủ trại ngồi thẳng mình lên.

- Về việc này có một truyện cổ mà trong dòng họ tôi người ta truyền lại cho nhau từ đời cha đến đời con. Chúng tôi không phải bất cứ ai cũng kể cho nghe đâu, nhưng với một người bạn già như anh thì tôi rất có thể tâm sự.

Ông ta bắt đầu kể, giọng như người đọc một truyện cổ đã gần thuộc lòng.

Ở Ulvåsa, tại đây, tỉnh Ustergutland, thời xưa lắm, có một phu nhân có tài đoán trước tương lai, và nói cho thiên hạ biết những gì sẽ xảy ra, chắc chắn như là những việc đã xảy ra xong rồi vậy. Bà rất nổi tiếng, và người ta đến hỏi bà từ những nơi rất xa.

Một hôm phu nhân ấp Ulvåsa ấy đang kéo sợi trong gian phòng lớn, theo phong tục ngày xưa, thì một nông dân đi vào và ngồi xuống ở tận cuối phòng, gần cửa ra vào.

- Thưa phu nhân kính mến, tôi có thể biết được phu nhân đang nghĩ đến cái gì không? Ông ta nói sau một phút im lặng.

- Ta nghĩ đến những điều cao cả, thánh thiện, bà ta trả lời.

- Thế thì hỏi phu nhân một câu vẫn làm tôi băn khoăn, có thể là sỗ sàng quá không?

- Chắc lão muốn biết cánh đồng nhà lão có sẽ cho lão được nhiều lúa mì không... Nhưng mà ta, ta nhận những lời thỉnh cầu của hoàng đế, lo ngại vì số phận của hoàng triều, và của giáo hoàng, lo lắng vì tương lai của uy quyền Tòa thánh cơ mà.

- Chắc rằng đó là những câu hỏi không dễ trả lời, người nông dân nói. Bởi vậy, tôi có nghe nói rằng người ta ở đây về, ai cũng không vui lòng về những điều được biết.

Nghe đến đây, phu nhân ấp Ulvåsa cắn môi và ngồi vững vàng lại trên ghế.

- À! Lão có nghe nói thế à! Vậy thì cứ thử hỏi đi, xem ta có biết trả lời cho lão hài lòng được không.

Người nông dân nói rằng ông ta đã đến với hi vọng được biết tương lai của tỉnh Ustergutland. Ông ta không yêu quý gì trên đời bằng xứ sở của ông ta, và sẽ thấy sung sướng cho đến hơi thở cuối cùng, nếu mang theo về được một câu trả lời tốt lành.

- Nếu lão không mong ước cái gì khác, phu nhân ấp Ulvåsa minh tuệ đáp, thì ta tin là lão sẽ hài lòng. Vì ta có thể nói ngay với lão tại đây, không phải đứng lên rằng tỉnh Ustergutland bao giờ cũng có cái gì đó có thể tự hào so với các tỉnh khác.

- Thật là một lời giải đáp tốt lành, thưa phu nhân kính mến, người nông dân nói, và tôi sẽ được hoàn toàn mãn nguyện nếu tôi chỉ được biết rằng điều ấy làm sao mà có thể thành được!

- Tại sao lại không thể được? Phu nhân ấp Ulvåsa nói. Thế lão không biết rằng Ustergutland đã là một tỉnh nổi tiếng rồi sao? Lão cho rằng ở Thụy Điển này còn có một tỉnh nào khác có thể tự phụ là có hai tu viện như các tu viện ở Alvastra và Vreta và một nhà thờ lớn như nhà thờ ở Linkuping^[52] sao?

- Quả đúng như vậy, người nông dân thừa nhận, nhưng tôi là một lão già; tôi biết rằng đầu óc người ta vốn thay đổi. Tôi e rằng sẽ có một thời mà chúng ta sẽ chẳng còn thấy vinh quang gì về Alvastra, cũng như về Vreta, mà cả về cái nhà thờ lớn của ta nữa.

- Lão nói cũng có cái đúng, phu nhân ấp Ulvåsa công nhận, nhưng lão không cần vì thế mà hoài nghi lời tiên đoán của ta. Ta sắp xây một tu viện mới trên lãnh địa Vadstena, đó sẽ là tu viện danh tiếng lừng lẫy nhất phương Bắc. Quý tộc và tiện dân sẽ đến hành hương, và tất cả mọi người ai cũng chúc tụng tỉnh này đã có, trên đất mình, một thánh địa linh thiêng đến thế. Người nông dân tự thấy sung sướng được biết cái tin tốt lành ấy. Nhưng mà ở trong thế gian này, cái gì rồi cũng tiêu vong, nên ông ta mong được biết rằng thanh danh của tỉnh nhà sẽ làm sao mà giữ được, nếu tu viện Vadstena suy tàn.

- Thật khó mà làm cho lão hài lòng được, phu nhân ấp Ulvåsa nói, nhưng ta có thể bằng huyền thuật nhìn thấy khá xa vào các thời đại, để nói cho lão biết rằng ngay cả trước khi tu viện Vadstena mất uy danh của nó, thì một tòa lâu đài đã mọc lên ở bên cạnh; lâu đài đó sẽ tráng lệ nhất thời, vua chúa, công hầu sẽ đến viếng thăm; và sẽ là một vinh dự lớn cho cái tỉnh đã có một bảo vật như thế.

- Tất nhiên tôi lấy làm hài lòng lắm, người nông dân nhắc lại một lần nữa. Nhưng mà tôi đã già rồi, và tôi biết cái phù du của những vật hào hoa, tráng lệ trên thế gian này. Và nếu một ngày kia tòa lâu đài đổ nát thì bây giờ cái gì sẽ có thể thu hút sự ngưỡng mộ của người ta ở trên cái tỉnh này nữa?

- Lão thật hiếu kì, phu nhân áp Ulvåsa nói, nhưng ta nhìn được khá xa để trông thấy một cảnh nhộn nhịp tuyệt vời trong các miền rừng Finspång. Ta thấy dựng lên những lò cao và những xưởng đúc, và ta tin rằng tỉnh này sẽ rất được quý trọng vì thuật luyện sắt của nó.

Người nông dân công nhận rằng việc ấy làm ông ta vui mừng lắm. Nhưng nếu sau này mà vinh quang của các nhà máy ở Finspång suy vi, thì sẽ còn cái gì để tỉnh này có thể tự hào được nữa không?

- Thật khó làm cho lão hài lòng quá, phu nhân áp Ulvåsa nói, nhưng mà ta còn nhìn thấy khá xa nữa để nói cho lão biết rằng những ngôi nhà ở to rộng như những tòa lâu đài sẽ mọc lên trên các bờ hồ, do những vương công hiển hách đi chinh chiến với nước ngoài xây lên. Ta tin rằng những lâu đài ấy sẽ làm cho tỉnh này mãi lệ vô cùng.

- Hoàn toàn đúng như vậy, nhưng đến một thời mà các lâu đài kia đổ nát hoang tàn! Người nông dân lại có ý kiến.

- Đừng lo, phu nhân áp Ulvåsa nói. Ta nhìn thấy những suối khoáng rỉ ra trong những đồng cỏ ở Medevi, không xa hồ Vettern mấy. Ta tin rằng các suối ấy sẽ đem đến cho tỉnh chúng ta tất cả tiếng tăm mà lão có thể mong ước.

- Biết thế là tốt, nhưng mà đến một thời mà thiên hạ lại đi nhờ chữa bệnh ở những suối khác, người nông dân cố chấp lại nói tiếp.

- Đừng sợ, phu nhân trả lời, ta trông thấy một đám đông nhung nhúc những người ở quăng giữa Motala và Mem. Họ đào một con kênh thông suốt cả xứ, và khi đào xong thì tên tỉnh Ustergutland sẽ được nhắc đến ở cửa miệng của tất cả mọi người.

Người nông dân vẫn giữ vẻ tự lự.

- Ta thấy các thác lớn ở Motala đang làm quay những bánh xe, phu nhân ở Ulvåsa nói tiếp, hai vệt đỏ hiện lên trên đôi má bà, vì bà bắt đầu sốt ruột - Ta nghe thấy những búa máy đập âm âm như sấm ở Motala, và những máy dệt kêu vang ở Norrköping. [\[53\]](#)

- Thật là một tin vui, người nông dân nói, nhưng mà tôi nghĩ mọi thứ đều sẽ qua đi, và tôi sợ rằng những cái ấy một ngày kia rồi sẽ bị quên mất.

Thế là phu nhân ấp Ulvåsa không thể nào kiên nhẫn được nữa.

- Lão nói rằng mọi thứ đều qua đi, bà nói. Vậy thì ta, ta sẽ tiết lộ cho lão biết một cái gì sẽ không thay đổi. Sẽ còn có ở cái xứ này, mãi mãi cho đến ngày tận thế, những nông dân ương ngạnh và tự phụ như lão.

Nhưng bấy giờ, người nông dân liền đứng dậy, hoan hỉ và mãn nguyện, và nhiệt thành cảm ơn phu nhân. Ông ta nói là ông ta ra về, rất vui sướng.

- Thật ra, ta chẳng hiểu ý của lão ra sao cả, phu nhân ấp Ulvåsa nói.

- Thế này ạ, thưa phu nhân kính mến, người nông dân nói rõ ý mình, tôi nghĩ rằng tất cả những gì mà các quốc vương và các tu sĩ, và các lãnh chúa, và các thị dân có thể sáng lập và xây dựng, rồi cũng sẽ chỉ được vài năm. Nhưng mà phu nhân đã bảo tôi rằng tỉnh Ustergutland rồi sẽ mãi mãi có những nông dân trung thực và kiên trì. Như thế tôi biết rằng đất nước sẽ giữ được danh dự đã lâu đời. Vì chỉ những kẻ cúi xuống làm cái lao động vĩnh viễn gian khổ trên đất đai, là sẽ có thể giữ được, từ thế kỉ này sang thế kỉ khác, nền thịnh vượng và niềm vinh quang của tỉnh tôi.

Miếng vải len thô

Thứ bảy, 23 tháng tư

Nils bay rất cao trên không; phía dưới trải ra đồng bằng rộng lớn của tỉnh Ustergutland. Chú đếm chơi các nhà thờ màu trắng mà những ngọn tháp nhô lên giữa các chòm cây. Chẳng mấy chốc mà đã đếm được năm chục. Rồi chú lẫn lộn và không đếm tiếp nữa.

Phần lớn các trại đều có những nhà to hai tầng quét vôi trắng, quang cảnh thật trắng lẹ, làm Nils rất đổi ngạc nhiên. Chú nghĩ: “Chắc trong xứ này không có nông dân, vì không có ấp trại của nông dân”.

Bỗng đàn ngỗng cất tiếng kêu lên: “Ở đây nông dân sống như những lãnh chúa. Ở đây nông dân sống như những lãnh chúa!”.

Trên đồng bằng, tuyết và băng đã tan hết. Việc đồng áng mùa xuân đã bắt đầu.

- Những con tôm càng nào bò qua các cánh đồng thế? Nils hỏi.

- Những cái cày và những con bò. Những cái cày và những con bò. Đàn ngỗng đồng thanh trả lời.

Các con bò đi chậm đến nỗi chỉ thấy hơi nhúc nhích, đàn ngỗng bèn kêu lên bảo chúng:

- Sang năm mới đến nơi. Sang năm mới đến nơi.

Các con bò nào có chịu thua. Chúng héch mồm lên không, rống lên:

- Trong một giờ chúng tớ làm nhiều việc ích lợi hơn các đặng ấy trong suốt cả một đời.

Đây đó có những con ngựa kéo cày. Chúng đi nhanh hơn bò nhiều, nhưng đàn ngỗng vẫn không cưỡng lại nổi ý muốn trêu chúng:

- Các đặng ấy không xấu hổ vì đi làm công việc của mấy con bò à?

Thế là các con ngựa hí lên:

- Chính các đặng ấy lại không xấu hổ vì đi làm cái việc của bọn vô công rồi nghề à?

Trong khi ngựa và bò đang đi cày thì con cừu đực ở nhà, và đi dạo trong sân. Nó vừa mới cắt lông và, nhanh nhẹn nó đùa nghịch bằng cách húc ngã trẻ con, đẩy con chó giữ nhà vào chuồng, rồi đi lại oai vệ, tự hào như chính nó là ông chủ nhà vậy.

- Cừu đực, cừu đực, bộ lông đã đem làm gì rồi?

Đàn ngỗng vừa bay qua vừa kêu.

- Mình gửi đến các xưởng máy Drag ở Norrkuping rồi, cừu trả lời với một tiếng bê dài.

- Cừu đực, cừu đực, đôi sừng đã đem làm gì rồi? Nhưng mà, cừu ta chưa bao giờ có được đôi sừng, và điều đó làm nó phiền muộn lắm, nên không thể có cách nào xúc phạm nó nặng bằng hỏi nó về đôi sừng. Nó tức giận đến nỗi chạy lồng lộn lên một hồi lâu quanh sân, vừa chạy vừa húc đầu vào không khí. Trên đường cái, một người đàn ông đang đi, xua trước mặt một đàn nhỏ lợn sữa tỉnh Skåne, mới đẻ chỉ độ vài tuần, định đem lên bán trên mạn bắc. Dù bé thế, các chú lợn con vẫn chạy lon ton rất bạo dạn, và sát mình vào nhau để tự vệ.

“Nop! Nop! Nop! Người ta bắt chúng mình lìa mẹ, lìa cha sớm quá! Nop, nop, nop, tội nghiệp thân mình, rồi sẽ ra sao?”. Chúng nó kêu, giọng trong và sắc.

Chính đàn ngỗng cũng chẳng còn bụng dạ nào mà nhạo báng những đứa bé đáng thương ấy. “Các cháu sẽ thấy mọi việc rồi tốt lành cả cho các cháu thôi!” Chúng kêu để an ủi đàn lợn con.

Trong lúc bay qua đồng bằng rộng lớn ấy, Nils bỗng nghĩ đến một truyện đã được đọc trước kia trong cuốn lịch sử Thụy Điển, mà nay nhớ lại một cách mơ hồ. Đó là truyện một chiếc váy nhung dệt chỉ vàng, mà một miếng lại là vải len thô. Và ai đó đã phủ lên miếng vải len thô kia bao nhiêu là ngọc trai và ngọc thạch, làm cho nó rực rỡ, mỹ lệ hơn và giàu sang hơn cả tấm nhung dệt chỉ vàng.

Chú nhớ đến miếng vải len thô đó khi từ trên cao nhìn xuống Ustergutland, vì tỉnh này gồm một đồng bằng rộng, kẹp giữa những miền núi và rừng, chạy dài ở hai phía bắc và nam. Những ngọn núi xanh biếc một màu tuyệt diệu, huy hoàng trong ánh ban mai dưới những màn sương nhẹ mờ mờ vàng; đồng bằng trải ra đến vô tận những cánh đồng trơ trụi, nhìn chẳng khác gì miếng vải len thô.

Tuy vậy chắc chắn là người ta đã thấy sung sướng ở trong đồng bằng vì nó tốt lành và quảng đại, và người ta đã đem hết sức ra tô điểm cho nó. Đối

với Nils, đang lượn trên chôn rất cao, thì hình như bao nhiêu những thành phố và ấp trại, những nhà thờ và nhà máy, những lâu đài và nhà ga lổ chỗ trên mặt đồng bằng, đều là bấy nhiêu vật trang sức. Những mái ngói rực rỡ và những cửa kính long lanh khác nào những viên ngọc thạch. Những đường cái màu vàng, những đường sắt bóng nhoáng và những dòng kênh xanh biếc chạy ngang dọc như một mạng lưới đan bằng lụa. Thành phố Linkuping khảm ngôi nhà thờ lớn của mình như một viên kim cương vào giữa những hạt ngọc trai, và những cái trại ở nông thôn thì trông như những chiếc trâm nhỏ và những chiếc cúc quý. Bố trí thì không đều đặn lắm, nhưng thật là một cảnh tráng lệ, nhìn không chán.

Đàn ngỗng đã từ giã vùng núi Omberg và đang bay ngược sông đào Guta bên phía đông. Con sông cũng đang trang điểm để vào hè. Những người thợ đang sửa sang lại các bờ kênh, và sơn hắc ín các cánh cửa lớn ở các âu thuyền.

Khắp nơi người ta làm lụng để đón tiếp mùa xuân một cách xứng đáng, cả trong các thành phố cũng vậy. Ở đây thợ quét vôi và thợ nề, đứng trên các giàn giáo, lo sửa sang các bức tường bên ngoài; những người ở gái, leo lên các mép cửa sổ mở rộng, lau chùi các tấm kính. Trong các bến, người ta sửa chữa và sơn mới các thuyền buồm và tàu máy.

Đến Norrkuping đàn ngỗng trời từ giã đồng bằng và rẽ về phía miền rừng Kolmården. Đàn bay một lúc theo một đường làng cũ hổng nát, uốn lượn ven những khe sâu, dưới chân những sườn núi dốc đứng, thì Nils bỗng kêu lên một tiếng. Chú đứng đưa chơi cái chân và chiếc giày gỗ của chú vừa rơi xuống đất.

“Ngỗng đực, ngỗng đực, mình mất chiếc giày gỗ”, chú kêu lên.

Ngỗng đực bay trở lại và hạ thấp xuống đất, nhưng Nils trông thấy hai đứa trẻ đang đi trên đường cái, đã nhặt chiếc giày gỗ.

“Ngỗng đực, ngỗng đực,” chú kêu lên. “Bay lên nhanh đi. Chậm mất rồi. Có ai nhặt mất rồi”.

Nhưng mà ở bên dưới, giữa đường cái, Åsa, cô bé chặn ngỗng, và đứa em, bé Mats đang tò mò nhìn một chiếc giày gỗ bé tí, từ trên trời rơi xuống.

- Ngỗng trời đánh rơi đấy, bé Mats nói.

Åsa, cô bé chặn ngỗng, đứng lặng hồi lâu, ngắm nghía chiếc giày, sau cùng, chậm rãi nói, vẻ suy nghĩ:

- Em có nhớ không, bé Mats à, khi đi qua Ustergutland, trong một cái

trại, chúng mình có nghe nói là có những người đã trông thấy một gia thần, mặc quần da và đi giày gỗ như một người thợ bình thường là gì? Ở xa tí nữa, một bé gái có trông thấy một yêu lùn đi giày gỗ, cười một con ngỗng. Và khi mình về đến nhà, đến cái nhà của mình, bé Mats à, chúng mình đã trông thấy rõ ràng một con người bé tí, ăn mặc đúng như thế, và người ấy cũng cười một con ngỗng đực bay lên. Hay có lẽ chính là kẻ ấy đang đi qua trên cao và đánh rơi chiếc giày gỗ.

- Chắc là người ấy, bé Mats nói.

Hai đứa trẻ lật đi lật lại chiếc giày gỗ, xem xét kĩ lưỡng, vì không phải ngày nào người ta cũng bắt được chiếc giày gỗ của một gia thần ở trên đường cái.

- Này, thông thả, bé Mats à, Åsa, cô bé chặn ngỗng bỗng kêu lên. Có chữ gì viết đây này, ở phía bên!

- Ồ, thật nhĩ. Nhưng mà chữ bé quá sức.

- Để chị xem! Có... chữ viết: *Nils Holgersson ở Vemmenhug*.

- Em chưa bao giờ thấy cái gì lạ lùng đến thế này, bé Mats nói.

Khu vườn xinh đẹp

Chúa nhật, 24 tháng tư

Ngày hôm sau, đàn ngỗng trời bay lên phía Bắc, theo hướng Surmland. [54] Nils ngắm phong cảnh từ trên cao và riêng nghĩ rằng miền này chẳng giống một miền nào mà mình đã thấy trước đây. Chẳng có những đồng bằng rộng như ở Skåne hay ở Ustergutland, chẳng có những rừng lớn như ở Småland, nhưng mà hỗn hợp tất cả mọi quang cảnh có thể có được. Nils nghĩ rằng: “Ở đây, một chiếc hồ lớn, một con sông lớn, một khu rừng lớn, một quả núi lớn đã bị xẻ thành miếng nhỏ, rồi đem trộn lẫn và rải ra trên mặt đất chẳng chút trật tự nào”.

Thật thế, Nils chỉ thấy những thung lũng hẹp, những chiếc hồ con, những ngọn đồi bé, và những chùm cây nhỏ. Chẳng có gì thực sự có thể trải rộng ra được. Một cánh đồng như có ý muốn mở ra chút ít, tức thì một quả đồi án ngữ ngay chính giữa, và nếu quả đồi mà tìm cách trở thành một ngọn núi thì đồng bằng lại bành trướng ra để ngăn trở. Một cái hồ vừa có vẻ mở rộng diện tích ra là đã thu hẹp lại, chỉ còn là một dòng sông; và chính dòng sông cũng chẳng chảy bao lâu thì đã mở rộng ra để làm thành một cái hồ.

Đàn ngỗng bay dọc sát bờ biển để cho Nils có thể nhìn bao quát cả mặt biển. Chú thấy rằng chính biển cũng không trải ra tự do được, mà các đợt sóng rộng lớn bị vô số những hòn đảo cắt ra, và đến lượt các đảo ấy chưa kịp to cao lên thì biển đã đòi lại quyền của mình.

Tất cả đều chỉ là trao đổi và biến hóa. Những rừng tùng bách xen kẽ với những rừng cây lá rộng, [55] những cánh đồng với những mỏ than bùn, và những lâu đài với những nhà nông dân.

Không thấy người làm lụng ngoài đồng, trái lại họ đi lại trên các đường cái và đường hẻm nhỏ. Họ ra khỏi những túp nhà nhỏ giữa rừng, trên sườn núi Kolmården, mặc quần áo đen, tay cầm “cuốn sách” và chiếc khăn vuông. “Hôm nay chắc là chúa nhật”, nhìn những tín đồ đi lễ nhà thờ, Nils nghĩ vậy. Những hai lần, chú thấy những cô dâu, chú rể đi xe đến nhà thờ, theo sau là một đoàn người dài. Nơi khác một đám tang đi chậm chậm theo đường cái. Nils trông thấy những cỗ xe ngựa đẹp của nhà chủ, và những xe nhỏ hai bánh lợp mui của nông dân. Trên các mặt hồ, thuyền cũng đi tất cả về các nhà thờ.

Chú bé bay qua nhà thờ Bjurkviks, qua Bettna, Blacksta, Vadsbro, và sau đó thì đàn ngỗng bay về phía Skuldinge. Chuông đánh khắp nơi. Nghe từ trên cao, tiếng chuông hay lạ thường. Có thể nói là toàn thể không trung chỉ còn là âm nhạc vang lừng.

“Một điều chắc chắn là đi đến đâu trong cái xứ này, mình cũng nghe tiếng chuông”, Nils nghĩ thế. Và ý nghĩ đó đem đến cho chú một cảm tưởng yên tâm. Dù chú hiện nay có sống trong một thế giới khác đi nữa, thì hình như chú vẫn không bao giờ có thể hoàn toàn lạc loài, chừng nào mà cái tiếng trang nghiêm của các chuông nhà thờ còn gọi chú lại.

Đàn ngỗng đã bay một đoạn khá xa trên vùng Surmland thì chú bé trông thấy một chấm đen cử động trên mặt đất, bên dưới. Trước, chú tưởng là một con chó, và đã không nghĩ đến nó nữa, nếu cái chấm đen kia không tỏ vẻ muốn chạy theo kịp đàn ngỗng. Nó chạy nhanh ở nơi đất trống, và khi băng các cánh rừng thì nhảy qua các hầm hố và các hàng rào, chẳng để cho một cái gì cản chân.

“Có lẽ là Smirre, con cáo, lại đuổi theo chúng ta,” Nils nghĩ thầm. “Nhưng dù sao cũng chỉ lát nữa là chúng ta sẽ bay xa khỏi tầm săn đuổi của nó”.

Sau đó một tí, đàn ngỗng bay nhanh hết sức, và còn trông thấy con cáo là còn bay với tốc độ như thế. Đến khi cáo không còn thể nào trông thấy nữa, thì đàn ngỗng quay ngoắt lại và vòng một vòng rộng hướng về phía tây và phía nam, tựa hồ có ý định trở lại tỉnh Ustergutland. “Đúng là Smirre,” Nils tự nhủ, “vì Akka rẽ lối và bay theo đường khác”.

Gần tới ngày hôm đó, đàn ngỗng bay trên một trang ấp lâu đời ở Surmland, tên là Stora Djulur. Đằng sau tòa nhà lớn màu trắng, trải ra một khu vườn cây trồng xanh um. Mặt trước của Stora Djulur trông ra một cái hồ, bờ khúc khuỷu và có những mồm đá nhô ra thành ghềnh. Trang ấp của thời xưa ấy có vẻ niềm nở, mến khách, và Nils không thể không buột mồm thờ dài một tiếng khi bay qua đấy.

Đàn ngỗng hạ xuống ở phía bắc trang ấp một tí, trên một khoảng đất trống ngập nước giữa rừng. Chỉ có vài mô đất nổi lên lác đác. Đây là chỗ trú đêm tệ nhất mà Nils đã gặp trong suốt cả cuộc lữ hành. Chú cứ ngồi nán lại trên lưng ngỗng đực một lúc, không biết kiếm đâu được chỗ đặt chân. Sau đó, chủ nhảy những bước dài, từ mô đất này sang mô đất khác, đến tận đất liền, rồi đi nhanh về phía tòa lâu đài cổ. Chính đúng tối hôm đó có mấy người đang chuyện trò quanh ngọn lửa lò sưởi, trong một chiếc nhà nhỏ của người làm công nhật, thuộc ấp Stora Djulur. Họ nói đến bài thuyết giáo,^[56] đến

công việc mùa xuân, đến thời tiết nóng lạnh, nhưng mà cạn hết chuyện, họ bèn nhờ một bà lão, mẹ người công nhật, kể cho họ nghe chuyện ma quỷ. Bà lão đã từng đi ở cho nhiều trang ấp trong thiếu thời, có thể kể không ngớt cho đến sáng hôm sau.

Khi bà lão đã kể xong những chuyện về Eriksberg, Vibyholm, Julita, Lagmansur, và bao nhiêu chốn khác nữa, thì người nào đó hỏi bà là ở Stora Djulur xưa nay có cái gì xảy ra quái lạ không.

“Có xảy ra cái gì chứ, chắc chắn như vậy”, bà lão nói.

Và tức thì, ai cũng nằn nì xin được biết là người đời đã kể lại gì về trang viên của chính họ.

Theo truyện xưa thì ngày trước có một tòa lâu đài cổ ở phía bắc Stora Djulur, trên một ngọn đồi mà nay chỉ có độc cây rừng. Phía trước lâu đài trải ra một khu vườn xinh đẹp. Nhưng mà, một ngày kia, một người đàn ông mà người ta gọi là tên ông Karl, thời ấy làm chúa cả xứ Surmland, vừa du lịch trở về lâu đài. Sau khi ăn uống xong, ông ta ra vườn, và đứng hồi lâu mãi ngắm cái hồ của ấp Stora Djulur có những bờ bãi rất đẹp. Nhưng trong khi vui sướng trước cảnh đẹp này, và nghĩ rằng chẳng xứ nào trên thế gian mà có thể đẹp hơn Surmland được, thì chợt nghe ai đó thở dài một tiếng náo nuột ở sau lưng. Quay lại, ông ta trông thấy một người làm công nhật già, đang gập mình trên một cái mai đào đất.

- Có phải lão thở dài đấy không? Tên ông Karl hỏi.

Tại sao lão thở dài?

- Có sao tôi mới thở dài, tôi phải làm lụng ở đây hết ngày này sang ngày khác - người công nhật trả lời.

Tên ông Karl có tính dễ tức giận. Ông không thích nghe tôi tố than phiền.

- Lão không còn duyên do nào khác nữa để than phiền à? Ông ta quát to. Ta quả quyết với lão rằng ta sẽ rất thích thú được đào đất xứ Surmland này suốt cả đời ta.

- Mong rằng các hạ cầu được ước thấy! Người công nhật đáp lại.

Sau việc ấy, trong xứ người ta cho rằng tên ông Karl nằm dưới mồ mà chẳng được yên nghỉ chút nào, và đêm đêm lại trở về Stora Djulur để cầm mai đào đất trong khu vườn xinh đẹp của ông ta.

Ngày nay, ở đây không có lâu đài cũng không có vườn tược; chỉ còn thấy có một chiếc gò cây mọc thành rừng, rất mực bình thường thôi, nhưng nếu ai

mạo hiểm vào rừng trong đêm tối thì may ra có thể trông thấy khu vườn. Bà lão kể đến đây thì ngừng lại và chú mục nhìn vào một góc tối của gian phòng.

- Các người có nghe tiếng động đây không? Bà lão hỏi.

- Có gì đâu, mẹ à, mẹ kể tiếp đi, người con dâu nói. Chuột cống đã cắn thủng một lỗ to trong góc ấy, nhưng con nhiều việc quá quên không bút lại. Mẹ kể cho chúng con nghe xưa nay có ai đã được trông thấy khu vườn xinh đẹp đó chưa?

- Có chứ, bà lão kể tiếp, chính bố ta đã được ngắm cảnh vườn rồi. Ông cụ đi qua rừng, một đêm hè thì bỗng thấy dựng lên trước mặt một bức tường bao quanh vườn; phía trên tường nhìn thấy cây cối đẹp nhất trần gian. Cảnh nhánh mang nặng hoa quả, nhiều đến nỗi rũ cả ra ngoài tường. Một người làm vườn bước ra, và hỏi ông cụ ta có thích vào xem vườn không. Người ấy tay cầm cái mai, và mang một cái tạp dề dài như những người làm vườn khác. Ông cụ ta sắp đi theo người ấy thì tình cờ liếc nhìn mặt ông ta, và tức khắc nhận ra túm tóc nhọn hắt ngược trên trán và túm râu cằm. Đích thị là tôn ông Karl rồi!

Câu chuyện lại bị ngắt nữa. Lần này thì một súc củi nổ ra, bắn những tia lửa và những vụn than lên sàn nhà. Cả gian phòng sáng rực, và bà lão tưởng như trông thấy một con người bé nhỏ ngồi trước lỗ chuột khoét, nghe kể chuyện, nhưng vội vàng biến mất.

Người con dâu cầm cái chổi và cái xẻng, quét than hốt đi, rồi ngồi xuống lại.

- Kể tiếp đi mẹ, chị ta nói. Bà lão không bằng lòng.

- Tôi nay thế là đủ, bà nói giọng khác hẳn.

Các người khác đều muốn nghe thêm, nhưng người con dâu thấy mẹ chồng tái mặt và hai tay run lẩy bẩy, liền nói:

- Thôi! Thôi! Mẹ mệt rồi. Mẹ phải đi nằm.

Lát sau, Nils trở vào rừng với đàn ngỗng. Chú nhai một củ cà rốt nhặt được trước hầm nhà và nghĩ rằng mình đã được một bữa ăn tối tuyệt vời. Chú lại thích thú được ở lại giờ lâu trong chiếc nhà nhỏ ấm áp. Chú nghĩ: “Chỉ cần tìm được một chỗ trú thoải mái cho đêm nay thôi”.

Bỗng chú chợt nghĩ rằng cách tốt nhất là lên nằm trên một cây bách um tùm mọc ở bên đường cái. Chú leo lên cây, lấy những cành con đan lại thành một thứ giường. Chú nằm đó một lát, nghĩ đến câu chuyện được nghe kể

trong chiếc nhà nhỏ, và nhất là chuyện về tôn ông Karl, mà người ta nói là vẫn hiện về trong khu vườn Djulur. Đến đây thì chú ngủ thiếp đi.

Chắc là chú đã ngủ thẳng đến sáng hôm sau, nếu không bị tiếng kèn kẹt của chiếc cổng sắt mở ra, có thể nói là ở ngay dưới chân, đánh thức dậy. Tức thì Nils dụi mắt và nhìn quanh.

Ngay bên cạnh dựng lên một bức tường cao ngang đầu người, phía sau thấy có cây cối mà cành nhánh oằn xuống dưới sức nặng của trái cây. Thoạt tiên Nils cho là việc này khá lạ lùng. Trước khi chú ngủ, ở đây chẳng có cái cây ăn quả nào cả. Nhưng mà rất nhanh, chú nhớ lại, và chú đoán ra ngay khu vườn chú trông thấy kia là vườn nào.

Điều lạ nhất có lẽ là chú chẳng thấy sợ chút nào, mà trái lại, thấy muốn đi vào trong vườn không cưỡng lại được. Nơi chú nằm trên cây bách vừa tối vừa lạnh, nhưng khu vườn thì sáng sủa, và Nils tưởng trông thấy những trái cây và những hoa hồng rực rỡ dưới ánh mặt trời. Như chú, đã lang thang bao nhiêu ngày dưới cái rét và trời mưa, mà được hưởng một chút nắng ấm mùa hè thì thích thú biết mấy.

Vả lại, hình như đi vào vườn thật chẳng chút khó khăn nào. Bức tường lớn có trở một cái cổng ngay cạnh gốc bách nơi chú nghỉ, và một người làm vườn già vừa mở hai cánh cổng sắt lớn ra. Ông ta đứng ở cổng và nhìn ra cánh rừng, vẻ chờ đợi ai. Chỉ nháy mắt, Nils đã tụt xuống gốc cây. Chú đi lại phía người làm vườn, tay cầm mũ, khẽ gật đầu chào và xin phép vào xem vườn.

“Ừ! Ta cho phép. Vào đi!” Người làm vườn trả lời, giọng nghe khó chịu. Và Nils vào là ông ta khóa cửa sắt lại với chiếc chìa khóa nặng, rồi đút nó vào túi. Bây giờ chú nhìn ông làm vườn. Ông ta có bộ mặt hăm tãi, với bộ ria mép to tướng, túm râu cằm nhọn hoắt và cái mũi khoằm như mỏ chim ăn thịt. Giá ông ta không mặc cái tạp dề của người làm vườn và cầm ở tay một cái mai nặng, thì Nils đã cho ông ta là một ông lính già.

Người làm vườn bước những bước dài, đi sâu vào khu vườn và Nils phải chạy mới theo kịp. Họ đi dọc một con đường hẹp, và Nils vô tình giẫm lên mép bồn cỏ. Tức khắc, người làm vườn nghiêm khắc cấm chú không được đi lên cỏ. Sau đó thì Nils chỉ cứ việc đi theo người hướng dẫn từng bước một.

Nils cảm thấy rõ ràng là người làm vườn mà đưa một thằng bé để thiếu thốn như hạng chú đi thăm vườn mình thì đã tự thấy mình quá nhân hậu, nên chú không dám hỏi ông ta một câu nào. Chỉ thỉnh thoảng ông ta mới nói với chú một lời gì đó.

Vừa qua khỏi bức tường là gặp ngay một hàng rào dày. Qua rào xong, người làm vườn kể cho Nils biết là ông ta đã đặt cho cái rào tên là Kolmården.

“Đúng là hàng rào này cao lớn và rất xứng với cái tên ấy”.^[57] Nils trả lời, nhưng mà ông làm vườn chẳng thêm quan tâm chút nào đến cái điều chú có thể nói, hay không thể nói.

Họ ra khỏi lùm cây dày, và Nils có thể nhìn bao quát một phần lớn khu vườn. Chú thấy ngay là nó không rộng lắm, may ra được một mẫu tây.^[58] Hai phía nam và tây có thành cao che chở, nhưng hai phía bắc và đông thì có nước bao bọc, cho nên chẳng cần một thứ tường rào nào cả.

Người làm vườn dừng chân để buộc lại một thân cây nhỏ, thế là Nils được nhìn ra chung quanh. Trong đời, chú chưa trông thấy nhiều vườn, nhưng chú cũng đoán được rằng vườn này chẳng giống các vườn khác. Chắc nó được bố trí theo kiểu ngày xưa, vì ngày nay chẳng ai còn thấy một số non bộ nhỏ, bồn hoa nhỏ, mép viền hoa nhỏ, vạt cỏ nhỏ, vòm cây nhỏ, nhiều đến thế. Người ta lại càng ít gặp một số ao con, sông máng uốn khúc quanh co nhiều như Nils cứ mỗi bước là một gặp phải ở đây.

Khắp nơi có những đại thụ uy nghi nhất, và những hoa thơm tao nhã nhất. Nước ở các sông đào hẹp, trong vắt cái trong của thủy tinh, hay là một màu lục sẫm in bóng các bờ bãi chung quanh. Tất cả các thứ đó tựa hồ một chốn thiên đường trước mặt Nils. Chú vỗ tay và kêu lên:

- Tôi chưa bao giờ trông thấy cái gì đẹp đến thế này. Vườn này là vườn nào đây?

Nghe đến đấy, người làm vườn quay ngoắt lại và nói, giọng thô lỗ:

- Khu vườn xinh đẹp này gọi là Surmland. Thế mà là đũa nào mà chẳng biết gì cả vậy? Surmland xưa nay có tiếng là một trong những vùng đẹp nhất đất nước. Nils hơi tann ngần một chút, nhưng mà có bao nhiêu cái để xem, nên chú không thể suy nghĩ đến ý nghĩa của câu trả lời ấy. Đúng! Xinh đẹp thật, khu vườn này với tất cả các loài hoa của nó, các dòng nước uốn khúc quanh co của nó, Nils không thể tìm thấy một khu vườn nào khác làm chú thích hơn được... và tất cả những đình tạ kia, tất cả những ngôi nhà nho nhỏ dành cho các trò vui chơi kia, bố trí gần như khắp nơi, nhưng mà nhiều nhất là ven bờ những hồ nhỏ và những dòng kênh! Đó chẳng phải là những nhà thật. Kích thước chật hẹp, như tuồng làm ra cho những kẻ tầm vóc bằng Nils, nhưng mà trông thật duyên dáng. Những nhà ấy thật nhiều kiểu. Có những cái giống như những lâu đài, đủ cả các ngọn tháp và cánh trái, cánh phải. Những cái khác có vẻ là những nhà thờ, những cái khác nữa là những nhà

cối xay, những nhà ở của nông dân. Nhà nào cũng đẹp, đến nỗi Nils muốn dừng lại nhìn kĩ từng cái một, nhìn gần hơn, nhưng mà phải đi theo người làm vườn.

Chỉ một lát sau họ đến một tòa nhà rộng hơn và đáng giá quý tộc hơn tất cả những nhà đã gặp đến lúc ấy. Nhà hai tầng, trên có mái, và hai bên có hai cánh nhô ra phía trước. Tòa nhà dựng trên một mô đất, ở giữa những bồn hoa; và đường cái dẫn đến đó đã vượt qua tất cả các sông đào, cái này đến cái khác, trên những chiếc cầu bé tí thanh nhả mà duyên dáng. Nils vẫn chạy lúp xúp bèn gót người làm vườn, và chỉ lướt qua không dừng lại trước những thứ kì quan ấy; chú thở dài một tiếng náo nức, khiến người bạn đường nghiêm khắc nghe thấy và quay lại.

- Ta gọi chôn này là Eriksberg, ông ta nói. Muốn vào không? Ta cho phép, nhưng coi chừng phu nhân ấp Pintorpa!

Một lời mời như thế, Nils không để cho người ta nhắc lại đến lần thứ hai. Chú chạy dọc lối đi có trồng cây hai bên, chú đi qua những chiếc cầu nhỏ và băng qua những bồn hoa, chú bước vào nhà. Những bậc thềm vừa tầm vóc của chú, chú có thể mở tất cả các cửa, và chưa bao giờ chú dám nghĩ đến việc được trông thấy cái gì đẹp đến thế này.

Những sàn nhà lát gỗ sồi đánh xi bóng lộn, những trần nhà quét vôi trắng vẽ đầy tranh. Trên mọi tường, các bức tranh chen chúc nhau. Những đồ gỗ thếp vàng đều phủ lụa. Nils trông thấy những gian phòng mà tường xếp đầy sách, chú thấy những phòng khác mà bàn và tủ để đầy bảo vật. Nhưng dù xem vội, chú vẫn không tài nào xem được một nửa tòa lâu đài, thì người làm vườn đã gọi trở lại, và chú mới bước ra là đã thấy ông lão đang nhai nhai bộ ria mép vẽ sột ruột. “Thế nào, có trông thấy phu nhân ấp Pintorpa không?”, người làm vườn hỏi.

Nhưng Nils có thấy một bóng người nào đâu, và khi chú nói thế với người làm vườn thì mặt ông ta nhả lại. “Phu nhân ấp Pintorpa đã được quyền yên nghỉ rồi, mà ta thì không”, ông ta kêu lên.

Và Nils nghĩ là chưa bao giờ mình phải cảm thấy một nỗi thất vọng đến thế run lên trong giọng nói của một con người.

Sau đó, người làm vườn lại bước những bước dài, đi tiếp con đường của mình, và Nils lại chạy theo ông ta, vừa chạy vừa cố hết sức xem bao nhiêu thứ kì quan. Họ đi vòng quanh một cái bàn hơi rộng hơn các cái khác một tí. Những ngôi đình màu trắng, trông như những nhà chủ ấp, mọc lên khắp nơi, giữa những chòm cây rợp bóng và những bồn hoa. Người làm vườn không dừng chân, nhưng vừa đi vừa nói, khi câu này, khi câu kia:

“Ta đã đặt cho bàu này cái tên là Yngaren. Đây là Danbyholm - Đây là Hagbyberga. - Đây là Hovsta, và kia là Åkeru.”

Rồi thì, nhảy hai cái, người làm vườn đến một khoảnh nước nhỏ mà ông ta gọi là Båven. Nghe một tiếng kêu ngạc nhiên, người làm vườn dừng lại. Nils đã đứng sững trước một cái cầu dẫn đến một tòa lâu đài, nằm trên một hòn đảo giữa khoảnh nước.

“Có thì giờ xem thì ta cho phép nhìn qua lâu đài Vibyholm, ông ta nói, nhưng coi chừng Bạch phu nhân!” Ở Vibyholm, các bức tường treo nhiều tranh đến nỗi Nils tưởng như đang đứng trước một cuốn sách tranh vẽ lớn. Chú thích quá, những muồn ở suốt đêm tại lâu đài, nhưng mà giọng người làm vườn đã vội gọi chú ra: “Trở lại! Trở lại! Ta còn bao việc khác phải làm, thì giờ đâu mà chờ mày, đồ lang thang bần thiêu!”.

Nils chạy qua cầu, và vừa trông thấy chú, người làm vườn liền hỏi:

“Làm sao thế? Có trông thấy Bạch phu nhân không?” Nils có trông thấy một bóng người nào đâu, và chú thú nhận với người làm vườn như thế. Ông lão liền cầm cái mai đập xuống một hòn đá, mạnh đến nỗi đá vỡ tan, bay ra từng mảnh, và ông ta nói, giọng hoàn toàn tuyệt vọng:

“Bạch phu nhân ở Vibyholm được quyền yên nghỉ, còn ta thì không...”

Cho đến lúc đó, họ đã đi hết phía nam của khu vườn, bây giờ người làm vườn đi vào phần phía tây, ở đây mọi thứ đều bố trí khác hẳn. Những phiến đá lớn bằng phẳng xen với những bồn dậu tây hình vuông, những vật bấp cải và những đám phúc bồn.^[59] Lại còn những đình tạ nhỏ để vui chơi, nhưng phần lớn đều màu đỏ, và rất giống những nhà nông dân. Khắp chung quanh là những giàn hublông^[60] và những đám xori. Người làm vườn dừng lại một tí, và buông một câu: “Ta gọi vùng này là Vingåker”.

Rồi tức thì ông ta chỉ một cái nhà, đơn sơ hơn các nhà đã trông thấy nhiều, và hoàn toàn có vẻ là một lò đúc sắt.

“Đây là một xưởng lớn chế tạo công cụ. Ta gọi là Eskilstuna. Thích thì có thể vào nhìn một tí”.

Nils đi vào. Những bánh xe đang quay, những chiếc búa đang nện, những máy tiện đang tiện. Biết bao nhiêu cái đáng xem, Nils có thể ở suốt đêm để nhìn nếu người làm vườn không gọi trở lại.

Sau đó, họ vượt qua hồ lên phía bắc của khu vườn. Bờ hồ khúc khuỷu, chỉ là vũng với ghềnh, ghềnh với vũng. Phía trước các ghềnh đá, nổi lên những đảo nhỏ, cách đất liền bằng những cái eo con. Các đảo nhỏ ấy cũng thuộc về

khu vườn. Cũng được trồng trọt cẩn thận như những phần khác. Nils đi qua phía trước những trang viên, nơi sau càng đẹp hơn nơi trước, nhưng chú chỉ dừng lại có một lần, trước một ngôi nhà thờ màu đỏ, vẻ ngoài cao quý. Ngôi nhà thờ dựng trên một cái ghềnh trồng những cây rất sai quả. Người làm vườn, đã quen từ nãy, không muốn dừng lại, nhưng Nils không chịu và xin phép vào xem.

“Được. Ta đồng ý, người làm vườn nói, nhưng coi chừng Rogge, ông giám mục. Rất có thể là ngày nay ông ta vẫn còn hiện hồn về Strängnäs!”

Nils lao vào nhà thờ. Chú xem xét những mộ chí cổ và những bức tranh tam bình^[61] đẹp. Nhất là chú ngắm nghía một hiệp sĩ, giáp trụ mạ vàng đứng trong một khám thờ, cạnh cổng vào. Trong nhà thờ cũng bao nhiêu là vật đáng xem, Nils những muốn ở lại đấy cả đêm, nhưng chú đành phải đi ra, để khỏi bắt người làm vườn chờ. Chú vừa ra đến sân trước nhà thờ thì thấy người làm vườn đang nhìn theo một con cú đuổi một con chim bông lau ở rất cao trên trời. Ông lão huýt sáo mồm gọi con chim bông lau, nó tin cậy đến độ trên vai ông ta, và khi mà con cú, hăng hái sẵn mồi, muốn bắt nó, thì người làm vườn lấy cái mai đánh đuổi đi. “Ông ta không phải độc ác như ta thấy bên ngoài”, Nils nghĩ bụng, khi trông thấy ông lão dịu dàng chăm sóc con chim bé bỏng tội nghiệp kia.

Lúc đó, trông thấy Nils, người làm vườn quay lại hỏi có trông thấy giám mục Rogge không? Và nghe chú bé trả lời là không, ông ta liền nói, với một nỗi buồn vô hạn:

“Giám mục Rogge thế là được quyền yên nghỉ, còn ta thì không”.

Lát sau họ đến trước ngôi nhà nguy nga nhất trong tất cả các nhà búp bê ở đây. Đó là một ngôi nhà bằng gạch, có ba ngọn tháp đồ sộ nặng nề, do những căn nhà ở rộng rãi nối lại với nhau.

“Có thích thì vào đi, và xem cả bốn bề chung quanh, đây là Gripsholm, người làm vườn nói. Nhưng coi chừng, kéo gấp quốc vương Erik”.

Nils qua một cổng đồ sộ, và vào một sân rộng hình tam giác, chung quanh là những nhà cửa không có gì đáng để ý. Nils chỉ chơi nhảy cừu qua mấy cổ đại bác rồi tiếp tục cuộc viếng thăm. Chú qua một cổng lớn nữa, rồi sau cùng là một cái sân danh dự, mà vây quanh toàn những công trình xây dựng tuyệt mỹ. Nils đến cái phòng hội họp rộng, xà ngang xà dọc trông rõ, và tường thì treo kín những bức chân dung to lớn và âm u, vẽ những lãnh chúa nghiêm nghị và những phu nhân cao quý, mặc những bộ y phục cứng đờ, hình dáng lạ lùng.

Ở tầng dưới, các gian phòng đều sáng sủa và vui vẻ hơn. Bây giờ Nils mới nhận rõ là mình đang ở trong một tòa vương cung, vì chỉ thấy toàn những chân dung quốc vương và vương hậu. Ở tầng thứ hai là một kho lương mênh mông có rất nhiều gian phòng bao quanh. Các phòng đều trắng, đồ đạc thanh nhã; có một rạp hát nhỏ, và ngay bên cạnh là cả một nhà lao thực sự. Đó là một phòng mà tường đá trần trụi, cửa sổ rào sắt, và mặt đất đã bị bước chân của bao tù nhân giẫm nát. Biết bao nhiêu thứ thu hút sự chú ý của Nils, đến mức chú những muốn ở đây nhiều ngày, nếu người làm vườn không gọi ra.

“Có thấy quốc vương Erik không?”. Ông lão hỏi. Nhưng mà Nils có thấy một người nào đâu, và người làm vườn lại kêu lên, như ông ta vẫn kêu mấy lần, nhưng với một nỗi tuyệt vọng còn lớn hơn nhiều.

“Quốc vương Erik thế là yên nghỉ rồi, còn ta thì không!”

Sau cùng họ đến phần bên đông của khu vườn. Họ đi qua trước một khu nhà tắm, mà người làm vườn gọi là Suder-tälje, rồi qua trước một lâu đài cổ, mà ông ta gọi là Hurningsholm. Cảnh chẳng có gì đáng chú ý lắm. Chỉ thấy những bờ đá dựng đứng, và những bãi đá ngầm, càng nhìn càng thấy trơ trụi, hoang dã, thê lương.

Nils và người làm vườn quay sang phía nam và Nils nhận ra cái hàng rào mà ông bạn đường đã gọi là Kolmården, chú biết là đã ra đến cổng vườn. Làm thế nào mà cảm ơn người làm vườn đây? Nhưng mà ông lão không nghe chú nói. Ông ta đi thẳng ra cổng. Đến đấy, ông quay lại Nils, và đưa chú cái mai đang cầm.

“Cầm giùm ta cái này trong khi ta mở cổng”.

Lo ngại vì đã làm phiền ông lão già nua khó tính kia đến thế, Nils muốn tránh cho ông một nỗi khó nhọc thêm nữa.

“Vô ích, không cần vì tôi mà phải mở cánh cổng nặng này” chú nói to, và vừa nói vừa chui giữa các gióng sắt mà ra. Chú có thiện ý nhất trần đời, nhưng chú sừng sốt: người làm vườn gào thét giận dữ, giẫm chân xuống đất, lay cái cổng sắt.

- Nhưng làm sao thế? Nils hỏi. Tôi chỉ tìm cách tránh cho ông khỏi vất vả. Tại sao ông lại giận đến thế?

- Ta giận chẳng đúng sao, ông lão đáp. Giá mà cầm lấy cái mai của ta thì đã đến lượt mày ở lại đây và trông nom khu vườn. Còn ta thì đã được giải thoát. Bây giờ thì ta không biết là còn sẽ phải ở lại chốn này bao nhiêu lâu nữa.

Ông ta vẫn lay cái công sắt một cách khùng khiếp, nhưng Nils không thể không thương hại ông, và chú cố gắng an ủi ông.

“Đừng giận, tôn ông Karl tỉnh Surmland ạ, chẳng một ai trên đời mà có thể trồng trọt khu vườn của ông giỏi hơn ông được”.

Ông lão làm vườn nguôi giận và làm thinh, và Nils tưởng như trông thấy nét mặt dữ dội của ông sáng ra. Tuy nhiên chú không thể xem là có chắc thế không, vì đúng lúc ấy, ông lão tiêu tan, biến mất trong một màn sương mù. Mà không phải chỉ một mình ông ta, mà cả toàn bộ khu vườn cũng mờ đi và biến mất với những hoa những quả, với ánh mặt trời của nó. Ở chỗ khu vườn chỉ còn thấy có cánh rừng hoang vu, quanh quẽ.

Chó Karr và nai lông xám

Ở phía bắc vùng Bråviken, chỗ giáp ranh giữa hai tỉnh Ustergutland và Surmland mọc lên một quả núi dài mấy dặm và rộng một dặm. Giá núi mà cao tương xứng với bề dọc, bề ngang của nó thì đã là một trong những núi đẹp nhất mà người ta có thể trông thấy, nhưng mà đây không phải như vậy.

Đôi khi người ta gặp một ngôi nhà khởi công với quy mô rộng lớn đến nỗi người xây dựng không bao giờ có thể hoàn thành được. Người ta thấy những nền móng kiên cố, những khung tò vò vững chắc, nhưng chẳng có chút tường cũng như tí mái nào cả; công trình xây dựng chỉ mọc lên cao hơn mặt đất có vài bộ. ^[62] Chẳng có cái gì cho ta một ý niệm đúng hơn thế về quả núi ranh giới ấy. Có thể nói rằng đó là nền móng của một quả núi hơn là một quả núi đã hình thành. Nó mọc từ đồng bằng lên với những sườn dốc đứng; khắp nơi những khối đá hiên ngang chồng chất lên nhau hình như để đỡ những gian phòng menh mông, cao vút. Mọi thứ đều hùng vĩ và hoành tráng, nhưng mà thiếu mất bề cao. Người xây dựng đã chán và bỏ dở công việc trước khi đắp xong những sườn dài, những mũi nhọn, những đỉnh cao, thường làm nên những tường thành và nóc mái của những quả núi bình thường.

Để đền bù lại, quả núi lớn ấy được phủ kín những đại thụ hùng tráng. Từ những thưở nào, sỏi và bờ đề đã mọc trong những thung lũng, phong và trăn trên các bờ hồ, thông trên những sườn cheo leo, và bách thì khắp nơi, ở đâu mà có một nhúm mùn.

Tất cả những loài cây ấy hợp thành khu rừng lớn Kolmården, mà xưa kia người ta khiếp sợ đến nỗi ai bắt buộc phải đi qua rừng đều gửi hồn cho Chúa và sửa soạn cái phút lâm chung của mình.

Rừng là một sào huyệt tuyệt vời cho những dã thú và những côn đồ biết leo, biết bò, biết chui qua các bụi gai rậm rạp. Đối với những kẻ lương thiện, rừng chẳng có gì hấp dẫn: âm u và hung dữ, hoang vu và lừa lọc, gai nọc và chằng chịt. Rừng có những cỗ thụ như hình những yêu tinh với thân đầy rêu, cành phủ địa y như những chòm râu dài.

Người ta nhìn rừng với đôi mắt ảm đạm vì với khí lực xum xuê, rừng như ngạo mạn thách thức cảnh nghèo khổ của họ. Tuy vậy, cuối cùng rồi họ cũng hiểu ra rằng có lẽ họ có thể rút ra được chút lợi nào đấy ở rừng chẳng. Họ bắt

tay khai thác, đẵn gỗ, xẻ ván và kèo, cột đem bán cho người ở đồng bằng, vì chính những người này đã đẵn hết cây của mình đi rồi. Người ta tìm ra được rằng rừng có thể nuôi sống người ta, chẳng kém gì đồng ruộng. Thế là họ đi đến chỗ nhìn rừng bằng con mắt khác hẳn. Họ quen chăm sóc rừng và yêu mến rừng. Họ quên hết tất cả nỗi hận thù xưa kia, và đi đến chỗ xem rừng như bạn tốt nhất của họ.

Karr

Vào khoảng mười hai năm trước cuộc lữ hành lớn của Nils Holgersson, thì có việc một người chủ ở vùng Kolmården muốn loại bỏ một trong những con chó săn của mình. Ông ta cho tìm người gác rừng đến, và nói là không thể giữ con chó được nữa; nó cứ rượt đuổi cừu và gà, mãi không thôi. Vì vậy nó phải được đưa vào rừng và bắn chết.

Người gác cầm đầu mút sợi dây, dắt con chó đến chỗ mà người ta thường giết và chôn những chó không dùng vào việc gì nữa. Ông ta không phải là một người ác, thật ra là ông ta cũng muốn trừ khử con chó đi, vì ông ta biết rằng không những nó chỉ rượt đuổi cừu và gà, mà còn thường thoát vào rừng để bắt thỏ hay gà rừng tơ nữa.

Con chó nhỏ và đen, ức và chân trước đều màu vàng. Nó tên là Karr, và thông minh đến mức hiểu tất cả những gì mà người ta nói. Khi người gác dẫn nó đi qua khu rừng thì nó biết rất rõ cái gì đang chờ nó. Nhưng mà nó chẳng để lộ ra chút gì cả. Nó không ngoẹo đầu, cũng không quắp đuôi vào hai chân; hình như nó vẫn vô tư lự như thường ngày. Chẳng phải người ta đang đi qua khu rừng mà ở đó nó đã là mối kinh hãi của tất cả mọi vật nhỏ cư trú tại đó ư. Nó tự nhủ: “Khắp nơi trong bụi bờ gai góc, người ta sẽ rất hài lòng nếu biết cái gì đang chờ mình”. Nó bèn vẫy đuôi và sủa lên một tiếng vui vẻ để cho người ta đừng ngờ chút gì hết.

Nhưng nó bỗng đổi cách đi, nó vươn dài cổ ra và ngẩng đầu như để tru lên vậy. Và đáng lẽ chạy nước kiệu bên cạnh người gác thì nó cứ ở lại đằng sau; người ta thấy rõ là một ý nghĩ khó chịu đã tác động mạnh đến nó.

Mùa hè vừa mới bắt đầu. Những con nai xứ lạnh^[63] vừa mới đẻ con, và chiều hôm qua, Karr tách được một con nai con, mới đẻ chưa đầy năm ngày ra khỏi mẹ nó, và đuổi nó đến một cái đầm lầy. Ở đây Karr đã rượt con nai con từ mô đất này sang mô đất khác, không phải để vồ lấy nó, mà chỉ để thấy nó sợ cho vui. Con nai mẹ biết rằng vào cỡ này, ít ngày sau khi tan băng thì đầm lầy sâu lắm và không thể mang nổi một con vật to như nó, nên cứ ở trên đất liền cho đến khi không ở được nữa. Nhưng vì con nó mỗi lúc một chạy

xa, nên bồng nó liều mình xuống đầm lầy, và đến lượt nó đuổi con chó đi và gọi con nó lại, rồi trở về đất liền. Loài nai xứ lạnh đi trong các đầm lầy, tránh không bị lún khéo léo hơn tất cả các loài vật khác, nên hai mẹ con hình như đã sắp thoát hiểm. Nhưng đến gần bờ thì một mô đất, mà con nai cái vừa đặt chân lên, bồng sụt xuống bùn, và nó bị lún theo. Nó cố gắng nhấc chân lên để đứng cho vững, nhưng không ăn thua, và mỗi lúc một bị lún sâu thêm. Karr nhìn theo không dám thở; trông thấy con nai không tài nào thoát chết được nó liền ba chân bốn cẳng chạy trốn. Nó hiểu rằng một trận đòn nên thân đang chờ nó, người ta biết rằng nó đã làm chết mất một con nai. Nó sợ đến mức chỉ khi đã về đến nhà mới dám thôi chạy.

Cái việc xảy ra mà Karr vừa nhớ lại là như vậy, chẳng có việc xấu nào nó đã làm mà khiến nó xót xa đến thế. Nó có muốn làm hại con nai cái cũng như con nai con đâu, nhưng mà nó đã là nguyên nhân gây ra cái chết của cả hai mẹ con.

Bồng nó nghĩ: “vả lại có thể là chúng chưa chết. Có thể là chúng đã được cứu thoát rồi”.

Nó hết sức muốn được biết sự thể đã ra sao. Người gác cầm sợi dây không chặt; Karr thỉnh thoảng né mình sang một bên, và sợi dây tuột xuống đất. Karr bèn chạy thoát qua cánh rừng về phía đầm lầy; khi người gác muốn nhắm bắn thì nó đã xa quá rồi.

Người gác chạy theo; đến đầm lầy thì bắt gặp nó đang đứng trên một mô đất cách bờ vài mét, dùng hết sức tru tréo lên. Tò mò muốn biết việc gì đã xảy ra, ông ta bò bốn chân trên mặt băng, ra xem. Chỉ một lát, ông ta tìm thấy một con nai cái bị vùi kín dưới bùn. Sát bên cạnh là con nai con. Nó còn sống, nhưng không thể cựa quậy, vì trông nó đã kiệt sức lắm rồi. Karr cúi xuống thân hình nó, lúc thì tru lên kêu cứu, lúc thì liềm liềm nó.

Người gác lôi con vật bé nhỏ lên đất liền. Con chó như cuồng điên lên vì vui sướng. Nó nhảy nhót quanh người gác, vừa nhảy vừa sủa, và liềm hai tay ông ta. Người gác mang con nai con về và nhốt trong chuồng bò. Sau đó ông ta phải gọi người đến kéo con nai lớn ra khỏi đầm lầy; mãi về cuối mới nhớ ra là phải đem bắn Karr. Ông ta gọi nó, và lại đi về phía rừng. Nhưng giữa đường dường như ông ta thay đổi ý kiến, vì bồng ông ta quay lại và đi về phía lâu đài. Karr vẫn bình tĩnh đi theo ông ta, nhưng thấy được đưa về lại nhà chủ thì nó đâm lo. Chắc rằng người gác đã biết rằng chính nó, Karr, đã gây ra cái chết của con nai mẹ, và giờ đây người ta sắp đem nó ra đánh đòn, trước khi giết nó.

Nhưng mà bị đòn thì đối với Karr dường như là điều tệ hại nhất. Nó mất

bình tĩnh; cái đầu rũ xuống, nó làm như chẳng nhận ra người nào nữa.

Ông chủ đứng trên tam cấp. Karr thu mình lại bé tí và nép sát vào sau đôi chân người gác, lúc mà ông này nói đến việc các con nai. Nhưng mà ông ta lại không hề kể câu chuyện theo lối mà con chó sợ. Ông ta khen Karr. Rằng Karr biết các con nai đang gặp nạn và đã muốn cứu chúng nó.

Ông ta kết thúc câu chuyện rằng: “Xin ông chủ tha lỗi cho, chứ tôi không thể giết chết con chó này được!” Karr vênh tai lên. Nó có nghe rõ không? Dù nó có không muốn tỏ ra vẻ lo ngại chút nào đi nữa thì nó cũng không thể không sủa lên một tiếng than thở nho nhỏ. Có thể nào chỉ mỗi cái việc nó muốn cứu các con nai mà đã đáng cứu mạng cho nó được?

Ông chủ cũng đồng ý là Karr đã ăn ở tốt, nhưng vì ông không muốn giữ nó nữa, nên ông do dự không biết quyết định ra sao.

Sau cùng ông ta nói: “Nếu anh muốn nhận nuôi nó và bảo đảm với ta là nó sẽ không làm những việc ngu dại nữa, thì ta rất muốn để cho nó sống”.

Người gác nhận lời, và Karr đã đến ở cái nhà trong rừng như thế đấy.

Việc trốn đi của Lông Xám

Từ đó Karr thôi hẳn không đi săn trộm nữa; vì không muốn làm phật lòng ông gác hơn là vì sợ; ông ta đã cứu sống nó, và nó đã quyến luyến với ông ta ngay. Nó theo ông ta khắp nơi. Khi ông ta đi tuần, Karr chạy trước để trông chừng đường đi và khi ông ta ở nhà thì Karr nằm trước cửa, thì sát tất cả những ai qua lại.

Khi mọi vật đều yên tĩnh, chẳng nghe một bước chân nào trên đường cái, và ông gác chăm sóc vườn ươm và các luống rau của ông ta thì Karr đến chơi với con nai con.

Lúc đầu, Karr chẳng muốn chăm lo săn sóc con nai con chút nào, nhưng vì nó theo chủ đi khắp nơi, nó cũng cùng đi với chủ vào cả chuồng bò, những lúc người ta mang sữa cho con nai, Karr ngồi trước cái khoang dành cho con nai và nhìn nó uống. Ông gác đặt tên nó là Lông Xám, vì không thấy nó xứng đáng với một cái tên nào đẹp hơn được, và Karr cũng hoàn toàn đồng ý như vậy. Mỗi lần trông thấy nó, Karr lại nghĩ là chưa hề bao giờ trông thấy một cái gì xấu hơn và cấu tạo vụng về hơn thế. Con nai con có những cái cẳng dài lêu nghêu, dính vào thân hình nó vụng đến nỗi có thể nói là nó đi trên những đôi cà kheo. Cái đầu to tướng, già nua và nhăn nhúm, và lúc nào cũng ngoẹo sang bên này hay bên kia. Bộ da thì lủng nhùng quá sức,

gấp thành nếp, ùn thành cục, như thể một cái áo khoác độn bông quá to. Lúc nào nó cũng có vẻ buồn rầu và chán nản, nhưng sự lạ là hề trông thấy Karr là nó đứng phắt dậy, như vui mừng được gặp con chó.

Con vật bé nhỏ ấy hình như khó ở, nó không lớn được, và sức của nó mỗi ngày một tẻ thêm. Cuối cùng nó không dậy được nữa, dù có thấy Karr đến. Thế là con chó nhảy vào trong khoang; một tia sáng nhỏ lóe lên trong đôi mắt của con vật đáng thương. Từ đó về sau ngày nào Karr cũng đến thăm con nai, ở hàng giờ cạnh nó, liếm nó, chơi đùa với nó, dạy cho nó những gì mà một con vật ở rừng phải biết.

Thế là, xảy ra cái việc lạ, con nai liền béo tốt ra và lớn lên. Nó lớn nhanh đến nỗi chỉ sau hai tuần là không thể vào được cái khoang dành cho các con bê được nữa và người ta phải chuyển nó ra một đồng cỏ nhỏ có rào kín. Hai tháng sau, cẳng nó đã cao đến mức có thể leo qua hàng rào, chẳng khó khăn gì. Bấy giờ ông gác được phép làm cho nó một cái hàng rào gỗ cao, bao quanh một cánh rừng nhỏ; ở đây nó sống nhiều năm và thành một con vật đẹp tuyệt. Karr vẫn thường xuyên đến chơi với nó, không phải vì thương hại nữa, mà vì tình thân ái. Con nai vẫn luôn luôn u sầu và hình như uể oải, và không còn sinh khí nữa; chỉ Karr là biết làm cho nó vui chơi mà thôi.

Lông Xám đã ở được năm năm với ông gác rừng, thì người chủ áp nhận được thư của một vườn bách thú ở nước ngoài hỏi mua nó. Người gác rất khổ tâm vì việc ấy, nhưng ông ta không có quyền bày tỏ ý kiến; và việc bán con nai liền được quyết định. Karr biết ngay những gì sắp xảy đến, và chạy đến báo với bạn. Nghĩ đến việc mất bạn, con chó buồn khổ quá, nhưng con nai thì bình tĩnh cam chịu số phận, và hình như không bằng lòng mà cũng không phật lòng.

- Thế là cậu định để người ta dẫn đi, không chống cự à? Karr hỏi.

- Chống lại làm gì? Con nai đáp. Tất nhiên là tôi muốn ở lại đây hơn, nhưng nếu tôi mà bị bán thì thế nào người ta cũng dẫn tôi đi thôi.

Karr nhìn con nai hồi lâu, đưa mắt ước tầm vóc của nó. Rõ ràng là nó chưa lớn hết mức; nó chưa có đôi gạc rộng, cái u cao, cũng như cái bờm dày bằng những con nai đực đã đến độ tráng niên, nhưng không phải vì thế mà nó không đủ sức để bảo vệ tự do của nó. Karr nghĩ rằng “rõ ràng là nó đã sống suốt đời trong cảnh giam cầm”, nhưng Karr chẳng nói gì hết. Karr chỉ quay lại thăm con nai sau nửa đêm, cái lúc mà nó biết là Lông Xám, sau một giấc ngủ đầy mắt, đang ăn bữa đầu tiên trong ngày. Nó nói: “Lông Xám à, cậu để cho người ta dẫn đi cũng phải thôi. Cậu sẽ được giữ lại trong một khu vườn rộng, và cậu sẽ sống một cuộc đời chẳng phải lo nghĩ gì. Chỉ thiệt một

điều là cậu đi khỏi nước này mà không được trông thấy rừng bao giờ.^[64] Cậu biết đấy, phương châm của dòng họ cậu là: “Nai xứ lạnh với rừng chỉ là một”, mà cậu thì chưa hề nhìn thấy rừng là gì!”.

Con nai đang ăn cỏ chẻ ba, ngẩng đầu lên, nói với cái vẻ uể oải đã quen thường ngày:

- Tôi xem rừng cũng được, nhưng tôi không thể ra khỏi hàng rào.

- Quả đúng thế, chẳng người ta mà ngăn như thế thì không thể nào ra được thật, Karr nói.

Con nai cúi đầu, đưa mắt nhìn trộm nó: Karr bé tí thế mà mỗi ngày nhảy qua rào gỗ bao nhiêu lần. Lông Xám đến gần hàng rào, nhảy một cái, và, chẳng hiểu sự việc đã xảy ra như thế nào, nó đã được tự do rồi. Karr và Lông Xám cùng đi vào rừng. Đêm cuối hè sáng trăng đẹp, nhưng dưới tán rừng vẫn tối: con nai đi rất chậm.

Karr nói: “Có lẽ trở lại thì hơn, cậu không quen ở rừng và có thể ngã gãy cẳng”.

Con nai làm bộ không nghe tiếng, nhưng nó rảo bước và ngẩng đầu lên.

Karr dẫn con nai vào một khu trong rừng có những cây bách đại thụ mọc dày đến nỗi gió không thể nào lọt vào được.

Karr nói: “Chính ở đây những kẻ trong dòng họ cậu trú bão và rét. Mùa đông họ vẫn ở ngoài trời. Còn cậu thì sẽ được chỗ ở tốt hơn. Người ta sẽ để cậu ở trong một cái chuồng, như một con bò”.

Lông Xám chẳng đáp lại gì hết; nó đã dừng lại và khoan khoái hít hương nồng của nhựa ở những lá bách. Sau cùng nó nói:

- Còn có gì cho tôi xem nữa không, hay là chúng ta đã xem hết rồi?

Karr đưa nó đến một đầm lầy lớn, và chỉ cho nó những mô đất và những chỗ thụt. Karr nói:

- Những khi bị săn đuổi, loài nai chạy thoát thân qua chính đầm lầy này. Mình chẳng hiểu họ làm thế nào, to lớn thế và nặng cân thế mà không lún xuống bùn. Cậu thì không thể nào bước đi trên một mảnh đất nguy hiểm như thế này được đâu, nhưng may mắn là cậu sẽ không cần phải thử, vì cậu sẽ không bao giờ bị thợ săn rượt đuổi.

Lông Xám không đáp lại, nhưng nhảy một cái, nó lao ngay xuống đầm lầy. Nó sung sướng cảm thấy các mô đất rung rinh dưới chân, và nó chạy tung tăng ngang dọc khắp hướng giữa các chỗ thụt, rồi quay lại cạnh Karr,

nó hỏi:

- Chúng ta đã thấy hết cả rừng chưa?
- Chưa, chưa hết, Karr trả lời.

Karr đưa con nai về phía bìa rừng, nơi mọc nhiều cây lá rộng tốt đẹp: sồi, bồ đề, hoàn điệp liễu. Karr nói:

- Chính ở đây những kẻ trong dòng họ cậu đến ăn lá và vỏ cây. Họ xem đó là bữa tiệc, nhưng mà ở nước ngoài cậu sẽ được ăn uống ngon lành hơn nhiều.

Con nai thán phục nhìn những cây cao giăng ra trên đầu nó những tán lá xanh um. Nó nếm lá sồi và vỏ những cây hoàn điệp liễu.

Nó nói: “Ngon và đắng. Hơn cỏ chẽ ba”.

- Ít nhất cậu cũng được nếm một lần, con chó nói. Xong nó đưa con nai đến một cái hồ nhỏ, nước yên lặng phản chiếu, bờ hồ phủ những màn sương mù nhẹ, mờ mờ. Lông Xám đứng khựng lại. Nó kêu lên: “Cái gì thế này?”. Nó chưa bao giờ trông thấy cái hồ.

- Đây là một vũng nước lớn, Karr trả lời. Tộc đoàn của cậu thường quen bơi từ bờ này sang bờ kia. Cậu chắc là không biết làm thế, nhưng mà cậu có thể tắm một cái.

Nói xong, Karr nhảy xuống nước và bắt đầu bơi. Lông Xám đứng trên bờ một lúc lâu, nhưng rồi cũng làm theo con chó. Khi nước mát đã dịu dàng phủ lấy thân hình thì nó cảm thấy một nỗi khoái lạc làm nó thở hắt hắt; nó muốn chìm lưng xuống nước hồ, và mỗi lúc một đi ra xa bờ, nó nhận thấy là nước cứ làm cho nó nổi lên, và nó liền lao xuống bơi. Nó bơi chung quanh Karr, và thấy như đã quen với nước từ bao giờ rồi. Khi trở lên bờ thì Karr rủ nó đi về, con nai cãi lại:

- Còn lâu mới sáng. Đi thêm một vòng nữa trong rừng.

Chúng lại đi sâu vào rừng. Chỉ một lát là đến một quãng rừng thưa nhỏ, có ánh trăng chiếu sáng; cỏ và hoa lóng lánh sương móc, ở đây mấy con vật lớn đang ăn cỏ. Một con nai đực, vài con cái, những con nai tơ và những con khác bé tí. Trông thấy chúng, Lông Xám đứng khựng lại. Nó chỉ hơi nhìn qua mấy con cái và con con; nó dường như bị con nai già mê hoặc, con nai đầu đàn có bộ sừng tuyệt đẹp, gồm nhiều tấm gạc xò rộng và mọc lên bao nhiêu là chạc; có một cái u cao ở giữa hai vai, một chiếc yếm phủ lông dài lủng lẳng dưới cổ.

Giọng run run vì xúc động, Long Xám hỏi:

- Ai đẩy thế?

- Tên là Đội mũ miện đấy, Karr nói, và bà con của cậu đấy. Cả cậu cũng vậy, một ngày kia rồi cậu cũng sẽ có những gạc rộng và một cái bờm như thế; và nếu cậu ở lại trong rừng thì sau này cũng có một đàn nai mà diu dặt như thế.

- Nếu là họ hàng nhà tôi thì tôi muốn được nhìn gần hơn. Long Xám nói. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng ra được một con vật tuyệt đến như thế.

Nó đến gần đàn nai, nhưng quay lại ngay với Karr đang chờ nó dưới bóng cây rừng.

Karr nói: - Hình như người ta không tiếp cậu à?

- Tôi nói đây là lần đầu tiên tôi được trông thấy những bà con, nhưng nai dục lại đưa gạc ra dọa tôi.

- Cậu rút lui là phải, Karr nói. Còn non như cậu, mới chỉ có vài cái chạc đầu tiên, không nên đọ sức với bọn nai già là phải. Một con khác mà nhượng bộ không chống cự thì sẽ bị toàn thể cánh rừng này làm về chế giễu, nhưng cậu thì cần gì, cậu có ở lại đây đâu mà đi ở nước ngoài cơ mà!

Karr chưa nói hết câu thì Long Xám đã quay lưng và chạy trở lại phía rừng thưa. Con nai già đón đầu nó, và cuộc chiến đấu bắt đầu. Hai con châu sừng vào nhau và đem hết sức bình sinh ra đẩy nhau; Long Xám phải lùi qua suốt cả khoảng rừng thưa. Nó dường như không biết dùng sức mạnh của mình, nhưng mà đến bìa rừng thì nó ấn chúi xuống đất chặt hơn, cong mình trụ lại, cố gắng hết sức, và đến lượt nó đẩy được đối thủ lùi lại. Nó yên lặng mà chiến đấu, còn con nai già thì thở phì phì. Chợt nghe một tiếng cắc. Một cái chạc ở sừng con nai già gãy. Nai già bỗng gỡ mình ra và chạy thoát vào rừng.

Karr chờ bạn dưới bóng cây. Khi Long Xám trở lại, nó nói:

- Giờ thì cậu đã thấy có những gì trong rừng rồi.

Cậu có muốn trở về không?

- Vâng, trở về, đến giờ rồi, con nai đáp.

Chúng lặng lẽ đi. Karr thở dài nhiều lần, tựa hồ thất vọng; Long Xám thì bước đi, đầu ngẩng cao, hài lòng vì cuộc phiêu lưu vừa trải qua. Nó đi thẳng đến tận hàng rào không do dự, nhưng đến đấy thì nó dừng lại. Nó đảo mắt nhìn khoảnh đất chật hẹp ở đó nó đã sống, thấy mặt đất bị giẫm nát, cỏ ăn úa

vàng, cái chậu nhỏ nó thường uống nước và cái lán tối om nó thường ngủ. “Nai với rừng chỉ là một”, nó kêu lên, rồi ngửa đầu ra đằng sau, nó vụt chạy trốn về phía rừng.

Cái chết của Long Xám

Một buổi chiều, Akka núi Kebnekaise và đàn ngỗng đến hạ xuống bờ một cái hồ ở giữa rừng. Đàn ngỗng còn ở trong rừng Kolmården, nhưng thuộc địa phận tỉnh Surmland.

Xuân đến muộn, băng còn phủ mặt hồ, trừ một dải hẹp như thường thấy ở các vùng núi; nước đã tự do, dọc theo bờ đất. Đàn ngỗng lao xuống nước để tắm và kiếm ăn, Nils Holgersson, sáng hôm ấy mất chiếc giày gỗ, chạy giữa cây trần và cây bạch dương trên bờ, kiếm cái gì để quấn bàn chân.

Chú phải đi khá xa để tìm. Sau cùng chú trông thấy một mảnh vỏ cây bạch dương; chú lấy quấn vào bàn chân thì nghe sau lưng có tiếng lá khô sột soạt. Quay lại chú thấy một con rắn đang bò thẳng đến phía mình. Con rắn rất to và rất dài, nhưng Nils thấy nó có hai vết màu nhạt hai bên má, nên cứ đứng yên. Chú nghĩ: “Chỉ là con rắn ráo. Nó chẳng thể làm hại mình được”.

Nhưng con rắn húc chú một phát mạnh vào ngực, làm chú ngã nhào. Nils vọt dậy chạy trốn, con rắn đuổi theo. Mặt đất lổn nhổn đá sỏi và đầy những gai góc, làm chú bé không chạy được nhanh. Bởi vậy, trông thấy một khối đá cheo leo, chú liền leo lên đấy. Đã đến trên cao, chú quay lại và thấy con vật cứ cố đuổi theo mình.

Bên cạnh chú, trên chóp khối đá, có một tảng đá gần tròn, to bằng cái đầu người, nằm ngay bên cạnh sườn dốc, và hình như lung lay. Thấy con rắn đến gần, Nils chạy ra phía sau tảng đá và đẩy xuống, tảng đá lăn thẳng đến con rắn, cuốn nó đi và đè lên đầu nó. Thấy con rắn đột nhiên quằn quại mấy cái rồi nằm yên, Nils thở phào và nghĩ: “Thế là thoát. Có lẽ mình chưa bao giờ gặp tai nạn nào ghê gớm hơn, trong chuyến đi này”.

Chú vừa hoàn hồn thì liền nghe tiếng cánh chim lạo xạo và thấy một con chim hạ xuống, đỗ cạnh con rắn. Con chim đó thân hình và dáng dấp như một con quạ, nhưng bộ lông đen tuyền bóng lên như ánh kim. Chú bé cẩn thận nấp vào một khe đá. Chú vẫn nhớ như in cuộc phiêu lưu với bầy quạ trước đây.

Con chim đen bước những bước dài quanh con rắn và lấy mỏ khê đẩy cái xác. Sau cùng nó vỗ cánh hai, ba lần và kêu, giọng cao chói óc: “Chính là Vô phương Tự vệ, con rắn ráo, mình thấy nằm chết ở đây!” Một lần nữa, nó đi

vòng quanh cái xác, rồi dừng lại như suy nghĩ thâm trầm, vừa nghĩ vừa đưa chân lên gãi vào gáy. Rồi cuối cùng nó nói: “Trong rừng không thể nào có hai con rắn to bằng này được. Chỉ có thể là nó mà thôi”.

Hình như nó sắp mổ vào xác con rắn thì bỗng đứng lại và lẩm bẩm: “Đừng làm bộ ngốc nữa, Bataki ạ. Làm sao mà có thể nghĩ đến việc ăn thịt con rắn, trước khi gọi Karr đến đây? Nó sẽ không chịu tin là Vô phương Tự vệ, kẻ thù của nó đã chết rồi, nếu nó không tận mắt trông thấy”.

Nils cố lập nghiêm đừng cười, nhưng con chim cứ đi đi, lại lại và nói năng một mình, long trọng một cách lô bịch quá chừng, đến nỗi chú bé không thể nào không bật cười được.

Nghe tiếng, con chim vỗ cánh một cái, nhảy tót lên khỏi đá. Nils đứng dậy, đến trước mặt nó và hỏi:

- Có phải đằng ấy là Bataki, con quạ, và là bạn của Akka núi Kebnekaise đấy không?

Con chim nhìn chú chằm chằm, rồi gật đầu ba lần.

- Có lẽ cậu là kẻ cùng bay với đàn ngỗng trời mà người ta gọi là Tí Hon chẳng?

- Chính mình đây, Nils đáp.

- Được gặp cậu may mắn lắm thay! Có lẽ cậu có thể nói cho tôi biết ai đã giết con rắn này?

- Chính tảng đá mà mình lăn xuống đã đè bẹp nó đấy. Nils nói, rồi kể lại sự việc đã xảy ra.

- Thế là tốt lắm, đối với một nhân vật bé nhỏ như cậu, con quạ nói. Ở mạn này tôi có một đứa bạn sẽ rất vui sướng được biết tin con rắn này chết, và đến lượt mình tôi sẽ rất hài lòng là có thể giúp cậu được việc.

Ngoảnh đầu lại, Bataki lắng tai nghe. Nó nói:

- Nghe này! Karr đang ở gần đây. Nó sẽ vui sướng đến ngàn nào!

Nils cũng lắng tai nghe, rồi nói:

- Nó đang nói chuyện với đàn ngỗng.

- Nó lê mình ra bờ hồ để hỏi tin Lông Xám đấy.

Chú bé và con quạ vội vàng đi ra phía bờ hồ. Tất cả đàn ngỗng đều đã lên bờ và đang bắt chuyện với một con chó già, yếu đuối, tàn tật đến nỗi tưởng

như mỗi lúc có thể ngã lăn ra chết.

“Karr đây, Bataki bảo Nils. Cứ để cho nó nghe chuyện đàn ngỗng kể đã. Xong rồi chúng ta sẽ nói cho nó biết con rắn chết rồi”.

Akka kể: “Như ta đã nói, đó là lúc mà chúng ta đi chuyển mùa xuân năm ngoái. Yksi, Kaksi và ta, một buổi sáng, chúng ta khởi hành từ hồ Siljan ở tỉnh Dalecarlia và đi qua các vùng rừng lớn giữa hai tỉnh Dalecarlia và Hälsingland. Nhìn xuống chúng ta chỉ thấy những cây lá xanh sẫm. Tuyết đang còn dày, mặt sông ngòi đóng băng, lác đác mới có vài ba cái lỗ đen; và dọc các bờ thì tuyết đã tan. Bỗng chúng ta trông thấy ba người thợ săn đang đi trong rừng. Họ đi vấp trượt tuyết, dắt theo chó, nhưng không có súng. Mặt tuyết rất rắn và chắc, nên họ không theo những đường khúc khuỷu, mà cứ đi thẳng trước mặt. Dường như họ biết rõ là họ đi về đâu.

“Chúng ta bay rất cao, và nhìn thấy suốt cả vùng rừng. Đã trông thấy người đi săn, chúng ta lại muốn thấy vật bị săn. Chúng ta bay vài vòng trên tán rừng vừa nhìn kĩ xuống giữa các thân cây. Bỗng trong một lùm cây rậm, chúng ta trông thấy vật gì đấy giống như những khối đá lớn rêu phong.

“Chỉ có thể là đá, vì bên trên không có tuyết. “Chúng ta để mình rơi xuống giữ lùm cây. Ba khối đá nhúc nhích. Đó là ba con nai xứ lạnh, một đực và hai cái. Chúng ta đến gần thì con nai đực đứng dậy. Ta chưa bao giờ thấy con vật nào đẹp đến thế; nhận ra là chỉ có ba con ngỗng trời tội nghiệp đã làm nó tỉnh giấc, nai liền nằm xuống đất.

“Đừng, đừng, bố già ạ, đừng ngủ lại! Ta nói thế. Chạy trốn nhanh đi, trong rừng có người đi săn, và họ đang đi thẳng về phía này.

“Cám ơn, mẹ ngỗng ạ, nhưng mẹ biết rằng cứ này là thời gian cấm săn nai. Những thợ săn đó đi lũng rừng bắt cáo đây.” “Khắp nơi đều có lốt chân cáo, nhưng thợ săn chẳng chút để ý đến. Hãy tin ta! Họ biết các bác đang ở đâu. Và họ đến để giết các bác đấy. Họ đi không đeo súng, mà cầm dao và mang gậy bịt sắt nhọn, và họ không dám nổ súng vào cứ này trong năm”.

Nai đực vẫn bình tĩnh, nhưng hai nai cái bắt đầu lo ngại.

“Có lẽ ngỗng nói đúng”, hai nai cái nói, và đứng hai chân trước lên.

“Cứ ở yên! Nai đực nói: thợ săn chẳng đến đây đâu.

Chắc chắn như vậy”.

“Chẳng biết làm thế nào được, chúng ta bèn bay lên, nhưng không đi xa nơi đó. Vả lại vừa lên đến độ cao thường ngày thì chúng ta thấy nai đực đi ra khỏi lùm cây. Nai đánh hơi bốn chung quanh, rồi đi thẳng về phía các thợ

săn. Vừa đi vừa giẫm lên những cành cây gãy rãng rắc. Một cái đầm rộng, quang quẻ chắn ngang lối đi. Nai đến đứng ở chính giữa để cho ai cũng trông thấy.

“Nai ở đấy cho đến lúc mà bọn thợ săn từ rừng đi ra. Bấy giờ nai mới vọt lên và bỏ chạy, nhưng không chạy về phía mà nó đã đến. Bọn thợ săn thả chó ra và đuổi theo rất nhanh vì chân đi ván trượt tuyết.

“Nai đực, đầu ngả ra phía sau, chạy hết tốc lực; tuyết bay thành lốc quanh mình. Chó và người tụt lại đằng sau rất xa. Thế là nai dừng chân như chờ đợi, rồi khi trông thấy chúng, lại chạy tiếp. Chúng ta hiểu là nai muốn kéo bọn thợ săn và chó đi xa nơi có các nai cái.

“Cứ thế, cuộc săn đuổi kéo dài hai ba giờ. Chúng ta ngạc nhiên thấy bọn thợ săn cứ cố chấp đuổi theo một kẻ chạy nhanh đến thế, vì họ không có súng. Vậy họ tưởng là có thể làm cho nó mệt được chăng?

“Nhưng lúc ấy chúng ta nhận thấy nai không chạy nhanh được như trước nữa. Nai đặt chân lên mặt tuyết cẩn thận hơn; và khi nhấc chân lên thì để lại những vết máu.

“Thế là chúng ta hiểu tại sao mà bọn thợ săn không nản lòng. Họ tin là tuyết sẽ có lợi cho họ. Nai đực nặng cân, cứ mỗi bước lại lún thêm. Và bề mặt rắn của tuyết cọ vào chân nai, làm tuột cả lông và da.

Bọn thợ săn đi ván trượt và các con chó khá nhẹ cân, dễ chạy trên mặt băng, vẫn đuổi theo nai. Và nai cứ chạy, cứ chạy. Nhưng bước chân càng kém chắc chắn, nai trượt chân và thở hồng hộc. Chịu đau đớn ghê gớm, nai kiệt sức vì vật vả với lớp tuyết dày.

Sau cùng nai không nhin được nữa. Nai đứng lại để cho bọn chó và thợ săn đến gần, và chiến đấu với chúng. Trong khi chờ, nai ngược nhìn lên trời và trông thấy chúng ta, nai kêu lên:

- Nay, hãy chờ xem cảnh kết thúc! Sau này đi qua rừng Kolmården, ngỗng hãy tìm Karr, con chó, và nói lại rằng bạn già Lông Xám của Karr đã chết một cái chết đẹp!

Nghe đến đấy, con chó già đứng dậy, đến gần Akka, và nói:

- Lông Xám đã sống một cuộc đời lương thiện. Nó quen ta. Nó biết rằng ta là một con chó trung thực, và ta sung sướng được biết là nó đã chết một cái chết đẹp. Giờ kể cho ta nghe...

Nó vênh đuôi và ngẩng đầu lên cho tư thế hiên ngang và dũng cảm, nhưng lại quỵ xuống ngay.

Đúng lúc ấy nghe tiếng người gọi trong rừng: “Karr, Karr!”

Con chó già lại đứng dậy, nó nói:

- Ông chủ ta đang gọi, và ta không muốn chậm trễ. Lúc này ta đã thấy ông ấy nạp đạn vào súng. Ông ấy với ta, chúng ta cùng đi vào rừng một lần cuối. Ta cảm ơn ngỗng trời. Giờ ta đã được biết tất cả những gì ta cần biết để mãn nguyện đi đến cái chết.

Băng tan

Thứ năm, 28 tháng tư

Buổi sáng hôm ấy, còn rất sớm, hai đứa trẻ người tỉnh Småland, Åsa, cô bé chần ngỗng, và bé Mats, đang đi trên đường cái từ tỉnh Surmland sang tỉnh Närke^[65]. Con đường ấy chạy dọc bờ nam hồ Hjälmars và hai đứa nhìn băng đang còn phủ phần lớn mặt hồ. Mặt trời ban mai tỏa ánh sáng trong trẻo xuống đây, và băng chưa hề có chút nào cái diện mạo âm u và phản trắc như thường thấy trong mùa xuân, mà lại ánh lên, trắng trẻo và hấp dẫn. Nhìn xa tới đâu, cũng thấy băng có vẻ chắc và khô. Mưa to hôm trước, nước đã chảy vào các kẽ nứt và lòng khe, hoặc bị chính băng hút lấy. Hai đứa chỉ trông thấy một bề mặt đẹp rực rỡ.

Åsa, cô bé chần ngỗng và bé Mats đang đi lên miền bắc. Hai đứa trẻ nghĩ đến bao nhiêu bước đường sẽ rút ngắn được nếu chúng có thể đi băng qua mặt cái hồ lớn, chứ không phải đi vòng quanh bờ. Chúng không phải không biết rằng tin cậy vào băng mùa xuân là nguy hiểm, nhưng mà lớp băng này xem ra hoàn toàn rắn chắc. Người ta trông thấy ở gần bờ, băng còn dày những mấy lóng tay. Người ta lại thấy cả một con đường trên mặt băng, và bờ hồ bên kia hình như rất gần, chỉ một giờ là đủ để sang đến nơi.

Bé Mats đề nghị: “Ta đi thử. Chỉ cần để ý đừng lao xuống một cái lỗ là trôi chảy cả thôi”.

Chúng bèn đi lên mặt hồ. Băng không trơn lắm, mà đi rất thích chân. Tuy vậy băng có nhiều nước hơn chúng tưởng một tí: thỉnh thoảng có chỗ băng xộp và để nước chảy qua òng ọc. Đó là những chỗ phải tránh nhưng chẳng có gì dễ hơn việc ấy giữa ban ngày và mặt trời sáng như thế này.

Hai đứa trẻ đi nhanh, không một nhọc gì, mừng vì có ý kiến hay, đã tránh được một đoạn đường vòng dài và lầy lội.

Chúng đến gần đảo Vin. Một bà cụ già nhìn qua cửa sổ trông thấy chúng. Bà liền chạy vội ra, dang hai tay làm những dấu hiệu tuyệt vọng với chúng, và hét to nói với chúng điều gì mà chúng không nghe thấy. Tuy vậy, chúng cũng hiểu là bà cụ báo cho chúng biết đừng nên đi tiếp nữa. Nhưng mà chúng thì đang ở trên mặt băng, chúng thấy rõ là chẳng có gì nguy hiểm cả. Đường đi đang tốt thế này mà rời bỏ mặt băng thì thật là ngốc.

Thế là chúng đi quá hòn đảo và gặp phải trước mặt một khoảng rộng ít ra là hai hay ba dặm^[66]. Ở đây có những vùng nước rộng đến mức không lội qua được, phải đi vòng quanh, chúng lại lấy thế làm thích. Chúng thi nhau xem ai tìm ra những lối đi tốt nhất. Chúng chẳng thấy đói, cũng chẳng thấy mệt. Chốc chốc nhìn sang bờ bên kia, chúng lại ngạc nhiên thấy còn xa quá dù chúng đã đi những một giờ rồi. Bé Mats nói: “Em nghĩ là cái bờ hồ nó lùi”.

Trên cánh đồng băng rộng lớn ấy, chẳng còn có cái gì nữa để che cho chúng cái gió tây, cứ mỗi phút lại thổi dữ thêm và làm quần áo chúng dính sát vào thân hình, đi khá khó nhọc. Cái gió lạnh thấm thía ấy là nỗi bức mình đầu tiên mà chúng gặp phải.

Một việc nữa làm chúng ngạc nhiên hết sức là gió thổi đến với tiếng rất dữ, tựa hồ mang theo cả cái huyền não của một nhà xay to rộng hay một nhà máy. Cái ồn ào này có thể từ đâu đến được?

Chúng đã đi men bên trái một hòn đảo lớn, và thấy hình như rớt cục đã đến gần bên bờ bắc. Nhưng đúng lúc ấy gió trở nên khó chịu hơn, và tiếng ồn càng to thêm.

Bỗng chúng như hiểu ra rằng tiếng ồn ào đó là tiếng sóng lao vào bờ và bị vỡ tung ra thành bọt; nhưng làm sao mà có thể như thế được, bởi vì hồ đang còn đóng băng kia mà?

Tuy vậy chúng vẫn đứng lại và nhìn quanh. Thế là chúng trông thấy ở rất xa bên phía tây, một bức thành thấp, trắng, cắt qua mặt hồ từ bên này sang bên kia. Thoạt tiên chúng cho rằng đó là một đồng tuyết ven một đường đi, nhưng rồi chúng hiểu ngay rằng đó là bọt của những đợt sóng lao vào khối băng.

Nhìn thấy thế, chúng nắm tay nhau và bắt đầu chạy, chẳng nói chẳng rằng. Hồ mở rộng ra đằng phía tây, và chúng tưởng như trông thấy cái đường màu trắng kia tiến nhanh sang phía đông. Băng sắp vỡ ra khắp nơi chăng? Chúng cảm thấy nguy quá.

Bỗng chúng thấy hình như mặt băng dâng lên đúng ở chỗ chúng đang chạy; băng dâng lên, rồi hạ xuống, như được đẩy từ phía dưới. Đồng thời chúng nghe một tiếng chát tai từ khối băng phát ra, và những đường nứt của băng tỏa ra khắp mọi hướng như những nan hoa. Chúng trông thấy những đường nứt ấy chạy trên mặt băng.

Tiếp theo là một lúc yên tĩnh, rồi mặt băng lại dâng lên và lại hạ xuống từ từ. Những đường nứt mở rộng ra thành kẽ hở, và nước chảy qua các kẽ ấy.

Rồi thì các kẽ hở thành ra những khe rộng, và lớp băng chia ra thành những mảng băng lớn bành bồng.

- Åsa ơi, băng tan, bé Mats nói.

- Đúng, băng tan nhưng mà mình còn có thể đến đất liền được. Chạy nhanh lên.

Thật vậy, sóng và gió còn phải gian khổ chán mới quét hết băng trên mặt hồ được. Khi lớp băng vỡ tung ra là cái khó nhất đã làm xong, nhưng tất cả các mảnh băng to kia cũng phải đập vỡ ra thành phiến, và các phiến lại còn phải đập nhỏ, nghiền toì, hòa tan ra nữa chứ. Mà bây giờ thì băng đang còn là những cánh đồng rộng, dày và chắc.

Cái làm tăng mối nguy cho hai đứa bé là chúng không làm sao nhìn ra xa được, chúng không thể nhìn thấy các khe nứt ngăn không cho chúng đi qua chỗ nào. Chúng cứ đi lang thang, phó mặc cho may rủi, và đáng lẽ đến gần đất liền thì lại đi xa ra. Hoang mang, hoảng hốt trước khối băng đang nẻ, đang nứt, sau cùng chúng dừng lại và bắt đầu khóc.

Đúng lúc ấy, một đàn ngỗng trời theo hình chữ nhân bay qua, nghe như một tiếng rít cao. Các con ngỗng kêu to, và kêu đi kêu lại. Giữa những tiếng kêu hai đứa trẻ tưởng như nghe thấy mấy tiếng: “Đi sang phải, sang phải, sang phải”.

Chúng nghe theo lời khuyên, nhưng chỉ lát sau lại phải dừng chân, sững sờ trước một cái khe rộng.

Nhưng chúng lại nghe đàn ngỗng kêu, và chúng nghe rõ mấy tiếng: “Ở đâu cứ chờ đây. Ở đâu cứ chờ đây!”

Hai đứa trẻ chẳng nói với nhau một tiếng, nhưng chúng vâng theo lời kia. Chẳng mấy chốc các mảng băng trôi lại dính vào nhau, và thế là chúng vượt qua được cái khe. Chúng lại nắm lấy tay nhau chạy. Việc cứu giúp lạ lùng đó làm chúng sợ hãi chẳng kém gì cơn nguy đang gặp.

Khi chúng lại ngập ngừng, thì tiếng nói liền vẳng xuống: “Thẳng trước mặt. Thẳng trước mặt”.

Sự thể cứ thế tiếp tục trong nửa giờ liền. Cuối cùng chúng đến mũi đất Lunyer, và có thể bỏ mặt băng, lội qua nước cạn đi lên bờ. Đến đất liền, chúng cũng chẳng đứng lại để nhìn mặt hồ, mà các đợt sóng đã bắt đầu xô đổ những khối băng, vì nỗi khiếp sợ vẫn đuổi theo chúng mãi không thôi. Chỉ một hồi sau Åsa mới dừng lại, nó nói: “Đứng đây chờ chị một tí, bé Mats à. Chị quên cái này”.

Nó chạy về phía bờ hồ, lục lọi trong cái bị của nó, và rút ra một chiếc giày gỗ, đem đặt trên một tảng đá, chỗ ai cũng trông thấy rất rõ. Rồi nó chạy nhanh lại với em nó.

Cô bé vừa quay lưng thì một con ngỗng trắng to liền lao thẳng xuống tảng đá, quắp lấy chiếc giày gỗ và bay vút lên, cũng nhanh chẳng kém gì khi lao xuống vậy.

Việc chia gia tài

Đàn ngỗng trời đã đến cứu Åsa, cô bé chăn ngỗng, và bé Mats, để chúng vượt qua hồ Hjälmnar xong, rồi bay thẳng lên phía bắc, và đến tỉnh Västmanland. Ở đây ngỗng hạ xuống một trong những cánh đồng rộng của vùng Fellingsbro để nghỉ và ăn cho lại sức. Cả Nils nữa cũng đói, nhưng kiếm khắp mọi phía mà chẳng có gì ăn được cả.

Đi xem xét chung quanh thì chú trông thấy ở cánh đồng bên cạnh hai người đang cày. Bỗng họ ngừng lại, và ngồi xuống ăn trưa. Nils liền chạy về phía họ, và đến rất gần. Có thể là họ ăn xong thì sẽ vớ được vài miếng ăn thừa, cả một mẩu vỏ bánh mì cũng nên. Một con đường cái chạy dọc theo cánh đồng, và trên đường có một ông lão đang đi. Trông thấy hai người đi cày, ông lão leo qua hàng rào đi về phía họ. Ông ta nói: “Lão cũng vậy, đã đến giờ ăn”. Rồi, cầm túi thức ăn lên, ông ta lấy ra bơ và bánh mì. “Không phải ngồi ăn một mình bên vệ đường, thật là dễ chịu”. Chỉ một chốc hai người cày ruộng được biết rằng họ đang cùng ăn với một người thợ mỏ ở xứ Norrland.^[67] Từ nay về sau ông ta không thể làm việc được nữa, nhưng vẫn ở một túp nhà con bên cạnh mỏ. Ông ta có một người con gái lấy chồng trong vùng Fellingsbro, ông ta vừa đi thăm con về, và cô ta rất muốn bỏ đến ở với mình; nhưng ông lão không thể quyết định như thế được.

- Vậy ra bác không cho rằng vùng này cũng đẹp chẳng kém gì xứ Norrland à? Mấy người nông dân nói, vừa nói vừa mím môi một tí vì họ thừa biết rằng Fellingsbro là một trong những vùng đẹp nhất và giàu nhất nước.

- Làm sao mà tôi lại có thể ở một cái đồng bằng giống như thế này được! Ông lão kêu lên, vừa kêu vừa làm điệu bộ như gạt ra một ý nghĩ không thể tưởng tượng được.

Cả ba người liền hết sức hữu ái bàn xem trong tỉnh Västmanland nơi nào ở thích hơn cả. Một trong hai người dân cày sinh ở Fellingsbro, và ca tụng những giá trị của vùng mình; nhưng người kia quê ở vùng Västerås, thì cho rằng các bờ phá Mälaren^[68] với những xoi đất phủ rừng và những cái ghềnh xinh xắn, đã thành nơi đẹp nhất đất nước.

Dù sao, ông lão vẫn không chịu để cho người ta thuyết phục, và muốn tỏ cho những người kia thấy là mình có lí, ông ta xin phép kể cho họ nghe một câu chuyện mà ông ta đã được nghe ông già bà cả kể từ thuở còn thơ.

“Cách ngày nay lâu, lâu lắm, ở tỉnh Västmanland có một bà già thuộc một dòng giống khổng lồ, giàu có đến mức mà sở hữu là toàn thể miền này. Dù ở trong cảnh sung túc vô cùng, bà ta vẫn mang những mối lo lớn, vì không biết chia tài sản cho ba con trai như thế nào. Bà ta thương người con út hơn cả và muốn anh ta được phần tốt nhất. Nhưng đồng thời bà ta lại sợ là cái ân huệ ấy sẽ làm cho hai người anh oán hận anh ta, nếu họ thấy là việc chia gia tài không được công bằng.

“Một hôm, bà mẹ cảm thấy là mình đã quá gần đất xa trời để có thể còn suy nghĩ lâu la hơn nữa về cái điều vẫn làm mình bận tâm. Thế là bà ta cho gọi ba con trai đến và nói với họ về cái gia tài.

“Mẹ đã chia của cải ra làm ba phần và các con hãy tự chọn lấy phần mình, bà bảo họ thế.

“Phần thứ nhất gồm tất cả những rừng sồi của mẹ, những lùm cây um tùm và những bãi cỏ nở hoa quây quần quanh phá Mälär.^[69] Con nào chọn phần này sẽ được những đồng cỏ tốt tươi để nuôi cừu và bò ở ven bờ phá; và ở trên các xoi bãi thì hái củi tươi, nếu không muốn trồng trọt gì. Vô số vũng và lạch từ biển ăn sâu vào đất liền, sẽ đem đến nhiều khả năng cho việc buôn bán đường biển và việc giao lưu với nội địa. Ở các cửa sông, chủ nhân của đất này có thể xây dựng những cảng rất tốt, và vì thế mẹ cho rằng làng mạc và thành thị sẽ mọc lên dễ dàng trên lãnh thổ này. Đất đai dù bị chia cắt mạnh mún như thế, vẫn không ngăn trở gì việc trồng trọt. Con cháu chủ nhân vùng này phải đi lại từ đảo nọ sang đảo kia mới có lợi. Họ sẽ thành những nhà hàng hải giỏi, có thể vượt biển đến những đất nước xa xôi và kiếm được ở đấy những tài sản lớn. Vậy phần thứ nhất của mẹ là thế. Các con nghĩ thế nào?” “Ba người con trai đều đồng ý rằng phần đó thật tuyệt vời. Người nào mà được thì chỉ còn có thể cho rằng mình là người hạnh phúc nữa mà thôi.

“Quả thật phần này chẳng chút khuyết điểm nào cả! Bà lão khổng lồ lại nói tiếp, nhưng mà phần thứ hai cũng chẳng đáng coi thường, vì mẹ đã gom vào đấy tất cả những đất đai bằng phẳng và những đồn điền quang đãng mà mẹ có. Cánh đồng này tiếp theo cánh đồng kia, suốt từ miền phá Mälär cho đến tận tỉnh Dalarna. Con nào lấy phần này sẽ chẳng có gì ân hận. Có thể tha hồ mà gieo trồng, có thể lập những vườn cây rộng lớn, và từ đời cha ông cho đến đời con cháu sẽ chẳng phải lo lắng về miếng ăn lấy một ngày, vì để cho đồng bằng khỏi khô cạn, mẹ đã đào ra những con sông lớn. Trên dòng, thỉnh thoảng lại có những thác nước đủ sức để quay các cối xay, hay để đặt những lò đúc. Dọc các dòng sông đó, mẹ lại bố trí những bãi cát, cho rừng cây mọc lên thuận tiện để ngày sau có củi mà đun. Đó là cái phần thứ hai của mẹ. Con nào mà được thì sẽ hoàn toàn có lí do để mãn nguyện”.

“Ba người con trai cho là mẹ nói phải, và cảm ơn mẹ đã vì họ mà bố trí mọi thứ hoàn hảo đến thế.

- “Mẹ đã cố làm hết sức mình, bà lão nói tiếp. Nhưng giờ thì mẹ đi đến cái việc đã làm mẹ băn khoăn hơn cả. Vì các con thấy đây, mẹ đã bỏ vào phần thứ nhất tất cả các cánh đồng trồng cây, các bãi cỏ, các rừng sồi của mẹ; vào phần thứ hai tất cả các cánh đồng gieo trồng, tất cả những đất mới khai phá của mẹ. Nhưng khi mẹ muốn kiếm cái gì để xây dựng phần thứ ba thì mẹ mới thấy là tất cả của cải của mẹ chỉ còn lại có những sườn dốc phủ cây thông, những rừng cây bách, những vách núi đá và những phiến đá xám, không kể những bụi đỗ tùng cần cỗi, những lùm cây xơ xác, những cây bạch dương và những cái hồ nhỏ.

Và mẹ không thể mong là một con nào của mẹ lại ưa thích những thứ ấy được. Tuy vậy, mẹ cũng quây quắt thu vén tất cả cảnh khổ ấy, đem đặt ra ở phía bắc và phía tây miền đất bằng phẳng. Mẹ lo rằng con nào mà chọn cái phần này thì sẽ chẳng còn có thể chờ mong cái gì ngoài cảnh nghèo khổ. Cừu và dê đúng là đàn gia súc duy nhất có thể nuôi được ở đây, rồi lại phải câu cá trên các hồ, săn bắn trong rừng để nuôi thân. Trong cái phần này có vô số thác nước để có thể dựng lên những nhà xay, rộng bao nhiêu cũng được; nhưng mẹ sợ rằng ở đây chỉ có vỏ cây để mà xay thôi. Và chủ nhân của phần đất sẽ phải gian khổ chống lại sói và gấu, ở những chốn hoang vu này.

“Cái phần thứ ba, mẹ cũng biết rõ, là không thể sánh được với hai phần kia; và giá mẹ chưa già đến thế này thì mẹ đã chia lại gia tài, nhưng mà việc ấy không thể làm được nữa rồi. Và giờ đây, trong giờ phút cuối cùng của mẹ, mẹ không thể nào yên tâm vì không biết phải cho con nào cái phần này, phần xấu nhất trong cả ba phần. Các con đều hiếu thảo, tất cả ba con, nên mẹ thật là khổ tâm vì phải tỏ ra bất công đối với một trong ba con”.

“Ngừng lời, bà lão không lơ lo lắng nhìn các con. Giờ họ không nói năng như lúc nãy, là bà đã chia của cải đúng hết sức nữa. Họ lặng thinh, và người ta thấy rõ ràng chủ nhân của phần đất thứ ba kia sẽ chỉ có thể là bất mãn mà thôi.

“Nhưng người con mà bà mẹ thương nhất, không thể chịu nổi cái cảnh mẹ phải băn khoăn phiền muộn như vậy, anh ta liền nói:

“Xin mẹ đừng lo buồn về việc chia này nữa, trái lại mẹ hãy bình tĩnh và an tâm mà nhắm mắt. Mẹ cứ cho con cái phần thứ ba. Con sẽ cố tận dụng phần đó, và có thành công hay không, con cũng sẽ không ca thán gì, khi thấy các anh con may mắn hơn con”. “Người con vừa nói xong là bà mẹ liền bình

tĩnh trở lại. Bà cảm ơn con và khen con có tấm lòng quảng đại. Bà chẳng còn chút khó khăn nào trong việc chia hai phần đất kia, vì có thể nói là hai phần giá trị chẳng hơn kém gì nhau cả.

“Khi mọi việc đã giải quyết xong, bà lão cảm ơn người con út một lần nữa, nói rằng chính bà đã mong chờ anh ta giúp bà. Bà xin anh ta khi đã đến cái xứ sở hoang vu của mình thì nhớ lại tấm lòng thương yêu lớn lao của bà đối với anh ta. Nói xong, bà nhắm mắt và qua đời.

“Chôn cất bà xong, ba anh em mỗi người đi xem xét phần gia tài của mình. Hai người anh, tất nhiên chỉ có thể miễn nguyện mà thôi.

“Người con thứ ba đi lên xứ sở hoang dã của mình, và thấy là mẹ mình đã nói đúng: của cải của anh chủ yếu chỉ gồm có những sống núi đá và những chiếc hồ con. Anh hiểu rằng mẹ anh đã nghĩ đến anh với tấm lòng thương yêu, khi dựng nên đất này để dành phần cho anh; vì tuy là trong tay chỉ có những thành phần xấu kém, bà đã tập hợp cả lại, chăm chút đến thế nào, và đã làm ra cái vùng đẹp nhất trong mọi vùng này. Cái xứ hoang dã làm cho người ta sợ này, không phải vì hoang dã mà kém phần xinh đẹp. Người con út hài lòng nhận thấy thế, nhưng anh ta vẫn không được sung sướng.

“Bỗng anh ta trông thấy đất chỗ này chỗ kia có một vẻ là lạ. Và, xem xét kĩ hơn, anh ta phát hiện ra là gần như khắp nơi đều có những mạch kim loại chạy thành vĩa ở trong đất. Anh ta tìm thấy nhiều nhất là sắt, nhưng cũng nhiều bạc và đồng.”^[70]

“Ước đoán rằng tài sản của mình nhiều hơn của hai anh, dần dà anh ta bắt đầu hiểu dụng ý của mẹ như thế nào, khi bà chia gia tài cho các con”.

Ở các khu mỏ

Chuyến đi của đàn ngỗng rõ ràng là khó. Sau khi ăn sáng trong các cánh đồng Fellingsbro, đàn có ý định bay thẳng lên phía bắc, qua tỉnh Västmanland, nhưng lại bị gió tây đẩy sang phía đông, đến tận giới hạn tỉnh Uppland.^[71]

Ngỗng trời bay lên rất cao trên không, và bị gió thổi bắn về phía trước theo một cái đà rất gấp. Nils nghiêng mình xuống để xem, nhưng chẳng nhìn thấy gì rõ. Tất nhiên, chú cho rằng miền này phía đông bằng phẳng không chút mấp mô, nhưng mà những đường chắn ngang đồng bằng từ bắc sang nam kia là cái gì thế?

Chú nói: - Xứ này lắm sọc, kém gì chiếc tạp dề của mẹ mình. Nhưng chẳng hiểu những cái đường hiện ra trên mặt đất kia có thể là cái gì?

- Sông và núi, đường bộ và đường sắt, đàn ngỗng trả lời, sông và núi, đường bộ và đường sắt!

Mà đúng thật! Vì lúc bị đẩy sang phía đông, trước tiên đàn ngỗng đã bay trên dòng sông Hed Kolbäcksån chảy giữa hai triền núi, dọc một con đường xe lửa. Rồi chúng đến Kolbäcksån, ở đó một bên là con đường sắt và bên kia là con đường bộ lớn. Sau đó chúng gặp sông Svartån, mà những đường bộ và các dãy núi Lillån và Sagån đều cùng đi theo. Ở đây người ta trông thấy cả con đường cái lớn lẫn đường xe lửa.

Nils nghĩ thầm: “Mình chưa bao giờ trông thấy nhiều đường từ cùng một hướng chạy đến như thế này. Hàng hóa từ phía bắc xuống chắc phải nhiều lắm”.

Trong lúc ấy thì gió đã xua đàn ngỗng đến tận Sagån, và chính bấy giờ Akka mới biết là đàn đã đến những mạn khác hẳn những nơi muốn đi qua. Ngỗng già liền cho đàn quay lại, bay trở về phía tây, bắt phải cương quyết chống lại gió ngược. Thế là lại một lần nữa, đàn ngỗng bay qua cái đồng bằng sòng sọc, rồi bay tiếp bên phía tây miền này, trên những dãy núi phủ kín rừng.

Còn bay trên đồng bằng là Nils còn nghiêng mình trên cổ ngỗng, nhìn xuống bên dưới, nhưng khi đã hết mặt đất bằng phẳng thì chú ngồi thẳng lên và nhắm mắt lại. Chắc là trong cái vùng rừng núi này chẳng có gì mấy mà

xem.

Sau một hồi lâu bay trên những núi non phủ kín rừng và lỗ chỗ những hồ nhỏ, bỗng Nils nghe như thể một tiếng rên rỉ từ mặt đất cất lên, và chú liền nghiêng mình về phía trước.

Cái vật mà chú trông thấy trước tiên là một cái lỗ đen ngòm, sâu thẳm xuống lòng đất. Ở trên miệng lỗ, người ta dựng một cái máy trục ghép bằng những súc gỗ lớn, và chính chiếc máy ấy đang nâng một cái ben chứa đầy những tảng đá lên, với những tiếng hú vang vang, tiếng rít kèn kẹt. Khắp chung quanh là những đồng đá tuối.

Một chiếc máy hơi nước phì khói trong một nhà xe. Đàn bà và trẻ con, ngồi xuống đất thành vòng tròn, nhặt sỏi vụn ra. Trên một đường sắt hẹp dùng ngựa kéo những đoàn xe, vài ba xe goòng đang lăn bánh, chở những hòn đá xám; và, ven rừng là những nhà ở nhỏ nhỏ của công nhân.

Nils không thể hiểu tất cả những thứ ấy thuộc về cái gì, và chú kêu to lên để cho người ta nghe tiếng:

- Chỗ này là gì đây mà người ta khai từ đất lên lắm đá xám thế?

- Hãy nghe cái kẻ ngốc kia! Hãy nghe cái kẻ ngốc kia! Không thể phân biệt nổi quặng sắt với đá xám, những con chim sẽ riu rít như vậy, chúng ở trong vùng và biết rõ đó là cái gì.

Thế là Nils hiểu ra rằng cái mà chú trông thấy đó chẳng là cái gì khác cái mỏ. Chú sửng sốt vì xưa nay vẫn nghĩ rằng mỏ là ở trên các núi cao, thế mà cái mỏ này lại hiện ra trên một khoảng đất bằng phẳng giữa hai dãy đồi.

Đàn ngỗng vừa bay qua hết cái mỏ là Nils ngồi lại thoải mái để ngủ, chú đã trông thấy không biết bao nhiêu lần những rừng bách và những lùm bạch dương mà chú đã bay qua.

Bỗng một làn hơi nóng gắt bốc lên phía chú, và chú nghiêng mình xuống tìm xem nguyên nhân từ đâu. Tận dưới xa, thấy chồng chất những đồng than và quặng đồ sộ như những ngọn núi nhỏ, ở giữa mọc lên một ngôi nhà xây hình bát giác cao, quét màu đỏ, đang phun lên trời một chùm lớn những ngọn lửa.

- Đây là cái xứ gì, mà chẳng một ai lo ngại trước cảnh nhà cháy thế này? Chú bé kêu lên.

- Hãy nghe kẻ ngốc sợ lửa kia. Không biết rằng sắt đang được đun chảy từ quặng ra, và không phân biệt nổi những ngọn lửa lò cao với lửa đám cháy! Những con chim mai hoa làm tổ ở bìa rừng kêu lên như thế. Vừa bỏ lại đằng

sau mấy cái lò cao, là Nils ngồi lại ngay ngắn trên lưng ngỗng, tin chắc là chẳng có chút gì bổ ích để xem trong cái miền rừng rú này. Nhưng bỗng những tiếng huyền não khủng khiếp làm chú giật nảy người. Cúi xuống lần nữa, chú nhìn thấy rõ một dòng thác đang phun ra rất mạnh từ một vách đá. Bên cạnh thác là một công trình xây dựng to lớn lợp mái đen và có một ống khói cao, phun ra một luồng khói đặc lẩn những tia lửa. Quanh ngôi nhà thấy những khối sắt, những thanh sắt, và những núi than thực sự. Khắp chung quanh, mặt đất đều đen, và những con đường cũng đen, chạy tỏa ra khắp mọi hướng.

Từ ngôi nhà vang lên những tiếng ồn ào không thể tả được. Toàn là những tiếng gầm và tiếng rít. Có thể nói là ai đó đang cố tự vệ, chống lại một con ác thú vừa khạc vừa rít, bằng cách nện cho nó những đòn tuyệt vọng.

Nhưng mà lạ thay, chẳng một ai ngạc nhiên về việc đang xảy ra cả.

Xa một tí nữa, nhà ở của công nhân quây quần dưới những cây xanh. Và, xa nữa, là một tòa lâu đài lớn màu trắng.

Trẻ con chơi đùa yên tĩnh trên tam cấp các nhà công nhân, những người dạo chơi, bình tĩnh đi lại trên các con đường của khu vườn.

Chú bé nghiêng mình xuống phía mặt đất, kêu lên:

- Đây là cái nơi nào mà chẳng một ai để ý đến những kẻ đang giết nhau trong ngôi nhà kia cả thế?

- Ái! Ái! Xem kìa một kẻ hiểu biết công việc. Chẳng ai giết ai trong ngôi nhà kia cả. Đó là sắt nổ lộp bộp và rít kèn kẹt vì búa đập. Một con chim chìa vòi trả lời và cười như nắc nẻ.

Đàn ngỗng đã bay quá nhà máy thép và Nils, ngồi rất thẳng, chẳng quan tâm gì đến phong cảnh, thì bỗng nghe tiếng chuông và thấy bên dưới một cái trại mà chú chưa hề bao giờ trông thấy có trại nào to bằng; một ngôi nhà đồ một tầng, nhưng vây quanh là vô số những nhà phụ rộng rãi và kiên cố. Nils biết đại khái số nhà phụ cần thiết cho một cái trại là bao nhiêu, nhưng mà ở đây, số ấy gấp đôi, thậm chí gấp ba con số thường thấy. Chưa bao giờ chú nghĩ là một cái trại lại có thể có đến một số công trình xây dựng nhiều đến thế được, và chú không tài nào mà tưởng tượng ra nổi cái gì có thể chứa trong các ngôi nhà kia, vì chung quanh trại chỉ thừa thớt rất hiếm đồng ruộng. Chú cũng có nhìn thấy rõ vài ba miếng đất khai hoang nhỏ tí ở giữa rừng, nhưng những miếng đất ấy hoặc quá nhỏ để có thể thực sự cho là cánh đồng hoặc là ở đây đã xây một cái vựa thóc có thể chứa tất cả hoa lợi thu hoạch được trên miếng đất rồi.

Cái chuông dùng để báo giờ ăn cho nhân viên treo dưới rìa mái nhà, và chính cái chuông ấy đang kêu. Ông chủ nơi này đi về phía nhà bếp cùng với tôi tớ, và Nils thấy là đám kẻ ăn người ở nơi đây khá đông, và trông ra vẻ lắm.

Chú kêu, hỏi xuống phía dưới đất: “Những kẻ xây dựng ấp trại to lớn như thế ở giữa rừng, chẳng có lấy một cánh đồng thực sự nào cả, là ai thế?”

Con gà trống, đứng trên một đồng phân, trả lời chú tức thì:

- Trang viên cổ của chủ mỏ, cánh đồng nằm ở dưới đất. Cánh đồng nằm ở dưới đất!

Nghe tiếng, Nils mới hiểu ra rằng dưới mắt mình không phải là một trong những miền rừng rú mà bay qua người ta có thể không cần nhìn đến.

Tất nhiên, rừng cây và đá núi ở đây rất nhiều, nhưng còn có một số rất lớn những cơ sở lạ lùng ẩn náu trong đó nữa. Trên đất mỏ, chỗ này giương lên những chiếc máy trục sắp sụp đổ, chỗ kia những hầm mỏ mở ra sát mặt đất, và trong các mỏ đang hoàn thành cái công việc mà những tiếng nổ âm ì vang lên đến tận đàn ngỗng. Những làng thợ mỏ trọn vẹn hiện ra ở bìa rừng. Chú bé trông thấy những lò sắt cũ bỏ phế; qua mái nhà sụp đổ thấy những búa máy to tướng và những vòng sắt bên cạnh những cái lò xây đắp thô kệch và nặng nề. Trong những nhà máy thép mới, công việc tiến hành với những tiếng ồn ào dữ dội đến nỗi đất cũng rung rinh.

Những chiếc ben đầy quặng chạy trên những dây cáp mắc trong không. Những thác nước làm quay những bánh xe. Những dây điện mắc trên các khu rừng im lặng, và những đoàn sáu, bảy chục toa xe chở đầy quặng và than, thanh sắt, tấm thép hay dây thép, chạy trên đường ray.

Chú bé im lặng ngắm cảnh tượng ấy một lúc, rồi không thể nhịn được, kêu lên: “Vùng này gọi là gì mà chỉ thấy có sắt mọc lên thôi?”

Thế là một con cú già ở yên trong một chiếc lều bỏ hoang, liền thức dậy. Nó thò cái đầu tròn ra và kêu, giọng dữ dội:

“Hu! Hu! Hu! Vùng này gọi là Bergslagera^[72] hay là các khu mỏ. Người ta mà không tìm thấy sắt, thì cho đến nay đây vẫn còn là nơi ở của loài cú và loài gấu”.

Con gấu với nhà máy thép

Thứ năm, 28 tháng tư

Một luồng gió mạnh thổi từ phía tây sang gần suốt cả ngày. Đàn ngỗng cứ cố tìm cách bay nhanh lên hướng bắc, nhưng lại bị đánh bật sang hướng đông. Trong lúc đó Akka tin rằng Smirre, con cáo, đang rong ruổi trên miền đông của đất nước, nên không muốn đi sang phía ấy. Liên tục, ngỗng già bắt các bạn đồng hành quay trở lại, vất vả cô trở về hướng tây. Cứ thế, đàn ngỗng chỉ tiến rất chậm, và đến chiều còn ở trên các khu mỏ tỉnh Västmanland.

Gần tối, gió bỗng dịu đi, và đàn lữ khách thấm mệt, hi vọng được một giờ bay dễ dàng trước lúc nghỉ đêm. Nhưng một trận cuồng phong khác nổi lên tấn công, đẩy các ngỗng trời đi như những quả bóng con. Và Nils tưởng chẳng có nguy hiểm gì đáng sợ, liền bị tung lên và lao vào không gian.

Bé như thế, nhẹ như thế, trong cơn gió dữ dội như thế, chú không thể rơi thẳng xuống đất; mà gió cuốn chú đi một lúc, rồi để chú rơi nhẹ nhẹ, từng đợt, từng đợt, như một ngọn lá từ cành cây rụng xuống.

Trong khi rơi, Nils nghĩ: “Nào! Tình cảnh này chẳng có gì nghiêm trọng lắm! Minh rơi xuống đất nhẹ nhàng, tưởng như mình là một mẩu giấy mỏng. Chắc thế nào ngỗng đực Mårten cũng sẽ vội vã bay qua đây để đón mình!”.

Việc đầu tiên chú làm sau khi đặt chân xuống đất là bỏ mũ ra, cầm vẩy vẩy để ra hiệu cho ngỗng đực trắng có thể nhận ra chỗ chú đang đứng.

“Minh đây! Cậu đâu? Minh đây! Cậu đâu?” Chú kêu lên, hơi lấy làm lạ là không nhìn thấy ngỗng đực bên cạnh mình nữa.

Nhưng mà con ngỗng trắng to không thấy đến, và Nils cũng chẳng thấy cả đàn ngỗng bay trên nền trời nữa. Hình như đã biến mất đâu hết cả rồi.

Chú thấy việc này quả là lạ, nhưng chẳng sợ, cũng chẳng lo chút nào. Chú không thể nghĩ rằng những kẻ như Akka hay Mårten, ngỗng đực, lại có thể bỏ rơi chú được. Chắc là trận cuồng phong đã quấy họ đi thôi. Lúc nào có thể quay lại là họ sẽ trở về tìm chú. Nhưng mà, trời ơi, chú đang ở chốn nào thế này?

Từ nãy chú chỉ ngược nhìn lên các đám mây, tìm đàn ngỗng; giờ chú mới

nhìn ra quanh mình. Không phải chú rơi xuống một khoảng đất bằng phẳng, mà xuống một cái hẻm sâu. Chỗ này rộng bằng một cái nhà thờ không có nóc; bao quanh mọi phía là những vách đá gần thẳng đứng. Mặt đất lác đác những tảng đá to tướng, xen vào giữa là rêu, những túm lê đá và những cây bạch dương lùn. Từng quãng, vách đá để lộ ra những khe nứt có con đường hẻm khổ sở đi qua.

Ở một bên, mở ra một cái lỗ đen ngòm, hình như ăn rất sâu vào lòng đá.

Nils đã bay suốt một ngày trên các khu mỏ không phải là vô ích. Chú hiểu ngay rằng cái hốc rộng này là do lao động của con người, trước kia đã khai quặng ở đây, đào ra.

Chú tự nhủ: “Dù sao mình cũng phải cố hết sức nhanh leo lên trên cao của chỗ trống này, nếu không thì e các bạn đồng hành không tìm ra mình được đâu”.

Chú liền cố leo lên cái vách đá, thì bỗng thấy như bị túm lấy sau lưng rất thô bạo, và nghe một giọng thô lỗ gầm gừ bên tai: “Mày là đứa nào vậy? Hử”.

Nils vội vàng quay lại và, trong cơn hoảng hốt đầu tiên, tưởng như trông thấy cạnh mình một khối đá đồ sộ phủ rêu màu nâu sẫm. Rồi thì chú thấy khối đá có những chân to tướng, một cái đầu, một cặp mắt và một cái mồm rộng đang lầu bầu. Chú chẳng biết trả lời làm sao, nhưng con vật to tướng hình như không thềm chờ một câu trả lời ngắn nào. Nó vạt ngã chú xuống, lấy chân đập chú nhè nhẹ, làm chú lăn từ phải sang trái, và ngửi vào người chú khắp cả mọi phía.

Nó có vẻ như sắp nuốt sống chú, thì bỗng đổi ý, kêu lên:

- Ủn ỉn và Ủng ục! Các con yêu dấu của mẹ! Đến đây nhanh lên! Các con sắp được bữa chén ngon lành. Túc thì hiện ra hai con gấu con, rậm rì, chân bước chưa vững, và lông mượt như lông chó con. Chúng kêu lên:

- Mẹ kiếm được cái gì thế mẹ? Xem nào! Xem nào! Nils nghĩ bụng: “Đúng là mình đã gặp phải gấu rồi, e rằng từ giờ trở đi, Smirre sẽ được miễn khỏi phải đuổi theo mình nữa rồi”.

Gấu mẹ lấy chân hất chú về phía hai đứa con. Một đứa đón lấy chú tức thì, rồi chạy trốn. Nhưng răng của nó không cắn chặt, vì nó chỉ nghịch và nghĩ đến việc chơi đùa một lúc với thằng bé Tí Hon này, trước khi giết đi. Con gấu con kia liền chạy theo để cướp lấy Nils. Nhưng nó chạy đến quá vụng về, bỏ nhào vào đầu con kia, và cả hai cùng lăn lông lốc, rồi cắn nhau, lấy chân đá nhau và kêu lên những tiếng dữ dội. Nils liền gỡ mình ra được,

chạy bỏ về cái vách đá, và leo vọt lên. Hai con gấu bèn chạy theo, chúng leo nhanh và khéo hết sức. Chúng bắt chú lại và ném chú xuống một lớp rêu, tựa hồ chú là quả bóng vậy.

Chú bé tự nhủ: “Giờ thì mình hiểu rõ một con chuột tội nghiệp cảm thấy gì khi sa vào chân một con mèo!” Chú cố chạy trốn nhiều lần, vào sâu trong các đường hầm cũ của mỏ, nấp sau các tảng đá, leo lên các cây bạch dương; nhưng làm gì thì làm, vẫn bị hai con gấu tóm lại. Mỗi lần chúng bắt được chú, chúng lại thả chú ra để xem chú chạy trốn nữa, và đùa nghịch bằng cách bắt chú lại.

Sau cùng, hết hơi, và mệt nhoài vì cái trò ấy, Nils nằm sóng soài ra đất.

Hai con gấu kêu lên: - Chạy đi, không chúng tao ăn thịt bây giờ!

- Thì cứ ăn tao đi, tao hết hơi rồi!

Tức thì hai con gấu con vọt vĩa đi tìm mẹ:

- Mẹ Gấu ơi! Mẹ Gấu à! Nó không muốn chơi nữa!

- Thế thì cầm lấy nó và xé ra, chia nhau làm hai phần cho đều, mẹ gấu trả lời.

Nghe mấy lời ấy, Nils kinh hãi quá sức, liền tiếp tục lại cuộc chơi.

Đến giờ đi ngủ, mẹ gấu gọi hai con đến nằm cạnh mình, thì chúng đã vui thích đến mức định sáng mai lại chơi cái trò như hôm nay nữa. Chúng để Nils nằm giữa hai chúng nó và đặt chân lên người chú, khiến chú không thể cựa quậy mà không đánh thức chúng dậy được.

Chúng nằm xuống là ngủ ngay, và Nils định bụng là sau một lúc sẽ cố trườn ra khỏi chân chúng. Nhưng suốt cả đời có bao giờ chú bị lấn, bị xô, bị đuổi theo đến thế, và chú đau như cả người đến nỗi chính chú cũng ngủ quên mất.

Một lúc sau, bố gấu từ trên đầu vách đá tụt xuống. Nils thức giấc vì nghe tiếng đá và sỏi rơi dưới bước chân gấu, khi nó xuống cái mỏ cũ. Chú không dám cựa quậy, nhưng chú quay mặt lại và nghehnh cổ ra nhìn xem con gấu.

Nó là một con gấu già, lưng rộng kinh khủng, chân to tướng, răng sắc như thép, đôi mắt ti hí độc ác. Trông thấy chúa sơn lâm già ấy, Nils không thể không rùng mình.

- Có mùi người đâu đây! Bố gấu nói khi vừa đến gần các gấu con, và gầm gừ những tiếng khủng khiếp.

- Làm sao mà trong óc bố nó lại có thể nảy ra một ý nghĩ ngốc đến thế được? Mẹ gấu cãi lại và cứ điềm nhiên ở yên chỗ. Chẳng phải là mình đã đồng ý từ nay về sau không làm hại loài người nữa là gì? Nhưng nếu một kẻ trong chúng nó mà dẫn xác đến đây, nơi chúng ta ở, các con với tôi ở, thì bảo đảm với bố nó là xác nó chẳng còn lại gì đủ để cho bố nó có thể ngửi thấy mùi đâu.

Bố gấu nằm xuống cạnh mẹ gấu, chẳng đòi co gì thêm nữa. Tuy vậy, câu trả lời của vợ hình như không làm cho gấu thỏa mãn lắm, vì nó cứ hít hít và ngửi ngửi không ngớt.

Mẹ gấu nói: - Nay, thôi đừng có làm những cái trò bằng mũi thế kia nữa! Bố nó cũng phải hiểu tôi, đủ để tin rằng tôi chẳng để cho bất cứ một mối nguy hiểm nào đe dọa hai đứa trẻ đâu nhé. Kể cho tôi nghe bố nó làm những gì có hơn không. Tôi chẳng trông thấy mặt bố nó suốt cả tuần rồi đây.

- Tôi đi xem xét đất nước để tìm một chỗ ở mới. Trước tiên tôi sang tỉnh Värmland, để hỏi thăm tình hình bà con mình ở Ekshärad, nhưng chỉ nhọc công vô ích; cả họ mạc đã biến đâu mất sạch. Suốt cả miền rừng chẳng còn lấy một hang gấu nào nữa.

- Tôi nghĩ là loài người muốn ở lại một mình trên mặt đất! Dù là bây giờ ta không tấn công nhà cửa cũng không tấn công con người nữa, dù là bây giờ ta chỉ ăn dâu, ăn kiến và ăn lá cây, ta cũng không được quyền sống trong rừng nữa. Thật ra tôi không biết là chúng ta còn có thể đến trú ngụ ở chốn nào thì người ta mới để cho mình sống yên ổn nữa.

- Trước đây, chúng ta ở trong mỏ này là tốt hết sức rồi, bố gấu nói, nhưng tôi không thích ở đây nữa từ khi cái máy làm ra tiếng ồn kia đặt ngay sát cạnh mình. Lần đi xa sau cùng của tôi là sang phía đông sông Dal, đi quá núi Garpen. Ở đấy có những giếng khai mỏ cũ và những chỗ ẩn nấp tốt khác, và tôi nghĩ rằng ở đấy chúng ta sẽ được kín đáo không sợ loài người mấy nữa.

Vừa nói bố gấu vừa đứng dậy và lại hít hít.

- Ấy, cứ nói đến người là tôi lại ngửi thấy cái mùi của chúng nó, bố gấu nói.

- Thì bố nó cứ tự mình đi xem xét khắp chung quanh đi, mẹ gấu nói. Thực tình tôi chẳng hiểu là ở đây thì một con người có thể nấp vào đâu được.

Gấu đi vòng quanh hang, vừa đi vừa hít khắp mọi phía, sau cùng thì trở lại nằm xuống, chẳng nói một lời. “Chẳng phải tôi nói đúng sao? Chắc bố nó tưởng là chỉ mình bố nó có tai, có mũi thôi đấy.

“Cứ cái cảnh hàng xóm mà ta được ban cho như thế này, thì có cần thận mấy cũng chẳng đủ được! Bồ gấu bình tĩnh nói.

Nhưng bỗng nhiên, thật không may, một con gấu con đặt chân lên mặt Nils, và chú bé tội nghiệp, ngạt thở, bèn hất hơi. Mẹ gấu đành phải thôi không giữ chồng lại nữa. Gấu đực liền bất ngờ gạt hai gấu con sang hai bên, và trông thấy Nils trước khi chú bé kịp đứng dậy. Nó đã nuốt tươi chú tức khắc, nếu mẹ gấu không can thiệp.

- Đừng đụng đến nó! Của hai đứa nhỏ đấy. Nhờ nó, chúng đã được vui chơi suốt cả ngày, đến mức chúng không chịu ăn nó nữa, để dành cái việc thích thú ấy lại đến sáng mai đấy.

Nhưng gấu đực đẩy vợ ra.

- Đừng có dự vào việc gì mà mình không hiểu! Mình không ngửi thấy cái mùi con người của nó từ xa đấy à? Tôi ăn thịt nó ngay bây giờ, nếu không nó sẽ rất có thể chơi cho chúng ta một vỏ gì nữa đây.

Rồi nó lại há mồm ra lần nữa. Trong lúc đó thì chú bé có đủ thì giờ lấy trong bì của mình ra mấy que diêm, vũ khí duy nhất mà chú có. Chú quẹt một que vào quần da của mình và nhét cả que diêm đang cháy vào mồm gấu. Nó hít vào và ngửi thấy mùi lưu huỳnh; nó liền thổi và ngọn lửa tắt. Nils đã cầm một que diêm nữa, nhưng thật lạ lùng, cuộc tấn công hình như không làm cho bồ gấu xúc động gì mấy.

Gấu hỏi:

- Mà có thể đốt lên nhiều cái vật xanh nhỏ nhỏ ấy không?

- Ta có thể đốt lên đủ để hủy diệt toàn thể khu rừng này! Nils trả lời như thế, vì nghĩ là có thể dọa được con gấu bằng cách ấy.

- Có lẽ mà cũng biết đốt cháy một cái nhà, toàn thể một cái ấp?

- Việc đó đối với ta chẳng chút khó khăn gì, Nils chẳng chặc trả lời.

Con gấu liền kêu lên: “Càng tốt! Càng tốt! Mà sẽ giúp tao một việc. Tao thật là mừng vì đã không ăn mất mà!”

Nói xong, nó ngậm nhẹ nhàng chú bé vào mồm, rồi bắt đầu leo ngược sườn dốc của cái hồ mở. Nó tiến lên dễ dàng lạ thường, dù thân hình to lớn và nặng cân. Và khi đã lên trên cao, nó liền chạy thẳng đến phía rừng và chạy rất nhanh. Rõ ràng bồ gấu được tạo ra là để tự vạch lấy đường đi trong các rừng rậm, cái khối đồ sộ của nó rẽ đôi các lùm cây như một con tàu rẽ sóng. Nó chỉ dừng lại trước một con suối ở bìa rừng. Từ chỗ ấy, nó có thể

nhìn thấy cái nhà máy thép lớn. Nó ngồi xuống, đặt chú bé trước mặt, và giữ chặt chú giữa hai chân. Nó bảo chú bé: “Nhìn cái máy lớn làm ra tiếng ồn kia”.

Nhà máy thép lớn gồm nhiều ngôi nhà dựng lên bên bờ một vũng nước rộng. Những ống khói cao phun lên những làn khói đen cuộn cuộn. Những ngọn lửa tỏa ra từ các lò cao, và tất cả các cửa sổ đều sáng trưng. Những búa máy và máy cán đang hoạt động. Các máy làm việc mạnh đến nỗi bầu không khí chỉ là những tiếng ào ào, ầm ầm. Quanh các xưởng máy, là những đồng than to lớn lạ thường, những đồng xỉ sắt cao ngều, những chồng ván xẻ. Xa một tí là những nhà xe và nhà ở của công nhân, những biệt thự xinh xắn, một trường học, những phòng họp, những nhà kho. Nhưng cả cái xóm ấy đều yên lặng và hình như đang ngủ.

Mặt chú bé không quay về phía ấy. Nils chỉ nghĩ đến việc nhìn xem thật gần các ngôi nhà trong khu nhà máy thép thôi. Đất dưới chân chú một màu đen. Bên trên các lò cao, vòm trời xanh sẫm rất đẹp. Con sông cuộn cuộn chảy, nước ngầu bọt, và từ chính các lỗ cao tỏa ra ánh sáng, những ngọn lửa và những tia lửa. Chưa bao giờ Nils được chứng kiến một cảnh tượng như thế.

“Nào! Mày có cho rằng mày đủ sức đốt cháy những cái xây dựng to lớn thế này nữa không?” Gấu hỏi.

Bị cầm tù trong hai chân trước của gấu, Nils tự nhủ là chú có thoát được không là tùy theo ý kiến của gấu sắp đánh giá cao hay thấp khả năng của chú. Chú nói.

- Đối với ta, một ngôi nhà mà to hay nhỏ chẳng quan trọng gì. Dù sao ta cũng biết đốt cái nhà này cháy sạch sành sanh.

- Thế thì ta nói với mày việc này, bố gấu lại tiếp tục câu chuyện. Tổ tiên ta đã chiếm vùng này từ cái thời mà rừng mới bắt đầu phủ lên đây. Ta thừa hưởng của tổ tiên đất săn, đồng cỏ, hang hốc, chỗ trú, và ta đã ở đây suốt đời chẳng bị ai quấy phá. Lúc ban đầu bọn người chẳng hề làm phiền ta. Họ đi đào núi để khai ít quặng, rồi họ dựng lên một lò sắt nhỏ và một cái lều gần bên sông. Búa chỉ đập sắt có vài giờ một ngày, và cái bể lò sắt chỉ làm việc không quá vài tuần trăng. Ta đã có thể chịu đựng cái cảnh ấy lắm.

“Nhưng mấy năm vừa qua, từ khi họ chế ra cái máy làm tiếng ồn ấy và cho chạy cả ngày lẫn đêm, thì ta chẳng thấy thích thú gì ở đây nữa.

“Lúc đầu, chỉ có chủ lò sắt với hai thợ rèn ở đây. Nay thì một đám đông người lao xao, nhưng nhúc nhích khắp nơi. Chẳng ở chỗ nào là ta được yên thân,

không phải lo ngại gì. Ta đã tính đến việc dọn đi nơi khác, đúng thế, thì lại nảy ra một ý”.

Nils nghĩ xem ý của gấu có thể là thế nào, nhưng chưa kịp hỏi thì gấu đã lại ngậm chú vào mồm và lại chạy đi, theo nước kiệu chậm.

Nils không thể trông thấy cái gì hết, nhưng nghe tiếng âm âm mỗi lúc một to, chú hiểu là đã cùng kẻ đồng hành kia đến gần các lò cao. Chắc là bố gấu biết rất rõ chỗ này, vì đã qua lại nhiều đêm tối, quan sát những gì xảy ra, và tự hỏi là thỉnh thoảng có thể sẽ được chứng kiến một lúc nào ngừng công việc chằng. Nó đã lấy chân sờ các bức tường, ước ao có đủ sức để đánh một cái đồ nhào tất cả công trình xây dựng này. Người ta không nhìn rõ con vật mấy trên mặt đất đen, và hơn nữa, nó nép vào bóng các bức tường. Nó đi vào khoảng giữa các xưởng máy, chẳng sợ gì cả, rồi leo lên một đồng xỉ sắt. Đến đỉnh, nó đứng thẳng mình lên, đặt Nils xuống chân rồi bảo:

- Thử nhìn một tí những gì mày trông thấy trong ấy. Trong nhà máy thép, người ta đang cho chạy nồi luyện. Bố gấu bắt Nils phải ngắm cái cảnh ấy cho đến khi nồi hết hơi, và thép lỏng lánh đỏ, chảy vào hai cái thùng rộng.

Nils thấy rằng những thứ ấy đẹp quá, nhìn đến sùng sốt và gần như quên mất là mình đang bị kẹp vào giữa hai cái chân gấu. Nhưng bố gấu lại bắt chú nghiêng mình xuống, nhìn các máy dất đang biến thỏi sắt ngắn và dày đã nung trắng, thành phiến thép đỏ và dài.

Nils ngạc nhiên và thích thú ngắm những tấm sắt sinh động ấy, nhưng chú còn ngắm nghía lâu hơn nữa những công nhân dẻo dai, khéo léo, đang dùng kim cặp lấy con rắn lửa, bắt nó phải chui xuống dưới các máy dất.

Nils nghĩ thầm: “Đó mới thật là những con người, bằng không thì mình chẳng hiểu biết gì hết”.

Con gấu cũng cho chú xem cái lò đúc, ở đó người ta đang đúc những thỏi sắt; và nỗi ngạc nhiên của chú bé càng tăng khi thấy những người thợ đúc sử dụng sắt và lửa dễ dàng đến thế. Những kẻ ấy chẳng chút sợ lửa, sợ nóng. Đen ngòm và đầy mồ hôi, họ hiện ra trước mắt Nils như những quỷ sứ, có thể bẻ cong ngọn lửa theo ý thích của họ. Chú không tài nào tin được rằng những con người bình thường mà lại có thể được ai phú cho một uy lực lớn đến thế.

Bố gấu ngồi bệt xuống và nói: “Đó, những gì họ làm hết ngày này sang ngày khác, hết đêm này sang đêm khác. Giờ thì mày hiểu rằng người ta phải ngăn cái trò như thế này, và ta sẽ lấy làm thích được thấy nó chấm dứt thôi.”

- Thật thế à! Nhưng mà đằng ấy sẽ làm thế nào?

Chú bé hỏi lại.

- Thế này này, ta nghĩ là mày sẽ đốt cháy những nhà này đi. Như thế ta sẽ được thoát khỏi cái cảnh làm lụng liên miên ấy, và ta sẽ lại có thể trở về ở yên nơi chôn nhau cắt rốn của ta.

Nils thấy lòng lạnh như băng.

Bố gấu lại nói tiếp: “Ta hứa với mày là sẽ để cho mày sống, nếu mày đốt cháy cái máy kia; nhưng nếu mày không làm theo ý ta, thì tức khắc mày đi đòi!”

Các xưởng rộng rãi đều xây bằng gạch, và chú bé nghĩ bụng là bố gấu có thể cứ việc ra lệnh cho chú phải đốt đi, tùy thích, mà chú thì thật không thể nào làm theo lời gấu được. Nhưng bỗng chú nhận thấy là nghĩ cho kĩ thì việc ấy không phải là không làm được. Ngay bên cạnh, chú trông thấy một đồng rơm và vỏ bào, mà chú có thể đốt lên chẳng khó khăn gì. Bên cạnh đồng rơm, người ta đã chắt ván thành đồng, và các đồng ván tiếp liền với cái kho chứa than. Lại nữa, kho than ở sát các xưởng thợ, và nếu than mà cháy thì lửa sẽ bén ngay lên nóc nhà máy thép. Tất cả mọi chất dễ cháy đều tức khắc bốc lửa; sức nóng sẽ làm đổ các bức tường, và tường đổ sẽ đập nát hết các máy. “Thế nào, mày có quyết không, hay không quyết?”, bố gấu hỏi.

Nils biết là không nên trả lời ngay rằng mình không muốn làm theo lời gấu, nhưng chú cũng biết rằng chân của gấu sẽ chỉ bóp một cái là nát cả người chú ra.

Vì vậy chú nói: - Để một lát, mình suy nghĩ đã.

- Ta cho phép mày nghĩ, nhưng phải biết rõ là vì nhờ sắt mà loài người đã có thể lấn át chúng ta đến như thế, nên ta hết sức muốn được thấy các công việc đang làm ở đây phải ngừng lại.

Nils nghĩ là phải lợi dụng cái lúc tạm hoãn này để tìm một lối thoát ra khỏi tình thế của chú, nhưng mà chú khiếp sợ đến mức không tài nào suy nghĩ cho có mạch lạc được.

“Nào, mày có muốn hay không nào?”, bố gấu hỏi. Mấy lời ấy bỗng rút Nils ra khỏi cơn suy nghĩ.

Chú kêu lên: - Chớ nóng nảy thế! Đây là việc hệ trọng và cần có chút thời gian mình mới nghĩ ra.

- Thì hãy nghĩ thêm lát nữa, bố gấu nói. Nhưng phải biết rằng vì nhờ sắt mà loài người khôn ranh hơn loài gấu đến thế, và chính vì vậy mà ta muốn trông thấy cái công việc này phải ngừng lại.

Xin được một thời hạn này nữa, chú bé cố gắng phác ra một kế thoát thân, nhưng vô hiệu.

“Thế nào? Thế nào? Mày đã quyết chưa”, gấu lại hỏi.

Nils giật mình.

- Chọn lựa đâu phải dễ như đăng ấy tưởng. Cho mình nghĩ một lát nữa, chú nói.

- Được, nhưng mà sau đó thì không được do dự nữa. Bởi vì sắt mà loài người đến ở đây, xứ sở của gấu này, và mày phải hiểu rằng ta muốn thấy cái công việc này ngừng lại thôi.

Nils nghĩ là phải lợi dụng lần gia hạn cuối này để tìm ra một cách tự cứu, nhưng chú sợ quá, chú bối rối quá, không suy nghĩ có mạch lạc được, và ý nghĩ của chú cứ quay trở lại những cái mà chú đã thấy khi bay qua các khu mỏ. Thật là phi thường tất cả cái cảnh sinh hoạt ấy, tất cả cái cảnh hoạt động ấy ở trong một xứ heo hút đến thế! Cái miền này sẽ nghèo khổ và hoang vắng đến đâu, nếu người ta không tìm thấy sắt ở đây!

Cái nhà máy này đã đem việc làm đến cho biết bao công nhân, từ khi người ta bắt đầu xây dựng! Ngày nay, chung quanh lại có biết bao nhiêu là nhà ở; và bao nhiêu là đường sắt và đường dây thép cũng chạy đến đây, và chính những đường ấy đã điện những lời nhắn gửi đi khắp thế giới.

Gấu nói: “Mày quyết định thế nào? Muốn hay không muốn?”

Nils đưa tay lên trán. Chú chẳng tìm ra được một cách tự cứu nào, nhưng giờ thì chú biết rằng chú sẽ không làm gì chống lại sắt cả, vì sắt đã giúp đỡ người ta nhiều đến thế nào, người giàu cũng như người nghèo, và đã đem bánh ăn đến cho biết bao nhiêu người.

- Ta không muốn!

Bố gấu chẳng nói chẳng rằng, bóp chú mạnh hơn giữa hai chân của nó.

- Đăng ấy không bắt ta phải quyết định phá hủy một nhà máy thép được đâu, vì sắt là một ân huệ rất lớn, không thể nào đánh vào được.

- Đã thế thì mày đừng mong ta để cho mày sống.

- Không, ta không mong. Nils nhìn thẳng vào hai mắt bố gấu mà nói như vậy.

Bố gấu không ngừng bóp mạnh thêm. Nils đau đến nỗi ứa nước mắt, nhưng tuyệt không nói một lời.

“Vậy thì thế nào?” Bó gấu vừa lau bầu, vừa từ từ dang lên một cánh tay; vì nó vẫn hi vọng rằng, dù thế nào, đến phút cuối cùng rồi Nils cũng sẽ nhượng bộ. Đúng lúc ấy, Nils nghe một tiếng lách cách ngay bên cạnh, và thấy một nòng súng long lanh lóe sáng cách vài bước. Bó gấu và chính cả Nils nữa, đã bị công việc của bản thân họ thu hút đến mức chẳng nhận thấy một con người đang lặng lẽ đi đến gần.

Nils kêu lên: “Bó gấu! Không nghe người ta lên đạn đấy à? Chạy đi! Không người ta bắn!”

Bó gấu vội vàng chạy trốn, nhưng vẫn cố mang theo tù nhân của mình. Một tiếng nổ ngắn vang lên, trong khi gấu ba chân bốn cẳng chạy. Đạn rít bên tai, nhưng gấu vẫn cố chạy được an toàn đến chỗ chắc chắn.

Trong khi nửa thân hình lủng lảng ở mõm gấu, Nils tự nhủ là chưa bao giờ mà mình ngu như đêm nay. Nếu chú đừng nói gì thì gấu đã bị giết chết, và chú đã được giải thoát rồi. Nhưng mà chú đã quen giúp đỡ các loài vật đến mức là rốt cục chú cứ giúp, mà không cần suy nghĩ gì cả.

Bó gấu chạy một thôi đường trong rừng, rồi dừng lại để đặt Nils xuống đất.

“Cảm ơn! Tí Hon! Những viên đạn chết tiệt ấy sẽ không bắn trượt đích, nếu cậu không báo cho ta; và giờ thì ta, ta cũng giúp lại cậu một việc. Nếu vạn nhất cậu gặp một con gấu, thì cậu chỉ cần nói với nó cái điều ta sắp rí tai cậu đây, là nó sẽ không làm chút gì hại cậu đâu!”

Nói xong, bó gấu thì thào mấy lời vào tai Nils, rồi chạy đi hết tốc lực, vì cứ tưởng như còn nghe tiếng những người đi săn và chó đang đuổi theo mình.

Nils thì ở lại giữa rừng, tự do và không tổn thương chút gì hết, nhưng chỉ hơi hiểu ra rằng một việc màu nhiệm đến thế mà lại có thể xảy ra được.

Đàn ngỗng trời vẫn không ngừng bay trên vùng đó suốt cả chiều tối. Chúng kêu, chúng cố tìm tòi quanh vùng, nhưng tuyệt chẳng thấy Tí Hon đâu cả. Chúng tiếp tục tìm lâu mãi sau khi mặt trời lặn; và cuối cùng khi trời đêm đã tối mịt đến nỗi chúng bắt buộc phải đỗ xuống để ngủ, thì chúng thấy lòng buồn quá đỗi. Không một con nào mà không tưởng rằng Nils đã chết vì rơi xuống, và đang nằm trong rừng, nên chúng không thể nào trông thấy được.

Nhưng sáng hôm sau, ngay khi mặt trời vừa hiện lên trên ngọn núi và chiếu vào đàn ngỗng, thì Nils đã ở tại chỗ thường ngày của mình, nằm ngủ giữa đàn ngỗng; và thức dậy thì chú không thể nào nhin được cười được khi

nghe đàn ngỗng kêu lên cà kiu, cà kiu vì ngạc nhiên. Nóng lòng muốn biết việc gì đã xảy ra, chúng không chịu đi kiếm ăn. Chú thuật lại cho chúng nghe cuộc phiêu lưu của chú với con gấu, hết sức hoạt bát, nhưng xong rồi hình như chú chẳng muốn nói gì thêm nữa, chắc rằng cả đàn đã biết rõ mình trở về đàn như thế nào rồi.

- Đâu, chúng mình có biết gì đâu. Chúng mình cứ tưởng là cậu đã chết vì rơi xuống đất.

- Thế thì lạ thật, Nils lại nói. Khi bố gấu từ già mình, mình liền leo lên một cây bách và ngủ luôn ở đấy. Trời vừa hừng sáng thì mình thức giấc, vì nghe tiếng một con đại bàng lao xuống mình. Nó lấy móng chân quắp mình và mang đi. Cả đàn hiểu cho mình rằng mình tin là giờ phút cuối cùng của mình đã đến rồi vậy. Nhưng mà đại bàng chẳng làm gì mình cả. Nó bay thẳng đến cánh đồng này và thả mình xuống giữa đàn.

- Nó không nói với cậu rằng nó là ai à? Ngỗng đực trắng to hỏi.

- Nó đi ngay, trước cả khi mình có thể cảm ơn nó.

Mình nghĩ là mẹ Akka đã phái nó đi tìm mình.

- Quả thật là lạ lùng! Ngỗng đực trắng nói. Cậu có thật chắc rằng đó là một con đại bàng không?

- Mình chưa bao giờ trông thấy đại bàng. Nils đáp, nhưng con chim đó to lắm, nên mình không biết gọi nó bằng cái tên nào khác tên đó được.

Mårten, ngỗng đực quay về phía các ngỗng trời để xem chúng nghĩ gì về cái chuyện này. Nhưng chúng đều ngẩng đầu lên, nhìn trời, với cái vẻ như đang nghĩ đến một việc gì khác hẳn.

“Tốt nhất là ta đừng quên mất bữa ăn sáng nay!”, Akka nói và bỗng dang cánh ra để bay đi.

Đêm lễ nữ thánh Valborg

Thứ sáu, 29 và thứ bảy, 30 tháng tư

Ngày hôm đó Nils trông thấy miền nam tỉnh Dalarna. Đàn ngỗng bay trên vùng mỏ Grängesbergs rộng lớn, những xí nghiệp to lớn ở Ludvika, và bay tiếp đến tận các cánh đồng Stora Tunas và sông Dalälvs.^[73] Lúc đầu, hễ còn thấy những ống khói nhà máy chĩa lên sau mỗi sống núi là Nils có thể tưởng rằng mình còn ở tỉnh Västmanland. Nhưng khi đến gần dòng sông lớn, thì một cảnh tượng mới hiện ra dưới mắt chú. Đó là con sông đầu tiên đáng gọi là sông mà Nils được gặp. Chú ngạc nhiên khi trông thấy cái dòng nước rộng ấy chảy chậm chậm qua đất này.

Đến cầu phao Torsångs thì đàn ngỗng quay lại hướng tây-bắc, bay dọc sông, tựa hồ dòng nước làm hướng đạo cho chúng. Nils tha hồ ngắm hai bờ sông Dalälvs, mà phần lớn san sát nhà cửa trên những quãng dài. Chú thấy các thác nước lớn Domnarvet và Kvarnsveden, và các nhà máy rộng lớn mà thác làm cho hoạt động. Chú thấy những cầu phao nổi trên mặt sông, những chiếc phà mà sông đưa đi, những bè gỗ dài mà sông quuyến đi, những đường sắt chạy theo và băng qua dòng sông, và chú biết rằng đó là một con sông lớn và tuyệt diệu.

Có một đêm mà tất cả trẻ con tỉnh Dalarna trông đợi đến sốt ruột gần như đêm Giáng sinh, và đó là đêm lễ Nữ thánh Valborg, mà chúng có thể đốt lửa ở ngoài đồng.

Nhiều tuần trước đêm đó, con trai con gái chỉ nghĩ đến việc cóp nhặt củi cho cuộc đốt lửa đêm lễ Nữ thánh Valborg. Chúng vào rừng nhặt nhanh những bó cành khô và những quả thông, chúng đi kiếm vỏ bào ở nhà ông thợ mộc, những mẫu vỏ cây và những đoạn củi khảnh khiu quá không thể bỏ được ở nhà các ông thợ rừng. Không ngày nào mà chúng không quấy rầy ông chủ hiệu tạp hóa, hỏi mua thùng cũ; đứa nào mà có thể kiếm được một cái vỏ tô-nô đựng hắc ín thì giữ như một kho tàng bảo vật, và chỉ đem ra phô vào cái phút được nhen đốt lửa. Những cọc đỡ cho đậu pơ-ti-boas và đậu cô-ve, cô-bơ leo, đều lâm nguy, cũng như những rào giậu bị gió thổi đổ, những dụng cụ hỏng gãy và những giàn phơi cỏ bỏ quên ngoài đồng. Ngày long trọng đến, trẻ con mỗi làng dựng trên một ngọn gò hay bên bờ hồ, một giàn hỏa thực sự với những cây thông giáng sinh cũ, những cành khô và đủ

các thứ chất đốt. Có khi một làng đốt những hai, ba đồng lửa, vì trẻ con không thể đi đến chỗ đồng ý với nhau được.

Các đồng củi thường đã xếp sẵn rất sớm từ chiều, tất cả trẻ con đều đi dạo chơi, bao diêm trong túi, chờ lúc tối trời. Cũ này trong năm, ở Dalarna trời sáng lâu ghê gớm. Đến tám giờ, hoàng hôn mới hơi bắt đầu. Đi dạo ngoài trời trong những ngày đầu xuân thế này, người rét cóng và rất khó chịu. Tuyết đã tan ngoài đồng và ở những nơi đất quang, và lúc giữa ngày mặt trời chiếu xuống thì người ta thấy gần như nóng. Nhưng mà rừng còn giấu kín những đồng tuyết cao, băng còn phủ các mặt hồ, và về đêm lạnh nhiều độ dưới không. Bởi thế mà có thể nơi nọ nơi kia, một ngọn lửa đã đỏ lên trước giờ. Nhưng chỉ có những trẻ bé nhất, và những trẻ thiếu kiên nhẫn nhất, mới vội vàng như thế. Những trẻ khác đều chờ đến tối để cho các đồng lửa cháy đẹp.

Cuối cùng rồi cũng đến lúc bất cứ người nào cũng đều có mặt và mang đến góp một cành củi mọn trong đồng củi. Chú con trai lớn nhất đám đốt lên một cây đuốc rơm, đem đốt vào dưới đồng củi. Những ngọn lửa phụt lên, những cành cây nổ lộp bộp và kêu rảng rặc; những cành mảnh mai cũng đỏ rực lên, trông như là trong suốt; khói tràn ra và tỏa cuộn cuộn thành những vòng đen rộng. Sau cùng, lửa từ ngọn đồng củi vút lên, cao và sáng; lửa vọt cao lên trên không, khắp nơi trong vùng đều trông thấy.

Chỉ đến lúc ấy đám trẻ con mới có thì giờ nhìn ra chung quanh. Kia một ngọn lửa! Lại kia một ngọn lửa nữa! Người ta đốt một ngọn trên đồi đằng kia, và một ngọn tận trên đỉnh núi! Tất cả đám trẻ đều mong rằng lửa của mình to nhất và đẹp nhất; chúng cứ sợ lửa của mình không hơn được tất cả các lửa khác, và đến phút cuối cùng vẫn chạy về nhà, khăn khăn xin thêm vài bó củi hay gỗ vụn nữa.

Khi lửa đã cháy to, người lớn và cả người già, đều đến xem lửa không phải chỉ nhìn đẹp, mà còn tỏa nhiều hơi ấm trong buổi tối trời lạnh, và người ta ngồi khắp chung quanh lửa, trên những tảng đá. Người ta ngồi đấy, mắt nhìn vào lửa, cho đến khi một người nào đó có ý kiến pha một tí cà phê, vì người ta có một ngọn lửa đẹp như thế. Và thường thì trong khi nước pha cà phê đang sôi, một người nào đó kể một câu chuyện; xong là người khác kể tiếp.

Người lớn nghĩ đến cà phê và truyện nhiều hơn, còn trẻ con thì chỉ nghĩ đến việc làm cho ngọn lửa bốc lên thật cao và cháy thật lâu. Mùa xuân với băng lở và tuyết tan, đến muộn như thế cơ mà! Đám trẻ muốn giúp sức mùa xuân bằng ngọn lửa của mình. Nếu không, hình như xuân không tài nào làm đâm chồi và nảy lộc được.

Đàn ngỗng trời đã đổ xuống mặt băng của hồ Siljan để ngủ, và vì gió bắc thổi dọc theo hồ, lạnh như băng, Nils đã chui ngay xuống dưới cánh con ngỗng đực. Vừa mới thiu thiu ngủ, chú đã bị một tiếng súng nổ đánh thức dậy. Từ dưới cánh ngỗng chú vội vàng chui ra và nhìn chung quanh rất lo sợ.

Trên mặt băng tất cả đều yên lặng. Rình mãi nhưng vô hiệu, chú chẳng trông thấy kẻ đi săn đâu cả. Nhưng phóng mắt nhìn lên các bờ hồ, chú sững sốt và tưởng đến một ảo cảnh quái dị như ở Vineta vậy. ^[74]

Chiều hôm ấy, đàn ngỗng đã bay qua bay lại nhiều lần trên hồ trước khi đổ xuống. Dọc đường bay, ngỗng đã chỉ cho chú những nhà thờ to lớn và những làng mạc ở trên bờ hồ Siljan. Chú đã trông thấy Leksand, Rättvik, Mora, đảo Sollerun. Toàn thể vùng này xem ra bình yên và vui tươi hơn chú đã tưởng nhiều. Chú chẳng thấy có chút gì là hung dữ và khủng khiếp cả. Thế mà, đang đêm thế này, cũng trên những bờ hồ ấy lại rực sáng lên một vòng lửa. Chú thấy lửa cháy ở Mora phía bắc hồ, trên các bờ của đảo Sollerun, ở trong Vikarbyn, ở những ngọn đồi trên làng Sjurberg, ở mỏm đất có nhà thờ Rättvik, ở trên ngọn núi Lerdalsberg, trên tất cả các đồi và mũi đất cho đến tận Leksand.

Chú đếm được hơn trăm đồng lửa, và chú không hiểu như thế nghĩa là thế nào.

Các ngỗng trời cũng bị tiếng nổ làm cho tỉnh dậy, nhưng tức khắc, trông thấy cái cảnh đang diễn ra, Akka kêu lên: “Đó là trẻ con của loài người, chúng vui chơi”. Và tất cả đàn ngỗng đều ngủ lại ngay, đầu chui xuống dưới cánh.

Nils nhìn kĩ hồi lâu những đồng lửa trang hoàng cho bờ hồ như một chuỗi dài những đồ nữ trang bằng vàng. Chú bị ánh sáng và hơi ấm thu hút như một con muỗi, và chú rất muốn đến gần các đồng lửa. Chú nghe súng nổ hết tiếng này đến tiếng khác, cái ấy cũng thu hút chú vì chú hiểu rằng chẳng có chút nguy hiểm nào cả.

Những người ở đằng kia, chung quanh các đồng lửa, hình như vui thích quá chừng, đến mức hò hét, kêu gọi nhau chưa cho là đủ, lại còn dùng đến cả súng nữa. Và kia, quanh một đồng lửa cháy rực tận trên đỉnh một ngọn núi, người ta đang bắn pháo hoa. Người ta đã có một đồng lửa to và đẹp, bốc cháy rất cao, nhưng người ta còn muốn hơn thế nữa; niềm vui của người ta còn cần bay bổng lên trời.

Dần dần Nils đến gần bờ; bỗng những âm điệu của một bài hát lọt đến tai chú. Thế là chú liền chạy về phía đất liền.

Ở bờ trong cùng của vũng Rättvik, có một cái đập dài tiến ra phía nước. Tận đặng mút đập, một nhóm người đứng hát, tiếng họ vang lên trong cảnh đêm yên tĩnh của mặt hồ. Có thể nói là mùa xuân đối với họ dường như đang ngủ như những con ngỗng trời trên mặt hồ Siljan và họ muốn đánh thức mùa xuân dậy. Họ đã mở đầu bằng câu: *“Ta biết một xứ rất xa trên phía bắc”* và họ kết thúc rằng: *“Dalarna xưa đã ở; Dalarna nay vẫn ở...”*. Trên đập, chẳng có chút lửa nào, và những người hát không thể nhìn thấy xa. Nhưng cùng với những âm điệu, đang hiện lên trước mắt họ và trước tất cả mọi người, hình ảnh của đất nước họ, rực rỡ hơn và dịu dàng hơn ngay trong ánh sáng của ban ngày. Dường như họ muốn làm cho mùa xuân phải xiêu lòng! *“Hãy nhìn đất nước đang chờ xuân! Xuân chẳng đến giúp chúng ta sao? Xuân còn cứ để mùa đông áp bức một đất nước xinh đẹp đến thế này sao?”*

Còn tiếng hát là Nils Holgersson còn lắng tai nghe; sau đó chú chạy vụt về phía đất liền. Một đồng lửa cháy ngay trên bãi. Chú tiến đến gần, đến mức có thể nhìn thấy những người ngồi hay đứng chung quanh đồng lửa. Lại lần nữa, chú tự hỏi đó có phải là một ảo ảnh không. Chú chưa bao giờ được thấy những kẻ ăn mặc như thế. Đàn bà đội những mũ đen, nhọn, mặc những áo chần ngắn bằng dạ trắng; quàng những khăn thêu hoa lá quanh cổ, diện những yếm bằng lụa màu lục và những váy màu đen phía trước thêu những sọc trắng, đỏ, lục và đen. Đàn ông đội mũ tròn và thấp, mặc áo ngoài màu xanh rất dài, các đường may đều viền đỏ, những quần bằng da màu vàng, ở đầu gối buộc những ruy băng màu đỏ trang trí những quả cầu bằng len lòng thòng. Có phải vì những bộ y phục ấy mà Nils dường như thấy những người đó không giống cư dân của tỉnh khác; họ có vẻ cao lớn hơn và cao quý hơn. Nils nhớ lại những bộ quần áo cổ mẹ chú giữ tận đáy chiếc hòm to của bà, và từ lâu rồi chẳng có ai ở tỉnh Skåne mà còn mặc nữa. Vậy ra chú được duyên may trông thấy những con người ngày xưa, đã sống cách ngày nay trăm năm rồi sao?

Đó chỉ là một ý nghĩ thoáng hiện ra trong óc chú. Trước mặt chú là những người đàn ông và những người đàn bà đang sống thật; nhưng những người dân tỉnh Dalarna đã giữ lại trong ngôn ngữ của họ, phong tục của họ và y phục của họ, nhiều cái của quá khứ đến nỗi không nên ngạc nhiên vì cái ảo tưởng ngắn ngủi của chú. [\[75\]](#)

Quanh các nhà thờ

Chúa nhật, mồng một tháng năm

Sáng hôm sau khi thức dậy và tụt xuống mặt băng, Nils không thể không

cười. Đêm qua tuyết rơi nhiều quá, và vẫn còn rơi; không khí đầy những tùm tuyết to tướng, đang quay cuồng. Có thể nói là cánh của những con bướm đã bị cái lạnh giết chết, đang rơi xuống. Trên hồ Siljan, tuyết đóng một lớp dày mấy centimét. Bờ hồ phủ kín tuyết; các ngỗng trời lưng đầy tuyết, đến nỗi trông như những đồng tuyết nhỏ.

Chóc chóc Akka hay Yksi, hay Kaksi, cựa mình một tí, nhưng thấy tuyết cứ rơi không ngớt, lại chui đầu vào dưới cánh. Tất nhiên là các ngỗng đều đồng ý với nhau rằng thời tiết như thế này thì chẳng có gì tốt hơn là ngủ, và Nils không cho là họ sai chút nào cả. Vài giờ sau chú thức giấc; các chuông nhà thờ ở Rättvik đang gọi người đi lễ thánh. Tuyết đã ngừng rơi, nhưng gió bắc thổi rất mạnh, và ở trên mặt hồ rét ghê gớm. Nils mừng thấy đàn ngỗng giữ mình, và được theo đàn đi về phía đất liền. Ngỗng đến đây để kiếm ăn. Hôm đó là ngày lễ nhận thánh thể ở nhà thờ Rättvik, và những người được ban thánh thể, đến rất sớm, tùm nham tùm ba từng nhóm nhỏ, kháo chuyện với nhau trước nhà thờ. Tất cả mọi người đều mặc y phục quê hương, và áo quần họ đều rực rỡ màu sắc. “Mẹ Akka thân mến, bay chậm chậm lại một tí cho tôi xem đám thanh niên”, Nils khẩn khoản như thế. Ngỗng đầu đàn xét rằng yêu cầu ấy là phải chăng: dám bay thấp đến đâu là ngỗng hạ xuống đến đấy, và lượn ba vòng quanh nhà thờ. Trông gần thì cũng khó nói là họ như thế nào, nhưng nhìn từ trên cao thế này thì những con trai, con gái kia đối với Nils là đám thanh niên đẹp nhất trần đời mà chú chưa từng gặp bao giờ. “Tôi tin là trong cung vua cũng không có những hoàng tử khôi ngô hơn và những công chúa xinh đẹp hơn thế”, chú kêu lên như vậy.

Ở Rättvik tuyết phủ kín tất cả các cánh đồng, Akka không thể tìm ra chỗ nào để đỗ xuống được. Chẳng do dự lâu, ngỗng bay về hướng nam, phía Leksand.

Ở Leksand, cũng như thường lệ trong mùa xuân, đám thanh niên đã đi kiếm công ăn việc làm. Chỉ còn những người già ở nhà: khi đàn ngỗng bay qua thì một đoàn dài những bà lão kéo nhau đi nhà thờ,^[76] dọc con đường tuyết đẹp hai bên trồng cây bạch dương. Họ đi trên mặt đất trắng, mặc những chiếc áo chèn ngắn bằng da cừu một màu trắng rực rỡ, những cái váy bằng da trắng, những áo ngoài màu vàng hoặc sọc trắng và đen, đội những khăn trắng viền quanh những mái tóc trắng.

“Mẹ Akka thân mến, bay chậm lại cho tôi xem các bà già ấy”, Nils yêu cầu như thế. Ngỗng đầu đàn xét rằng ý muốn ấy là phải chăng; dám bay thấp đến đâu là ngỗng hạ xuống đến đấy, và lượn ba vòng quanh con đường trồng cây bạch dương. Trông gần thì cũng khó nói là họ như thế nào, nhưng nhìn từ trên cao thế này thì những bà già kia xem ra đường hoàng, trang trọng

tuyệt vời. “Có thể nói rằng con trai các bà là những quốc vương, và con gái là những vương hậu cả”. Nils nghĩ bụng như vậy.

Ở Leksand tuyết cũng nhiều như ở Rättvik. Akka liền quyết định bay xa hơn nữa về hướng nam, phía Fluda. Ở Fluda, người đang lễ nhà thờ khi đàn ngỗng đến, nhưng vì sau lễ thánh sẽ có đám cưới, nên đoàn người dự đám cưới đã tề tựu trước thánh đường. Cô dâu đội một vòng vàng trên mái tóc bỏ xõa, đeo đầy nữ trang, hoa và những dải ruy băng sắc sỡ; tất cả lòng lẫy đến nỗi làm nhức cả mắt. Chú rể mặc chiếc áo lễ dài màu xanh, quần chần ngắn và đội mũ mềm màu đỏ. Người ta nhận ra các cô phù dâu nhờ những chuỗi hoa hồng và hoa uất kim hương thêu quanh thân áo của họ và ở phần dưới váy của họ. Hai họ và hàng xóm láng giềng đi theo sau, cũng đều mặc bộ y phục sắc sỡ của giáo xứ họ.

“Mẹ Akka thân mến, bay chậm lại cho tôi xem cô dâu, chú rể”, Nils yêu cầu như thế.

Dám bay thấp đến đâu là ngỗng đầu đàn hạ xuống đến đấy, và lượn ba vòng quanh tường thánh đường. Trông gần thì cũng khó nói là họ như thế nào, nhưng nhìn từ trên cao thế này thì chưa bao giờ thấy cô dâu nào thùy mị hơn, chú rể nào hiên ngang hơn, cũng như đám cưới nào lòng lẫy hơn. “Mình chẳng biết là trong cung đình, quốc vương và vương hậu quần áo có đẹp hơn thế này không”, Nils tự hỏi như vậy.

Sau cùng thì ở Fluda đàn ngỗng tìm được những cánh đồng quang đãng và có thể dừng lại để kiếm ăn.

Trận lụt

1 - 4 tháng năm

Trong nhiều ngày, ở phía bắc phá Mälär thời tiết xấu kinh khủng. Trời xám xịt một màu, gió rít, mưa trút như đập xuống mặt đất. Người và vật đều hiểu rằng không thể được mùa xuân đến với một cái giá rẻ hơn, nhưng không vì thế mà cái thời tiết ấy làm người ta bết sốt ruột.

Tuyết tích lại trong các rừng bách đã bắt đầu tan thực sự; những con suối nhỏ mùa xuân chảy gấp dòng lên. Khắp nơi, nước tù hãm ở những vũng trên các con đường, nước lù đù ở các con hào, nước ri rỉ giữa những mô đất của các đầm lầy và chỗ lún, khắp nơi nước bắt đầu chuyển động, và tìm cách đổ vào các con suối, để được cuốn xuôi ra biển.

Các con suối chạy đến với các con sông của phá Mälär, các con sông ấy cố hết sức để đưa các khối nước đó đến tận phá. Nhưng bỗng nhiên, chỉ trong một đêm, vô số những hồ nhỏ ở tỉnh Uppland và vùng Bergslag vút bỏ lớp băng phủ trên mặt; những dòng sông bị nghẽn dâng lên bất ngờ; dưới sức dồn đến như vậy, nước phá Mälär vội vàng chảy ra cửa biển. Nhưng mà cửa Norrstrum đổ khối nước đó ra biển, lại hẹp; trong trường hợp như thế không thể nào bảo đảm việc tháo nước cho nhanh được.

Không may hết sức nữa là gió đông thổi mạnh, đẩy lùi nước biển vào nội địa và ngáng mất cửa Norrstrum. Nước phá liền tràn lên bờ.

Nước lên rất chậm, như thể miễn cưỡng, buồn phiền vì gây thiệt hại cho các bờ phá xinh đẹp; các bờ này nói chung đều thấp, nên chẳng mấy chốc nước đã lan vào đất. Chẳng cần gì thêm nữa để làm sinh ra cảnh hỗn loạn vô cùng.

Mälär là một cái phá hơi đặc biệt, gồm nhiều vùng nước hẹp thắt lại, nhiều vũng và eo. Chẳng thấy ở đâu những mặt nước rộng lớn bị gió đánh, gió quật. Hình như phá được tạo ra cho những cuộc du ngoạn, những chuyến đi chơi thuyền buồm và những buổi đánh cá vui vẻ.

Phá có bao nhiêu là đảo lớn, đảo nhỏ và ghềnh đất thích thú, cây cối um tùm! Chẳng nơi nào là bờ đá trơ trụi. Hình như phá chưa bao giờ mong ước rằng bờ của mình phải mang cái gì khác những lâu đài, những biệt thự mùa hè, những dinh thự xinh đẹp và những chốn tiêu khiển. Có lẽ cũng chính vì

quang cảnh đáng yêu và dịu dàng vô cùng của phá mà người ta xúc động hết sức, thỉnh thoảng khi vào xuân, phá bỗng trở thành một mối đe dọa.

Lần này, trước cái nguy lụt lội sắp đến, thuyền to, thuyền nhỏ trong mùa đông đã đem cất trên bờ, liền được sửa sang vội vàng; người ta bít những lỗ thủng, quét hắc ín lại vỏ thuyền. Đồng thời người ta kéo những bể giặt quần áo lên bờ, củng cố lại các cầu. Những người canh giữ đường sắt dọc bờ hồ, đi đi lại lại không dám ngủ, đêm cũng như ngày. Những nông dân có cỏ khô cất trong những kho xép ở các đảo nhỏ, vội vàng chuyển vào đất liền. Dân chài thì cứu lấy lưới và lò, đó. Các chuyến phà thì người ụa xuống đầy, những khách đường xa muốn về nhà hay ra đi trước khi trận lụt cản chân lại. Không phải chỉ người mới hoảng hốt. Những con vịt có trứng ở trong các bụi cây ven bờ, những chuột đồng và chuột chũi cư trú dọc bờ và có con nhỏ còn ở trong hang, đều hoảng sợ hết sức. Tất cả, cho đến những con thiên nga kiêu ngạo cũng bắt đầu sợ tổ và trứng đang ấp của chúng bị tiêu diệt.

Vả lại chúng lo sợ cũng đúng, nước lũ của phá Mälär cứ lan ra mãi. những bãi cỏ thấp quanh Gripsholm đã ngập; tòa lâu đài cổ đã bị tách khỏi đất liền vì những dòng nước rộng đã phủ kín các con hào nhỏ hẹp mọi ngày. Ở Strängnäs, con đường để dạo chơi xinh đẹp dọc bờ hồ đã bị biến thành dòng thác; ở Västerås, người ta sửa soạn đi thuyền trong các đường phố. Hai con nai xứ lạnh đã ở cả mùa đông trên một hòn đảo giữa phá Mälär, thấy nơi trú thân đã ngập, phải nhảy xuống nước bơi vào bờ. Những kho gỗ nguyên vẹn, một số ván và thùng trôi giạt không biết về đâu, và khắp nơi đều thấy những người cố ra sức cứu lấy của cải của mình.

Vào cỡ ấy, một hôm Smirre, con cáo, đi dạo chơi trong một cánh rừng bạch dương nhỏ ở phía bắc phá Mälär. Nó vẫn nghĩ mãi đến đàn ngỗng và Tí Hon; nó đã mất hút dấu vết của chúng, và tự hỏi làm sao mà bắt lại chúng được.

Thế là, trong lúc đang nản lòng, nó trông thấy Agar, con bồ câu đưa thư, đậu trên một cành cây.

- Rất vui mừng được gặp đảng ấy, Agar à, Smirre nói. Có lẽ đảng ấy có thể nói cho mình biết lúc này Akka núi Kebnekaise và đàn của mụ ấy ở đâu không?

- Có thể là ta biết, Agar trả lời, nhưng hãy tin chắc rằng ta chẳng bảo cho cậu đâu.

- Chẳng quan trọng gì việc ấy! Smirre dừng dừng đáp lại, miễn là đảng ấy nhận lời chuyển lại cho mụ ấy một cái tin mà người ta đã nhờ tớ chuyển. Đảng ấy cũng biết là các bờ của phá Mälär đang ở trong cảnh đáng thương

như thế nào. Lụt to mà, và các tộc đoàn thiên nga đông đúc ở trong vũng Hjalsta sắp mất hết tổ và trứng đến nơi rồi. Ánh Sáng Ban Ngày, vua các thiên nga, có nghe nói là con người bé nhỏ đi theo đàn ngỗng biết cách cứu chữa tất cả mọi thứ tai họa. Y ủy thác tờ cầu khẩn Akka cùng với Tí Hon đến ngay vũng Hjalsta.

- Ta có thể chuyển cái tin ấy, Agar nói, nhưng ta không hiểu là cái con người bé một mẫu đó có thể cứu được đàn thiên nga bằng cách nào.

- Tớ cũng vậy, Smirre nói. Nhưng người ta nói là nó có thể vượt qua mọi nỗi khó khăn đấy.

- Và ta cũng lấy làm ngạc nhiên là vua thiên nga lại đi gửi tin qua một con cáo, Agar bác lại như vậy.

- Thật ra thời thường thì chúng ta là kẻ thù của nhau đấy, Smirre thú nhận, giọng hết sức dịu dàng, nhưng trong những tai họa lớn thì phải giúp nhau chứ. Dù sao có lẽ đằng ấy cũng đừng nói với Akka là đã nắm được tin này từ một con cáo thì hơn, vì mục ta không thể nào mà không ngờ vực được.

Những con thiên nga trong vũng Hjalsta Nơi trú ẩn chắc nhất cho tất cả các loài chim nước cư ngụ trong phá Mälar, là vũng Hjalsta; người ta gọi như thế cái phần lùi vào xa nhất của vũng Ekolsund là phần kéo dài của vùng nước Bjurkur và vùng nước này rộng thứ nhì trong các nhánh dài và khúc khuỷu của phá Mälar, ăn sâu vào địa phận tỉnh Uppland.

Vũng Hjalsta có những con sông, bờ rất thấp, đổ vào; nước vũng không sâu, đã bị những lớp lau lách xâm chiếm hết. Vũng cho các loài chim một nơi ở rất tốt, ở đây chúng sống hết sức bình yên. Ở đây có một tộc đoàn thiên nga đông đúc. Người chủ ấp Ekolsund, thái ấp cũ của nhà vua ở ngay bên cạnh, đã cấm săn bắn trong vũng để tránh làm chim sợ hãi.

Tin nhắn vừa đến nơi là Akka liền đến vũng Hjalsta. Ngỗng cùng đàn đến đây một buổi chiều, và thấy ngay nỗi lớn lao của tai họa. Những tổ thiên nga to bị nhổ khỏi chỗ bám, trôi nổi theo chiều gió. Máy cái đã rã rời, hai ba cái đã lật nhào, và trứng ở trong đó đang long lanh dưới đáy nước.

“Hơi đâu mà rên siết, sợi buộc và cọng cỏ thiếu gì. Ta sẽ làm lại tổ, thế thôi!” Các con thiên nga nói vậy. Chẳng một con nào nghĩ đến việc phái người đi cầu cứu, và chúng chẳng ngờ chút nào cái tin mà Smirre vừa nhờ Agar nhắn tới đàn ngỗng trời.

Chúng đông đến hàng trăm và xếp theo thứ tự tuổi tác; những con còn non thì ở ngoài vòng, hàng trưởng thượng và đám hiền đức hơn cả thì ở giữa, chung quanh Ánh Sáng Ban Ngày là vua và Tuyệt Thanh Tĩnh là vương hậu,

cả hai đều cao tuổi nhất tất cả, và đa số các thiên nga ở đây đều là con cháu của vua và hậu. Ánh Sáng Ban Ngày và Tuyết Thanh Tĩnh hầu như có thể nhớ lại cái thuở mà các thiên nga thuộc dòng giống của họ chẳng sống hoang dại ở bất kì nơi nào trên đất nước Thụy Điển. Người ta thấy chúng đã được thuần dưỡng thành gia cầm trong những con hào và bể nước của các lâu đài. Nhưng ngày nọ, một đôi thiên nga trốn thoát và đến lập cư trong vũng Hjalsta rồi sinh đẻ ra tất cả các thiên nga sống ở đó sau này. Bây giờ thì có những thiên nga thuộc dòng họ của chúng trong nhiều vũng của phá Mälar, cũng như trong hồ Tåkern và hồ Hornborg. Các thiên nga ở vũng Hjalsta rất lầy lăm tự hào thấy dòng họ của mình lan ra từ hồ này đến hồ khác như vậy.

Đàn ngỗng trời đã đổ xuống phía tây vũng, Akka liền bơi ngay về phía các thiên nga. Akka hết sức ngạc nhiên về cái tin nhận được, nhưng cho đó là một vinh dự lớn, và bằng giá nào cũng không muốn từ chối không giúp đỡ.

Đến gần đám thiên nga, Akka nhìn lại đằng sau xem đàn ngỗng đi theo mình có lợi thật thẳng hàng không, và khoảng cách có đều không.

Akka nói: “Giờ thì lợi nhanh lên và cho thật đẹp! Đừng nhìn chằm chằm vào đám thiên nga như thể xưa nay chưa hề trông thấy cái gì đẹp hơn thế bao giờ, và đừng có quan tâm đến điều họ sẽ nói về mình”.

Đây không phải là lần đầu tiên Akka đến thăm vua già và vương hậu của loài thiên nga. Vua và vợ bao giờ cũng tiếp Akka trọng hậu như một con chim tiếng tăm lừng lẫy và đã đi nhiều như thế được quyền tiếp đãi. Tuy vậy, Akka cũng chẳng muốn đi vào giữa tất cả những con thiên nga họp thành tả hữu của vua và hậu. Chưa bao giờ ngỗng cảm thấy mình bé nhỏ, và xám xịt, và hèn mọn quá sức, như khi ở giữa bọn họ; và đang đi ngỗng đã nghe nhiều lần những tiếng “khó rách áo ôm” và “quê mùa cục mịch”. Nhưng Akka không bao giờ đáp lại, làm như là không nghe thấy gì hết.

Lần này thì mọi việc hình như trôi chảy theo ý muốn cả. Các con thiên nga lễ phép rẽ ra, và đàn ngỗng trời bơi qua như giữa một con đường mà những con chim to, trắng và mượt kia đang xếp thành hàng rào danh dự hai bên. Chúng đẹp quá, khi phồng đôi cánh lên như những cánh bướm, để giương oai với khách. Chúng không nhận xét điều gì khó nghe, và làm cho Akka ngạc nhiên vì thái độ đúng đắn của chúng.

“Nhà vua đã phải đánh giá cung cách ăn ở không tốt của chúng, và ra lệnh cho chúng phải cư xử cho lễ độ”, Akka nghĩ thế.

Nhưng bỗng các con thiên nga trông thấy ngỗng đực trắng bơi ở cuối dãy dài các ngỗng trời. Một tràng xì xào vì ngạc nhiên và tức giận truyền qua các

hàng, và thế là đi đòi những cử chỉ lịch sự của đám thiên nga.

Một con kêu lên: “Thế nào? Ra ngỗng trời cũng định mang lông trắng kia à?”

- Họ sẽ không tưởng tượng là như thế họ sẽ thành ra thiên nga, một con khác lại cường điệu lên.

Thế là tất cả đều mạnh ai nấy kêu lên, tiếng to và vang vang. Không tài nào mà làm cho chúng hiểu nổi rằng có một con ngỗng đực nhà đi theo đàn ngỗng trời.

- Đó phải là đích thân nhà vua của loài ngỗng.

- Không phải là ngỗng, mà là một con vịt nhà.

Những tiếng kêu vang lên từ mọi phía; ngỗng đực trắng to, nhớ lệnh của Akka, cứ tai ngơ mắt điếc, và có thể bơi nhanh bao nhiêu là cứ bơi. Đám thiên nga, mỗi lúc một thêm nổi xung, chỉ muốn xông vào tấn công.

“Cái con ếch nào nó cõng trên lưng thế?” Một con thiên nga hỏi. “Bọn ngỗng tưởng rằng chúng ta không nhận ra một con ếch ăn mặc giả người chắc”.

Đám thiên nga vừa mới xếp thành hàng ngũ chỉnh tề để cho đàn ngỗng đi qua, liền náo động lên, và bơi lội tứ tung, xô đẩy nhau để nhìn xem con ngỗng đực trắng.

Đúng cái lúc Akka đến trước mặt vua thiên nga và sắp hỏi là người ta mong mình cứu giúp như thế nào, thì nhà vua nhận thấy cảnh náo động của con cháu. “Cái gì thế? Chẳng phải là ta đã ra lệnh phải lễ độ đối với đàn ngỗng sao?” Vua nói vẻ không bằng lòng. Vương hậu bơi ra phủ dụ nhân dân, và Ánh Sáng Ban Ngày lại quay sang phía Akka. Nhưng hậu đã tức thời trở lại, có vẻ nghệt thờ.

- Có một con ngỗng trắng đằng kia, hậu kêu lên. Xấu hổ quá. Tôi chẳng ngạc nhiên vì người ta nổi loạn. Quanh ngỗng đực, cảnh xô đẩy nhau đã đến mức loạn xạ. Akka và các ngỗng khác cố bơi về phía ngỗng đực, nhưng không thể được. Thế là nhà vua, tuy già nhưng khỏe hơn tất cả, liền lao đến, rẽ đám thiên nga ra và vạch đường bơi đến tận chỗ ngỗng đực. Nhưng trông thấy ngỗng đực trắng, vua liền đâm bổ vào nó và nhổ của nó hai cái lông. Vua thét lên: “Này ngỗng đực, đây là bài học cho mày, dám đến giữa đám thiên nga mà chưng diện như thế”.

“Bay lên đi, ngỗng đực bay đi, bay đi!”, Akka kêu về phía nó, vì hiểu rằng bọn thiên nga sẽ vặt sạch bộ lông trắng của nó cho đến chiếc cuối cùng.

“Bay lên đi! Bay lên đi!”. Tí Hon cũng kêu lên. Nhưng ngỗng đực bị kẹt giữa đám thiên nga, không có chỗ để cất cánh. Từ khắp mọi phía, đám thiên nga vươn những cái mỏ mảnh liệt ra để vật lông nó.

Nó cố hết sức tự vệ, mổ lại đủ mọi phía. Những con ngỗng khác cũng tấn công vào đám thiên nga. Nhưng kết quả của trận chiến đầu sẽ ra sao, chẳng còn chút gì đáng ngờ nữa, nếu bỗng nhiên đàn ngỗng không nhận được sự tiếp viện bất ngờ.

Một con chim bông lau đã theo dõi mọi việc xảy ra. Nó phát lên những tiếng kêu trong và cao, mà những loài chim nhỏ vẫn dùng để tập hợp nhau lại mà đánh đuổi một con chim cắt hay con chim ưng. Tiếng kêu gọi vừa vang lên ba lần, là tất cả những loài chim nhỏ trong vùng đã bay đến hết tốc lực, và lao tới vùng Hjalsta thành một đám dày đặc, huyền ảo.

Những con vật nhỏ yếu ấy đâm bổ xuống đám thiên nga, gào thét không ngớt vào tai chúng, lấy cánh làm mờ mắt chúng, làm chúng hoảng hốt vì những tiếng kêu: “Xấu hổ, xấu hổ, thiên nga ôi! Xấu hổ, xấu hổ, thiên nga ôi!”

Cuộc tấn công của các loài chim nhỏ chỉ ngắn thôi, nhưng khi chúng bay đi và đám thiên nga định thần lại thì đàn ngỗng trời đã bay sang phía bờ bên kia rồi.

Con chó giữ nhà mới

Cũng may là đám thiên nga đã quá tự hào không đuổi theo, và đàn ngỗng có thể ngủ đêm trên một đám sậy rất yên tĩnh.

Còn Nils Holgersson thì đói đến nỗi không tài nào nhắm mắt được.

Chú kêu lên: “Mình phải đi kiếm cái gì mà ăn đã”. Buổi lụi lội thế này, tìm ra một chiếc thuyền để vào bờ cũng chẳng khó gì. Chú bé nhảy xuống một mẩu ván mà sóng đã đưa vào trong đám sậy, vớt lên một chiếc gậy con rồi dùng để làm sào chống vào bờ.

Vừa đến bờ thì nghe tiếng sóng vỗ nhẹ nhàng bên cạnh. Chú trông chừng một lúc, rồi thấy một con thiên nga cái đang ngủ trong một cái tổ to cách mình có vài mét. Chú lại thấy một con cáo đã lội xuống nước mấy bước để bất thành linh vỗ lấy thiên nga. “Ô này, ô này! Đứng dậy! Đứng dậy!”, Nils kêu lên, và lấy sào đập xuống nước. Con thiên nga cất mình lên, con cáo có thừa thì giờ để đâm bổ vào nó, nhưng nó lại thích lao vào chú bé hơn.

Nils trông thấy con cáo phóng đến và vội vàng ba chân bốn cẳng chạy

tháo thân. Trước mặt chú những bãi cỏ trải ra phẳng lì và quang đãng. Chẳng có lấy một cái cây nào để leo lên, một cái lỗ để chui xuống, chỉ còn có cách là chuồn cho nhanh nữa thôi.

May thay, gần đây có hai túp nhà nhỏ, cửa sổ được chiếu sáng, Nils liền chạy về phía ánh sáng, vừa chạy vừa tự nhủ rằng con cáo sẽ có đủ thì giờ để tóm được chú nhiều lần trên con đường tẩu thoát. Thật vậy, con cáo suýt vớ được chú, nhưng Nils bất ngờ chạy rẽ sang hướng khác. Cáo vì thế mà mất một ít thời gian và thật may, đúng lúc ấy Nils trông thấy hai người đàn ông đang đi làm về.

Trông họ có vẻ mệt. Họ chẳng thấy con cáo cũng như chú bé, dù cả hai đã chạy ngay trước mặt họ. Nils nghĩ là không cần thiết phải cầu cứu họ. Chú cứ việc đi theo họ rất sát, mong rằng con cáo chẳng dám đến gần người.

Cứ thế họ về tới hai túp nhà, và cùng vào trong một túp. Nils đã tính luôn vào theo bước chân của họ, nhưng lên đến thềm thì chú thấy một con chó giữ nhà to, khỏe, lông dài, lao ra đón chủ. Việc đó làm chú thay đổi ý kiến.

Hai người vừa đóng cửa lại là chú liền nói nhỏ: “Này, chó giữ nhà à. Cậu muốn giúp mình bắt một con cáo không?”

Con chó giữ nhà kém mắt, lại cứ bị buộc mãi nó đâm ra cáu kỉnh và hung ác. Nó trả lời bằng những tiếng sủa dữ dội:

- Bắt một con cáo à? Mà là ai, mà đến phỉ báng tao thế? Đến gần đây tí nữa, tao sẽ bảo cho về cái tội dám trêu vào tao.

- Mình sợ gì mà không đến gần cậu, Nils đáp lại và chạy đến. Con chó trông thấy chú thì ngạc nhiên hết sức, đến nỗi không nói lên được một lời.

- Mình là người mà thiên hạ gọi là Tí Hon, và mình đi theo đàn ngỗng trời. Cậu không nghe nói đến mình à?

- Vậy thì hình như bọn chim sẽ có ríu rít cái gì đấy về cậu. Hình như cậu đã làm được nhiều việc lớn, con chó nói.

- Quả thật là cho đến nay mình đã gặp may nhiều, chú bé trả lời, nhưng lần này mình chết mất nếu cậu không cứu mình. Một con cáo đang đuổi theo mình. Nó nấp sau góc nhà kia.

- Thật thế, tôi đánh hơi thấy nó, con chó đáp lại.

Nhưng cậu sẽ được trừ khử nó ngay thôi.

Con chó liền lao ra hết bề dài của cái dây xích, và vừa sủa vừa cắn.

- Cả đêm nay nó chẳng dám lộ mặt ra nữa đâu, chó trở lại cạnh Nils, nói như vậy và lấy làm hài lòng về mình lắm.

- Để sẵn con cáo ấy, phải có cái khác hơn là tiếng sủa, Nils nói. Nó sắp trở lại đây, và mình đã tự bảo là cậu sẽ bắt nó cầm tù.

- Cậu lại nhạo tôi rồi, con chó nói.

- Đây, vào chuồng cậu đi, mình sẽ nói cho cậu biết ý định của mình.

Chú bé và con chó vào buồng. Một thời gian trôi qua, người ta chỉ có thể nghe hai bên thì thầm với nhau.

Vài phút sau, con cáo lại từ sau nóc nhà thò mõm ra; vì tất cả đều yên tĩnh nên nó lên vào trong sân. Nó đánh hơi tìm Nils và đến gần chuồng chó, ngồi bệt dít xuống đất, cẩn thận cách chuồng một quãng, và bắt đầu nghĩ cách làm cho Nils phải ra khỏi chuồng. Bỗng con chó thò đầu ra và gầm gừ.

- Cút đi! Không tao cần!

- Tao sẽ ở đây cho đến bao giờ là tùy tao. Không phải cái mặt mày mà làm cho tao đi khỏi đây được đâu, con cáo đáp lại.

- Cút đi! Con chó lại gầm gừ lần nữa. Nếu không thì đêm nay là đêm cuối cùng mà mày được đi săn mồi đấy!

Nhưng con cáo chỉ cười nhạo và chẳng hề nhúc nhích.

- Tao biết rõ quá cái dây xích mày nó dài đến tận đâu rồi, nó nói.

- Tao đã bảo cho mày biết ba lần rồi đấy. Giờ thì kệ xác mày! Con chó vừa ra khỏi chuồng vừa thét lên. Xong, nó nhảy một cái đến tận chỗ con cáo, chẳng khó khăn gì, vì nó đã được tự do. Chú bé đã tháo xích ra cho nó rồi.

Hai bên có đánh nhau một lát, nhưng phần thắng về phía con chó. Cáo nằm dài ra đất, không dám cựa. “Nằm yên không tao cần”, con chó gầm gừ. Nó ngoạm lấy da cổ con cáo, lôi về phía cái chuồng. Chú bé cầm dây đến, tròng vào cổ con cáo, xích lại thật chặt. Con cáo không dám nhúc nhích.

“Smirre à, giờ thì ta mong rằng mày sẽ làm một con chó giữ nhà ngoan ngoãn nhé”, Nils nói thế thay lời từ biệt.

Truyện cổ về tỉnh Uppland

Thứ năm, 5 tháng năm

Ngày hôm sau, mưa tạnh, nhưng bão và lụt vẫn cứ lan ra. Quá trưa một lát thì có thay đổi bất ngờ và thời tiết bỗng rất đẹp: trời nắng ấm, yên tĩnh và êm ả. Nằm ngửa rất thoải mái giữa một bụi cúc nước to đang trở hoa, Nils ngắm bầu trời, thì hai chú học trò nhỏ ôm sách vở và mang làn thức ăn đi trên một con đường nhỏ dọc bờ phá. Chúng đi chậm chậm, lại có vẻ buồn và lo. Đến ngay cạnh Nils, chúng ngồi xuống mấy tảng đá để nói với nhau về nỗi bất hạnh của chúng.

- Biết rằng hôm nay nữa chúng mình cũng không thuộc bài thì mẹ sẽ giận lắm, một chú nói.

- Và bố nữa! Chú kia nói.

Xong cả hai đứa bắt đầu khóc.

Nils nghĩ đến cách an ủi hai đứa bé thì một bà lão nhỏ thó, còng gập người lại, mặt hiền hậu và dịu dàng, đi đến và dừng lại trước mặt chúng.

“Làm sao mà lại khóc thế, các cháu?” Bà lão hỏi. Hai chú bé nói là không thuộc bài và xấu hổ quá, không dám về nhà.

“Bài gì mà khó đến thế?”. Hai chú bé trả lời là chúng phải học tất cả mọi thứ về tỉnh Uppland.

Bà lão nói: “Có lẽ học trong sách không phải dễ đâu, nhưng bà sẽ kể cho các cháu nghe những điều mà mẹ bà đã dạy cho bà về tỉnh này. Bà không được đi học, và bà không bao giờ thành người thông thái, nhưng bà nhớ mãi mãi những điều mà mẹ bà đã cho bà biết.”

Bà lão ngồi xuống một tảng đá và bắt đầu kể: “Thế này này, mẹ bà nói rằng từ lâu lắm, Uppland là tỉnh nghèo khó nhất và nhỏ mọn nhất trong tất cả các tỉnh của nước Thụy Điển. Tỉnh chỉ gồm những cánh đồng đất sét buồn tẻ với những đồi đá nhỏ và thấp, như hiện còn ở nhiều nơi, dù là ở đây, gần phá Mälar, chúng ta không trông thấy.

“Và lại đây vẫn là một đất nghèo và khổ. Uppland cảm thấy bị các tỉnh khác coi khinh, nên một hôm, ngán lắm rồi nó đeo cái bị lên lưng, cầm cái

gậy đi ăn xin những kẻ giàu có hơn mình.

“Trước tiên, Uppland đi về phía nam đến tận tỉnh Skåne. Nó phàn nàn về cảnh nghèo của mình và xin một miếng đất. “Thật người ta chẳng biết lấy gì mà cho tất cả những quân ăn xin ấy được, Skåne trả lời. Nhưng hãy chờ xem. Ta mới đào vài cái mỏ đất sét vôi. Người có thể lấy cái đất mà ta đã hất lên và để lại trên bờ, nếu người muốn dùng đến”.

“Uppland cảm ơn, nhận lời và lại đi tiếp. Nó ngược lên tận Västergötland. Ở đây nó lại kêu khổ. Västergötland nói: “Ta không thể cho người đất được.

Ta không đem những đồng bằng màu mỡ của ta mà cho bọn ăn xin đâu. Nhưng nếu người thích một trong các con sông nhỏ chảy ngoằn ngoèo trong đồng bằng rộng lớn của ta thì người có thể lấy”.

“Uppland cảm ơn, nhận lấy rồi đi xuống tỉnh Halland. “Ta chẳng giàu đất đai gì hơn người, Halland nói, nhưng người có thể gỡ lấy vài cái núi đá nhỏ, nếu không cho là mất công”.

“Uppland lom khom vì cái túi nặng, đến thăm tỉnh Bohuslän. Ở đó nó được phép nhặt bao nhiêu hòn đảo nhỏ trơ trụi và bãi cạn^[77] cũng được, tùy thích. “Trông chẳng ra gì, nhưng để chắn gió thì cũng tốt. Có thể ích lợi cho người, vì người cũng ở bờ biển như ta”.

“Uppland tỏ ra biết ơn vì tất cả của bố thí ấy; nó chẳng từ chối chút gì hết dù ở đâu người ta cũng cho những thứ mà người ta không đếm xỉa gì đến. Tỉnh Värmland cho một ít nền đất bằng granit của mình. Västmanland cho một phần những sông núi chạy qua tỉnh mình. Ustergötland cho một góc của miền rừng Kolmården hoang vu, và Småland đổ gần đầy vào bị cho Uppland những đầm lầy, đá tảng và khúc cây thạch thảo.

“Surmland chỉ muốn bỏ ra có vài cái vũng trong phá Mälär; Dalarna cũng quý đất đai của mình lắm, cho làm sao được, bèn biếu một đoạn sông Dalälven.

“Sau cùng Uppland nhận được của Närke vài đầm cỏ thụt và lầy, dọc bờ hồ Hjälmär, mà tỉnh này có rất nhiều. Bị đầy quá đến nỗi nó phải quay về.

“Dốc bị ra, nó kiểm kê những gì đã đem về được. “Nó không thể không nghĩ rằng đó thật là một bộ sưu tập khủng khiếp những cái vút đi. Nó thở dài tự hỏi là có thể dùng những của ấy như thế nào đây. “Thời gian trôi qua, Uppland cứ ở nhà, bận rộn sắp xếp cho ngăn nắp công việc của mình.

“Thế là người ta bắt đầu tranh luận xem nhà vua sẽ ở đâu, và ở đâu sẽ đặt kinh đô của nước Thụy Điển. Tất cả các tỉnh họp nhau lại để bàn bạc. Tất

nhiên tỉnh nào cũng muốn chiếm lấy nhà vua, và người ta cãi nhau dữ lắm. “Ý kiến tôi là nhà vua phải chọn chỗ ở trong tỉnh nào tài năng nhất và hiền đức nhất”, Uppland nói vậy. Mọi người đều đồng ý là đề nghị đó rất đúng. Thế là quyết định rằng tỉnh nào mà tỏ ra thông minh và hiền đức hơn cả thì sẽ làm nơi nhà vua ở và nơi đóng đô.

Vừa trở về thì các tỉnh nhận được lời mời dự tiệc của Uppland. Họ nói về kinh thị: “Chẳng biết cái kẻ khó rách áo ôm ấy có thể có cái gì mà thết đãi”. Tuy vậy họ cũng nhận lời mời.

“Đến Uppland, họ sửng sốt về những cái được trông thấy. Họ thấy tỉnh này đã xây dựng xong: trong nội địa mọc lên những ấp trại tuyệt đẹp, bờ biển nhan nhản những thành phố, mặt nước đầy những tàu biển.

- Khá giả thế này mà đi ăn xin thì xấu hổ thật, họ lắm bầm như vậy.

- Chúng tôi mời quý vị đến đây là để tạ ơn quý vị đã cho quà, Uppland nói, vì chính nhờ quý vị mà ngày nay chúng tôi mới ra khỏi bước khó khăn và được như thế này.

“Về đến nơi là chúng tôi bắt đầu đưa dòng sông Dalälv vào địa phận mình. Chúng tôi thu xếp để có được hai cái thác nước tuyệt vời: một ở Suderfors, một ở Älvkarleby. Phía nam dòng sông, ở Dannempra chúng tôi đặt cái nền đất bằng granit mà Värmland cho, và chúng tôi dám nghĩ rằng Värmland đã không nhìn kĩ cái đem cho chúng tôi, vì granit ấy chẳng là cái gì khác quặng sắt tốt tuyệt trần. Khắp chung quanh đây, chúng tôi đã trồng khu rừng nhận được của Ustergutland. Bằng cách đó, mà tại một chỗ có quặng sắt, có thác nước, có rừng để cung cấp than củi, thì tất nhiên là chúng tôi đã được một vùng mỏ giàu có.

Sau khi đã sắp xếp tốt như thế ở miền bắc, chúng tôi kéo những sông núi của Västmanland đến tận phá Mälar, tạo ra ở đây những ghềnh, những mũi đất và những hòn đảo phủ kín cây xanh và đẹp như những vườn tược. Những vùng mà Surmland bỏ ra cho thì chúng tôi kéo rất sâu vào nội địa như những fyord và như thế chúng tôi đã mở đất này ra cho nghề hàng hải và thương nghiệp với thế giới.

“Miền bắc và miền nam đã hoàn thành, chúng tôi lại lo đến bờ biển miền đông, và ở đây chúng tôi đã lợi dụng mạnh những bãi rạn, những đồng đá, những lùm thạch thảo và những truông hoang mà các vị đã cho và chúng tôi ném cả ra biển. Nhờ đó mà có tất cả các đảo lớn, đảo nhỏ, ích lợi cho chúng tôi vô cùng trong ngư nghiệp và hàng hải, mà chúng tôi xem như tài sản quý nhất của mình.

“Xong rồi, thì trong tất cả các tặng phẩm của quý vị chỉ còn lại với chúng tôi những đồng đất sét vôi mà chúng tôi nhận được của tỉnh Skåne. Chúng tôi đem trải ra ở chính giữa địa phận của mình: nay những đất ấy hợp thành đồng bằng Vaksala phì nhiêu. Cái con sông đầu tiên lười biếng mà Ustergutland đã cho, thì chúng tôi đã vạch cho nó một cái dòng chảy qua đồng bằng ấy, để lập ra một đường giao thông thuận tiện với phá Mälär”.

“Bấy giờ các tỉnh khác mới hiểu là mọi việc đã diễn ra như thế nào. Tuy hơi tức, họ cũng phải nhận rằng Uppland đã biết giỏi làm ăn. Họ nói: “Bạn đã làm nên những việc lớn với những phương tiện nhỏ. Trong tất cả chúng ta chính bạn đã tỏ ra có khả năng lớn nhất và đức hạnh lớn nhất”.

“Thật là một lời nói hay! Uppland đáp. Quý vị đã nói thế, chúng tôi xin nhận ngay chính chúng tôi sẽ làm nơi ở cho nhà vua và nơi đóng kinh đô.” “Lần nữa, các tỉnh lại tức giận, nhưng mà không thể nuốt lời, rút lại cái điều đã được quyết định xong xuôi rồi”.

“Thế là Uppland được cả nhà vua lẫn kinh đô, và đứng đầu tất cả các tỉnh. Mà thế thì chỉ là công bằng thôi, vì thông minh và hiền năng là những đức tính mà mãi đến cả ngày nay, vẫn làm ra những ông hoàng từ những kẻ ăn mày.”

Thành phố bơi trên nước^[78]

Quê hương của Long Tơ Mìn

Thứ sáu, 6 tháng năm

Chẳng có ai dịu dàng hơn, cũng như tốt bụng hơn con ngỗng cái bé nhỏ màu tro Long Tơ Mìn.

Cả đàn ngỗng trời đều thương nó vô cùng, và ngỗng đực trắng có thể vì nó mà nhảy cả vào lửa. Long Tơ Mìn mà xin thì đến Akka cũng không thể từ chối cái gì hết.

Khi đến phá Mälär thì nó nhận ra phong cảnh. Phía ngoài phá là biển, nơi mà cha mẹ và chị em nó ở trên một hòn đảo nhỏ. Nó xin đàn ngỗng trời bay vòng ra đây trước khi đi lên phía bắc. Gia đình nó sẽ vui mừng biết mấy khi biết nó còn sống. Nó khấn khoản mãi nên sau cùng người ta phải chiều lòng, dù là đàn đang chậm, nhưng vòng ra đây thì cũng chỉ kéo dài chuyến đi thêm có một ngày mà thôi.

Đàn lên đường một buổi sáng sau khi đã ăn no, và bay sang hướng đông trên phá Mälär. Nils nhận thấy là càng đi về hướng ấy thì các bờ phá càng trù mật, và trên mặt phá càng náo nhiệt. Xà lan và thuyền buồm, thuyền đánh cá và thuyền nhẹ hai buồm, nối đuôi nhau chạy về một hướng. Vô số tàu máy sơn trắng xinh xinh vượt lên hoặc đi ngược lại. Ở trên bờ, đường sắt và đường bộ cũng đều chạy đến cái đích ấy. Rõ ràng là ở đằng kia, bên hướng đông, có một nơi mà mọi người đều vội vàng đi đến.

Trên một trong những hòn đảo, Nils trông thấy một tòa lâu đài lớn màu trắng; xa xa một ít, bờ hồ kín những biệt thự, trước còn cách nhau, rồi sau càng sát vào nhau, cuối cùng thì liền vào nhau và xếp thành hàng thành dãy san sát. Đủ các kiểu biệt thự. Có cái trông như những tòa lâu đài và những cái khác thì như những ấp trại khiêm tốn. Vài biệt thự có vườn tược bao quanh; những cái khác, và đó là số đông, thì xây dựng trong khu rừng mọc quanh hồ. Tất cả những biệt thự ấy, dù khác nhau đến đâu, ít nhất cũng có một nét chung: đó không phải là những ngôi nhà giản dị và trang nghiêm chút nào, mà đều sơn những màu rực rỡ, lục xanh, trắng, đỏ, như những chiếc nhà cho búp bê ở.

Bồng Long Tư Mịn kêu lên: “Kìa! Thành Phố Bơi Trên Nước! Tôi nhận ra rồi”.

Nils nhìn trước mặt, nhưng thoát tiên chỉ thấy những đám sương khói^[79] và sương mù nhẹ cuộn cuộn trên mặt phá. Rồi chú thấy loáng thoáng những mũi tên nhọn và vài tòa nhà, có những dãy dài cửa sổ. Những thứ ấy cứ mỗi lúc hiện ra, rồi lại biến đi giữa các đám sương khói di động. Chẳng trông thấy một dải đất nào cả. Mọi vật tựa hồ nằm trên mặt nước.

Và giờ thì các biệt thự biến hết: chỉ thấy những xưởng máy sẫm màu. Những kho gỗ và than nép mình sau những hàng rào cao; những chiếc tàu chạy hơi nước nặng nề neo trước những cầu tàu đen thui, bụi bặm. Nhưng một màn sương mù nhẹ và trong thấm ướt mọi vật, đã biến đổi, mở rộng một cách lạ lùng cái cảnh ấy và truyền cho một vẻ lộng lẫy nào đó.

Đàn ngỗng bỏ lại phía sau những nhà máy và những đường giao thông, và bay đến gần những mũi tên thấp thoáng trong sương. Bồng mù rơi lả tả, chỉ còn vài mảnh nhẹ bồng bênh phía trên đàn ngỗng, phơn phớt hồng và xanh nhàn nhạt; phần lớn khối sương thì lờn nhờn, như đàn cừu ở trên mặt đất và mặt nước, phủ kín tầng dưới của các nhà, chỉ còn trông thấy những cái mái, những ngọn tháp, những đầu hồi và những mi nhà cao.

Nils hiểu rằng đàn đang bay trên một thành phố lớn. Đôi khi giữa khối sương mù chồng chất kia xé ra một khe hở, thì chú trông thấy một dòng nước chảy cuộn cuộn, ào ào, nhưng chẳng thấy một tí đất nào.

Bay qua hết thành phố rồi, Nils lại nhìn thấy dưới một màn sương mù mỏng hơn, những bờ phá, mặt nước và hòn đảo. Chú quay lại phía sau, mong nhìn thấy thành phố rõ hơn, nhưng vô hiệu; quang cảnh bây giờ còn quái dị hơn trước. Những mảng sương mù trôi bồng bênh được ánh mặt trời chiếu vào, ánh lên những màu rất tươi: hồng, thanh thiên, da cam. Những ngôi nhà màu trắng, ánh mặt trời chiếu vào rực rỡ đến nỗi có thể nói là được xây toàn bằng ánh sáng. Các cửa kính và mũi tên rực lên như bị cháy. Và thành phố cứ thế nổi trên mặt nước.

Đàn ngỗng bay thẳng sang hướng đông. Thoạt tiên phong cảnh trông như trên phá Mälar, nhưng lát sau thì những mặt nước rộng hơn lên, những hòn đảo to hơn lên. Cây cỏ lại nghèo nàn hơn, cây lá rộng hiếm hơn, nhường chỗ cho các loài thông. Biệt thự biến hết, chỉ còn những ấp trại và những nhà nhỏ của dân chài. Xa hơn nữa cũng không thấy một hòn đảo lớn nào có người ở, mặt nước nhan nhản vô số đảo nhỏ và bãi đá. Dưới mắt những kẻ lữ hành, biển trải ra, mênh mông, vô tận.

Đàn ngỗng lao xuống một khối núi đá, Nils quay lại hỏi Long Tư Mịn:

- Thành phố mình vừa đi qua là thành phố nào thế?

- Tôi không biết tên gọi giữa loài người là thế nào, nhưng loài ngỗng chúng tôi thì gọi là Thành Phố Bơi Trên Nước^[80] ngỗng bé nhỏ màu tro trả lời như vậy.

Người nhạc công ở vườn Skansen

Thứ bảy, 7 tháng năm

Từ mấy năm nay, một người nhỏ nhắn, chất phác, tên là Klement Larsson đến ở tại Skansen, khu vườn lớn ở Stockholm, nơi đã thu thập được bao nhiêu là vật lạ ngày xưa.^[81] Ông ta quê ở tỉnh Hälsingland và đã đến Skansen để kéo vĩ cầm những bài nhạc nhảy vòng tròn^[82] và những điệu nhạc cổ. Thường thì ông ta hành nghề nhạc công vào các buổi chiều. Buổi sáng ông ta trông coi một trong các ngôi nhà xưa của nông dân rất ngộ nghĩnh, mà người ta đã chuyển về Skansen từ tất cả mọi miền của đất Thụy Điển.

Những ngày mới tới đây, Klement tự cho là rất sung sướng được trải qua tuổi già như thế, nhưng chẳng bao lâu ông ta bắt đầu buồn chán ghê gớm, nhất là trong những giờ trực. Khi có đông người đến thăm ngôi nhà cổ thì còn khá, nhưng lắm khi Klement phải ở một mình hàng giờ liền. Những lúc như thế ông ta nhớ quê nhà quá đỗi, đến nỗi lo là e phải buộc lòng từ bỏ cái chức vụ này. Klement rất nghèo, ông ta biết rằng trở về quê nhà thì sẽ sa xuống cái thân phận nhờ trại tế bần nuôi nấng. Vì thế mà có thể đứng vững ở đây lâu được ngày nào là ông ta cố gắng ở lại. Nhưng mỗi ngày ông ta lại càng cảm thấy khổ sở thêm mà thôi. Một buổi chiều đẹp trời, vào đầu tháng năm, Klement xin được tự do vài giờ; đi xuống cái dốc thẳng đứng của vườn Skansen, ông ta gặp một người dân chài lưng đeo cái lưới. Anh chàng trai trẻ khỏe mạnh ấy thường đến Skansen mời mua các loài chim biển mà anh ta bắt sống được. Klement gặp anh ta luôn.

Anh dân chài đón Klement, hỏi ông giám đốc vườn có đầy không; và đến lượt mình Klement hỏi lại là anh ta có cái gì để bán. Anh dân chài nói: “Tôi rất vui lòng đưa ông xem cái vật tôi đem đến đây; ngược lại ông hãy bảo tôi biết là có thể đòi đến cái giá bao nhiêu”. Anh ta chìa cái lưới ra. Klement liếc nhìn vào rồi hoảng hốt lùi lại. Ông ta lắp bắp hỏi: “Cái gì thế này?”

Ashbjurn! Anh bắt được ở đâu thế này?”

Ông ta nhớ lại thuở còn là đứa trẻ bé tí, có nghe mẹ mình nói đến cái tộc

đoàn các gia thần, họ ở dưới sàn nhà, và hề trẻ con mà kêu gào quá sức hay là không ngoan ngoãn thì họ rất giận. Lớn lên, ông đã tưởng là mẹ bịa ra cái chuyện gia thần ấy để làm cho mình chịu yên thôi. Thế mà, trong cái làn của Ashbjurn ông ta nhìn thấy một gia thần! Klement không thể bỏ hết những nỗi sợ hãi thời trẻ con: ông ta rùng mình suốt cả sống lưng. Ashbjurn trông thấy và bật cười. Anh ta nói:

- Ông biết không, tôi có rình bắt nó đâu. Chính nó tự dẫn đến với tôi đấy chứ. Sáng nay tôi đi biển rất sớm. Vừa mới ra khỏi bờ thì một đàn ngỗng trời bay qua, vừa bay vừa kêu. Tôi bắn cho chúng một phát súng, bắn trượt; nhưng thằng bé này nhào xuống; nó rơi xuống nước ngay cạnh thuyền, đến mức tôi chỉ cần dang tay ra là bắt được.

- Ít nhất cũng không bị thương chứ, Ashbjurn à?

Klement hỏi.

- Không, không. Nó an toàn vô sự. Rơi xuống thì thoát tiên nó không biết là nó ở đâu, và tôi đã trói tay chân nó lại với một mẩu dây, để cho nó đừng chạy trốn. Tôi nghĩ ngay rằng nó phải là một vật có giá trị ít nhiều gì đấy đối với vườn Skansen này.

Klement cảm thấy trong lòng đau khổ quá. Tất cả những gì đã được nghe kể trong thời thơ ấu về những kẻ thuộc “tộc đoàn bé nhỏ”, về cái thói hay thù hằn của họ và tính mau mắn cứu giúp bạn bè của họ, tất cả đều trở lại trong trí nhớ ông ta. Xưa nay những ai mà cố bắt giữ một gia thần, đều chẳng bao giờ gặp điều gì may mắn đâu.

- Không nói năng gì cả à? Klement hỏi.

- Có chứ, thoát đầu nó cố gọi đàn ngỗng, nhưng tôi bịt miệng nó lại, không cho gọi.

- Nhưng này, Ashbjurn! Anh nghĩ gì thế? Klement hoảng hốt kêu lên. Anh lại không hiểu rằng đó là một linh vật siêu phàm ư?

- Tôi chẳng biết nó là cái gì cả. Ashbjurn cứ trơ trơ đáp lại. Những người khác cứ việc mà quyết định nó là cái gì đi. Còn tôi thì sẽ rất hài lòng nếu người ta mua đi cho tôi, thế là đủ. Giờ ông cho tôi biết là theo ý ông thì ông giám đốc sẽ trả tôi bao nhiêu đây.

Klement im lặng một hồi. Một nỗi khắc khoải thực sự làm nghẹt tim ông. Hình như bà mẹ già của ông đang đứng bên cạnh, cầu khẩn ông nên nhân hậu với “tộc đoàn những người bé nhỏ”.

Ông nói: “Tôi không biết ông giám đốc sẽ trả cho anh bao nhiêu về vật

này, Ashbjurn à, nhưng mà tôi thì tôi biểu anh hai mươi cơ-rao^[83] nếu anh muốn để lại cho tôi”.

Nghe được biểu số tiền lớn ấy, anh dân chài sững sốt nhìn Klement. Anh nghĩ chắc Klement tin là gia thần có uy lực huyền bí và có thể giúp ích cho ông ta. Hơn nữa, anh ta có ấn tượng mơ hồ rằng ông giám đốc sẽ không rộng rãi được như thế, anh ta liền nhận lời ngay.

Người nhạc công dứt vị gia thần vào một trong các túi áo to rộng của mình, rồi trở về Skansen, bước vào một trong các ngôi nhà nhỏ không có khách xem, cũng không có người trực. Đóng cửa lại cẩn thận rồi, ông ta nắm lấy người tù của mình, tay chân còn bị trói và mồm còn bị bịt, và đặt lên một cái bàn.

Klement nói: “Bây giờ thì nghe kĩ điều tôi đề nghị đây! Tôi biết là những kẻ cùng loài với thần không thích để cho người trần trông thấy, và chỉ muốn càn cù làm lụng một mình. Vậy tôi đã nghĩ đến việc trả tự do cho thần, nhưng với điều kiện dứt khoát là thần ở đây, trong vườn này cho đến khi nào tôi cho phép đi khỏi đây. Nếu thần nhận lời thì gặt đầu ba cái.

Klement nhìn gia thần, lòng mong mỏi thần nhận lời, nhưng thần cứ đứng yên.

“Ở đây thần sẽ không khổ đâu, Klement lại nói. Tôi nấu cho thần mỗi ngày một bát thức ăn và thần sẽ có bao nhiêu việc để làm, nên thời gian đối với thần sẽ không dài đâu. Nhưng mà thần chỉ đi khỏi đây khi nào tôi cho phép. Chúng ta thỏa thuận với nhau về tín hiệu này. Hễ tôi mà còn đựng thức ăn cho thần trong một cái bát màu trắng thì thần hãy ở lại. Bao giờ tôi đựng trong một cái bát màu xanh thì thần có thể ra đi”. Klement lại im lặng lần nữa, chờ con người bé nhỏ gặt đầu với mình, nhưng kẻ kia vẫn không hề nhúc nhích.

“Vậy thì tôi chỉ còn cách nộp thần cho ông chủ vườn này nữa thôi. Ông ta sẽ nhốt thần trong chuồng và tất cả thành phố Stockholm rộng lớn sẽ đến xem thần”. Klement nói như vậy.

Cái viễn cảnh đó hình như làm cho thần khiếp sợ, vì thần tức khắc gặt đầu ba cái.

“Thế là tốt”, Klement nói và cầm lấy con dao cắt dây buộc hai tay cho con người bé nhỏ. Rồi ông ta đi ra phía cửa.

Thần liền tự mình tháo dây buộc các mắt cá chân, và mở miếng giẻ bịt miệng mình. Khi quay lại để cảm ơn Klement Larsson thì ông ta đã đi rồi.

Câu chuyện của vị tôn trưởng

Ra ngoài, Klement gặp một vị tôn trưởng^[84] cao lớn và đẹp lão, hình như đang muốn đi đến một chỗ cạnh đây, là nơi mà đứng ngắm thì trông thấy phong cảnh rất đẹp. Klement không nhớ là đã gặp ông cụ bao giờ, nhưng vị tôn trưởng cao lớn chắc đã trông thấy Klement trước, vì ông cụ đứng lại và ngó lời với Klement.

“Chào anh, Klement à! Mạnh khỏe chứ? Mong rằng anh chẳng ốm đau gì. Nhưng hình như anh có gầy đi đấy”.

Cách cư xử của vị tôn trưởng thật đáng mến và dễ thu hút người, làm cho Klement dạn lên; ông ta nói là mình rất khổ sở vì nỗi nhớ quê nhà.

Vị tôn trưởng đẹp lão nói: “Làm sao? Anh luôn chán trong khi được ở Stockholm à? Có thể thế được không?”

Vị tôn trưởng tựa hồ bị xúc phạm. Rồi, nghĩ lại, ông cụ tự nhủ là mình đang nói chuyện với một người nông dân đáng thương tỉnh Hälsingland, nên phong mạo cụ liền trở lại vẻ khoan nhàn.

“Có lẽ anh chưa bao giờ được nghe nói thành phố Stockholm đã được thành lập như thế nào chắc? Được nghe rồi thì anh sẽ hiểu là nỗi nhớ quê hương của anh chỉ là ảo tưởng. Hãy đến ngồi cái ghế đằng kia, ta sẽ nói cho anh nghe về Stockholm!”

Vị tôn trưởng ngồi xuống và nhìn một lúc thành phố Stockholm đang trải ra lòng lầy dưới chân mình: ông cụ thở rất sâu như để hít vào tất cả vẻ đẹp của phong cảnh. Rồi quay lại phía người nhạc công, ông cụ nói.

“Nhìn đây, Klement à! Ông cụ vừa nói vừa vẽ một bản đồ nhỏ lên cát. Đây là tỉnh Uppland, nó đâm về phía nam một mũi đất mà bao nhiêu cái vũng đã làm cho sứt mẻ. Và kia là tỉnh Surmland đang tiến đến gặp Uppland với một mũi đất khác cũng sứt mẻ như vậy, một cái phá từ phía tây lại, đầy những đảo, đó là Mälar; từ phía đông một mặt nước khác chạy sang, cố gắng hết sức mới vạch ra được một lối lách giữa những hòn đảo và những bãi đá: đó là biển Baltic. Chính ở ngay đây, Klement à, nơi mà tỉnh Uppland gặp tỉnh Surmland, phá Mälar và biển Baltic, có một con sông nhỏ, rất ngắn, nối liền hai dòng nước; và giữa con sông ấy xưa kia có bốn hòn đảo, chia dòng sông ra làm nhiều nhánh. Một trong các nhánh ấy nay gọi là Norrstrum.

“Những đảo ấy trước tiên chỉ là những đảo nhỏ có phủ rừng, bình thường như nay còn có rất nhiều trong phá Mälar; trong những thời gian rất dài vẫn

không có người ở. Chẳng một ai nhận thấy vị trí của các đảo thật thuận lợi giữa hai tỉnh và hai dòng nước lớn. Năm tháng trôi qua. Có người đến ở các đảo giữa phá Mälär và các đảo ngoài biển Baltic, nhưng mà các đảo trong dòng sông thì vẫn chẳng ai đến cư trú. Thỉnh thoảng có một người đi biển đồ bộ lên và căng lều ngủ một đêm. Thế thôi. “Nhưng mà, một ngày nọ, một dân chài mãi đánh cá trong phá Mälär, và khi quay về thì gặp đêm tối trên biển Baltic. Anh ta bèn đồ bộ lên một trong bốn hòn đảo nhỏ để chờ trăng lên.

“Bảy giờ vào cuối hè, thời tiết còn nóng và đẹp, dù đêm đến trời đã khá tối. Anh dân chài nằm dài trên bãi cỏ, đầu gối lên một viên đá, và ngủ thiếp đi. Khi thức giấc thì trăng đã mọc từ lâu rồi. Trăng sáng vàng vạc tưởng như là đang giữa ban ngày.

“Anh ta vọt dậy, và sửa soạn thả thuyền xuống nước, bỗng nhiên trông thấy ở đằng xa có những chấm đen đang cử động. Đó là một đàn hải cẩu đang bơi thẳng đến đảo. Khi mà đàn thú sắp leo lên bờ thì anh dân chài cúi xuống tìm cái gậy bịt sắt nhọn thường đem theo trong thuyền. Đến lúc ngẩng lên thì các con hải cẩu đã biến mất, thay cho chúng ở trên bờ đang có những thiếu nữ xinh đẹp vô cùng, mặc những áo lụa dài lướt thướt màu lục và đội những vòng ngọc trai trên đầu. Anh dân chài hiểu ngay: đó là những nàng ônđin^[85] ở rất xa dưới biển, đã đội lột những con hải cẩu để lên đất liền vui chơi dưới ánh trăng trên các hòn đảo xanh màu lá cây. “Nhìn họ múa một hồi dưới bóng cây, rồi anh ta lướt về phía bờ, vớ lấy một bộ da hải cẩu mà các ônđin đã để đấy, đem giấu dưới một tảng đá. Xong, anh ta trở lại thuyền, nằm xuống và giả vờ ngủ.

“Lát sau anh ta thấy các thiếu nữ thanh tân kia lại đi xuống phía bờ để mặc các bộ da hải cẩu vào. Họ vừa mặc vừa cười vui vẻ và chơi đùa đủ trò nhưng chỉ một lát là nổi lên tiếng than, tiếng khóc. Một trong các thiếu nữ không thể nào tìm lại được bộ da hải cẩu của mình. Tất cả các ônđin đều chạy đi tìm kiếm khắp bờ, nhưng vô ích. Bỗng họ trông thấy da trời nhật dần và trời sắp sáng. Họ không dám ở lại trên bờ nữa và bơi đi tháo thân, tất cả, trừ một ônđin, kẻ đã không thể tìm thấy bộ da hải cẩu của mình. Nàng ở lại trên bờ nước và tấm tức khóc.

“Anh dân chài chắc cũng thương hại, nhưng nén lòng cứ ẩn mình cho đến lúc trời sáng. Bây giờ anh ta đứng lên, đẩy thuyền xuống nước và làm như bỗng trông thấy nàng; anh ta nói khi thuyền đã ra khỏi bờ: “Cô là ai? Bị đắm tàu à?” “Ônđin trông thấy anh ta, liền chạy đến, và trong cảnh nguy nan, liền hỏi anh ta có trông thấy bộ da hải cẩu của mình không. Anh dân chài làm bộ ngờ ngác, như không hiểu là nàng muốn nói gì nữa. Thế là ônđin ngồi xuống

một tảng đá và lại khóc. Anh dân chài đề nghị ôndin đến nhà mình để mẹ mình săn sóc cho.

“Cô không thể ở cả đêm đây được, đây cô chẳng có giường để ngủ, cũng chẳng có gì để ăn cả”.

“Anh ta nói dịu dàng, làm cho nàng nghe lời và đi theo. “Anh dân chài và mẹ rất tốt với nàng ôndin tội nghiệp.

Ở với họ nàng hình như cũng thấy dễ chịu. Mỗi ngày nàng mỗi thấy vui thêm, giúp đỡ bà già trong việc nội trợ, chẳng khác nào một cô gái ở đảo, ngoài cái điều nàng đẹp hơn tất cả các cô khác. Một hôm anh dân chài hỏi nàng có muốn làm vợ anh ta không: nàng trả lời rằng có, không do dự.

“Người ta sửa soạn lễ cưới. Trong dịp này, cô dâu mặc chiếc áo dài lướt thướt màu lục, đội vòng ngọc trai lấp lánh như lúc mà anh dân chài trông thấy nàng lần đầu tiên. Rồi cô dâu, chú rể và đoàn người dự lễ xuống thuyền đi đến nhà thờ Mälar.

“Anh dân chài dẫn vợ sắp cưới và mẹ. Anh ta lái thuyền khéo quá, bỏ tất cả mọi người lại đằng sau. Đến trước hòn đảo mà ngày nọ đã gặp ôndin, giờ đây đang ngồi cạnh anh, điểm trang xinh đẹp và đáng tự hào, anh ta không thể nén được một nụ cười.

- Anh cười cái gì vậy? Nàng hỏi.

- Anh nghĩ đến cái đêm mà anh giấu bộ da hải cẩu của em, anh dân chài trả lời; anh ta tự thấy đã nắm được nàng đến mức cho rằng chẳng cần giấu nàng bất kì cái gì nữa hết.

Nàng hỏi lại: - Anh nói cái gì? Bộ da hải cẩu của em à? Nàng tựa hồ đã quên hết mọi việc.

- Em không nhớ là em đã múa nhảy vui thích với các ôndin nữa ư? Anh ta hỏi.

- Em không hiểu anh muốn nói gì. Em cho là đêm qua anh đã mơ một giấc mơ lạ lùng.

- Vậy anh đưa cho em xem bộ da ấy thì em có tin lời anh không? Anh dân chài vừa nói vừa đưa thuyền về phía đảo. Họ lên bờ. Anh dân chài lấy bộ da, vẫn ở dưới tảng đá mà anh đã giấu.

“Vừa trông thấy, cô dâu liền giật lấy, khoác lên vai trông rất vừa, như thể da sống thật, rồi nhảy xuống nước. “Chú rể trông thấy nàng bơi ra xa, rất nhanh. Anh ta cố lao theo, nhưng vô ích. Thất vọng, anh ta liền vớ lấy cái

gậy bịt sắt nhọn phóng theo. Có lẽ anh ta ném trúng hơn là ý anh ta muốn; nàng ôndin tội nghiệp kêu lên một tiếng xé lòng, rồi biến mất dưới đáy sâu.

“Anh dân chài đứng trên bờ, chờ nàng lại hiện lên; bỗng thấy nước ánh lên một vẻ dịu dàng, và như linh động lên với một vẻ đẹp mới. Nước long lanh, nhấp nháy, tỏa ra một ánh hồng và trắng trông như cái ánh lấp lánh trong các vỏ ngọc trai.

“Nước long lanh đó mà vỗ vào bờ thì hình như cũng biến hóa đi. Bờ tỏa hương ngọt ngào hơn. Một ánh sáng mờ mờ dịu dịu chiếu lên bờ, đem cho bờ một vẻ dịu dàng không ngờ. Anh dân chài hiểu là việc gì đang xảy ra: các ôndin vốn có trong thân thể cái gì đó làm cho họ có vẻ đẹp hơn tất cả mọi đàn bà khác. Máu của một nàng ôndin đã hòa vào sóng nước, nhan sắc của nàng đang làm cho phong cảnh rực sáng. Từ đáy các bờ biển này thừa hưởng được uy lực, làm cho tất cả những ai ngắm cảnh phải sinh lòng yêu thương, và thu hút họ bằng một thứ tình quyến luyến gia hương”.

Vị tôn trưởng quay về phía Klement, ông này gật đầu đáp lại, trịnh trọng, chẳng nói năng gì để khỏi ngắt câu chuyện.

Người kể chuyện lại tiếp tục, đôi mắt thoáng một tia tinh nghịch: “Thế là, Klement à, anh phải nhận thấy từ lúc ấy thiên hạ bắt đầu đến ở các đảo này. Trước tiên chỉ là những dân chài và nông dân; nhưng một ngày tốt đẹp, nhà vua và tể tướng ngược dòng nước đi lên. Họ nhận thấy các đảo ở một vị trí mà không chiếc tàu nào vào phá Mälar, lại có thể tránh không đi qua được. Và tể tướng đề nghị đóng chặt lối thông này lại, để có thể mở ra hay trấn ngự tùy theo ý mình, mở ra cho tàu buôn, đóng lại không cho hạm đội giặc cướp vào.

Việc ấy được làm ngay, vị tôn trưởng kể tiếp, rồi đứng dậy và lại vẽ lên cát và nói: “Và ở đây, trên đảo lớn nhất, tể tướng xây một thành lâu kiên cố”.

“Quanh đảo, cư dân đắp lũy. Họ bắc cầu nối liền bốn đảo lại, và tất cả các đảo đều xây địch lâu. Và dưới nước, khắp chung quanh, họ đóng một vòng cọc nhọn, và những rào chắn mà tàu thuyền bắt buộc phải đi qua không tránh được.

“Anh thấy đấy chứ, Klement à, bốn hòn đảo nhỏ, bao nhiêu năm không có người ở, đã thành ra những tòa thành quách thực sự. Nhưng mà những bờ phá này, những eo biển này thu hút người đến mạnh lắm, từ mọi nơi người ta kéo đến lập nghiệp ở đây. Chẳng bao lâu, cư dân bắt đầu dựng lên một giáo đường, sau này được gọi là Đại Giáo đường, ở sát thành lâu. Ở trong thành thì cư dân làm những nhà nhỏ. Không nhiều lắm đâu, nhưng thuở ấy thì cũng chẳng cần nhiều nhà hơn mới xứng danh là thành phố. Và thành phố được

gọi là Stockholm, và đến nay vẫn được gọi như thế.

“Một ngày nọ, viên tể tướng đã khởi công làm những việc này nhằm mắt vĩnh viễn, nhưng Stockholm vẫn không thiếu người xây dựng. Những tu sĩ gọi là Thầy Dòng Áo Xám^[86] đến ở Thụy Điển; họ xin phép nhà vua dựng ở đây một tu viện. Vua cho họ một hòn đảo nhỏ. Rồi những tu sĩ khác gọi là những Thầy Dòng Áo Đen^[87] cũng đến. Họ xây tu viện của họ gần cửa nam của đảo Đô Thành. Trên một đảo nhỏ khác, ở phía Bắc, xây một Quán xá của Chúa hay là bệnh viện. Chỗ khác những người khéo léo dựng lên một nhà xay; ở khắp các vùng nước chung quanh thì các tu sĩ đánh cá.

Trên các hòn đảo nhỏ, nhà cửa mọc lên san sát rất nhanh. Vì thế khi những nữ tu sĩ dòng Nữ Thánh Clara^[88] đến xin đất, thì người ta chỉ có thể cho bờ đất ở phía bắc các đảo mà thôi. Chắc rằng họ cũng chẳng hài lòng lắm, vì ở đó có một ngọn đồi thì trên đỉnh thành phố đã dựng lên cái đài treo cổ. Dù vậy họ cũng vẫn xây ở chân đồi một tu viện và một giáo đường, rồi thiên hạ được thu hút cũng đến ở chung quanh. Chẳng bao lâu, tận trên cao mọc lên một bệnh viện, với một giáo đường phụng hiến Thánh George.^[89]

Ngoài những tu sĩ nam, nữ, nhiều người khác cũng kéo đến, và trước hết là vô số thương nhân và thợ thủ công người Đức. Khôn khéo hơn các đồng nghiệp Thụy Điển, họ được hoan nghênh lắm. Họ ở ngay đô thị phía trong thành, họ san bằng những nhà nhỏ cũ, xây những nhà bằng đá rất đẹp. Vì đất rất chật, họ phải xây nhà liền nhau san sát và quay đầu hồi ra các phố hẹp.

“Klement à, anh thấy là Stockholm có uy lực thu hút người ta đấy chứ”.

Lúc ấy trên lối đi, thấy một vị khách khác tiến đến. Nhưng người đang nói chuyện với Klement đưa tay làm hiệu, và người kia dừng lại ở đằng xa. Vị tôn trưởng lại nói tiếp:

“Klement à, bây giờ thì anh có thể làm cho ta vui lòng. Ta không có thì giờ chuyện trò với anh nữa, nhưng ta sẽ gửi cho anh một cuốn sách về Stockholm để anh đọc. Có thể nói là ta đã làm cho anh chứng kiến việc thành lập Stockholm rồi đó. Tự anh sẽ nghiên cứu xem thành phố đã phát triển như thế nào; làm thế nào mà cái đô thành bé nhỏ, chật chội, bao bọc thành quách, đã biến thành cái biển nhà cửa mênh mông mà ta trông thấy dưới kia! Hãy đọc trong sách xem cái thành lâu nặng nề đã nhường chỗ cho tòa lâu đài xinh đẹp sáng sủa trước mặt ta kia như thế nào; giáo đường của các Thầy Dòng Áo Xám đã thành ra mộ địa của các quốc vương Thụy Điển như thế nào. Hãy đọc trong sách xem những mảnh vườn của người trồng rau ở phía nam và phía bắc thành phố đã thành những khu vườn xinh đẹp và những khu nhà ở như thế nào, những eo biển được lấp bằng, những đồi gò được san phẳng

như thế nào. Hãy đọc trong sách xem ngự uyển của các triều vua đã được biến thành một chốn vui chơi ưa thích của dân chúng như thế nào. Klement à, anh phải thân thuộc với thành phố chứ! Bởi vì thành phố này chẳng phải chỉ là của những người Stockholm, mà còn là của anh và của cả nước Thụy Điển.

“Đọc lịch sử Stockholm, hãy nhớ cái điều ta đã nói. Klement à: Stockholm có uy lực thu hút tất cả mọi người. Trước tiên nhà vua đến đóng ở đây, rồi các công hầu xây dựng phủ đệ ở đây! Và bây giờ Stockholm không chỉ thuộc về chính mình chút nào, cũng như chẳng thuộc về miền băng cận; mà thuộc về toàn thể vương quốc.

“Và khi mà nghe trong cuốn sách của anh nói đến tất cả mọi thứ đã được tập hợp lại ở Stockholm, thì Klement à, hãy nghĩ đến cả những gì người ta đã thu thập lại ở đây, ở Skansen này! Đây là những ngôi nhà cổ. Ở đây người ta nhảy những điệu nhảy xưa: đây là những bộ y phục cổ, những đồ gia dụng xưa. Ở đây có những nhạc công và những người kể xaga^[90] và truyện thần tiên. Tất cả những gì tốt đẹp và cổ kính, Stockholm đều thu hút về Skansen để đem biểu dương và tôn vinh trong nhân dân. Nhưng mà, Klement này, nhất là đọc cuốn sách của anh, thì anh phải ngồi đây, tại chỗ cao này! Anh phải nhìn thấy cảnh hoan hỉ của sóng nước đổi thay và vẻ xinh đẹp của các bãi bờ rực rỡ kia. Phải chịu sức mê hoặc của cảnh vật. Klement à!”

Vị tôn trưởng đẹp lão đã cất cao giọng; tiếng nói vang lên, hùng hồn và khẩn thiết, không cãi lại được, đôi mắt phát ra những hào quang. Cụ đứng dậy và từ giã Klement bằng một cái vẫy tay nhẹ nhàng. Và Klement hiểu rằng người vừa nói chuyện với mình là một vị vương công rất lớn. Ông ta liền cúi chào thật thấp.^[91]

Ngày hôm sau, một người thị vệ trong cung vua đem đến cho Klement một cuốn sách to, bìa đỏ và một phong thư. Và thư nói rằng cuốn sách là của nhà vua gửi đến. Sau việc ấy, ông Klement Larsson nhỏ nhắn, rồi bời đầu óc trong mấy ngày liền. Hết một tuần, ông ta đến gặp ông giám đốc, xin từ chức. Ông ta bắt buộc phải trở về quê hương.

- Nhưng tại sao vậy? Ra ở đây anh không thấy thích thú hay sao? Ông giám đốc hỏi.

- Tất nhiên là giờ thì ở đây tôi thấy thích thú, nhưng mà tôi phải trở về.

Thật ra, Klement đang hết sức phân vân: nhà vua đã truyền cho ông phải cố học hỏi để hiểu rõ Stockholm và thích thú ở đây, nhưng làm sao mà Klement lại có thể từ bỏ niềm hạnh phúc được trở về quê hương, để kể chuyện rằng chính đích thân nhà vua đã truyền cho ông ta mệnh lệnh ấy?

Ông ta cần tập hợp mọi người lại quanh mình, hôm chúa nhật, sau khi lễ nhà thờ ra, để kể rằng nhà vua đã rất nhân hậu với ông ta, đã ngồi bên cạnh ông ta trên một chiếc ghế dài, và đã để thì giờ nói chuyện với ông ta, một nhạc công thôn quê già và nghèo, để làm ông ta khỏi nỗi thương nhớ gia hương. Chuyện ấy kể cho những người Lapps già và những cô gái tỉnh Dalarna nhỏ nhắn ở vườn Skansen này đã hay quá rồi. Về kể lại ở quê nhà thì còn hay đến đâu nữa.

Cho dù sau này có phải lạc loài vào trại tế bần đi nữa Klement cũng sẽ không khổ sở gì. Ông ta đã thành ra một con người hoàn toàn khác trước rồi, và sắp được hưởng một niềm kính trọng mới.

Và ý muốn ấy không thể nào cưỡng lại được. Ông giám đốc đàn ông phải để cho ông ta đi.

Gorgo, chim đại bàng

Rất xa ở miền bắc, giữa các cao nguyên băng tích của xứ Lapland, có một tổ đại bàng lâu năm, cheo leo trên chỗ nhô ra của một vách núi đá dốc đứng. Tổ làm bằng những cành thông. Qua nhiều năm, tổ đã được mở rộng và làm cho kiên cố thêm. Bây giờ thì trải rộng gần hai mét và cao gần bằng một chiếc lều của người Lapps.

Vách đá dựng lên sừng sững trên một thung lũng khá rộng mà mùa hè có một đàn ngỗng trời ở. Nằm khuất giữa những ngọn núi và gần như không được loài người biết đến, dù là người Lapps, thung lũng là một chốn trú ẩn rất tốt. Ở giữa có một cái hồ nhỏ, tròn vành vạnh, phong phú thức ăn cho đám ngỗng con; và bờ hồ phủ đầy những bụi to miên liễu^[92] lùn và những cây phong nhỏ còi cọc, đã cho đàn ngỗng những chỗ ẩn náu rất tốt để ấp trứng.

Từ thuở nào, đại bàng đã ở trên núi đá, và ngỗng trời dưới đáy thung lũng. Năm nào đại bàng cũng bắt vài con ngỗng, nhưng cũng giữ gìn không bắt nếu đàn ngỗng không quay trở lại nữa. Về phía ngỗng trời, thì dù có thể nào cũng lợi vì sự có mặt của các đại bàng. Chúng là những côn đồ, nhưng mà chúng làm cho bọn côn đồ khác không dám bén mảng. Khoảng ba năm trước cái thời mà Nils Holgersson đi với đàn ngỗng trời, thì ngỗng già đầu đàn Akka núi Kebnekaise, buổi sáng nọ, từ dưới đáy thung lũng nhìn lên cái tổ đại bàng. Đôi chim thường bay đi săn mồi, sau khi mặt trời mọc một chút. Những mùa hè trước, Akka sáng nào cũng phục, chờ chúng nó đi, để cho chắc chắn rằng chúng không chọn thung lũng làm đất săn mồi.

Ngỗng chẳng phải chờ lâu. Chỉ một chốc là đôi chim đẹp nhưng đáng sợ kia, lao vút lên không. Chúng bay về phía đồng bằng được trông trọt; Akka liền thở ra như trút được một gánh nặng.

Ngỗng già đã thôi đẻ trứng và nuôi con; mùa hè thì thời gian của ngỗng dùng để đi lại từ tổ này sang tổ khác, khuyên bảo những điều hay về cách ấp trứng và nuôi con. Ngoài ra, ngỗng còn canh chừng, không những hai con đại bàng, mà cả những con cáo núi cao, những con cú và tất cả những kẻ thù khác đe dọa đàn ngỗng và các ổ trứng của đàn.

Vào lúc giữa trưa, Akka lại trông chừng hai con đại bàng trở về, như thường vẫn làm từ bao năm nay. Nhìn cách bay của chúng, ngỗng biết là

chúng đã no mỗi chưa, nếu đã thì ngỗng thấy yên tâm cho bà con. Nhưng mà ngày hôm đó, ngỗng không hề trông thấy chúng trở về. Chờ đợi một lúc lâu, ngỗng nghĩ rằng: “Quả thật mình già và lẫn mất rồi. Bọn đại bàng đã về từ lâu rồi mới phải”.

Buổi chiều ngỗng không ngớt trông lên núi, chờ xem đôi đại bàng ở trên cái bậc đá là nơi chúng thường nghỉ ngơi; gần tối ngỗng lại còn chờ chúng vào lúc chúng thường xuống tắm dưới hồ. Và ngỗng lại phàn nàn là mình đã già và lẫn mất rồi. Ngỗng không thể nào chịu nhận rằng đôi đại bàng đã không trở về.

Ngày hôm sau, Akka dậy sớm để cố xem đôi đại bàng. Nhưng cũng lại vô ích. Trái lại, trong cảnh thanh tĩnh ban mai, ngỗng nghe có tiếng kêu, vừa tức giận vừa tội nghiệp, và hình như từ tổ đại bàng vọng xuống. Ngỗng bèn bay vút lên khá cao, để có thể phóng mắt nhìn xuống cái tổ ấy.

Ở đây, ngỗng không trông thấy cả chim trống lẫn chim mái. Trong chiếc tổ to, chỉ có một con đại bàng non, nửa trần trụi, đang kêu đói.

Từ từ và như tuồng do dự, Akka hạ mình xuống cái tổ. Thật là một chốn thê thảm. Thấy ngay đây là sào huyết của quân côn đồ. Cái tổ và bậc đá núi la liệt những xương trắng, túm lông, mảnh đá vấy máu, những sọ thỏ, mỏ chim và cẳng gà tuyết^[93] còn đầy lông. Con đại bàng non nằm giữa tất cả các vật thừa của xác chết ấy, chính nó trông cũng khủng khiếp với cái mỏ to tướng há ra, cái thân hình nặng nề mới hơi mọc lông tơ, và đôi cánh thô sơ mà những chiếc lông tương lai đâm ra tua tủa như những cái gai.

Nhưng rồi Akka cũng nén được lòng ghê tởm và đậu xuống mép tổ, lo ngại nhìn ra chung quanh, vì mỗi chốc có thể gặp đôi đại bàng bố mẹ trở về.

- Mãi giờ mới đến giúp người ta! Sớm lắm đấy! Dem ngay cho người ta ăn.

- Không ngay được đâu! Akka nói. Hãy bảo cho ta biết bố mẹ mày ở đâu đã.

- Người ta biết sao được. Họ đi từ sáng hôm qua, chỉ để cho người ta có con lemming^[94] cà khỗ này mà ăn. Mụ cũng phải hiểu là nó đã hết từ lâu rồi. Để cho người ta chết đói thế này thì xấu hổ quá.

Giờ Akka mới bắt đầu tin chắc là đôi đại bàng già đã bị giết chết rồi; ngỗng tự nhủ là mình mà cứ để cho con đại bàng non chết đói thì thiên hạ từ nay về sau sẽ trừ khử được toàn thể cái gia đình côn đồ này. Tuy vậy, ngỗng lại thấy ghê tởm nếu không cứu một đứa trẻ không có ai bảo vệ.

Con đại bàng lại sốt ruột kêu lên: “Mụ chờ gì nữa? Mụ không nghe thấy rằng người ta muốn có cái gì để ăn à?” Akka dang cánh ra và thả mình rơi xuống tận cái hồ nhỏ dưới đáy thung lũng, và chỉ một tí là bay lên, mỗ ngậm một con cá hương. [\[95\]](#)

Trông thấy cá, con đại bàng nổi cơn thịnh nộ. Vừa lấy chân hất con cá hương đi, nó vừa rít lên: “Mụ tưởng người ta muốn ăn cái của này à? Dem ngay tức khắc cho người ta một con gà tuyết hay một con lemming, mụ nghe chưa?”

Akka liền vươn cổ ra, lấy mỏ quắp mạnh gáy con đại bàng. “Nghe kĩ ta bảo đây này,” ngỗng già nói, “mày mà muốn ta cho mày ăn, thì ta cho gì phải ăn nấy. Bố mẹ mày chết cả rồi, và vì thế sẽ không thể làm gì cho mày được nữa. Nếu mày muốn chết đói bằng cách chờ có gà tuyết và lemming thì ta không ngăn mày đâu”.

Nói xong ngỗng bay đi, và sau một giờ đằng đằng mới trở lại cái tổ đại bàng. Con đại bàng non đã ăn tươi nuốt sống con cá rồi, và ngỗng vừa để trước mặt nó một con cá hương khác là nó liền hộc luôn, chẳng nói một lời, dù có vẻ cho là cá chẳng ngon lành gì lắm.

Akka thật là vất vả. Đôi đại bàng già không hề trở về, và ngỗng phải một mình nuôi sống con đại bàng non. Ngỗng đem cho nó nào cá, nào ếch; và con đại bàng hình như chẳng chút nào khó ở vì chế độ ăn uống đó: nó cao lớn lên và cường tráng ra. Chẳng bao lâu nó quên bố mẹ nó, đôi đại bàng nọ, mà cho Akka là mẹ thật của nó. Về phía mình, thì Akka thương nó như con đẻ, và cố dạy dỗ nó tốt, làm cho nó bỏ thói hung hãn khát máu bẩm sinh và cái tính kiêu ngạo hỗn láo.

Hai hay ba tuần sau, Akka thấy mình sắp đến lúc thay lông và sẽ không thể bay được trong ít lâu, và suốt một tuần trăng sẽ không thể nào đem cái ăn lên cho con đại bàng được. Akka mới bảo nó:

“Này nhá, Gorgo à, ta sẽ không thể đem cá cho anh được nữa. Cái việc bây giờ là phải xem thử rằng anh có thể dẫn thân xuống dưới thung lũng được không. Phải chọn một trong hai điều: hoặc là chết đói ở đây, hoặc là lao mình xuống dưới kia, mà như thế cũng có thể thiệt mạng”.

Chẳng đáp lại một lời, mà cũng chẳng chút do dự, con đại bàng non leo ra mép tổ; nó cũng chẳng thêm đưa mắt ước độ cao nữa, dang đôi cánh cụt ngắn ra, và lao mình xuống. Nó quay quay như chong chóng nhiều lần trong không, nhưng rồi cũng biết sử dụng đôi cánh, tạm đủ để đáp xuống dưới ấy, gần như an toàn vô sự.

Sau đó, ở dưới thung lũng, Gorgo sống qua mùa hè cùng với đám ngỗng con. Nó tự xem như cũng là trong gia tộc, và thử sống hết như ngỗng vậy; khi ngỗng lao xuống nước bơi, nó cũng lao theo và suýt chết đuối. Nó tự thấy nhục quá vì không thể nào học bơi được, và đem việc đó phàn nàn với Akka.

- Tại sao cháu lại không có thể bơi được như những kẻ khác?

- Trong khi anh ở cao trên núi thì các móng chân anh đã khoằm lại cả rồi. Nhưng cũng chẳng nên buồn phiền. Dù có thể nào anh cũng sẽ là một con chim lương thiện. Akka trả lời như vậy.

Đôi cánh của con đại bàng con to ra nhanh, nhưng nó không nghĩ đến việc dùng để bay trước khi mùa thu đến, là lúc mà các ngỗng con học bay. Lúc ấy đối với nó là một lúc đáng tự hào, vì trong môn thể thao này nó tức khắc đứng đầu. Các bạn nó không bao giờ ở lâu trên không, còn nó thì chỉ ít lâu sau là cứ bay suốt cả thời gian trên ấy. Nó chưa nhận ra rằng nó thuộc một loài khác các con ngỗng, nhưng nó cũng nhận thấy bao nhiêu điều, mà nó đem ra hỏi Akka.

- Tại sao các con gà tuyết và lemming đều bỏ chạy khi thấy bóng cháu vẽ xuống mặt cao nguyên băng tích? Tại sao chúng nó tỏ ra khiếp sợ như thế trước mặt đám ngỗng con?

- Là vì cánh của anh đã mọc ra to quá trong thời mà anh ở trên bậc núi kia, Akka nói. Điều đó làm chúng nó sợ. Nhưng cũng chẳng nên buồn phiền. Không vì vậy mà anh sẽ không phải là một con chim lương thiện.

Sang mùa thu, khi đàn ngỗng trời di cư, thì Gorgo đi theo đàn. Nó vẫn tự xem là chim của đàn. Nhưng không trung đầy những chim đang trên đường bay đến các xứ nóng, và thế là huyền não lên khủng khiếp, khi chúng trông thấy đi theo Akka có cả một con đại bàng. Từng đám vô công rồi nghề cứ vây lấy đàn ngỗng đang bay theo hình chữ nhân. Akka khấn khoản chúng im, nhưng làm sao mà bịt được bao nhiêu cái mồm bép xép đến thế? “Tại sao chúng cứ gọi cháu là đại bàng?” Gorgo cứ hỏi Akka không ngớt, và mỗi lúc lại càng bức tức thêm. “Chúng nó chẳng thấy cháu thuộc về đàn chúng ta sao? Chúng có ở trong bọn những đứa ăn thịt chim, nhai nuốt đồng loại ấy đâu”.

Một hôm, đàn bay trên một cái trại, có những gà mái đang kiếm mồi trong sân gà vịt.

“Đại bàng! Đại bàng!” Các con gà kêu lên và hoảng hốt chạy trốn.

Nhưng Gorgo thường đã nghe gọi những quân hung đồ khủng khiếp là đại

bàng, nên không thể nào nén được cơn tức giận. Nó hạ cánh, bổ thẳng xuống một con gà mái và đâm các móng của nó vào thân hình con gà. “Tao dạy cho mày biết rằng tao không phải là một con đại bàng”, nó khùng lên, vừa thét vừa mổ con gà. Đúng lúc ấy nó nghe tiếng Akka gọi. Ngoan ngoãn, nó bay lên. Ngỗng bay đón đầu để trừng phạt nó. “Mày điên đấy à?” Ngỗng hỏi và mổ nó một cái. “Mày định giết con gà mái tội nghiệp ấy à? Mày không xấu hổ à?”

Thấy đại bàng để yên cho ngỗng mắng mà không hề cãi lại, đám chim liền phá ra cười; tiếng kêu, tiếng cười ào ào như bão. Con đại bàng nghe cười, quay nhìn Akka, tức giận như muốn đánh lại. Rồi bỗng nó rẽ ngoắt, hùng dũng đập đôi cánh, bay vút lên trời, lên cao đến nỗi không còn một tiếng kêu nào thấu đến nơi, và cứ lượn mãi không ngừng cho đến khi đàn ngỗng không thể nào trông thấy nó nữa.

Ba ngày sau, nó lại xuất hiện giữa đàn ngỗng trời.

Nó nói với Akka:

“Bây giờ tôi biết tôi là ai rồi. Bởi vì tôi là một con đại bàng, nên tôi phải sống như những con đại bàng chứ, nhưng đối với tôi thì dù có thể đi nữa, chúng ta cũng không thể kém thân thiện. Không bao giờ tôi tấn công Akka cũng như bất cứ kẻ nào trong dòng giống Akka.” Akka tự cho rằng nuôi dạy một con đại bàng thành con chim hiền lành và vô hại là một điểm danh dự nên không muốn chấp nhận cho Gorgo sống theo ý mình được. Ngỗng nói: “Thế ra anh tưởng là ta sẽ là bạn của một kẻ ăn thịt các loài chim à? Hãy sống như ta đã dạy cho anh, và ta sẽ cho phép anh đi theo đàn”.

Cả hai bên đều tự hào và bất khuất, cả hai bên đều không thể nhượng bộ. Sau cùng, Akka phải cấm không cho con đại bàng đến trước mặt mình; và cơn phẫn nộ của Akka dữ dội đến nỗi chẳng một ai dám nói đến tên Gorgo nữa.

Từ ngày ấy, Gorgo lang thang trong xứ, làm tên côn đồ đáng sợ, cô độc và bị mọi người ghét.

Lắm lúc nó buồn rầu ảm đạm, và có lẽ lắm lúc nó tiếc nhớ cái thời mà nó tưởng mình là một con ngỗng trời và vui chơi với các ngỗng con. Giữa các loài vật, nó đã nổi danh dũng cảm. Người ta nói là trong thế gian nó chỉ sợ có một kẻ: Akka, mẹ nuôi của nó. Người ta lại còn kể rằng nó không bao giờ tấn công một con ngỗng.

Cảnh giam cầm Gorgo mới có ba tuổi; nó chưa hề nghĩ đến việc kiếm một bạn đời và ở yên một nơi nào đó, thì bị một người thợ săn bắt và bán cho

vườn Skansen. Ở đó đã có mấy con đại bàng rồi. Chúng bị giam trong một cái chuồng có chấn song sắt và dây thép bao vây, dựng cao ngoài trời và khá rộng để có thể chứa một đồng đá khá to với hai cái cây. Tuy vậy, ở đây mấy con chim vẫn cứ đau khổ mà mòn mỏi dần. Suốt ngày, chúng cứ đứng một chỗ, bất động. Bộ lông đẹp của chúng mất hết vẻ bóng nhoáng, và thành sù sì, lởm chởm. Đôi mắt chúng dờn sâu vào không gian, đắm đắm một cách tuyệt vọng.

Trong tuần giam cầm đầu tiên, Gorgo còn nhanh nhẹn, linh lợi, nhưng dần dần một nỗi tê liệt trầm trọng làm cho nó cứ thiếp đi. Cũng như các bạn, nó bắt đầu đứng im không nhúc nhích hàng giờ liền, chẳng kể ngày tháng gì hết.

Một buổi sáng nó đang thiu thiu ngủ, theo thói quen thì nghe tiếng gọi từ bên dưới. Khó khăn lắm nó mới giữ được nỗi tê liệt nặng nề, để cúi nhìn xuống đất và hỏi:

- Ai gọi ta đây?

- A Gorgo, cậu không nhận ra mình nữa à? Tí Hon đi với đàn ngỗng trời đây mà.

- Cả Akka cũng bị cầm tù à? Gorgo vừa hỏi vừa cố gắng tập trung ý nghĩ lại, như sau một giấc ngủ dài.

- Không, Akka và ngỗng đực trắng và các ngỗng khác giờ này có lẽ đang ở Lapland cả, chỉ có mình mình bị giam ở đây thôi, chú bé đáp lại.

Nils đang nói thì đã thấy luồng mắt của đại bàng như tắt đi, và trở lại đắm chiêu như trước.

“Này, đại bàng chúa ơi! [\[96\]](#) Mình có thể giúp cậu việc gì không, nói đi”, chú bé kêu lên như thế.

Gorgo hầu như không nhìn chú nữa. Nó nói:

- Đừng quấy rầy mình, Tí Hon! Mình đang mơ màng. Mình đang bay cao tít trên không kia. Mình không muốn bị đánh thức dậy.

- Phải cử động lên chứ, và quan tâm đến những gì xảy ra chung quanh. Nếu không, chẳng mấy chốc cậu cũng sẽ có vẻ thảm hại như các con đại bàng kia vậy thôi. Nils khích lệ nó như vậy.

- Mình muốn được như chúng nó. Chúng đã đi sâu vào mộng tưởng, đến mức chẳng còn cái gì có thể làm chúng động lòng được nữa, Gorgo đáp lại thế.

Đêm đến, trong khi các con đại bàng ngủ thì nghe có một tiếng động nhẹ trên mái chuồng. Hai con đại bàng già chẳng chú ý quan tâm, nhưng Gorgo liền tỉnh dậy. Nó hỏi:

- Ai trên mái ấy?

- Tí Hon đây mà, Gorgo à. Mình đang giữa mấy sợi dây thép để cho cậu có thể bay đi.

Đại bàng ngẩng đầu lên, và trong ánh đêm sáng trông thấy chú bé. Nó nảy ra chút hi vọng, nhưng tức khắc lại rã rời, tuyệt vọng như trước.

- Mình to lớn thế này, Tí Hon à, nó nói, cậu làm sao mà có thể giữa đủ dây thép cho mình ra lọt được? Tốt hơn là đừng nhọc sức, và cứ để mình ở đây thôi.

- Ngủ đi! Đừng lo cho mình! Chú bé nói, không chịu ngả lòng. Mình sẽ giải phóng cậu trước khi cậu hoàn toàn là kẻ bị bỏ đi.

Gorgo lại đắm mình vào giấc ngủ; đến khi thức dậy thì thấy nhiều sợi dây đã bị giữa xong. Ngày hôm đó nó ít lịm đi hơn những hôm trước. Nó tập dượt đôi cánh một chút, bay bay giữa các cành cây để cho tứ chi đỡ cứng nhắc.

Một buổi sáng, đúng lúc ánh đầu tiên của bình minh vừa sáng lên dưới bầu trời, thì Tí Hon đánh thức nó dậy.

“Giờ hãy chui thử ra xem, Gorgo!”

Con đại bàng ngẩng đầu lên. Chú bé đã cắt được một lỗ to giữa lưới dây thép. Gorgo cử động đôi cánh, rồi ngã xuống trong chuồng, nhưng cuối cùng cũng gỡ mình ra được, và chui lên.

Hùng dũng, nó bay vút đến tận tầng mây. Chú bé Tí Hon nhìn theo, buồn man mác, những mong có ai đến trả lại tự do cả cho mình nữa. Chú nghĩ: - Mình mà không bị ràng buộc vì lời hứa, thì mình tìm được ngay một con chim nào đó, để đưa mình về với đàn ngỗng quá đi chứ. Có lẽ người ta sẽ ngạc nhiên vì Klement Larsson đã không trả lại tự do cho gia thần, nhưng phải nhớ rằng người nhạc công nhỏ nhắn kia, đầu óc đã rối loạn như thế nào, lúc rời bỏ vườn Skansen. Tuy vậy, sáng hôm ra đi, ông ta đã nghĩ đến gia thần; nhưng không may, ông ta không kiếm được một cái bát màu xanh. Và tất cả những ai ở Skansen: những người Lapps, những cô gái trẻ, những người làm vườn và những người làm thợ, tất cả đều đến từ biệt ông ta. Lúc ra đi, vẫn chưa kiếm được một cái bát màu xanh, ông liền nhờ một người Lapps già giúp mình. Ông ta thổ lộ rằng: “Ở Skansen này có một gia thần.

Sáng nào tôi cũng cho thần ăn. Bác cầm lấy mấy xu, mua hộ một cái bát màu xanh. Sáng mai bác xúc ít thức ăn vào, đem để dưới tam cấp cái nhà Bollnäs”. Người Lapps có vẻ rất ngạc nhiên, nhưng Klement không đủ thì giờ giải thích dài, vì đã đến lúc phải ra ga.

Thế là người Lapps, quả có xuống dưới phố để thực hiện lời hứa với Klement, nhưng mà không kiếm ra một cái bát màu xanh; cho được việc, ông ta bèn mua một cái màu trắng, và sau đó cứ sáng sáng, chẳng sót buổi nào, xúc thức ăn vào, đem để ở chỗ Klement đã chỉ.

Làm sao Klement đã ra đi mà Nils còn bị giữ lại ở Skansen vì lời hứa của mình, việc như thế đấy.

Đêm hôm trước, chú bé khát khao tự do hơn bao giờ hết, vì mùa xuân và mùa hè đã đến thực sự rồi. Mặt đất đã xanh um, các cây dương, cây phong đã giương lên những tán lá mượt mà, các cây xori và nhiều cây khác đều nở hoa, các cây sồi cẩn thận mở ra những chiếc lá nho nhỏ, các thứ đậu và bắp cải mọc lên ở các luống trong vườn Skansen.

“Được ngao du trong bầu không khí ấm áp, trên lưng ngỗng đực, một ngày đẹp trời, và nhìn xuống mặt đất trang hoàng, tô điểm cỏ xanh với hoa thắm thì thích biết mấy!”

Ngồi trên nóc chuồng chim, chú nghĩ đến những điều đó thì bỗng dẫu con đại bàng hạ xuống như một mũi tên, và đậu bên cạnh chú.

Nó nói rõ ý nó: - Mình chỉ muốn thử xem đôi cánh còn sức nữa không. Cậu không tin là mình bỏ cậu lại trong cảnh giam cầm đấy chứ? Mình mong thế lắm. Leo lên lưng mình, và mình đưa cậu đến với các bạn đồng hành của cậu.

- Không thể được, Nils thờ dài nói. Mình đã hứa ở lại đây, cho đến khi người ta trả tự do cho mình.

- Cậu nói gì vậy? Gorgo thốt lên. Người ta đã đưa cậu đến đây bằng vũ lực, rồi người ta ép buộc cậu phải hứa hẹn, thế mà cậu lại cho là phải buộc mình vào một lời hứa cưỡng bức như thế ư?

- Mình cảm ơn lòng tốt của cậu, nhưng mà lời hứa này mình phải giữ chứ. Cậu chẳng thể làm gì cho mình được đâu.

- Mình không thể làm gì được à? Rồi ta sẽ thấy, Gorgo nói:

Đúng lúc ấy, nó tóm lấy Nils Holgersson với những cái móng khỏe mạnh của nó, mang chú bay vút lên tận tầng mây, và biến mất về phía bắc.

Ngày hội rừng^[97]

Thứ tư, 15 tháng sáu

Bay đã xa rồi đại bàng mới dừng lại, ở phía bắc Stockholm, hạ xuống một ngọn đồi và xòe móng ra. Vừa được tự do, Nils liền cố hết sức chạy thật nhanh về Skansen.

Đại bàng nhảy một cái, bắt chú lại và để chân lên người chú, nó nói:

- Tí Hon này, giờ thì cậu phải hiểu rằng tại sao mình muốn dẫn cậu về với đàn ngỗng trời. Mình có nghe nói là cậu được Akka rất quý, mình muốn là cậu nói hộ với Akka tha lỗi cho mình.

- Mình rất muốn giúp cậu, Gorgo à, Nils nói, nhưng mình phải giữ lời hứa.

Thế rồi, đến lượt chú kể lại là Klement Larsson đã chuộc chú lại khỏi tay cái anh dân chài, và đã ra đi mà không giải lời hứa cho chú như thế nào.

Nhưng đại bàng vẫn không chịu bỏ dự định của mình, nó nói:

- Đây, nghe kĩ mình nói đây, Tí Hon à! Đôi cánh mình có thể đưa cậu đi bất kì đâu, và đôi mắt mình trông thấy tất cả mọi thứ. Mình biết cách tìm lại Klement quá đi chứ; rồi cậu sẽ thu xếp với ông ta. Đó là việc của cậu.

Nils rất tán thành đề nghị đó.

“Mình thấy ngay, Gorgo à, là cậu đã có một bà mẹ nuôi hiền đức như mẹ Akka núi Kebnekaise”. Rồi chú thêm rằng chú có nghe nói là Klement quê ở tỉnh Hälsingland. “Vậy thì chúng ta sẽ tìm khắp tỉnh Hälsingland, từ Ljungby cho đến tận Mellansjö. Và mình nghĩ rằng chiều mai thế nào cậu cũng có thể thỏa thuận được với người ấy”, Gorgo nói như vậy.

Họ lại lên đường, lần này thì tâm đầu ý hợp lắm. Nils ngồi lên lưng đại bàng và chim đưa chú đi rất nhanh, qua suốt cả tỉnh Gästrikland.^[98]

Đến miền rừng ở khu phía bắc tỉnh, Gorgo hạ xuống, đậu trên đỉnh một quả núi trơ trụi, và khi chú bé đã đặt chân xuống đất, nó liền bảo chú:

- Đây có con mồi, và mình chỉ cho là mình thực sự tự do sau khi đã đi săn về. Trong lúc đó thì cậu làm gì tùy ý, nhưng hãy có mặt ở đây lúc mặt trời

lặn.

Ở một mình trên núi, chú bé khá hoang mang. Chú ngồi xuống một tảng đá, nhìn ngọn núi trọc lốc và những rừng đại ngàn bên dưới. Ngồi đấy chưa lâu thì chú nghe người hát trong rừng, và thấy có cái gì màu nhạt đi lên giữa các thân cây. lát sau chú nhận ra một lá cờ xanh và vàng,^[99] và qua tiếng hát và tiếng huyền não vui vẻ, chú biết rằng lá cờ dẫn đầu một đoàn người mà chú chưa thể thấy rõ. Lá cờ đi lên dọc theo những đường nhỏ quanh co. Nó đi đâu? Nó có tình cờ lên cái cao nguyên khô sỏi, trơ trụi mà Nils đang ngồi đấy không? Trong lúc ấy thì lá cờ hiện ra ở bìa rừng, có tất cả những người mà nó dẫn đường cho, đi theo. Đầu người lơ lơ như kiến, và náo nhiệt quá chừng, đến mức Nils chẳng có thì giờ để mà buồn, dù chỉ một khắc.

Trên lưng rộng của quả núi mà Gorgo đã để Tí Hon lại, đầu mười năm trước đã xảy ra một đám cháy. Những thân cây cháy thành than đã bị dẫn và lấy đi. Quả núi dựng lên, trọc lốc và hoang vu khủng khiếp. Những gốc cây đen ngòm, chen lẫn đá tảng, chứng tỏ rằng thuở trước ở đây có rừng, nhưng giờ chẳng hề thấy ở đâu có những mầm non từ đất nhú lên cả.

Người ta lấy làm lạ rằng núi không có rừng mọc lại, nhưng người ta quên rằng lúc cháy rừng thì đất đã bị hạn hán lâu ngày rồi. Vì vậy không những thân cây gỗ cháy sạch, mà cháy cả thạch thảo và rêu, nham lê và đào kim nương^[100] nữa, nghĩa là tất cả cây cỏ. Nhưng chính cái lớp đất không được dày phủ trên mặt đá núi, đã khô lại và tơi ra như tro. Hơi có tí gió là đất đã bốc lên thành lốc. Và quả núi bị tất cả mọi thứ gió quét đến, chẳng mấy chốc mà lộ cả bộ xương bằng đá ra. Nước của các cơn mưa lại còn góp phần cuốn trôi đất đai; và từ mười năm rồi, mà gió với nước đã chung sức nhau để quét hết, nên quả núi đã thành trần trụi và trọc lốc, đến mức người ta có thể tin rằng nó sẽ cứ như vậy cho đến lúc tận thế.

Nhưng mà một hôm, người ta đã triệu tập tất cả trẻ em của xã đến trước một nhà trường, mỗi trẻ vai vác một cuộc chim hay một cái mai, và tay xách một làn thức ăn. Đội quân nhỏ khởi hành lên núi, lá cờ đi trước, các thầy giáo, cô giáo đi cùng, và theo sau là hai người gác rừng và một con ngựa kéo chiếc xe đầy những cây thông con và hạt cây bách.

Đám rước dài ấy đi theo những đường nhỏ lâu đời, lên các nhà gỗ mùa hè; những con cáo ngạc nhiên thò mõm ra khỏi hang, và tự hỏi những kẻ chăn nuôi không có gia súc kia là những ai thế. Họ đi qua những quãng rừng thưa, nơi có những lò đốt than cũ; và những con chim sẻ mỏ treó tự nhủ: “Những người đốt than mới này là ai thế?”

Sau cùng, cả đoàn đến trên ngọn núi cháy. Ở đây những phiến đá trải ra trần trụi, không còn được phủ những vòng cây lá mảnh mai ngày trước nữa; những khối đá rắn cũng đã mất lớp vỏ rêu bạc óng đẹp và lớp địa y, mà những con nai phương Bắc thường ăn.^[101] Nước tù màu đen đọng lại ở những chỗ lõm của các khối đá, chẳng có tí chua me nào mọc chung quanh. Những chút đất còn lại trong các khe đá chẳng có cỏ tế, cũng chẳng có cỏ móng nai trắng, cũng chẳng có chút gì trong các thứ màu lục, màu đỏ, nhẹ nhàng, tế nhị, duyên dáng thường hợp thành lớp thảm phủ lên mặt đất rừng.

Có thể nói rằng, một tia mặt trời đã chiếu sáng quả núi màu xám, khi các trẻ em của xã tỏa ra trên đó. Vì là người ta được thấy ở đây cái gì mảnh dẻ, vui vẻ, hồng hào, cái gì trẻ trung và linh hoạt!

Khi đám trẻ đã nghỉ ngơi và được các làn thức ăn làm cho lại sức rồi, thì chúng liền vác cuốc, vác mai lên. Người gác rừng bảo cho chúng cách trồng những cây thông con ở bất kì đâu mà chúng có thể tìm được một tí mùn. Vừa trồng cây, đám trẻ vừa trò chuyện với nhau, vẻ trịnh trọng và thành thạo, về sự quan trọng của việc chúng làm. Các cây thông con sẽ làm cho mùn dính kết lại, và ngăn không cho gió thổi bay đi. Rồi sẽ sinh ra lớp mùn khác ở dưới các gốc cây; các hạt cây sẽ rơi xuống đây, rồi vài năm sau người ta sẽ hái quả phúc bồn và quả việt quất^[102] ở nơi mà ngày nay chỉ có đá trần trụi. Rồi những cây nhỏ sẽ thành cây to, mà có thể là một ngày nào đó người ta sẽ dùng để làm nhà cửa và đóng những chiếc tàu đẹp.

Đám trẻ nói: “Chúng mình mà đến đây hôm nay quả thật là may mắn, vì còn lại một ít đất trong các chỗ trũng. Chạm thêm một chút thì muộn quá mất rồi”. Và thế là chúng cảm thấy sâu sắc sự quan trọng của chúng.

Trong khi con họ làm lụng, thì cha mẹ tò mò tự hỏi là liệu chúng có làm được gì không. Tất nhiên là bảo những nhóc con như thế đi trồng rừng thì chỉ là một chuyện đùa; nhưng mà đi xem chúng ra tay mới thật là buồn cười. Và thế là ông bố với bà mẹ cũng khởi hành lên núi. Ở trong rừng, họ gặp những bố mẹ khác.

- Các vị lên trên ấy đấy à?
- Đúng, đúng.
- Để xem bọn trẻ đấy chứ?
- Chúng tôi cũng thế.
- Chắc chúng cũng chỉ chơi đùa thế thôi.
- Ôi! Chưa trồng được mấy cây, chúng đã mệt rồi!

Và thế là bố và mẹ đã đến trên ấy. Trước tiên họ chỉ thích thú nhìn ngắm tất cả những khuôn mặt xinh xắn, bé nhỏ, hồng hào, lẫn vào giữa những tảng đá xám. Rồi họ chú ý đến công việc chúng làm; trong khi vài ba trẻ trồng những cây con, thì những trẻ khác kẻ luống và gieo hạt, những trẻ khác đi nhổ thạch thảo, để về sau các cây nhỏ khỏi bị bóp nghẹt. Đám trẻ lao vào công việc thật là tận tình.

Nhìn một lúc, rồi bố cũng bắt đầu nhổ thạch thảo giúp con một tay. Thế rồi, chẳng mấy chốc tất cả những người lớn đã bị hút lên đây vì tò mò, đều cùng làm với con họ cả. Đối với đám trẻ, niềm vui thú đã tăng lên gấp đôi. Và chẳng mấy chốc mà toàn xã đã tập hợp cả trên núi, và làm cật lực. Chắc chắn rằng gieo hạt xuống cánh đồng của mình trong mùa xuân, mà nghĩ đến những bó lúa mì tốt đẹp sẽ từ đất mọc lên, là một niềm vui thích thú, nhưng mà cái công việc này còn thu hút người ta gấp bao nhiêu lần nữa!

Từ vụ gieo hạt này, sẽ không phải là những thân cây xanh yếu đuối mọc lên, mà những thân cây khỏe mạnh, mang những cành nhánh mập mạp. Vụ gieo hạt này sẽ không làm sinh ra một vụ gặt hái chỉ một mùa hè mà làm sinh ra cây cối của rất nhiều năm. Vụ gieo hạt này sẽ thức dậy trên núi tiếng vo ve của các loài côn trùng, tiếng hót của những con sáo, trò vui chơi của những con gà rừng, tất cả cảnh náo nhiệt của đời sống trên cao nguyên hoang vắng. Và vụ gieo hạt này tựa hồ một đài kỉ niệm dựng lên cho những thế hệ mai sau. Đáng lẽ người ta để lại cho họ một ngọn núi trần trụi và ảm đạm, thì họ lại được kế thừa một khu rừng xanh tốt, đáng tự hào. Cháu chắt nghĩ đến điều đó, sẽ hiểu rằng tổ tiên họ đã là những người hiền minh và nhân hậu, và sẽ nhớ tới tổ tiên với lòng tôn kính và biết ơn.

Qua miền rừng^[103]

Lời hứa được giải

Thứ năm, 16 tháng sáu

Ngày hôm sau, Nils đi qua Hälsingland. Tỉnh này trải ra, tươi sắc xuân. Dưới mắt chú, những cây tùng, cây bách đã giương cao những cành non xanh tươi, những cây bạch dương ở các cánh rừng con phô những chồi mềm mại, các bãi cỏ một màu xanh mới, và các cánh đồng một thảm lúa mì non. Vùng này hiểm trở và nhiều rừng, nhưng có một thung lũng chạy qua, trải dài ra hết sức quang đãng, và từ lũng đó còn có những lũng khác chạy rẽ ra, cái thì hẹp và ngắn, cái thì rộng và dài.

“Cái vùng này xanh như một ngọn lá, và các thung lũng chia ra thành nhánh trông tựa những đường gân của một ngọn lá”, Nils nghĩ như vậy.

Giữa thung lũng trung tâm là một con sông mà nhiều khúc mở rộng ra thành hồ. Hai bờ sông là những bãi cỏ, tiếp đến những cánh đồng ở cao hơn một ít; và trên cùng, trước bìa rừng, mọc lên những ấp trại, to và xây chắc chắn, và kế tiếp nhau không có khoảng cách. Nhà thờ thì dựng lên ven sông và làng mạc quây quần chung quanh.

Vùng này đẹp. Chú bé tha hồ ngắm cảnh vì con đại bàng bay ngược thung lũng này đến thung lũng khác, đi tìm nhạ công nhỏ nhắn Klement Larsson.

Vì buổi sáng đến nhanh, nên nhiều trại nhộn nhịp khác thường. Cửa các chuồng gia súc mở rộng hai cánh, người ta cho súc vật ra. Những con bò cái đẹp, lông nhạt, vóc nhỏ, nhanh nhẹn, dáng đi vững vàng, vui vẻ và nhảy nhót. Rồi đến bê và cừu, vui mừng được ra ngoài sau mùa đông dài, chúng nhảy từng bước, rồi nhảy tứ tung. Những cô gái, lưng đeo túi, chạy giữa đám gia súc.

Một chú bé, cầm chiếc sào dài, cố ngăn cho cừu chạy tán loạn. Một con chó lẳng xẵng tiu tít giữa đám bò cái, hét sủa to đến kêu như một con cún. Người chủ trại thắng con ngựa vào chiếc xe chở vỏ thùng đựng bơ, phen để phơi pho-mát và thức ăn dự trữ. Ai ai cũng cười và hát khê, người người vui sướng chẳng kém gì gia súc.

Sau cùng người ta lên đường đi vào rừng. Một cô gái, đi trước mọi người, chốc chốc lại cất tiếng gọi lạnh lạnh. Đám gia súc đi theo cô ta. Anh chăn bò và con chó chạy lăng xăng, xem kỹ không bỏ một con vật nào tụt lại sau. Bác nông dân và anh người nhà đi sau cùng, mỗi người giữ một bên chiếc xe cứ nảy lên trên con đường hẹp đầy những sỏi.

Hôm nay đúng là ngày mà theo tập quán, các chủ trại ở Hälsingland gửi những đàn gia súc của họ lên sống mùa hè trên núi, vì từ mỗi thung lũng người ta thấy những đoàn vui vẻ như thế đi lên và vào sâu trong các khu rừng. Từ trong rừng sâu âm u, suốt ngày nghe vang tiếng gọi của các cô gái chăn cừu và tiếng những chiếc nhạc lạnh lạnh.

Gần tới người ta đến những quãng rừng thưa, ở đây có dựng lên một cái chuồng thấp và hai hay ba túp lều mái xám. Vừa vào miếng đất hẹp có hàng rào chung quanh là các con bò cái kêu lên vui vẻ, vì nhận ra bãi cỏ mùa hè của chúng; và thế là ăn ngay cái thứ cỏ mềm mại và ngon lành ấy. Người ta mang vào một túp lều các thứ đã chất trên chiếc xe, với nước và củi. Rồi chỉ một chốc là khói từ lò sưởi tỏa lên và các cô con gái, chú bé chăn bò và mấy người đàn ông đã ngồi ăn quanh một phiến đá bằng phẳng.

Gorgo, chim đại bàng tin chắc là sẽ tìm ra người nhạc công nhỏ nhắn trong cái đám người đi lên các nhà gỗ ấy. Nhưng thời giờ cứ trôi qua mà không thấy ông ta đâu cả. Sau khi đã lượn trên cả vùng, theo đủ mọi hướng, đêm xuống thì đại bàng đến một chiếc nhà gỗ hẻo lánh trên núi cao. Người và súc vật vừa mới đến đây. Đàn ông thì hái củi, các cô gái ở các trại thì vắt sữa bò.

Gorgo nói: “Nhìn kia! Mình chắc là ông ta đây”.

Nó hạ xuống rất thấp, và Nils, không khỏi ngạc nhiên phải công nhận là nó nói đúng. Quả thật, ông Klement Larsson nhỏ nhắn đang bỏ củi phía trong hàng rào của chiếc nhà gỗ.

Gorgo đỗ xuống một cái cây hơi xa các túp lều một chút.

Nó nói: “Mình đã làm xong điều mình hứa. Giờ thì cậu cố mà thu xếp với con người đó đi. Mình chờ cậu ở đây, trên ngọn cây tùng rậm rạp này”.

Trong chiếc nhà gỗ công việc ban ngày đã xong, bữa tối cũng đã ăn rồi, và người ta đang chuyện trò với nhau. Đã lâu lắm rồi người ta không được trải qua một đêm hè trong rừng, nên người ta chẳng muốn đi nằm chút nào. Vả lại trời cứ sáng như giữa ban ngày. Chốc chốc các cô gái để rơi đồ may vá xuống, nhìn ra phía rừng, và mỉm cười một mình.

“Chúng mình lại một lần nữa lên đây!” Họ vừa nói vừa thở ra khoan

khoái. Cảnh nhộn nhịp của thôn xóm mờ dần trong trí họ và rừng bao phủ họ trong cảnh thanh bình sâu xa. Lúc ở nhà mà nghĩ rằng mình sẽ sống cả mùa hè một mình trong rừng, họ khó mà hiểu là làm thế nào mà chịu nổi cảnh hiu quạnh, nhưng mà vừa lên các nhà gỗ là họ đã cảm thấy rằng đây là thời gian sung sướng nhất trong đời họ.

Bỗng cô chần cừ lớn nhất ngẩng đầu lên và vui vẻ nói:

- Tôi cho rằng tối hôm nay chúng ta không nên cứ ngồi im thế này, khi chúng ta có trong bọn ta một tay kể chuyện như Klement Larsson. Bác ta mà kể cho bà con một câu chuyện hay thì tôi sẽ biếu cái khăn quàng cổ đang đan đây.

Đề nghị đó được hoan hô, tán thành, và Klement không để người ta phải yêu cầu nhiều.

“Bấy giờ ở Stockholm, khi đang ở vườn Skansen thì một hôm tôi nhớ quê nhà”, ông ta bắt đầu kể; và ông ta kể chuyện chú tumtê mà ông ta đã chuộc để cứu chú khỏi cảnh giam cầm, giật chú ra khỏi cảnh tủi nhục bị nhốt trong lồng cho tất cả những kẻ vô công rồi nghề đến ngấm. Rồi ông ta kể nghĩa cử của ông ta đã tức khắc được thưởng như thế nào. Mọi người theo dõi chuyện của ông ta kể với nỗi bàng hoàng, mỗi lúc một tăng; và khi đến chỗ người thi vệ đem cho ông ta cuốn sách của nhà vua tặng, thì các cô gái để rơi hết đồ khâu vá và nhìn sững sốt kinh ngạc cái con người đã gặp được những việc lạ lùng đến thế. Tất cả mọi người liền kính nể Klement một cách khác hẳn: này nghĩ xem! Ông ta đã nói chuyện với quốc vương! Bỗng có ai hỏi là ông ta đã đem làm gì chú tumtê nọ.

Ông trả lời: “Tôi không có thì giờ tự mình đi mua một cái bát màu xanh. Nhưng tôi đã giao việc ấy cho ông lão Lapps. Sau đó rồi ra sao tôi chẳng biết gì nữa”.

Klement vừa nói mấy lời đó thì một quả thông nhỏ liền bay đến đập vào đầu mũi ông ta. Chẳng có ai ném quả ấy cả.

Người đàn bà chần bò nói: “Ấy, ấy, Klement! Người ta nói hình như “tộc đoàn những kẻ bé nhỏ” nghe hết những gì chúng ta nói. Đáng lẽ bác không nên giao cho một kẻ nào khác việc sắm cái bát màu xanh cho tumtê mới phải”.

Mùa màng của rừng [\[104\]](#)

Thứ sáu, 17 tháng sáu

Sáng hôm sau, đại bàng và Nils lên đường rất sớm và Gorgo tính rằng ngày hôm đó phải đi được rất xa trong tỉnh Västerbotten.^[105] Nhưng bỗng Nils quả quyết là trong một vùng như họ đang bay qua, thì người ta không thể nào sống nổi.

Cái vùng ở bên dưới chẳng là vùng nào khác miền nam tỉnh Medelpad, và có thể nói là ở đây người ta chỉ thấy những rừng hoang không thể ở được. Nhưng mà đại bàng đã kêu to lên ngay:

“Họ chỉ có rừng thay đồng ruộng!”

Nils nghĩ đến cái khác nhau giữa những cánh đồng lúa mạch, bông lúa trĩu và mềm mại, mọc từ đất lên chỉ trong một mùa hè mà thôi, với những rừng bách âm u kia, thân cây cứng đờ, phải bao nhiêu năm mới già.

Chú nói: “Họ phải nhẫn nại, những ai muốn kiếm được cái để sống ở một cánh đồng như thế!”

Nils với đại bàng chẳng nói gì thêm trước khi đến một chỗ mà rừng đã được khai thác. Trên mặt đất chỉ còn lại vài gốc cây và những cành đã chặt, và Nils phàn nàn về vẻ xấu xí và nghèo khổ của những chốn này.

“Đây là một cánh đồng người ta đã cắt cỏ từ mùa đông vừa qua”, đại bàng nói thế.

Nils như thấy lại trong trí người cắt cỏ ở quê mình; với những chiếc máy của họ, những đêm hè trời sáng chỉ nhoáng một cái là cắt xong một cánh đồng mênh mông. Rừng thì ngược lại, phải cắt trong mùa rét. Những thợ rừng đi làm giữa mùa đông, trong lúc một lớp tuyết dày đang phủ kín đất, và cái rét đang gay gắt nhất.

Hạ chỉ một cái cây thôi cũng đã là việc gian khổ, và muốn khai phá một khoảng rộng như vừa đi qua thì những người đó phải cắm lại trong rừng nhiều tuần lễ.

Nils thở dài và nói: “Người ta phải kiên nhẫn và cần cù đến đâu mới cắt được một cánh đồng như thế!”

Đại bàng vỗ cánh mấy cái, và họ nhìn thấy một cái nhà nhỏ ở bìa khu rừng thưa. Nhà làm bằng những khúc gỗ thông đẽo qua loa. Không có cửa sổ, mấy cành cây lung lay dùng làm cửa. Mái bằng cành và vỏ cây đã sập, và Nils nhìn thấy qua các lỗ thủng những phiến đá to ghép làm bếp, và hai cái ghế dài bằng gỗ.

- Cái nhà này là một túp lều tồi tàn, ai mà có thể nhẫn nhục ở đây được?

- Những thợ rừng đã ở đây.

Lần nữa, Nils nhớ lại những thợ gặt ở quê mình, công việc xong là trở về vui vẻ. Mẹ chú mời họ uống những thứ ngon nhất trong hầm rượu. Ở đây, làm xong công việc nặng nhọc, người ta lại phải ngủ trên những ghế gỗ cứng, trong một túp lều còn tệ hơn một nhà kho để lúa mới gặt. Và Nils tự hỏi không biết là họ ăn gì. “Mình rất lo là họ không được hưởng những ngày hội gặt hái”. Xa tí nữa, họ trông thấy một con đường thăm hại đi vào phía trong rừng. Hẹp và dốc đứng, toàn uốn lượn, toàn những đoạn ngoằn ngoèo, lởm chởm đá và đầy những rãnh bánh xe do việc chuyên chở để lại. Ở nhiều chỗ, những dòng khe chảy băng qua đường.

Đang bay trên con đường rừng ấy, đại bàng nghe Nils nói:

- Chẳng biết người ta có thể chở hàng gì trên một con đường như thế?

- Chính qua con đường đó người ta mang về mùa màng của rừng, đại bàng đáp lại.

Lần nữa, Nils lại nhớ đến những ngày vui vẻ, khi mà người ta chở những gì gặt hái được về nhà, với những chiếc xe thắng những con ngựa khoẻ mạnh. Người đánh xe ngựa ngồi chễm chệ, chót vót trên đồng lúa. Những con ngựa linh lợi đi, điệu bộ như công múa; và đám trẻ con được người ta cho leo lên trên các lượm lúa, tha hồ cười đùa, la hét, nửa phần khoái chí, nửa phần lo ngại. Ở đây, người ta chở những thân cây nặng trên những con đường cheo leo và gập ghềnh. Chắc là ngựa phải kiệt sức, thợ rừng thường không tránh khỏi nản lòng.

“Tôi rất lo là trên cái con đường đó, chẳng có gì vui”, Nils nói vậy.

Đại bàng hùng dũng bay, và vài phút sau, các khách lữ hành đã ở trên một bờ sông, phủ đầy những vỏ bào, cành con và cỏ cây. Nils ngạc nhiên về cảnh hỗn độn ở đây.

Đại bàng nói: “Trên bờ này người ta đã đánh thành đồng những gì gặt hái được”.

Nils nhớ lại là ở quê nhà mình người ta thu xếp hạt lúa ở ngay cạnh nhà, như thể vật trang trí đẹp nhất của ngôi nhà. Ở đây người ta đem mùa màng đến một bờ sông hoang vắng, và bỏ lại đấy. Chú nghĩ: “Những người ở vùng hoang dã này có xuống đến bờ sông để đếm các đồng của họ, và so sánh với các đồng của láng giềng không?”

Một lát sau, họ đến gần con sông lớn Ljungen, nó đã tự đào ra một thung lũng rộng, và tức thì mọi thứ đều thay đổi hết.

Rừng bách âm u đã dừng lại trên sườn núi, phía trên thung lũng; dưới thấp một tí người ta thấy những cây bạch dương thân trắng và những cây hoàn diệp liễu. Thung lũng khá rộng để cho lòng sông lan ra thành nhiều chiếc hồ. Trên bờ, một cái làng đẹp rải ra những ấp trại trù phú và xây dựng chắc chắn.

Và lại lần nữa, đại bàng nghe người khách của mình nói.

- Làm sao mà đồng lúa và bãi cỏ chung quanh có thể nuôi đủ dân đông đến thế này?

- Chính đây là nơi thợ rừng cắt những cánh đồng của rừng xanh, đại bàng trả lời như vậy.

Chú bé lại nhớ đến những chiếc nhà thấp ở tỉnh Skåne, và những ấp nhỏ mà tất cả các tòa nhà đều vây quanh một cái sân. Ở đây thì nông dân ở những ngôi nhà như của chúa ấp, và chú lẩm bầm một mình: “Rõ ràng có thể nói rằng làm lụng trong rừng lợi thật”.

Đại bàng bay thẳng lên phía bắc. Nhưng mới được một đoạn đã nghe tiếng Nils hỏi người ta có thể dùng làm gì được những thân cây đánh đồng trên bờ kia? Gorgo quay lại và bay sang phía đông, dọc theo dòng sông. Nó nói: “Ấy, con sông sẽ chở những thân cây và đưa về nhà máy”.

Chú bé nhớ lại là ở quê mình người ta cẩn thận không bỏ mất một hạt lúa. Ở đây, những khối gỗ khổng lồ trôi nổi trên mặt nước mà chẳng một ai quan tâm đến cả. Theo chú nghĩ thì không thể nào mà già nửa số gỗ kia về tới đích được. Có những khúc xuôi ở giữa dòng thì mọi việc trôi chảy. Nhưng những khúc khác bị đẩy vào bờ, sẽ mắc cạn tại những vùng nước tù, ở các chỗ bờ sông lõm vào. Còn các mặt hồ thì toàn thể bị phủ kín dưới khối cây gỗ to lớn, có lẽ đã đứng yên ở đó trong một thời gian chẳng ai tính được. Nhiều thân cây bị kẹp chặt vào các đập ở các bến sông, lắm khi gãy luôn ở đấy. Ở các thác, đá chắn gỗ lại, và thế là hợp thành những giàn giáo mênh mông và lung lay.

“Phải bao nhiêu lâu cái mùa màng này mới đến được cối xay?” Nils tự hỏi vậy.

Đại bàng tiếp tục bay từ từ, xuôi theo dòng sông Ljungen. Nhiều lần nó dừng lại, cánh dang ra, để cho Nils thấy người ta đã đem cái mùa màng ấy làm gì. Ít lâu sau, đại bàng và người khách của nó bay trên một đám người chở bè đang làm việc, và lại nghe thấy Nils lẩm bầm:

“Những người đi ra xa bờ thế kia là những ai thế? Chính họ phải lo đến cái phần mùa màng đã đi lạc lối đó”.

Chú bé lại nghĩ đến những thợ gặt ở quê mình, đưa mùa màng về nhà bình yên hết sức, chẳng chút nguy hiểm gì. Ở đây, người ta nhảy trên những cây gỗ và dùng những cây liềm dài, kéo gỗ bắt trở lại giữa dòng nước thuận lợi. Vì bì bõm mãi dưới nước dọc bờ sông, họ ướt sũng từ đầu đến chân. Họ nhảy từ tảng đá này sang tảng khác rất xa, trên các dòng thác, nhưng họ cũng đi lại trên các đồng gỗ trôi lung lay, mà yên lành chẳng khác gì đi trên đất liền.^[106] “Nhìn họ, mình không thể không nghĩ đến những thợ sắt ở vùng các lò đúc thép cứ cầm lấy lửa như là một cái thứ hoàn toàn vô hại. Những người chở bè này đùa với sóng nước! Có thể nói là họ làm chủ sóng nước, và họ không có chút gì phải sợ cả, vì đã dứt khoát thuần hóa được sóng nước rồi!”.

Đại bàng và Nils bay đến cửa sông, và vịnh Bothnia^[107] mở rộng ra trước mặt. Nhưng Gorgo không bay tiếp theo đường thẳng, mà men theo bờ biển lên phía bắc. Các lữ khách trông thấy ngay ở bên dưới một nhà máy cửa, rộng bằng một thành phố nhỏ. Đang bay, đại bàng nghe Nils nói to lên rằng đây thật là một chốn đẹp tuyệt trần, Gorgo liền nói:

“Đây là nơi xay các thân cây! Người ta gọi nó là Svartvik”.

Nils nghĩ đến các cối xay gió của quê mình, nấu mình yên tĩnh giữa các cây xanh, và quay chậm chạp hết sức những cánh quạt to. Cái cối nghiêng nát mùa màng của rừng này, nằm ngay trên bờ biển. Một khối thân cây đã được vun lại dưới nước. Với những xích sắt và một chiếc cầu nghiêng, người ta đẩy cây này đến cây khác vào một cái nhà xây có vẻ như một kho thóc rộng. Nils không thể thấy cái gì đang xảy ra lúc bấy giờ, nhưng nghe tiếng ầm ầm như sấm.

Phía bên kia cái nhà xây, chú nhìn thấy rõ những xe goòng nhỏ chở đầy ván. Goòng chạy trên những đường ray bóng loáng cho đến công trường; ở đấy ván chất lên thành chồng, xếp thành dãy dài, hợp thành những đường phố thực sự, khác nào những ngôi nhà của một thành phố.

Ở đây người ta chồng những ván mới, ở kia người ta dỡ những chồng cũ, và chất ván xuống những tàu lớn đang thả neo đợi hàng.

Khắp nơi, công nhân đông đúc và nhộn nhịp; nhà họ ở trong rừng, phía sau công trường.

Nils lẩm bẩm; “Ở cái rẻo đất này người ta làm việc như là phải cưa xẻ hết cây của tất cả các rừng trong tỉnh Medelpad!”

Đại bàng vỗ cánh nhẹ nhàng, và Nils lại thấy ngay một nhà máy cửa nữa, gần giống như cái trước. Người ta cũng trông thấy ở đấy một cái nhà đặt máy cửa, một công trường, một bến bốc dỡ hàng, và những nhà ở của công

nhân.

Đại bàng kêu lên: Đây, một máy xay lớn nữa!

Kukikenborg đây!

- Tôi thấy những người gặt hái đã đem từ rừng về mùa màng nhiều hơn tôi tưởng tượng! Nils nói vậy.

Đại bàng lại vỗ cánh. Nó bay qua hai nhà máy cửa nữa, và sau cùng thì bay trên một thành phố lớn, và khi nghe người khách của nó hỏi tên thành phố thì nó nói to:

“Cái trại chính của vùng thả gỗ trôi sông đây!”

Nils Holgersson nghĩ đến những thành phố ở tỉnh Skåne, xám xịt thế, cũ kĩ thế, nghiêm túc thế!

Ở đây, trên miền cực Bắc, thành phố Sundsvall hiện ra ở bờ lõm của một cái vũng, với tất cả vẻ rực rỡ của tuổi xuân xanh, vui vẻ. Thành phố này nhìn từ cao xuống thật đặc biệt thú vị, vì người ta thấy ở chính giữa nhiều công trình kiến trúc bằng đá lộng lẫy, chỉ ở Stockholm mới đẹp như thế mà thôi. Quanh những nhà xây đá, thấy một quầng trống, mà bao quanh là những nhà nhỏ bằng gỗ, xinh xắn, ẩn ở tận cùng những vườn tược, nhưng hình như hiểu rõ rằng mình không thể bằng cách nào sánh kịp những nhà xây đá, và vì thế mà không dám đánh liều đến gần các nhà ấy.

Nils nhận xét: “Đây là một thành phố vừa giàu có vừa cường thịnh! Liệu đất rừng nghèo nàn lại có thể làm sinh ra tất cả cái cảnh lộng lẫy này được chăng?”

Đại bàng vỗ cánh và bay qua đảo Aln ở phía trước Sundsvall. Và chú bé, chưa hết ngạc nhiên này đã đến ngạc nhiên khác, khi trông thấy nhiều nhà máy cửa mọc kín bờ hòn đảo. Các nhà máy chen chúc nhau và phía trước mặt, trên lục địa, nhà máy cửa và công trường cũng xếp thành hàng dài liên tục, Nils Holgersson đếm đến bốn mươi cái, nhưng nghĩ là chắc còn nhiều hơn nữa.

“Quang cảnh vùng này quả thật lạ lùng! Mình chưa trông thấy ở đâu có đời sống như thế này, và cảnh nhộn nhịp như thế này, trong suốt cả chuyến đi của mình! Tuyệt vời thay đất nước của mình! Bất kì ở đâu, mình cũng thấy những cách nuôi sống được con người.”^[108]

Đây miền Bắc^[109]

Người đàn bà cho cái bánh^[110]

Thứ bảy, 18 tháng sáu

Sáng hôm sau, bay được một đoạn trên tỉnh Ångermanland thì đại bàng nói rằng hôm đó chính nó thấy đói và phải đi kiếm cái gì ăn. Nó đặt Nils xuống một cây tùng đồ sộ mọc trên sống một trái núi và ra đi.

Nils ngồi thoải mái trên một chạc ba và từ đó ngắm xem đất Ångermanland.

Phong cảnh thật đẹp. Mặt trời chiếu vàng các ngọn cây. Một ngọn gió nhẹ, khẽ lay cành lá. Rừng tỏa mùi hương dịu dàng, và trước mắt Nils là một cảnh quang đẽ đẽ và cao nhẽ.

Lòng chú tràn ngập niềm vô tư và hoan lạc. Chú nghĩ: “Chẳng một ai có thể sung sướng hơn mình”.

Mắt chú tha hồ nhìn tự do khắp mọi phía. Bên phía tây chỉ toàn là sống núi và ngọn núi, càng ra xa càng cao. Bên đông cũng còn thấy có núi, nhưng cứ thấp dần thấp dần, và chẳng mấy chốc nhường chỗ cho đồng bằng trải ra đến tận biển. Khắp nơi, nào sông nào suối, long lanh ánh sáng. Khi còn chảy giữa các vách núi thì dòng nước cuộn cuộn, thác cao thác thấp chắn ngang, nhưng đến gần biển thì lan rộng ra.

Nils cũng trông thấy cả vịnh Bothnia. Gần bờ, rải rác những đảo đủ mọi cỡ và những bán đảo, nhưng ngoài khơi thì sóng nước màu xanh rực rỡ, khác nào nền thái thanh của bầu trời mùa hạ.

“Vùng này có thể sánh với bờ của một con sông sau một cơn mưa vừa tạnh, Nils nghĩ vậy. Vô số những dòng nước bé tí đào ra ở đây những rãnh di động, rồi hợp lại với nhau. Nhìn đẹp quá chừng! Mình nhớ là ông lão Lapps ở vườn Skansen có nói là trong một giờ hung gở nước Thụy Điển đã bị đảo lộn lung tung. Người ta cười khi nghe ông lão nói rằng giá mà người ta biết vẻ đẹp của các miền ở phía Bắc, thì người ta sẽ hiểu là không thể nào đặt ra vấn đề, ngay từ đầu, là làm cho một miền như thế này mà lại không có cách gì tới được như vậy. Mình rất muốn tin rằng ông lão đã nói có lí”.

Sau khi đã ngắm thỏa thích phong cảnh chung quanh, Nils mở cái túi đi

núi của mình ra lấy một miếng bánh làm bằng bột trắng ngon lành và bắt đầu ăn.

“Chưa bao giờ mình được ăn bánh ngon thế này! Mà còn đủ để khỏi phải đói trong nhiều ngày nữa. Thật ra hôm qua mình có ngờ đâu là có được của cái thế này!”

Vừa ăn, chú vừa nhớ lại cái cách kiếm được bánh.

- Chính vì được ăn bánh ở một chốn đẹp như thế này, mình càng cho là bánh ngon, chắc chắn như vậy!”

Chiều hôm qua, đại bàng chúa từ già tỉnh Medelpad, và vừa bay sang Ångermanland, thì Nils trông thấy một thung lũng và một con sông mà vẻ uy nghi vượt xa tất cả những gì chú đã cảm phục từ trước đến lúc ấy.

Thung lũng mở ra giữa núi non, rộng đến nỗi chú tự hỏi có phải là trong đêm trường của thời quá khứ có một con sông khác rộng lớn hơn và chảy mạnh hơn nhiều, đã đào ra lòng nó giữa các vách núi? Thung lũng đào xong rồi, được bồi đầy cát và sỏi, và trong lớp tơ xốp đó, con sông hiện tại, cũng rộng và sâu, lại vạch ra cái dòng của nó. Bờ sông thật là lăm vè: khi thì thoải thoải nghiêng xuống mặt nước, hoa nở đẹp tuyệt vời, màu đỏ màu vàng lộng lẫy; khi thì đá rắn đến mức sóng nước không gặm nổi, không cuốn đi được, đã dựng lên những bức thành thẳng đứng, những tháp, những lũy sừng sững trên dòng sông.

Bay trên vùng này, thoạt trông Nils có cảm giác là nhìn sâu xuống ba thế giới khác nhau.

Thế giới thứ nhất ở tận đáy thung lũng, cạnh lòng sông, nước sông cuốn các bè gỗ thả trôi, đưa các tàu đi từ cầu tàu này đến cầu tàu khác. Tiếng ầm ầm vang lên từ các nhà máy thép ở các bờ. Người ta chuyển hàng xuống các tàu vận tải, người ta đánh cá hồi, người ta chèo đò, người ta đi thuyền buồm; những đám chim én bay tứ tung.

Nhưng một thế giới khác xuất hiện trên cao nguyên lan rộng đến tận các sườn núi. Ở đây là xóm làng ấp trại, nhà thờ. Ở đây gia súc đi ăn, và đồng cỏ xanh ròn. Ở đây nông dân gieo hạt, đàn bà trồng những vườn rau nhỏ. Những đường bộ lớn chạy ngoằn ngoèo, và những đường xe lửa đặt ray, hết đoạn này đến đoạn khác.

Xa hơn hai thế giới ấy, trên các sườn núi phủ rừng cây, Nils Holgersson nhìn thấy thế giới thứ ba: những con gà rừng ấp trứng, những con nai xù lạnh nấp mình trong những khu rừng rậm; ở đây những con linh miêu^[111] đang rình mồi; những con sóc nhăm nháp những trái hồ đào;^[112] những cây

bách tỏa mùi thơm; những con sáo cất tiếng hót.

Trông thấy thung lũng sung túc kia, Nils bỗng kêu đói. “Mình chẳng ăn chút gì từ hai hôm nay rồi, và sắp chết vì kiệt sức đây!”

Đại bàng không chịu để cho người ta nói là Tí Hon sống với nó mà lại khổ hơn với đàn ngỗng trời, nên nó bay chậm lại.

“Sao cậu không nói sớm? Cậu sẽ được ăn thỏa thích. Không cần phải nhịn đói, khi người ta có một con đại bàng làm bạn đường”.

Lát sau, đại bàng trông thấy một bác nông dân đang gieo hạt trên một cánh đồng, ngay cạnh bờ sông. Bác ta đựng hạt giống trong cái giỏ đeo ở cổ. Mỗi lần hết hạt, lại đến lấy trong một cái bao để ở bờ ruộng. Đại bàng tính là sẽ kiếm được trong bao đó nhiều thứ ăn rất ngon, và Nils sẽ được phục vụ rất tốt.

Thế là con chim sà xuống phía bờ ruộng; nhưng chưa đến đất thì tiếng huyên náo khủng khiếp bỗng nổi lên quanh nó: đó là những con quạ, con chim sẻ, chim én, tất cả đều kêu ầm lên cùng một lúc, vì tưởng rằng đại bàng đến săn mồi: “Cút đi! Cút đi! Đồ kẻ cướp! Cút đi! Đồ giết hại chim chóc!”

Tiếng kêu ầm ĩ đến nỗi người gieo hạt phải để ý, và bác ta vội chạy đến xem có việc gì. Thế là đại bàng bắt buộc phải bay đi, chẳng thể biểu người khách của mình chút gì hết.

Những con chim nhỏ đó kì cục làm sao! Bắt đại bàng phải bỏ trốn, chúng vẫn chưa vừa lòng, lại còn đuổi theo một đoạn nữa, và trong suốt cả thung lũng mọi người đều nghe tiếng kêu của chúng. Đàn bà chạy ra vỗ tay đuổi. Có thể nói là những tràng sủng trường. Đàn ông thì vớ lấy súng.

Sự việc cứ diễn ra đúng như thế mỗi lần mà đại bàng cố sà xuống, và chú bé chẳng còn mong bạn đường có thể cho mình chút gì để nuôi thân. Không bao giờ chú lại ngờ rằng đại bàng mà đáng ghét đến thế, và làm cho người ta khiếp sợ đến thế. Thiếu chút nữa chú đã thương hại Gorgo.

Lát sau, họ bay qua một cái trại lớn. Hình như hôm đó người ta đang nướng bánh trong lò. Bà chủ trại vừa mang ra đặt ngoài sân một liễn đầy bánh bơ^[113] để cho chóng nguội. Bà ta đứng luôn bên cạnh để ngăn chó mèo ăn vụng. Đại bàng hạ xuống cái trại, nhưng không dám đến gần bà chủ. Nó bay qua bay lại, chẳng biết nên làm gì. Một lúc nó ghé xuống, chân chạm vào ống khói lò sưởi, rồi lại bay lên. Bỗng bà chủ trại trông thấy.

Bà ta ngẩng đầu lên và nhìn theo.

“Cái con đại bàng này làm gì thế nhỉ? Hình như nó ngấp nghé bánh của

mình hay sao ấy?”

Cái bà chủ trại đó thật đẹp: cao lớn, tóc vàng, khuôn mặt bóng mịn và trung thực. Bà ta liền cười rất vui, rồi lấy một cái bánh trong liễn, dang thẳng cánh tay giơ cao trên đầu, và nói to lên:

“Này, có thích thì lấy đi!”

Đại bàng không hiểu những lời ấy, nhưng nó đoán biết tức khắc dụng ý của người đàn bà. Nhanh như chớp, nó sà xuống chiếc bánh, quắp lấy, rồi vụt bay lên không. Thấy đại bàng nắm lấy chiếc bánh, chú bé ứa nước mắt. Chú không khóc vì mừng rằng thế là khỏi phải nhịn đói nhiều ngày nữa, mà bởi vì bà chủ trại đã nhin cái bánh, để dành cho con chim ăn thịt hoang dã.

Ngồi trên cây tùng cao, chú nhớ lại hình ảnh người đàn bà đẹp như lúc đang đứng thẳng giữa sân cái trại, cánh tay dang lên đưa cao cái bánh.

Bà ta biết rõ con chim to tướng kia là một con đại bàng chúa, một tên côn đồ, mà người ta thường đón tiếp bằng những phát súng, và có thể là bà ta cũng trông thấy cả con người bé nhỏ kì quái mà nó cõng trên lưng. Nhưng, không nghĩ đến việc hai kẻ kia là cái gì, bà ta đã chia bánh với chúng, ngay cái lúc biết rằng chúng đang đói. “Nếu một ngày nào đó mình được trở lại làm người, mình sẽ đi tìm người đàn bà đẹp đó, bên bờ con sông lớn, để cảm ơn bà ta đã có lòng tốt với chúng mình”.

Cháy rừng Nils ăn chưa xong bữa thì ngửi thấy một mùi thoang thoang từ phía bắc lại. Chú liền quay sang phía ấy và thấy một cột khói mảnh, trắng như một đám mây, đang bốc lên phía trên một trái núi hình yên ngựa. Ngọn khói đó ở giữa những rừng thâm u, thật là một việc lạ. Có thể là ở chỗ đó có một chiếc nhà gỗ miền núi, và những cô gái chăn bò đang đun cà phê buổi sáng.

Trong lúc đó khói tăng thêm và lan ra thật lạ lùng. Không thể cho là nó tỏa ra từ một ngọn lửa nhỏ của một chiếc nhà gỗ được. Vậy thì ở đó có những người đốt than chăng? Nils đã trông thấy ở Skansen, khu bảo tàng ngoài trời ở Stockholm, một cái túp lều và một lò than, và nghe nói là ở miền này có nhiều thứ như thế. Nhưng có lẽ là những người đốt than chỉ làm việc vào mùa thu và mùa đông thôi chứ?

Khói mỗi lúc một tăng thêm. Khói tỏa trên tất cả triền núi. Không thể nào mà khói như thế lại có thể tỏa ra từ một lò than được. Phải từ một đám cháy nào; vì một đám chim đông như đám mây đang bay về phía sống núi gần đấy. Có những chim cắt, những gà rừng, và nhiều chim nhỏ khác, nhỏ đến nỗi từ xa Nils chẳng thể nhận ra loài gì.

Cột khói trắng mỏng mảnh đã biến thành một đám mây dày trắng đục, từ sông núi lan ra khắp cả thung lũng. Tia lửa và những đám muội khói tóe ra, và thỉnh thoảng một ngọn lửa đỏ lóe ra giữa những làn khói cuộn cuộn. Cái đám cháy đang hoành hành điên cuồng đằng kia là một đám cháy dữ dội. Nhưng mà cái gì cháy vậy? Không thể là một cái trại to, nấu ở giữa rừng được. Vả lại chỉ một cái trại đơn độc không thể làm phát ra một đám cháy như thế. Giờ thì khói không chỉ từ núi đến nữa. Khói bốc từ thung lũng ở phía sau sông núi thứ hai lên. Không còn nghi ngờ gì nữa, chính rừng đang cháy vậy. Nils không tài nào tưởng tượng ra là tất cả vùng rừng xanh tươi này lại cháy được, nhưng sự thật đã rành rành; mà lửa đã thiêu rừng rồi không lan đến tận chỗ chú hay sao? Việc đó không chắc, tuy vậy Nils vẫn thấy mong đại bàng trở về quá. Nên ở xa cái tai họa này là hơn.

Chỉ cái mùi khói đã làm cho chú tức thở rồi.

Và đây bỗng nhiên chú nghe thấy tiếng lớp bộp và những tiếng răng rắc khủng khiếp, từ phía cái núi yên ngựa gần nhất truyền đến. Chót vót trên đỉnh là một cây tùng đại thụ, về mọi mặt giống hệt cái cây mà Nils đang ngồi đây. Cái cây cao quá vượt lên trên tất cả mọi cây khác.

Một lát trước đây, Nils thấy nó hồng lên tuyệt đẹp dưới ánh trời mai, và giờ thì cành lá đều rực lên tất cả cùng một lúc: cây tùng đã bén lửa. Chưa bao giờ nó đẹp như thế, nhưng đây đúng là lần cuối cùng mà nó được phô ra cái vẻ huy hoàng.

Cây tùng đại thụ là cây đầu tiên ở trên sông núi bị lửa lan đến, và không thể nào mà hiểu được đám cháy đã lan đến tận nó như thế nào. Đám cháy đã lao tới nó với những đôi cánh rực đỏ hay là đã bò đến nó như một con rắn? Cũng khó mà nói được, nhưng dù sao thì lửa đang thiêu cái cây, và cây cháy như một đồng rơm. Lại còn khói nữa, phụt lên từ nhiều chỗ trên núi. Đám cháy vừa là chim vừa là rắn: nó đến trên không và đồng thời nó bò dưới đất. Chim chóc bay trốn hoảng loạn: chúng vọt lên trên các làn khói cuộn cuộn, trông như những túm mồ hóng to. Chúng bay qua thung lũng và đến trên sông núi, nơi mà chú bé đang vắt vẻo trên cái cây cao. Một con cú to đến đậu cạnh chú, và trên cành cao hơn sà xuống một con cắt. Mọi ngày nào khác thì các láng giềng đó đã rất nguy hiểm đối với Nils, nhưng hôm nay thì chúng chẳng thèm nhìn đến chú bé nữa và chỉ phóng mắt ra phía này, phía kia, chẳng hiểu cái gì đang xảy ra cho khu rừng.

Một con chồn hôi cũng đến đứng ở đầu mút một cành cây, đôi mắt long lanh nhìn triền núi rực lửa. Ngay cạnh con chồn là một con sóc, nhưng hình như chúng không biết rằng chúng đang cùng nhau có mặt ở đây nữa.

Giờ thì lửa lao dọc theo sườn núi, đổ xuống thung lũng. Lửa rít và gầm chẳng kém gì một cơn bão dữ. Qua làn khói, thấy các ngọn lửa lan từ cây này tới cây khác. Trước khi bắt lửa, cây tùng nào cũng bị phủ một làn khói trắng mỏng, rồi bỗng đỏ rực lên, và tất cả cành nhánh vừa kêu lên răng rắc vừa cháy một lúc.

Trong thung lũng, ở phía dưới Nils, một con suối nhỏ chảy giữa những cây trần và bạch dương lùn.^[114] Hình như lửa phải dừng lại đây. Những loài cây lá rộng không bắt lửa nhanh như những cây lá kim. Đám cháy rừng như đứng trước một bức thành không vượt qua được. Nó phóng những tia lửa và nổ điên cuồng cổ lan tới những cây tùng ở sườn núi bên kia, nhưng không ăn thua.

Đám cháy dừng lại một lúc, bỗng một ngọn lửa dài lao tới trước, về phía cây tùng khô héo ở chỗ khá thấp bên sườn kia, và tức thì cái cây cháy rực như bó đuốc. Bằng cách ấy lửa vượt qua con suối. Cái nóng gay gắt quá, nên tất cả mọi cây đều sẵn sàng bốc lửa. Và đám cháy leo lên sườn núi. Tưởng như là tiếng hú của bão, hay hơn nữa tiếng ầm ầm của một cái thác đổ. Thế là con cắt đang cánh ra bay, con cú to và con chồn hôi tụt xuống gốc cây. Chốc nữa thôi, ngọn cây tùng sẽ bốc lửa. Cả Nils cũng sẵn sàng bỏ chạy.

Thân cây thẳng và cao, tụt xuống thật chẳng dễ chút nào, chú bèn cố hết sức bám, và để mình tụt xuống giữa các chỗ lồi ra của các cành cây, mãi rất lâu và sau cùng cũng rơi bịch xuống đất. Nhưng chẳng có thì giờ đâu để tự hỏi mình có bị thương không, phải ba chân bốn cẳng chạy tháo thân đã.

Lửa cháy như điên trong rừng thông. Dưới chân Nils, mặt đất bị hun nóng, đã tỏa khói lên. Một bên mình, chú thấy một con linh miêu cũng chạy và bên kia thì một con rắn độc dài và ngay cạnh nó có một con gà mái rừng kêu tục tục cũng cố chạy nhanh cùng với đàn gà con lông tơ mịn màng.

Chạy ra khỏi khu vực lửa cháy, đến được đáy thung lũng thì cả bọn gặp những người đến cố dập tắt đám cháy. Họ đã đến đây từ lâu rồi, nhưng Nils mãi nhìn về phía lửa lan đến, nên không trông thấy họ.

Trong hẻm núi còn có một con suối và một hàng rào cây lá rộng. Đằng sau hàng rào cây đó, người ta đang làm việc, họ dẫn những cây tùng bách mọc gần các cây trần nhất. Họ múc nước suối lên tưới xuống đất, họ chặn hết các chòm thạch thảo và mê diệp^[115] rậm rạp để ngăn lửa lan đến các bụi cây nhỏ. Chính họ cũng chỉ nghĩ đến đám cháy. Các thú vật chạy trốn luôn qua chân họ, mà họ cũng chẳng trông thấy nữa. Họ chẳng hề nện cho con rắn độc một gậy nào. Họ chẳng tìm cách bắt con gà rừng đang lang thang quanh suối cùng đàn con chiêm chiếp luôn mồm: họ không quan tâm đến cả chú Tí

Hon. Họ nhúng những cành tùng to xuống suối và khoa lên, nghĩ rằng như thế là chống lại đám cháy.

Những người đó không đông. Thật là một cảnh tượng lạ lùng, vì họ đều sẵn sàng chiến đấu, trong khi mọi sinh linh khác thì chạy trốn cả.

Lửa cháy đến phía chân sườn núi thì nổ lốp bốp, gầm réo, tỏa ra một sức nóng không thể chịu được và một đám khói ngót ngạt. Lửa hình như sắp sửa lan qua suối và bức tường cây lá, để sang bờ bên kia, không thềm ngừng lại một giây. Thoạt tiên những người chữa cháy lùi lại, như thể không chịu nổi nữa, nhưng họ không lùi lâu và liền quay trở lại.

Đám cháy tấn công vào họ dữ dội, khủng khiếp. Tia lửa rơi lả tả như mưa xuống các tán cây lá rộng. Những ngọn lửa dài phụt ra khỏi đám khói, rít lên như thể khu rừng ở sườn núi bên kia hút sang vậy.

Nhưng mà tán lá chặn lửa lại, và người ta làm việc phía sau hàng cây. Nơi nào mà mặt đất bốc khói là người ta múc nước tưới xuống. Khói mà bao vây một gốc cây là những tay rìu nhanh nhẹn dẫn đổ xuống và dập tắt lửa ngay. Các ngọn lửa mà bò lan ra trong truông thạch thảo, thì họ lấy những cành cây nhúng nước đập và làm tắt tức khắc.

Khói dày đến mức che khuất hết các mạn chung quanh. Chẳng làm sao nhìn thấy cuộc chiến đấu diễn ra như thế nào, nhưng cũng dễ hiểu là cuộc chiến đấu đó gian khổ, và rất nhiều lần, lửa hình như sắp lấn tới. Dần dần, tiếng ầm ĩ của đám cháy yếu đi, và khói bớt dày đi. Cây rừng đã mất hết tất cả lá, mặt đất dưới các gốc cây thì bị lửa nung đen. Người nào cũng đen sì những khói và mồ hóng, và đổ mồ hôi như tắm, nhưng họ đã thắng đám cháy. Những ngọn lửa không phụt ra nữa. Khói thì trắng và nhẹ, kéo lê ra trên các cánh đồng. Rất nhiều những thân cây cháy đen nhô lên trên làn khói. Đó là tất cả những gì còn lại của cái phần tốt đẹp trong vùng rừng này?

Đứng cao, trên một tảng đá, Nils đã chứng kiến việc dập tắt đám cháy. Nhưng mà giờ đây rừng đã được cứu thoát thì nỗi nguy hiểm lại bắt đầu đến với chú. Con cú to và con chim cắt bỗng quay nhìn lại phía chú. Nhưng đúng lúc đó, chú nghe một tiếng quen thuộc, Gorgo, đại bàng chúa, vỗ rộng cánh bay nhanh về phía chú, và lát sau Nils đã đứng đưa giữa các tầng mây, được giải thoát khỏi mọi nỗi nguy hiểm.

Đất nước đang đi

Thứ bảy, 18 tháng sáu

Cuộc lữ hành trên lưng đại bàng nhanh đến nỗi nhiều khi người ta có cảm giác là vẫn đứng yên, nhất là từ buổi sáng khi gió bắc đã đổi hướng. Mặt đất thì trái lại, hình như cứ lùi về phía nam. Nào rừng, nào nhà, nào bãi cỏ, nào hàng rào, nào hải đảo, nào những nhà máy cưa rất nhiều trên bờ biển, tất cả đều đang đi. Có thể nói là đã chán ở quá xa trên phía bắc, tất cả đều đang thu dọn đi xuống phía nam.

Ý nghĩ đó làm Nils rất thích. Nay nghĩ xem, giá cái đồng lúa mì hình như vừa mới gieo kia mà xuống đến tỉnh Skåne vào cỡ này, khi lúa mạch ở đây đang trở đồng! Và cái vườn mà chú đang trông thấy lúc này đây!

Có nhiều cây tốt tươi nhưng chẳng có cây ăn quả nào, chẳng hề có cây bồ đề trang nhã nào, cây hạt dẻ nào; chỉ có những cây thanh lương trà^[116] và những cây bạch dương! Có ở đây những bụi cây đẹp, nhưng chẳng hề có cây hương mộc, cũng như cây kim tước nào, chỉ những cây anh đào hoang, những cây đinh hương.^[117] Ở đây có một vườn rau, nhưng chưa cuốc, chưa trồng gì hết. Giá một chèo vườn như thế mà đến đứng cạnh một trang viên rộng lớn của tỉnh Surmland thì nó sẽ cảm thấy mình khác nào một cái sa mạc.

Niềm vinh quang của xứ này là những con sông hùng tráng, âm u, giữa những thung lũng trù mật, đầy những bè gỗ, cùng với những nhà máy cưa, những thành phố, những cửa sông chật ních tàu thuyền. Giá một trong những con sông ấy mà hiện ra ở phía nam sông Daläl^[118] thì các sông lớn và sông nhỏ ở đây sẽ chui hết xuống đất vì xấu hổ.

Và hãy nghĩ xem, giá một đồng bằng tương tự, mệnh mệnh như thế này, dễ trông trọt như thế này và có vị trí thuận lợi như thế này, mà đi qua trước mắt những nông dân tỉnh Småland, thì họ sẽ vội vàng bỏ ngay những miếng đất bần bạc và những cánh đồng đá sỏi của họ để cày xới nó tức thời!

Một cái mà miền này rất phong phú là ánh sáng. Trong những bãi lầy, chim hạc đang ngủ đứng. Đêm đã phải đến rồi, mà ánh sáng vẫn còn.

Riêng cái mặt trời là không đi xuống phía nam. Trái lại, nó càng lên rất cao trên phía bắc và giờ đây những tia sáng của nó đập vào mắt Nils. Nó chưa hề tỏ ý muốn đi ngủ. Nghĩ xem, giá cái ánh sáng kia, cái mặt trời kia mà soi sáng cho Vemmenhug, thì tốt cho Holger Nilsson và vợ^[119] biết bao: một ngày sẽ làm lụng được những hai mươi bốn giờ cơ đấy.^[120]

Giấc mơ

Chúa nhật, 19 tháng sáu

Nils ngẩng đầu lên và nhìn ra chung quanh, chưa tỉnh ngủ hẳn. Chú đang nằm ở một nơi mà chẳng nhận ra là đâu. Chưa bao giờ chú thấy thung lũng này, cũng như núi non bao bọc tứ phía này. Chú chưa hề thấy cái hồ tròn nằm chính giữa thung lũng, chưa bao giờ thấy những cây bạch dương khổng lồ, cần cỗi bằng những cây mà chú đang nằm dưới bóng đây.

Và đại bàng đâu rồi? Chú tuyệt chẳng thấy đâu cả.

Phiêu lưu quá sức.

Nils lại nằm xuống và nhắm mắt, rồi cố nhớ lại những gì đã xảy ra lúc mà chú ngủ thiếp đi.

Chú nhớ là Gorgo đã đổi hướng bay, và gió thổi chênh chếch rất mạnh. Chú hiểu là đại bàng mang chú đi, theo một nước bay hùng dũng.

“Bây giờ ta vào xứ Lapland!” Gorgo bỗng nói thế, và Nils cảm thấy rất thất vọng khi chỉ thấy có những bãi lầy vô biên và những khu rừng liên tục. Rồi vẻ đơn điệu của phong cảnh làm cho chú thiếp đi. Thế là chú bảo Gorgo rằng chú không chịu nổi nữa, rằng chú buồn ngủ lắm. Gorgo đã hạ xuống đất, và Nils lao xuống lớp rêu, nhưng đại bàng quắp chú vào các móng chân và lại bay lên. Nó nói:

“Ngủ đi, Tí Hon ạ! Mặt trời làm cho mình không ngủ được và mình muốn đi tiếp”.

Và dù ở tư thế khó chịu ấy, chú vẫn ngủ được, và đã nằm mê.

Chú đang đi trên một con đường rộng ở miền nam nước Thụy Điển, đi nhanh hết sức mà đôi chân bé nhỏ có thể đưa chú đi. Chú không đi một mình: cạnh chú cùng đi những cọng lúa mạch nặng đòng đòng, những hoa màu xanh và những hoa cúc vàng; những cây táo tây cũng đi, càng trĩu những quả đẹp; đi theo có những cây đậu leo, đầy những quả và những chùm cây phúc bồn thực sự. Những cây thật đẹp: sồi, dẻ gai, [\[121\]](#) bồ đề đi chậm chậm, đi chính giữa đường chẳng tránh một ai cả, và rung cho cành lá xạc xào về đặc chí.

Giữa hai chân Nils có những cây hoa và cây thuốc cùng chạy: dâu tây, bạch đầu ông, cỏ chề ba, cỏ tương tư. Nhìn kỹ Nils nhận thấy những người và vật cũng có mặt trong đoàn đi. Những côn trùng bay lượn giữa các loài cây, cá lội dưới những con hào dọc đường, chim hót trên những cây đang đi, những gia súc và dã thú thi nhau rảo bước, và giữa đám thú vật và cây cỏ lúc nhúc có những người đi, người mang xẻng và liềm phát cỏ, kẻ mang rìu, kẻ

mang súng săn; và những người khác nữa mang lưới đánh cá.

Cả đoàn tiến lên nhanh nhẹn, và Nils chẳng ngạc nhiên chút nào từ khi trông thấy ai đang dẫn đầu. Chẳng ai khác chính thị mặt trời, không hơn, không kém. Mặt trời lăn trên đường như một cái đầu to lớn tỏa ra niềm vui và lòng nhân hậu, đầu tóc do những tia sáng muôn màu hợp thành. Mặt trời chốc chốc lại hô: “Tiến lên! Ta mà có đây thì không một ai phải lo ngại gì cả. Tiến lên! Tiến lên!”

Nils thì thầm: “Không biết mặt trời muốn đưa chúng ta đi đâu”. Một cọng lúa mạch đi bên cạnh chú nghe tiếng và trả lời:

“Mặt trời muốn đưa chúng ta lên Lapland để đánh nhau với đại vương rét cồng”.

Đi một lúc, Nils thấy rằng nhiều kẻ cùng đi trở nên do dự, như chậm bước lại, sau cùng thì dừng hẳn. Như vậy, chú thấy tụt lại sau cây dẻ gai hùng vĩ; con mang và cây tiểu mạch^[122] cùng dừng lại, và những bụi dâu rừng, những cây hạt dẻ và những chim đa đa cũng vậy.

Ngạc nhiên, Nils nhìn quanh. Thế là chú thấy rằng người ta không còn ở miền nam Thụy Điển nữa. Cuộc đi đã nhanh đến nỗi người ta đã ở Svealand^[123] rồi.

Lúc ấy cây sồi bắt đầu có vẻ lo lắng. Nó dừng lại, đi vài bước, rồi lại dừng hẳn.

- Tại sao cây sồi không đi với chúng ta xa hơn? Nils hỏi.

- Sồi sợ đại vương tê cồng, một cây bạch dương non và tươi đang đi tới, quả quyết và vui vẻ, trả lời như thế.

Dù người ta đã bỏ lại đằng sau bao nhiêu kẻ rồi, cuộc đi vẫn không vì thế mà không tiếp tục rất dũng cảm. Mặt trời vẫn cứ lăn ở hàng đầu, và nhắc đi nhắc lại với một nụ cười nở rộng:

“Tiến lên! Tiến lên! Ta mà có đây thì chẳng một ai phải lo ngại gì cả”.

Chẳng mấy chốc mà người ta đã đến xứ Norrland^[124] và mặt trời có kêu gọi và cười tươi đi nữa thì cũng vô hiệu: cây táo dừng lại, cây sồi dừng lại, cây kiều mạch^[125] dừng lại. Chú bé quay lại hỏi:

- Tại sao các anh không đi? Tại sao các anh bỏ rơi mặt trời?

- Chúng tôi không dám. Chúng tôi sợ đại vương tê cồng ở trên kia, trên Lapland, họ trả lời như vậy. Ngay sau đó hình như Nils, nhận ra là người ta

đã đi vào xứ Lapland^[126] rồi. Hàng ngũ đã thưa đi một cách lạ lùng. Lỗ mạch, đại mạch^[127] cây dâu, các loại quất, các loại đậu Hòa Lan, cây phúc bồn vẫn còn trung thành cho đến đây thôi. Con nai xứ lạnh và con bò cái đi cạnh nhau, bây giờ dừng lại cả hai. Người thì còn đi theo một đoạn đường nữa, rồi số đông dừng lại. Không có những bạn đường khác nhập đoàn thì mặt trời đã gần như bị bỏ rơi rồi: những bụi miên liễu và vô số những cây nhỏ miền núi, rồi những người Lapps và những con hươu phương Bắc,^[128] những chim cú trắng, những con gà tuyết núi cao và những con cáo xanh.

Bỗng chú bé nghe cái gì âm âm đang chạy phía trước. Đó là những sông và suối đang thoát đi thành những thác lũ. Chú hỏi:

- Có gì mà họ chạy trốn hoảng hốt lên vậy?

- Họ chạy trốn đại pháp sư tề công trấn ngự trên các cao nguyên băng tích đây, một con gà tuyết cho biết như thế.

Đột nhiên Nils thấy sừng sững trước mặt một bức vách cao, âm u, phía trên như có những ụ súng. Trước thành lũy ấy, tất cả lùi lại hoảng hốt. Nhưng mặt trời liền quay khuôn mặt rực rỡ vào bức thành. Thì ra không phải một thành lũy đang chặn đường họ chút nào, mà là một khối núi tuyết đẹp, các đỉnh nhọn mọc lên, cái trước cái sau, đỏ rực dưới ánh mặt trời, còn các sườn dốc thì màu xanh phơn phớt lẫn những ánh vàng. Mặt trời lăn lên phía chóp núi, cổ vũ:

“Tiến lên! Tiến lên! Ta mà có đây thì chẳng có gì nguy hiểm”.

Nhưng trên đường leo lên, mặt trời bị cây bạch dương non trẻ và táo bạo, cây tùng trắng kiêu và cây bách^[129] bướng bỉnh bỏ không theo nữa. Rồi đến lượt con hươu phương Bắc, người Lapps và cây miên liễu cũng bỏ nốt. Sau cùng, khi đến tận đỉnh núi thì chỉ còn có một mình chú bé Nils Holgersson là đã đi theo mặt trời đến đây. Mặt trời lăn xuống một khe vực mà vách đá phủ đầy sương đặc.^[130] Nils rất muốn đi theo nữa, nhưng một cảnh tượng khủng khiếp làm cho chú đứng sững tại chỗ. Dưới đáy khe có một quỷ lùn già^[131] đang ngồi. Thân hình là băng, tóc là những miếng nước đá, áo khoác là tuyết. Dưới chân quỷ, ba con chó sói đen đang nằm, chúng liền đứng dậy mở to mõm khi mặt trời hiện ra. Từ mõm một con thoát ra một luồng khí lạnh thấm thía; từ mõm con thứ hai một ngọn gió bắc như cắn vào người ta; và từ mõm con thứ ba nôn ra những bóng đêm hắc ám.

“Kia chắc là đại vương tề công và đám tùy tùng”. Nils nghĩ vậy. Tò mò muốn xem cuộc gặp nhau giữa quỷ lùn với mặt trời sẽ diễn ra như thế nào, Nils đứng lại ở cửa hang.

Quý lùn chẳng hề cựa quậy. Cái mặt băng hung gở nhìn thẳng vào mặt trời. Chỉ mỉm cười và chiếu sáng, mặt trời cũng bất động. Cứ thế một lúc khá lâu. Rồi Nils tưởng như trông thấy quý lùn bắt đầu cựa quậy và thở dài, bỏ tuột chiếc áo khoác bằng tuyết xuống và ba con chó sói ghê gớm cũng tru tréo bót dữ dội đi một chút. Nhưng bỗng nhiên mặt trời kêu lên: “Thời gian của ta qua hết rồi”, và lặn về phía sau, ra khỏi hang. Quý lùn liền thả chó sói ra; gió rét, khí lạnh và bóng tối lao ra đuổi theo mặt trời. Quý lùn hét lên:

“Đuổi nó đi! Đẩy nó ra! Đuổi theo nó để cho nó không bao giờ trở lại đây nữa! Bảo cho nó biết rằng xứ Lapland là của ta!”

Nghĩ đến việc mặt trời bị đuổi ra khỏi xứ Lapland, Nils Holgersson kinh hãi đến nỗi hét lên và tỉnh dậy. [\[132\]](#)

Khi đã hoàn hồn chú thấy là mình đang nằm ở đáy một thung lũng giữa bốn bề núi cao. Nhưng mà Gorgo đâu rồi?

Chú lại nhồm dậy và nhìn ra chung quanh. Mắt chú bỗng gặp phải một công trình lạ lùng dựng bằng cành cây tùng ở trên một bậc núi đá.

“Chắc chắn là một tổ chim ăn thịt, như những cái mà Gorgo đã tả cho mình nghe”.

Chú không nghĩ tiếp cho hết ý nữa. Chú giật cái mũ trên đầu ra và vui mừng vẫy vẫy trong không. Chú vừa hiểu ra là Gorgo đã mang chú đến đâu rồi: đây chính là cái vùng mà đám đại bàng ở trên núi cao, và các ngỗng trời ở dưới đáy thung lũng. Chú đã đến đích! Chỉ lát nữa là chú sẽ gặp lại con ngỗng đực trắng, và Akka, và tất cả các bạn đồng hành của mình.

Đến nơi Nils nhẹ nhàng đi tìm các bạn. Toàn thể thung lũng đang ngủ. Mặt trời chưa hiện ra, và Nils hiểu là còn sớm lắm, chưa đến giờ đàn ngỗng thức dậy. Mới đi vài bước, chú tìm thấy một vật rất xinh: một con ngỗng trời ngủ trong một chiếc tổ đặt dưới đất, cạnh nó là một con ngỗng đực. Nó cũng ngủ, nhưng đã nằm ở chỗ mà nếu có một sự nguy hiểm nào xảy đến là nó có mặt ngay.

Nils không làm kinh động, và tiếp tục tìm trong các bụi miên liễu nhỏ phủ khắp mặt đất. Lát sau thấy một đôi nữa. Cũng không thuộc về đàn mình, nhưng Nils vẫn không kém vui lòng khi trông thấy chúng. Đó là những ngỗng trời. Chú bắt đầu hát khe khẽ vì thích chí.

Chú nhìn ra nơi khác, và dưới một bụi miên liễu khác, chú nhận ra Neljä đang ấp trứng; ngỗng đực bên cạnh chỉ có thể là Kolmi thôi. Chẳng thể nào làm được. Nils muốn đánh thức họ dậy quá, nhưng lại thôi.

Ở một chỗ khác chú thấy Viisi và Kuusi, và không xa đó là Yksi và Kaksi. Cả bốn đang ngủ.

Nhưng có cái gì đằng kia mà trắng thế? Nils thấy trống ngực đánh vì mừng, chú chạy đến. Giữa bụi miên liễu lùn, Long Tơ Mịn nhỏ nhắn, xinh xắn, đang ấp trứng và bên cạnh là ngỗng đực trắng. Dù đang ngủ, và ngay trong giấc ngủ, hình như ngỗng đực vẫn tự hào được canh giữ vợ mình giữa các cao nguyên băng tích xứ Lapland.

Nils cưỡng lại được ý muốn đánh thức dậy, dù chỉ con ngỗng đực thôi, và tiếp tục đi.

Chú phải tìm khá lâu mới thấy các ngỗng khác. Nhưng bỗng, chú để ý thấy trên một cái đồng thấp một vật gì như thể một nắm đất nhỏ màu xám. Khi đến chân cái đồng, chú nhận ra Akka núi Kebnekaise, đã dậy rồi, nhưng đang ngấm cái thung lũng, như là được giao cho công việc trông nom tất cả vùng này. Nils nói to:

“Chào mẹ Akka! Thấy mẹ đã dậy rồi, mừng quá đi thôi. Đừng đánh thức họ dậy. Có thể nói chuyện như thế này với mình mẹ một lát đã”.

Ngỗng già đầu đàn chạy lại với Nils. Thoạt tiên ngỗng túm lấy chú và lắc, rồi lấy mỏ vuốt ve chú từ đầu xuống chân, rồi lại lắc chú lần nữa. Nhưng ngỗng chẳng nói gì hết, vì Nils đã bảo để cho những kẻ khác ngủ yên.

Tí Hon hôn mẹ già Akka hai bên má. Rồi bắt đầu kể cho mẹ nghe những nổi phiêu lưu của mình ở vườn Skansen.

“Mẹ có biết tôi gặp ai bị nhốt ở đây không? Smirre, con cáo sứt tai ấy. Dù nó đã rất xấu đối với chúng ta, tôi cũng không thể không thương hại nó được. Nó chết dần chết mòn vì không được tự do. Ở đây, tôi có nhiều bạn bè và một hôm tôi được con chó Lapps cho biết là có người đến Skansen hỏi mua cáo. Anh ta ở một hòn đảo xa trong quần đảo Stockholm. Trên đảo, người ta đã tiêu diệt hết cả cáo, và thế là chuột đồng sinh sôi nảy nở đến mức làm cho người ta lại tiếc bọn cáo. Biết được tin đó, tôi liền chạy đến chỗ Smirre và bảo nó:

- Smirre này, ngày mai sẽ có những người đến mua một đôi cáo. Bấy giờ cậu đừng có lánh đi, mà cứ để cho người ta bắt. Như thế cậu sẽ lại được tự do.

Nó đã nghe lời tôi khuyên, và lúc này nó phải được tự do lại, và tha hồ mà chạy ở ngoài đảo. Mẹ cho việc này thế nào, mẹ Akka? Tôi làm thế có phải không?

- Chính ta, ta cũng muốn làm thế, ngỗng tán thành ngay.

- Tôi vui lòng vì mẹ tán thành, Nils nói tiếp. Còn một việc nữa tôi muốn hỏi mẹ. Một hôm tôi thấy người ta đem đến Skansen, con đại bàng Gorgo. Nom nó thiếu não lắm, và tôi đã nghĩ đến việc giũa cho đứt vài sợi dây thép ở lồng nhốt nó, để cho nó chui ra. Rồi tôi lại nghĩ rằng nó là một tên côn đồ nguy hiểm, một tên ăn thịt các loài chim. Tôi không biết là tôi có quyền thả nó ra không, và tôi lại nghĩ có thể tốt hơn là cứ để yên nó đấy. Mẹ Akka, mẹ nghĩ thế nào? Tôi suy tính như vậy không sai chứ, phải không mẹ?

- Cậu sai rồi, Akka trả lời không do dự. Dù người ta nói gì về bọn đại bàng đi nữa, chúng nó vẫn là những con chim tự hào và yêu tự do hơn tất cả các loài vật khác, và người ta không nên giam cầm chúng nó. Cậu có biết ta định đề nghị cậu cái gì không? Cậu nghỉ ngơi xong thì hai chúng ta đi ngay đến tận cái nhà tù to lớn nhất các loài chim đó để cậu giải thoát cho Gorgo.

- Tôi cứ chờ mẹ nói câu đó, mẹ Akka ạ, chú bé nói. Người ta nói mẹ chẳng còn chút lòng thương nào đối với cái kẻ mà mẹ đã nuôi nấng với bao nhiêu công khó, vì nó sống như cách các con đại bàng bắt buộc phải sống. Giờ tôi thấy rõ là người ta đã lầm. Thôi tôi đi xem ngỗng đực trắng đã dậy chưa; còn trong lúc ấy mà mẹ có muốn cảm ơn một tiếng cái kẻ đã đem tôi về với đàn, thì mẹ đi tìm gặp kẻ đó trên kia kia, ở cái bậc đá mà có lần mẹ đã tìm thấy một chú đại bàng con vô thừa nhận ấy.

Åsa, cô bé chăn ngỗng, và bé Mats

Bệnh hiểm nghèo

Cái năm mà Nils Holgersson đi theo đàn ngỗng, người ta nói nhiều về hai đứa trẻ, một trai, một gái, đã đi qua suốt đất nước để tìm cha. Hai chị em quê tỉnh Småland, huyện Sonnerbo; ở đây với bố mẹ và bốn anh chị em trong một chiếc nhà nhỏ ven cái truông mênh mông. Thuở hai chị em còn bé, buổi tối kia một người đàn bà lang thang, nghèo khổ đã đến gõ cửa nhà họ và xin ngủ nhờ. Dù là nhà quá nhỏ và đã chật hết, người mẹ vẫn thu xếp cho một chỗ nằm dưới đất. Cả đêm, người đàn bà ho như sắp chết, và sáng ra thì ốm nặng quá, không thể lên đường đi tiếp được.

Đối với người đàn bà kia, bố mẹ mấy đứa trẻ tốt hết sức. Họ nhường giường nằm của chính họ, và người bố đã đến tận hiệu dược sĩ để mua thuốc cho. Những ngày đầu, người ốm rất khó tính và vô ơn, nhưng dần dần cũng dịu đi, không ngớt khẩn cầu người ta đem mình ra ngoài truông thạch thảo và để cho mình chết. Người ấy kể lại mình đã sống lang thang với những người digan.^[133] Chính mình không phải nguồn gốc digan, mà là con gái một nông dân, đã trốn gia đình đi theo cái tộc đoàn du cư ấy. Một bà lão trong bọn ghét người lạ, đã gây cho cái bệnh đó. Và trong cơn tức giận, lại báo trước là bất kì ai mà tử tế với người bệnh và cho ở nhờ nhà mình, đều sẽ cùng chung số phận như thế cả. Người ốm khôn khổ kia tin vào lời trù yểm của bà lão digan và sợ gieo tai họa cho những người cho mình ở nhờ. Những người này bị câu chuyện đó tác động rất mạnh, nhưng không phải là hạng người có thể đuổi một kẻ sắp chết ra khỏi nhà mình.

Ít lâu sau người bệnh chết, và tai họa bắt đầu. Trước đấy trong nhà rất vui. Người ta nghèo, nhưng người ta không đến nỗi cùng khổ. Người bố làm những lược chải sợi, bán cho thợ dệt; người mẹ và các con giúp bố. Người bố làm các khung lược, các con cắt răng lược và giữa, còn người mẹ và người chị lớn thì tra răng vào các khung. Người ta làm từ sáng đến tối, vừa làm vừa đùa vừa chơi, nhất là khi người bố kể những chuyện từ thời ông ta đi khắp các nước ngoài để bán lược. Ông bố ấy vui tính lắm, và nghe chuyện của ông ta mọi người cười như nắc nẻ.

Cái thời tiếp theo ngày mà người đàn bà khôn khổ nọ chết, đối với hai

đứa trẻ khác nào một giấc ác mộng. Không còn nhớ là nó kéo dài bao nhiêu lâu nữa, nhưng đối với hai đứa trẻ như thể một chuỗi đám tang không dứt; các anh chị em cứ theo nhau chết hết, người này đến người khác. Hai đứa chỉ có bốn anh em, chị em, và chỉ có thể có đến bốn đám tang mà thôi, nhưng đối với các trẻ còn sống ấy thì các đám tang dường như nhiều hơn thế. Trong cái nhà nhỏ là một cảnh im lặng thảm đạm. Người mẹ không để cho tang tóc đánh gục, nhưng người bố thì thay đổi nhiều. Ông ta không chơi đùa, cũng không làm việc nữa. Từ sáng đến tối, ông ta ôm đầu ngồi suy nghĩ.

Một lần - sau cái đám tang thứ ba - ông ta bật lên nói những lời điên dại, làm cho các con hoảng hốt. Ông ta nói là không hiểu được tại sao những tai họa lại giáng xuống họ như vậy. Họ đã chẳng làm một việc tốt khi đón người ốm vào nhà sao? Cái ác có quyền lực lớn hơn cái thiện hay sao? Làm sao mà Chúa lại có thể để cho một người đàn bà độc ác gây ra bao nhiêu là tai họa. Người mẹ đã cố làm cho ông ta nguôi đi, nhưng ông ta không chịu nghe.

Hai ngày sau, mấy đứa con mất bố. Ông ta không chết, ông ta ra đi, bỏ hết. Đó là cái lúc đến lượt người chị cả các đứa trẻ mắc bệnh. Người cha thương yêu cô ta hơn tất cả các con khác; trông thấy con chết dần, ông ta mất trí, và bỏ trốn. Người mẹ không phản nản về việc bỏ nhà ra đi đó, bà chỉ sợ ông ta phát điên thôi.

Sau khi người bố ra đi, gia đình họ rất nghèo. Lúc đầu ông ta có gửi tiền về, nhưng rồi cũng chóng thôi gửi. Và đúng cái ngày chôn người chị cả, bà mẹ khóa cửa nhà và ra đi với hai đứa con còn lại. Bà ta đến tỉnh Skåne, làm ở các cánh đồng củ cải đường, rồi kiếm được việc ở nhà máy đường Jordberga. Bà là một người thợ giỏi, cư xử vui vẻ và thẳng thắn. Ai ai cũng mến. Người ta ngạc nhiên thấy bà vẫn bình tĩnh trước tất cả các tai họa, nhưng mẹ là một người rất nhẫn nại, rất kiên cường và rất chịu đựng. Giá có ai nói đến hai đứa con còn lại với bà, thì bà chỉ trả lời:

- Rồi chúng cũng chẳng sống được!

Bà ta đã quen chẳng hi vọng gì hết, và bà ta nói thề chẳng nhỏ một giọt nước mắt nào.

Tuy vậy bà đã lầm. Chính bà, trái lại, đã bị bệnh cướp đi. Lại còn chóng hơn cả các con trai, con gái nữa. Bà đến tỉnh Skåne vào mùa xuân, sang thu đã để lại hai đứa con cô.

Trong khi ốm, bà nhiều lần nhắc lại các con rằng phải nhớ là mẹ không bao giờ tiếc đã đón người đàn bà bệnh hoạn tội nghiệp kia vào nhà. Bà nói là chết chẳng có gì khó cả, khi đã làm xong bốn phận mình; mọi người ai cũng phải chết, sớm hay muộn, chẳng ai thoát được. Muốn ra đi lương tâm thanh

thần hay lương tâm nặng nề thì mỗi người được tùy mình chọn lấy.

Trước khi chết, bà đã cố thu xếp một ít việc tương lai cho các con. Bà đã xin được người ta để cho chúng ở lại trong căn phòng mà cả ba mẹ con đã cùng sống với nhau. Chỉ cần có cái chỗ ở thôi là chúng sẽ chẳng phải nhờ vả một ai cưu mang cả. Bà biết rằng chúng sẽ tự nuôi lấy được thân.

Người ta đã thỏa thuận với nhau là hai chị em sẽ chăn ngỗng trong mùa hè, xem như lấy công trả tiền thuê phòng. Bà mẹ đã không làm: hai con đã qua được cơn khó khăn. Cô bé Åsa làm kẹo, và đứa em trai làm những đồ bằng gỗ, rồi đem bán ở các trại. Ngoài ra, ai thuê việc gì thì làm, người ta có thể giao cho hai chị em bất cứ việc gì. Cô bé mới mười ba tuổi, mà đã biết suy nghĩ như người lớn. Cô ta nghiêm trang và ít nói; em trai thì vui tính và hay chuyện, đến nỗi chú ta với đàn ngỗng cứ tha hồ mà quang quác ngoài đồng, cô chị nói thế.

Hai đứa trẻ đã ở Jordberga được độ hai năm rồi; một buổi tối có một cuộc diễn thuyết bình dân ở trường học. Hai chị em cũng có mặt trong số thính giả, dù đó là một cuộc nói chuyện cho người lớn; hai chị em không có thói quen xem mình ở trong số trẻ con. Diễn giả nói đến cái bệnh ghê gớm: bệnh lao, cứ mỗi năm giết chết biết bao nhiêu người ở Thụy Điển. Ông ta nói rất giản dị, và hai đứa trẻ hiểu rõ từng chữ.

Sau buổi diễn thuyết, họ chờ diễn giả ở cổng. Ông ta ra thì hai chị em cầm lấy tay nhau, và trịnh trọng xin được nói chuyện với ông ta. Dù đôi khuôn mặt trẻ con phúng phính và hồng hồng, hai chị em nói năng nghiêm trang như những người lớn, kể lại những gì xảy ra ở nhà mình, và hỏi rằng ông ta có cho là mẹ và các anh em, chị em mình đều đã chết vì cái bệnh mà ông ta vừa tả không. Điều đó đối với ông ta chắc là đúng rồi. Chỉ có thể là bệnh đó mà thôi.

Như vậy là giá ông bố và bà mẹ được biết những điều mà các con học được tối hôm nay, thì họ đã có thể giữ mình rồi; giá họ đem đốt hết quần áo của người đàn bà lang thang tội nghiệp kia đi, giá họ quét dọn thật sạch cái nhà của họ và không dùng chăn đệm cũ nữa, họ đã có thể còn sống, tất cả các người mà giờ đây hai chị em thương tiếc chứ gì? Diễn giả nói rằng chẳng một ai có thể khẳng định chắc chắn điều đó được, nhưng ông ta không tin rằng các người ấy tất yếu phải mắc bệnh, nếu họ biết giữ mình cho khỏi lây.

Hai chị em hình như còn có điều gì đó muốn hỏi nữa, nhưng rõ ràng là do dự, trước khi đặt câu hỏi mới; sau cùng mới quyết định: có phải cái việc bà lão digan đã gieo họa cho gia đình họ để báo thù vì họ đã cứu giúp con người mà bà ta ghét là không đúng không? Những việc đã xảy đến cho họ có phải

là chẳng có chút gì lạ lùng cả không?

“Chắc chắn là không”. Diễn giả có thể quả quyết với hai chị em là chẳng một ai trên đời mà có quyền lực để làm cho người khác mắc các thứ bệnh như thế cả.

Hai chị em cảm ơn ông ta và về nhà, và tối hôm đó trò chuyện với nhau rất lâu.

Hôm sau hai chị em xin thôi việc, không thể chần ngồng mùa hè năm đó được vì bắt buộc phải ra đi.

- Chúng đi đâu vậy?

- Chúng đi tìm bố. Chúng muốn cho bố biết rằng mẹ và anh em, chị em chết vì một thứ bệnh tự nhiên, chứ không phải do những lời trù yểm của một người đàn bà độc ác. Cho đến nay chắc người bố vẫn còn nát óc vì điều bí ẩn đó.

Trước tiên, hai chị em đến cái nhà nhỏ của họ ở ven truông, và đã khiếp đảm vì thấy nó đang bốc cháy.^[134] Lại đi tức khắc và đến ngay nhà ông mục sư, thì người ta cho biết là một người đàn ông đã làm công nhân đường sắt có thấy bố hai đứa trẻ ở Malmberg, trên Lapland; ở đó ông ta làm việc trong mỏ và có thể đang còn ở đó cũng nên. Được biết hai chị em muốn đến với bố, ông mục sư giở một cuốn sưu tập bản đồ ra, chỉ cho biết là chuyến đi sẽ xa đến thế nào; nhưng hai chị em không vì thế mà khiếp sợ chút nào cả.

Hai chị em đã dành dụm được chút ít tiền nhờ mua bán, nhưng không muốn tiêu phí bằng cách đi xe lửa và quyết tâm đi bộ cái hành trình rất dài đó.^[135] Và đã chẳng phải ân hận chút nào, vì đã đi một chuyến lí thú tuyệt vời. Thế này nhé:

Ngay cả khi chưa rời tỉnh Småland, một hôm hai chị em vào một cái trại mua chút gì ăn. Bà chủ trại vui vẻ và thích chuyện trò. Bà hỏi ở đâu đến, con cháu nhà ai; hai chị em đã kể lại hết chuyện mình. Bà ta thết đãi hai chị em hết lòng, mà không muốn lấy một chút tiền trả nào cả; và sau cùng khi hai đứa trẻ đứng dậy ra đi, bà ta cho biết địa chỉ của anh mình ở xã bên cạnh. Bà ta bảo: “Các cháu cho bác ấy biết tin tức về cô, và kể cho bác ấy nghe chuyện của các cháu”.

Hai chị em vui thích làm theo lời khuyên ấy, và được tiếp đãi ở nhà ông anh ân cần chẳng kém gì ở nhà bà em. Ông ta lại còn đánh xe đưa hai chị em đến một cái trại ở xã bên, nơi ông ta có bạn bè. Từ đó về sau, cứ mỗi lần từ giã nhà ai, cũng nghe một lời khuyên: “Các cháu có đi qua đây thì cố ghé nhà nọ, nhà kia và kể lại những việc đã xảy ra cho các cháu”.

Gần như lúc nào, ở trại nào mà người ta bảo đến như vậy, cũng đều có một người ho lao. Và vô tình hai đứa trẻ đi khắp nước, đã khuyên người ta đề phòng cái bệnh ghê gớm, bảo cho người ta biết cách chống lại bệnh đó. Ngày xưa, xưa lắm, nhiều thế kỉ về trước, khi bệnh dịch hạch, gọi là nạn dịch đen^[136] tàn phá đất nước, người ta cho là có một đứa con trai và một đứa con gái đi từ trại này đến trại khác, từ nhà này đến nhà khác. Đứa con trai cầm một cái cào, và hễ nó cào trước mặt nhà nào thì đó là triệu chứng nhiều người sắp chết trong nhà ấy; nhưng mà không chết hết, vì cái cào có răng và không cào sạch hết cả mọi thứ. Đứa con gái cầm cái chổi, và hễ nó quét trước cửa nhà nào thì đó là triệu chứng tất cả mọi người trong nhà ấy sắp chết hết, vì cái chổi đã quét là sạch nhà.

Hai đứa trẻ ngày nay đi khắp đất nước, lần này cũng vì một bệnh ghê gớm, đã không làm bà con khiếp sợ vì cái cào và cái chổi, trái lại còn bảo họ: “Chúng ta không chỉ cào sân và quét sân. Chúng ta còn dùng nước và bồ tát, và bàn chải, và xà phòng nữa. Chúng ta sẽ giữ gìn sạch sẽ trước cửa nhà ta, sạch sẽ trong nhà ta, sạch sẽ thân thể ta. Như vậy chúng ta sẽ trị được bệnh đó”.

Đám tang bé Mats Bé Mats chết. Việc đó hình như không thể tin được đối với tất cả những ai trông thấy chú vui vẻ, khỏe mạnh cách đó chỉ vài giờ. Nhưng sự thật là như vậy: bé Mats đã chết và sắp an táng.

Bé Mats chết một buổi sáng rất sớm; chỉ chị Åsa có đây và trông thấy em chết. “Đừng đi gọi ai cả!”, lúc lâm chung bé Mats nói vậy và chị bé đã làm theo. Bé lại nói tiếp: “Em sung sướng vì không phải chết do “bệnh” đó. Chị cũng thế, phải không?” Åsa không trả lời, bé Mats lại nói: “Em thấy chết cũng chẳng sao, em có chết như mẹ và các anh, các chị đâu; vì em chắc rằng em mà chết như vậy thì chị không bao giờ có thể nói cho bố tin rằng mẹ và các chị, các anh đã chết vì một cái bệnh thông thường: nhưng giờ thì chị thấy là chị sẽ nói cho bố tin được”.

Khi bé Mats đã đi rồi, Åsa ngồi đấy một giờ đàng đẵng, nghĩ đến tất cả nông nổi mà bé Mats đã phải chịu trên đời, Åsa nghĩ là bé Mats đã chịu đựng tất cả những nỗi bất hạnh với lòng dũng cảm như một người lớn. Åsa nghĩ đến những lời nói cuối cùng của em: bao giờ cũng vẫn một lòng dũng cảm như thế. Đối với Åsa, có một việc bắt buộc phải làm: phải an táng bé Mats với những nghi thức như người lớn vậy.

Bây giờ Åsa, cô bé chần ngỗng, đang ở rất xa trên miền Bắc, trong những mỏ lớn ở Malmberg. Đây là một chốn lạ lùng, nhưng để làm được như ý muốn của Åsa, thì có lẽ lạ lùng như thế lại là hơn.

Bé Mats với Åsa đã đi qua những miền rừng vô tận. Trong bao nhiêu ngày, hai chị em không trông thấy đồng ruộng cũng như ấp trại gì cả, chỉ toàn là những trạm dừng chân nghèo khổ; cuối cùng bỗng đến trước cái làng lớn Gellivare có nhà thờ, nhà ga, tòa án, ngân hàng, hiệu thuốc, khách sạn, mọc lên ở chân một ngọn núi mà mãi đến lễ Thánh Gioan vẫn còn mang những vệt tuyết^[137]. Gần hết các nhà ở Gellivare đều mới, và xây rất đẹp. Giá không trông thấy tuyết phủ sườn núi và những cây bạch dương còn trụi lá, thì hai đứa trẻ đã không tin là đang ở Lapland rồi. Và lại chẳng phải Gellivare đây là nơi hai chị em đến tìm bố, mà ở Malmberg thì không có cái vẻ một xã hội được tổ chức tốt như ở đây.

Lí do như thế này: dù người ta đã biết từ rất lâu là có những mỏ sắt lớn ở gần Gellivare nhưng việc khai thác mới thực sự bắt đầu có ít năm thôi, từ khi đường xe lửa làm xong. Từ lúc ấy hàng vạn người đã kéo đến. Việc làm đủ cho mọi người, nhưng nhà ở thì thiếu. Cho nên mỗi người phải tự xoay xở lấy tùy theo khả năng. Có người dựng lên những chiếc lều với những thân cây để nguyên vỏ, người khác chỉ làm những cái lán với những thùng cũ đựng cốt mìn, chồng lên nhau như xếp gạch. Bây giờ đã có những nhóm nhà nhỏ xinh xắn, nhưng khắp nơi còn thấy đất hoang, đất gốc cây và đá sỏi. Những biệt thự xinh đẹp của ông giám đốc và các kĩ sư ở ngay cạnh những túp lều thuở ban đầu. Có một con đường xe lửa, có ánh sáng điện khắp nơi, và những nhà máy lớn, và người ta có thể đi xe điện vào sâu lòng núi theo một đường hầm có đèn điện soi sáng. Khắp nơi nhộn nhịp khác thường. Còn bốn chung quanh lại là vắng vẻ hoang vu, đồng ruộng chẳng có, nhà cửa cũng không, chỉ có người Lapps sống với những con hươu phương Bắc của họ thôi.

Đến Malmberg hai chị em đã hỏi khắp nơi có ai biết một công nhân tên là Jon Assarsson; ông ta có đôi lông mày giao nhau trên sống mũi. Đôi lông mày đó là cái nổi bật ai cũng trông thấy; cho nên hai chị em được biết ngay là bố đã làm việc ở Malmberg này nhiều năm, nhưng đã bỏ đi nơi khác rồi. Người ta đã quen thấy ông ta thỉnh thoảng lại biến đi như thế ít lâu, những khi mà nỗi lo lắng làm ông ta hoang mang. Chẳng ai biết ông ta đang ở đâu cả, nhưng người ta tin chắc là sẽ thấy ông ta trở về một ngày nào đó thôi. Vì hai chị em là con Jon Assarsson, thì trong khi chờ bố có thể cứ ở cái nhà tồi tàn mà ông ta đã ở. Một người đàn bà đã rút chiếc chìa khóa từ dưới ngưỡng cửa ra và mở cho hai chị em vào. Chẳng một ai tỏ ra ngạc nhiên khi thấy hai đứa trẻ đến đây, cũng như thấy ông bố thường thường đi vắng như thế cả. Ở đây, mọi người hình như chỉ làm theo ý mình cả thôi.

Åsa hiểu rất rõ là phải làm đám tang cho em như thế nào. Một người quản đốc vừa được an táng chừa nhật trước. Xe tang do những con ngựa của chính

ông giám đốc kéo đến nhà thờ, và một đoàn dài công nhân đã đi theo xe. Quanh mộ, một phường nhạc đã cử nhạc và một hội hát đã hát. Cuối cùng, sau khi an táng, tất cả những ai đã dự lễ tang đều được mời uống một tách cà phê ở trường học. Åsa muốn làm cho em mình, bé Mats, đại khái như thế.

Nhưng làm sao được? Không phải là tốn kém làm Åsa sợ. Hai chị em đã tiết kiệm khá đủ tiền để có thể làm tang lễ thật đẹp cho bé Mats. Khó là ở chỗ khác. Làm sao mà bắt được người khác theo ý muốn của mình, khi mình chỉ là một đứa con nít? Åsa chỉ hơn bé Mats có một tuổi, Mats đang nằm trước mặt chị, bé nhỏ thế, mảnh khảnh thế. Có thể là người lớn, người ta sẽ cản lại ý muốn của Åsa.

Trước tiên Åsa ngỏ ý với người y tá: xơ^[138] Hilma đến túp nhà một lát sau khi bé Mats qua đời. Vừa đi xơ vừa nghĩ chắc rằng đến nơi thì bé Mats không còn sống nữa, xơ biết là hôm trước bé Mats vì đến gần một cái giếng khoan mở đúng lúc nổ mìn, đã bị đá bắn phải. Một mình bé nằm dưới đất bất tỉnh nhân sự rất lâu: sau cùng người ta trông thấy, băng bó cho và đưa về nhà; nhưng mà bé đã mất quá nhiều máu, không sống được nữa.

Đến thăm, người y tá nghĩ đến Åsa hơn là bé Mats. Thấy cô bé Åsa không khóc cũng không than, mà điềm tĩnh giúp mình trong mọi việc phải làm, xơ hết sức ngạc nhiên, cho nên xơ hiểu ngay khi mà Åsa nói với xơ về lễ an táng.

Åsa bắt đầu nói trịnh trọng, vì có thói quen chọn chữ như một người già: “Đối với một người như bé Mats, trước hết phải nghĩ đến việc tôn trọng cho đúng lúc đã. Sau sẽ có thì giờ để khóc”.

Rồi Åsa nhờ xơ giúp mình lo liệu cho bé Mats một đám tang cho xứng đáng.

Đối với người y tá thì cô bé mà có thể tìm được chút an ủi nào khi nghĩ đến đám tang, thì đó là một điều may vậy. Bởi thế xơ hứa giúp Åsa thực hiện được những dự định của mình. Åsa thì nghĩ rằng xơ Hilma mà ủng hộ mình, thì mục đích gần như đạt được rồi, vì xơ Hilma rất có thể lực. Trong cái vùng mỏ này mà mìn lúc nào cũng nổ ầm ầm, công nhân không bao giờ dám chắc là một lúc nào đó không bị một tảng đá lạc đập phải, hay một vụ đổ núi đè lên: vì vậy họ cần phải tử tế với y tá.

Bởi thế ngày hôm sau xơ Hilma cùng Åsa đi mời công nhân chúa nhật đến dự đám tang của bé Mats, thì chẳng mấy ai từ chối. Xơ còn nhờ được cả người ta cử nhạc và hát trước mộ nữa. Vì thời tiết hình như còn tốt lâu, nên đã quyết định là sau khi lễ tất, khách khứa sẽ uống cà phê ở ngoài trời. Người ta mượn ghế băng và bàn ở phòng họp của hội Chống uống rượu: các

cửa hiệu hứa cho mượn tách. Nhiều người vợ thợ mỏ mở cả tủ lấy ra những khăn trải bàn trắng tinh.

Tất cả những việc sửa soạn đó có tiếng vang hết sức lớn. Khắp cả vùng Malmberg người ta chỉ nói đến đám tang của bé Mats. Cuối cùng tin đó đến tai ông giám đốc mỏ.

Được biết rằng hơn năm mươi công nhân sẽ đi đưa đám một đứa trẻ mười hai tuổi, và hơn nữa, nghĩ cho kĩ cũng chỉ là một đứa bé lang thang, ông giám đốc cho như thế là điên. Rồi lại hát, lại nhạc; lại cả phê sau khi an táng, rồi lại kẹo đặt ở tận Luleå^[139] nữa! Ông ta cho đi mời người y tá đến, bảo khuyên cô bé bỏ cái việc làm điên dại đó đi. Ông ta nói:

“Để cho cô bé tội nghiệp phung phí tiền của nó như thế là không phải. Không nên chiều theo ý muốn thất thường của một đứa trẻ”.

Ông giám đốc nói rất dịu dàng, và người y tá thấy chẳng có gì phải nói lại, vừa do lòng tôn trọng, vừa phải công nhận rằng ông giám đốc nói đúng. Nghe ông ta nói, xơ phải tự nhận rằng mình đã để cho lòng thương xót cô bé tội nghiệp lấn át cả lí trí của mình.

Từ nhà ông giám đốc, người y tá đến thẳng nhà Åsa báo cho biết là phải bỏ các dự định về tang lễ long trọng. Làm cái việc vận động này, xơ thấy lòng mình cũng nặng nề vì xơ hiểu, hơn bất kì ai hết, là đám tang này có ý nghĩa như thế nào đối với cô bé đáng thương. Dọc đường, xơ gặp mấy người vợ công nhân và ngỏ với họ nỗi phiền lòng của mình. Những người đàn bà đó đáp lại ngay là họ cho rằng ông giám đốc nói đúng. Tang ma linh đình cho một đứa con nít mười hai tuổi như thế là điên.

Những người đàn bà đó truyền cái tin đến những người khác và tức khắc các nơi đều biết, từ “thành phố những chiếc lán” cho đến tận các mỏ, là sẽ không có đám tang lớn cho chú bé Mats. Và tất cả mọi người đều tán thành với ông giám đốc.

Chắc rằng trong tất cả vùng Malmberg chỉ có mỗi một người là có ý kiến khác: đó là Åsa, cô bé chần chững. “Vậy thì tôi đành phải đến nói với ông giám đốc,” Åsa nói thế. “Rõ ràng là ông ta chẳng biết tí gì về bé Mats cả”.

Chẳng chút do dự, Åsa sẵn sàng đến gặp ông giám đốc, con người oai quyền nhất vùng Malmberg. Người y tá và nhiều người đàn bà khác đi theo xa xa, tò mò muốn xem là cô bé có đủ can đảm đi đến cùng trong việc thực hiện ý định rất mực táo bạo của mình không. Åsa đi chính giữa đường, nghiêm trang và trầm mặc như một cô con gái đi đến nhà thờ để chịu lễ ban thánh thể lần đầu tiên trong đời.^[140] Åsa phủ lên đầu chiếc khăn quàng đen,

thừa hưởng của mẹ, một tay cầm chiếc khăn mùi soa gấp cẩn thận, tay kia cầm cái làn đựng những đồ vật bằng gỗ nhỏ mà bé Mats đã làm ra.

Trẻ con chơi ngoài đường trông thấy Åsa, liền chạy tới kêu lên: “Đi đâu đấy, Åsa? Đi đâu đấy?”

Åsa cũng không nghe thấy nữa. Các người đàn bà gạt đám trẻ con ra và bảo chúng: “Nào, để yên cho cô ấy! Cô ấy đến nhà ông giám đốc nói ông ta cho phép làm đám tang to cho bé Mats, em cô ấy”.

Cảm kích vì lòng dũng cảm của Åsa, một đám đông trẻ con liền đi theo.

Lúc ấy vào khoảng sáu giờ tối, và hàng trăm công nhân đi làm ở các mỏ về. Ngày thường họ đi rảo bước chẳng nhìn trái nhìn phải gì cả; nhưng thấy Åsa có bao nhiêu người đi theo như vậy, nhiều công nhân dừng lại, hiểu rằng đang có việc gì lạ lùng xảy ra đây. Được biết là cái gì thì nhiều công nhân cho là việc làm của cô bé quá sức dũng cảm, và họ liền nhập bọn với đám đàn bà và trẻ con để xem kết quả của việc này ra sao.

Åsa lên cái phòng làm việc, nơi ông giám đốc thường ngồi cho đến hết giờ. Đúng lúc cô bé đi vào hành lang thì cửa mở; ông giám đốc bước ra, mũ đội trên đầu, gậy cầm ở tay, để về nhà ăn tối.

Trông thấy cô bé đến long trọng như vậy, ông ta hỏi:

- Cô muốn gặp ai?

- Gặp chính ông giám đốc, Åsa trả lời.

- Vậy thì chính tôi đây. Vào đây vậy. Ông giám đốc vừa nói vừa trở lại phòng làm việc của mình.

Åsa đi theo. Cô bé ngẩng đầu lên, hất chiếc khăn quàng ra sau lưng và ngược về phía ông giám đốc, đôi mắt trẻ con tròn trịa, mà cái nhìn nghiêm trang thật là cảm động.

Åsa bắt đầu nói: “Số là bé Mats vừa mất”. Giọng cô bé run run vì phải ngừng lại nhiều. Bấy giờ ông giám đốc biết là mình đang có việc với ai rồi. Ông ta nói rất nhân hậu:

“À! Cháu là cô bé đã muốn lo liệu cái đám tang to lớn ấy. Không nên làm, cháu ạ. Tốn kém cho cháu lắm đó. Tôi mà được nghe nói về ý định ấy sớm hơn thì tôi đã khuyên cháu đừng làm...”

Nét mặt cô bé cau lại, và ông giám đốc tưởng là cô sắp òa lên khóc, nhưng Åsa trấn tĩnh lại và nói:

“Cháu muốn kể ông giám đốc biết vài điều nhỏ về bé Mats”.

Ông giám đốc nói dịu dàng: “Tôi đã biết việc của cháu rồi. Không nên nghĩ rằng tôi không đau xót với cháu. Tôi làm vì lợi ích của cháu”.

Åsa, cô bé chần ngỗng, càng ngẩng cao đầu lên nữa và nói, giọng trong trẻo và rành mạch:

“Từ khi lên chín, bé Mats đã không còn cả cha lẫn mẹ, và đã bắt buộc phải kiếm ăn để nuôi thân như một người lớn. Không bao giờ bé muốn ăn xin ai, dù chỉ là một bữa. Bé lúc nào cũng nói rằng xin người ta bố thí cho là không xứng đáng làm người. Bé đi khắp đất nước, mua trứng và bơ của nông dân rồi bán lại, và đã làm ăn nghiêm chỉnh chẳng kém gì một người buôn bán già cả. Mùa hè đi chăn ngỗng, bé đem một công việc nhẹ ra đồng làm. Khi bé Mats đi từ trại này sang trại khác, nhiều lần bà con nông dân tỉnh Skåne đã giao cho bé những số tiền lớn, vì họ biết là có thể tin cậy bé; như vậy người ta không có quyền nói rằng bé Mats chỉ là một đứa trẻ con, và người lớn cũng không phải là nhiều người đã...”

Ông giám đốc, đôi mắt nhìn như đóng đinh xuống sàn, và không một thớ thịt nào trên khuôn mặt cử động cả. Åsa, cô bé chần ngỗng, ngừng lại, cho rằng chẳng cần nói tiếp nữa. Như một lời kháng nghị cuối cùng, cô bé chỉ thêm:

“Và lại tự cháu sẽ trả hết mọi chi phí của đám tang, cháu chỉ mong rằng...” Åsa ngừng lại lần nữa.

Bấy giờ ông giám đốc mới ngược lên nhìn thẳng Åsa, cô bé chần ngỗng, nhìn thấu tận đáy mắt của cô bé. Có thể nói là ông ta đo và cân cô bé bằng cái nhìn gần như nghiệp vụ của một kẻ có bao nhiêu là người dưới quyền mình. Ông nghĩ là cô bé đã mất cả gia đình, cha mẹ, anh em, chị em, mà vẫn không gãy gục. Một ngày kia, cô bé là một người đàn bà trung dũng biết bao nhiêu! Nhưng mà ông có dám tăng thêm gánh nặng đang đè lên đôi vai mảnh khảnh của cô bé không? Như thế có phải là cái cọng rom sẽ làm cô bé ngã quỵ dưới cái gánh quá nặng không? Ông ta hiểu là, buộc lòng phải đến gặp ông để nói về em mình, đối với cô bé là đau xót đến chừng nào. Chắc là cô bé đã thương yêu nó, đứa em ấy, hơn bất kì cái gì ở đời. Làm sao mà người ta lại dám ngăn cản lòng thương yêu đó được.

“Cứ làm như cháu muốn, cháu thân yêu ạ”, cuối cùng ông giám đốc nói vậy.

Ở xứ sở của người Lapps

Trên bờ phía tây cái hồ nhỏ Luossajaure ở cách Malmberg nhiều dặm về phía bắc, có một cái trại tạm cư của người Lapps.^[141] Ở cái mỏm đất phía nam hồ là một ngọn núi tròn vành vạnh đứng một mình, tiếng Lapps gọi là Kirunavara, và hình như chứa toàn là quặng sắt. Ở phía đông bắc có một quả núi nữa, gọi là Luossavara, cũng rất nhiều sắt.^[142] Người ta đang làm một con đường xe lửa giữa Gellivare với các núi ấy, và ở chân núi Kirunavara đã mọc lên một nhà ga, một khách sạn và những nhà ở cho công nhân và kĩ sư. Cả một thành phố nhỏ, nhà cửa xinh xắn và vui mắt, xuất hiện trong vùng này. Nó quá xa xôi trên phía bắc đến nỗi những cây bạch dương bé nhỏ mọc trên mặt đất, chỉ đâm chồi sau lễ Thánh Gioan.^[143]

Bên phía tây hồ, mặt đất quang đãng, vài gia đình của bộ tộc Lapps đã đến ở. Người Lapps ở đây mới chỉ một hay hai tháng, nhưng cũng chẳng cần nhiều thời gian để bố trí chỗ ăn ở của họ. Họ chẳng hề đào đất, cũng chẳng bấn núi đá đi, cũng chẳng đúc nền móng cho nhà họ bằng đá khối, đá hộc gì kiên cố. Sau khi chọn được một chỗ khô ráo và dễ chịu ở cạnh hồ, họ chỉ cần chặt đi vài bụi miên liễu và san bằng vài mô đất. Họ không hề xẻ, hề cưa, hề đóng ngày này sang ngày nọ, để dựng lên những vách gỗ vững chắc; họ chẳng hề lo đến rui mè, đến mái lợp, đến ván lát, đến cửa sổ, đến cửa lớn, đến ô khóa gì cả. Họ chỉ đóng chắc chắn xuống đất những cọc lều của họ, mắc vài lều lên, thế là làm xong chỗ ở. Chẳng chút chi phí nào về xếp đặt nhà cửa, cũng như về sắm sanh đồ đạc: chỉ một lớp cành cây bách và da hươu phương Bắc trải xuống đất, một chiếc móc sắt có dây xích buộc lên nóc lều để treo cái nồi to nấu thịt hươu, thế thôi.

Những người đến lập ấp ở bên bờ hồ phía tây làm việc vất vả cho xong nhà trước khi mùa đông khốc liệt đến, đã phải ngạc nhiên về phong tục của người Lapps, ở cao trên miền Bắc từ bao thế kỉ mà vẫn không nghĩ đến việc dựng lấy một chỗ trú thân vững hơn cái tấm vải lều của họ, để chống cái rét và những cơn bão. Còn người Lapps thì không hiểu được tại sao những dân lập ấp lại chuốc lấy lắm nỗi vất vả đến thế, trong khi để sống được chỉ cần có vài con hươu và một chiếc lều là đủ rồi. Một buổi chiều tháng bảy trời mưa như trút; và những người Lapps, thường mùa này chẳng mấy khi ở trong lều, đã tụ tập nhau lại gần như tất cả, quanh ngọn lửa trong một chiếc lều, và uống cà phê.

Trong lúc họ vừa nhăm nháp vừa chuyện trò, thì một chiếc tàu từ phía Kiruna đến cập bờ cạnh cái trại của họ. Từ dưới tàu bước lên một người công nhân và một cô bé độ mười ba, mười bốn tuổi. Mấy con chó lao tới, sủa như điên, và một người Lapps ló đầu ra cửa lều nhìn xem cái gì. Nhận ra người công nhân, anh ta rất mừng. Đó là một người bạn của dân Lapps, lịch sự và vui vẻ, và biết nói tiếng của họ.

Người Lapps kêu lên: “Anh đến thật đúng lúc, Suderberg ạ. Ấm cà phê đang ở trên lò. Mưa thế này chẳng làm gì được. Đến đây cho chúng tôi biết ít tin tức đi”.

Người ta vừa cười vừa đón nhau lại trong chiếc lều chật chội, để nhường chỗ cho người công nhân và cô bé. Anh ta bắt đầu nói chuyện sôi nổi với người Lapps bằng tiếng của họ. Cô bé, chẳng hiểu chút gì trong câu chuyện, nhìn cái nồi to và ấm cà phê, ngọn lửa và làn khói, những người Lapps đàn ông và những người Lapps đàn bà, những đứa trẻ và những con chó, những vách bằng vải và những tấm da trải dưới đất, những tàu thuốc lá của đàn ông, những quần áo sặc sỡ, và những đồ dùng chạm trổ. Cái gì đối với cô bé cũng mới lạ cả. Bỗng cô bé phải cúi mắt trông xuống, vì tất cả mọi người đều quay lại nhìn mình; có lẽ Suderberg đã nói đến cô bé, vì đàn ông cũng như đàn bà đều bỏ tàu thuốc ngán của họ ra khỏi mồm và nhìn cô. Người Lapps ngồi bên cạnh, thân mật vỗ nhẹ vào vai cô bé và nói bằng tiếng Thụy Điển: “Giỏi! Giỏi!”. Một người đàn bà Lapps rút một tách cà phê đầy, và người này chuyền tay người kia đưa đến cho cô bé; và một đứa con trai, trạc tuổi cô, vừa bò vừa leo qua những người ngồi, trườn đến tận chỗ cô bé, rồi nằm dài xuống đất và cứ nhìn cô bé không rời mắt.

Cô bé hiểu rằng Suderberg kể chuyện mình, và nói đến việc cô đã làm tang lễ long trọng cho em trai là bé Mats. Cô bé chỉ muốn anh ta nói đến mình ít hơn, và đến bố mình nhiều hơn. Được nghe nói là bố ở với người Lapps bên phía tây hồ Luossajaure, cô bé đã đi xe lửa từ Gellivare đến Kiruna. Ở đây ai cũng rất tốt với cô. Một ông kĩ sư đã phái Suderberg biết tiếng Lapps, đi với cô sang tận bờ hồ bên này để tìm ông bố. Hy vọng tìm được bố ngay lúc đến nơi, nên vừa bước vào lều, trống ngực đánh liên hồi, cô bé đã đảo mắt nhìn khắp tất cả các khuôn mặt. Nhưng ông bố không có ở đây.

Cô bé thấy Suderberg nói chuyện với những người Lapps, mỗi lúc một thêm nghiêm trang. Những người này thì gật gật đầu và nhiều lần lấy ngón tay trỏ đập đập vào trán, như thể nói đến một người mất trí. Sau cùng, lo quá không chờ được nữa, cô bé hỏi Suderberg là những người Lapps nói gì vậy.

- Họ nói là ông ta đi câu. Họ không biết là tối nay có về đây không,

nhưng thời tiết mà tốt lên một tí là họ đi tìm ông ta ngay.

Rồi Suderberg lại quay nhanh về phía những người Lapps, và tiếp tục nói chuyện với họ. Rõ ràng là anh ta tránh nói đến Jon Assarsson.

Bây giờ là buổi sáng, và thời tiết đã tốt trở lại. Đích thân Ola Serka, kẻ đứng đầu những người Lapps, đã hứa đi tìm Jon Assarsson, nhưng ông ta chẳng chút vội vàng. Ngồi trước túp lều, ông ta nghĩ cách báo cho người bố ấy biết con gái mình đã đến đây. Cốt đừng làm ông ta lo ngại, vì ông ta rất kì quặc và tránh mặt trẻ con. Chính ông ta vẫn nói là không thể trông thấy trẻ con mà không bị những ý nghĩ hắc ám làm cho khổ sở.

Trong khi Ola suy nghĩ thì Åsa, cô bé chần ngỗng, trò chuyện với Aslak, đứa bé Lapps hôm trước cứ nhìn cô mãi. Aslak có đi học và nói tiếng Thụy Điển. Nó kể cho Åsa nghe những nét chính trong đời sống của tộc Lapps, của những người Same, quả quyết rằng chẳng dân tộc nào có được một đời sống sung sướng hơn. Åsa thì rất thành thật, nói thẳng ra là mình cho rằng sống theo cách người Lapps thật là kinh khủng.

- Tôi mà còn ở, chỉ một tuần tại đây thôi, thì tôi sẽ chết ngạt vì khói mất!

- Chớ nói thế! Aslak trả lời. Chị chẳng biết chút gì về chúng tôi cả. Tôi kể chị nghe chuyện này, chị sẽ thấy là càng ở lại với chúng tôi, người ta càng thích.

Và Aslak kể:

“Đó là cái thưở mà một cái bệnh gọi là cái chết đen^[144] đang tàn phá nước Thụy Điển. Tôi không biết là bệnh có lan đến tận xứ Same chính thị, mà chúng ta đang ở ngày nay đây không, nhưng ở tỉnh Jämtland^[145] thì bệnh tàn phá khủng khiếp đến nỗi tất cả tộc Same ở bên ấy, trên các cao nguyên băng tích và trong các rừng đều chết hết, chỉ còn sót có một cậu con trai mười lăm tuổi thôi; và trong số những người Thụy Điển sống ở các thung lũng sông ngòi, cũng chỉ còn lại có một cô con gái, cũng mới mười lăm tuổi.

“Gần suốt một mùa đông, cậu con trai và cô gái mỗi người một phía, đã đi khắp đất nước hoang vu để tìm người còn sống, và vào mùa xuân khi họ gặp nhau, thì cô con gái Thụy Điển nhờ cậu con trai Lapps cùng đi với mình về phía nam, hi vọng sẽ tìm được những người đồng chủng với mình.

- “Tôi sẽ đưa chị đi đâu chị muốn, cậu con trai trả lời, nhưng không thể đi trước khi mùa đông đến. Giờ là mùa xuân, và hươu của tôi lên cả các cao nguyên băng tích phía tây, và chị cũng biết là chúng tôi, người tộc Same, chúng tôi bắt buộc phải đi theo hươu của chúng tôi”.

Cô nói: “VẬY thì cho tôi theo anh lên các cao nguyên băng tích”.

“Cậu con trai vui lòng nhận lời, và thế là cô con gái theo đàn hươu trong những cuộc đi xa xôi. Các con hươu vội tìm lại đồng cỏ ngon lành ở các núi cao, và ngày nào cũng đi những đoạn đường rất dài. Người ta chẳng còn có thì giờ để dựng lên một túp lều nữa, phải lăn ra mặt tuyết mà ngủ trong những lúc hươu dừng lại để kiếm ăn. Các con vật cảm thấy ngọn gió nam thổi dựng đứng lông của chúng lên, và biết rằng chỉ nay mai là gió sẽ quét sạch tuyết phủ các sườn núi. Cô con gái và cậu con trai phải chạy theo hươu qua lớp tuyết đang tan, và giữa những khối băng đang nứt. Đến độ cao mà rừng tùng chấm dứt và bắt đầu sự thống trị của những cây bạch dương còi cọc thì họ có thể cắm trại và dừng lại vài tuần, chờ cho tuyết tan trên các đỉnh núi. Sau đó họ lại leo lên các đỉnh. Cô con gái thường phàn nàn, nhưng vì không thể ở lại một mình, chẳng có một người sống gần mình, nên cô đành đi theo đàn hươu và người con trai Lapps vậy.

“Trên cao nguyên, cậu con trai dựng một chiếc lều cho cô con gái, ở sườn một cái dốc xanh rờn, thoải thoải nghiêng xuống một con suối. Tối đến cậu ta tung dây thòng lọng bắt các con hươu cái, vắt sữa cho cô ta uống. Cậu ta đi tìm thịt sấy khô và pho mát sữa hươu mà tộc đoàn của cậu cất giấu mùa hè năm trước. Cô con gái vẫn phàn nàn, và người con trai của tộc đoàn ở các cao nguyên băng tích chỉ cười và tiếp tục đối đãi với cô rất nhân hậu.

“Dần dần cô cũng giúp cậu vắt sữa hươu và đánh lửa đun nồi, xách nước và làm pho mát. Họ sống một thời gian rất sung sướng. Trời nắng ráo và thức ăn không thiếu. Họ cùng nhau bẫy chim, câu cá hương dưới khe, và hái dâu vàng trong các bãi lầy.

“Mùa hè qua rồi, họ lại cùng đàn hươu xuống ở độ cao ranh giới giữa các loài tùng bách, với bạch dương, và cắm trại ở đây ít lâu. Đã đến lúc giết bớt một số hươu. Khi tuyết rơi và các mặt hồ đông lại thì họ xuống thấp thêm bên phía đông, đi vào rừng bách rậm rạp. Cậu con trai dạy cô con gái các công việc mùa đông: dạy bện gân hươu làm dây, dạy thuộc da, may quần áo và khâu giày dép bằng da, làm lược và các đồ dùng bằng sừng, dạy chạy băng ván trượt băng và đánh đi một chiếc xe trượt Lapps do hươu kéo.

“Khi mùa đông tối tăm đã đi qua và mặt trời trở lại^[146] thì cậu con trai báo cho cô con gái biết là có thể đi cùng cô về phương Nam tìm những kẻ đồng chủng của cô. Cô con gái trở mắt nhìn cậu và nói:

“- Tại sao anh lại đuổi tôi đi. Hay là anh vội muốn sống một mình với đàn súc vật của anh?

- Tôi nghĩ là cô vội tìm lại dân tộc của cô đấy chứ.

- Tôi đã sống gần một năm cuộc đời của tộc Same. Làm sao mà tôi có thể trở lại giữa dân tộc tôi để sống trong những chiếc nhà chật chội và đóng kín, sau khi đã đi lại tự do bao nhiêu lần trên các cao nguyên và trong các rừng? Đừng đuổi tôi đi, cho tôi ở lại đây! Cách sống của các anh hơn cách sống của chúng tôi!” “Cô con gái ở lại suốt đời bên cạnh anh con trai Lapps, mà không bao giờ nhớ thương các miền thung lũng cả. Chị thấy đấy, Åsa ạ, chị ở lại đây chỉ một tháng thôi, thì chị sẽ không thể nào lại ra đi nữa đâu”. Aslak kết luận như vậy.

Aslak thôi kể. Bố cậu ta, Ola Serka, bỏ tàu thuốc ra khỏi mồm và đứng dậy. Ông lão Ola hiểu tiếng Thụy Điển nhiều hơn, ông ta nghĩ là nên nói cho người ta biết rằng ông hiểu: và ông ta đã hiểu những gì con trai ông vừa nói. Giờ thì ông ta biết phải làm cách nào để nói với ông Jon Assarsson là con gái ông ấy đã đến gặp bố. Ola Serka đi xuống hồ và men theo bờ cho tới khi gặp một người ngồi trên một tảng đá, tay cầm chiếc cần câu. Người câu cá tóc hoa râm và lưng đã còng. Đôi mắt nhìn mệt mỏi và cả con người như mất hết năng lực, không còn sinh khí nữa. Ông ta có cái vẻ một người đã gắng sức ghe góm để nhấc một gánh quá nặng lên hay tìm lời giải đáp cho một bài toán quá khó, rồi bị gây gục và mất hết can đảm.

“Hôm nay câu khá chứ, Jon à, vì suốt cả đêm anh có chịu buông cần ra đâu?” Ông lão Lapps chào Jon và nói như vậy.

Jon Assarsson giật mình, ngẩng đầu lên. Chẳng có con cá nào trên cỏ, và cái cần câu thì không có mồi. Ông ta vội vàng kéo cần lên và mắc mồi vào lưỡi câu.

Người Lapps ngồi xuống cỏ cạnh ông ta, và bắt đầu nói:

- Tôi muốn nhờ anh khuyên cho một lời. Anh biết tôi có đứa con gái chết năm ngoái, làm cho chúng tôi thấy thiếu thốn nhiều lắm.

- Tôi biết, ông ta ngắt lời, và mặt ông ta bỗng tối sầm lại, vì ông ta không muốn nói đến trẻ con chết. Ông ta nói tiếng Lapps rất thạo.

- Tuy vậy người ta cũng không thể hoài phí cuộc đời trong cảnh sầu muộn; tôi nghĩ là nên kiếm một đứa con gái nhỏ làm con nuôi; anh cho là thế nào?

- Cũng tùy, Jon trả lời bằng quơ.

- Tôi sẽ kể anh nghe những gì tôi biết về đứa con gái mà tôi đã nghĩ đến, Jon à, Ola nói tiếp. Rồi ông lão kể cho người câu cá nghe rằng có hai đứa trẻ, một trai và một gái, đã đến mộ Malmberg tìm bố, rằng đứa con trai chết vì tai nạn, và đứa con gái đã muốn chôn cất nó với nghi thức dành cho người

lớn. Ola kể lại là đứa con gái đã phải đến nói với chính ông giám đốc như thế nào.

- Đó là đứa con gái mà anh muốn nuôi làm con, Ola?

Người câu cá hỏi.

- Đúng, ông lão Lapps trả lời. Khi được người ta kể cho nghe chuyện của nó thì tất cả chúng tôi không thể không khóc, và chúng tôi bảo nhau rằng một người chị mà tốt như thế với em, thì chắc chắn phải là một đứa con gái rất tốt đối với bố mẹ.

Jon Assarsson chẳng đáp lại gì cả. Một lát sau, để khỏi mất lòng người bạn Lapps vì nỗi vô tình của mình, ông ta hỏi:

- Nhưng con bé là người tộc anh phải không?

- Không, nó không phải người tộc Same, người Lapps đáp.

- Thế chắc là con gái một người lập ấp, đã quen với đời sống trên miền bắc này rồi?

- Không, nó từ phương Nam lên, từ rất xa lên. Ola trả lời, giọng rất tự nhiên.

Người câu cá hình như quan tâm hơn một chút, ông ta nói:

- Như thế tôi nghĩ là không nên đem nó về nhà anh. Nó không tài nào ở được một chiếc lều trong mùa đông, nếu nó không được nuôi nấng ở đó từ trước.

- Nhưng mà ở với chúng tôi nó sẽ có bố mẹ tốt và anh em, chị em tốt. Sống cô độc và vô thừa nhận còn khổ hơn chịu rét rất nhiều, Ola cứ khẳng định vậy. Người câu cá xem ra không thích cái việc một đứa trẻ Thụy Điển lại được những người Lapps nhận về nuôi.

Ông ta hỏi lại:

- Anh chẳng nói rằng con bé có bố ở Malmberg sao?

- Bố nó chết rồi, người Lapps trả lời, giọng quả quyết!

- Anh chắc thế chứ, Ola?

- Tất nhiên, tôi biết chắc chắn! Người Lapps trả lời vẻ khinh dễ. Đứa bé gái với em nó cần gì phải đi một mình suốt đất nước, nếu có một người bố còn sống? Hai đứa bé, tuổi như chúng nó thì cần gì phải tự mình nuôi sống mình, nếu được một người bố có thể làm việc nuôi chúng nó? Đứa bé gái có

cần gì phải một mình đến nói với ông giám đốc nếu bố nó còn sống. Nó việc gì phải sống một thân một mình, giờ đây mà cả xứ Same này đang nói đến lòng dũng cảm của nó, nếu bố nó chưa chết? Chính đứa bé tin là bố nó còn sống, nhưng tôi thì tôi nói rằng bố nó phải chết rồi.

Con người có đôi mắt mệt nhọc quay về phía Ola, ông ta hỏi:

- Nó, tên gì?

Người Lapps suy nghĩ.

- Tôi không nhớ. Tôi sẽ hỏi nó. Nó đang ở trên kia, trong lều của tôi.

- Sao, Ola? Anh đã đem nó về nhà trước khi hỏi xem bố nó, có thể là chưa chết, có cho phép hay không à?

- Thì tôi cần gì người bố? Bố nó mà chưa chết thì ấy là bố nó không đoái hoài tới nó nữa. Lão ta phải bằng lòng vì kẻ khác trông nom con gái cho lão ta chứ.

Người câu cá ném cần câu, đứng dậy. Người Lapps nói tiếp:

- Tôi cho rằng người bố có lẽ thuộc hạng người bị những ý nghĩ u ám theo đuổi, không thể ở yên chỗ và làm ăn được. Một người bố như thế phỏng ích gì cho con bé?

Người câu cá liền leo ngược lên bờ hồ.

- Đi đâu đấy? Người Lapps hỏi.

- Tôi muốn xem đứa con nuôi của anh, Ola à.

- Được. Đến đây đi. Tôi tin là anh sẽ nói rằng tôi đã kiếm được một con bé rất tốt.

Người Thụy Điển đi rất nhanh; một chốc Ola lại nói:

- Giờ tôi nhớ ra tên nó rồi. Nó tên là Åsa.

Jon lại càng đi nhanh hơn, chẳng nói chẳng rằng.

Ola Serka đáng lẽ đã phải cười vì thích chí. Khi họ gần trông thấy túp lều ngay trước mặt, Ola nói thêm:

- Con bé đã đến tận xứ sở của tộc Same để tìm bố, nhưng nếu không tìm được thì tôi sẽ rất vui lòng giữ nó lại đây.

Người Thụy Điển liền đi như chạy.

“Mình biết chắc rằng anh ta sợ, nếu mình dọa giữ con gái anh ta ở lại với

tộc Same làm con nuôi”, ông lão Ola nghĩ thầm như vậy.

Tối hôm sau, khi mà cái người ở Kiruna, hôm trước đã đưa Åsa qua hồ đến tận cái trại của người Lapps, trở về bên kia, thì anh ta đưa về theo hai người; họ ngồi sát vào nhau và tay cầm tay, như để đừng có xa nhau nữa. Đó là Jon Assarsson và con gái. Cả hai như thể đã thay đổi; Jon Assarsson lưng bót còng và trông như đỡ mệt mỏi, chán nản; cái nhìn của đôi mắt sáng sủa và hiền hậu, như thể ông ta cuối cùng đã tìm ra lời giải đáp cho một câu hỏi vốn làm ông ta khắc khoải; và Åsa, cô bé chần ngỗng, không nhìn ra chung quanh với cái vẻ chăm chú và cẩn thận, linh hoạt thường làm cho cô bé như già đi trước tuổi nữa. Cô bé đã tìm được người để nương tựa, và hình như đang ở trên con đường trở lại làm một đứa trẻ con.

Về Nam! Về Nam!

Ngày đi đầu tiên

Thứ bảy, 1 tháng mười

Ôm lưng ngỗng đực trắng, Nils bay ở trên đỉnh mây. Ba mươi một ngỗng trời bay nhanh về phương Nam thành một hình chữ nhân đều đặn. Lông cánh xào xạc, tất cả quạt vào không khí như rít lên; đến tiếng của chính mình cũng không thể nghe thấy nữa. Akka núi Kebnekaise bay đầu đàn; phía sau, bên phải và bên trái là Yksi và Kaksi, Kolmi và Neljä, Viisi và Kuusi, ngỗng đực trắng và Lông Tư Mịn. Sáu ngỗng non đã theo đàn, giờ không đi nữa. Thay vào, các ngỗng già đem theo hai mươi hai ngỗng con, mùa hè này được nuôi nấng trong thung lũng xứ Lapland. Mười một chú bay bên phải và mười một bên trái, và cố hết sức giữ đúng các khoảng cách nhau thật đều đặn như các ngỗng già.

Các ngỗng con tội nghiệp, chưa đi xa bao giờ, thoát tiên phải rất khổ sở mới theo được nhịp bay nhanh.

Các ngỗng con kêu lên, giọng đáng thương:

- Akka núi Kebnekaise! Akka núi Kebnekaise!

- Cái gì thế? Ngỗng dẫn đường hỏi.

- Đập mãi cánh, chúng tôi mỏi lắm! Đập mãi cánh, chúng tôi mỏi lắm!

- Bay tiếp sẽ đỡ mỏi. Akka đáp lại, chẳng bay chậm lại một tí nào. Và có thể nói rằng Akka có lí: sau hai giờ bay, các ngỗng con không còn phàn nàn về mệt mỏi nữa. Nhưng bây giờ lại đến chuyện khác; chẳng mấy chốc chúng bắt đầu rên vì đói.

Các ngỗng con kêu lên, giọng đáng thương: - Akka, Akka, Akka núi Kebnekaise!

- Gì nữa đây?

- Đói quá, chúng tôi không thể bay xa nữa. Đói quá!

- Ngỗng trời phải biết uống gió và ăn không khí - Akka đáp lại và không

thương xót, và vẫn tiếp tục bay.

Hình như tất cả các ngỗng con đã học được cái việc nuôi thân bằng gió và không khí, vì chẳng mấy chốc không còn nghe phàn nàn gì nữa. Đàn ngỗng đang còn ở trên các cao nguyên băng tích, và các ngỗng già kêu tên của tất cả các đỉnh núi vượt qua, để dạy cho các ngỗng non biết. Các ngỗng già không ngớt mồm: “Ngọn kia là Porsotjokko, và đây là ngọn Särjaktjokko, và kia ngọn Sulitelma”^[147] thì các ngỗng con lại bắt đầu sốt ruột.

- Akka, Akka, Akka, các ngỗng con kêu lên, nghe đứt ruột.

- Lại cái gì nữa đây?

- Đầu chúng tôi không đủ chỗ để chứa bao nhiêu tên. Không đủ chỗ để chứa bao nhiêu tên, các ngỗng con kêu thế.

- Càng nhiều thứ vào trong đầu, càng có chỗ; Akka trả lời, không xúc động.

Riêng Nils thì nghĩ thật đã đến lúc lên đường về Nam quá đi rồi, vì tuyết đã rơi nhiều, và mặt đất mênh mông trắng xóa một màu. Và chẳng phải nói nữa: cũ vừa rồi ở bên kia, trong thung lũng giữa cao nguyên băng tích, thật là khô. Mưa, bão, mù cứ kế tiếp nhau không ngớt, và chỉ có một lần được trời quang thì tức khắc nước đóng băng. Những trái cây, và năm mà Nils ăn trong mùa hè thì giờ đông lại hay thổi ra; sau cùng phải ăn cá sống mà chú chẳng muốn chút nào. Ban ngày đã thu ngắn lại nhiều, ban đêm thì dài ra, và các buổi sáng đến chậm một cách khủng khiếp, đối với bất cứ ai không thể ngủ mãi hết cả thời gian vắng cái mặt trời.

Nhưng cuối cùng các đôi cánh của đàn ngỗng con đã cứng cáp lên, và cuộc lữ hành về phương Nam đã có thể bắt đầu. Nils vui mừng đến nỗi hết hát lại cười, hết cười lại hát. Và lại chẳng phải chỉ vì đêm tối và rét mướt, và thức ăn khan hiếm mà chú cầu mong được rời khỏi xứ Lapland; còn có cái khác nữa thu hút chú về Skåne.

Những tuần lễ đầu chú chẳng chút nào nhớ quê hương. Được thăm xứ Lapland, chú thích quá sức. Chỉ một nỗi lo là ngăn tất cả các đàn muỗi nhưng nhúc ở đây ăn thịt mình. Cùng với Akka hay Gorgo, chú đã đi chơi nhiều vòng dài. Từ trên đỉnh núi Kebnekaise tuyết phủ, chú đã nhìn các dòng băng^[148] bao quanh chân quả núi hình nón, trắng và dốc ấy. Akka đã đưa chú đến thăm những thung lũng kín đáo và nhìn suốt vào những hang dài có những chó sói cái cho con bú. Chú đã làm quen với những con hươu phương Bắc đi ăn từng đoàn đông trên các bờ hồ Torne rất đẹp, và chú đã đi xa đến tận những thác đổ Sjurfallet để chào các con gấu ở đây. Đâu đâu cũng thấy

đất nước ngoạn mục. Chú rất bằng lòng được trông thấy thế, nhưng chú sẽ không muốn ở đây chút nào. Akka đã có lí vô cùng khi nói rằng những người đi lập ấp nên để đất này lại cho gấu, cho chó sói, cho hươu phương Bắc, cho cú trắng, cho chuột núi xứ lạnh, và cho người Lapps, họ hình như được tạo ra để sống ở đây.

À, đúng, chú sung sướng được lên đường về Skåne! Chú đưa mũ vẫy khi trông thấy khu rừng bách đầu tiên; chú hô hua-ra chào những chiếc nhà nhỏ màu xám đầu tiên của dân đi lập ấp, những con dê đầu tiên, con mèo đầu tiên, những con gà mái đầu tiên. Chú bay trên những thác đổ đẹp tuyệt và thấy bên tay phải những đỉnh nhọn nhô cao trên các cao nguyên băng tích, chú chỉ nhìn thoáng qua thôi. Nhưng khi trông thấy cái nhà thờ nhỏ ở Kvikjocks với nhà mục sư bé bé và cái làng nho nhỏ chung quanh, thì lại khác. Cảnh đó đối với chú thật đẹp, đến nỗi đôi mắt chú rung rung lệ.

Mỗi lúc, chú lại gặp những chim di cư bay từng nhóm đông hơn mùa xuân nhiều. Các đàn chim hỏi:

- Đi đâu, ngỗng trời? Đi đâu?

- Chúng tôi đi ra nước ngoài như các bạn. Chúng tôi đi ra nước ngoài, đàn ngỗng đáp lại.

- Nhưng các cháu bé chưa đủ sức, các chim kia lại kêu lên. Không bao giờ vượt qua được với những đôi cánh yếu thế.

Cả hươu phương Bắc và người Lapps cũng đang từ giã các cao nguyên băng tích. Họ đi xuống rất trật tự: một người Lapps mở đường, rồi đến đàn súc vật, những bò đực to đi trước, rồi một dãy hươu thò những lều vải và hành lí, và sau cùng bảy hay tám người đi chặn hậu. Trông thấy hươu, đàn ngỗng trời xuống thấp một tí để kêu: - Tạm biệt! Hẹn mùa hè sau! Hẹn mùa hè sau!

- Chúc lên đường may mắn và trở về may mắn với chúng tôi, - đàn hươu đáp lại.

Nhưng đám gấu trông thấy ngỗng thì chỉ cho các gấu con và gầm gừ: “Có thấy những đồ nhát như cáy kia không, một chút lạnh cũng sợ, không dám ở lại xứ sở trong mùa đông!” Các ngỗng già đâu có chịu kém: “Có thấy những kẻ lười chầy thây kia không, họ muốn ngủ ý một nửa năm hơn là cất công di cư!”^[149]

Trong các rừng bách, những gà rừng non nép sát vào nhau, lông dựng đứng và rét cóng, thềm thường nhìn tất cả các đàn chim đang bay về phương Nam, vừa bay vừa kêu những tiếng vui sướng kia. Chúng hỏi mẹ: - Bao giờ

sẽ đến lượt chúng con? Bao giờ sẽ đến lượt chúng con?

- Các con sẽ ở lại đây cạnh mẹ, cạnh cha, gà mái trả lời. Các con sẽ ở lại đây, quê mẹ, quê cha.

Núi Ostberg

Thứ ba, 4 tháng mười

Đàn ngỗng còn ở Lapland thì còn được thời tiết rất tốt: nhưng vừa vào đến tỉnh Jämtland là bị bao phủ trong sương mù dày đặc; cả đàn liền đáp xuống đỉnh một quả đồi. Nils nghĩ là mình đang ở một vùng có cư dân vì chú tưởng như nghe thấy tiếng người nói và tiếng xe kiu kịt. Chú rất muốn đi kiếm chỗ trú trong một cái trại, nhưng sương mù dày như thế này chú sợ lạc mất. Cái gì cũng đầm đìa những nước và hơi ẩm. Những giọt nước đọng lại đầu mỗi một ngọn cỏ, và hơi khê động là nước rơi lả tả như mưa.

Chú đi vài bước tìm một chỗ trú thì trông thấy ngay trước mặt một ngôi nhà rất cao, nhưng không lớn. Cửa đóng và không có người ở. Nils hiểu rằng đó chỉ có thể là một ngọn tháp xây lên đây để ngắm phong cảnh cho đẹp. Chú quay về phía đàn ngỗng.

“Ngỗng đực tốt bụng của mình ời,” chú gọi, “cõng mình bay lên đỉnh ngọn tháp đằng kia tí. Có thể ở đây mình kiếm được một chỗ nhỏ khô ráo để ngủ”.

Ngỗng đực nghe lời và đặt chú lên mặt bằng của đỉnh tháp; chú bé nằm đấy, ngủ ngay, và chỉ thức giấc khi mặt trời ban mai chiếu thẳng vào mặt. Mở mắt ra, thoát tiên chú khó lòng mà biết được mình đang ở đâu. Đã quen nhìn những đất hoang dã xứ Lapland, chú ngỡ rằng cái vùng trù phú như thế, trông trọt như thế, là một bức tranh. Và lại mặt trời mới mọc còn đem đến cho mọi vật những màu sắc thật lạ lùng.

Cái tháp xây trên một quả núi giữa một hòn đảo nằm ven bờ phía đông của một cái hồ lớn. Giờ này hồ cũng phớt hồng như da trời. Bờ hồ thì vàng, nhờ những cánh rừng nhỏ mà thu đến đã làm ngả màu vàng và vì những góc rạ của các cánh đồng. Đằng sau dải đất màu vàng đó, rừng bách hợp thành một vòng đai rộng sẫm màu mà phía trên ở bên đông, xanh biếc một hàng đồi; dọc chân trời phía tây thì chạy theo hình cánh cung một dãy núi rực rỡ nhiều đỉnh nhọn, sắc như răng cưa, màu dịu và nhạt đến nỗi không biết gọi là màu gì cho đúng, và Nils không thể nói là đỏ, là trắng, là xanh gì cả: không có cái tên nào để chỉ cái màu ấy cả. Khắp chung quanh hồ, trong cái dải màu vàng, gần như nơi nào cũng mọc lên những nhà thờ màu trắng và những làng

xóm màu đỏ; và ở đúng hướng đông, bên kia cái eo ngăn hòn đảo với đất liền, một thành phố dựa lưng vào một ngọn núi che chở, trải ra giữa một vùng phì nhiêu và tròng trọt tốt tươi. “Kia! Một thành phố đã biết kiếm cho mình một vị trí tốt và đẹp. Mình không biết tên nó là gì”, Nils nghĩ như vậy.

Đúng lúc ấy, chú giật bắn người. Mãi mê ngắm cảnh, chú đã không để ý thấy những người khách đến gần ngọn tháp. Họ leo những bậc thang gác nhanh đến nỗi chú chỉ vừa kịp tìm được một chỗ nấp.

Đó là những thanh niên và thiếu nữ cùng đi bộ du ngoạn qua suốt tỉnh Jämtland. Họ vui mừng vì đã đến thành phố Ustersund tối qua để sáng nay được thưởng ngoạn phong cảnh từ ngôi tháp đẹp Frusun này và nhìn thấy khắp chung quanh xa ngoài hai mươi dặm. Họ chỉ cho nhau xem và kể tên các nhà thờ và các cao nguyên băng tích. Gần nhất là các cao nguyên Ovik, họ đều đồng ý về điểm này; nhưng mà cái nào trong các ngọn kia là Åreskutan?

Một thiếu nữ lấy trong túi ra một tấm bản đồ, trải lên đùi mình, và họ ngồi xuống để xem. Nils lo ngại vì thấy họ ở lại lâu quá. Trong lúc họ còn ở đấy thì ngỗng đực không thể đến đón chú được, mà chú biết là đàn ngỗng thì đang vội tiếp tục cuộc đi xa. Giữa tiếng chuyện trò của các khách du lịch, có lúc chú tưởng như nghe thấy tiếng ngỗng cả kiu và tiếng vỗ cánh, nhưng mà chú không dám ra khỏi chỗ ẩn nấp.

Truyện cổ do con quạ kể [\[150\]](#)

Khi khách du lịch đã đi rồi. Nils có thể nhìn ra chung quanh thì chẳng thấy ngỗng trời đâu cả. Chẳng có ngỗng đực trắng nào đến tìm chú cả. Chú gọi lên nhiều lần, nhưng vô hiệu. Chẳng một phút nào chú cho là đàn ngỗng đã bỏ rơi mình, mà chỉ sợ có sự bất hạnh nào đã xảy đến cho đàn; chú nghĩ nát óc để tìm cách đến với đàn, thì Bataki, con quạ, bỗng đâu đáp xuống cạnh chú. Thật không bao giờ Nils nghĩ rằng mình có thể chào Bataki mà vui mừng đến thế. Chú nói:

- Bataki thân mến, may sao mà bác đến đây! Bác có thể cho tôi biết ngỗng trắng với đàn ngỗng trời ở đâu không?

- Họ nhờ ta đến đây, Bataki nói. Akka trông thấy một tay đi săn và không dám chờ cậu. Akka giao cho ta việc đưa cậu về với các bạn. Leo lên lưng ta, và ta đuổi kịp họ ngay.

Nils ngồi lên, quạ đưa chú về hướng nam. Cả hai hạ xuống một thung lũng rộng. Vùng này thật đẹp: núi cao như ở tỉnh Jämtland, nhưng rất ít đất trồng trọt, rất ít xóm làng. Bataki đáp xuống một đồng rạ, và để Nils xuống.

- Ở đây mùa hè có đại mạch, cô kiếm lấy mấy hạt mà ăn, quạ bảo như vậy.

Trong khi Nils tìm mấy nhánh lúa, tuốt hạt ra ăn thì Bataki nói chuyện với chú.

- Cậu thấy cao nguyên rộng và đẹp đằng kia, phía chính nam đấy chứ? Quạ bắt đầu như thế.

- Có, tôi thấy.

- Cao nguyên ấy gọi là Sonfjället, quạ nói tiếp, và ngày trước ở đây hết sức nhiều chó sói. Những người ở thung lũng con sông ấy lắm khi rất khó mà thoát được chúng nó.

- Bác có thể kể cho nghe chuyện nào hay về chó sói không? Nils hỏi.

- Ta có nghe kể là trước đây lâu lắm, chó sói hình như có tấn công một người bán thùng gỗ, chậu gỗ đủ thứ, Bataki nói. Ông ta ở Hede, cái làng ở phía trên thung lũng này độ vài dặm. Độ ấy đang mùa đông, và chó sói rượt

theo ông ta trên mặt băng của sông Ljusna, ông ta đang đi ở đây. Chúng nó độ một chục con và ngựa làng Hede lại chạy rất tồi. Tai họa khó mà tránh được.

Bờ sông vắng vẻ, và cũng phải hai dặm mới đến được cái trại gần nhất. Người kia cứ như tê liệt đi vì kinh hãi. “Đúng lúc đó thì thấy cái gì cử động giữa các gốc cây bách cắm vào băng để đánh dấu đường đi. Khi nhận ra được là cái gì, nỗi kinh hãi của ông ta lại càng tăng. “Đó chẳng phải là chó sói, mà là một bà lão khốn khổ đi ăn xin khắp vùng, người ta gọi là Finn-Malin. Bà lão gù và thọt, cho nên từ xa người ta đã nhận ra.

“Bà lão đi thẳng đến phía bầy sói. Chắc là bà ta chưa trông thấy chúng, và người dân làng Hede hiểu tức khắc rằng ông ta đi qua mặt bà ta mà không báo cho biết, thì bà ta sẽ rơi vào nanh vuốt của bầy sói, còn chính ông ta thì sẽ thoát nạn. Mặt khác, nếu dừng lại đón bà ta lên với mình thì bà ta cũng sẽ chẳng được cứu thoát. Gần như chắc chắn là trong trường hợp đó thì sẽ bị giết chết cả ba mạng: ông ta, bà lão và con ngựa. Vậy thì hi sinh đi một mạng để cứu lấy hai mạng kia, chẳng phải là công bằng hơn không?

“Đúng lúc đó, bầy sói tru tréo nghe hung gở lắm. Con ngựa vọt lên, nổi khùng, và chạy vọt qua bà lão. Bà ta cũng nghe tiếng tru và đã hiểu ra.

“Người đàn ông thấy bà lão giơ tay lên trời và mở miệng ra kêu. Bà lão nguy rồi, nhưng ông ta thì sẽ thoát. “Thoạt tiên, ông ta thấy nhẹ cả người, nhưng tiếp theo thì đau nhói ở ngực. Từ trước cho đến ngày hôm đó, ông ta chưa hề làm cái gì phải hổ thẹn cả. Từ lúc đó, cuộc đời của ông ta sẽ bại hoại hết.

“Bỗng ông ta ghì con ngựa và hãm nó lại.

“- Lên nhanh đi, Finn-Malin, ông la kêu. Lên xe nhanh lên!” “Ông ta nói giọng gay gắt, vì chính mình giận mình đã không thể cứ để bà lão mặc với số phận bà ta.

“Ông ta cầu nhàu: mục cứ ở nhà có hơn là đi lang thang khắp nẻo không, đồ phù thủy già. Đây này, con Đen và ta sẽ mất mạng vì mục cho mà xem”.

“Bà lão cứ làm thỉnh”.

“Người đàn ông lại nói: - Hôm nay, con Đen đã phải chạy hơn năm dặm rồi, và chở thêm mục lên, xe ta cũng chẳng nhẹ bớt đi được chút nào.

“Các tấm ván trượt của xe miết vào mặt băng, kêu kèn kẹt, nhưng vẫn không át nổi tiếng thở hổn hển của bầy sói.

“Thôi thế là hết đời, người đàn ông nói. Nhặt mục lên, Finn-Malin à, chẳng

được cái quái gì, cả cho mục, lẫn cho chúng ta”.

“Bà lão mãi đến lúc đó cứ làm thỉnh, vì đã quen bị mắng nhiếc suốt đời, cuối cùng mới mở miệng.

“- Tôi không hiểu tại sao ông lại không vớt khỏi xe các thùng và bông này đi. Mai ông có thể đến nhặt lại, cũng được chứ sao”.

“Người đàn ông hiểu ngay lời khuyên đó là đúng và tự lấy làm lạ đã không nghĩ ra. Ông ta đưa cương ngựa cho bà lão cầm, tháo các dây buộc thùng và chậu gỗ, lăn mấy chiếc xuống đất. Bầy sói hoảng hốt, rồi tò mò, dừng lại dò xem là cái gì; nhờ thế chiếc xe trượt, vượt xa lên được một lúc.

“Thế mà chưa đủ thì tôi sẽ tự mình lao xuống cho sói ăn thịt, bà lão nói. Có thể là như thế ông sẽ thoát được chăng?” “Trong lúc bà lão nói thì người đàn ông đang tháo một cái bông gỗ to. Bỗng ông ta dừng tay.

“Một người đàn ông và một con ngựa lành lặn, mà bắt buộc phải để cho chó sói ăn thịt một bà lão, mới thoát được thân sao? Tất nhiên phải có một cách thoát thân chứ. Nhưng cách nào đây?

“Ông ta lại làm tiếp. Giờ thì phải đu cái bông gỗ nặng này qua thành chiếc xe trượt.

“Bỗng người đàn ông ngừng tay lần nữa, và bật lên cười khanh khách.

“Bà lão nhìn ông ta, ngỡ là điên. Ông ta cười vì đã tìm ra cách cứu thoát được cả ba. Làm sao lại không nghĩ ra được sớm hơn?

“Này, Finn-Malin à, nghe tôi bảo! Ông ta nói. Mục đánh cái xe này tức tốc về làng Linsäll. Mục bảo người làng ta là ta đang ở một mình trên mặt băng giữa bầy chó sói, và họ hãy đến cứu ta”.

“Người đàn ông chờ cho bầy sói đến sát cạnh xe trượt. Thế là ông ta thả rơi cái bông gỗ to xuống đất, tự mình nhảy ra khỏi xe, và chui xuống dưới bông.

“Cái bông này, đóng để gây bia cho cả một cái trại lớn uống hôm lễ giáng sinh, chứa cả người ông ta để như không. Bầy sói nhảy lên chung quanh, cắn vào thành bông, cố dụ cho bông đổ xuống, nhưng vô hiệu. Cái bông đã nặng lại chắc. Người đàn ông thoát nạn.

“Sau khi chế giễu một hồi những cố gắng của bầy sói, ông ta nghiêm trang tự nhủ rằng, từ nay về sau nếu không may mà lâm vào cái thế xem như bết tắc, thì mình sẽ nhớ lại cái bông này. Mình sẽ tự nhủ là không cần phải làm thiệt hại, không những chính mình mà cả người khác nữa. Bao giờ cũng

có lối thoát thứ ba, chỉ phải tìm ra mà thôi”.

Bataki kết thúc câu chuyện bằng mấy lời đó, giọng trịnh trọng tựa hồ đọc những châm ngôn và như có một dụng ý đặc biệt. Và lại, Nils cũng đã nhận thấy là hầu như bao giờ mà qua kể chuyện gì thì cũng đều như thế cả. “Qua có ý muốn nói gì mà kể cho mình cái chuyện này nhỉ?” Chú nghĩ thế.

Ăn xong, Bataki và chú bé đi tiếp, dọc theo dòng sông Ljusna. Đến gần làng Kolsätt giáp tỉnh Hälsingland, qua lại đổ xuống cạnh một cái nhà thấp lụp xụp. Cửa sổ chẳng có, chỉ một cửa con con trên mái thôi. Từ ống khói, có khói, phun lên lẫn với những tia lửa, và bên trong nghe có tiếng búa nện.

- Nghe tiếng cái lò rèn ấy, ta nhớ rằng xưa kia làng này có những thợ rèn khéo tay chẳng ai bì kịp. Ta có nghe kể những chuyện về việc đó.

- Kể cho tôi nghe một chuyện đi, - Nils yêu cầu. Bataki lại kể, không để cho Nils phải khấn khoản. “Thế này này, có một bận một người thợ rèn mời hai thợ cả khác, một người từ tỉnh Dalarna, người kia từ tỉnh Värmland, đến thi tài về việc làm đinh. Hai người kia nhận lời thách, và ba ông thợ rèn gặp nhau tại đây, làng Kolsätt. Ông thợ tỉnh Dalarna làm trước. Ông ta rèn một tá đinh, thật đều, thật nhọn, và thật bóng đến mức không một ai có thể làm tốt hơn. Sau đó đến ông thợ tỉnh Värmland. Ông ta cũng rèn một tá đinh thật hoàn hảo, hơn nữa chỉ mất một thời gian bằng nửa ông thợ tỉnh Dalarna thôi. Các giám khảo cuộc thi khuyên ông thợ tỉnh Härjedalen đừng làm thử nữa, vì không thể nào làm đẹp hơn ông nọ, cũng như nhanh hơn ông kia được. “Tôi không chịu thua đâu, ông ta trả lời. Phải có một cách thứ ba để hơn người chứ”.

Ông ta để sắt lên đe, không nung trước, mà vừa nện búa vừa làm cho sắt nóng lên, và rèn đinh này đến đinh khác, không dùng than, cũng chẳng dùng bể. Chưa một ai được thấy sử dụng cái búa khéo đến thế, và ông thợ rèn tỉnh Härjedalen được công nhận là khéo tay nhất đất nước”.

Bataki ngừng lời. Nils suy nghĩ một lúc, sau cùng thì hỏi: - Này, qua có dụng ý gì mà kể cho tôi nghe cái chuyện đó?

- Ta chỉ nhớ lại khi trông thấy cái lò rèn cũ kia thôi, - Bataki trả lời bằng quơ như vậy.

Hai kẻ lữ hành lại bay tiếp. Qua mang Nils đi qua cái vùng của tỉnh Härjedalen giáp với tỉnh Dalarna. Ở đấy, qua đậu xuống một ngọn đồi mọc trên một cao nguyên.

- Cậu có biết rõ cái núi nhỏ dưới chân cậu đây là cái gì không? Bataki hỏi.

Nils thú thật là không biết.

- Cái mộ đấy, một ngôi mộ cổ đấy, quạ nói. Mộ xây trên thi hài một người tên là Härjulf, là kẻ đầu tiên đến tỉnh Härjedalen và trồng trọt ở đây.

- Có lẽ bác cũng có một chuyện kể cho tôi nghe về người đó chứ? Nils hỏi.

- Ta không được nghe kể lại gì nhiều về ông ta, nhưng ta nghĩ rằng ông ta là người Na Uy. Trước ông ta phụng sự quốc vương Na Uy, rồi xích mích với nhà vua. Ông ta tìm đến quốc vương Thụy Điển, bấy giờ đóng đô ở Uppsala và xin phụng sự vua mới. Ít lâu sau, ông ta cầu hôn em gái vua, và vị vua từ chối, ông ta liền bắt cóc nàng. Như thế, ông ta đã tự đặt mình vào cái thế không thể trở về Na Uy, cũng như ở lại Thụy Điển được nữa, mà ông ta thì chẳng muốn ra ở nước ngoài một chút nào cả. “Phải có một khả năng thứ ba chứ”, ông ta nghĩ thế, và liền rút lui cùng với gia nhân và kho tàng, về phía bắc, qua suốt tỉnh Dalarna, mãi cho đến tận những miền hoang vu mênh mông ở phía bắc tỉnh ấy. Ông ta dừng lại đây, xây nhà, khai hoang và thành ra cư dân đầu tiên của xứ này.

Nghe chuyện sau cùng này, Nils càng hoang mang hơn bao giờ cả.

- Bác không muốn cho tôi biết dụng ý của bác thế nào khi kể cho tôi nghe chuyện ấy sao? - chú hỏi.

Thoạt tiên Bataki chẳng trả lời sao cả, chỉ nhắm mắt quay đầu qua quay đầu lại, sau cùng thì nói:

- Vì ở đây ngoài chúng ta ra chẳng có ai, nên có một điều ta muốn hỏi cậu. Có bao giờ cậu đã hỏi kĩ cái điều kiện mà ông gia thần đã biến cậu ra thế này, bắt cậu phải theo để làm cho cậu trở lại thành người không?

- Chỉ có một điều mà tôi được nghe nói là tôi phải đưa con ngỗng đực trắng đến Lapland, rồi dẫn nó về Skåne yên hàn vô sự.

- Đúng như ta nghĩ, Bataki nói, vì lần sau cùng mà chúng ta gặp nhau, cậu nói hết sức tự hào rằng phản bội một người bạn tin cậy mình, là xấu lắm! Cậu nên hỏi Akka về cái điều kiện đi. Cậu biết là Akka đã tự mình đến nhà cậu để nói chuyện với ông gia thần đấy.

- Akka chẳng nói gì với tôi về việc ấy cả.

- Có lẽ vì Akka nghĩ rằng cậu mà đừng biết những lời của gia thần thì hơn. Akka thiết tha với cậu hơn là với ngỗng đực trắng.

- Lạ thật, Bataki à, quả là bác có cái tài làm cho tôi buồn và lo, Nils nói

thế.

- Thật ra điều ấy có thể như thế cũng nên, nhưng lần này ta nghĩ rằng cậu phải biết ơn ta vì đã nhắc lại cậu những lời của gia thần. Ông ta nói rằng cậu sẽ trở lại làm người, nếu cậu đem con ngỗng đực trắng về nhà để cho mẹ cậu có thể làm thịt nó.

Nils vọt phắt dậy, chú kêu lên:

- Thật là một điều bịa đặt độc ác, bác đã nghĩ ra đó thôi, Bataki ạ!

- Cậu có thể tự mình hỏi lấy, hình như Akka cùng đàn đang đến kìa. Nhưng đừng có quên những chuyện mà ta đã kể cho cậu nghe hôm nay. Có cách vượt qua tất cả mọi khó khăn, miễn là tìm ra được. Ta rất muốn xem cậu sẽ thành công như thế nào.

Cái trại nhỏ

Thứ năm, 6 tháng mười

Ngày hôm sau, trong một lúc dừng cánh nghỉ, nhân khi Akka vừa ăn cỏ vừa đi hơi xa các con ngỗng khác, Nils mới hỏi xem cái chuyện mà Bataki đã kể cho cậu nghe là có đúng không. Akka không thể bảo là không. Chú bé liền bắt ngỗng già hứa là sẽ không để cho ngỗng đực trắng ngò chút nào là có cái điều bí mật ấy. Dũng cảm và độ lượng như thế, nó sẽ có thể hành động mà không cần xin lời khuyên bảo của một ai hết.

Sau câu chuyện đó, Nils cứ im lặng ngồi trên lưng ngỗng đực, mặt mày nhăn nhó chẳng muốn quan tâm đến bất cứ cái gì. Chú nghe các ngỗng mái kêu bảo các ngỗng con rằng đàn đang bay vào tỉnh Dalarna và có thể nhìn thấy rõ núi Städdjan.^[151]

Nils lầu bàu: “Chắc là mình sẽ phải đi theo đàn ngỗng suốt đời, nên sẽ có thì giờ nhìn xem đất nước này kỹ hơn là mình muốn”.

Chú chẳng quan tâm gì hơn khi đàn ngỗng kêu là đã sang tỉnh Värmland^[152] và dòng sông mà đàn bay theo về phía nam là sông Klarälv.

“Mình đã trông thấy bao nhiêu là sông, đủ lắm rồi” chú nói.

Vả lại, dù chú có tò mò đi nữa thì cũng chẳng tìm thấy cái gì lắm mà xem, vì miền bắc tỉnh Värmland chỉ toàn những rừng mênh mông đơn điệu, sông Klarälv uốn khúc chảy qua, lòng hẹp và nhan nhản những thác. Đây đó có một đồng than, một đám đất mới vỡ hay vài cái nhà thấp của người Phần Lan^[153] không có ống khói. Cảnh rừng mênh mông có thể làm người ta tưởng là đang ở xứ Lapland.

Đàn ngỗng trời bay theo sông Klarälv cho đến nhà máy lớn ở Munk-fors, rồi rẽ sang hướng tây, chưa đến kịp hồ Fryken thì trời đã tối; đàn liền hạ xuống giữa một đầm lầy rộng ở trên mặt một cao nguyên. Tất nhiên đó là một chỗ tốt cho đàn ngỗng, nhưng mà chú bé thì lại muốn tìm được chỗ nào tốt hơn cho mình cơ. Trong khi đang ở trên không, chú có trông thấy vài cái nhà dưới chân cao nguyên, chú quả quyết tìm đến đấy.

Đường dài hơn chú tưởng. Nhưng cuối cùng rừng cũng thưa bớt, và chú ra đến một con đường cái. Xa một tí có một lối đi rất đẹp, hai bên trồng bạch

duy, dẫn từ đường cái đến một cái trại, và Nils mạnh dạn đi vào đấy. Trước tiên chú đến một cái sân sau, rộng như cái chợ của một thành phố nhỏ, chung quanh là những nhà dài, thấp, màu đỏ. Qua hết sân ấy, chú lại thấy một sân thứ hai; ở đây là nhà chủ, có một cái chái bên, và trước mặt là cái bãi trồng cỏ dày rất rộng, đằng sau là một khu vườn um tùm. Chính phần nhà ở cũng nhỏ và giản dị, nhưng cái sân thì có những cây thanh lương trà khổng lồ trồng thành vòng tròn bao quanh, trồng khít đến nỗi như hộp thành những bức tường cao. Vòm trời nóng như một cái trần nhà màu xanh lơ bàng bạc, những cây thanh lương trà thì màu vàng mang những chùm trái đỏ đẹp. Bãi cỏ phải còn xanh, nhưng mà đêm hôm ấy sáng trắng đẹp tuyệt trần, nên trông như màu trắng tráng bạc.^[154]

Không một bóng người nào hiện ra, và Nils có thể tha hồ đi khắp cái trại. Vào trong vườn, chú trông thấy một vật làm cho chú gần như vui lên. Chú đã leo lên một cây thanh lương trà để ăn quả, thì lại trông thấy những chùm trái đỏ của một cây phúc bồn. Chú buông mình tụt xuống theo thân cây. Nhìn chung quanh chú để ý thấy là khu vườn trồng đầy những cây dâu, những cây phúc bồn đỏ và đen, những cây phúc bồn trái to màu lục hay phơn phớt đỏ, khi còn xanh thường dùng để làm nước xốt ăn với cá biển. Ở đây, trong vườn rau, có củ cải và su hào; cái cây nào cũng có hạt, cọng cỏ nào cũng có bông. Và kia, ở giữa lối đi, chú không trông lầm, một quả táo to, ngon lành, lóng lánh dưới ánh trăng.

Nils ngồi xuống mép bãi cỏ, quả táo to để trước mặt, lấy dao bổ ra từng miếng.

Chú nói: “Kể ra làm gia thần cũng chẳng gian khổ gì cho lắm, nếu ở đâu cũng có thể nuôi thân được dễ dàng như thế này!”.

Bỗng chú nghe một tiếng run rẩy khe khẽ, phía trên đầu, và gần cùng một lúc trông thấy ở trước mặt, trên lối đi, một vật gì giống như một gốc cây bạch dương nhỏ. Gốc cây quằn quại, và ở trên chóp có hai điểm sáng, ánh rực lên như hai cục than hồng. Chỉ một lát, Nils nhận thấy là gốc cây lại có một cái mỏ khoằm, và đôi mắt đỏ rực viền những vòng lông vũ chung quanh. Thế là chú bình tĩnh ngay lại.

Chú nói: “Dù sao cũng thật thú vị là được gặp một sinh linh! Bà cú này, có lẽ bà có thể cho ta biết cái trại này tên là gì, và ai ở đây chứ”.

Tối hôm ấy cũng như mọi tối, con cú đậu trên một nóc của cái thang dài để tựa vào mái nhà; đứng đó nó thị sát các lối đi và bãi cỏ, để tìm chuột đồng. Nó rất ngạc nhiên vì chẳng thấy một bộ da xám nào dẫn xác đến cả. Nhưng lại trông thấy một vật gì như thể một con người bé tí tẹo.

Nó tự nhủ: “Đó, chính là cái đã làm cho bọn chuột sợ đó. Chẳng biết nó là cái gì nhỉ? Chẳng phải một con sóc, cũng chẳng phải một con mèo con, cũng chẳng phải một con cây mình dài; một con chim đã ở một cái nhà khá giả lâu năm như thế này thì phải biết tất cả mọi thứ ở đời, nhưng mà cái này thì thật quá sức hiểu biết của mình rồi”.

Nó cứ nhìn chăm chăm vào cái sinh vật kì dị đang cựa quậy trên mặt đất, đến nỗi hai mắt nó cứ như phóng ra những ngọn lửa. Sau cùng tính tò mò mạnh hơn sự khôn ngoan, thế là nó lặn xuống xem đó là cái gì.

Trong khi chú bé nói thì nó cúi mình ra phía trước để thăm sát chú cho kĩ hơn.

“Nó chẳng có vuốt, cũng chẳng có gai, nhưng ai có thể bảo cho mình biết là nó chẳng có một chiếc lao tẩm thuốc độc hay một vũ khí nào khác còn nguy hiểm gấp bội? Mình nên giữ thế thủ thì hơn”, nó nghĩ thế, rồi nói:

- Trại này gọi là Mårbacka^[155] và trước đây có những kẻ khá giả ở. Nhưng mà đằng ấy là ai vậy?

- Mình nghĩ là sẽ đến ở đây, chú bé nói mà không trả lời câu hỏi của con cú.

- Nay trại này chẳng ăn thua gì so với ngày trước nhưng bao giờ người ta cũng có thể kiếm cách sống ở đây được, con cú nói. Cái chính là tùy vào cách sống mà đằng ấy muốn, và những thức mà đằng ấy ăn. Đằng ấy có định trông cậy vào việc săn bắt chuột đồng không?

- Lạy chúa tha cho ta việc ấy, chú bé nói. Có nhiều mối nguy cho ta là chuột sẽ vồ ta mất. Còn ta thì tất nhiên là chẳng thể làm gì hại cho chúng lắm.

“Không thể nào mà nó lại hiền lành đến thế. Nó muốn làm cho mình tưởng lầm đấy. Cứ thử xem sao”, con cú tự nhủ như vậy.

Tức thì nó bay lên không, rồi bỏ nhào xuống người Nils Holgersson, và đâm những vuốt của nó vào hai vai chú bé, lấy mỏ tìm cách chọc mù hai mắt chú. Nils một cánh tay đưa lên che mặt, cánh tay kia cố gỡ mình ra, vừa gỡ vừa đem hết sức kêu cứu. Chú hiểu rằng chú đang gặp nguy, có thể chết được.

Đúng cái năm mà Nils Holgersson cùng đi với đàn ngỗng trời, thì có một người không lúc nào là không nghĩ đến một cuốn sách muốn viết về nước Thụy Điển, một cuốn sách tập đọc cho trẻ em các trường. Người ấy đã nghĩ từ lễ Giáng Sinh cho đến mùa thu năm sau, nhưng mà chưa viết được một

dòng, và cuối cùng chán quá, đến nỗi tự nhủ rằng:

“Không thể nào viết nổi đâu. Hãy ngồi vào bàn giấy viết những truyện hoang đường và những truyện dã sử như thường quen viết, và để cho người khác cái việc viết một cuốn sách thực sự nghiêm túc, và mô phạm, và nhất là chẳng chữ nào mà không đúng với sự thật!”

Và gần như dứt khoát là bà ta sẽ bỏ cái việc ấy đi, dù rất tiếc, vì bà ta vẫn rất muốn viết những điều tốt đẹp về nước Thụy Điển. Có lúc bà ta nghĩ rằng có lẽ sự bất lực của mình là do mình ở trong một thành phố, và chỉ trông thấy chung quanh những đường phố và những tường nhà. Giá bà ta về ở thôn quê để trông thấy những rừng cây và những cánh đồng, thì có thể là công việc sẽ tiến hành tốt hơn.

Bà ta người tỉnh Värmland, và đã có ý định dứt khoát là cuốn sách của mình bắt đầu từ tỉnh này, và trước tiên là tả nơi bà ta đã lớn lên. Đó là một cái trại nhỏ tí, khá hẻo lánh so với thế gian, và ở đó người ta còn giữ lại nhiều phong tục và tập quán ngày xưa. Trẻ em có lẽ sẽ thích nghe kể lại bao nhiêu công kia việc nọ cứ tiếp theo nhau ở đấy, từ đầu năm cho tới cuối năm, trong thời thơ ấu của bà ta. Bà muốn tả cho chúng biết là người ta đã ăn mừng các ngày lễ ở đấy như thế nào: lễ Giáng Sinh, ngày đầu năm, lễ Phục Sinh, lễ Thánh Gioan, ^[156] là nhà bếp, các kho đồ vật dự trữ, chuồng bò và chuồng ngựa và khu nhà tắm bố trí như thế nào. Bà ta nhớ lại tất cả những cái ấy rõ ràng như là còn ở trong trại. Nhưng mà nếu bà ta phải dọn về thôn quê thì tại sao lại không về thăm ngôi nhà cũ này một lần nữa trước khi viết sách? Bà ta thôi không ở đấy đã nhiều năm rồi, và rất vui lòng kiếm lấy một cái cớ để về thăm lại nhà. Trong thâm tâm, dù ở đâu trên thế gian này bà ta cũng vẫn nhớ thương cái mảnh đất ấy. Bà ta đã trông thấy biết bao nhiêu nơi khác đẹp hơn, nhưng chẳng ở chốn nào bà ta tìm lại được cái cảnh bình yên và an lạc đã hưởng trong ngôi nhà thời thơ ấu của mình.

Tuy vậy, trở lại đấy chẳng phải dễ như người ta có thể tưởng, bởi vì cái trại đã bán mất cho những người mà bà ta không quen biết rồi ^[157] Chắc bà ta cũng nghĩ là sẽ được họ tiếp đón niềm nở, nhưng bà ta không thể chịu được cái cảnh đến đấy như một kẻ xa lạ, và bắt buộc phải chuyện trò với những người không quen biết ấy. Vì vậy bà ta nghĩ ra cách đến đấy vào một buổi tối, khi mà tất cả mọi người đã xong xuôi công việc và đều ở cả trong nhà.

Bà ta đã không thể ngờ rằng trở lại nhà cũ mà cái cảm giác lại lạ lùng đến như vậy. Trong khi chiếc xe đưa bà ta về phía ngôi nhà cổ, thì cứ mỗi lúc bà ta lại thấy trẻ lại; chẳng mấy chốc bà ta không còn là một bà già tóc đã hoa râm nữa ^[158] mà là một cô bé con mặc váy ngắn, sau lưng bỏ thông một chiếc đuôi sam dài, vàng như sợi lanh. Trong khi nhận ra từng ngôi nhà một dọc

con đường cái, thì bà ta không thể nào chấp nhận được rằng ở đằng kia, nơi nhà bà ta, mọi thứ lại đều không phải như xưa nữa. Cha, mẹ, các anh và các chị đang chờ bà ta trước tam cấp, bà quản gia già chạy ra cửa sổ nhà bếp để nhìn bà ta, Nero và Freja cùng với hai hay ba con chó khác nữa, lao ra và nhảy nhót quanh bà ta.

Càng đến gần, bà ta càng thấy hân hoan. Giờ đang là mùa thu, và thế là sắp bắt đầu một thời kì đầy những công kia việc nọ; nhưng chính nhờ không biết bao nhiêu những công việc ấy mà người ta không bao giờ thấy buồn. Dọc đường bà ta đã trông thấy thiên hạ đang dỡ khoai tây; chắc là ở trại bà ta cũng thế. Như vậy công việc đầu tiên đang chờ bà ta là xắt khoai để làm bột mỳ. Mùa thu này tiết trời rất dịu. Bà ta tự hỏi là nhà đã thu hoạch hết mọi thứ trong vườn chưa. Bắp cải có lẽ là chưa cắt. Và hoa bublông không biết đã nhặt chưa? Táo tây không biết đã hái chưa?

Có lẽ cả cái cảnh xôn xao khi quét dọn nhà cửa trước phiên chợ mùa thu cũng là một ngày hội chẳng, nhất là đối với đám kẻ ăn người ở. Thú biết mấy, hôm trước phiên chợ mà vào trong bếp và trông thấy sân nhà rắc đầy lá đỗ từng thái nhỏ, [\[159\]](#) các tường quét lại vôi trắng và đồ đồng sáng loáng xếp trên các đầu tường sát trần nhà!

Nhưng hết phiên chợ cũng sẽ chẳng được nghỉ ngơi gì đâu. Lại phải bắt tay vào đập sợi lanh; trong tiết đại thử [\[160\]](#) người ta đã rải lanh ra để ngâm trên một cánh đồng.

Sau đó người ta cho vào cái thùng hấp cũ để đồ lên, và người ta đã đun sẵn cái lò to để hong tiếp. Khi lanh đã đủ khô rồi thì một hôm nào đó, người ta tập hợp tất cả đàn bà hàng xóm lại. Họ tề tựu cả ngoài sân, trước cái thùng hấp và cùng nhau đập lanh. Rồi họ lại cán, để tách những sợi mịn và trắng ra từ các thân cây lanh. Khắp người họ trắng lớp những bụi, nhưng mà nguồn vui không dứt và chuyện trò nổ ra như pháo ran chung quanh cái thùng hấp.

Làm lanh xong, lại phải lo đến việc làm bánh mì khô để dành mùa đông, việc cắt lông cừu và thay kẻ ăn người làm. Sang tháng mười một lại đến những ngày khó nhọc ngả bò lợn làm thức ăn dự trữ: nhồi xúc xích hấp xúc xích xông, [\[161\]](#) kho thịt lợn, vân vân, và sau cùng là đúc nển. [\[162\]](#) Người đàn bà khâu thuê đến may áo với vải dệt trong nhà, là bao giờ người ta cũng được hai tuần lễ thích thú, mà tất cả mọi người đều tụ họp lại để may vá. Đồng thời người thợ giày đến đóng giày dép cho cả nhà, cũng làm việc trong gian phòng của những người thợ trai; người ta nhìn không chán ông phò cắt da, đặt đế và khâu giày.

Nhưng vội vàng tất bật nhất là vào cỡ Giáng Sinh: hôm lễ Nữ Thánh

Lucia^[163] người gái hầu buồng, mặc áo trắng, đầu đội một vòng lá xanh cắm những cây nến, đem cà phê buổi sáng đến cho mọi người, đánh thức họ dậy lúc năm giờ sáng; và thế là bắt đầu hai tuần lễ sửa soạn, chẳng một ai còn có thể mong được ngủ đầy giấc nữa. Vì phải ngâm đại mạch cho mọc mộng để cất bia uống Giáng Sinh, phải nướng bánh mì và làm các thứ bánh ngọt ăn Giáng Sinh, phải quét dọn nhà cửa để mừng Giáng Sinh.

Nghĩ đến đây người lữ khách đã thấy mình bị vây giữa những chiếc bánh ngọt sắp được đưa vào lò và những con dê Giáng Sinh nặn bằng bột lúa mạch nhào mật thì người xà ích hăm ngửa lại ở đầu lối đi trồng bạch dương, như khách đã dặn. Khách giật nảy mình, và bỗng nhiên tỉnh mộng. Đêm đã khuya rồi mà lại thấy mình cô đơn, sau khi vừa mơ màng thấy được quây quần với tất cả những người thân thích, thì quả thật là thê thảm. Xuống xe đi bộ vào ngôi nhà cũ của mình, người lữ khách bàng hoàng vì cảnh khác nhau quá giữa ngày trước với ngày nay, đến nỗi những muốn quay gót trở lại. Khách tự nhủ: “Hay gì mà trở về đây? Chẳng còn gì có thể như xưa được nữa rồi”.

Nhưng mà đã đến đây thì dù sao cũng có thể thăm lại cái trại cũ, nên bà ta cứ đi tiếp, dù mỗi bước lại một buồn thêm.

Bà ta có nghe nói là cái trại đã tả tơi lắm, quả thế thật. Nhưng mà về đêm trông thấy gì đâu: với bà ta hình như mọi thứ đều như ngày xưa cả. Kia cái ao: thuở niên thiếu của bà ta ao đầy cá vàng mà chẳng một ai dám câu, thân phụ bà ta muốn mọi người để yên cho cá. Trước nhà ở, cái sân vẫn trông như một gian phòng kín, chẳng mở lối thông ra bất cứ phía nào, cũng như thuở trước mà thân phụ bà ta chẳng thể quyết định chặt đi một bụi cây mọn nào.

Bà ta dừng lại dưới bóng cây phong to, cạnh cổng sắt ra vào, nhìn tất cả mọi vật. Và thế là, lạ lùng thay, một đàn bồ câu bay đến đỗ xuống quanh bà.

Bà ta gần như không thể tin rằng đó là những con chim thật, vì bồ câu thì sau khi mặt trời lặn là không còn cử động được nữa. Chắc là sáng trăng đẹp đã đánh thức chim dậy. Tưởng trời đã sáng, chim liền rời chuồng, và thấy bị choáng váng, nên trông thấy một con người là đã bay cả đến như thể tìm cách trấn tĩnh lại.

Thật ra thì thời còn song thân bà ta, nhà có cả đàn bồ câu lớn; và bồ câu ở trong số các vật, mà thân phụ bà ta vẫn bảo hộ một cách đặc biệt. Người rất cău khi nghe ai nói đến việc giết một con bồ câu. Bà ta lấy làm sung sướng được những con chim xinh đẹp ấy đón tiếp như thế này, trong ngôi nhà cũ của bà ta. Có ai nói cho bà ta biết rằng đàn bồ câu đã bay ra giữa đêm khuya là vì bà ta, để tỏ cho bà ta biết là chim nhớ rằng xưa kia đã tìm được ở đây

một nơi trú ngụ tốt? Hay có thể như thế là thân phụ bà ta đã gửi đến cho con một dấu hiệu nhỏ, để bà ta khỏi cảm thấy buồn rầu và khổ não khi thấy lại cái trại cũ của mình?

Nghĩ đến đây, lòng nhớ thương, tiếc nuối những thời xưa làm bà ta rơm rớm nước mắt. Cuộc đời đã sống trong ngôi nhà cũ kĩ này thật là thích thú. Người ta đã phải làm lụng hàng tuần, nhưng người ta cũng đã có những lễ lạc, hội hè; người ta đã làm việc khó nhọc ban ngày, nhưng tối đến người ta tề tựu quanh ngọn đèn để đọc Tegner và Runeberg,^[164] bà Lenngren và Fredrika Bremer. Người ta đã trồng lúa mì, nhưng cũng trồng hoa hồng và hoa mận lê,^[165] người ta đã kéo sợi lanh, nhưng những bài hát dân gian hòa vào tiếng xa quay. Người ta đã học ngày học đêm ngữ pháp và lịch sử, nhưng người ta cũng đã đóng kịch và làm thơ; người ta đã bị bỏng với cái lò khi làm bếp, nhưng người ta cũng đã học thổi sáo, gảy ghi-ta, kéo vĩ cầm, đánh cương cầm^[166] và dương cầm. Người ta đã trồng bắp cải, su hào, đậu Hòa Lan và còve, còbe trong vườn rau đằng sau nhà, nhưng người ta cũng đã có một cái vườn khác toàn những lê táo và đủ mọi thứ trái cây. Người ta đã sống cô độc, nhưng vì thế mà người ta đã có trí nhớ đầy những truyện hoang đường và truyện truyền văn.^[167] Người ta đã mặc những quần áo dẹt ở nhà, nhưng người ta đã có thể sống độc lập và vô tư lự.

“Chẳng một nơi nào trong thế gian này mà người ta đã biết sống một cuộc đời êm ái, dịu dàng như những gia trạch bé nhỏ của các trang chủ thời thơ ấu của mình vậy, bà ta nghĩ thế. Ở đây làm việc và vui chơi có chừng mực, và ngày nào cũng là hoan lạc.^[168] Mình muốn trở về đây quá chừng! Từ lúc thấy lại nhà cũ, lòng nặng chề chề, chẳng muốn rời chân nữa”.

Rồi quay lại đám bò câu bà ta nói: “Chim có muốn đến nói với thân phụ ta rằng ta nhớ thương nhà cũ quá không? Ta đã phải phiêu bạt hết nơi này đến nơi nọ khá lâu rồi. Hỏi người xem có thể làm thế nào cho ta nay mai trở lại ngôi nhà thời thơ ấu của ta được không”.

Bà ta vừa nói xong mấy lời thì cả đàn bò câu cất mình lên không và bay đi. Bà ta cố nhìn theo, nhưng chim biến mất rất nhanh. Có thể nói là tất cả đàn chim trong trời đã tan thành hơi trong không trung lấp lánh. Đúng lúc đàn bò câu vừa bay đi thì bà ta nghe thấy những tiếng kêu cao và sắc ở trong vườn. Bà ta chạy lại và trông thấy một cảnh quái lạ: một con người bé tí, chẳng cao hơn gang tay là mấy, đang cố sức chống lại một con cú. Thoạt tiên nỗi kinh hoàng làm bà ta đứng sững đậy, nhưng mà tiếng kêu của bé Tí Hon mỗi lúc một thêm thảm thiết, bà ta bèn can thiệp và chia rẽ hai đấu thủ ra. Con cú bay lên một ngọn cây, nhưng con người bé nhỏ thì cứ đứng trước mặt bà ta.

Nó nói: - Cảm ơn bà đã cứu cháu. Nhưng đáng lẽ bà đừng để cho con cú thoát đi thì hơn, vì bây giờ nó đang rình cháu trên cành cây kia kia, và không cho cháu đi khỏi đây.

- Đúng là ta đã không nghĩ ra, khi để cho nó bay đi, bà ta thú nhận như vậy. Nhưng mà ta không thể đưa cậu về tận nơi cậu ở hay sao?

Dù đã rất quen viết những truyện thần tiên, bà ta vẫn không ít ngạc nhiên vì được chuyện trò như thế này với một gia thần. Nhưng có lẽ bà ta không ngạc nhiên đến như người ta tưởng, vì chẳng phải là đi lại dưới ánh trăng trên những con đường trong cái trại cũ của mình, bà ta đã chờ mong suốt buổi, một cuộc phiêu lưu lạ lùng nào đó ư?

- Vì rằng cháu có ý định ở lại suốt đêm nay tại đây, con người bé nhỏ nói. Nếu bà có thể chỉ cho cháu một chỗ ẩn chắc chắn đêm nay thì đến trời sáng cháu mới trở về rừng.

- Chỉ cho cậu một chỗ ẩn à? Vậy ra không phải cậu ở đây?

- Cháu biết rằng bà tưởng cháu là gia thần, con người bé nhỏ nói, nhưng cháu là người, cũng như bà vậy; có điều cháu đã bị biến thành gia thần.

- Thật là việc quái dị nhất xưa nay ta chưa từng nghe thấy. Cậu có muốn kể lại cho ta biết việc đã xảy ra cho cậu như thế nào được không?

Chú bé cũng chẳng phiền lòng gì khi kể lại cho một người nào đấy những cuộc phiêu lưu của mình. Chú càng kể, người nghe càng kinh ngạc, càng thán phục, và càng thích thú.

Bà ta tự nhủ: “Duyên may quả thật lạ lùng, dun dủi cho mình được gặp một kẻ đã chu du suốt đất nước Thụy Điển trên lưng một con ngỗng! Mình chỉ cần viết lại chuyện cậu ta là thành cuốn sách đã làm mình lo nghĩ đến thế. Mình trở về nhà thật là phải! Ngay vừa tới nơi đã được giúp đỡ thế này rồi”.

Chính lúc ấy bà ta nảy ra một ý nghĩ mà không dám nói hẳn thành lời. Bà ta đã gửi nhờ đàn bò câu một cái tin đến thân phụ mình, nhắn người rằng bà ta đang nhớ thương nhà cũ, và chỉ lát sau là bà ta đã thấy mình được giúp đỡ trong cái việc đã làm bà ta lo nghĩ biết ngần nào. Đó có phải là câu trả lời của thân phụ cho cái điều mà bà ta đã cầu xin chăng?^[169]

Lên đường ra biển

Thứ sáu, 7 tháng mười

Từ lúc bắt đầu chuyến đi, đàn ngỗng vẫn bay thẳng về phía nam, nhưng ra khỏi thung lũng sông Fryksdalen, ngỗng bay theo một hướng khác và, qua miền tây tỉnh Värmland và tỉnh Dalsland, ngỗng tiến về phía tỉnh Bohuslän. [\[170\]](#)

Cuộc đi thật dài. Các ngỗng con đã luyện tập đủ để không còn kêu mệt nữa, và Nils thì đã phần nào trở lại vui tính như trước. Đã được nói chuyện với một con người, chú thấy mình phần chần lại hẳn. Bà ta đã bảo chú rằng cứ tiếp tục giúp đỡ tất cả những ai mà chú gặp, thì cuộc phiêu lưu của chú không thể nào không kết thúc tốt đẹp; chắc chắn như vậy. Tất nhiên, bà ta không thể nói trước cho chú biết làm thế nào mà trở lại tầm vóc thật của mình, nhưng bà ta đã đem lại cho chú một chút lòng tin và can đảm. Bây giờ thì chú chỉ nghĩ cách khuyên can ngỗng đừng nghĩ đến việc trở về Vemmenhug nữa thôi.

Một lần đang bay trên không, chú bảo ngỗng rằng:

- Này, cậu có biết không, mình nghĩ là chúng mình mà suốt cả mùa đông cứ ở yên ở nhà thì chán quá đi thôi. Mình đang nghĩ rằng cứ đi theo đàn ngỗng trời ra nước ngoài có lẽ cũng không đến nỗi buồn đâu.

- Cậu nói đùa đấy chứ, phải không? - ngỗng đực hoảng quá kêu lên; vì bây giờ, sau khi đã tỏ ra có thể đi theo ngỗng trời đến tận Lapland, ngỗng đực chẳng đòi gì hơn là được trở lại cái ngăn của nó trong chuồng bò của ông chủ trại Holger Nilsson.

Chú bé làm thỉnh, ngắm phong cảnh mà mọi rừng bạch dương, mọi lùm cây và vườn tược đều đã phô những màu đỏ, màu vàng mùa thu và những cái hồ trải dài ra, trong xanh giữa những bờ màu vàng.

Sau một lúc im lặng, chú lại nói: “Mình cho là chưa bao giờ mình trông thấy mặt đất đẹp như hôm nay. Cậu không nghĩ rằng cứ giam mình ở Vemmenhug, không được nhìn thấy chút gì của thế giới, chẳng thiết thòi lắm sao?”

- Tôi tưởng là cậu nóng lòng gặp lại bố mẹ để tỏ cho bố mẹ thấy là cậu đã thành một người con trai tốt bụng và trung hậu đến thế nào chứ”, - ngỗng

đực nói. Suốt cả mùa hè ngỗng chỉ mơ đến cái lúc đáng tự hào mà nó đáp xuống cái sân nhỏ trước nhà ông Holger Nilsson, và ở đây nó sẽ khoe Long Tơ Mịn và sáu ngỗng con với các ngỗng nhà, với đàn gà mái, với mấy bò cái, với con mèo, và với chính mẹ Nilsson; bởi vậy mà đề nghị của Nils chẳng làm cho nó thích mấy.

Đàn ngỗng trời dừng lại nhiều lần. Khắp nơi đều gặp được những cánh đồng rạ rất tốt, cứ tiếc không nở ra đi. Thế là mãi gần tối mới đến trên địa phận tỉnh Dalsland. Ở đây gần như đẹp hơn ở tỉnh Värmland. Hồ nhiều đến nỗi đất chỉ còn như những dải hẹp và cao giữa các hồ. Chẳng có mấy chỗ cho đồng ruộng, nhưng cây cối thì trái lại, như đã tìm được ở đây một chốn thiên đường, và các bờ hồ như thể những vườn cây xanh tốt. Như thể có cái gì đó trong không khí hay trong nước đã giữ ánh sáng mặt trời lại, trong khi chính mặt trời đã khuất sau các dãy đồi rồi. Những vệt vàng giõn trên mặt nước sẫm màu và bóng loáng; và phía trên mặt đất lung linh một ánh nhàn nhạt, phơn phớt hồng, từ đáy nổi lên những cây bạch dương màu vàng dịu, những cây hoàn diệp đỏ thắm và những cây thanh lương trà màu vàng pha sắc đỏ.

- “Này, ngỗng đực Mårten, thế ra cậu không cho rằng không được nhìn cảnh vật đẹp như thế này chẳng buồn lắm sao? Nils hỏi như vậy.

- Tôi thích những cánh đồng màu mỡ của đồng bằng tỉnh Skåne chúng ta hơn những đồi đá nghèo nàn kia nhiều. Nhưng cậu cũng hiểu rõ rằng nếu cậu mà cứ nhất quyết đi tiếp nữa, thì tôi chẳng bỏ cậu đâu.

- Mình vẫn mong cậu trả lời như thế đấy, - Nils nói câu đó với cái giọng tỏ rõ là chú đã thấy như đỡ được một gánh nặng trong lòng.

Đàn ngỗng bay trên tỉnh Bohuslän nhanh hết sức, ngỗng đực trắng thờ hồn hên bay theo. Mặt trời đang ở chân trời, và chốc chốc lại biến mất sau một quả đồi. Bỗng thấy ở phía tây một đường sáng mà cứ mỗi một cái đập cánh đến gần, càng thấy rộng thêm ra. Đó là biển trải ra trước mặt, màu sữa, lần lượt ánh lên màu hồng và màu thanh thiên như chiếc cầu vồng; và khi đã vượt qua những mỏm đá trên bờ biển thì lại còn thấy lần nữa mặt trời to tướng và đỏ lôm, lơ lửng trên mặt sóng trước khi lặn xuống đáy.

Trông thấy mặt biển tự do và bát ngát, và mặt trời chiều đỏ thắm, nhưng ánh sáng dịu đến mức có thể nhìn thẳng được, Nils cảm thấy một cảnh thanh bình mệnh mông và một niềm an tâm sâu sắc thấm vào lòng mình. Mặt trời nói với chú rằng: “Buồn khổ làm gì. Nils Holgersson? Sống trên đời này vừa cho những người lớn, vừa cho những trẻ nhỏ, thích lắm chứ. Còn được tự do và vô tư lự, và có cả không gian trước mặt mình cũng là điều tốt đẹp nữa”.

Đàn ngỗng đã đổ xuống một bãi rạn^[171] nhỏ phía trước thành phố Fjällbacka. Sắp đến nửa đêm và trăng đã lên rất cao trên vòm trời rồi, ngỗng già Akka đến đánh thức Yksi và Kaksi, Kolmi và Neljä, Viisi và Kuusi dậy. Sau cùng thì lấy mỏ đẩy Tí Hon. Chú bé vọt dậy tức khắc, kêu lên: “Gì thế, mẹ Akka?” Nils trông thấy ngay cạnh chú một cái gì mà thoát tiên chú tưởng là một tảng đá cao và nhọn; nhưng chú hiểu ngay là mình nhầm, và thấy rằng đó là một con chim ăn thịt to; chú nhận ra Gorgo, đại bàng.

Tất nhiên là đại bàng với Akka đã hẹn gặp nhau, vì chẳng thấy ai tỏ ra một chút ngạc nhiên nào cả. Akka chào Gorgo và nói:

- Thế thật là đúng hạn.

- Tôi đến, nhưng tôi lo quá đi rằng chỉ có sự đúng hẹn của tôi là đáng khen mà thôi. Tôi đã thất bại trong cái việc mà mẹ giao cho, Gorgo đáp lại vậy.

- Ta chắc rằng anh đã làm nhiều hơn anh nói.

- Tôi chẳng gặp may chút nào. Quả thật tôi đã tìm ra rất nhanh cái trại của Holger Nilsson; sau khi lượn mấy tiếng đồng hồ trên nhà ấy, tôi nhìn thấy ông gia thần. Tôi liền đâm bổ xuống ông ta và mang ra một cánh đồng để dễ nói chuyện với ông ta hơn. Tôi bảo ông ta là tôi do Akka núi Kebnekaise cử đến, để xin ông ta đặt cho Nils Holgersson những điều kiện đỡ nghiệt hơn. Ông ta trả lời rằng:

“- Ta cũng muốn thế, vì được biết rằng nó đã ăn ở khá lắm trong chuyến đi đó. Nhưng mà ta không đủ quyền trong việc này.

“Tôi giận quá, và dọa chọc thủng mắt ông ta ra nếu ông ta không chịu nhượng bộ. Ông ta lại nói tiếp:

“- Anh muốn làm gì tôi thì cứ làm, nhưng đối với Nils Holgersson thì chẳng bớt được chút gì, như tôi đã nói. Nhưng mà anh phải báo cho nó biết là nó phải trở về với con ngỗng đực, vì công việc ở đây bê bối lắm. Holger Nilsson có đứng ra bảo lãnh cho em ông ta, nay phải trả cho người ta một số tiền lớn. Rồi ông ta lại mua một con ngựa với tiền đi vay, nhưng ngay ngày đầu ngựa đã đi cả nhấc, và từ đó chẳng làm ra chút lợi lộc nào. Anh bảo Nils Holgersson là bố mẹ nó đã phải bán mấy con bò cái đi rồi, và có lẽ sẽ phải bắt buộc bỏ trại mà đi, nếu chẳng có ai cứu giúp”.

Nghe câu chuyện, Nils cau mày, và nắm tay lại chặt đến nỗi các khớp ngón tay đều trắng bệnh cả ra. Chú nói: “Ông ta hành động độc ác quá, cái ông gia thần ấy, đặt ra một điều kiện đến nỗi làm cho tôi không thể nào có thể trở về giúp bố mẹ tôi được. Nhưng ông ta không làm cho tôi thành tên

phản bội đánh lừa bạn mình được. Bố và mẹ tôi là những người lương thiện, và tôi biết là sẽ muốn tôi đừng về cứu giúp, hơn là thấy tôi trở về với cái lương tâm xấu xa.”

Trở về Vemmenhög

Thứ năm, 3 tháng mười một

Akka dẫn đàn ngỗng trời bay về phía đồng bằng tỉnh Skåne;^[172] bát ngát xa trông toàn những cánh đồng lúa mì và củ cải đường mênh mông, những trại thấp bao quanh những sân rộng, vô số những nhà thờ nhỏ màu trắng, những nhà máy đường xấu xí màu xám, những thị trấn trông như những thành phố nhỏ bao quanh những ga xe lửa. Có những mỏ than bùn, mỏ than đá với những đồng than cao, những con đường sắt gặp nhau và hợp thành một hệ thống mạng lưới dày. Những chiếc hồ nhỏ lánh lánh chỗ nọ chỗ kia, có những nhóm bạch dương bao quanh và kèm theo những tòa lâu đài.

“Giờ thì nhìn kĩ! Nhìn kĩ! Ra nước ngoài sẽ thấy như thế, từ bờ biển Baltic đến tận núi Alps, núi ấy ta chưa hề vượt qua”, Akka, ngỗng đầu đàn, kêu lên như vậy.

Khi các ngỗng con đã nhìn đồng bằng rồi, Akka dẫn đàn đến bờ biển Uresund.^[173] Những đồng cỏ thấp dần dần xuống tận mặt nước; những dải rong biển dài, đen xám lại, bị sóng tung vào bờ hợp thành một đường viền ngoắt ngoéo chữ chi. Ở vài nơi có những trái đồi và những trảng cát di động. Thôn xóm dân chài trải dài những hàng nhà gạch nho nhỏ giống nhau như đúc, với một ngọn đèn biển nhỏ ở đầu mút một con đê; và khắp nơi là những lưới câu căng lên để phơi.

“Nhìn xuống đi! Bờ biển nước ngoài cũng như thế đấy”, Akka kêu lên như vậy.

Sau cùng, đàn ngỗng bay qua vài thành phố; một đồng những ống khói nhà máy, những đường phố chật hẹp khép vào giữa những nhà cao khói ám đen sì, những công viên rộng và đẹp, những bến cảng đầy tàu biển, và lác đác những thành quách cổ, những lâu đài và những nhà thờ cũ kĩ.

“Những thành phố ở nước ngoài cũng như thế đấy, dù to lớn hơn nhiều. Nhưng những thành phố này, một ngày nào đó cũng có thể to lớn bằng”, Akka kêu lên như vậy. Sau khi đã lượn mấy vòng như vậy trên đồng bằng, Akka cùng đàn hạ xuống một đầm lầy trong xã Vemmenhög. Nils không thể không tự hỏi rằng hôm đó Akka đã bay ngoặc đi ngoặc lại, đã lượn những vòng tròn như thế trên tỉnh Skåne, chẳng phải là để cho chú thấy rằng quê

hương chú có thể sánh với bất kì miền đất nào của nước ngoài chẳng. Chú cho rằng ngỗng đã hoài công vô ích: chú chẳng hề nghĩ đến việc tự hỏi xem là quê hương mình giàu hay nghèo vì vừa trông thấy những cây liễu đầu tiên dọc các con đường, cái nhà thấp mà sườn vừa bằng gỗ vừa bằng thạch cao đầu tiên, là chú đã bắn khoăn nhớ đến quê hương rồi.

Ở nhà Holger Nilsson

Thứ ba, 8 tháng mười một

Trời đầy sương xám một màu. Đàn ngỗng trời đang ngủ trưa thì bỗng Akka đến bảo Nils:

- Thời tiết hình như đang yên tĩnh, và ta nghĩ rằng mai chúng ta sẽ vượt biển Baltic.

- Vâng, - Nils trả lời. Chú không thể nói thêm một tiếng nào, vì hòng chú se lại. Chú đã hy vọng rằng dù thế nào đi nữa, chú cũng sẽ được giải khỏi bùa phép, trong khi còn ở Skåne.

Akka nói tiếp:

- Giờ chúng ta đang ở gần Vemmenhug, ta nghĩ là cậu có lẽ cũng muốn về thăm nhà một tí, nhân đi qua đấy. Vì sau đây còn lâu cậu mới gặp lại gia đình.

- Có lẽ tốt hơn là tôi đừng về qua đấy, - Nils trả lời như vậy, nhưng mà giọng nói lại cho thấy là lời đề nghị kia làm cho chú vui lòng biết bao.

Akka lại nói:

- Cậu phải về xem ở nhà người ta ra sao chứ. Biết đâu cậu lại chẳng có thể giúp cho bố mẹ cái gì, dù cậu bé nhỏ như thế.

- Mẹ nói có lý, mẹ Akka ạ. Đáng lẽ tôi phải nghĩ đến điều đó sớm hơn, - Nils trả lời, rất phấn khích.

Lát sau chú với Akka, cả hai đã bay đến cái trại của Holger Nilsson. Họ đổ xuống phía sau bức tường bằng đá xếp chồng lên, bao quanh cái trại.

Vừa leo lên tường Nils vừa nói:

- Lạ thật, mọi thứ ở đây đều y nguyên như cũ. Tưởng chừng mới hôm qua thôi, ngồi đây tôi trông thấy đàn bay đến.

- Cậu có thấy bố cậu có súng không? Akka bỗng hỏi như vậy.

- Có chứ, Nils nói. Chính vì cái khẩu súng ấy mà chúa nhật đó tôi đã muốn ở nhà.

- Vậy thì tôi chẳng dám đợi cậu ở đây. Tốt hơn là sáng mai cậu đến nhập với đàn ở mũi Smygahuk: Cậu có thể ngủ tới nay ở đây.

- Ồ! Không, đừng đi, mẹ Akka ạ! - Nils kêu lên, vừa kêu vừa nhảy xuống chân tường. Chú không biết tại sao, nhưng chú tiên cảm là cái gì đó sẽ xảy ra cho họ, cho chú và cho đàn ngỗng, và họ sẽ không còn gặp lại nhau nữa. Chú lại nói:

- Mẹ thấy rõ là tôi rất buồn vì không thể trở lại vóc người bình thường; nhưng tôi muốn mẹ biết rằng tôi không tiếc là đã đi theo đàn mùa xuân vừa qua. Đối với tôi, chẳng thà không trở lại thành người còn hơn là không được đi cái chuyến vừa rồi.

Akka hít không khí vào thật lâu rồi mới nói:

- Có một điều mà đã nhiều lần tôi muốn nói với cậu. Cũng chẳng vội, vì cậu trở về với gia đình không phải là để ở lại, nhưng dù thế ta cũng nói với cậu ngay bây giờ. Thế này này. Nếu thực tình cậu nghĩ rằng cậu đã học được điều gì tốt khi ở với chúng ta, thì chắc là cậu không cho rằng loài người phải được ở một mình trên trái đất này phải không? Nghĩ xem, các người có một đất nước rộng lớn như thế nào! Sao các người lại không có thể để lại vài hòn núi đá trơ trụi trên bờ biển, vài cái hồ không dùng để đi lại được, và những đầm lầy, vài cao nguyên băng tích và vài khu rừng hẻo lánh cho bọn chúng ta, những loài vật tội nghiệp, có thể sống yên thân được? Suốt cả đời ta lúc nào cũng bị săn bắn, bị rượt đuổi. Tốt quá đi nếu được biết là ở nơi nào đó có một chốn trú thân cho một sinh linh như ta!

- Tất nhiên là tôi rất vui lòng giúp được gì cho mẹ, nhưng tôi sẽ chẳng bao giờ nói được gì nhiều ở giữa loài người, mẹ ạ - chú bé trả lời.

- Thôi nhá! Nhưng sao chúng ta lại cứ đứng đây trò chuyện mãi như thế chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa. Mai sẽ gặp lại cơ mà. Thôi đến mai vậy!

Akka dang cánh lên để bay, nhưng trở lại một lần nữa, lấy mỏ dịu dàng vuốt ve chú, rồi mới bay đi.

Bây giờ đang lúc giữa trưa, thế mà trong cái trại chẳng thấy một ai nhúc nhích. Bởi thế Nils có thể đi lại bất kì đâu, tha hồ.

Chú chạy nhanh vào chuồng bò, biết rằng các con bò cái sẽ cho mình biết tin tức tốt nhất. Cảnh chuồng bò thật là buồn: đáng lẽ những ba con bò đẹp ở đó như trong mùa xuân, thì chỉ còn có mỗi một con. Nó là Hoa Hồng Tháng

Năm. Tiếc nhớ bạn, nó gục đầu xuống, như chẳng đụng đến cỏ ăn. Nils kêu lên, và chẳng sợ sệt gì, chạy thẳng đến con bò.

- Chào Hoa Hồng Tháng Năm. Bố mẹ mình thế nào? Bọn ngỗng, bọn gà mái và con mèo thế nào? Các bạn của bò, Hoa Kèn Vàng và Ngôi Sao đầu cả?

Nhận ra giọng nói chú bé, bò cái giật mình, rồi cúi đầu xuống như để húc cho chú một cái. Nhưng mà tuổi già đã làm cho cử chỉ của nó trở nên điềm đạm, và nó để thì giờ nhìn kĩ Nils Holgersson xem sao. Chú bé vẫn bé như ngày ra đi, và quần áo vẫn đúng như thế, nhưng hình như chú đã khác trước. Cái tên Nils Holgersson này, ra đi vào mùa xuân, dáng đi nặng nề, lê lét, đôi mắt cứ như đang ngủ: nhưng cái kẻ trở về đây, nhanh nhẹn, dẻo dai, nói năng hoạt bát, đôi mắt long lanh, rục rờ, và tư thế thật đoan trang và quả quyết, dù bé nhỏ như vậy vẫn làm cho người ta phải nể vì. Hoa Hồng Tháng Năm kêu:

- Mòò! Người ta đã nói rõ với mình là nó đã thay đổi. Mình chẳng muốn tin! Chào cậu, Nils Holgersson ạ, chào cậu trở lại nhà. Đây là lúc vui mừng đầu tiên mà tôi có được từ không biết bao nhiêu lâu nữa rồi.

- Cảm ơn Hoa Hồng Tháng Năm! Nils nói, mà lòng ảm lại vì lời chào đón đó. Giờ thì cho tôi biết tin tức của bố mẹ tôi đi!

- Họ chỉ gặp toàn sầu muộn từ khi cậu ra đi. Tệ nhất là cái việc con ngựa; đã tốn bao nhiêu tiền mà suốt cả mùa hè nó chỉ ở đấy, chẳng có thể làm gì hết, ngoài cái việc ăn. Bố cậu không muốn giết nó, mà chẳng có ai muốn mua nó đi. Chính vì nó mà phải bán mất hai bạn của tôi, Ngôi Sao và Hoa Kèn Vàng.

Lại còn việc khác mà Nils nóng lòng muốn biết nữa, nhưng chú lúng túng quá, không dám nói thẳng ra. Rồi chú khẽ hỏi:

- Tôi nghĩ là mẹ tôi buồn lắm khi biết là con ngỗng đực bay mất phải không?

- Ta không cho là bà buồn khổ đến thế vì con ngỗng đực, nếu bà biết được là nó đã biến mất như thế nào. Bây giờ thì bà phàn nàn nhất về việc chính con trai bà trốn nhà ra đi, đã mang theo con ngỗng.

- A! Thế ra mẹ tưởng tôi đã ăn cắp con ngỗng? Nils hỏi lại.

- Thế cậu muốn bà tưởng thế nào?

- Vậy ra, bố và mẹ nghĩ là tôi đã đi lang thang khắp nước, mùa hè vừa qua, như một đứa ăn mày?

- Ông bà tiếc thương cậu, đau xót như mất cái gì thân thiết nhất trên đời.

Nils bỏ ra khỏi chuồng bò. Chú sang chuồng ngựa, cái chuồng hẹp có một tí, nhưng sạch sẽ và thơm mát. Rõ ràng là ông Holger Nilsson đã dọn dẹp cẩn thận để cho khách mới đến ở được vui thích. Ở đây có một con ngựa to đẹp, sức khỏe dồi dào, rạng rỡ.

- Chào ngựa! Nils nói. Tôi nghe nói ở đây có một ngựa ốm. Không thể là anh được. Anh có vẻ khỏe mạnh thế cơ mà?

Con ngựa quay về phía chú bé, nhìn hồi lâu, rồi nói:

- Có phải cậu là con trai trong nhà không? Tôi được nghe nói nhiều điều xấu về cậu lắm. Nhưng trông cậu đáng yêu thế này cơ mà, tôi mà không được nghe nói là cậu đã bị biến thành gia thần thì tôi không bao giờ cho cậu là Nils đâu.

- Tôi biết là tôi ra đi, đã để lại một kỉ niệm xấu, Nils Holgersson nói. Chính mẹ tôi tưởng là tôi ra đi như một đứa ăn trộm. Tôi không định ở lại đây lâu, nhưng tôi muốn biết ngựa bị cái gì thế.

- Cậu không ở lại, tiếc quá nhỉ; tôi thấy là chúng mình sẽ thành bạn thân. Còn tôi thì có gì đâu: một mũi dao hay vật gì nhọn đó cắm vào chân, và vào sâu quá đến nỗi ông bác sĩ không thể tìm thấy; nó làm tôi đau lắm và không đi được. Giá cậu bảo cho ông Holger Nilsson biết, thì tôi tưởng là ông có thể chữa cho tôi khỏi. Tôi rất muốn làm kẻ có ích. Tôi xấu hổ quá sức vì cứ ăn không ngồi rồi.

- Càng tốt, tôi rất mừng là ngựa chẳng ốm đau gì thực sự cả! Chúng tôi sẽ cố chữa cho ngựa; cho tôi ghi lên móng ngựa mấy cái dấu với lưỡi dao con tí.

Nils vừa mới xong việc thì nghe có tiếng nói ngoài sân. Đó là bố mẹ chú đã về. Rõ ràng là lòng họ nặng trĩu những nỗi lo lắng. Mặt bà mẹ thêm nhiều nếp nhăn, và tóc ông bố đã ngả màu hoa râm. Bà mẹ đang thuyết phục ông bố phải vay tiền của ông anh vợ. Đi qua cánh cửa chuồng ngựa hé mở, ông bố nói:

- Không, không, tôi không đi vay nữa. Chẳng có gì kinh khủng bằng mắc nợ. Tốt hơn là bán nhà đi.

- Tôi không can ông, nếu không có thằng bé. Một ngày nào đó mà nghèo khổ, khốn cùng, nó trở về và không thấy ta ở đây thì nó biết làm thế nào?

- Tất nhiên là như thế thì buồn quá, nhưng phải nhờ những người mua lại trại này đón nó tử tế, và bảo cho nó biết là bao giờ nó cũng được chúng mình

mong chờ và đón tiếp ân cần ở nhà. Vì chúng mình sẽ chẳng trách móc nó một lời. Đồng ý như vậy không nào?

- Tất nhiên! Ôi! Chỉ cần nó ở nhà, và tôi không phải lo nó đói, nó khát trên các đường cái!

Nils chẳng được nghe thêm gì nữa, vì họ đi vào nhà. Chú chỉ muốn chạy theo, nhưng bố mẹ mà gặp lại chú như thế này thì chẳng phải là càng buồn phiền thêm sao? Chú đang do dự thì một chiếc xe đỗ lại ngoài cổng.

Nils suýt kêu lên vì ngạc nhiên, khi thấy hai người bước xuống, mà chẳng ai khác là Åsa và bố cô ta. Họ cầm tay nhau bước lên nhà, trang nghiêm và trầm tĩnh, đôi mắt ánh lên niềm vui sướng. Được mấy bước, Åsa giữ bố lại và nói:

- Đồng ý như thế phải không bố; chúng ta sẽ chẳng nói chút gì về vị gia thần giống Nils như đức, về chiếc giày gỗ nhỏ và về đàn ngỗng trời đấy nhé!

- Tất nhiên! Jon Assarsson đáp lại. Bố chỉ nói là con trai họ đã cứu giúp con nhiều lần, trong lúc con đi tìm bố khắp đất nước, và chúng ta đến hỏi xem họ là chúng ta có thể giúp họ việc gì không, vì bây giờ bố đã khá giả, và giàu có nữa, nhờ cái mỏ bố đã tìm được ở trên kia.

Hai bố con bước vào nhà, Nils có thể hi sinh bao nhiêu thứ để được nghe câu chuyện của họ, nhưng không dám lộ mặt ra sân. Khi Åsa và bố đi ra, bố mẹ Nils tiễn khách về, thì trông như là đã sống lại một cuộc đời mới.

Khách đi rồi, ông bố và bà mẹ còn đứng lại một lúc ở cổng, nhìn theo chiếc xe đang xa dần. Bỗng bà mẹ nói to lên:

- Tôi không muốn buồn phiền nữa, bố nó ạ, vì chúng ta vừa được nghe nói bao nhiêu điều tốt đẹp về Nils.

- Thật ra họ cũng chẳng nói gì nhiều, ông bố nói vẻ mơ màng.

- Họ đến đây cốt bàn việc giúp đỡ mình, để đáp lại bao nhiêu việc Nils đã giúp họ, ông cho rằng như thế chưa đủ sao? Tôi lại nghĩ rằng ông có thể nhận lời người ta ngỏ ý giúp mình nữa cơ.

- Không, không, mẹ nó ời! Chúng mình chẳng nhận tiền của ai hết, dù cho vay hay là cho không. Trước tiên tôi muốn trả hết nợ nần đi đã, chúng mình sẽ cất đầu lên lại được lắm chứ. Chúng mình đã già nua vô dụng gì đâu, phải thế không nào?

Ông bố vừa nói vừa cười.

- Người ta có thể nói là ông thích thú vì được đem bán tống cái mảnh đất

mà ông đã đổ xuống bao nhiêu mồ hôi này, bà mẹ nói, giọng trách móc.

- Mẹ nó không hiểu tại sao tôi cười à? Ông bố nói. Chính cái ý nghĩ thằng Nils là đồ bỏ đi đã làm cho tôi mất hết sức lực, mẹ nó thấy không? Giờ thì tôi biết là nó còn sống và nó hứa sẽ thành người lương thiện, thì mẹ nó sẽ thấy là Holger Nilsson còn có thể làm ăn lắm chứ. Bà mẹ vào nhà, và Nils phải vội vàng nấp vào một xó, vì ông bố đi về phía chuồng ngựa, và một lần nữa nắm lấy cái chân cà nhấc để xem nó đau ở đâu.

“Cái gì thế này?” Ông ta kêu lên vì thấy mấy chữ khắc vào móng chân ngựa.

“Rút miếng sắt ra khỏi chân!” Ông ta đọc mà kinh hãi.

Tuy vậy, ông ta cũng bắt đầu xem kĩ cái móng.

“Mà thật, mình cho là có cái gì nhọn ở đây đây”, ông ta lầm bầm.

Trong khi ông bố bận với con ngựa và Nils đứng im trong một góc, thì có khách nữa đến thăm. Con ngỗng đực trắng, ẩn ở gần nhà cũ của nó quá, không cưỡng nổi ý muốn trở về khoe vợ con với các bạn cũ, và đã cùng đến với Long Tư Mìn và sáu ngỗng con. Khi chúng đến trại Holger Nilsson thì chẳng có ai ngoài sân cả. Ngỗng đực yên tâm cùng gia đình đổ xuống và khoe với Long Tư Mìn cái cảnh lộng lẫy nơi ăn chôn ở của một con ngỗng nhà. Sau khi giới thiệu cái sân xong, nó trông thấy cánh cửa chuồng bò đang mở hé.

“Vào xem! Nó kêu. Vào xem chỗ anh ở trước đây! Thật khác hẳn cái cảnh ăn ở tạm bợ trong các đầm lầy và bãi than bùn của chúng ta ngày nay!”

Ngỗng đực đứng yên trên ngưỡng chuồng bò. Nó gọi: “Trong này chẳng có ai cả. Vào đây Long Tư Mìn, vào xem cái ngăn để ngỗng ở! Đừng sợ! Chẳng có chút gì nguy hiểm cả đâu”.

Thế là ngỗng đực, Long Tư Mìn và sáu ngỗng con vào cái ngăn nuôi ngỗng, để ngắm nghía cảnh sang trọng nhà trước đây ngỗng đực trắng đã sống, trước khi đi theo đàn ngỗng trời.

“Đấy, trước kia thế đấy. Chỗ của anh ở đây, và kia là cái bồn, lúc nào cũng đầy kiêu mạch với nước. Ấy khoan khoan, hình như còn có một ít!”

Ngỗng đực chạy vội đến và ăn ngay, rất háu. Trong lúc đó Long Tư Mìn thấy lo.

“Vài hạt nữa thôi!” Ngỗng đực nói.

Đúng lúc đó nó kêu lên một tiếng và lao ra cửa. Chạm mắt rồi. Cánh cửa

đóng ập, và bà chủ cài then lại. Thế là đàn ngỗng bị bắt gọn!

Ông bố vừa rút một miếng sắt nhọn ra khỏi chân con ngựa và sung sướng vuốt ve con vật, thì bà mẹ chạy đến thở hắt cả hơi.

- Đến đây, bố nó ơi, đến xem tôi bắt được một lũ đây này! Bà ta kêu lên.

- Chờ tí, mà hãy nhìn đây đã. Tôi đã tìm ra cái vật làm cho con ngựa bị thương!

- Tôi cho là vận may sắp trở lại với chúng mình rồi. Bố nó hãy tưởng tượng là con ngỗng đực to biến mất mùa xuân vừa rồi, đã trở về cùng bảy con ngỗng trời. Nó đã đi theo một đàn ngỗng trời. Chúng nó đi thẳng vào chuồng bò, đến chỗ của chúng nó, và tôi đã nhốt chúng nó lại cả bọn.

- Lạ thật! Holger Nilsson nói. Cái làm ta thích nhất là ta không thể nghĩ cho Nils đã mang luôn cả con ngỗng lúc ra đi.

- Thật thế. Nhưng mà tôi e là ta buộc phải thịt tất cả chúng nó ngay tối hôm nay. Vài hôm nữa là lễ thánh Mårten^[174] rồi; phải nhanh lên để đem ra phổ bán.

- Thịt con ngỗng đực thì đáng tiếc quá, vì nó trở về mà rử thêm được nhiều ngỗng như thế cơ mà, Holger Nilsson cãi lại.

- Nếu thời buổi mà đỡ khó khăn thì cũng để cho nó sống chứ, nhưng mà chắc là chúng ta không còn ở đây nữa, thì để làm gì cái đám ngỗng ấy?

- Đúng thế.

- Ra đây giúp tôi đem chúng nó vào bếp!

Họ đi ra, vài phút sau Nils thấy bố từ chuồng bò ra, một bên nách cắp ngỗng đực, một bên cắp Lông Tơ Mịn. Ngỗng đực kêu lên như mọi khi gặp con nguy biến: “Cứu với! Tí Hon ơi, cứu với!”

Nils nghe nó kêu rất rõ, tuy vậy chú vẫn đứng yên ở chuồng ngựa. Không phải chú nghĩ, dù chỉ thoáng qua, rằng người ta mà thịt con ngỗng đực trắng đi thì tốt cho chú quá - lúc bấy giờ chú không nghĩ đến cả cái điều kiện của ông gia thần nữa - cái đã giữ chú lại chính là việc muốn cứu ngỗng đực thì phải ra trước mặt bố mẹ với hình hài bé nhỏ của mình lúc bấy giờ; và việc ấy làm chú thấy ghê quá. Chú nghĩ:

“Bố mẹ đã chẳng có gì sung sướng rồi, mình có nên thêm cho bố mẹ mỗi buồn phiền này nữa không?”

Nhưng mà khi cánh cửa đã đóng để nhốt ngỗng lại, thì Nils quên hết mọi

nổi do dự. Chú chạy qua sân nhanh hết sức mình, và đi vào hành lang. Chú bỏ đôi giày gỗ ra theo thói quen ngày trước, và đến gần cánh cửa. Chú dừng lại lần nữa.

“Ngỗng đực trắng đang gặp nạn, nó là bạn tốt nhất của mình từ khi bỏ cái nhà này ra đi”, chú tự bảo thế.

Bấy giờ chú bỗng thấy lại tất cả các cơn nguy khốn mà chú và ngỗng đực đã từng đương đầu trên các mặt hồ đóng băng và mặt biển bão táp, và giữa những ác thú hung dữ. Lòng chú tràn ngập niềm biết ơn và thương yêu, và chú liền đập cửa:

- Ai đấy? Ông bố hỏi và mở cửa.

- Mẹ ơi, mẹ ơi, đừng làm tội ngỗng! Nils kêu lên và bước vụt vào.

Ngỗng đực và Lông Tơ Mịn đang bị trói nằm trên ghế băng, nghe tiếng chú, cùng kêu lên một tiếng vui mừng. Nhưng mà kẻ kêu lên tiếng vui mừng to nhất, chính là bà mẹ: “Ôi! Nils, Nils! Con lớn và đẹp làm sao!”

Chú đứng khựng lại, như còn hồ nghi về cảnh đón tiếp mình.

- Lạy Chúa, ai đem con về với mẹ đây. Đến đây! Đến đây! Bà mẹ lại nói.

- Mừng con, - ông bố chẳng biết nói gì hơn.

Nils vẫn ngập ngừng trên ngưỡng cửa. Chú không hiểu niềm vui của bố mẹ. Nhưng bà mẹ đã lao tới phía chú, và đưa hai tay ôm vòng lấy cổ chú. Thế là Nils hiểu cái gì đã xảy ra. Chú kêu lên:

- Bố, mẹ, con đã lớn trở lại! Con đã trả lại thành người!”

Cảnh từ biệt giữa Nils với đàn ngỗng trời

Thứ tư, 9 tháng mười một

Sáng hôm sau Nils dậy trước rạng đông, và đi ra phía bờ biển.

Khi mặt trời bắt đầu mọc, chú đã đến chỗ hẹn với Akka, hơi xế về phía đông thôn Smyge một tí.^[175] Chú chỉ có một mình. Trước khi ra đây, chú đã vào chuồng bò, đánh thức ngỗng đực trắng dậy. Nhưng ngỗng chẳng nói năng gì, lại rúc đầu vào cánh và ngủ lại.

Trời hôm nay có thể rất đẹp, cũng đẹp gần bằng cái ngày mùa xuân mà đàn ngỗng trời đã đến đây. Biển trải ra mênh mông và yên lặng. Không trung thanh tĩnh, và Nils nghĩ rằng chuyến đi của các bạn sẽ được tốt lành. Chú

đang còn ở trong cái cảnh nửa tỉnh nửa mê. Lúc thì chú tưởng rằng mình là gia thần, lúc thì chú là Nils Holgersson thực sự.

Trông thấy một cái hàng rào trên đường đi, chú sợ không dám đi tiếp, trước khi biết chắc là không có con vật nguy hiểm nào nấp ở phía sau. Rồi chú cười, sung sướng nhớ lại là mình đã lớn và khỏe, và không cần phải sợ nữa.

Đến bên bờ biển, chú đứng ngay giữa bãi cát để cho đàn ngỗng trời trông thấy rõ. Hôm đó là một ngày chim di cư. Mỗi lúc lại nghe những tiếng kêu gọi nhau tập hợp. Chú mỉm cười, vì nghĩ rằng chẳng một ai có thể hiểu bằng chú những gì mà chim chóc kêu lên với nhau.

Nhìn những đàn ngỗng trời bay qua, chú nghĩ: “Miễn là không phải đàn mình đang bay đi, mà không từ biệt mình!”. Chú muốn kể lại cho đàn nghe mình đã trở lại thành người như thế nào quá!

Một đàn đến gần, bay nhanh hơn và kêu to hơn các đàn khác. Có cái gì như bảo chú rằng chính đó là đàn của mình. Nhưng mà chú không nhận ra đàn chắc chắn như hôm trước được nữa.

Đàn ngỗng bay chậm lại, và bay ngược gió phía trên bãi, Nils hiểu rằng đó chính là các bạn đồng hành của mình. Nhưng tại sao lại không hạ xuống? Họ không thể không trông thấy chú.

Chú cố gọi lên một tiếng, nhưng mà lưỡi chú không chịu tuân theo ý muốn của chú. Chú không thể phát ra đúng âm được.

Chú nghe Akka gọi trên không, nhưng lại không hiểu Akka bảo gì. Chú nghĩ: “Lạ thật, ngỗng trời đã thay đổi tiếng kêu rồi sao?”

Chú đưa mũ lên vẫy và chạy dọc bãi, kêu lên: “Tôi đây, mẹ đâu?”

Như thế hình như chẳng có tác dụng nào khác là làm cho đàn ngỗng khiếp sợ. Chúng bay lên cao hơn, và xa bờ biển. Cuối cùng chú hiểu rằng: đàn ngỗng không biết rằng chú đã trở lại thành người.

Đàn không nhận ra được chú nữa.

Chú thì không thể gọi đàn lại được, vì loài người không biết nói tiếng của chim. Chú không còn hiểu nữa, cũng không nói được nữa tiếng của loài chim.

Dù Nils sung sướng được giải khỏi bùa phép, chú vẫn thấy rằng phải từ biệt các bạn ngỗng của mình như thế thật là đáng cay. Chú ngồi xuống cát, lấy hai tay che mặt. Nhìn họ ra đi nào có ích gì?

Nhưng bỗng chú nghe tiếng cánh xào xạc: mẹ già Akka không thể đành lòng từ giã Tí Hon của mẹ như thế được, và mẹ đã quay trở lại. Giờ thì Nils ngồi yên, mẹ mới dám đến gần. Có lẽ bỗng nhiên mẹ biết ra rằng người đó là ai. Mẹ hạ xuống mũi đất cạnh chú.

Nils kêu lên một tiếng vui mừng và ôm lấy mẹ trong vòng tay. Thế là các ngỗng khác đều đến gần và đưa mỏ vuốt ve chú. Tất cả cứ cà kiu và chuyện trò và mừng cho chú. Nils cũng nói với các bạn, cảm ơn họ về chuyến lữ hành tốt đẹp đã cùng đi với nhau.

Đột nhiên đàn ngỗng im bật, nhìn chú một cách lạ lùng và đi xa ra. Họ như bỗng hiểu cái gì đã xảy đến và bảo nhau: “Cậu ấy đã trở lại thành người! Cậu ấy không hiểu chúng mình nữa, và chúng mình cũng không hiểu cậu ấy nữa!”

Thế là Nils đứng dậy, và đi đến trước mặt Akka. Chú ôm hôn ngỗng và vuốt ve ngỗng.

Rồi chú đến Yksi và Kaksi, Kolmi và Neljä, Viisi và Kuusi, tất cả các ngỗng già của đàn, và ôm hôn tất cả. Rồi chú bỗng nhanh chân từ giã họ, đi ngược lên bãi cát trở về nhà. Chú biết rằng nỗi buồn của loài chim không bao giờ lâu, và chú muốn từ biệt các bạn trong lúc họ còn đang tiếc nhớ vì phải mất chú.

Lên đến ngọn cồn cát, chú quay lại nhìn tất cả các nhóm chim đang sửa soạn vượt biển. Tất cả kêu lên gọi nhau; chỉ một đàn ngỗng trời là lặng lẽ bay, chú trông theo cho mãi đến lúc mà mắt chú không còn nhìn thấy nữa.

Nhưng mà, cái hình chữ nhân của đàn thật là ngay ngắn, các khoảng cách thật chính xác, nhịp bay nhanh cánh vỗ khỏe và đều. Lòng Nils bừng lên nỗi nhớ tiếc, đến mức gần như cầu mong được trở lại làm chú bé Tí Hon đã có thể chu du trên mặt đất và trên mặt biển với một đàn ngỗng trời.

CUỘC PHIÊU LƯU Kỳ DIỆU CỦA NILS

SeLMa LaGeRLöf Hoàng Thiều Sơn dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản : Nguyễn MINH NHựT *Chịu trách nhiệm nội dung* : Nguyễn THẾ Truật *Biên tập* : THaNH HƯƠNg - THu NHì

Bìa : BÙì NaM

Sửa bản in : THaNH HƯƠNg

Kỹ thuật vi tính : Mai KHaNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh ĐT: 39316289
- 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.38437450 - e-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn Website:
<http://www.nxbtre.com.vn> CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ Tại HÀ
Nội Số 21, dãy a11, khu Đàm Trầu, Phường Bạch Đằng Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Điện thoại: 04.3773.4544 - Fax: 04.3512.3395 e-mail:
chinhanh@nxbtre.com.vn Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

Chú thích

[1] Skåne là tỉnh ở cực nam đất nước Thụy Điển, trên eo biển thông sang Đan Mạch.

[2] Trong truyện cổ Bắc Âu, *tumtê* là một thứ thần rất bé, hay giúp người trong các gia đình thần ở, nên đây tạm dịch là *gia thần*.

[3] Ở châu Âu, người nghèo ở nông thôn không có giày da, phải đeo giày bằng gỗ để đi.

[4] Cao nguyên băng tích là những cao nguyên ở miền bắc Thụy Điển, xưa kia khí hậu lạnh, băng phủ dày hàng chục vạn năm, ngày nay băng tan rồi nhưng mặt đất còn mang đầy dấu vết xâm thực của các sông băng cũ. Tiếng Thụy Điển gọi các cao nguyên ấy là Fjell.

[5] Lỗa mạch là loại lúa mì thân cao, trồng ở những chỗ đất xấu.

[6] Kebnekaise là ngọn núi cao nhất nước Thụy Điển, 2135 mét ở tận cùng đất Thụy Điển về phía bắc, quê hương của Akka.

[7] Lapland là tỉnh ở cực bắc nước Thụy Điển, khí hậu rất lạnh và là quê hương của những người Lapps.

[8] Cây trần cùng họ với cây hạt dẻ, mọc ở những nơi ẩm ướt xù ôn đới, gỗ xốp.

[9] Nhan đề nhiều chương trong nguyên tác thường dùng tên các tỉnh, các địa phương ở Thụy Điển, mang nặng tình cảm dân tộc, nhưng có phần xa lạ với bạn đọc nước ngoài. Gặp những trường hợp như thế, bản dịch này thay bằng nhan đề khác, nhưng gần với nội dung của chương sách.

[10] Trong nguyên tác là lâu đài Glimminge.

[11] Malmur là thương cảng lớn của Thụy Điển ở phía nam, trên eo biển thông sang Đan Mạch; Lübeck là thương cảng của Đức đã nổi tiếng từ giữa thế kỉ XIII.

[12] Lund là thành phố lớn ở tỉnh Skåne, nổi tiếng vì có trường đại học lâu đời.

[13] Trong nguyên tác là “Hội múa chim hạc ở Kullaberg”.

[14] “Nồi của khổng lồ” là những cái hốc hình vại mà nước xói, đào vào đá các lòng khe, theo cách gọi có tính cách hình tượng trong ngôn ngữ dân gian của nhiều nước ở châu Âu.

[15] Uresund là một trong các eo biển hẹp giữa đất Thụy Điển với các đảo của Đan Mạch.

[16] Blekinge là một tỉnh ở miền nam Thụy Điển, bên phía đông tỉnh Skåne và phía nam tỉnh Småland.

[17] Trong nguyên tác là “Thung lũng sông Ronneby”.

[18] Karlskrona là quân cảng của Thụy Điển, nằm ở phía nam trên bờ biển Baltic.

[19] Truyện dân gian của các dân tộc ở Bắc Âu hay nói đến những nhân vật hình người bé nhỏ gọi là troll, ở các chốn núi rừng, thường đùa nghịch, chứ không hại người.

[20] Kark XI là một trong những quốc vương Thụy Điển nổi tiếng trị vì từ năm 1660 đến 1697, trong thời kì hùng cường nhất của lịch sử nước này; bấy giờ uy quyền của Thụy Điển lan ra khắp chung quanh biển Baltic, mà ngày ấy người ta gọi là “hồ Thụy Điển”. Thành phố này tên Karlskrona, nghĩa là “Thành phố của Karl”.

[21] Uland là hòn đảo của Thụy Điển ở trong biển Baltic, ven bờ đông nam nước này.

[22] Rugen là đảo của nước Đức, nằm sát bờ nam biển Baltic mà đất nước Thụy Điển là bờ bắc.

[23] Xem bản đồ Thụy Điển để thấy rõ hình dáng của đảo Uland.

[24] Eo biển Kalmar ở giữa đất Thụy Điển trên lục địa với đảo Uland.

[25] Trong nguyên tác là “Ñâu Karl Nhoû”.

[26] Gottland là hòn đảo dài trong biển Baltic, ở phía đông bán đảo Thụy Điển, phía đông bắc đảo Uland.

[27] Đất hứa là miền Canaan mà Chúa Trời đã hứa cho dân Do Thái, và dù phiêu bạt đến đâu họ cũng cố trở về; thường dùng theo nghĩa là một miền đất rất phì nhiêu, giàu có.

[28] Sải tay là đơn vị đo chiều dài cũ ở châu Âu, bằng 1,949m.

[29] Cảnh đảo Karl Nhỏ tả đây rất đúng với thực tế, “raukar” là những núi đá vôi bị nước biển xâm thực thành những hình thù quái dị mà trí tưởng tượng của nhân dân cũng đem biến thành ma quỷ. Còn chim biển như tả ở đoạn trên thì ở đây hằng hà sa số.

[30] Theo một truyền thuyết rất cổ của người Thụy Điển thì đêm hôm trước lễ Phục sinh hàng năm, tất cả các mục phù thủy khắp nước đều đến khai hội ở Blåkulla.

[31] Cỏ thuộc họ hòa thảo giống như lúa mì, mọc ở các cồn cát và giữ không cho cát bay.

[32] Sứ đồ là mười hai đồ đệ mà chúa Giê-su Cơ Đốc phái đi truyền kinh Phúc âm.

[33] Lúa dẹt hoa ở Đama, thủ đô nước Syria ngày nay, đã nổi tiếng đẹp từ nhiều thế kỉ, nên tiếng nhiều nước gọi hẳn lúa ấy là “Đama”.

[34] Đạo quân Cứu thế là tổ chức theo kiểu quân đội của đạo Tin lành, hoạt động ở bảy mươi nước trên thế giới, đàn ông đàn bà mặc đồng phục để truyền đạo ngoài trời, thu nghĩa quyên để lập nhà đón nhận và nuôi ăn những người nghèo khổ, tìm cách hoàn lương gái giang hồ.

[35] Thành viên của một hội chống việc uống rượu.

[36] Màu đỏ thắm là màu riêng dành cho hàng vua chúa ở châu Âu ngày xưa.

[37] Visby là thủ phủ của Gotland, hòn đảo buôn bán lớn ở châu Âu từ thế kỉ XII đến XV, được gọi là “vương hậu các biển phương Bắc”, Visby được xây dựng từ thế kỉ XIII, tập trung những kho của cải rất lớn, ngày nay còn tìm được một phần; trong thời thịnh vượng có nhiều công trình xây dựng cực kì tráng lệ, nhất là những nhà thờ; đến thế kỉ XV thì bị chiến tranh và giặc cướp tàn phá, nay còn nhiều phế tích như đã tả ở đây, khiến cho Visby được gọi là “thành phố của phế tích và hoa hồng”. Nổi tiếng ở Visby là bức thành đồ sộ bao quanh đô thị, dài hơn ba ki-lô-mét, cao tới mười mét, có bốn mươi tư cổng xây cao thành những ngọn tháp như được tả trong đoạn trước *Thành phố dưới đáy biển*, đó là bức thành cổ còn nguyên vẹn nhất ở Bắc Âu. Đoạn đó là bức tranh miêu tả Visby ngày xưa khi chưa bị tàn phá.

[38] Fyord là những lạch biển ở Bắc Âu, sâu, hẹp và dài. Từ bờ biển ăn vào nội địa hàng chục kilômét; nguyên là những thung lũng do sông băng ngày trước đào ra, và sau đó bị biển ngập vào vì bờ biển lún xuống.

[39] Thánh Phêrô là người đứng đầu mười hai đồ đệ của Chúa Giêsu, người thực sự lập ra giáo hội La Mã và làm giáo hoàng đầu tiên, sinh năm 10 trước Công nguyên, tử vì đạo năm 67.

[40] Đây là Chúa Trời sáng lập ra thế giới; còn Chúa Giêsu là con Chúa Trời.

[41] Mats trêu tức Nils vì nó là dân tỉnh Småland, còn Nils là dân tỉnh Skåne.

[42] Tiếng Thụy Điển fumla-drumla có nghĩa là làm cái gì vụng về, hành động như kẻ thô kệch.

[43] Ustergutland là một tỉnh ở miền đông nam Thụy Điển, trên bờ biển Baltic, đối diện đảo Gotland.

[44] Phòng đầu tiên trước khi bước vào các phòng khác ở ngoài, người ta cởi bỏ mũ và áo khoác, áo mưa... tại đây.

[45] Vì bà không hiểu tiếng nói của loài vật.

[46] Tập Thánh thi là sưu tập những bài thơ ở trong Kinh thánh của đạo Cơ đốc, thường đọc trong các lễ tạ của nhà thờ.

[47] Trong nguyên tác là “Từ núi Taberg đến Huskvarna”.

[48] Núi Taberg, cao 342 mét, ở phía nam hồ Vettern, trong vùng tây bắc tỉnh Småland, có mỏ.

[49] Đấng Sáng Thế là Đức Chúa Trời, đã sáng tạo ra thế gian và muôn loài.

[50] Hồ Vettern là hồ lớn thứ nhì của Thụy Điển, ở phía tây bắc tỉnh Småland.

[51] Junkuping là một thành phố công nghiệp nhẹ nổi tiếng, có những nhà máy giấy và máy diêm, những ngành sản xuất rất tiêu biểu của Thụy Điển. Thành phố ở phía nam Huskvarna và trên bờ nam hồ Vettern.

[52] Linkuping là thành phố luyện kim ở địa phận tỉnh Ustergutland.

[53] Motala là một thành phố luyện kim và Norrkuping là một cảng trên biển Baltic và là thành phố dệt nổi tiếng, đều thuộc địa phận tỉnh Ustergutland.

[54] Surmland là một tỉnh ở miền trung Thụy Điển, phía bắc tỉnh Ustergutland, trên bờ biển Baltic.

[55] Ở ôn đới, những miền lạnh ít thì rừng gồm những loài cây lá rộng bản như sồi, dẻ, phong, du... những miền lạnh lắm thì rừng gồm những loài cây mà lá thu lại hình mũi kim như thông, tùng, bách. Những vùng tiếp giáp giữa hai miền thì rừng hai loại xen kẽ nhau gọi là rừng hỗn hợp.

[56] Bài thuyết giáo của mục sư sáng chúa nhật hôm đó ở nhà thờ.

[57] Vì Kolmården là tên một dãy núi ở mạn nam tỉnh Surmland.

[58] Hai arpent, đơn vị đo đồng ruộng ở châu Âu xưa; mỗi arpent rộng từ 4200 đến 5100 mét vuông, tùy theo mỗi nước: hai arpent xấp xỉ một héc-ta.

[59] Phúc bồn là loại cây nhỏ ở ôn đới, có quả nhỏ đỏ hay trắng, ra từng chùm, vị chua dễ chịu, người ta ăn tươi hay ướp đường, thường làm mứt hay ngâm rượu.

[60] Hublông là một loại cây leo ở ôn đới mà hoa dùng trong việc cất bia để lấy hương thơm.

[61] Bức tranh bằng gỗ gồm ba tấm có thể gấp lại.

[62] Bộ là đơn vị đo lường cổ ở châu Âu, dài hơn 32cm một tí.

[63] Ở những miền lạnh của ôn đới, ngoài loài nai thường, còn có nai xứ lạnh, cổ ngắn và gạc thì nhiều chạc dính liền nhau, làm cho gạc rộng bản và tỏa ngang ra hai bên, chứ các chạc không thanh dài và vút cao lên như nai thường; các ngôn ngữ châu Âu đều gọi nai xứ lạnh theo tiếng Litva là *etnis*. Ở Thụy Điển rất nhiều nai này, có con nặng tới 450 kilô và sinh sôi nảy nở rất nhanh, nên được xem là chúa các loài vật trong rừng của đất nước này.

[64] Nước Thụy Điển hơn một nửa diện tích là rừng, và vì vậy rừng là phong cảnh phổ biến của đất nước Thụy Điển.

[65] Tỉnh Närke ở phía tây tỉnh Surmland, cách một cái hồ lớn là hồ Hjälmär.

[66] Dặm là đơn vị cổ ở châu Âu bằng 4,444 mét.

[67] Norrland là xứ Bắc, gồm mấy tỉnh ở phía bắc miền đồng bằng Thụy Điển; còn miền đồng bằng là nam phần của đất nước ấy, thì gồm những tỉnh mà Nils đã bay qua, cùng với tỉnh Västmanland đang đến và mấy tỉnh sắp

bay đến nữa.

[68] Phá là một vùng nước lớn có lối thông ra biển.

[69] Mälär là cái phá nổi tiếng từ thủ đô Stockholm, ăn xa vào nội địa; Dalarna là tỉnh nổi tiếng đẹp ở phía tây bắc tỉnh Västmanland.

[70] Sắt là nguồn lợi lớn nhất của Thụy Điển xưa nay, nổi tiếng khắp thế giới.

[71] Uppland trên bờ biển Baltic là tỉnh nằm bên phía đông miền trung Thụy Điển.

[72] Bergslagera là một trong ba vùng mỏ sắt lớn của Thụy Điển. Từ thế kỉ XII Thụy Điển đã khai mỏ ở đây và cung cấp phần lớn sắt cho thế giới đến giữa thế kỉ XVIII.

[73] Sông Dalälvs là một trong những sông dài của Thụy Điển, chảy ra biển Baltic qua suốt tỉnh Dalarna, đào ra những thung lũng rất đẹp làm cho tỉnh này có thiên nhiên ngoạn mục nhất Thụy Điển. Tên Dalarna có nghĩa là “những thung lũng”.

[74] Xem lại chương XIII.

[75] Ở Thụy Điển có phong tục rất lâu đời: người ta tin là đêm thứ bảy của tuần lễ thánh, tức là đêm hôm trước lễ Phục sinh, tất cả mọi mụ phù thủy đều đến khai hội ở Blåkulla, bởi vậy khắp nơi đều đốt lửa lên để làm cho các phù thủy khiếp sợ.

[76] Dalarna là tỉnh nổi tiếng có nhiều nhà thờ đẹp; nhà thờ ở Rättvik được đặt tên là “cô dâu quý gối”, nhà thờ ở Leksand tường toàn lát gỗ sơn màu thanh thiên được coi là xinh đẹp nhất thế giới.

[77] Bãi rạn là bãi đá nổi ngoài biển, sàn sàn với mặt biển.

[78] Trong nguyên tác là “Lông Tơ Mịn”. Các tiêu đề trong chương này cũng do người dịch đặt.

[79] Sương khói là sương nhẹ và mỏng hơn sương mù nhiều, sinh ra những buổi sáng hay buổi chiều mà trời âm, do hơi nước bốc lên từ các mặt sông hồ, đồng ruộng, rừng cây.

[80] Stockholm, vẫn được người Thụy Điển gọi là “Thành Phố Bơi Trên Nước”.

[81] Vườn Skansen hiện còn là một trong những kì quan của Stockholm.

[82] Bài nhạc để cho người ta nắm tay nhau mà nhảy thành vòng tròn.

[83] Cơ-rao là đơn vị tiền tệ Thụy Điển.

[84] Tôn trưởng là người bề trên già cả đáng tôn kính.

[85] Ôndin là những thần nam, thần nữ ở dưới nước, trong thần thoại Đức và Bắc Âu.

[86] Dòng tu sĩ Cơ đốc giáo sống thanh bần, được gọi là dòng “hành khát”, do thánh Đominicô, người Tây Ban Nha, lập năm 1215 để truyền đạo, chống lại các phái nguy giáo.

[87] Dòng “hành khát” khác do thánh Fransexcô, người Ý, lập năm 1209.

[88] Nữ thánh Clara (1193-1253), người Ý, lập ra dòng nữ tu cũng thuộc dòng thánh Fransexcô.

[89] Thánh George là vương chủ ở Tiểu Á, tuân đạo năm 303, dưới thời thống trị của đế quốc La Mã; giáo đường này dựng lên hiện cho thánh George để cầu sự bảo hộ của thánh.

[90] Xaga là những truyện cổ khuyết danh bằng văn xuôi truyền tụng trong dân gian ở Bắc Âu từ trước thế kỉ XII đến ngày nay, thuật lại sự nghiệp của các anh hùng dân tộc Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch.

[91] Vị tôn trưởng tả đây chính là Oscar II, quốc vương Thụy Điển từ 1872 đến 1907; năm mà S. Lagerluf tả trong sách này, thì vua còn trị vì, và đã bảy mươi bảy tuổi, năm sau mới băng hà.

[92] Miên liễu là một giống liễu ở xứ lạnh, mà cành non dùng để đan sọt và bện dây.

[93] Gà ở núi cao và lạnh thường có tuyết, nên chân cũng mọc đầy lông để chống rét, thịt rất ngon.

[94] Lemming là một con thú gặm nhấm ở xứ lạnh, rất nhiều ở Bắc Âu, gần giống con chuột đồng.

[95] Cá hương mình dài có lốm chấm, ở các sông hồ và vùng nước mặn của châu Âu được xem là một món ăn quý.

[96] Đại bàng chúa là dòng giống đại bàng to lớn nhất trong tất cả các loài

đại bàng.

[97] Trong nguyên tác là “Qua tỉnh Gästrikland”.

[98] Tỉnh Gästrikland ở giữa hai tỉnh Uppland và Hälsingland.

[99] Quốc kỳ Thụy Điển, nền xanh có hai băng ngang, dọc màu vàng.

[100] Thạch thảo và nham lê là những loài cây mọc thành bụi thấp ở những nơi đất hoang, trông giống rành rành, đào kim nhưỡng thì cùng họ với các loài sim, mua.

[101] Địa y là những thực vật gồm một loài tảo và một loài nấm cộng sinh với nhau, thường mọc trên đá, ở xứ lạnh gần Bắc cực. Đó là thức ăn của các loài nai phương Bắc, mà người Lapps nuôi để kéo xe trượt, vắt sữa, ăn thịt, uống máu và lấy da, lấy gạc.

[102] Quả phúc bồn tương tự quả mâm xôi bên ta; việt quất là một loài cây tương tự cây sim, quả chua mà ngon, ăn rất mát.

[103] Trong nguyên tác là “Một ngày ở tỉnh Hälsingland.”

[104] Trong nguyên tác: “Ở tỉnh Medelpad”.

[105] Từ tỉnh Hälsingland lên phía bắc thì phải qua các tỉnh Medelpad, rồi Ångermanland, sau cùng mới đến tỉnh Västerbotten.

[106] Ngày trước gỗ rừng Thụy Điển khai thác được đều thả trôi trên các dòng sông về nhà máy hay bến tàu để xuất khẩu. Ngày nay hoàn toàn chở bằng ô tô và xe lửa.

[107] Vịnh Bothnia là phần phía bắc của biển Baltic, nằm giữa lãnh thổ hai nước Thụy Điển và Phần Lan.

[108] Rừng là nguồn lợi rất lớn của Thụy Điển, phủ khoảng 78% diện tích toàn quốc, cho người nước này xuất khẩu một phần tư bột giấy, một phần bảy giấy và một phần tám gỗ xẻ của toàn thế giới.

[109] Trong nguyên tác: “Tỉnh Västerbotten và xứ Lapland”.

[110] Trong nguyên tác: “Một buổi sáng ở tỉnh Ångermanland”

[111] Linh miêu là vật ăn thịt thuộc họ mèo, mà người ta cho là có đôi mắt rất tinh, cái nhìn rất sắc.

[112] Hồ đào là những cây cao to ở các rừng ôn đới, gỗ cứng và bóng đẹp,

quả nhỏ ăn ngon; phơi khô ép dầu cũng ngon.

[113] Bánh ngọt làm bằng bột mì thật mịn với bơ và trứng.

[114] Cây trần cùng họ với cây hạt dẻ, mọc những nơi ẩm ướt ở ôn đới, gỗ xốp. Cây bạch dương mọc ở nơi khí hậu lạnh, gỗ trắng, nhựa có thể dùng nấu đường.

[115] Mê diệt là loài cây bụi, thường mọc ở các rừng thưa ôn đới, lá thơm, hoa nhỏ có tính kích thích.

[116] Thanh lương trà là một loài cây xứ lạnh, họ hoa hồng, gỗ cứng và trái nhỏ, mọc từng chùm, dùng để ngâm rượu.

[117] Cây hương mộc thân có bậc và hoa thơm, dùng làm thuốc tẩy rất mạnh; cây kim tước thuộc loài hoa bướm, có hoa mọc từng chùm màu vàng rất đẹp, trồng làm cảnh; cây anh đào hoang có quả giống quả sori, gỗ nhẹ có thể đóng bàn ghế nhỏ; cây đinh hương có hoa thơm, đủ các màu: trắng, xanh nhạt, đỏ nhạt, tía, nở vào mùa xuân.

[118] Sông Daläl là một trong những sông dài ở miền trung Thụy Điển.

[119] Bố mẹ của Nils và Vemmenhug là quê của họ.

[120] Nils đã lên phía bắc, quá vòng Bắc cực ở vĩ tuyến 66038 rồi, và bắt đầu thấy mặt trời không lặn trong các đêm mùa hè.

[121] Sồi là loài cây phổ biến ở các rừng ôn đới có khí hậu ẩm, cao từ hai mươi đến ba mươi mét, gỗ cứng, rất tốt, dùng làm nhà cửa, vỏ để thuộc da. Cây dẻ gai cùng họ với cây sồi, nhưng cao hơn.

[122] Tiểu mạch là loại lúa mì ngon nhất.

[123] Svealand là miền trung Thụy Điển, khí hậu đã bắt đầu lạnh rồi.

[124] Norrland là miền bắc Thụy Điển, trời đã rét lắm.

[125] Kiêu mạch là loại lúa mì trồng chủ yếu để nuôi ngựa.

[126] Lapland là miền cực bắc Thụy Điển, hết sức rét, quê hương của những người Lapps chuyên nuôi hươu phương Bắc.

[127] Đại mạch là loài lúa mì chịu rét giỏi nhất, có thể trồng xa nhất lên phía bắc.

[128] Hươu phương Bắc là vật sống trên đồng rêu gần Bắc cực, người Lapps nuôi để kéo xe, ăn thịt, lấy sữa, lấy da, lấy gạc làm đồ dùng.

[129] Tùng bách đều thuộc họ cây lá nhọn hay lá kim mọc thành rừng lớn ở khí hậu thật lạnh.

[130] Sương mù gặp lúc lạnh dưới độ không, đông lại thành tuyết.

[131] Quỷ lùn trong thần thoại Bắc Âu gọi là troll, chuyên ở những khe núi sâu, giữ những kho tàng hầm mỏ dưới đất, không làm hại ai.

[132] Giấc mơ của Nils cùng cây cỏ và thú vật đi theo mặt trời lên Lapland, là một bài học địa lí về phân bố các sinh vật trên đất nước Thụy Điển theo khí hậu từ Nam lên Bắc.

[133] Digan là những người dân lưu vong, sống lang thang không nguyên quán, trú quán, ở khắp các nước Âu châu, thường làm nghề hát rong và bói toán.

[134] Xem lại chương XV.

[135] Từ tỉnh Småland ở miền nam Thụy Điển lên mỏ Malmberg ở cực bắc nước ấy, đường ngắn nhất cũng gần hai nghìn kilômet.

[136] Nạn dịch hạch xảy ra ở châu Âu từ năm 1348 đến 1350, làm chết có lẽ đến một phần ba dân số; có vùng chết đến một nửa, là nạn dịch khủng khiếp nhất trong lịch sử; người chết thân hình đen lại nên gọi là “dịch đen”.

[137] Lễ Thánh Gioan hàng năm đúng vào ngày 24 tháng sáu là lúc nhiệt độ cao nhất trong năm; đáng lẽ tuyết đã phải tan hết cả rồi, nhưng ở đây vẫn còn lạnh lắm.

[138] Xơ là danh hiệu gọi những phụ nữ tu hành theo đạo Cơ Đốc, phần nhiều họ mở trường dạy học hay làm y tá, hộ lí không lương ở các bệnh viện.

[139] Lulê là một thành phố và hải cảng lớn của cả miền Bắc Thụy Điển ở trên vịnh Bothnia, cách khu mỏ Malmberg gần hai trăm rưỡi kilômet.

[140] Lễ ban thánh thể của đạo Gia Tô là lễ ban cho con chiên được hưởng máu thịt, linh hồn và thánh đức của chúa Giêsu bằng cách cho ăn bánh thánh và uống rượu lễ.

[141] Người Lapps từ châu Á đến ở đất Thụy Điển có lẽ từ trước Công nguyên, họp thành một tộc thiểu số, đến nay còn độ vạn rưỡi dân, chuyên

sống về nghề nuôi hươu phương Bắc. Họ ở tỉnh xa nhất trên phía bắc là Lapland, nghĩa là xứ của người Lapps.

[142] Vùng chung quanh núi Kirunavara là vùng mỏ sắt lớn nhất của Thụy Điển, cách Malmberg trên một trăm kilômet.

[143] Thành phố mỏ Kiruna ở tận tuyến 680 Bắc quá vòng cực bắc hơn một trăm rưỡi kilômet, sau lễ Thánh Gioan 24 tháng sáu có nhiều ngày hai mươi bốn giờ liền, mặt trời không lặn.

[144] “Cái chết đen” cũng là cách gọi nạn dịch đen năm 1348-1350.

[145] Tỉnh Jämtland ở phía nam tỉnh Lapland.

[146] Mùa đông từ vòng cực Bắc trở lên, có những đêm dài hai mươi bốn giờ, mặt trời không lên khỏi chân trời; đến mùa hè mặt trời mới hiện ra, và nhiều ngày không lặn nữa.

[147] Đó là tên những ngọn núi cao của Thụy Điển, trên miền bắc, thuộc tỉnh Lapland; núi Särjaktjokko 2090 mét, cao thứ nhì nước này sau núi Kebnekaise. Đàn ngỗng trời sinh ra ở các núi này.

[148] Kebnekaise là ngọn núi cao nhất nước Thụy Điển, 2135 mét, ở tỉnh Lapland, tận cùng nước Thụy Điển về phía bắc, nơi sinh ra Akka. Dòng băng là do tuyết vĩnh viễn ở núi cao xứ lạnh không tan mà rã lại thành nước đá rồi trôi hết sức chậm xuống các chân núi: đến đâu mà nhiệt độ trên độ không thì tan ra và nước chảy thành suối.

[149] Gấu ở xứ lạnh, ngủ suốt mùa đông để tránh rét.

[150] Trong nguyên tác: “Truyện cổ tỉnh Härjedalen”.

[151] Núi Stådjan ở phía tây - bắc tỉnh Dalarna, cao 1131 mét.

[152] Tỉnh Värmland ở phía tây-nam tỉnh Dalarna và phía tây tỉnh Västmanland, là quê hương của tác giả, có sông Klarälv chảy qua và đổ vào hồ Venern.

[153] Người Phần Lan ở Thụy Điển họp thành một tộc thiểu số, cư trú trong các miền rừng núi.

[154] Tác giả tả chính cái trại của gia đình mình, nơi mình ra đời và sống trong thời thơ ấu.

[155] Mårbacka là tên cái trại của gia đình Selma Lagerluf. Kỷ niệm thời

thơ ầu ở trại ấy, sau về già tác giả có viết lại thành cuốn hồi kí *Mårbacka* .

[156] Lễ Phục Sinh của đạo Cơ Đốc kỉ niệm ngày chúa Giêsu sống lại sau khi bị hành hình, hàng năm xê dịch từ ngày 22 tháng ba đến ngày 25 tháng tư. Lễ Thánh Gioan kỉ niệm vị thánh đã rửa tội cho Chúa Giêsu, hàng năm cử hành vào ngày 24 tháng sáu.

[157] Trại Mårbacka của gia đình tác giả, vì nghèo túng, chị của Selma đã bán cho người ta từ năm 1885 lúc em còn đi học, đến khi viết truyện này thì đã ngoài hai mươi năm rồi. Lòng nhớ thương nhà cũ mà Selma tả ở đây là rất chân thực.

[158] Năm viết truyện này Selma Lagerluf đã bốn mươi tám tuổi.

[159] Lá đỗ tùng thái nhỏ rắc xuống sàn nhà để cho thơm, đuổi mùi ẩm thấp trong những ngày thu ướt át.

[160] Tiết đại thử ở vùng ôn đới là từ 22 tháng bảy đến 23 tháng tám.

[161] Loại xúc xích to có bỏ nhiều gia vị.

[162] Nén là vật tiêu biểu nhất của lễ Giáng Sinh đối với người Thụy Điển, trước ngày lễ độ một tháng người ta đã giết bò lấy mỡ, rồi nấu cho chảy ra để đúc nén ở mỗi nhà.

[163] Nữ Thánh Lucia tuần đạo năm 304, là Thánh bảo trợ những người thợ may, lễ vào ngày 13 tháng chạp.

[164] J.L. Runeberg (1804-1877) nhà thơ Phần Lan, và E. Tegner (1788-1846) nhà thơ Thụy Điển, đều là tác giả của nhiều thơ trữ tình và ái quốc nổi tiếng.

[165] Mạt lê là một thứ hoa rất thơm, như hoa nhài.

[166] Cương cầm là kiểu dương cầm cổ, tiếng nhỏ.

[167] Truyện truyền văn là truyện nghe người ta kể miệng.

[168] Selma Lagerluf đã tả lại đời sống thật của mình trong thiếu thời, ở trại Mårbacka ngày trước, một cách rất trữ tình.

[169] Bà cầu xin thân phụ có cách gì giúp bà được trở về nhà cũ. Cuốn truyện về Nils bà viết xong năm ấy, thì được giải nhất do chính phủ Thụy Điển tặng; năm sau bà được trường đại học Uppsala, lớn nhất nước Thụy Điển phong học hàm tiến sĩ; hai năm sau được viện Hàn lâm Thụy Điển tặng

giải thưởng Nobel văn chương; tiền các giải thưởng ấy cho phép bà thực hiện ước mong nhiệt thành nhất của bà: chuộc lại trại Mårbacka đã bán cho người ta từ một phần tư thế kỉ.

[170] Värmland, Dalsland và Bohuslän là ba tỉnh miền tây nam Thụy Điển.

[171] Rạn là bãi đá ngầm hay sát mặt nước ở ngoài biển.

[172] Skåne là tỉnh cuối cùng của Thụy Điển ở phía nam, trên bờ biển Baltic trông sang Đan Mạch và Đức; đó là quê hương của Nils.

[173] Uresund giữa tỉnh Skåne và nước Đan Mạch, là lối thông từ biển Baltic ra Bắc Hải.

[174] Thánh Mårten sống trong thế kỉ IV, rất thương người, lễ ngày 11 tháng mười một hàng năm.

[175] Thôn Smyge có mũi Smygahuk là phần đất tận cùng của Thụy Điển ở phía nam.

Mục lục

- [1: Nils Holgersson](#)
- [2: Akka núi Kebnekaise](#)
- [3: Được đi với ngỗng Trong cái trai](#)
- [4: Tòa lâu đài cổ](#)
- [5: Hội múa chim hạc](#)
- [6: Tiết trời mưa](#)
- [7: Một đêm chống ba kẻ thù](#)
- [8: Cảng Karlskrona](#)
- [9: Chuyến đi Oland](#)
- [10: Mũi đất cực nam đảo Oland](#)
- [11: Con bướm lớn](#)
- [12: Trên hòn đảo nhỏ](#)
- [13: Hai thành phố](#)
- [14: Truyền cổ về tỉnh Småland](#)
- [15: Lũ qua khoang](#)
- [16: Bà lão nông dân](#)
- [17: Câu chuyện giữa tầng mây với mặt đất](#)
- [18: Con chim mồi](#)
- [19: Chiếc thuyền con cũ](#)
- [20: Lời tiên đoán](#)
- [21: Miếng vải len thô](#)
- [22: Khu vườn xinh đẹp](#)
- [23: Chó Karr và nai lông xám](#)
- [24: Băng tan](#)
- [25: Việc chia gia tài](#)
- [26: Ở các khu mỏ](#)
- [27: Con gấu với nhà máy thép](#)
- [28: Đêm lễ nữ thánh Valborg](#)
- [29: Trâu lut](#)

[30: Truyền cổ về tỉnh Uppland](#)

[31: Thành phố bơi trên nước](#)

[32: Gorgo, chim đại bàng](#)

[33: Ngày hội rừng](#)

[34: Qua miền rừng](#)

[35: Đây miền Bắc](#)

[36: Åsa, cô bé chặn ngõng, và bé Mats](#)

[37: Ổ xứ sở của người Lapps](#)

[38: Về Nam! Về Nam!](#)

[39: Truyền cổ do con qua kẻ](#)

[40: Cái trại nhỏ](#)

[41: Lên đường ra biển](#)

[42: Trở về Vemmenhög](#)